

Văn Học Việt Nam  
Văn Học Việt Nam.  
Cận và Hiện đại

Tập IV

\*

HUỶNH ÁI TÔNG

LEX041714

\*

MỤC LỤC

Mục Lục .....	3
Lời Tựa .....	5
Chương thứ bảy : Trong nước những nhà văn lớp sau .....	6
Tiết Một: Những nhà văn trong thời kỳ đổi mới .....	8
1. Hoàng Phủ Ngọc Tường (1937-20 ) .....	9
2. Thạch Quỳnh (1941-20 ) .....	35
3. Trần Vàng Sao (1941-20 ) .....	45
4. Hữu Thịnh (1942-20 ) .....	65
5. Nguyễn Thị Ngọc Tú (1942-20 ) .....	85
6. Hoàng Hưng (1942-20 ) .....	109
7. Trần Nhung (1942-20 ) .....	123
8. Đoàn Lê (1943-20 ) .....	139
9. Dương Duy Ngũ (1943-20 ) .....	173
10. Phan Thị Thanh Nhàn (1943-20 ) .....	189
11. Đỗ Chu (1944-20 ) .....	211

HUỶNH ÁI TÔNG

12. Ý Nhi (1944-20 )	225
13. Chu Lai (1946-20 )	237
14. Nguyễn Khắc Trường (1946-20 )	261
15. Thanh Thảo (1946-20 )	283
16. Lê Văn Vọng (1947-20 )	295
17. Trần Mạnh Hào (1947-20 )	317
18. Nguyễn Trọng Tạo (1947-20 )	321
19. Nguyễn Duy (1948-20 )	337
20. Nguyễn Đức Mậu (1948-20 )	349
21. Vũ Đức Sao Biển (1948-20 )	359
22. Lê Thị Mây (1949-20 )	367
23. Văn Lê (1949-20 )	377
24. Dương Hương (1949-20 )	389
25. Ngô Minh (1949-20 )	405
26. Lâm Thị Mỹ Dạ (1949-20 )	425
27. Trung Trung Đĩnh (1949-20 )	439
28. Nguyễn Thụy Kha (1949-20 )	451
29. Lê Minh Khuê (1949-20 )	465
30. Nguyễn Huy Thiệp (1950-20 )	483
31. Thái Thăng Long (1950-20 )	503
32. Nguyễn Đông Thức (1951-20 )	523
33. Phạm Hoa (1952-20 )	539
34. Bảo Ninh (1952-20 )	571
35. Dạ Ngân (1952-20 )	625
36. Đoàn Thị Lam Luyện (1953-20 )	639
37. Trần Thùy Mai (1954-20 )	651
38. Nguyễn Nhật Ánh (1955-20 )	665
39. Nguyễn Trọng Tín (1956-20 )	677
40. Nguyễn Quang Lập (1956-20 )	695
41. Trần Tử Văn (1957-20 )	719
42. Hồ Anh Thái (1960-20 )	705

\*

### Lời tựa

Cũng như những tập sách khác, chúng tôi soạn quyển sách này nhờ những tài liệu trên Mạng như Bách khoa toàn thư mở, Thi Viện, Việt Nam thư quán ... để chúng tôi viết về tác giả, trích những bài truyện ngắn, thơ ca của họ.

Có những tác giả rất trẻ, ít được người khác giới thiệu về đời tư, có những tác giả nằm trong khu vực nhạy cảm, cho nên tiểu sử của họ khó sưu tầm, vì vậy không được chúng tôi đề cập tới, hoặc chỉ giới thiệu sơ lược đôi nét chính mà thôi. Đó là sự giới hạn khách quan, làm cho quyển sách bị thiếu sót, một trong những thiếu sót mà chúng tôi không thể tránh khỏi. Mong được quý độc giả lượng thứ cho.

Những tài liệu chúng tôi dùng trong tập sách này, được sử dụng từ những bài viết của quý tác giả có trên các Trang Mạng, xin quý vị tác giả nhận nơi đây sự biết ơn của chúng tôi, nhờ có những bài viết ấy, mới dựng nên tập sách này.

Trân trọng,

Soạn giả



### **Chương bảy: Văn học Việt Nam từ thời kỳ đổi mới.**

Sau khi thống nhất đất nước Việt Nam năm 1975, nhà cầm quyền đã áp dụng chủ nghĩa cộng sản trên toàn lãnh thổ, chủ nghĩa ấy là chuyên chính vô sản, làm theo năng lực, hưởng theo nhu cầu, nhưng chỉ một thời gian rất ngắn thì xã hội Việt Nam ngày càng nghèo khó.

Do Trung Quốc dưới sự đề xướng Bốn hiện đại hóa và năm 1980 đặc khu kinh tế Thẩm Quyển chứng tỏ đường lối của Đặng Tiểu Bình là đúng. Từ đó Trung Quốc theo đuổi chính sách đổi mới.

Việt Nam đã theo đó để thay đổi, gọi là “đổi mới” từ Đại hội VI vào tháng 12 năm 1986, các ông Trường Chinh, Phạm Văn Đồng, Lê Đức Thọ đồng loạt từ chức. Nguyễn Văn Linh làm Tổng Bí thư, Phạm Hùng làm Chủ tịch Hội Đồng Bộ Trưởng, đến năm 1988 ông Võ Văn Kiệt giữ chức quyền Chủ tịch. Chính sách “đổi mới” của Việt Nam bắt đầu từ Đại hội VI năm 1986.

Về văn học, trước thời kỳ đổi mới, muốn có tên tuổi, muốn trở thành nhà văn, muốn được sống đời văn, người ta phải tuân thủ theo chủ thuyết hiện thực xã hội chủ nghĩa.

## VĂN HỌC VIỆT NAM CẬN VÀ HIỆN ĐẠI IV

Để được bảo đảm người ta thường sáng tác chung quanh đời sống quân ngũ, những hy sinh trên chiến trường vì lý tưởng của thanh niên, những đề tài và nội dung đó bảo đảm không ra ngoài đường lối, chủ trương văn học nghệ thuật của Đảng Cộng sản. Bởi vì trong quân ngũ, người quân nhân được học tập, rèn luyện trở thành con người chân chính vô sản, trong đời sống và mọi hành động để tiến lên xã hội cộng sản.

Đó cũng là khuôn khổ, lối mòn đưa nhiều nhà văn xuất thân từ quân nhân, được báo hay tạp chí của Quân đội nhân dân chọn lọc, giới thiệu, rèn luyện họ, vừa giúp cho cá nhân trở thành nhà văn, vừa bảo đảm chủ trương văn học nghệ thuật của Đảng được chính quy.

Trong thời kỳ đổi mới về kinh tế xã hội chủ nghĩa tiến sang kinh tế thị trường, ở địa hạt văn học cũng có thay đổi. Trước đó, trong thời kỳ chiến tranh và sau chiến tranh nền văn học chủ nghĩa hiện thực xã hội chủ nghĩa, những chủ đề như tính dục, tâm linh, kỳ ảo, vô thức là điều cấm kỵ đối với người cầm bút.

Nhưng từ sau thời đổi mới, nhà văn được cởi trói phần nào, hay họ tự mạo hiểm, thử nghiệm nói rộng sang chủ đề cấm kỵ từ trước. Tuy nhiên, họ phải trả giá cho sự nghiệp văn chương của họ, nói theo thời thượng là vì họ đã chạm đến những vấn đề nhạy cảm.

*Tiết Một: Những nhà văn trong thời kỳ đổi mới*

Trong thời kỳ đổi mới này, có những nhà văn như Hoàng Phủ Ngọc Tường, Nguyễn Thị Ngọc Tú, Đỗ Chu, Ý Nhi, nhà thơ Lâm Mỹ Dạ...

Trong số đó, có những nhà văn như Trần Mạnh Hảo, Nguyễn Thụy Kha viết bài tham gia vào việc đổi mới, người bị khai trừ ra khỏi Đảng, kẻ bị giải ngũ.

Nhưng hai nhà văn Nguyễn Huy Thiệp và Bảo Ninh được người ta nhận thấy đó mới là những nhà văn thật sự đổi mới với truyện ngắn *Tướng về hưu* hay tiểu thuyết *Nỗi buồn chiến tranh*... họ đã đem lại một luồng gió mới cho Văn học Việt Nam từ đó, nhưng cái giá họ trả cũng không phải là nhỏ.



## 1. Hoàng Phủ Ngọc Tường



**Hoàng Phủ Ngọc Tường**

Hoàng Phủ Ngọc Tường sinh ngày 9 tháng 9 năm 1937, tại thành phố Huế, nhưng quê gốc ở làng Bích Khê, xã Triệu Long, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị.

Hoàng Phủ Ngọc Tường học hết bậc trung học ở Huế, ông vào Sài Gòn theo học Đại học.

Năm 1960, tốt nghiệp khóa I ban Việt Hán, Đại học Sư phạm Sài Gòn.

Năm 1964, tốt nghiệp Cử nhân triết Đại học Văn khoa Huế.

Năm 1960-1966, dạy tại trường Quốc Học Huế.

Năm 1966-1975, thoát ly lên chiến khu, tham gia cuộc kháng chiến chống Mỹ và Việt Nam Cộng Hòa, giữ chức Tổng Thư Ký Liên Minh Các Lực Lượng Dân Tộc Dân Chủ Và Hòa Bình

## HUỶNH ÁI TÔNG

Thành Phố Huế, do Lê Văn Hảo làm Chủ tịch, Hòa Thượng Thích Đôn Hậu và bà Nguyễn Đình Chi làm Phó chủ tịch.

Năm 1968, cuộc Tổng tấn công của Cộng sản trên toàn miền Nam, riêng ở Huế từ ngày 30-1-1968 cho đến ngày 24-2-1968, quân Giải phóng mới rút khỏi thành phố Huế. Ngày 25-4-1968, Quân đội Việt Nam Cộng Hòa bắt được một báo cáo của Mặt trận Dân tộc Giải phóng ghi rằng họ đã *"diệt 1.892 nhân viên hành chánh, 38 cảnh sát, 790 tên ác ôn, sáu đại úy, 1 trung úy, 20 thiếu úy và nhiều sĩ quan trừ bị..."* Sau đó, người dân Huế khám phá những mồ chôn tập thể, người ta cho rằng do Cộng sản giết và chôn dấu dùi dập, trong đó có sự nhúng tay của Hoàng Phủ Ngọc Tường, Nguyễn Đắc Xuân... Tuy nhiên, nhà nghiên cứu Nguyễn Đắc Xuân khẳng định là trong suốt thời gian chiến dịch, Hoàng Phủ Ngọc Tường ở chiến khu tại địa đạo Khe Trái trong vùng núi phía tây huyện Hương Trà để làm công việc của Mặt trận Giải phóng, cho nên chuyện Hoàng Phủ Ngọc Tường tham gia tàn sát là điều bịa đặt.

Hoàng Phủ Ngọc Tường trả lời cuộc phỏng vấn của bà Thụy Khuê trên đài RFI vào ngày 12 tháng 7 năm 1997, tại Paris như sau: *"Hàng chục năm nay, mỗi năm cứ tới dịp 30 tháng 4, hoặc dịp Tết thì nhiều tờ báo hải ngoại lại đưa tên tôi ra làm con vật tế thần, bằng cách nói đi nói lại, y như thật, rằng tôi là một tên đồ tể Mậu Thân ở Huế. Thực ra thì đó là một sự bịa đặt, mang ý định vu khống hoàn toàn. Sự thực là tôi đã từ già Huế lên rừng tham gia kháng chiến vào mùa hè năm 1966, và chỉ trở lại Huế sau ngày 26 tháng 3 năm 1975. Như thế nghĩa là trong thời điểm Mậu Thân 1968, tôi không có mặt ở Huế."*

Nhưng đoạn Video, trong một cuộc phỏng vấn *"Interview with Vietnamese Museum Guide 1981"*. WGBH, Open Vault – 1982, có đoạn Hoàng Phủ Ngọc Tường nói: *"Chẳng hạn, nó (Mỹ) đã bỏ bom rơi vào một bệnh viện nhỏ, gần chợ Đông Ba. Nó thả bom làm 200 người vừa chết vừa bị thương. Tôi đã đi*

## VĂN HỌC VIỆT NAM CẬN VÀ HIỆN ĐẠI IV

*trên con đường hầm vào ban đêm, và tôi tưởng rằng tôi đang dẫm trên đồng bùn. Thế mà khi tôi bật cái đèn pile lên, máu khắp mọi nơi. Cả một khu vực bị bỏ bom bởi bom đạn Mỹ bắn phá. Và thế rồi, những ngày cuối cùng khi chúng tôi triệt thoái ra khỏi thành phố, kẻ thù của chúng tôi đã thu lại và đem đi chôn.”*

Điều này cho thấy nhà văn Hoàng Phủ Ngọc Tường và nhà nghiên cứu Nguyễn Đắc Xuân, không thể cãi chính rằng Hoàng Phủ Ngọc Tường không có mặt tại Huế trong Tết Mậu Thân, và như thế có nghĩa là người ta đã nói đúng.

Năm 1978, Hoàng Phủ Ngọc Tường được kết nạp vào Hội Nhà văn Việt Nam.

Ông từng là Tổng thư ký Hội Văn học nghệ thuật Bình Trị Thiên-Huế, Chủ tịch Hội Văn học nghệ thuật Bình Trị Thiên, Tổng biên tập tạp chí *Cửa Việt*.

Hoàng Phủ Ngọc Tường được các giải thưởng văn học:

- Giải thưởng Hội Nhà văn Việt Nam, năm 1980 cho *Rất nhiều ánh lửa*.
- Tặng thưởng Văn học của Ủy ban toàn quốc liên hiệp các Hội Văn học nghệ thuật Việt Nam, năm 1999, năm 2008.
- Tặng thưởng Văn học Hội Nhà văn Việt Nam năm 2001, cho *Miền gái đẹp*
- Giải A giải thưởng Văn học Nghệ thuật Cổ đô năm 1998-2003.
- Giải thưởng Nhà nước về Văn học nghệ thuật, năm 2007

Nhà văn Hoàng Phủ Ngọc Tường bị tai biến từ nhiều năm trước, cuối năm 2011, ông và vợ là nhà thơ Lâm Thị Mỹ Dạ từ già Huế, vào Sài Gòn sống với gia đình con gái lớn là Hoàng Dạ Thư, công tác tại nhà xuất bản Trẻ.

Tác phẩm:

- *Ngôi sao trên đỉnh Phu Văn Lâu* (1971)
- *Những dấu chân qua thành phố* (thơ, 1976)
- *Rất nhiều ánh lửa* (1979)
- *Ai đã đặt tên cho dòng sông* (Thuận Hóa, Huế, 1984)
- *Bản di chúc của cỏ lau* (truyện ký, 1984)
- *Người hái phù dung* (thơ, 1992)
- *Hoa trái quanh tôi* (1995)
- *Huế - di tích và con người* (1995)
- *Nhàn đàm* (Trẻ, 1997)
- *Người ham chơi* (Thuận Hóa, 1998)
- *Ngọn núi ảo ảnh* (2000)
- *Trong mắt tôi* (bút ký phê bình, 2001)
- *Rượu hồng đào chưa uống đã say* (truyện ký, 2001)
- *Miền gái đẹp* (Thuận Hóa, 2001)
- *Tuyển tập Hoàng Phủ Ngọc Tường* (4 tập, Trẻ, 2002)
- *Trịnh Công Sơn và cây đàn lya của hoàng tử bé* (bút ký văn hóa, 2005)
- *Miền cỏ thơm* (2007)
- *Ai đã đặt tên cho dòng sông* (bút ký, Hội nhà văn, 2010)

Trích văn:

### **Ai đã đặt tên cho dòng sông**

Xuân hạ thu đông tôi vẫn thường lên thăm vườn An Hiên của bà Tùng ở Kim Long. Khu vườn xưa cỏ sẫm ươt, mùa nào cũng có những loài hoa đang nở, những trái cây đang chín, nhưng luôn toả sáng thần thái yên tĩnh và khoáng đạt, giống như một tự do nội tâm.

Ngày xưa, Nguyễn Du đã sống rất lâu ở vùng này, và bây giờ, trước sân nhà bà Tùng vẫn toả bóng một cây hồng cô, giống hồng Tiên Điền nổi tiếng mà chính cụ Nghè Mai, cháu nội cụ

Nguyễn Du đã tặng cho gia đình bà. Mùa thu tôi ngồi đọc Kiều dưới mái rêu phong của chiếc cổng vòm quay mặt ra sông ăn những trái hồng ngọt và thanh đến độ tưởng như mỗi miếng vừa ngậm vào nửa chừng đã tan thành dư vang của một tiếng chim. Tôi đọc sách trong trạng thái vừa thích thú vừa lơ đãng, miên man trong vẻ đẹp của dòng sông đang đổi sắc không ngừng dưới ánh nắng và trong mùi hương trốn tìm của hoa trái trong vườn.

Chính trong những giờ phút bồng bềnh giữa cõi thực và cõi thơ ấy, tôi đã cảm nhận ra cái âm hưởng sâu thẳm của Huế trên mỗi trang truyện Kiều: dòng sông đáy nước in trời và những nội cỏ thơm, nắng vàng khói biếc, nỗi u hoài của dương liễu và sắc đẹp nồng nàn của hoa trà mi, những mùa thu quan san, những vàng trắng thắm thiết...

Một trăm năm mươi năm, (rồi nữa ba trăm năm sau), nhà thơ đã qua đời, mà vẫn trời ấy, vẫn đất ấy, cỏ hoa vẫn y nguyên quanh chỗ tôi ngồi. Thiên nhiên của mảnh đất Kinh- xưa đã để lại một cái bóng mờ lung nhưng rất dễ nhận ra trong thơ Nguyễn Du. Ngược lại, chính sông Hương và thành phố của nó vẫn gọi cho tôi, như một vang bóng trong thời gian, hình tượng của cặp tình nhân lý tưởng của truyện Kiều: tìm kiếm và đuổi bắt, hào hoa và đam mê, thi ca và âm nhạc, và cả hai cùng gắn bó với nhau trong một tình yêu muôn thuở.

Trong những dòng sông đẹp ở các nước mà tôi thường nghe nói đến, hình như chỉ sông Hương là thuộc về một thành phố duy nhất. Trước khi về đến vùng châu thổ êm đềm, nó đã là một bản trường ca của rừng già, rậm rộ giữa bóng cây đại ngàn, mãnh liệt qua những ghênh thác, cuộn xoáy như cơn lốc vào những đáy vực bí ẩn, và cũng có lúc nó trở nên dịu dàng và say đắm giữa những dặm dài chói lọi màu đỏ của hoa đỗ quỳên rừng.

## HUỶNH ÁI TÔNG

Giữa lòng Trường Sơn, sông Hương đã sống một nửa cuộc đời của mình như một cô gái Digan phóng khoáng và man dại. Rừng già đã hun đúc cho nó một bản lĩnh gan dạ, một tâm hồn tự do và trong sáng. Nhưng chính rừng già nơi đây, với cấu trúc đặc biệt có thể lý giải được về mặt khoa học, đã chế ngự sức mạnh bản năng ở người con gái của mình để khi ra khỏi rừng, sông Hương nhanh chóng mang một sắc đẹp dịu dàng và trí tuệ, trở thành người mẹ phù sa của một vùng văn hóa xứ sở.



Xuôi dòng Hương Giang

Ảnh: Otofun

Nếu chỉ mãi mê nhìn ngắm khuôn mặt kinh thành của nó, tôi nghĩ rằng người ta sẽ không hiểu một cách đầy đủ bản chất của sông Hương với cuộc hành trình gian truân mà nó đã vượt qua, không hiểu thấu phần tâm hồn sâu thẳm của nó mà dòng sông hình như không muốn bộc lộ, đã đóng kín lại ở cửa rừng và ném chìa khóa trong những hang đá dưới chân núi Kim Phụng.

Phải nhiều thế kỷ qua, người tình mong đợi mới đến đánh thức người con gái đẹp nằm ngủ mơ màng giữa cánh đồng Châu Hóa đầy hoa dại. Nhưng ngay từ đầu vừa ra khỏi vùng núi, sông Hương đã chuyển dòng một cách liên tục, vòng những khúc quanh đột ngột, uốn mình theo những đường cong thật mềm, như một cuộc tìm kiếm có ý thức để đi tới nơi gặp thành phố tương lai của nó.

Từ ngã ba Tuần, sông Hương theo hướng nam - bắc qua điện Hòn Chén; vấp Ngọc Trản, nó chuyển hướng sang tây - bắc, vòng qua thềm đất bãi Nguyệt Biều, Lương Quán rồi đột ngột vẽ một hình cung thật tròn về phía đông - bắc, ôm lấy chân đồi Thiên Mụ, xuôi dần về Huế. Từ Tuần về đây, sông Hương vẫn đi trong dư vang của Trường Sơn, vượt qua một lòng vực sâu dưới chân núi Ngọc Trản, để sắc nước trở nên xanh thắm, và từ đó nó trôi đi giữa hai dãy đồi sừng sững như thành quách, với những điểm cao đột khởi như Vọng Cảnh, Tam Thai, Lư Bảo mà từ đó, người ta luôn luôn nhìn thấy dòng sông mềm như tấm lụa, với những chiếc thuyền xuôi ngược chỉ bé vừa bằng con thoi.

Những ngọn đồi này tạo nên những mảng phản quang nhiều màu sắc trên nền trời tây - nam thành phố, “sớm xanh, trưa vàng, chiều tím” như người Huế thường miêu tả. Giữa đám quần sơn lô xô ấy, là giấc ngủ nghìn năm của những vua chúa được phong kín trong lòng những rừng thông u tịch, và niềm kiêu hãnh âm u của những lăng tẩm đồ sộ tỏa lan khắp cả một vùng thượng lưu “bốn bề núi phủ mây phong - mảnh trăng thiên cổ, bóng tùng vạn niên”. Đó là vẻ đẹp trầm mặc nhất của sông Hương, như triết lý, như cổ thụ, kéo dài mãi đến lúc mặt nước phẳng lặng của nó gặp tiếng chuông chùa Thiên Mụ ngân nga tận bờ bên kia, giữa những xóm làng trung du bát ngát tiếng gà...

## HUỶNH ÁI TÔNG

Từ đây, như đã tìm đúng đường về, sông Hương vui tươi hẳn lên giữa những biển bãi xanh biếc của vùng ngoại ô Kim Long, kéo một nét thẳng thực yên tâm theo hướng tây nam - đông bắc, phía đó, nơi cuối đường, nó đã nhìn thấy chiếc cầu trắng của thành phố in ngần trên nền trời, nhỏ nhắn như những vành trăng non.

Giáp mặt thành phố ở Cồn Giã Viên, sông Hương uốn một nhánh cung rất nhẹ sang đến Cồn Hến; đường cong ấy làm cho dòng sông mềm hẳn đi, như một tiếng “vâng” không nói ra của tình yêu. Và như vậy, giống như sông Xen của Paris, sông Đanuýp của Budapet, sông Hương nằm ngay giữa lòng thành phố yêu quý của mình; Huế trong tổng thể vẫn giữ nguyên dạng một đô thị cổ, trải dọc hai bờ sông.



Dòng Hương về đêm

Đầu và cuối ngõ thành phố, những nhánh sông đào mang nước sông Hương tỏa đi khắp phố phường với những cây đa, cây dừa cổ thụ tỏa vầng lá u sầm xuống xóm thuyền xúm xít; từ những nơi ấy, vẫn lập lờ trong đêm sương những ánh lửa thuyền chài của một linh hồn mô tê xưa cũ mà không một thành phố hiện



đại nào còn nhìn thấy được. Những chi lưu ấy cùng với hai hòn đảo nhỏ trên sông đã làm giảm hẳn lưu tốc của dòng nước, khiến cho sông Hương khi đi qua thành phố đã trôi đi chậm, thật chậm, cơ hồ chỉ còn là một mặt hồ yên tĩnh.

Tôi đã đến Leningrad, có lúc đứng nhìn sông Nêva cuốn trôi những đám băng lô xô nhấp nháy trăm màu dưới ánh sáng của mặt trời mùa xuân; mỗi phiến băng chở một con hải âu nghịch ngợm đứng co lên một chân, thích thú với chiếc thuyền xinh đẹp của chúng; và đoàn tàu tốc hành lạ lùng ấy với những hành khách tí hon của nó băng băng lướt qua trước cung điện Peterburg cũ để ra bể Bantich.

Tôi vừa từ trong khói lửa miền Nam đến đây, lâu năm xa Huế, và chính Leningrad đã đánh thức trong tâm hồn tôi giấc mơ lộng lẫy của tuổi đại; ôi tôi muốn hóa làm một con chim nhỏ đứng co một chân trên con tàu thủy tinh để đi ra biển. Tôi cuống quýt vẫy tay, nhưng sông Nêva đã chảy nhanh quá, không kịp cho lũ hải âu nói một điều gì với người bạn của chúng đang ngẩn ngơ trông theo.

Hai nghìn năm trước, có một người Hi Lạp tên là Hêracolit, đã khóc suốt đời vì những dòng sông trôi đi qua nhanh, thế vậy! Lúc ấy, tôi nhớ lại con sông Hương của tôi; chợt thấy quý điệu chảy lặng lẽ của nó khi ngang qua thành phố... Đây là điệu slow tình cảm dành riêng cho Huế, có thể cảm nhận được bằng thị giác qua trăm nghìn ánh hoa đăng bồng bềnh vào những đêm hội rằm tháng bảy từ điện Hòn Chén trôi về, qua Huế bỗng ngập ngừng như muốn đi muốn ở, chao nhẹ trên mặt nước như những ván vương của một nỗi lòng.

Hình như trong khoảnh khắc chùng lại của sông nước ấy, sông Hương đã trở thành một người tài nữ đánh đàn lúc đêm khuya. Đã nhiều lần tôi thất vọng khi nghe nhạc Huế giữa ban ngày hoặc trên sân khấu nhà hát. Quả đúng như vậy, toàn bộ nền âm

nhạc cổ điển Huế đã được sinh thành trên mặt nước của dòng sông này, trong một khoang thuyền nào đó, giữa tiếng nước rơi bán âm của những mái chèo khuya.

Nguyễn Du đã bao năm lênh đênh trên quãng sông này, với một phiến trăng sầu và từ đó những bản đàn đã đi suốt đời Kiều. Tôi đã chứng kiến một người nghệ nhân già, chơi đàn hết nửa thế kỷ, một buổi tối ngồi nghe con gái đọc Kiều, “*Trong như tiếng hạc bay qua - đục như tiếng suối mới sa nửa vời*”... Đến câu ấy, người nghệ nhân chợt nhồm dậy vỗ đùi, chỉ vào trang sách Nguyễn Du mà thốt lên: “Đó chính là Tứ đại cảnh!”.

Rời khỏi kinh thành, sông Hương chéch về hướng chính bắc, ôm lấy đảo Cồn Hến quanh năm mơ màng trong sương khói, đang xa dần thành phố để lưu luyến ra đi giữa màu xanh biếc của tre trúc và của những vườn cau vùng ngoại ô Vỹ Dạ. Và rồi, như sức nhớ lại một điều gì chưa kịp nói, nó đột ngột đổi dòng, rẽ ngoặt sang hướng đông - tây để gặp lại thành phố lần cuối ở góc thị trấn Bao Vinh xưa cổ. Đối với Huế, nơi đây chính là chỗ chia tay đôi xa ngoài mười dặm trường đình.

Riêng với sông Hương, vốn đang xuôi chảy giữa cánh đồng phù sa êm ái của nó, khúc quanh này thực bất ngờ biết bao. Có một cái gì rất lạ với tự nhiên và rất giống con người ở đây; và để nhân cách hóa nó lên, tôi gọi đây là nỗi vương vấn, cả một chút lẳng lơ kín đáo của tình yêu. Và giống như nàng Kiều trong đêm tình tự, ở ngã rẽ sông này, sông Hương đã chí tình trở lại tìm Kim Trọng của nó, để nói một lời thề trước khi về biển cả: “Còn non - còn nước - còn dài. Còn về - còn nhớ...”. Lời thề ấy vang vọng khắp lưu vực sông Hương thành giọng hò dân gian; ấy là tâm lòng người dân nơi Châu Hóa xưa mãi mãi chung tình với quê hương xứ sở.

“Dòng sông và những đầm phá của nó, những dòng kênh uốn lượn qua thành phố cùng với tư thái của những ngôi nhà nằm

giữa những khu vườn xanh tươi, tất cả mang lại cho Huế một vẻ trong sáng đầy thơ thái, dành riêng cho cảm hứng nghệ thuật và tri thức. Huế đã là và vẫn còn là một trung tâm của nền văn hóa Việt Nam... Vẻ đẹp của Huế và lịch sử mà nó làm chứng đã ban cho thành phố Huế mang một sức hấp dẫn về văn hóa và du lịch có tầm quốc gia và quốc tế”.

Không phải là một đoạn văn, đây là một văn kiện chính xác của Liên Hiệp Quốc, do Ban thư ký của UNESCO soạn, đăng trên tạp chí Di Sản Văn Hóa số mới đây. Tuy nhiên, tôi đã đọc nó với sự rung động thẩm mỹ của tâm hồn: qua đây, tôi thấy hiện bóng khuôn mặt tươi trẻ và quyến rũ của dòng sông thành phố giữa lòng thế giới hiện đại. Người ta đã nhìn khắp Trái đất và đã không quên được nó, dòng sông Việt Nam nhỏ nhắn chỉ dài gần một trăm kilômet từ nguồn đến biển...

Hiển nhiên là sông Hương đã sống những thế kỷ quang vinh với nhiệm vụ lịch sử của nó, từ thuở nó còn là một dòng sông biên thùy xa xôi của đất nước các vua Hùng. Trong sách địa dư của Nguyễn Trãi, nó mang tên là Linh Giang, dòng sông viễn châu đã chiến đấu oanh liệt bảo vệ biên giới phía nam của Tổ quốc Đại Việt qua những thế kỷ trung đại. Thế kỷ 18, nó về vang soi bóng kinh thành Phú Xuân của người anh hùng Nguyễn Huệ; nó sống hết lịch sử bi tráng của thế kỷ 19 với máu của những cuộc khởi nghĩa, và từ đây sông Hương đã đi vào thời đại Cách mạng Tháng Tám bằng những chiến công rung chuyển.

Sông Hương là vậy, dòng sông của thời gian ngân vang, của sử viết giữa màu cỏ lá xanh biếc. Khi nghe lời gọi, nó biết cách tự biến đời mình làm một chiến công, để rồi nó trở về với cuộc sống bình thường, làm một người con gái dịu dàng của đất nước. Thỉnh thoảng, tôi vẫn còn gặp trong những ngày nằng đem áo ra phơi, một sắc áo cưới của Huế ngày xưa, rất xưa: màu áo lục điều với loại vải vân thưa màu xanh trầm lồng lên

một màu đỏ ở bên trong, tạo thành một màu tím ẩn hiện, thấp thoáng theo bóng người, thưở ấy các cô dâu trẻ vẫn mặc sau tiết sương giáng. Đây cũng chính là màu của sương khói trên sông Hương, giống như tấm voan huyền ảo của tự nhiên, sau đó ẩn giấu khuôn mặt thực của dòng sông...

Có một dòng thi ca về sông Hương, và tôi hi vọng đã nhận xét một cách công bằng về nó khi nói rằng dòng sông ấy không bao giờ tự lặp lại mình trong cảm hứng của các nghệ sĩ. Mỗi nhà thơ đều có một khám phá riêng về nó: từ xanh biếc thường ngày, nó bỗng thay màu thực bất ngờ, “dòng sông trắng - lá cây xanh” trong cái nhìn tinh tế của Tản Đà, từ tha thiết mơ màng nó chợt nhiên hùng tráng lên “như kiếm dựng trời xanh” trong khí phách của Cao Bá Quát; từ nổi quan hoài vạn cổ với bóng chiều băng lãng trong hồn thơ Bà Huyện Thanh Quan, nó đột khởi thành sức mạnh phục sinh của tâm hồn, trong thơ Tố Hữu. Và ở đây, một lần nữa, sông Hương quả thực là Kiều rất Kiều, trong cái nhìn thẩm thiết tình người của tác giả Từ ấy.

Có một nhà thơ từ Hà Nội đã đến đây, tóc bạc trắng, lặng ngắm dòng sông, ném mầu thuốc lá xuống chân cầu, hỏi với trời, với đất, một câu thật băng khuâng:

**- Ai đã đặt tên cho dòng sông?**

Từ ngã ba Sinh, theo tả ngạn sông Hương, đi sâu vào các làng khoảng dặm cây số là đến làng Thành Trung. Đây là mảnh đất thủ phủ Châu Hoá xưa mà tung tích chỉ còn loáng thoáng trên những sử liệu cũ. Gặp nhau ở hội vật võ làng Sinh mùa xuân này, Ngạc và tôi hẹn nhau trở lại trong một chuyến đi tìm Châu Hoá, vùng bên kia sông. Ngạc đang dạy sử ở đại học. Còn tôi: cái vũ đài quyết liệt dựng trước sân ngôi đình cổ kia đã khiến tôi liên hệ đến bản lĩnh đánh cận chiến của những dũng sĩ đứng trên miền cửa khẩu chuyên đánh địch trong những khoang thuyền. Tôi đã có dịp xem hội vật Đông Anh và Kiếp Bạc, nay

đến hội vật Sinh, những nơi mà ông cha đã trải nhiều đời đánh giặc trên sông nước; và từ đây, hai tiếng “Hoá Châu” cổ xưa kia bỗng vang dội trong tôi bằng sức mạnh của chiến trường.

Ngạc về Thành Chung từ mấy hôm trước, cùng với một đoàn sinh viên khoa Sử đi khảo sát dã ngoại. Một chú bé trong làng dẫn tôi đi tìm Ngạc, theo một con đường đất cao, chạy dọc một dòng sông nhỏ, như dáng một con đê. Chú bé dừng lại trước một vực nước rộng, chỗ dòng sông đột ngột cắt ngang con đường và chỉ tay xuống cái vực thẳm ấy, không nói gì cả.

- Lợi sang bên kia hả? Tôi hỏi

- Thầy Ngạc ở dưới ấy- chú bé dứt lời đã nhảy lên lưng con trâu của chú đang gặm cỏ gần đây, ngồi vắt hai chân sang một bên, vừa nhai mía vừa quay mũi trâu trở lại. Tôi nhìn xuống vực nước, thấy bùn quẩn lên đục ngầu, sôi động; quả là có một người nào đang ngụp lặn ở ấy. Ngạc ngoi đầu lên vuốt mặt cười, hàm răng trắng và rộng thêm trên khuôn mặt đã đem cháy đi rất nhanh và gian nan.

- Cậu làm gì mà lặn lội ở dưới ấy? Liệu có chộp được con cá nào thời cô sử còn lại trong cái vực ấy không, mình có mang theo chai rượu đây.

- Có cái còn quý hơn cá nhiều.

Ngạc trả lời lúng lờ, theo thói quen nhà nghề của những nhà nghiên cứu vừa nắm được những tài liệu quý không muốn ai đụng đến. Nói vậy thôi, hai đứa tôi là bạn thân thời thơ ấu; hồi ấy Ngạc là đội viên tí hon của đoàn thiếu nhi Việt Dũnghoạt động ở nội thành Huế trong kháng chiến chống Pháp, còn tôi là nhi đồng cứu quốc ở vùng quê vừa lên, trở thành người cộng tác trung thành chưa bao giờ làm Ngạc phiền lòng trong những nhiệm vụ bí mật của cậu. Ngạc nói với lên:

- Cậu ngồi chờ mình tắm xong. Mình sẽ cho cậu thấy, có cái còn làm cậu khoái hơn cá nhiều. Còn chai rượu của cậu thì ông cụ trong nhà đã lo giúp. Món rau mùi của làng Châu Hoá này vốn thơm ngát kinh thành từ nhiều thế kỷ rồi mà.

- Sinh viên đâu cả rồi, sao cậu lại một mình ở đây?

- Ô...có những việc mình muốn tự làm lấy.

Tôi ngồi bệt xuống cỏ dại. Tôi vẫn thường nhận thấy ở Ngạc nổi say mê ấy của những nhà khảo cổ: muốn sờ thấy bằng chính bàn tay mình, những trầm tích của quá khứ, ngay giây phút đầu tiên khi chúng còn ướt đầm những lớp rêu của thời gian, giống như người thợ gốm muốn in dấu tay của mình lên chất đất sét còn ướt.

Chúng tôi trở lại làng, trên con đường đất chi chít những mả chạy thẳng tắp qua giữa cánh đồng, và ngồi lại trước một ngôi mộ cổ; bia mộ khá lớn, đề niên hiệu thời Lê. Ngạc nói, giọng chính xác:

- Con đường đất đắp cao này, khoảng ba mét trên mặt đất, gọi là Cồn Mồ, là nghĩa địa của làng Thành Trung. Nó chính là cái nền còn lại của thành Hoá Châu cũ: đoạn bị cắt ngang ở đằng kia là cổng thành. Mình đã sờ thấy bốn chiếc cột lớn, chắc là những trụ cừ bằng gỗ lim, cắm sâu vào đáy bùn ở vực nước lúc này.

Ngạc rút từ trong tập tài liệu đã thu hoạch được, những hình ảnh ghi chép khá chi tiết trên thực địa, của một khu thành cổ, với những con số đo đạc tỉ mỉ theo phương pháp khảo cổ.

Đó là một khu thành hình chữ thập, ngoảnh mặt ra sông Hương ở phía nam, dài-rộng khoảng hai cây số vuông, có bốn cửa

chính, với một hệ thống những con kênh vây bọc bốn phía sát chân thành; toàn bộ làng Thành Trung nằm nguyên vẹn trong khung thành ấy. Tên những đám ruộng và cồn mả của làng vẫn còn mang hào quang xa xôi của toà thành cổ: Thành Dọc, Thành Ngang, Công Đường, Vạt Kho...Dưới lòng đất những viên gạch lát và gạch vồ còn nguyên vẹn cùng những đá học làm móng, tất cả được chất dồn lại quanh chỗ chúng đang ngồi. Các làng An Thành, Tiền Thành, Tây Thành ở chung quanh và con sông Kinh Dao cắt ngang giữa làng: Những cái tên ấy đều mang một ý nghĩa địa lý và lịch sử khẳng định một cách rõ ràng vị trí của khu thành Châu Hoá này.

- Tất cả những gì còn lại trên mảnh đất đủ để cho phép chúng ta mới hình dung ra tầm vóc uy nghi của thành cổ Châu Hoá, ngay chính nơi ngã ba sông này.

Ngạc vừa nói, vừa lật sổ tay, đọc chậm rãi:

*- Sông cái Đan Điền chảy qua phía Tây, lại có một dòng sông con chảy vào trong thành, phía hữu con sông ấy la liệt những trường học, nha môn, đồ thừa phủ Triệu Phong. Sông cái Kim Trà rót vào phía Nam, đập lớn, chầm to nghìn vạn khoảnh. Các dòng nước bao bọc cả bốn bên giữa có một toà thành trăm nhận, sừng sững như một đám mây dài... Hình ảnh của nó theo Ô Châu Cận Lục là như vậy- Ngạc nói tiếp- cách đây bốn trăm năm.*

Về đây, tôi mới nhận ra cái thế đứng sinh tử của chiến lũy biên phòng này, gắn liền với vai trò chiến lược Châu Hoá xưa. Thời ấy, đường bộ cực kỳ hiểm trở, tất cả bọn xâm lược muốn vào Hoá Châu chủ yếu đều phải theo đường biển. Dù sao bằng cửa Thuận An hay cửa Tư Hiền, chúng vẫn phải đến ngã ba sông này, để từ đây hoặc đổ ra cửa bắc theo sông Bồ, hoặc vào phía Nam theo sông Hương. Rốt cuộc, chúng vẫn buộc phải dân thân trước mũi giáo của người dũng sĩ Châu Hoá đứng trên

dưới chân toà thành này, không còn con đường nào khác. Đứng uy nghiêm soi bóng trên sông Hương, thành Hoá Châu quả là một ả Chi Lăng ở phía Nam Tổ quốc; và cũng giống như cửa ả anh hùng này, nó trở thành nỗi sợ hãi của bọn xâm lược qua các thời đại. Thuở ấy, tên tướng Hán, Mã Viện kéo rê lưới gươm binh định tắm máu khắp Giao Chi, đến Đèo Ngang hấn nhìn xuống cái lòng chảo hun hút đầy sấm sét và mây mù của quân Nhật Nam liền quay đầu ngựa. Bảy năm sau khi đánh bại nhà Hồ, bọn tướng Minh mới dám tìm đường quay lại Châu Hoá; con cáo già Mộc Thạnh thoái thác không dám mò vào, còn con cọp đói Trương Phụ vốn liều mạng đến thế, đã phải thốt ra nỗi khiếp sợ tận tâm can: “Ta sống ở Hoá Châu mà chết cũng ở Hóa Châu...” Thuở ấy, khi Thăng Long bị giặc chiếm, thành Châu Hoá này nghiêm nhiên trở thành thủ phủ của nước Đại Việt kháng chiến thời hậu Trần; Châu Hoá vẫn là mảnh đất gìn giữ nền độc lập thiêng liêng của Tổ quốc. Một trăm năm mươi năm sau đó, trước công ngôi thành cổ này, nhắc lại cuộc chiến đấu oanh liệt của hai cha con anh hùng Đặng Tất và Đặng Dung, ngòi bút của tác giả *Ô Châu Cận Lục* còn tràn đầy cảm khái: *“Cả hai đều tận tâm kiệt lực, đánh giặc cứu nước, nâng vận nước khi sắp hết, chống nhà lớn lúc đã xiêu...- thực giống cảnh đêm tối gió mưa mà gà vẫn gáy”*. Cho đến lúc bờ biển Châu Á rầm rộ tàu đồng phương Tây vào giữa thế kỷ mười bảy, chính ngôi thành gan góc này đã dạy cho chúng bài học đầu tiên về điều mà toàn thế giới ngày nay gọi là “sức mạnh Việt Nam”: những chiếc thuyền ô của thủy quân Châu Hóa, xuất phát từ ngã ba sông này, đã tiêu diệt cả hạm đội của thực dân Hoà Lan, thời bấy giờ vẫn xưng hùng trên khắp đại dương rằng “chỉ biết sức mạnh của Thượng Đế”. Châu Hoá! Tổ quốc đã trao cho nó một mảnh đất đứng giữa ngã ba sông này, và nó đã trụ vững ở đây qua bão táp của bao thế kỷ, giống như một hòn đảo huyền thoại. Châu Hoá! Chiều nay, tôi muốn gọi nó bằng cái tên quang vinh một lần đất nước đã tuyên dương, “Vạn lý Trường Thành ở Phương Nam”, như trong những ghi chép của Lê Quý Đôn.



Tôi nhắc một viên gạch tím thẫm màu gan gà mà Ngạc đã đào được từ dưới ruộng của làng Thành Trung; viên gạch dẫn lại muốn tuột khỏi tay tôi, và tôi hoàn toàn bất ngờ về sức nặng của nó.

- Mà đã bao nhiêu tuổi, hồi viên gạch cổ? Tôi thăm hỏi trong trí. Ngạc nói, như trả lời tôi:

- Dưới con mắt chiến lược thời cổ, vị trí quốc phòng của ngôi thành này là duy nhất, chỉ có thể ở nơi này và không thể ở nơi khác, giống như là tất định. Vì vậy, có thể là người Việt đã xây đắp nó từ rất lâu đời, trước cả thời Châu Ô Châu Lý. Trước Bà Triệu, Chu Đạt khởi nghĩa ở Cửu Chân, bị đàn áp, rút vào Nhật Nam đắp thành bằng đất, chiến đấu thêm ba năm nữa. Biết đâu, lại chẳng phải là chính ngay trên ngã ba sông này?

- Chính là nhờ mang một bản lĩnh Việt sâu sắc như vậy mà nó có khả năng tổng hợp thành cái mới rất mạnh mẽ, không bị thu hút trước sự gặp gỡ với nền văn hoá hải đảo từ phía Nam Thái Bình Dương. Mình nghĩ rằng vùng đất hạ lưu sông Hương này chính là cái nôi của truyền thống văn hoá Phú Xuân mà chúng ta đang tìm kiếm...

Tôi tiếp lời Ngạc trong những ý nghĩa bất chợt.

Xét về mặt lịch sử đô thị, thành phố đầu tiên đã được xây dựng ở chính nơi này, trải hơn ba trăm năm giữ nước kiên cố, phong hoá giàu đẹp. Ba trăm năm cũ, vẫn còn sống trong tâm trí tôi hình ảnh vị nguyên soái già ngồi mài gươm dưới chân thành, ánh trăng thế kỷ lay động trong giọng thơ chính khí:

*Thù nước chưa xong đầu đã bạc  
Gươm mài bóng nguyệt biết bao lần...*

## HUỶNH ÁI TÔNG

Chắc là hồi đó, dân gian đã gọi chốn dinh thành Châu Hoá của mình bằng cái tên đơn sơ như bây giờ, là Huế.

*“Suốt một ngày băng đồng dưới những trận mưa ca nông chom của hạm đội Bảy, mở những đoạn đường máu, lách đội hình càn quét của sư đoàn kỵ binh bay, chúng tôi đều mệt lử, chỉ mong đến chỗ nghỉ. Người giao liên chột dừng lại, nói gọn lỏn:*

*- Tới làng rồi!*

*Tôi nhìn ra chung quanh, không thấy bóng “làng” đâu cả, vẫn chỉ là mặt đất trơ trụi dưới ánh pháo sáng trắng xoá trong cơn mưa. Nghĩ đến tiếng “sắp tới” của giao liên miền núi, tôi phát ớn, chuẩn bị tinh thần để “cuốc” tiếp, có khi đến nửa đêm. Nhưng đã tới nơi thực, “làng” chỉ cách năm bước dưới chân tôi: người giao liên ấy tôi xuống miệng hầm vào bên trong, khô ráo, ấm áp. Tôi nhận ra dưới ánh đèn lò mờ, người dẫn đường chúng tôi suốt buổi tối này là một cụ già trên sáu mươi tuổi, râu thưa, mặc quần cộc, lưng trần, bùn bết lên tận trán.*

*- Chú vẫn bám trụ với anh em, sức chú dẻo dai thực!*

*- Chỉ con nít với bà già là đi tản cư, còn cả làng ở lại không thiếu một hộ, phải chi mình tôi!*

*Chú quay ra cửa hầm để đi tắm, vừa nói làu bàu:*

*- Tụi bây có sức thì cứ đào cho hết đất làng, xúc xuống hạm đội chở về đổ bên Mỹ. Làm cho được rồi hãy nói tới chuyện bình định cái đất Hoá Châu này...*

*“Đất Hoá Châu...Anh nghe có lạ không”.*

Đây là những dòng thư của Nguyễn Khoa Điềm viết cho tôi trong lửa đạn của mùa xuân 1968. Sau đó tôi đọc những bài thơ của Điềm về đất ngoại ô, cũng viết từ vùng sâu này.

Tôi chưa về Thành Trung bao giờ, đây là lần đầu. Nhưng từ độ ấy, qua sự kiện của ngôi làng nhỏ trong thư của Điềm, những anh hùng tráng sĩ của Hoá Châu thời xưa như đã tái sinh thành những con người mà tôi đã gặp trong chiến dịch. Cổ kim trà trộn trong tôi thành những kỷ niệm quán quýt; ai ngày xưa, ai bây giờ, lịch sử vẫn tươ rói khuôn mặt của người cùng thời. Dân làng ở đây kể rằng thuở ấy, khi đi tìm đất lập làng, vị khai khẩn đã mang theo một nắm hạt cải vãi dọc theo bước đi. Suốt một dải đất dài ven sông Hương mà ông đã đi qua, chỉ có một vùng đất ở đáy hạt giống mọc thành những đám rau xanh tốt, chính là làng Thành Trung bây giờ. Từ ấy, trên nền thành Châu Hoá cũ, Thành Trung đã trở thành một ngôi làng thom, với nghề trồng rau nổi tiếng. Gần hai trăm năm nay, người Thành Trung không biết nghề làm ruộng; tất cả ruộng của làng này đã bị Gia Long xem như đất quan phòng, lấy giao cho làng Thê Lại, để bù vào vùng đất đã bị trưng dụng làm hoàng thành Huế. Mãi đến năm năm mới đây, cách mạng về mới mang trả ruộng đất Thành trung cho người Thành Trung. Cũng vì không có ruộng, dân làng Thành Trung đã trở thành những người trồng rau giỏi giang không ai sánh nổi, cuộc sống vẫn ung dung trên vuông sân nhỏ của mỗi gia đình, Thành Trung không trồng bầu trong vườn, giàn bầu chỉ chiếm khoảng trống giữa hai hàng rào chè tàu, che rợp những con đường xóm; trái vẫn dài chắm đất, phải núa xiên vào vườn để khỏi đụng người đi. Mỗi nhà đều có một giàn mướp chạy dọc hàng hiên, thành một cái lồng hộp phủ kín lá xanh che mát mặt tiên. Bên trong mỗi chiếc lồng như vậy- tôi đã ghé nhìn và không xiết ngạc nhiên- trong ánh sáng dịu của nắng dưới lá, chỉ chút cơ man nào là trái, như thể là người ta đã hái trái ở mọi nơi đem treo vào đây để mà ngắm cho sướng mắt, như trẻ con chơi đèn lồng vào dịp tết Trung thu. Chỉ như thế, còn tất cả đất và ánh sáng của mỗi khu vườn

## HUỶNH ÁI TÔNG

đều dành riêng cho rau. Đủ loại: cải, ngô, rau thơm, rau quế, tần ô... tươi tốt đến lạ lùng suốt quanh năm bất chấp mùa màng, thời vụ, chỉ trừ một tháng mười cho đất nghỉ và mới sau này, thêm một tháng ba trả sân để phơi lúa. Lập xuân trở đi là tàn mùa rau, vậy mà đến tháng năm, tháng sáu, Thành Trung vẫn chở đầy những khoang thuyền cải xanh đưa lên phố. Người Thành Trung trồng rau với bàn tay tài hoa nào không hiểu được: rau Thành Trung thơm ngát, xưa vẫn phải “cung tiến” cho vua chúa, chen chúc nơi chợ búa vẫn không để ai nhảm lẫn; người Huế thường gọi một cách kính nể là “Rau phường Thành”.

Tôi về Thành Trung vào đầu xuân. Làng Châu Hoá đang rộ mùa rau trái, khí đất hùng hậu, hương đất nồng nàn tưởng như nhìn là thấy được. Trong đêm khuya, chưa bao giờ tôi được nghe một mùi đất thơm đến vậy, xao xuyên như da thịt, sâu thẳm như thời gian. Chính lúc ấy, tôi liên tưởng đến sông Hương với cái tên gọi cảm của nó; Sông Hương như hiện thân thành một cô gái thần tiên trong truyện cổ nào thùy mị đứng bên tôi, nghe tôi hỏi giọng bồi hồi:

*- Ai đã đặt tên cho dòng sông?*

“Ai đã đặt tên...”? Có nhiều cách trả lời cho câu hỏi ấy; trong đó, tôi thích nhất một huyền thoại kể rằng vì yêu quý con sông xinh đẹp của quê hương, con người ở hai bên bờ đã nấu nước trăm loài hoa đổ xuống lòng sông, để làn nước thơm tho mãi mãi. Tôi lĩnh hội ý nghĩa của truyền thuyết ấy như thế này: con người đã đặt tên cho dòng sông như nhà thơ chọn bút hiệu của mình, gửi gắm vào đấy tất cả ước vọng muốn đem cái Đẹp và tiếng Thơm để xây đắp văn hoá và lịch sử.

*(Huế, Tiết Cốc vũ 1-1981)*

Trích thơ:

**Xin người chút không**

*Cho ta một chút yêu kiều  
Chút sương áo mỏng chút chiều tóc bay  
Trăm năm còn gió heo may  
Mùa thu hồng nhạn còn đầy trong ta*

*Cho ta một chút mây hoa  
Chút môi hạnh thắm người xa tới gần  
Để ta kể với phù vân  
Dù sao đời đã một lần có em*

*Cho ta một chút thuyền duyên  
Chút hương thân thể bay lên ngọt ngào  
Mai về ngủ dưới trăng sao  
Năm nghiêng gối cũ chiêm bao thấy người*

*Này em mắt biếc nhìn đời  
Cho ta soi bóng làm người tương tri  
Mệnh mỏng cát bụi ra gì  
Chỉ xin một chút yêu vì làm may!*

*Em còn ngà ngọc bàn tay  
Cho ta cầm tới bên này hư không  
Chỉ cầm theo một chút lòng  
Chút tóc xanh chút môi hồng, chút thôi!*

*Buồn từ dạo ấy chưa nguôi  
Ngoài kia sương khói đã trời sang thu  
Ta còn một chút phù du  
Hóa thành một kiếp đèn bùa cho em*

**Về chơi với cỏ**

HUỶNH ÁI TÔNG

*Thưa rằng người đã quên tôi  
Tôi về chơi với ngọn đồi cỏ may  
Một đường hoang một dấu giày  
Một người ngồi một tháng ngày bóng nghiêng*

*Cảm ơn người trái đào tiên  
Tôi về lãng đãng nơi miền cỏ gai  
Cỏ gai hoa thắm mặt người  
Trình nữ ơi trình nữ ơi- tôi buồn*

*Thôi người ở lại soi gương  
Tôi đi về phía con đường cỏ lau  
Nợ người một khối u sầu  
Tìm người tôi trả ngày sau luân hồi*

*Mai kia rồi cũng xa người  
Tôi về ngủ dưới khung trời cỏ hoa  
Có nàng xõa tóc tiên nga  
Quyên hôn cát bụi khóc òa như mưa*

**Trên dấu rêu mờ**

*Hỡi con đé buồn sâu của linh hồn tôi  
Đêm nay người hát nơi đâu  
Đêm nay  
Ta cầu xin cho nỗi khát của người  
Một giọt sương bên trời*

*Ở đâu, người có nghe chăng  
Bước chân ta lang thang đi tìm người  
Suốt đời  
Ta đi tận cuối trời  
Bàn chân ta rướm máu  
Trên dấu đá rêu mờ*

*Của những con suối Hy Lạp  
Đã khô....*

### **Trái tim hồng**

*Cây cỏ đại xanh xanh  
Bám trên vàng đá rắn  
Gian khổ suốt một đời  
Nở bông hoa đỏ thắm*

*Nhý ngọn cỏ trên đá  
Nở bông hoa cho đời  
Trái tim hồng tôi đỏ  
Xin hiến máu cho Người  
Tổ quốc mến yêu ôi!*

### **Vẽ tôi**

*Vẽ tôi một nửa mặt người  
Nửa kia mê muội của thời hoang sơ*

*Vẽ tôi nghe tiếng mơ hồ  
Bàn tay em vỗ bên bờ hư không*

*Vẽ tôi một đóa bông hồng  
Tàn phai từ bữa em cầm trên tay*

*Vẽ tôi một nét môi cười  
Một dòng nước mắt một đời phù du*

### **Thiền định**

*Ngày ấy, tôi thường hay đến đây  
Đăm đăm soi mặt nước hồ này  
Khói sương nhà tự trên trời xuống*

HUỶNH ÁI TÔNG

*Chỉ một mình tôi với bóng cây*

*Tôi thích về ngồi giữa lặng im  
Rừng thông thoáng nhẹ khí thu chìm  
Không ai cười nói, không ai khóc  
Chỉ một mình tôi với bóng chim*

*Tôi vẫn ngồi trong gió heo may  
Một phiến hồ thu, nước lại đầy  
Ngày không thiên sứ, chiều không nắng  
Chỉ một mình tôi với bóng mây*

*Em kể tôi nghe chuyện núi đồi  
Chỉ là ảo tưởng đầy mà thôi  
Tôi nhìn trong khoảng mộng lung áy  
Chỉ có tôi ngồi với bóng tôi*

*Em gọi tên tôi khắp mọi nơi  
Gọi tôi vang động cả vòm trời  
Tôi ngồi im vắng như lau sậy  
Mờ mịt như màu sương khói thôi.*

**Không đề**

*Niềm vui chung cho bao người  
Sầu đau dành cho riêng tôi*

*Tôi nằm ôm con sót bóng  
Như ôm linh hồn để sống*

*Như con gấu buồn mùa đông  
Ôm trái tim chờ mùa xuân*

*Bỗng nhiên chiều nay em đến  
Hân hoan, thắm nồng, thương mến*



Em mang cho anh bông hoa  
Rằng ngày buồn sẽ trôi qua

Rồi em vội vã ra đi  
Hân hoan, nồng thắm, xuân thì

Và hoa tàn trong phút chốc  
Không còn ai người để khóc

Anh chết một mình đêm qua...

### **Bệnh bông cho tới mai sau**

Có con thuyền trong sương trắng  
Bệnh bông như một cánh chim  
Có em chèo thuyền áo trắng  
Xôn xao như trốn như tìm  
Có vàng mặt trời rưng sáng  
Bồi hồi như một trái tim

Em chèo thuyền về phía hừng đông  
Hứng chút phần mặt trời trên má  
Bụi mặt trời vương đầy gót chân  
In những dấu hoa hài trên sóng  
Anh mãi nghe từ đáy  
màu sương mỏng  
Bài hát tình yêu dậy một phương hồng

Từ thuở nào vũ trụ đã sinh ra  
Mà sao mặt trời mỗi ngày vẫn trẻ  
Mà sao anh đã từ vạn kỷ  
Bên sông này anh đứng hát  
mặt trời lên

HUỶNH ÁI TÔNG

*Vẫn đi hoài trong cõi vô biên  
Mặt trăng là mảnh gương  
riêng soi trái đất  
Trái đất trôi như một cánh bèo dâu  
Mặt trời nhiều khi phập phồng hơi thở  
Mê man nhớ những tình cầu*

*Những hành tinh ngấm rồi thấy lạ  
Bềnh bồng mà vẫn theo nhau  
Anh với em, ừ thì cũng lạ  
Bềnh bồng cho tới mai sau.*

- 0 -

Trong bài: *Bồng bềnh cho tới mai sau* - Bài thơ tình rất lạ của Hoàng Phủ Ngọc Tường, Ngô Minh đã viết:

*“Hoàng Phủ Ngọc Tường là một trong số ít nhà văn viết bút ký nổi tiếng ở nước ta vài chục năm nay. Bút ký của Hoàng Phủ Ngọc Tường hấp dẫn người đọc ở tính nhân văn sâu sắc, những chiều kích khác nhau của trí tuệ uyên bác và chất Huế huyền hoặc, quyến rũ. Đó là những trang viết tài hoa, tài tử, tài tình. Thực ra, bút ký Hoàng Phủ Ngọc Tường chính là áng thơ văn xuôi cuốn hút người đọc.”*

Tài liệu tham khảo:

- Hoàng Phủ Ngọc Tường Web: [vi.wikipedia.org](http://vi.wikipedia.org)
- Ai đã đặt tên cho dòng sông Web: [scribd.com](http://scribd.com)

## 2. Thạch Quỳnh



### **Thạch Quỳnh - Vương Đình Huấn (1941-20 )**

Nhà thơ Thạch Quỳnh tên thật là Vương Đình Huấn, sinh năm 1941 tại thôn Đông Bích, tổng Thuần Trung, huyện Lương Sơn, tỉnh Nghệ An, nay là thôn Đông Bích, xã Trung Sơn, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An. Thân phụ là người thông thạo Hán học, thân mẫu tuy không biết chữ nhưng lại thông thuộc nhiều ca dao, tục ngữ, truyện Kiều...

Năm 1960, ông học ngành Sư phạm Toán tại trường Đại học Vinh, cùng năm này, ông có bài thơ đầu tiên được đăng trên *Văn nghệ quân đội* có tựa *Mà thương cũng nhiều*.

Sau khi tốt nghiệp đại học, ông có một thời gian làm giáo viên Toán cấp 3 tại Nghệ An.

Sau đó, ông công tác tại Hội Văn học Nghệ thuật Nghệ An, ông là Hội viên Hội Nhà văn Việt Nam.

Ông được các giải thưởng:

HUỶNH ÁI TÔNG

- Giải thưởng của báo *Văn nghệ*,
- Giải thưởng của *Tạp chí Văn nghệ Quân đội*
- Giải thưởng Hồ Xuân Hương của tỉnh Nghệ An.

Hiện ông sống ở thành phố Vinh, Nghệ An.

Trích thơ:

**Với con**

*Con ơi con thức dậy giữa ngày thường  
Nghe chim hót đừng nghe mê mãi quá  
Qua đường đất đến con đường sỏi đá  
Cha e con đến lớp muộn giờ*

*Con ơi con nàng Bạch Tuyết trong mơ  
Không thể nào yêu con thay mẹ được  
Và vì thế , nếu khuy áo con bị đứt  
Thì nói lên để mẹ khâu cho .*

*Và con ơi trên ấy ngân hà  
Có thể rồi con sẽ lên đến được  
Nhưng đêm nay thì con cần phải học  
Bốn phép tính cộng trừ hay đọc một trang thơ .*

*Con ơi con , nếu thầy giáo dạy con  
Có ánh sáng bảy màu trong ánh sáng  
Thì con hãy khẽ khêu cho rạng  
Ngọn bấc đèn con hãy vịn lên to .*

*Con ơi con , trái đất thì tròn  
Mặt trăng sáng cũng tròn như đĩa mật  
Tất cả đây đều là sự thật  
Nhưng cái bánh đa tròn , điều đó thật hơn !*

Mẹ hát lời cây lúa để ru con  
Cha cày đất để làm nên hạt gạo  
Chú bộ đội ngồi trên mâm pháo  
Bác công nhân quai búa , quạt lò

Vì thế nên , lời cha dặn dò  
Cũng chưa hẳn đã là điều đúng nhất  
Cha mong con lớn lên chân thật  
Yêu mọi người như cha đã yêu con .

(1979)

### Tặng đá hình người

Người ngồi im bất  
Nhô cằm dưới trăng  
Người thành tảng đá  
Đá thành người chăng?

Sương không thấm tóc  
Nắng chẳng sém da  
Thôi thì rêu phủ  
Thôi thì bụi mờ

Hỏi tượng ai đó?  
Chẳng ai trong đời  
Nhà thơ  
Nghệ sỹ  
Anh hùng  
Đoán chơi?  
Người mang hình đá  
Đá mang hình người  
Có đơn đọng kết  
Vui buồn cứ trôi

*Giờ còn một núi  
Giờ còn một tôi  
Phút giây gặp gỡ  
Cảm thương muôn đời...*

### **Cái nghèo**

*Cái nghèo!  
Cái nghèo!  
Mày núp trong vùng trán mẹ nhăn nheo  
Mày ẩn dưới gót chân em nứt nẻ  
Mày luồn lọt qua trăm ngàn mối chỉ  
Để nằm trong mảnh vá áo con ta*

*Mày sinh ra khi chưa sinh ta  
Với khuôn mặt vô cùng biến hiện  
Củ khoai móp bên hà, bên lẹm  
Cái gàu mo nửa méo nửa tròn  
Là chất đắng nằm trong cám lờ  
Là chất ngứa trong cây ráy ngứa  
Cái nghèo đội nón cời và nhón đi từng bước  
Cười sưa răng trên miệng ám sứt vôi...*

*Bất kỳ đâu, ta cũng gặp mày rồi  
Cầm cái chén thấy mày trong đáy chén  
Bụng bát cơm, mày ẩn tự trong cơm  
Mày nằm sẵn đợi ta trên chiếu trải giường  
Nơi vạt ướt rách xò thâm tím  
Đêm ta ngủ thì mày hoá kiến  
Bò nôn nao trong ruột đói của ta*

*Cứ mỗi thời mỗi giặc đi qua  
Đều để lại cái nghèo như cháy cháy  
Nghèo giặc Nhật chát xe bò mà đầy*

## VĂN HỌC VIỆT NAM CẬN VÀ HIỆN ĐẠI IV

*Chôn đầy đồng, lúa vẫn nhỏ trồng đay  
Bị cấp quai mang không trốn thoát cái nghèo giặc Tây  
Cái nghèo hút máu người cho cây nhà nhựa  
Anh em ruột lớn lên, cái nghèo cũng ngồi ở giữa  
Để phân bua, phán xử chuyện gia tài*

*Trong đầu óc kiêu hãnh các chàng trai  
Trong cung điện thiêng liêng những tâm hồn thiếu nữ  
Cái nghèo rớt cũng len vào đó nữa  
Để góp bàn những chuyện nghiêm trang  
Cái nghèo bước lom khom vào cổng cơ quan  
Lại lún lút phía sau ngõ vào cánh cửa hàng thực phẩm  
Cái nghèo có đôi bàn chân đen và bẩn  
Dẫm nhoè lên nền gạch ta đang xây  
Đừng để cái nghèo qua đây  
E động đến khóm hoa trong sân trường học  
Tôi nhận ra cái nghèo có nọc  
Đốt ông cha từ thuở chằng chạn màn  
Cái nghèo xơ trên bộ cánh làm sang  
Cái nghèo xác lại nằm trong đáy đĩa  
Như nước đái trong dấu chân của quý  
Như rắn theo tàn đóm ăn thè  
Ta diệt hết Nhật Tây và giặc Mỹ  
Cái nghèo còn trong mỗi dấu chân kia...*

### **Gạch vụn Thành Vinh**

*Có thành phố nào như thành phố này không  
Chưa thấy nhà cao đã chói lọi sắc hồng  
Đã thấy sắc hồng cười trong gạch vụn?  
Đép cao su đặt lên cát lún  
Ta đi kháng chiến mười năm ròng  
Gửi lại đường Trần Phú, đường Quang Trung  
Gạch và gạch (Mười năm sau gạch nhé!)  
Từ nóc nhà cao*

HUỶNH ÁI TÔNG

Từ con đường bé  
Thà làm gạch vụn để chờ nhau  
Quyết không chung trời đất với quân thù!

Em nhỏ ném thia lia trên bến cửa tiền  
Thấy bộ đội hành quân, cười, chạy lại  
Ấy là Vinh. Một chiều nắng trải  
Ta trở về tìm lại phố ta xưa  
Gạch vụn ùa nhau ôm lấy cột cờ

Tây còn đây, thì ở Vinh còn gạch vụn  
Hết Tây rồi, gạch vụn hóa nhà cao  
Lòng núi Quyết khoanh ôm nhà máy điện  
Đường đi vào thư viện vút phi lao

Ta lớn rồi đâu phải buổi thơ ngây  
Khẽ gạch tròn đánh đáo dưới hàng cây  
Tặc lưỡi tiếc hoài từng viên gạch đổ,  
Nhìn phố, nhìn sông, gạch vụn chất đầy

Nay những nóc nhà cao bom cày, đạn nổ,  
Bình tĩnh nhìn lên sắc mặt anh hùng  
Ta muốn dang tay ôm tròn bốn phố  
Từ Cửa Tiền, Bến Thủy đến Vinh Hưng

Quả bom Mỹ đầu tiên cắm vào thân hình miền Bắc  
Là ở Vinh – Gạch vụn đến công trường  
Ôi! gạch vụn xô xao trèo lên gác  
Những bậc thêm đại học, mái nhà thương...

Chúng đến phá thì ta đánh chúng.  
Trời ngoại ô nòng pháo chĩa vào trong  
Nứt mặt nhựa theo đường phố rộng  
Chiến hào nhô trăm mũi súng trường



*Trên cát lún ta đi về bè bạn  
Đồng chí thân yêu quen biết tự bao giờ  
Bụng khép chặt dây da cài bao đạn  
Chân trèo lên gạch vụn, bước, ngâm thơ.*

*Nay những nóc nhà xanh nhỏ nhấm vết đạn  
Qua vết đạn thù ta thấy khoảng trời cao  
Dù mười năm, hai mươi năm...  
Dù thành phố ta hóa thành gạch vụn  
Gạch vụn về đây đắp lại chiến hào.*

*Như sắc mặt anh hùng bừng lên sắc đỏ  
Sáng ngời lên Gian – khổ - chiến - công,  
Thành phố anh hùng cười trong gạch đổ  
Gạch xô xao cựa quậy những sắc hồng...*

*Có thành phố nào như thành phố này không?*

(18-2-1966)

### **Hóng gió trên cánh đồng làng**

*Gò đất cong, ngả dếp tạm ngôi  
Bên mép lúa, khóa chân vào trong sóng  
Của im lặng bốn bề là cao rộng  
Rất mịn màng, gió lúa thấm qua tôi.*

*Tết giêng hai, gié lúa bận sinh sôi  
Rễ lúa bám bùn sâu âm ỉ hút  
Trong đất thẳm, ngày và đêm chăm chút  
Từ vô sinh xòe dậy bản sắc non tươi*

*Nước trong veo con cá quả no môi  
Lươn đùng đùng chào thăm từng gốc lúa*

HUỶNH ÁI TÔNG

*Con cá ngừ vết chân bùn bờ ngõ  
Nổi mắt tròn, ngơ ngác nhận ra tôi.*

*Vòi bom rung thở trắng khói mù vòi  
Lúa cứ ùn lên, cây lúa sôi  
Quã nên sóng là bàn chân con gái  
Đạp lên guồng tre nước của quê tôi.*

*Nghe âm thầm tiếng nước thấm đất nâu  
Rễ lúa âm xuyên bùn xòe giá trắng  
Ồi! Cái sự nảy sinh vô cùng im lặng  
Cái càn cù trong đất của loài cây*

*Bùn nước nghìn năm hòa trộn cùng lân, đạm hôm nay  
Cho ta đủ niềm tien vào cây lúa  
Nghe chẳng anh? Cái im lặng lò thúc mầm đang ủ  
Một nền xanh nông nghiệp của tương lai.*

(3-1973)

**Cỏ dại**

*Cỏ dại ngày thơ bé  
li ti hoa tím màu  
cả bông trang vách núi  
suốt đời còn nhớ nhau*

*cả dòng sông đỏ nữa  
sóng lượn giữa vai mình  
mơ một lần quã đạp  
ngập chìm vào sóng xanh*

*Có gì như có lỗi  
mà có lỗi gì đâu  
tôi cứ đi đi mãi*

*tóc chớm bạc trên đầu*

*Hoa chẳng còn trên núi  
sông cạn trước mắt rồi  
thì li ti cỏ dại  
vẫn cứ màu tím tươi*

*Cỏ đừng già, cỏ nhé  
dù tuổi thơ qua rồi  
đất giữ gìn cho cỏ  
cỏ giữ gìn cho tôi ...*

### **Đêm vườn rừng**

*Trăng trong vườn chiếu sáng  
vần vện hình gì đây ?  
rừng đen như âm phủ  
rẽ đêm tìm lối đi*

*Toàn bộ loài cây - chỉ cau mọc thẳng  
toàn bộ loài chim chỉ cò thân trắng  
chim xoay mình theo gió ngủ  
cây xoay mình theo gió nghiêng  
ta xoay mình đến vẹo xương sống  
ta cúi mình đến phải đi còm*

*Trăng - đèn giời không mất tiền  
mượn ánh sáng được tiếng tự sáng  
đêm lười liềm lá cây lấp loáng  
ngang trời vũ điệu lân tinh  
khe suối đầy trăng xé rách  
lụa vàng óng gót Tây Thi  
rêu  
ánh lên xanh rì  
cỏ múa*

HUỶNH ÁI TÔNG

đá ngủ  
róc rách nước chảy xoắn từng  
sỏi cát dương mắt nhìn ta trùng trùng

Ta một mình  
loạng choạng giữa khu vườn  
loạng choạng bước giữa thiên đường, âm phủ  
gờn gợn trời cao vừng trăng cảm dỗ  
rờn rợn đêm sâu ma lạc đưa đường

Đi hết vườn thì tóc ướt sương  
giật mình ngoài lại  
len lỏi giữa thiên thần, yêu quái  
lễo đễo bóng mình dị dạng sau chân .

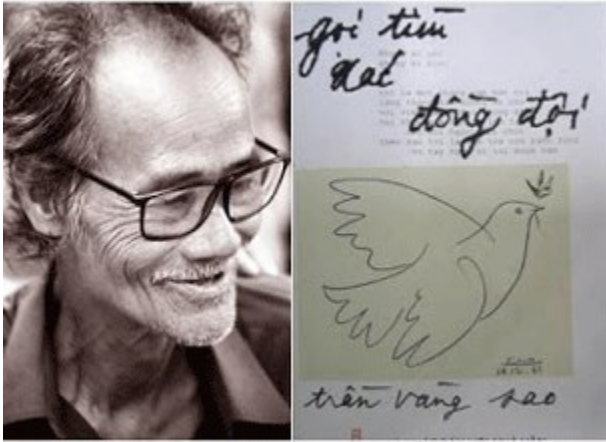
Trong bài *Nhà thơ Thạch Quỳnh: Chỉ "gàn" với những gì không thực chất*, Lê Huy Mậu đã có nhận xét về thơ của Thạch Quỳnh:

“*Thơ Thạch Quỳnh hay. Hay ở chất thơ chất lọc từ một vùng văn hóa trầm tích trong dân ca xứ Nghệ. Hay ở cái chất thông minh sắc sảo của ông thầy dạy toán cấp ba. Hay ở chất thấm đẫm sự xót xa, đắng đót của đời sống xứ sở gió Lào. Hay ở sự dịu ngọt mát lành của nguồn nước sông Lam chảy giữa quanh co đông bãi, giữa những đồi núi lô nhô như bát úp. Nó vừa có cái chất chúa, đắng đót của kiếp người; vừa có cái mộng mơ lãng mạn của quê hương xứ sở... Thạch Quỳnh nằm trong lớp-tên thơ, cùng với những Anh Ngọc, Vương Trọng, Võ Văn Trực... lòng danh xứ Nghệ một thời.*”

Tài liệu tham khảo:

- Thạch Quỳnh Web: [vi.wikipedia.org](http://vi.wikipedia.org)
- Với con Blog: [cuongdlna.vnweblogs.com](http://cuongdlna.vnweblogs.com)

### 3. Trần Vàng Sao



#### Trần Vàng Sao – Nguyễn Đình (1941-20 )

Nhà thơ Trần Vàng Sao tên thật Nguyễn Đình, sinh năm 1941, quê quán làng Đông Xuyên, huyện Quảng Điền, Thừa Thiên - Huế.

Năm 1961 ông thi đỗ tú tài rồi vào Đại học Huế, tham gia các phong trào đấu tranh của sinh viên cùng thế hệ với Hoàng Phủ Ngọc Tường, Trần Quang Long, Ngô Kha. Ông có thời gian dạy học ở Truồi.

Từ 1965 đến 1970, ông lên chiến khu và công tác tại Ban Tuyên huấn Thành uỷ Huế, viết báo với các bút danh *Nguyễn Thiết, Lê Văn Sắc, Trần Sao*.

Năm 1970, ông được đưa ra miền Bắc an dưỡng, chữa bệnh. Ở nơi đây, ông có viết nhật ký gồm những suy nghĩ của ông về cái gọi là “hậu phương xã hội chủ nghĩa” và sau đó bị tố cáo, đầu tố và cô lập<sup>[2]</sup> đến nỗi ông có cảm giác không còn được coi là con người mà đã thành “một con vật, một con chó, theo

## HUỶNH ÁI TÔNG

như Hồi ký "Tôi bị bắt (Nhớ lại những năm tháng tôi bị bắt rồi được thả ra và sống như tù)" sau này của ông.

Sau 30 tháng 4 năm 1975, Trần Vàng Sao xung phong về quê công tác nhưng không được chấp thuận, ông phải trở lại Huế được bố trí công tác tại Phòng Văn hóa thành phố Huế, rồi được điều về làm liên lạc ở xã Hương Lưu (nay là phường Võ Dạ), Huế cho đến khi nghỉ hưu năm 1984.

Ông hầu như không cho xuất bản thơ nhưng vẫn nổi tiếng với "*Bài thơ của một người yêu nước mình*" ký bút danh Trần Vàng Sao sáng tác tháng 12 năm 1967 và được chọn trong 100 bài thơ xuất sắc nhất Việt Nam thế kỷ 20.

Hiện ông đang sống tại thành phố Huế.

Tác phẩm:

- *Bài thơ của một người yêu nước mình* (tập thơ, Giấy Vụn, 2009)

Trích văn:

### **Tôi bị bắt** (trích Hồi ký)

#### **I. Ở K65 thị xã Sơn Tây**

##### **1.**

“Ngồi đó!”

“Ngồi đó!”

“Ngồi xuống!”

“Ngồi xuống đó!”

Một hai ba ông không nhìn tôi chỉ cái ghế quay lưng ngay ở cửa ra vào nói. Tôi ngồi xuống, rồi dướm người kéo vạt áo bông lên. Hình như hai cái bàn đầu lại với nhau. Ghế, ghế xung quanh. Tôi nghe tiếng chân ghế kéo lệt xệt trên nền xi măng. Rất nhiều ông đã ngồi trước. Rất nhiều ông đội mũ cát dạ, kiêu Trung Quốc, kiêu Liên Xô; một hai ba cái mũ bê-rê. Tất cả đều mặc áo ấm, áo đại cán và áo bông, và choàng khăn cùng một loại bằng len, chỉ khác màu, lấm tấm đỏ đen xanh trắng. Tôi lấy thuốc ra hút. Trước mặt tôi là cái cửa sổ to rộng, nhiều cánh, không có song và tàng cây xanh ở ngoài xa. Sột soạt, với tiếng ghế đụng nhau, họ soạn sổ sách, giấy bút. Tất cả bọn họ đều là một màu xanh đậm đen và đen, và to phồng. Mặt của họ đỏ, đen chì, trắng xám, có mặt đỏ láng. Số đông bọn họ đều già, tuổi từ 50 trở lên. Có một hai người suýt soát trên dưới 40. Bọn họ đều lạ đối với tôi và hầu hết tôi không biết tên, và nếu tôi có biết thì cũng nghe họ xưng hô với nhau. Tôi cũng không biết rõ họ là ai, ở đâu đến.

Tôi nghe có tiếng nói giữa đám người đó, giọng Thừa Thiên pha giọng Bắc rất khó chịu:

“Thôi, làm đi!”

Ông vừa nói tên Lai, mặt đỏ láng.

Một người mở tờ giấy ra để trước mặt và đọc:

“Họ và tên: Nguyễn Đình. Sinh ngày: 12-12-1942...”

Người đó dương hai con mắt khỏi cặp kính ngó tôi; nói bằng giọng Quảng cũng pha Bắc chót chót:

“Thật không?”

Tôi ngó người đó không trả lời. Người đó cúi xuống đọc tiếp. Trong lúc ông này đọc lý lịch của tôi, tất cả bọn họ đều ngó chăm tôi. Một ông trẻ kính xuống đầu chót mũi dướng mắt ngó; một ông nghiêng đầu sang ông bên cạnh miệng mấp má, mắt liếc xéo tôi; một ông dim mắt tay đỡ cằm ngó tôi; một ông dựa ngửa nhìn tôi qua khói thuốc; một ông miệng méo như cười, tai đụng vai ngó tôi, ông nữa phía bên cạnh chống tay một bên đầu, răng cắn vào môi ngó tôi; ông nữa cắn gọng kính khịt mũi ngó tôi; ông nữa vừa xoay vừa thò xuống mặt bàn cái bi-kê Trung Quốc, đánh hai hàm răng theo nhịp ngó tôi; ông nữa mím thít hai hàm răng, bạnh cằm ra ngó tôi; ông nữa cắn răng vào khẩu tay ngó tôi; ông nữa ngửa mặt lên trần ngó mắt xuống vào tôi.

Ông kia đọc xong, một ông khác dựa ngửa gõ gõ cả bàn tay xuống mặt bàn, gục gặc đầu, hất hàm hỏi:

“Anh khai thật chứ?”

Tôi nghe tiếng nước chảy dưới nhà lồng bông. Có tiếng đàn bà nói:

“Mở nước ra rồi thì phải đóng lại chứ. Lãng phí thể này...”

Tiếng nước chảy to hơn, nước đổ vào cái thau men thì phải; tiếng bọt sủi, nước tràn rồi. Chỗ này thỉnh thoảng tôi hay rửa chân cho mát khi đi qua đây. Tiếng nước tắt. Tiếng người đàn bà:

“Đun nước lên con!”

“Từ ngày ra Bắc đến bây giờ anh đã làm gì?” Cái ông tên Lai mặt đỏ lảng, đội mũ cát xanh gần như đen kiểu Trung Quốc,



lắc người trên ghế. Khi cái ghế dừng lại, ông ta chồm người ra phía trước, nói như thế. Hai con mắt ngó thẳng vào tôi. Hết câu ông ta dựa ngửa người lại, mười ngón tay gõ hết lên mặt bàn, điều Điện Biên bao bạc ngậm trên miệng, đầu hất ra phía trước, cầm đụng vào cái cổ áo lông màu đà. Hai hàm răng ông Lai đó mở ra:

“Nói đi và nói thật!”

Có tiếng kẹt bi-kê. Tôi rút một điều thuốc, rồi vuốt điều thuốc cho thẳng. Tôi đưa điều thuốc lên môi, hai bàn tay đan vào nhau trên mặt bàn. Tôi không hút. Tôi khịt mũi, rồi lấy điều thuốc ra khỏi miệng và nhổ từng sợi thuốc dính trên môi ra. Tôi hút thuốc.

Hôm đó là sáng 25 tháng 1 năm 1972 tại Viện điều dưỡng K65 ở Thị xã Sơn Tây.

Đêm hôm qua, khoảng bảy tám giờ, tôi thấy có một người đàn ông trên 50 tuổi vào phòng tôi ngồi nói chuyện với ông già người Phú Yên tên Giác ở cùng phòng với tôi. Trong khi nói chuyện, thỉnh thoảng ông người lạ này giả đò băng quơ nhìn tôi. Lúc đó tôi ngồi ở phòng trong. Tôi không để ý đến thái độ của ông ta. Tôi đang đọc và viết.

Bảy giờ sáng hôm sau, ngày 25-1-1972, ông trưởng khối bệnh nhân đến gặp tôi nói:

“Anh qua gác hai nhà C, có mấy anh ở trên gặp.”

Thôi, tôi bị rồi. Tôi đi dọc dãy hành lang. Những con mắt, những con mắt ngó tôi không như thường. Họ biết hết tôi rồi. Họ đã cùng nhau họp hành, sắp xếp hết cho tôi rồi. Tôi bị dòm ngó như một con quỷ sứ bắt đầu từ dãy hành lang này, từ ngày này.

Gần một tháng nay tôi đã đoán biết mọi sự rồi sẽ xảy ra cho tôi. Nhưng tôi không biết người ta sẽ xử tôi như thế nào và bằng cách nào. Cách đây một tháng, bà bác sĩ chủ nhiệm khoa tôi ở, tên Quy, đến báo cho tôi biết:

“Sáng mai anh về E2 kiểm tra sức khỏe và nhất là để chụp phim lại cái dạ dày. Anh nhớ mang theo quần áo để dùng trong một tuần.”

E2 là bệnh viện dành cho cán bộ miền Nam ra Bắc chữa bệnh. Bệnh viện này ở làng Cổ Nhuế cách trường đảng Nguyễn Ái Quốc độ ba trăm mét. Về E2 kiểm tra sức khỏe là phải ở lại đó một tuần. Tôi hoàn toàn không biết đây là sự sắp xếp của Ban bảo vệ Đảng (thuộc Ban Thống nhất của Chính Phủ) (?) và Cục đón tiếp cán bộ B. (Tất cả các cơ quan bí mật hay công khai này tôi không biết rõ, chỉ gọi chung là Ban Thống nhất hoặc Cục đón tiếp).

Tôi lại cho là tôi gặp may, vì đây là một dịp tôi ở gần Hà Nội để đi chơi với Nguyễn Hữu Ngô, Hồ Tính Tinh (bí danh là Hồ Thanh) và những anh em bạn bè khác. Hơn nữa, thường sau một thời gian chữa bệnh, người nào được kiểm tra lại sức khỏe tức là sắp sửa chuẩn bị vào Nam lại. Lúc này tôi rất muốn trở lại chiến trường. Tôi vui. Những ngày ở E2 thỉnh thoảng tôi về Hà Nội ở chơi với bạn bè. Thời gian này tôi viết tiếp cho xong bài thơ dài trên 500 câu: “Bản Thánh ca của một người dựa cột đình liêm lá bánh”. Một sáng thứ bảy tôi thanh toán tiền ăn của tôi những ngày ở E2 (tất cả đều trên giấy tờ). Sáng Chủ nhật tôi qua K10 ở Gia Lâm thăm ông Sự. Ông Sự là Phó ban tuyên huấn Thành ủy Huế ra Bắc chữa bệnh và học tập. Lúc đó, ông ta đang ở K10 bồi dưỡng sức khỏe chuẩn bị vào Nam. Tôi ngó ý với ông Sự là tôi muốn trở lại chiến trường và nhờ ông tạo điều kiện cho tôi vào càng sớm càng tốt. Khác với những lần gặp trước, bao giờ ông Sự cũng hỏi tôi đã khỏe chưa, vết thương ở đầu gối và cái bụng thế nào, có đủ sức leo dốc không.

Lần này ông Sự chỉ âm à âm ừ với tôi. Tôi không để ý đến thái độ lạnh nhạt của ông đối với tôi. Tôi hỏi ông:

“Bao giờ anh vào lại?”

Ông Sự loay hoay xếp dọn, lục lọi, tìm kiếm những thứ vật vãnh giấy má gì đó giữa giường, trong ba lô với những cử chỉ, động tác của chân tay quờ quạng lúng túng, thừa một cách vô ích, thỉnh thoảng lại khịt mũi vài cái. Ông nói không nhìn tôi:

“Cũng chưa biết nữa.”

Rồi xoay qua xoay lại Ông nói lảng một mình:

“Chà không biết để mô hè?”

Tôi đi gặp một vài người quen ở các phòng gần đó. Lúc tôi quay lại thì ông Sự đã đi đâu rồi. Tôi tìm một miếng giấy loại để đi cầu. Tôi thấy ở dưới đất phía trên đầu giường của ông Sự một tờ giấy vo tròn lại. Tôi nhặt lên. Vào ngòi trong cầu, tôi trần tờ giấy ra, hoàn toàn tình cờ. Chữ của thằng Trần Nguyên Vấn, bằng bút bi bấm màu xanh viết trên giấy kẻ ngang, tờ ét, xếp đôi. Hèn gì ông Sự đối xử với mình lạnh nhạt và đờ đẫn. Lâu nay tôi có hơi nghi thằng Nguyễn Viết Trác (chứ không nghĩ nó có thể phản tôi), tôi nghi ngờ về lòng thành thật và thẳng thắn của hắn. Khi nói chuyện với tôi, nhất là về chuyện chính trị, về tình trạng xã hội ở miền Bắc, về chiến tranh, về Đảng... hắn bao giờ cũng chỉ âm ờ và làm ra vẻ lắng nghe, và không bao giờ tỏ vẻ phản đối hay đồng ý. Còn thằng Trần Nguyên Vấn, hắn ở với tôi cùng một cơ quan trong rừng. Lúc ra Hà Nội cho đến lúc này, hình như tôi có gặp một hai lần gì đó. Nó không biết gì về tôi lúc ở miền Bắc hết. Chỉ có thằng Trác. Tôi giật mình và đặng cuống cổ. Tôi hoàn toàn không ngờ và cho đến hôm nay, ngày 25 tháng 1 năm 1972, người ta đem xử tôi, tôi cũng không nghĩ là người ta đã xử sự với tôi

như thế. Không phải là công việc của họ đã được tổ chức và âm mưu một cách bí mật, rất tài nên tôi không biết được. Thực sự lúc này đây, lúc tôi đang ngồi trong cầu tiêu của K10 này, tôi đã dự đoán được một đôi điều sẽ xảy đến cho tôi và tôi đã biết người muốn “lật tẩy phản động, chống Đảng” của tôi là ai. Tôi cho rằng tôi không có gì phải sợ về những điều tôi viết trong nhật ký và trong những bài thơ của tôi lúc tôi ở miền Bắc. Trong thư gửi cho ông Sự mà tình cờ tôi tưởng là giấy loại đó và lúc này tôi ngồi trong nhà cầu đang đọc đây, thằng Ván báo cho ông Sự biết công việc của hắn và thằng Trác, đại ý thế này: Cả hai đứa đã làm việc với Ban bảo vệ Đảng và Cục đón tiếp cán bộ B về tôi và hỏi ý kiến ông Sự với tư cách là thủ trưởng của tôi về cách xử lý trường hợp của tôi như thế nào. Cứ như lời lẽ trong thư thì thằng Ván không nói trắng ra nhưng cố giành phần lớn công cho hắn về việc “phát hiện tôi là một tên phản động chống Đảng”. Khoảng năm 1978, 1979 gì đó; Võ Quê có nói với tôi “ông Trác luôn vỗ ngực cho là mình đã lập được một công lớn là phát hiện Trần Vàng Sao là một tên phản động”. Võ Đại Ngẫu kể hồi 1976 hắn gặp thằng Ván ở Hà Nội, thằng Ván cũng vỗ ngực giành công kịp thời tố cáo tôi là một tên phản động chống Đảng.

Tôi vò lá thư của thằng Ván lại như cũ và xé bao thuốc thay vào cho việc riêng của tôi trong nhà cầu. Tôi bỏ lại lá thư vào chỗ cũ dưới thềm nhà trên đầu giường của ông Sự. Tôi nghĩ một cách đại rằng như thế làm như tôi không biết gì về âm mưu của thằng Trác, thằng Ván với ông Sự. Tiếc là tôi đã không giữ được lá thư đó. Nhưng nếu tôi có giữ thì sau này cũng bị tịch thu.

Tôi chào ông Sự rồi về Hà Nội. Gặp Nguyễn Hữu Ngô, Hồ Tính Tinh tôi chỉ nói: Sáng thứ hai tao lên Sơn Tây. Loanh quanh luẩn quẩn trong Hà Nội với anh em bè bạn, mượn một vài cuốn sách, mua một vài tờ báo rồi về bệnh viện E2. Tôi

hoàn toàn không biết kể từ lúc này tôi đang bị theo dõi sát nút.  
Tôi đi đâu, đến nhà ai, gặp ai ở Hà Nội người ta đều biết.

Trích thơ:

**Bài thơ của một người yêu nước mình**

*Buổi sáng tôi mặc áo đi giầy ra đứng ngoài đường  
Gió thổi những bông mía trắng bên sông  
Mùi tóc khô còn thơm lúa mùa qua  
Bầy chim sẻ đậu trước sân nhà  
Những đứa trẻ đứng nhìn ngấp nghé  
Tôi yêu đất nước này như thế  
Mỗi buổi mai  
Bầy chim sẻ ngoài sân  
Gió mát và trong  
Đường đi đầy cỏ may và muông chuông  
Tôi vẫn sống  
vẫn ăn  
vẫn thở  
như mọi người  
đôi khi chợt nhớ một tiếng cười lạ  
một câu ca dao buồn có hoa bưởi hoa ngâu  
một vết bùn khô trên mặt đá  
không có ai chia tay  
cũng nhớ một tiếng còi tàu  
Mẹ tôi thức khuya dậy sớm  
năm nay ngoài năm mươi tuổi  
chồng chết đã mười mấy năm  
thửa tôi mới đọc được i tờ  
mẹ thương tôi mẹ vẫn tảo tần  
nước sông gạo chợ  
nhà hai buổi nhà không khi nào vắng người đòi nợ  
sống qua ngày nên phải nghiền răng  
cũng không vui nên mẹ ít khi cười*

HUỶNH ÁI TÔNG

những buổi trưa buổi tối  
ngồi một mình hay khóc  
vấn thở dài mà không nói ra  
thương con không cha  
hảm hiu cô cút  
tôi yêu đất nước này xót xa  
mẹ tôi nuôi tôi mười mấy năm không lấy chồng  
thương tôi nên ở goá nuôi tôi  
những đứa nhà giàu hàng ngày chửi bới  
chúng cho mẹ con tôi áo quần tiền bạc như cho một đứa  
hủi  
ngày kỵ cha họ hàng thân thích không ai tới  
thắp ba cây hương  
với mấy bông hải đường  
mẹ tôi khóc thút thít  
câu cha tôi phù hộ tôi nên người  
con nó còn nhỏ dại  
trí chưa khôn chân chưa vững bước đi  
tôi một mình nuôi nó có kẻ chi mưa nắng  
tôi yêu đất nước này cay đắng  
những đêm dài thấp đuốc đi đêm  
quen thân rồi không ai còn nhớ tên  
dĩ vãng đê trên lưng thảm nặng  
áo mồ hôi những buổi chợ về  
đời cúi thấp  
giành từng lon gạo mốc  
từng cọng rau, hột muối  
vui sao khi còn bữa đói bữa no  
mẹ thương con nên cách trở sông dò  
hàng gánh nặng phải qua cầu xuống dốc  
đêm nào mẹ cũng khóc  
đêm nào mẹ cũng khấn thầm  
mong con khôn lớn cất mặt với đời  
tôi yêu đất nước này khôn nguôi  
tôi yêu mẹ tôi áo rách

chẳng khi nào nhớ tuổi mình bao nhiêu  
Tôi bước đi  
mưa mỗi lúc một to  
sao hôm nay lòng thấy chật  
như buổi sáng mùa đông chưa có mặt trời mọc  
con sông dài nằm nhớ những chặng rừng đi qua  
nổi mệt mỏi, rưng rưng từng cơn nước  
chim đậu trên cành chim không hót  
khoảng vắng mùa thu ngủ trên cỏ may  
tôi yêu đất nước này những buổi mai  
không ai cười không tiếng hát trẻ con  
đá đất cỏ cây ơi  
mười ba năm có héo mòn  
đá đất cỏ cây ơi  
lòng vẫn thương mẹ, nhớ cha  
ăn quán nằm cầu  
hai hàng nước mắt chảy ra  
mỗi đêm cầu trời khấn Phật cho tai qua nạn khỏi  
ngày mai mua may bán đắt  
tôi yêu đất nước này áo rách  
căn nhà dột phên không ngăn nổi gió  
vẫn yêu nhau trong từng hơi thở  
lòng vẫn thương cây nhớ cội hòai  
thắp đèn đêm ngồi đợi mặt trời mai  
tôi yêu đất nước này như thế  
như yêu cây cỏ trong vườn  
như yêu mẹ tôi chịu khó chịu thương  
nuôi tôi thành người hôm nay  
yêu một giọng hát hay  
có bài mái đây thơm hoa dại  
có sáu câu vọng cổ chứa chan  
có ba ông táo thờ trong bếp  
và tuổi thơ buồn như giọt nước trong lá sen  
tôi yêu đất nước này và tôi yêu em  
thửa tóc kẹp tuổi ngoan học trò

HUỶNH ÁI TÔNG

áo trắng và chùm hoa phượng đỏ  
trong bước chân chim sẻ  
ngồi học bài và gọi nhỏ tên tôi  
hay nói chuyện huyền thuyên  
chuyện trên trời dưới đất rất lạ  
chuyện bông hoa mọc một mình trên đá  
cứ hay cười mà không biết có người buồn  
sáng hôm nay gió lạnh vẫn còn  
khi xa nhà vẫn muốn ngoái lại  
ngó cây cam cây cải  
thương mẹ già như chuối ba hương  
em chưa buồn  
vì chưa rách áo  
tôi yêu đất nước này rau cháo  
bốn ngàn năm cuốc bẫm cày sâu  
áo đứt nút qua cầu gió bay  
tuổi thơ em hãy giữ cho ngoan  
tôi yêu đất nước này làm than  
mẹ đốt củi trên rừng và cha làm cá ngoài biển  
ăn rau rùi, rau éo, rau trai  
nuôi lớn người từ ngày mở đất  
bốn ngàn năm nằm gai nếm mật  
một tác lòng cũng trứng Âu Cơ  
một tiếng nói cũng đầy hồn Thánh Gióng  
Tôi đi hết một ngày  
gặp toàn người lạ  
chưa ai biết chưa ai quen  
không biết tuổi không biết tên  
cùng sống chung trên trái đất  
cùng nổi đau chia cắt Bắc Nam  
cùng có chung tên gọi Việt Nam  
mang vết thương chảy máu ngoài tim  
cùng nhức nhối với người chết oan ức  
đắm ngực giận hờn tức tối  
cùng anh em cất cao tiếng nói



bản tuyên ngôn mười bốn triệu người đòi độc lập tự do  
bữa ăn nào cũng phải được no  
mùa lạnh phải có áo ấm  
được ca hát, nói cười, yêu đương không ai cấm  
được thờ cúng những người mình tôn kính  
hai mươi năm cuộc đời chưa khi nào định  
Tôi trở về căn nhà nhỏ  
đèn thấp ngọn lù mù  
gió thổi trong lá cây xào xạc  
vườn đêm thơm mát  
bát canh rau dền có ớt chìa vôi  
bên hàng xóm có tiếng trẻ con khóc  
mẹ bỗng con lên non ngòi cầu Á Tử  
đất nước hôm nay đã thấm hồn người  
ve sắp kêu mùa hạ  
nên không còn mấy thu  
đất nước này còn chua xót  
nên trông ngày thống nhất  
cho bên kia không gọi bên này là người miền Nam  
cho bên này không gọi bên kia là người miền Bắc  
lòng vui hôm nay không thấy chật  
tôi yêu đất nước này chân thật  
như yêu căn nhà nhỏ có mẹ của tôi  
như yêu em nụ hôn ngọt trên môi  
và yêu tôi đã biết làm người  
cứ trông đất nước mình thống nhất

**tau chưởi**

tau tức quá rồi  
tau chịu không nổi  
tau ghen cuống hợng  
tau lộn ruột lộn gan  
tau cũng có chân có tay  
tau cũng có đầu có óc

HUỶNH ÁI TÔNG

*có miệng có mắt  
có ông bà  
có cha mẹ  
có vợ con có ngày sinh tháng đẻ  
có bàn thờ tổ tiên một tháng hai lần  
rằm mông một hương khói bông ba hoa quả  
tau đầu tắt mặt tối  
đổ mồ hôi sôi nước mắt  
vẫn đồng không trụ nữ có  
suốt cả đời ăn tro mò trú  
suốt cả đời khổ chuỗi Trần Minh  
kêu trời không thấu  
tau phải cầm miệng hén  
không được nói  
không được la hét  
nghĩ có tức không  
tau chửi  
tau phải chửi  
tau chửi bây  
tau chửi thẳng vào mặt bây  
không bóng không gió  
không chó không mèo  
mười hai nhánh họ bây đem lư hương bát nước  
giường thờ chiếu trải sắp hàng một dãy ra đây  
đặng nghe tau chửi  
tau kêu thẳng khai canh khai khẩn tam đời mười đời  
cao tăng có tổ ông nội ông ngoại cha mẹ chú bác cô dì  
con cháu thân hơi cật ruột bây tau chửi  
tau chửi cho tiền đời dĩ lai bây mất nòi mất giống  
hết nối dõi tông đường  
tau chửi cho mồ mã bây sập nắp  
tau chửi cho bây có chết chưa liệm ruồi bu kiến đậu*

tam giáo đạo sư bầy  
cổ tổ cao tăng cái con cái thẳng nào móc miếng cho bầy  
hà hơi trún nước miếng cho bầy  
bầy ỉ thế ỉ thân  
cây nhà cao cửa rộng  
cây tiên rương bạc đồng  
bầy ăn tai nói ngược  
ăn hô nói thừa  
đòn xóc nhọn hai đầu  
ngậm máu phun người  
bầy búng cây sống trồng cây chết  
vu oan giá hoạ  
giết người không guơm không dao  
đang sống bầy giá đồ chết  
người chết bầy dựng đứng cho sống  
bầy sâu độc thêm phước  
bầy thủ đoạn gian manh  
bầy là rắn  
rắn  
toàn là rắn  
như cú dòm nhà bệnh  
đêm bầy mò  
ngày bầy rình  
dưới giường  
trên bàn thờ  
trong xó bếp  
bỏ tên bỏ họ cha mẹ sinh ra  
bầy mang bí danh  
anh hùng dũng cảm vĩ đại kiên cường  
lúc bầy thật lúc bầy giả  
khi bầy ẩn khi bầy hiện  
lúc người lúc ma

HUỶNH ÁI TÔNG

*lúc lên tay múa ngón sủi bọt mép gào thét  
lúc trợn mắt khua môi múa mỏ đả đảo muôn năm  
lúc như thầy tu vào hạ  
lúc như con nít đói bụng đòi ăn  
hai con mắt bầy đứng tròn  
bầy bắt hết mọi người trước khi chết phải hô  
cha mẹ bầy ông nội ông ngoại bầy tiên sư cố tổ bầy  
sống dai đời đời kiếp kiếp  
phải quỳ gối cúi đầu  
nghe bầy nói không được cãi  
phải suốt đời làm người có tội  
vạn đợi đợi ơn bầy  
đứa nào không nghe bầy hót mỏ chôn sống  
thằng nào không sợ bầy vằm mắt thủ tiêu  
bầy làm cho mọi người tránh nhau  
bầy làm cho mọi người thấy nhau nhỏ nước miếng  
đồ phản động  
đồ chống đối  
đồ không đá bàn thờ tổ tiên  
đồ không biết đốt chùa thiêu Phật  
thượng tổ cô bà bầy  
mụ cô tam đợi mười đời bầy  
tau xanh xương mét máu  
thân tàn ma dại  
rách như cái xơ mướp chùi trách nời không sạch  
mả ông bà cố tổ bầy kết hết à  
tụi bầy thằng nào cũng híp mắt hai cằm  
bầy ăn chi mà ăn đoản hậu  
ăn quá dã man  
bầy ăn tươi nuốt sống  
mà miệng không dính máu  
người chết bầy cũng không chừa*

năm năm mười năm hai mươi năm  
xương chân xương tay sọ dừa vải liệm`  
bây nhai bây khới bây mút  
cả húp cả chan bây còn kêu van xót ruột  
bao nhiêu người chết điều tha quạ rút xương  
khô cốt tàn dọc bờ dọc bụi giữa núi giữa rừng  
để bây xây lăng đắp mộ dựng tượng dựng đài cho  
cha mẹ cố tổ bây  
hời cô hồn các đảng  
hời âm binh bộ hạ  
hời những kẻ khuất mặt đi mây về gió  
trong am trong miếu giữa chợ giữa đường  
đầu sông cuối bãi  
móc họng bóp cổ móc mắt bọn chúng nó  
cho bọn chúng nó chết tiệt hết cho rồi  
bây giết người như thế  
bây phải chết như thế  
ác lai thì ác báo  
tau chưởi ngày chưởi đêm  
mới bét con mắt ra tau chưởi  
chập choạng chạng vạng tau chưởi  
nửa đêm gà gáy tau chưởi  
giữa trưa đứng bóng tau chưởi  
bây có là thiên thù mười tám con mắt tau cũng chưởi  
mười hai nhánh họ bây  
cao tăng cố tổ bây  
tiên sư cha bây  
tau chưởi cho bây ăn nửa chừng mè chai mè chén  
xương cá xương thịt mắc ngang cuống họng  
tau chưởi cho nửa đêm oan hồn yêu tinh ma quỷ  
mình mẩy đầy máu hiện hình vây quanh bây đòi trả đầu trả  
chân trả tay trả hòm trả vải liệm

HUỶNH ÁI TÔNG

tau chưởi cho cha mẹ bây có chết cũng mờ xiêu mà lạc  
đọa xuống ba tầng địa ngục bị bỏ vào vạc dầu  
tau chưởi cho cha mẹ bây có còn sống cũng điên tàn  
đui què câm điếc làm cô hồn sống lang thang đầu đường xó  
chợ  
bốc đất mà ăn xé áo quần mà nhai cho bây có nhìn ra  
cũng phải tránh xa  
tau chưởi cho con cái bây đũa mới đi đũa đã lớn  
sa chân sẩy tay đui què sứt mẻ nửa đời nửa đoạn  
chết không được mà sống cũng không được  
tau chưởi cho đứt nọc dòng giống của bây cho bây chết  
sạch hết  
không bà không con  
không phúng không điếu  
không tưởng không niệm  
không mờ không mả  
tuyệt tự vô dư  
tau chưởi cho bây chết hết  
chết sạch hết  
không còn một con  
không còn một thằng  
không còn một mống  
chết tiệt hết  
hết đời bây

(29 tháng 6 năm 1997)

**Người đàn ông bốn mươi ba tuổi nói về mình**

1.

tôi tuổi tỵ  
năm nay bốn mươi ba tuổi

thường không có một đồng trong túi  
buổi sáng buổi chiều  
thứ hai thứ ba thứ bảy chủ nhật  
trong nhà ngoài sân với hai đứa con  
cây cà cây ớt  
con chó con mèo  
cái đầu gãy cái tay gãy của con búp bê  
cọng cỏ ngọn lá vú sữa khô  
thúng mủng chai chén sách vở quần áo mũ nón cuốc rựa  
trên ghế dưới bàn  
hai ba ngày một tuần một tháng có khi không đi đâu hết  
một hai ba giờ sáng thức dậy ngồi vác mặt ngó trời nghe  
chó sủa  
miếng nước trà mớc nguội có mùi bông lài rất cổ  
cũng không có chi phiền  
vấn một điều thuốc hút  
hai ba lần tắt đở  
rồi nửa chừng rách giấy  
bạn bè gặp nhau  
cho uống một ly cà phê  
một lần  
qua hai lần phải tránh  
không phải ai cũng nghĩ như mình  
nhiều đứa vui gặp nhau cho năm ba đồng một chục  
đưa tay cầm lấy  
miệng nói không được

2.

tôi thấy tôi như người tù được thả rông  
lang thang giữa đường giữa phố  
nhìn hết mọi người  
xem mình lâu ngày mặt mũi có khác người không  
tôi đi lui  
tôi đi tới  
phố phường đông chật

HUỶNH ÁI TÔNG

tiếng cười tiếng la tiếng nói tiếng xe cộ  
chẳng có ai quen thử nói chào tôi một tiếng  
tôi đưa hai tay lên đầu vuốt tóc  
lấy chân hất một hòn đá  
cúi xuống nhìn mấy bao thuốc không bên lề đường  
rời đi về  
qua cầu dếp sút một quai  
tôi không muốn nhớ gì hết

3.

tôi ngồi trên hòn đá trước nhà  
buổi chiều không có một con chim đậu trên cây  
đám trẻ con chia phe bắn nhau cười la ngoài sân  
.....

Trong bài *Những bài thơ đau đớn*, Uyên Vũ đã viết về Trần Vàng Sao:

*Từ một nhà thơ dùng tên lá cờ làm bút hiệu, ông đã bị đầu tó, bị coi là kẻ phản động, nói xấu lãnh tụ, đã kích chế độ. Ông đã bị trừ dập, cô lập, và bị hành hạ đến sống dở chết dở trở thành một kẻ bị mọi người khinh bỉ, xa lánh, tàn tệ đến mức, như ông kể, ai cũng gọi ông là "hắn" hay "thằng Đỉnh", chỉ có "một thằng bé bị thân kinh gọi tôi bằng chú".*

Tài liệu tham khảo:

- Trần Vàng Sao Web: [vi.wikipedia.org](http://vi.wikipedia.org)
- *Tôi bị bắt* Web: [Talawas.org](http://Talawas.org)



#### 4. Hữu Thịnh



**Hữu Thịnh - Nguyễn Hữu Thịnh (1942-20 )**

Nhà văn Hữu Thịnh tên thật là Nguyễn Hữu Thịnh, bút danh Vũ Hữu sinh ngày 15 tháng 2 năm 1942. Sinh ra trong một gia đình nông dân có truyền thống Nho học nhưng ông đã trải qua tuổi thơ ấu không dễ dàng: ở 6 năm với bác ruột, 10 tuổi phải đi phu, làm đủ mọi thứ lao dịch cho các đồn binh Pháp: Vân Tập, chợ Vàng, Thửa, Thanh Vân.

Sau năm 1954, Nguyễn Hữu Thịnh mới được đến trường. Năm 1963 ông tốt nghiệp phổ thông và nhập ngũ, trở thành một người lính thuộc Trung đoàn 202. Từ đây Hữu Thịnh đã tham gia một số hoạt động như chặn bò, học lái xe tăng, làm cán bộ tiểu đội, dạy bổ túc văn hoá, viết báo và làm cán bộ tuyên huấn. Nhiều năm tham gia chiến đấu tại miền Bắc, đã trải qua hầu khắp các chiến trường máu lửa như Đường 9

Sau 1975, Hữu Thịnh học Sơ cấp Thú y và là một trong số những học sinh khóa đầu tiên của trường.

## HUỶNH ÁI TÔNG

Từ 1982, ông lần lượt đảm nhiệm các chức vụ cán bộ biên tập, Trưởng ban Chăn nuôi, Phó Tổng Biên tập của *Tạp chí Thú y*.

Từ 1990 đến nay, Hữu Thịnh chuyển sang công tác tại Hội Nhà văn Việt Nam, trở thành Tổng Biên tập *Tuần báo Văn nghệ*, tham gia Ban chấp hành Hội Nhà văn các khoá 3, 4, 5, Ủy viên Ban Thư ký khoá 3.

Hữu Thịnh đã lần lượt đảm nhiệm chức trách Phó Tổng Thư ký Thường trực Hội Nhà văn Việt Nam (nay là chức Phó Chủ tịch Hội nhà văn Việt Nam), Tổng Thư ký Hội Nhà văn Việt Nam (3 lần), đồng thời kiêm nhiệm Ủy viên Thường vụ Đảng ủy Khối Tư tưởng Văn hoá Trung ương, Bí thư Đảng ủy Đảng bộ Cơ quan Hội Nhà văn Việt Nam, Bí thư Đảng đoàn Hội Nhà văn Việt Nam. Đại biểu Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam (khóa X). Từ năm 2000, Hữu Thịnh là Tổng Thư ký Hội Nhà văn Việt Nam.

Nhà thơ Hữu Thịnh đoạt được các giải thưởng:

- Giải C cuộc thi thơ của báo *Văn Nghệ* vào năm 1972-1973.
- Giải A cuộc thi thơ của *Tuần báo Văn nghệ* năm 1975-1976 là *Chuyến đò đêm giáp ranh* và *Sức bền của đất*.
- Giải thưởng Hội nhà văn Việt Nam năm 1980, với trường ca *Đường tới thành phố*
- Giải xuất sắc của Bộ Quốc phòng năm 1994 với *Trường ca biển*
- Giải thưởng Hội nhà văn Việt Nam năm 1995 với tập thơ *Thư mùa đông*
- Giải thưởng Văn học ASEAN năm 1999.
- Giải thưởng Nhà nước về văn học Nghệ thuật đợt I, năm 2001.

Ngày 30 tháng 11 năm 2006, trong lễ trao giải thưởng và lễ kết nạp hội viên Hội Nhà văn Việt Nam, Hữu Thịnh đã "xin miễn nhận giải thưởng" của chính Hội Nhà văn mà ông đang là chủ tịch, cho tập thơ *Thương lượng với thời gian* được ông viết trong hơn 10 năm, đồng thời cũng từ chối giải thích lý do.

Tác phẩm:

- *Âm vang chiến hào* (in chung, 1976)
- *Đường tới thành phố* (trường ca, 1979)
- *Từ chiến hào tới thành phố* (trường ca, thơ ngắn,)
- *Khi bé Hoa ra đời* (thơ thiếu nhi, in chung)
- *Thư mùa đông* (1994)
- *Trường ca biên* (1994)
- *Thơ Hữu Thịnh* (1998)
- *Sức bền của đất* (trường ca, 2004)
- *Thương lượng với thời gian* (thơ 2005)

Trích văn:

### Phong lưu Nguyễn Quang Sáng

Mùa hè năm 2009, tôi đi An Giang để tham dự Hội thảo “Văn học với đề tài nông nghiệp, nông thôn, nông dân” do Hội Nhà văn Việt Nam và Hội Văn học - nghệ thuật An Giang phối hợp tổ chức. Trên chuyến xe đi Long Xuyên hôm ấy có anh Nguyễn Quang Sáng, anh Lê Văn Thảo và tôi. Khi Lê Văn Thảo và tôi đến đón, anh Sáng đang đọc âm bên một chiếc bàn nhỏ, dưới một tán lá xum xuê. “Minh đang nhấp trà Thái Nguyên để nhớ Hà Nội các ông ạ”. Anh khoe ngôi nhà này do con trai anh thiết kế. Tất cả đều hiện đại, chỉ có góc vườn rất nhỏ này là có vẻ dân dã nhà quê. Trong truyện ngắn “Con ma da”, anh Sáng để cho nhân vật mình lên tiếng.



*Nhà văn Nguyễn Quang Sáng (ảnh: Nguyễn Đình Toán)*

- Dân thành phố tụi mày quên nhiều điều quá.

Phải chăng cái góc trà nhỏ xíu này là nơi để chống lại căn bệnh chết người đó? Vừa lên xe anh Sáng đã đặt cốc:

- Hôm nay đi dềnh dàng chút đó nghe. Không đi kiểu học tóc của Hữu Thịnh, chỉ biết làm việc thôi, chán lắm. Mấy ông Ok chứ?

- Anh Năm là trưởng đoàn, anh quyết cái gì là bọn em theo liền. Tôi nói.

Lê Văn Thảo:

- Chuyến này mình phải “nhậu hoá” Hữu Thịnh mới được.

Câu chuyện đã có mồi, cứ thế rôm rả. Xe ra khỏi thành phố. Ai vừa mở chiếc lồng bàn của vô tận để miền Tây tươi tốt hiện ra trước con đôi thiên nhiên của chúng tôi. Đúng là được phóng sinh, được thả về với vườn tược cây cỏ. Thú quá. Đó cũng là

một cuộc nhậu chứ sao. Xe đang ngọt máy. Trời mới non trưa. Người đang ròn chuyện. Thuận đà, có thể phóng thêm 100 km nữa, rồi ngẫu nhiên tạt vào cái quán nào đó ven đường cũng khoái lắm chứ. Nhưng vị trưởng đoàn đã ra lệnh:

- Chú Kim cho xe tấp vô Tiền Giang, ghé quán Quốc Việt nghỉ trưa nghe.

Gọi là “quán” thì khiêm tốn quá. Đó là cả một cơ sở dịch vụ sang trọng, toà ngang dãy dọc, người xe tấp nập, ồn ào. Nó tọa lạc ngay cạnh bên phà Rạch Miễu mà bao năm tôi qua đây để sang Bến Tre mà không biết. Chủ nhà là anh Quốc Việt, con trai của bà má ngày xưa cùng làm việc với anh Sáng ở Đài Tiếng nói Việt Nam, thời anh tập kết ra Bắc. Quốc Việt trưởng thành từ cán bộ Đoàn, đi học Liên Xô, lại học trường Đảng Nguyễn Ái Quốc. Một cán bộ trẻ đầy hứa hẹn. Nhưng học xong, anh rẽ ra làm kinh tế, thành đạt khá nhanh. Qua cái món đặc sản cầu kỳ mà chủ đem đãi khách, tôi biết Quốc Việt phải bỏ ra cả tuần lễ để chuẩn bị. Khắp miền Tây, miền Đông, Hà Nội, Huế... đâu đâu anh cũng được chèo kéo, quần tụ rôm rả, và các cuộc nhậu, “cuộc vui suốt sáng, trận cười thâu đêm” như thế kéo dài như bất tận. Đó là một nét phong lưu đặc biệt của Nguyễn Quang Sáng. Phong lưu tình bạn. Anh được mến mộ rộng khắp, cả văn và người. Những người bạn đó không phải là những thực khách nhất thời ghé vào chiếu một lần cho phải phép, mà thực sự là sự thù tạc thủy chung với biết bao tri kỷ. Những người bạn đó, họ đọc văn anh trước rồi mới tìm đến anh sau. Và cái mà họ bắt gặp ở anh là sự thống nhất trọn vẹn giữa nhà văn và tác phẩm. Nguyễn Quang Sáng rất Nam Bộ. Một nhà văn Nam Bộ điển hình. Một nhà văn trên 80 tuổi đời, 60 năm cầm bút, trải đời và trải nghề là thế mà vẫn giữ được yếu tố bản năng tươi tốt đến khi từ già cõi đời. Bản năng tươi tốt bền vững đã giúp anh bảo toàn cá tính sáng tạo, đủ sức làm nên

một trường ảnh hưởng độc đáo, một phong vị văn chương riêng biệt.

Chiều hôm đó, chúng tôi đi men theo dòng sông Tiền để tiến vào thành phố Long Xuyên, thủ phủ của tỉnh Tiền Giang. Đến một đoạn cây cối, đất đai trù phú, anh Sáng bảo lái xe đi chậm lại. Anh nhào người ra khỏi cửa kính, chỉ tay về phía Tây, giảng giải:

- Hữu Thịnh nhìn sang cù lao bên phải coi. Đó là cù lao Giêng, nay là huyện Chợ Mới. Quê mình đó. Có nhìn thấy cái chóp nhà thờ cổ kính kia không. Có à. Đó là nhà thờ cổ nhất Việt Nam, xây trước cả nhà thờ Phát Diệm ngoài Bắc. Cạnh đó là nhà của đồng chí Ung Văn Khiêm. Tiếp đó là nhà bác sĩ Nguyễn Văn Hương, Bộ trưởng Y tế đầu tiên của ta đó. Mấy chúng tôi, Anh Đức, Nguyễn Quang Sáng, Nhạc sĩ Hoàng Hiệp đều sinh ra ở Cù Lao này cả. Đều là bạn học từ thời ấu ỉ chỏm đó.

Đi tiếp một đoạn, anh lại bảo xe chạy chậm và chỉ tay về một cù lao đối diện với cù lao Giêng.

- Thấy cái đám cò vừa vỗ cánh bay lên đó không. Đó, là cù lao Hồ, nay là huyện Mỹ Hoà Hưng, quê hương của bác Tôn Đức Thắng. Gần đó là nhà của Lê Văn Thảo, Viễn Phương. Tao nói vậy đúng không Thảo?

- Anh Năm làm hướng dẫn viên du lịch nghiệp dư coi vậy mà ngon đó. Hữu Thịnh biết không, trước khi lên rừng, anh Viễn Phương dạy học. Mình học ổng. Sau ổng bị bắt, bị giam ở nhà tù Phú Lợi cùng với Sơn Nam. Thầy Viễn Phương dạy văn rất hay, nhưng mình thích toán, thi vào Đại học ngành Toán. Học toán hai năm, hoạt động trong phong trào sinh viên, được mớ lên rừng. Từ đó viết văn.

Một dải cù lao thượng nguồn Chín Rồng mà sản sinh ra biết bao chính khách, văn nhân. Nguyễn Quang Sáng sống trọn tuổi thơ ở đó cho đến năm mười bốn tuổi thì đi bộ đội. Cả một thời vị thành niên ngụp lặn, khoả sóng sông Tiền, anh đội phù sa mà lớn lên. Rồi cùng với phù sa của bao dòng sông khác để bồi đắp nên một nền văn học mới. Anh Sáng kể: Ba anh làm nghề thợ bạc nổi tiếng trong vùng. Mẹ anh làm vườn và đảm việc nội trợ. Gia đình không đến nỗi nghèo, nên anh được đến trường từ nhỏ. Ba anh mê hát tuồng, cải lương và truyền cái gien đó sang anh. Cả một vùng cây trái, sông nước, con người, tập tục sau này đều đi vào tác phẩm Nguyễn Quang Sáng, đem cái mặn mòi chân chất của mạch tự truyện bổ sung cho cái bay bổng của thăng hoa tưởng tượng. Công việc sáng tạo có thể cấp giấy thông hành cho mọi dữ kiện của đời sống đi vào tác phẩm của nhà văn. Nhưng sẽ chỉ thực sự trở nên có hình hài, máu thịt những gì nhà văn đã trải nghiệm và trả giá. Kết thúc truyện ngắn “Bài học tuổi thơ” Nguyễn Quang Sáng viết “Sáng tạo không đồng nghĩa với bịa đặt. Giữa những dòng chữ bịa đặt và trang giấy trắng, tôi xin để nguyên trang giấy trắng trung thực, trên bàn viết”. Cái chất thâm thúy trong văn Nguyễn Quang Sáng thường để cho đời sống trần trụi, thô tháp cất lên, thay cho mớ lý lẽ áp đặt cơ giới di trú từ bên ngoài.

\*

Trong Đại hội Nhà văn Việt Nam lần thứ IV (1989), kết quả bầu cử lần một có sáu người trúng cử: Nguyễn Quang Sáng, Vũ Tú Nam, Chính Hữu, Nguyễn Ngọc, Xuân Cang, Hữu Thịnh, trong đó Nguyễn Quang Sáng cao phiếu nhất. Trong lúc Đại hội đang thảo luận có nên bầu lần hai hay không và bầu như thế nào thì có một chiếc xe đến Hội trường Ba Đình đón sáu vị vừa trúng cử về họp tại Văn phòng Trung ương Đảng. Đồng chí Nguyễn Đức Tâm, Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương Đảng, Trưởng ban Tổ chức Trung ương, chủ trì hội nghị. Đồng chí đi ngay vào công việc:

## HUỶNH ÁI TÔNG

- Thay mặt Ban Bí thư, tôi xin chúc mừng các nhà văn đã trúng cử đợt đầu. Đại hội sẽ thảo luận và quyết định việc bầu cử lần hai, theo đúng Quy chế tổ chức Đại hội. Nhưng dù bất cứ kết quả bầu cử tiếp theo như thế nào thì chức danh Tổng Thư ký cũng sẽ được bầu trong sáu nhà văn trúng cử đợt đầu. Theo tôi nghĩ, Tổng Thư ký Hội Nhà văn phải là người tiêu biểu về phẩm chất chính trị, tư tưởng, nghiệp vụ, quy tụ được anh em, có sức khỏe, nhiệt tình làm việc. Vì trọng trách lớn như vậy, cần có sự tập trung cao độ, vì vậy cần thường trực tại Hà Nội. Ban Bí thư đề nghị các đồng chí phát huy trí tuệ tập thể, cùng xem xét, quyết định cử người để Đại hội bầu chức danh Tổng Thư ký.

Sau khi đồng chí Nguyễn Đức Tâm dùng lời, không khí ắng đi một lúc lâu. Sau đó, có hai người được giới thiệu là anh Nguyễn Quang Sáng, và anh Vũ Tú Nam. Sau vài lời trao đổi, anh Nguyễn Quang Sáng đứng dậy nói:

- Tôi cảm ơn đồng chí giới thiệu. Nhưng tôi đi tập kết miền Bắc mười năm, về Nam chiến đấu hơn mười năm nữa, xa nhà, ăn cơm tập thể nằm giường cá nhân nhiều rồi. Nếu làm Tổng Thư ký lại tiếp tục cảnh xa nhà, xa vợ con, cơm niêu nước lọ, cực không chịu nổi. Do vậy, cho tôi xin rút lui và xin giới thiệu anh Vũ Tú Nam.

Anh Sáng kết thúc lời phát biểu với gương mặt thật thục thái. Một mặc, giản dị, và một sự chân tình không ai có thể nghi ngờ được.

Vỗ tay. Không có ý kiến gì khác. Anh Vũ Tú Nam phát biểu cảm ơn anh Nguyễn Quang Sáng và đề nghị nếu được bầu làm Tổng Thư ký thì xin anh Sáng giúp làm Phó Tổng Thư ký, phụ trách khu vực phía Nam.



Cuộc họp kết thúc vui vẻ. Lần bầu thứ hai có thêm ba nhà văn trúng cử: Hữu Mai, Nguyễn Khải, Nguyễn Thị Ngọc Tú. Việc bầu Tổng Thư ký trong phiên bế mạc Đại hội diễn ra theo đúng kịch bản mà anh Sáng đã phát biểu trong cuộc họp với Ban Bí thư.

Nhiệm kỳ 4 diễn ra tốt đẹp. Tổng Thư ký Vũ Tú Nam và Phó Tổng Thư ký Nguyễn Quang Sáng là hai vé đối rất hoàn chỉnh. Hai tính cách, hai phong thái hai sự kinh nghiệm bổ sung cho nhau, làm trụ cột cho một tập thể lãnh đạo gồm chín thành viên. Tôi và chị Nguyễn Thị Ngọc Tú thật hạnh phúc được làm việc với những người anh mà tài năng đã được chứng thực, từng trải dư thừa, vô cùng sắc sảo, có đằng sau cả mấy chục năm lặn lội trên các ngã chiến trường ác liệt nhất. Với một tập thể như thế, vị Tổng Thư ký và Phó Tổng Thư ký đã triệt để khai thác một bí quyết thành công: Dân chủ. Nhưng tính phức tạp của cuộc sống luôn là sự xuất hiện không ngừng những yếu tố ngoài dự báo. Trước những tình huống đó, có ý kiến khác nhau, thậm chí gay gắt là chuyện bình thường. Và phải xem là bình thường. Tôi có không ít những kỷ niệm về các cuộc thảo luận căng thẳng như thế. Và điều thú vị là khi kịch tính được đẩy đến mức cao nhất thì người gỡ nút thường là Nguyễn Quang Sáng. Anh có cái khôn ngoan rất dân dã và rất thuyết phục của người nhà quê. Kinh nghiệm cho thấy khi mà lý tính được đẩy lên rất cao thì muốn đạt được sự đồng thuận phải có thêm yếu tố của tình cảm - một thứ tình cảm chứa rất nhiều lẽ phải thông thường. Đó không phải là giải pháp tình thế hạ hỏa nhất thời, mà là một cách sống. Và để làm xum xuê thêm cuộc chung lưng đấu cật, trong mọi thứ quyền, cần tôn trọng cái quyền cho người ta nghĩ lại và quyền chờ đợi không biết nản.

\*

- Hữu Thịnh đó à, anh Sáng nè. Tụi tao đang nhậu. Nhớ em gọi chơi thôi, không có chuyện gì đâu.

Tôi thường nhận được những cú điện thoại ngẫu hứng như thế của anh Sáng từ khắp nơi anh tới. Thú thật trước vong linh anh, có lúc mãi việc hoặc vì lý do gì đó, tôi không bắt máy kịp. Lúc sau xem lại các cuộc gọi nhờ, tôi gọi xin lỗi anh liền. Anh cười hể hả, chẳng để bụng để dạ gì cả. Tính anh vốn vậy. Xuề xoà, khoan dung, rộng mở. Tôi đọc anh khá sớm. Những năm tôi còn là học sinh cấp 3 phổ thông thì tên tuổi anh đã nổi đình đám. Sau hai tập truyện ngắn trình làng Con chim vàng (1957), Người quê hương (1958) thì hai tập tiểu thuyết Nhật ký người ở lại (1962) và Đất lửa (1963) được dư luận đánh giá rất cao lúc bấy giờ. Tôi phải thuê đọc từ một thư viện tư nhân ở thị xã Vĩnh Yên. Đọc anh khá sớm, nhưng phải đến năm 1983 tôi mới được gặp anh, trong Đại hội Nhà văn Việt Nam lần thứ ba. Ba mươi năm gìn giữ một hơi ấm, với tôi đó là một tài sản quý báu. Có những lúc do công việc, tôi nhờ anh giúp cho chuyện này chuyện khác. Anh không hề từ chối. Chỉ riêng một chuyện, tôi đeo đuổi năm sáu năm qua, đến tháng 7 năm 2013 mới được anh giúp cho mỹ mãn. Đó là việc sưu tầm các hiện vật của anh để trưng bày trong Bảo tàng Văn học của Hội. Tôi biết anh do dự đôi chút, một là những hiện vật đó rất quý, anh muốn giữ để làm nhà lưu niệm sau này, hai là anh sợ bị xem là đánh bóng tên tuổi. Tôi không hối thúc anh tức tưởi nhưng đeo bám không ngừng. Cuối cùng, vào một ngày may mắn của tháng 7 năm 2013, sau sự quả quyết đanh thép của anh, tôi bảo nhà thơ Lê Quang Sinh, Phó Giám đốc Bảo tàng Văn học lấy vé máy bay gấp vào thành phố Hồ Chí Minh. Lê Quang Sinh bay lúc sáng, quá trưa tôi đã có tin vui từng mong đợi: Anh Sáng đã đồng ý bàn giao một hòm lớn kỷ vật của anh cho Lê Quang Sinh đem về. Tôi dặn Sinh: “Em nhớ khi ra phải để riêng làm hàng xách tay, không được gửi theo đường dây chuyên đầu đũa”. Tôi đón Sinh ở Bảo tàng, vui muốn khóc, vì anh Sáng rất cẩn thận, xếp thứ gì ra thứ ấy, từng thứ ghi chú rõ ràng: Bản thảo, quần áo, thư từ, và một vỏ chai rượu đặc biệt nhất. Trong các kỷ vật có thẻ nhà báo cấp ngày 27-6-1960 do Giám đốc Sở báo chí Trung ương Lưu Quý Kỳ ký, giấy chứng nhận (thay cho chứng minh

thư tạm thời) cấp ngày 16-5-1973 do nhà thơ Bảo Định Giang thay mặt Liên hiệp Văn học - nghệ thuật ký. Và, đặc biệt là “Giấy chứng nhận chở gạo cấp cho nhạc sĩ Hoàng Hiệp và nhà văn Nguyễn Quang Sáng mỗi người được chở 10kg gạo từ An Giang về thành phố Hồ Chí Minh” do Phòng lương thực huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang cấp ngày 28-5-1978.”

Trời ơi! Hai ông, một nhạc, một văn, được Giải thưởng Hồ Chí Minh lẫy lừng thiên hạ, thế mà có một đạo về quê được bà con cho gạo làm quà mà phải có sự cho phép của cơ quan quản lý nhà nước. Mà có nhiều nhận gì cho cam. Tôi đọc ghen ngào, nhớ lại tất cả anh Sáng. Một tài tử giai nhân Nam Bộ tài hoa, phóng khoáng, ham vui nhưng vô cùng cụ thể, chu đáo chăm chút cho gia đình từng ký gạo. Một người biết lo những việc nhỏ nhất cũng là người biết lo cho những việc lớn nhất. Nhớ lại cái thời ngặt nghèo nó như cơn bão thất ngặt không chừa bất cứ ai. Nhưng có điều lạ, các nhà văn cùng với bà con cô bác cứ vui vẻ sống, chấp nhận và chờ đợi, một nỗi chờ đợi khắc khoải cái mầm sống đang sinh sôi trong chính cơ thể mình. Và đó lại là thời kỳ sung sức nhất của anh Sáng. Từ những thành công của văn học, anh làm người ta bất ngờ với hàng loạt kịch bản điện ảnh nổi tiếng, trong đó có phim “Cánh đồng hoang”, được xem là bộ phim kinh điển của điện ảnh Việt Nam.

Một đời sống đã khép lại. Nhưng vòng ảnh hưởng của một nhà văn tiếp tục được mở ra. Anh Sáng ơi!

*Hà Nội, ngày đưa tang anh Nguyễn Quang Sáng  
17 tháng 2 năm 2014*

Trích thơ:

**Đất ngày thường**

March26

(Trích Trường ca)

Mười bảy tuổi chắc gì mưa ướt áo  
Em đứng so le bên mùa ngâu  
Em chọn mùa ngâu để tha hồ lãng quên, tha hồ mơ mộng  
Anh đi qua không gặp mắt em nhìn

Mưa trút nổi niêm  
Gió trên đường lai láng  
Lật hạt gạo anh tìm  
Em đứng cùng ai  
Em đứng cùng ai  
Lật hạt gạo lại thấy em đang hát  
Gió có điều chi mà tìm đến sông dài

Mười năm rồi  
Khúc mía gầy anh chưa hề róc vỏ  
Mẹ một mình đi cấy cánh đồng xa  
Mẹ đã đi hết con đường của mẹ  
Hạt thóc đâu  
Hạt thóc đâu  
Sấm chớp trước hiên nhà

Mười bảy tuổi chắc gì mưa ướt áo  
Mẹ mong em vấp phải cầu vồng  
Em hẹn về tháng Tư  
Bánh trôi nước vỡ đường không gặp bóng  
Em hẹn về tháng Sáu  
Ngọn sào tre ngấp nghé trái bòng non  
Mẹ nhờ cuốc kêu  
Cuốc kêu nhỏ máu  
Mẹ nhờ khói bếp  
Trời ngắt khói đem đi

Rau sam rau dệu rau gì  
Rủ nhau thương mẹ những khi mẹ chờ

Anh xuống đò Phụng Hiệp tìm em  
Lục bình trôi tránh mặt  
Tôm cá quăng mình vào tiệp lớn  
Ai chèo đò như dáng mẹ ta khom

Ngọn dừa vượt gió dài thêm  
Vượt dài thêm con đường sông nước  
Chẳng thấy em đâu củi rêu trôi chóng mặt  
Chiều động lòng cho câu lý cầm tay

Anh đi tìm em câu lý vắt vai  
Người cắp thùng đi dọc đường số một  
Người thắt cổ dưới gốc cây bình bát  
Người đi nhờ phóng ảnh để thờ con

Mẹ ơi mây héo con xin mẹ  
Cho con lên an ủi mặt trăng buồn  
Chợ tan đường cũng như tan chợ  
Bán được buồn hay mua được buồn hơn

Ta vay bóng mát mà không trả  
Trời hiểu vì sao lại mát mùa  
Ta đã qua những mặt bàn nguy hiểm  
Những người hiền vương vít giữa rom khô

Người ta bảo em rẽ qua kênh Sáng  
Anh rẽ bùn qua kênh Sáng tìm em  
Người ta bảo em rẽ qua tiệp cười  
Anh tới nơi bát đĩa đã say mèm

Nếu em không hứa em quay lại  
Cá chẳng hơi đâu đớp bóng cầu

HUỶNH ÁI TÔNG

*Nếu em không hứa em quay lại  
Sáo chẳng rú đàn bỏ xuống lưng trâu*

**Xa vắng**

March24

*Xa vắng quá bồn chồn đi hỏi cát  
Đường đông người đâu nhĩ dấu chân em  
Xa vắng quá một mình đi hỏi bến  
Người sang đò có dặn sóng gì thêm*

*Xa vắng quá tân ngân đi hỏi chợ  
Người mua gương dạo ấy có hay về  
- Người mua gương chỉ một lần trở lại  
Soi tung bưng rồi lặng lẽ quay đi.*

**Em còn nhớ chăng**

November15

*Ai đưa đò tình  
Buộc vào bến lở  
Còn lại mình anh  
Gom từng mảnh vỡ*

*Tháo cả mái trời  
Che không đủ ấm  
Đội nghìn cơn mưa  
Không nhòe kỉ niệm*

*Như cây tìm lá  
Như cá tìm vây  
Anh gọi khăn lời  
Chiều dang dở gió*

Mở trăng ra tìm  
Trăng còn in bóng  
Mở cỏ ra xem  
Cỏ còn hơi ấm

Hoa vẫn ngày nào  
Không an ủi được  
Tình bao nhiêu bậc  
Em còn nhớ chăng? ...

(Thu 1989)

**Chăn-đa em ơi**

June23

Cũng tại tôi đa tình  
Nên bây giờ mới khổ  
Đã biết em cách trở  
Có gì còn đa mang

Nhớ sen đi tìm đầm  
Gặp toàn bong bóng nước  
Quay về hoa vẫn cúc  
Anh cảm như trăm năm.

Kẻ ghét cứ phải gần  
Người yêu đành xa cách  
Mây dẫu thương mặt đất  
Không thể nào không bay.

Đường cũ vẫn đông người  
Đi về đâu không biết  
Cây tự cho bóng bình  
Mà trời không bớt gắt

HUỶNH ÁI TÔNG

*Chùa xưa sư vẫn đây  
Khói nhang buồn thăm thẳm  
Phật thấu hết mọi điều  
Hỏi em, đành im lặng.*

*Bồ đề mùa lá rụng  
Bay mờ trong hư vô.*

(Phnôm-pênh, 1985)

**Sang thu**

March 1

*Bông nhận ra hương ôi  
Phả vào trong gió se  
Sương chùng chình qua ngõ  
Hình như thu đã về*

*Sông được lúc dềnh dàng  
Chim bắt đầu vội vã  
Có đám mây mùa hạ  
Vắt nửa mình sang thu.*

*Vẫn còn bao nhiêu nắng  
Đã vơi dần cơn mưa  
Sấm cũng bớt bất ngờ  
Trên hàng cây đứng tuổi.*

**Hỏi**

December 3

*Tôi hỏi đất: Đất sống với đất như thế nào?  
- Chúng tôi tôn cao nhau*



*Tôi hỏi nước: Nước sống với nước như thế nào?  
- Chúng tôi làm đầy nhau*

*Tôi hỏi cỏ: Cỏ sống với cỏ như thế nào?  
- Chúng tôi đan vào nhau  
Làm nên những chân trời*

*Tôi hỏi người:  
- Người sống với người như thế nào?*

*Tôi hỏi người:  
- Người sống với người như thế nào?*

*Tôi hỏi người:  
- Người sống với người như thế nào?*

### **Nghe tiếng cuộc kêu**

May 5

*Những đám mây bay đi  
Tôi với người ở lại  
Cuộc kêu ngoài bến sông  
Cuộc kêu vì bầy hiềm  
Bèo leo nheo nước lên  
Tôi âm thầm gọi tên  
Bàn ghế và quần áo cũ  
Tuổi trẻ đột ngột về  
Ngơ ngác nhìn tôi  
Những cánh diều để chòm  
Vui hơn diều đáng vui  
Bánh đa phồng giữa chợ  
Che bớt một phần buồn*

*Tôi ngồi gọi tên những quân bài tam cúc  
Xe pháo mã những ngã đường xa lắc*

HUỶNH ÁI TÔNG

Còn lại thôi hồi tiếng cuộc kêu.  
Cuộc kêu từ ngày chưa ai đặt tên cho cuộc  
Cha tôi nhào đất đắp đường  
Ông tảo bằng đất  
Chiếc chén bằng đất  
Những người uống rượu lần lượt bỏ đi  
Cha tôi cầm chiếc chén lên  
Như cầm một phần đời mình  
Đã khô ra thành đất  
Cuộc kêu ngoài bãi xa  
Cuộc kêu từ ngày cây tre chưa đủ lá đan sàng  
Trên đất ướt có người đến ở  
Họ bắt đầu như một chiếc rễ nâu  
Họ làm ra mọi thứ để nuôi nhau  
Mong con cái có ngày mở mắt  
Trời tối thì cây ngọn đèn  
Ngọn đèn bắc thấp bằng đầu lạ  
Ngọn đèn bắc gió nhiều phen cướp mát  
Cuộc kêu ngoài bến xa!  
Cuộc kêu từ ngày em lay mẹ lay cha  
Đi theo một sợi tơ hồng  
Về với anh thành vợ thành chồng  
Tình yêu nhiều đứt nối  
Ta xin rùng một chiếc giường con  
Xin đất một chiếc ấm nhỏ  
Một đời người mà chiến chinh nhiều quá  
Em níu giường níu chiếu đợi anh  
Em trát những người con trai đẹp  
Đợi anh  
Chỉ mong anh về  
Áo rách cũng thơm  
Chiếc chạn nhỏ với vài đôi dĩa mộc  
Anh cứ tưởng sau chiến tranh thì toàn là hạnh phúc  
Chúng ta đã từng vò võ đợi nhau  
Nhưng không phải em ơi, cuộc kêu không phải thế

\*

Trưa nay có điều gì mà cuộc kêu như xé  
Tôi mất hai người anh  
Cả hai đều rất trẻ  
Sáng nay lại có người hàng xóm chạy sang  
Mỗi lần sau đám tang  
Lòng ai cũng héo  
Dạ ai cũng sầu  
Tôi cứ tưởng không ai còn xấu nữa  
Tôi cứ tưởng tốt với nhau bao nhiêu cũng còn chưa đủ  
Nhưng không phải, trời ơi, cuộc kêu không phải thế.  
Giếng nước than lắm kẻ chao chân  
Khu vườn than: có những con sên ngấp nghé lên trời  
Qua mùa hoa thì bướm cũng bay đi  
Tôi ngồi buồn như lá sen rách  
Cuộc kêu gì mà khắc khoải trưa nay  
Tôi ngồi buồn tôi đếm ngón tay  
Có mười ngón tay đếm đi đếm lại  
Đếm đi đếm lại trời ngả sang chiều.  
Chúng ta bị cái chết gạt về một phía  
Bị hư danh gạt về một phía  
Phải vượt mây trùng khơi mới bắt gặp nụ cười.  
Vừa bắt gặp nụ cười  
Thì lại nghe tiếng cuộc.

(7-1989)

### **Buổi sáng thức dậy**

Buổi sáng thức dậy  
Bắt gặp tình thương  
                    đi đưa đám hận thù  
Qua con đường  
                    những đám mây bị nhiều phen rượt đuổi

HUỶNH ÁI TÔNG

*Buổi sáng thức dậy  
Mùa đã qua  
                    mùa đã qua  
Những khung cây hoang vắng  
Đi qua nhiều mũ áo  
Để tìm một bàn tay*

*Thấm mệt tôi ngồi nghỉ  
Bóng mát một chùm gai*

Qua bài *Đường đời, đường thơ của Hữu Thịnh*, An Chi đã viết:

*“Một số nhà thơ giàu kinh nghiệm sáng tác và nhiều nhà nghiên cứu, phê bình văn học đã viết về thơ Hữu Thịnh. Trong số đó, nhiều tác giả đã đánh giá cao nghệ thuật tạo hình ảnh, sử dụng ngôn ngữ và tài cấu trúc bài thơ của Hữu Thịnh. Nhà thơ Nguyễn Trọng Tạo nhận xét: “Hữu Thịnh là thi sĩ của nhiều câu thơ đầy ma lực, như chứa được tổ moóc-phin gây mê nghiện...”. Còn nhà phê bình văn học Trần Mạnh Hảo thì ghi nhận: “Hữu Thịnh còn đưa thơ về phía chiều sâu của tạo vật, của lòng người, những câu thơ đung tới đáy hư vô của thi ca...”. Chúng tôi muốn nhìn nhận thơ Hữu Thịnh trong đời sống cụ thể của xã hội, của đất nước.”*

Tài liệu tham khảo:

- Hữu Thịnh Web: [vi.wikipedia.org](http://vi.wikipedia.org)
- Phong lưu Nguyễn Quang Sáng Web: [vanvn.net](http://vanvn.net)

## 5. Nguyễn Thị Ngọc Tú



### Nguyễn Thị Ngọc Tú (1944-2013)

Nhà văn Nguyễn Thị Ngọc Tú sinh ngày 25 tháng 12 năm 1942 tại Hà Nội.

Bà từng là giáo viên cấp 2 tại Sơn Tây, sau đó đi học khóa I Trường Viết văn của Hội Nhà văn Việt Nam.

Những năm 1965-1967, bà trở thành phóng viên báo Vùng Mỏ thuộc tỉnh Quảng Ninh. Sau đó, Nguyễn Thị Ngọc Tú về làm phóng viên, biên tập viên của tuần báo *Văn Nghệ* rồi làm Tổng Biên tập tạp chí *Tác Phẩm Mới* của Hội Nhà văn Việt Nam.

Nguyên Ủy viên Ban chấp hành Hội Nhà văn Việt Nam khóa IV.

Nhà văn Nguyễn Thị Ngọc Tú có con gái là nhà văn Nguyễn Thị Thu Huệ.

Bà đã đoạt các giải thưởng văn học:

## HUỶNH ÁI TÔNG

- Giải nhì cuộc thi truyện ngắn báo Văn Nghệ năm 1962 với truyện ngắn *Một đứa trẻ*
- Giải thưởng Hội Nhà văn Việt Nam 1985 với tiểu thuyết *Hạt mùa sau*
- Giải B Văn học công nhân 1998 với tiểu thuyết *Hai người và những con sóng*.
- Giải thưởng Nhà nước về Văn học nghệ thuật đợt I, năm 2001.

Sau khi về hưu, nhà văn Nguyễn Thị Ngọc Tú đã chống chọi với bệnh tật hơn 10 năm, bà trút hơi thở cuối cùng vào ngày 20-5-2013, tại bệnh viện Trung ương quân đội 108, tại Hà Nội. Hưởng thọ 72 tuổi.

### Tác phẩm:

- *Huê* (Tiểu thuyết, 1964)
- *Người hậu phương* (truyện ngắn, 1966)
- *Đất làng* (Tiểu thuyết, 1974)
- *Buổi sáng* (Tiểu thuyết, 1976)
- *Ngõ cây bàng* (Tiểu thuyết, 1980)
- *Câu chuyện dưới tán lá rợp* (truyện ngắn, 1982)
- *Những dấu chân phía chân trời* (truyện ngắn, 1983)
- *Hạt mùa sau* (Tiểu thuyết, 1984)
- *Giã từ mùa đông* (Tiểu thuyết, 1989)
- *Khoảng trời phía sau nhà* (truyện ngắn, 1989)
- *Phút thoáng qua* (tập thơ, Hà Nội, 1989)
- *Chỉ còn anh và em* (Tiểu thuyết, 1990)
- *Hai người và những con sóng* (Tiểu thuyết, 1992)
- *Buổi chiều tỏa hương* (1992)...
- *Cỏ ám* (truyện ngắn, 1998)

### Trích văn:

## Ảo ảnh bên hồ

### 1

Nhà tôi ở bên hồ Ngọc. Đó là một hồ nước rộng. Xung quanh hồ là một khu phố mới mọc lên gồm nhiều biệt thự xinh xắn lộ nhô mái đỏ, tum nhọn đổ bóng xuống hồ. Đổ bóng xuống hồ còn là những hàng liễu gầy tha thướt lá non mượt. Hồ có màu nước phớt xanh và trong vắt. Những hôm nắng người ta có thể nhìn sâu dưới đáy nước. Và gió, sóng rì rào dâng, nước tưới mát cho những bụi cỏ xanh bờ.

Mùa xuân. Buổi chiều thường có sương mù. Hơi nước và khoảng không rộng lớn tạo cho hồ một vẻ đẹp mơ màng.

Tôi thích đi quanh hồ vào những buổi chiều sau giờ làm việc của một ngày. Tiếng rì rào của những con sóng và lá cây như sẽ chia nỗi mệt nhọc, ưu tư, đôi khi nó an ủi, nâng đỡ những hi vọng mỏng manh vừa nhen nhúm và ru rúu nỗi buồn đau thất vọng của con, người.

Một buổi chiều mưa bụi và sương mù giăng giăng mặt hồ sóng nước mờ mịt, tôi gặp chị. Chị nhỏ nhắn mềm mại, nước da trắng mát từ một ngõ nhỏ và con đường nào đó đi cùng chiều với tôi. Tôi nhìn chị thấy có nét quen quen.

- Tôi trông chị quen quá. Chắc tôi đã gặp chị ở đâu?

- Tôi cũng vậy. Chắc chúng ta gặp nhau trong buổi đi dạo quanh hồ – Chị giơ tay chỉ ra hồ, tiếng nói nhỏ và trầm. Tôi cố nhớ và nghĩ một cái tên của chị mà chị. Tôi đã quen chị từ lâu lại như thể mới gặp lần đầu. Với một người như chị tên là gì cho thích hợp nhỉ? Tôi nghĩ và nói:

- Chị tên là Hoa phải không?

- Đúng. Tôi tên là Hoa – Chị vui vẻ đáp và nhìn tôi.

- Nhà chị ở đâu? – Tôi hỏi.

- Kia kia! – Chị chỉ ngôi nhà ba tầng xinh xắn quét vôi xanh ở đầu một ngõ nhỏ bên kia hồ – Nhà của tôi đấy! Số nhà 10, có cây dâu nhiều quả lắm – Mắt chị mơ màng, nét mặt như phủ sương khói.

Chúng tôi cùng nhau đi vòng quanh hồ. Chị bước đi nhanh và nhẹ. Chân chị có lúc như không chạm đất. Chắc chị chịu khó luyện tập hằng ngày, cũng có thể tại chị thấp bé nhẹ cân. Tôi nghĩ và vung vẩy tay. Bàn tay tôi chạm tay chị. Lạnh buốt, giống như bàn tay vừa ngâm trong nước đá.

- Minh máu lạnh. Chân tay đều lạnh nhưng trái tim thì nóng – Chị nói rồi cười và vùng chạy. Chị chạy nhanh lắm. Chân chị đi giày vải, bước đi không tiếng động. Cả bộ quần áo màu lam thẫm thoát ẩn thoát hiện giữa những lùm cây. Có lúc tôi thấy chị như biến mất ở đâu đó rồi lại hiện ra ở bên tôi. Phút chốc tôi thấy như chúng tôi là hai đứa trẻ đùa chơi bên hồ nước. Chị Hoa vẫn thoát ẩn hiện đâu đó. Khuôn mặt chị ngời ngời xinh đẹp, một vẻ đẹp xa xăm, bí ẩn. Có lúc tôi thấy mặt chị tái xanh đi.

- Chị chạy nhanh, nên mệt – Tôi bảo vậy.

Chị lắc đầu:

- Có gì mà mệt. Hôm nay mình vui đấy mà! – Chị nói và lại vùng chạy, mất biến dưới bóng cây.

Lúc này trời đã tối. ánh sáng ngày đã tắt nhưng đèn đường vẫn chưa bật lên. Những hình người di động mờ ảo. Da mặt của chị trắng bệch, người chị lả lướt bước đi như trôi trên những vạt



cỏ. Có lẽ chị mệt. Tôi bảo chị ngồi xuống ghế nghỉ. Chị xua tay và đi đến một bãi cỏ. Chân chị lướt nhẹ như trôi trên cỏ.

- Chị đừng đi vào cỏ, ướt tất! – Tôi nhắc.

- Không sao! Không sao! – Chị cười, hàm răng loé sáng. Chị đến ngồi lên một tảng đá.

- Chị đừng ngồi lên đá! – Tôi nói và ngạc nhiên thấy từ lúc gặp chị Hoa tôi trở thành người nói nhiều mặc dù chị là người nhanh nhẹn và sự khôn ngoan hiện ra từ nét mặt, dáng người. Chị đến ngồi bên một hòn đá, tựa người vào đá, bàn tay giơ ra âu yếm vuốt ve đá, áp mặt vào đá và lắng nghe tiếng thì thầm từ đường phố vọng vào đá .

- Chị làm gì thế? – Tôi hỏi.

- Những hòn đá này mang từ núi xa về đây – Chị nói, giọng mơ hồ. Tôi không hiểu chị muốn nói gì.

Trời tối. Những người ra hồ đi dạo nhiều hơn. Tôi thấy chị có vẻ bồn chồn như đang nóng ruột chờ đợi điều gì.

- Chị chờ đợi ai?

- Không. À mà có. Một người hứa giúp đỡ tôi. Tôi đã chờ đợi mà không bao giờ gặp.

- Tại sao vậy?

- Có hẹn đâu. – Chị dừng dừng đáp.

- Thế thì chịu!

Một người đàn ông. Một cuộc tình bí mật chẳng? Có thể lắm. Thiếu gì những người đã là bà nội, bà ngoại rồi vẫn có một mối tình và cũng chẳng thiếu gì những cuộc tình vụng trộm song

hành với gia đình và người ta lúc ở đâu (gia đình hoặc bỏ bịch) đều giữ được sự say đắm của tình yêu. Chị Hoa tuy đã có tuổi nhưng vẫn giữ được những dáng vẻ thanh thoát, thiếu gì người yêu mến.

Ý nghĩ đó làm tôi chú ý đến những người đàn ông đi lẻ (ngược nhiều hoặc song hành với tôi) bên hồ. Tôi nhận thấy những người đi lẻ không nhiều lắm. Họ đi từng đôi (chắc họ là những cặp vợ chồng hạnh phúc lắm bởi họ còn muốn ở cả bên nhau trong khi đi dạo). Thỉnh thoảng mới có một người đàn ông đi lẻ. Có người bộ dạng bơ phờ, dường như bị vắt kiệt mọi sức lực ở đâu đó tìm đến nơi đây để hồi phục lại và đi dưỡng tinh thần. Lại có ông đi đều bước tay vung vẩy theo kiểu duyệt binh, nhìn ông người ta nghĩ ngay ông đã từng nhiều năm ở trong quân ngũ. Ai trong số này eo thế là người đang hò hẹn với chị? Thật khó đoán được. Chị như hiểu những ý nghĩ trong đầu tôi, chị lúc lắc mái tóc quăn, mắt long lanh tia sáng và chỉ tay về phía bên kia hồ. Tôi nhìn theo. Chưa kịp nhận ra gì trong những ngôi nhà nhấp nhô cao thấp thì điện bật sáng những cột đèn ông tròn tỏa ánh sáng trong trẻo xuống hồ. Tôi nhìn quanh. Chị đã biến mất. Tôi chạy tới, chạy lui tìm kiếm. Chẳng thấy chị đâu. Chị như biến mất trong ánh sáng. Chắc có việc gì cần chị phải đi gấp không kịp chào tôi. Tôi nghĩ vậy và rồi cũng quên đi. Cho đến một buổi chiều đi dạo, tôi có việc phải vào cái ngõ nhỏ bên kia hồ và chỉ một lúc sau tôi đã nhìn thấy ngôi nhà mang biển số X10.

Đó là một biệt thự xinh xắn. Giàn lan tiêu hoa màu vàng đỏ từ trên cao rủ xuống làm ngôi nhà có vẻ đẹp thật mơ màng. Tôi nhìn quanh. Chẳng thấy cây dâu nào như chị nói.

Tôi bấm chuông.

Sau những tiếng sủa ông ổng, một eon chó lai to lớn có bộ lông vàng rực như hổ lao ra. Một người đàn bà trẻ mặc bộ váy màu hồng chạy ra.

- Chị Hoa có nhà không ạ? – Tôi hỏi và nhìn quanh sân những chậu hoa cây cảnh hết sức công phu.

- Ở đây không có ai tên là Hoa cả. – Người đàn bà nói và nhìn tôi như ngạc nhiên. Tôi cũng ngạc nhiên không kém

Chúng tôi nhìn nhau tò mò và những ý nghĩ gì đó làm cả hai đều không thể quay đi được.

- Chị có thể làm ơn cho biết quanh đây có ai tên là Hoa không ạ? – Tôi vót vát.

Người đàn bà đóng cửa lại, đi đến gần tôi, nét mặt phân vân nghĩ ngợi, giọng thấp xuống:

- Có một người tên là Hoa, chủ trước của miếng đất này, không biết có phải là người chị định tìm không ạ?

- Vâng. Nếu thế giờ chị ấy đã ở chỗ khác? – Tôi đáp.

- Đây chỉ là một ngôi nhà lá nhỏ, chị bán cho chúng tôi cách đây đã 6 năm – Khi ấy đất ở đây rất rẻ. Đường chưa mở. Hồ chỉ là một cái ao chứa rác. Chị ấy bán xong không bao lâu thì đường mở, hồ khai thác và một con sốt đất đã xảy ra.

- Chị ấy bán đất để làm gì?

- Hùn vốn xây khách sạn mini ở Quảng Bá với người ta. Bốc lên chưa được bao nhiêu thì xẹp xuống. Vợ nợ. Chị Hoa tiếc mảnh đất cũng đứt ruột. Chị ấy vật vã than khóc và muốn lấy lại ngôi nhà, lúc ấy nó đã tăng giá lên gấp mười lần, mà chúng tôi cũng không có ý định bán lại... Chị ấy ngày nào cũng tìm cố lượn lờ qua lại nhà của chúng tôi. Thế là chúng tôi quyết xoá nó đi xây lại. Đây là ngôi nhà mới hoàn toàn của chúng tôi xây dựng trên đất của chị ấy.

- Có phải trước ở đây trồng một cây dâu? – Tôi hỏi.

- Đúng. Một cây dâu rất to và đến mùa quả chín đỏ rực. Chúng tôi đã chặt cây dâu trước khi làm nhà. – Người đàn bà thân nhiên đáp.

- Tôi muốn biết chị Hoa giờ ở đâu? – Tôi hỏi.

Người đàn bà, người chủ của ngôi nhà mở to mắt nhìn tôi như không hiểu. Trên khuôn mặt bỗng hiện vẻ thảng thốt.

- Tôi làm sao biết được? – Người đàn bà nói và ngửa mặt lên nhìn trời. Trời đêm xanh tím, sâu thẳm và nhấp nháy những vì sao. Giọng thấp xuống thì thầm – Chị ấy chết cách đây hơn ba năm rồi.

- Chị Hoa đã chết cách đây hơn ba năm? – Tôi kêu lên hoảng hốt.

Vâng. Chính tôi đã đi đưa chị ấy. Mộ chị ấy ở Văn Điển chắc nay đã bốc đem đi đâu không biết.

## 2

Gã bỏ đi vào một buổi chiều cuối năm. Chỉ còn vài giờ nữa là sang năm mới. Hai đứa trẻ xúm xít quanh mẹ xem nấu nướng chuẩn bị cỗ cúng giao thừa. Trước đó, gã đi phố mua về hai quả bóng bay cho hai đứa con. Người vợ cần nhàn: Bừa nhà. Nhưng chị chỉ nói một mình. Với gã chị cố giữ vẻ vui và không để ý trước sự đi sớm về khuya với nhưng cử chỉ đáng ngờ. Chắc hẳn gã có một mối quan hệ khác ngoài gia đình. Gã thay đổi từ bao giờ chị không biết đích xác. Chỉ biết gã ăn diện, ngắm gương, có mặt sần sật, vuốt nước lên tóc, cạo râu nhẵn nhụi mỗi ngày.

“Con nào?”. Chị rít lên trong lòng. “Theo dõi”. Chị định từ lâu mà không làm được vì gã đi xe máy còn chị đi xe đạp. Ra khỏi cửa gã phóng xe vù vù còn chị đã đi chậm xe lại nhào xích cứ

đạp nhanh là tuột. Chị cũng muốn đi rình nhưng gã đi ngang về tắt sức đâu mà chị theo được? Cuối cùng, cách tốt nhất là ngoảnh mặt làm ngơ. Gã được thể, đi tràn. Nhưng đi đâu gã cũng phải đến đây gặp nàng một lúc. Thường là buổi chiều nhập nhoạng tối. Nàng hẹn như thế. Nhưng gã thường đến sớm và chiếm một ghế gần tảng đá đặt giữa bãi cỏ – nơi gã đã gặp nàng. Hôm ấy, cũng chiều muộn gã đi làm về. Thấy người hơi mệt gã làm cốc bia rồi đến ngồi trên một ghế đá bên hồ. Người chính choáng say gã ngã người ra sau, nhắm mắt lại, sau khi đã khóa xe cẩn thận.

Chợp mắt một phút chợp nghe tiếng cười giòn bên cạnh, gã choàng mở mắt.

Một nàng ngồi vắt vẻo trên tảng đá mặt hướng về phía gã và đang cười – nụ cười làm khuôn mặt nàng rạng rỡ như ánh sao.

Nhìn gã chăm chăm, nàng nói:

- Đã tỉnh chưa nào để cho em sang ngồi nhờ ghế một tí chứ ngồi mãi ở hòn đá thế này chán lắm!

Con gái bạo dạn là tuýp người gã thích. gã ghét bọn đàn bà hiền đến nhũn ra như vợ hần ở nhà, bắt nạt mãi cũng chán. Đàng này chưa quen biết gì đã có cái giọng vắt vẻo đến thích. Gã liền ngồi ra mép ghế nhường khoảng rộng cho cô gái, cười nói:

- Xin mời người đẹp!

Gã nói đại thể tuy chưa nhìn rõ mặt cô ta để biết đẹp xấu thế nào. Cô gái đi nhanh ra khỏi tảng đá đến ngồi cạnh gã. Cô gái ăn mặc có phần giản dị cổ lỗ: áo sơ mi hoa, quần lụa đen, chân đi dép nhựa. Trời nóng thế mà chân sù sù đôi tất vải.

Nàng ôm chãng? Bàn tay dựa vào ghế gầy và xanh. Khuôn mặt nàng cũng xanh xao. Chỉ có đôi mắt là chết tiệt, gã nghĩ, nhìn vào mắt cứ như chết đuối. Nàng đói. Gã cảm thấy thế nhưng khi gã đưa gói bánh trong túi ra mời nàng từ chối.

- Đẻ bụng về nhà ăn cơm với chồng phải không? – Gã mạnh dạn.

- Biết đâu! – Nàng đáp lơ mờ, mắt buồn bã nhìn ra hồ – Sao đi làm không về nhà lại đến đây?

- Nghỉ xả hơi một lúc rồi về vẫn kịp. – Gã đáp.

- Kịp gì? – Nàng vặn.

- Kịp bữa. Vợ đi làm, con đi học về mới nấu.

- Bỏ về sau kịp ngồi vào mâm chứ gì?

- Đúng.

- Đàn ông các người ích kỉ giống nhau! – Nàng thờ dài – Thật đáng ghét!

- Cũng thật đáng yêu! Em thử nghĩ xem nếu nhà nào không có đàn ông sẽ tẻ nhạt vắng vẻ đến đâu.

- Thế nhà không có đàn bà thì sao?

- Thì lấy người khác thay vào. – Gã đáp và cười – Nhà anh cũng thế đấy! Cô ta (tức vợ anh) cứ mỗi khi cần nhân anh về việc gì anh lại bảo anh chỉ có vậy, nếu không bằng lòng thì li dị. Thế là cô ta lại nín khe.

- Chị ấy quá hiền! Phải em, em không chịu!

- Không chịu thì em làm gì?

- Em chết! – Nàng gằn giọng.

Gã cười to, tiếng cười vang một góc hồ làm giật mình bao cặp trai gái đang ngồi quanh.

- Em chết thì có ích gì?

- Em chết thì gánh nặng gia đình và nỗi ân hận sẽ làm anh đau khổ. – Nàng thở dài – Em biết một chuyện như thế. Có một gia đình mà người vợ không chịu được người chồng đã tìm đến cái chết bằng cách gì đó. Như thể là uống thuốc độc, đâm vào ô tô, thắt cổ hoặc nhảy xuống hồ...

Nàng nói và nhìn đồng hồ. Lúc này trời đã tối. – Những con sóng lượn lẩn tẩn trong ánh sáng ngày sót lại.

- Kết quả ra sao?

- Người vợ chết.

- Còn gã chồng?

- Gã khóc thảm thiết, làm ma cho vợ rất to rồi bán nhà đi mua nhà khác và lấy vợ nói là để có người nuôi con bé. Thực ra hai người đã bỏ bịch với nhau từ lâu. Cô vợ căm thù lắm nên mới tìm đến cái chết.

Gã lại cười giơ tay choàng lên vai nàng.

- Chẳng lẽ không còn chuyện gì khác sao mà cứ nói mãi chuyện chết chóc thế, cô bé?

- Chuyện khác à? Anh có yêu em không?

- Có chứ! Yêu lắm. – Gã nói và vung tay choàng lên cô gái kéo lại gần và hôn lên má, lên môi cô ta. Gã chọt giật mình thẳng thốt kêu lên:

- Sao môi em, má em lạnh thế này?

- Thì ngồi ở hồ gió thế này phải lạnh chứ. Thích nóng thì phải ngồi ở bếp lò – Cô ta nói và cười rồi vòng tay ôm xiết lấy gã. Từ người cô toả ra mùi thơm của các loại hoa khiến người gã lâng lâng ngây ngất. Mụ vợ ở nhà sống với nhau bao nhiêu năm mà có bao giờ ôm ấp âu yếm gã như vậy đâu. Cao hứng gã có giơ tay ôm lấy thì thị dùng hết sức đẩy gã ra, mắt nhón nhác nhìn quanh như sợ có ai trông thấy. Mà người thị có đẹp để hấp dẫn gì cho cam : Quần áo lồi thối lếch thếch, người to béo như chum vại lúc nào cũng bốc mùi bết núc và mồ hôi. Chán thế!

Gã đưa mắt nhìn sang bên cạnh. Trên ghé đá một đôi đang quần nhau quần quai như rắn. Xa hơn một chút nữa một đôi khác đang học đòi chim bồ câu mớm mồi. Ghé bên kia gã thanh niên ôm khư khư cô gái ngồi gọn lỏn trên lòng. Cả hai đang ăn cái gì đó tiếng nhai giòn tan. Không khí như bị nung nóng và kích động. Gã ôm lấy người tình vồ vập, hôn hít.

Một đợt gió lạnh ào qua mặt. Gã run lên.

- Đi tìm một quán nào đó ngồi cho ấm đi... – Gã nói và nhả mẩu thuốc sỏ tiền ít ỏi có trong túi.

- Em thích ngồi ở đây cơ. Vào phở chen chúc, ngọt ngạt lắm! – Nói rồi ả lại ghé gần hôn lên má gã một cái rõ mạnh.

- Đấy em lại bị lạnh rồi – Gã kêu lên.

- Sao anh biết em đang bị lạnh?

- Thì môi em như cục đá.

- Môi em lạnh nhưng lòng em nóng. Chả hơn môi nóng mà lòng lạnh à?



- Đúng! – Gã xác nhận và nghĩ đến vợ. Từ ngày lấy nhau đã hai mặt con sống, ba mặt con chết mà thị chưa bao giờ có một cử chỉ âu yếm đối với gã. – Người thì béo đở hồng hào, tính tình lúc nào cũng nóng sôi sùng sục như có cái bếp lò trong bụng. Nhưng trái tim lại lạnh ngắt.

- Những lúc này mà có một cái nhà để ngồi với nhau cũng tốt – Gã nói và ôm tình nhân vào lòng, mở vạt áo phủ ấm lên tấm thân dẹt dẹt mềm mại khác hẳn cái thùng tôn di động ở nhà hắn.

- Tất nhiên rồi! Em sẽ đưa anh về nhà em! – Tiếng người đàn bà thoảng như hơi gió. Em sẽ đưa anh về nhà em. Em ở một mình. Nhà em tuy nhỏ thôi nhưng xinh xắn tiện nghi lắm.

- Thế thì tuyệt rồi! – Gã xuýt xoa – Anh sẽ đến ở với em.

- Ở luôn cơ! – Nàng nũng nịu.

- Yên tâm đi, anh sẽ bỏ nó! – Gã hăng hái vung mạnh tay tin ở cái hạnh phúc đích thực gã vừa tìm thấy trên ghé đá dù chỉ trong một buổi nó cũng có đủ sức mạnh đánh đổ nhào cái thành trì có tên gọi là gia đình mà anh và ả xây đắp hàng chục năm nay. – Anh sẽ đến ở với em! *Thà một phút huy hoàng rồi chợt tắt, còn hơn buồn le lói suốt trăm năm....* – Gã cao giọng và vung tay – Nào, dẫn anh về nhà đi!

- Từ từ đã nào! – Nàng nói và ngồi nguyên trên ghé tỏ ra kiên định dù tình cảm hai người ngày một nồng nàn và tối nào hai người cũng gặp nhau nhưng gã vẫn chưa biết ngôi nhà mơ ước ấy ở đâu.

- Trước khi về nhà anh phải làm một việc gì chứng tỏ anh không còn tình cảm với gia đình vợ con anh. – Cuối cùng nàng nói.

HUỶNH ÁI TÔNG

- Tức là anh phải ác, phải làm cho mẹ con nó đau khổ chứ gì? –  
Gã hỏi lại cho rõ.

- Đúng! – Nàng thỏ thẻ bằng cái giọng đáng yêu làm gã mê mệt  
và hôn gã.

Gã xuýt xoa vì hơi lạnh từ đâu truyền vào người gã. Gã nhìn  
quanh. Người đi lại thưa thớt dần. Những ngôi nhà cửa đóng  
kín. Những ngọn đèn vàng toả ánh sáng ấm áp càng làm hẳn  
muốn có một ngôi nhà. Gã muốn yên ổn. Càng ngày gã càng  
thấy không thể sống được ở nhà của mình.

Vợ lạnh lùng, khô cứng, luôn nghi ngờ hẳn học. Hai đứa con  
nghịch ngợm, nhếch nhác, không nghe lời...

- Anh đã làm đơn li dị và bắt cô ấy kí. Coi như xong nhé. –  
Cuối cùng gã tuyên bố một cách vui vẻ.

- Em cũng đã xem ngày giờ cho anh. Mọi việc của anh phải kết  
thúc và cũng là bắt đầu vào năm cùng tháng tận – Nàng nói.

- Hôm nay em sẽ đưa anh về nhà em chứ? – Gã hỏi.

- Tất nhiên rồi! Chúng ta sẽ sống với nhau bắt đầu từ năm mới  
này.

- Thật tuyệt vời! – Gã sung sướng kêu lên và nheo mắt mơ  
màng. Gã nhắm mắt lại và mừng rỡ về cuộc sống sắp tới.  
Điều ấy giúp gã có đủ sức mạnh từ bỏ ngôi nhà ấm áp đầy mùi  
thức ăn và tiếng trẻ con. Gã có đủ sức mạnh bước qua tiếng  
khóc nức nở của hai đứa con và đôi mắt hốt hoảng của vợ –  
người đàn bà đã có hai con sống và ba con chết với gã – người  
đàn bà đã vì gã mà già trước tuổi, vì gã mà gồng sức để sống  
và làm việc để giữ cho cái gia đình ọp ẹp đừng đổ ụp.

- Bố ơi, bố đừng bỏ chúng con! – Hai đứa bé giằng giữ tay bố.

- Bố phải đi! – Gã đáp và gỡ tay con.
- Bao giờ bố về? – Thằng bé con nằm lăn ra đất giữ chân bố.
- Bố không về! – Gã đáp.
- Sao bố không về?

Gã không trả lời, gạt tay con, bước đi, bỏ lại đằng sau tiếng khóc khan khan của hai đứa trẻ.

Gã phóng xe vù vù đến đây, điếm hẹn – ghé đá cạnh tảng đá bên hồ. Công viên vắng vẻ. Những đôi ôm nhau đi dặt bước đi. Gã ngồi và chờ. Gã nhìn đồng hồ. Đã quá giờ hẹn. Sao nàng chưa đến? Hay nàng quên hẹn? Hay có ai giữ nàng. Chắc nàng bận rộn để sửa sang nhà cửa đón ta về. Ý nghĩ đó làm lòng gã rộn ràng hồi hộp với bao hình dung, tưởng tượng. Vẫn thưa thấy nàng đến. Gã nhìn đồng hồ. Đã quá muộn. Đường phố đã thưa vắng người đi lại.

Gã đứng lên đi lại bồn chồn quanh ghé đá.

Chợt một mùi thơm rất lạ thoảng tới. Rồi tiếng lá khô khua động trên lối đi. Tiếng gọi mơ hồ:

- Anh ơi, em đây cơ mà!

Đúng là giọng của nàng. Mùi hương của nàng. Mà nàng đâu? Ở đâu? Niềm vui và nỗi lo cùng một lúc bóp nghẹt lồng ngực gã. Gã cố gắng cố gắng chạy tới chạy lui.

- Em ơi, em ở đâu? Đêm khuya rồi, em đùa gì mà đùa dai thế? Trời lạnh cóng, rét mướt thế này.

- Gã thở than và chạy đến bên hòn đá. Một bóng người chạy vụt ra phía trước. Đúng nàng. Sao hôm nay nàng lạ thế? Chập chờn. Bước nhẹ.

HUỶNH ÁI TÔNG

- Em! Anh đã đến đây. Anh đã làm tất cả để đến với em!
- Anh đã làm những gì?
- Anh đã ác. Anh đã bước qua nỗi khổ của người khác dù đó là những người ruột thịt của anh. – Giọng gã tha thiết hùng hồn.
- Thế là tốt. – Nàng cười và giơ tay vẫy.

Tay nàng cầm cái khăn voan mỏng màu sương khói gỡ ra từ cổ. Gã giơ tay đỡ chiếc khăn. Chiếc khăn tuột khỏi tay gã bay trong gió. Gã đuổi theo ehiếc khăn. Chiếc khăn vờn trong gió. Thoảng hiện. Thoảng mất. Chập chờn chỗ này chỗ kia. Bóng nàng ẩn hiện. Gần rồi xa.

- Em ơi, dẫn anh đi đâu đây?

- Về nhà em. Nhà của chúng ta – Tiếng nàng thoảng trong gió. Đêm cuối năm. Gió lạnh. Chân nàng đi giày gù mà êm nhẹ không nghe tiếng động. Khuôn mặt nàng đẹp và ẩn hiện mơ hồ giữa những dải khăn. Gã đuổi theo. Từng bước. Từng bước xa dần. Con đường. Hàng cây. Mái nhà. Tất cả mờ ảo ẩn hiện. Mặt hồ phủ sương, đứng lặng. Đâu đó tiếng cười xa lắc của những cặp trai gái đi đón giao thừa vắng lại. Bóng bay. Một quả bóng ở đâu vụt bay qua. Gã nhào người với và rơi vào im lặng.

Tiếng nước hồ quấy động một lúc rồi trở lại lặng yên.

\*

\*\*

Trên tờ báo An ninh của thành phố đăng một dòng tin:

*Ngày... Tại hồ Ngọc có vớt xác một người đàn ông chừng 40 tuổi, không giấy tờ tùy thân, mặc comple đen, cavát đỏ sậm, áo sơmi kẻ ô màu nâu nhạt và áo len cộc tay màu ghi... Ai là*

người nhà nạn nhân xin mời đến đón công an X. làm thủ tục nhận người./.

Trích thơ:

### Đêm thức

*Đêm không ngủ - những đêm làm việc  
Thấy trời xanh hơn và đất rộng thêm ra  
Đêm không ngủ như giấy không nếp gấp  
Mà cuộc đời quên dỏ nhanh qua*

*Con cứ ngủ yên đều đều tiếng thở  
Thời gian cứ qua, kim phút nhích từng giây  
Phố nhỏ về khuya chỉ có hàng cây  
Lá rụng đêm hè thưa thớt  
Người làm ca đêm về lác đác  
Đi vào trong khuôn cửa  
Như những ngôi sao  
Đi vào trong giấc ngủ  
Đêm đưa gần mà cũng đẩy thêm xa  
Im lặng quá  
Nghe cả mầm hoa nở  
Hạnh phúc, hi sinh, đau khổ  
Khi anh vui là lúc anh quên em*

(Nguồn: *Phút thoáng qua*)

### Chiều ngoại ô

*Chúng tôi đi trên cỏ  
Giữa cánh đồng rộng lớn - tháng hai  
Tiếng trẻ nô đùa, trường học đông vui  
Trang giấy trắng - những khoảng trời có nắng*

HUỶNH ÁI TÔNG

Tiếng hát bay cao - bầy chim vỗ cánh  
Ánh mắt cười - gương soi ngày mai

Những con người đứng nối với con người  
Bàn tay vung trong nắng chiều rộng rãi  
Hạt lúa nhỏ như những tia nắng tãi  
Trái màu xanh đến tận chân trời

Ở đằng kia khói cuộn vòng cao ngất  
Ngôi nhà cao trăm cửa gió vào ra  
Tiếng máy chuyển - cơn giông gọi ở xa

Và trên đường kiên nhẫn những đoàn xe  
Tiếng máy nổ lặn sâu vào trong đất  
Đời hối hả - hạnh phúc là có thật  
Từng giờ đi - từng sự sống sinh sôi

Em đi bên anh - đâu chỉ có ta thôi  
Thêm đóm lửa - giữa cuộc đời  
Cháy lên từ ngọn cỏ  
Trái tim ta  
Dù bé nhỏ  
Nhưng là hoa  
trên cỏ

(Nguồn: Phút thoáng qua)

**Đường mong chờ**

Có gì lạ không, con đường mà anh thường nói đến  
Con đường mà anh thường mong chờ, trông đón?  
Trước mắt em  
Nó nhỏ bé và đầy bụi  
Những ổ gà

Những bãi bom lầy  
Mưa Trường Sơn, nước xối  
Gió Lào  
Nắng núi  
Hanh nồng  
Tiếng cười  
Nặng nặng  
Xe đi...

Trước mắt tôi những đoàn xe chở lớp  
Đồng chí lái xe, mũ mềm, đỉnh sao  
Đoàn xe chở lớp đi đâu  
Mà suốt ngày đi không nghỉ?

Một đoàn xe xích  
Một đoàn tàu, những va-gông phủ bạt  
Những gương mặt trẻ măng  
Áo xanh màu cỏ úa  
Tất cả về đâu?  
Về đâu?  
Tiếng hát của những đoàn xe  
Hay những thân tàu  
Những gương mặt lặng im  
Nòng pháo chéch?

Vùn vụt đi  
Trên con đường bầm dập đạn bom  
Trên con đường bụi đỏ màu son  
Em bỗng hiểu vì sao anh chỉ nói với em  
Về một con đường  
Đường rất xấu và xe đi rất xóc  
- Một con đường không nơi nào có được  
Đường quê em đi tới quê anh  
Đường số Một  
Con đường bắt diệt

HUỶNH ÁI TÔNG

(Kỷ niệm một ngày dài đi trên đường số Một)  
(Nguồn: *Phút thoáng qua*)

### Sao anh không về quan họ

Những vạt áo ướt đầm nước mắt  
Những bãi cỏ xác xơ  
Những buổi chiều ngán ngủi  
Những đêm dài trăng sao  
Những tiếng hát ngập ngừng lưu luyến  
Những cái nhìn trông theo  
"Sao anh không về quan họ?"

Mái đình cong, tiếng trống tròn, mùi hương dài  
Những mảnh đời nhỏ bé  
Áo tít thân tất tả  
Người em, người chị  
Những làng xa ven sông Đuống, sông Cầu  
Những bờ tre, vạt đất, nương dâu  
Áo mở bày, mở ba, nón thúng quai thao lúng liếng  
"Sao anh không về quan họ"

Bâng khuâng nghe trong từng ngọn cỏ  
Vương trên đường ta đi  
Tình yêu - Con sóng nhỏ thềm thì  
Những người mới gặp hôm nay  
Đã nghe còn nỗi nhớ  
Những người đi quan họ  
Không bao giờ lấy nhau  
Vì những lời nguyên kiếp trước  
Mà họ không hiểu vì sao  
Chỉ biết không lấy nhau  
Nhưng mỗi năm vẫn về quan họ  
Như trở về quê hương



*Gặp mặt người yêu thương  
"Sao anh không về quan họ"*

(Nguồn: *Phút thoáng qua*)

**Mùa thu, người ra đi**

*Như có gì rung động ở trong không  
Bãi cỏ thì thâm gọn sóng  
Nắng vàng rực mơ hồ đứng lặng  
Trên mái nhà, hè phố, vòm cây  
Trong uy nghi xanh ngắt gió heo may*

*Có bao điều muốn nói, hôm nay  
Trên chiếc lá mang màu vàng giấy cũ  
Trong bước chân - trên vỉa hè gạch vỡ  
Tiếng mưa âm vang, tiếng gõ cửa trong mơ  
Mặt hồ nhăn vàng trán ưu tư  
Như đã chín bao điều suy nghĩ  
Cháy lên qua những mùa hè*

*Cuốn sách đã ra đời sau bao ngày chờ đợi  
Người đã đi rồi - ngọn nến tắt chờ mong  
Chỉ còn lại một mình tôi với bóng  
Với thời gian kỷ niệm ở đằng sau*

*Người đã đi rồi nay đang ở đâu  
Trong gió trong mây hay trong nắng  
Trong tiếng ồn ào của mưa giống nào động  
Cuốn trăm ngàn lá cây  
Những chiếc lá vàng vẫn còn ở trên cây  
Lá xanh đã rụng - trời xa thăm*

(Nguồn: *Phút thoáng qua*)

HUỶNH ÁI TÔNG

**Qua nơi ở trước**

Tôi bàng hoàng đi qua nơi ở cũ  
Không tìm ra những thứ tôi yêu quen:  
Vườn cỏ êm đềm với những bụi hoa  
Giếng nước tròn như mặt trăng cổ tích  
Dãy nhà nhỏ có lùm cây che khuất  
Tiếng ca quan họ ngân dài  
Trong veo tiếng của con cười  
Hạnh phúc ấm êm nơi ở

Một làng nhỏ bên đường như bao nhiêu làng nhỏ tôi đã đi qua

Trong bụi cuốn những lùm tre nắng xác  
Giếng nước con như chậu nước không đầy  
Rêu ngập ngừng - những bước đi run rẩy  
Dãy nhà nơi tôi đã sống ấm êm, hy vọng, đợi chờ  
Chỉ là những mái mòn, tường nứt, vách xiêu  
Con đường tôi đi xưa rộng rãi bao nhiêu  
Bông nhỏ bé như chân không vừa bước  
Điều yêu mến bỗng thành xa lắc  
Ôi, thói quen, ta sống được nhờ người  
Ta đi qua lòng bỗng bồi hồi  
Nếu trở lại sẽ không còn gặp lại  
Những khoảng xanh trong sáng  
(hạnh phúc, ấm êm, hy vọng, đợi chờ...)  
Trong lòng ta bên những thứ sinh sôi  
Có cái chết không thể nào cưỡng được  
Ngày tháng qua xanh một màu ly biệt

Chúng ta sẽ không còn yêu nhau nữa  
Khi thói quen chật hẹp đổi thay rồi  
Khi bình yên - chén rượu nhạt của đời  
Đốt khát vọng không bao giờ tới

VĂN HỌC VIỆT NAM CẬN VÀ HIỆN ĐẠI IV

(Kỷ niệm ngày đi qua Lim)  
(Nguồn: *Phút thoáng qua*)



Từ trái sang: Các nhà văn, nhà thơ Nguyễn Thị Ngọc Tú, Nguyễn Thị Như Trang, Lâm Thị Mỹ Dạ, Xuân Quỳnh thời trẻ

Trên *Thể thao & Văn hóa Cuối tuần* trong bài *Nhớ nhà văn Nguyễn Thị Ngọc Tú: Chi chút với con chữ, thăng tuột với cuộc đời*, Hồ Anh Thái viết:

*“Nguyễn Thị Ngọc Tú có đóng góp lớn ở một phía khuất: làm biên tập văn học. Nhiều năm bà làm biên tập văn xuôi ở báo Văn Nghệ, sau này sang tạp chí Tác phẩm Văn học (rồi đổi lại là Tác phẩm mới, rồi thành tạp chí Nhà văn). Đây là một nhà biên tập tinh tường, thao tác rất nhanh khi sửa đổi hoặc cắt xén những đoạn văn thừa lời thiếu ý. Cũng rất nhạy cảm với những vấn đề chính trị xã hội.*

*Trong khi biên tập, bà chứng tỏ là người có gu, lại cũng biết tìm cách nói khi từ chối một bản thảo. Tôi nhớ có lần đem đến một truyện ngắn gửi đăng báo Văn nghệ, bà đọc rồi bảo: Truyện buồn quá. Buồn quá rồi thôi luôn, chả bao giờ thấy*

## HUỶNH ÁI TÔNG

đăng lên. Mà tôi khi ấy mười tám tuổi, khó hiểu cái lý do truyện ngắn buồn thì không in được. Vài năm sau, bà đưa tôi đọc bản thảo của một tác giả khác, phân tích cái non yếu của nó, rồi kết luận là viết thế không thể in được. Đúng lúc ấy tác giả xuất hiện. Bà trả lại anh ta bản thảo và bảo: Truyện buồn quá.

Người thú vị hôm ấy là tôi. Giải mã được câu nhận xét của Nguyễn Thị Ngọc Tú. “Truyện buồn quá” là một cách nói, có thể làm cho tác giả còn hy vọng, không in được vì truyện của tôi buồn quá, không hợp với xu hướng lạc quan cách mạng đang thịnh hành, không phải vì tôi viết không hay. Chẳng biết có bao nhiêu người viết ngày ấy được nghe câu “truyện buồn quá” của Nguyễn Thị Ngọc Tú? Nhưng có lẽ chỉ mình tôi biết nó có nghĩa là: truyện dở, không in được.”

Tài liệu tham khảo:

- Nguyễn Thị Ngọc Tú Web:
- Áo ảnh bên hồ Web: vnthuquan.org

## 6. Hoàng Hưng



### Hoàng Hưng (1942-20 )

Nhà thơ Hoàng Hưng sinh ngày 24 tháng 11 năm 1942 tại thị xã Hưng Yên.

Năm 1960-1961, tình nguyện lên Tây Bắc phục vụ quân đội (dạy học cho sĩ quan trình độ cấp 1).

Tốt nghiệp Khoa văn, Đại học Sư phạm Hà Nội 1965.

Năm 1965-1973, dạy văn cấp 3 tại Hải Phòng. Tình nguyện vào Nam phục vụ trong "mặt trận văn nghệ", nhưng ngành giáo dục giữ lại vì là giáo viên giỏi lớp cuối cấp.

Năm 1973-1982, làm phóng viên, biên tập viên báo *Người Giáo viên Nhân dân* (Bộ Giáo dục)

Năm 1982, bị bắt giam và tập trung cải tạo từ ngày 17-8-1982 đến ngày 29-10-1985 vì tội "lưu truyền văn hoá phẩm phản

## HUỶNH ÁI TÔNG

động" đó là bản thảo tập thơ *Về Kinh Bắc* của Hoàng Cầm và sáng tác, tàng trữ những trang nhật ký bằng văn vần để trong nhà.

Sau khi ra tù sống bằng việc dịch sách báo.

Từ năm 1987 tiếp tục làm ở nhiều báo khác nhau, cuối cùng là báo *Lao động* từ năm 1990 cho đến khi về hưu.

Năm 2003, nghỉ hưu, hiện sống tại Hà Nội và Tp. HCM. Có con gái là Hoàng Ly làm mỹ thuật và thơ.

Một số bài thơ đã được dịch và in tại Pháp, Mỹ.

Tác phẩm:

- *Đất nằng* (in chung, Văn học, Hà Nội 1970)
- *Ngựa biển* (Trẻ, Tp. HCM, 1988)
- *100 bài thơ tình thể giới* (chủ biên, Vũng Tàu-Côn Đảo, 1988)
- *Thơ Federico Garcia Lorca* (dịch, Lâm Đồng, 1988)
- *Thơ Pasternak* (cùng dịch, Tp. HCM, 1988)
- *Mowgli Người-sói* (dịch, Trẻ, Tp. HCM 1988)
- *Người đàn bà lạ lùng* (cùng dịch, Văn học, Hà Nội, 1990)
- *Người đi tìm mặt* (Văn hoá Thông tin, Hà Nội, 1994)
- *Thơ Apollinaire* (dịch, Hội Nhà văn, Hà Nội, 1997)
- *Đồ vật* (dịch, Hội Nhà văn, Hà Nội, 1999)
- *Các nhà thơ Pháp cuối TK XX* (dịch, Hội Nhà văn, Hà Nội, 2002)
- *15 nhà thơ Mỹ TK XX* (cùng dịch, Hội Nhà văn, Hà Nội, 2004)
- *Hành trình* (Hội Nhà văn, Hà Nội, 2005)
- *Từ điển Bách khoa Oxford cho thiếu niên* (chủ biên, Kim Đồng)

Trích văn:

## Ác mộng

(Nhật ký - Thơ, 30 bài thơ 1982-1992)

### *Lời ngỏ*

Thấm thoát đã hai mươi năm kể từ cái ngày <sup>[4]</sup> tôi ngơ ngác xách gói “nội vụ” <sup>[5]</sup> khắp khởi bước ra khỏi công trại Thanh Cẩm <sup>[6]</sup> mà lòng còn chưa tin hẳn đó là sự thật. Cho đến khi, theo lời dặn của người quản giáo tốt bụng, rẽ vào nhà anh để ăn bữa cơm tự do đầu tiên sau hơn 39 tháng cơm tù <sup>[7]</sup>. Và được anh chỉ lối ra bến xe khách về ga Thanh Hoá. (Tôi xin ghi ơn anh cũng như một vài quản giáo ở Thanh Cẩm, biết tôi bị tù vô lý, đã đối xử một cách có tình người, xin lỗi là tôi không nhớ chính xác tên của những người ấy để nêu lên ở đây).

Đêm đợi tàu ở ga Thanh Hoá để về đoàn tụ với đại gia đình ở Hà Nội, giữa đám trẻ bụi đời mà tôi tự nhiên sáp vào theo một lựa chọn bản năng cho sự an toàn của mình, sự lựa chọn không thể giải thích bằng lý trí, có lẽ là đêm đầu tiên tôi không ác mộng. Có thể nói hơn một nghìn đêm sống trong các chỗ giam cầm khác nhau, từ trại tạm giam Hoà Lò, đến Trung tâm Thẩm vấn Quốc gia ở ngoại thành Hà Nội, sau cùng là trại cải tạo Thanh Cẩm ở miền núi Thanh Hoá, hầu như không đêm nào tôi không gặp ít hay nhiều ác mộng, những ác mộng ngắn hoặc dài, là những mảnh vụn hay cả một câu chuyện. Phần lớn những ác mộng ấy, nếu không là lạc vào những cảnh giới hãi hùng thì cũng bao gồm cảnh mình bị rượt đuổi, bị bắt, hay bị giam cầm, hoặc vượt ngục mà không thoát... Có điều tôi có thể khẳng định là tôi chưa bao giờ mơ thấy mình bị đánh đập hay bị tra tấn!

Đêm tự do đầu tiên hình như tôi ngủ rất sâu, và tỉnh dậy không nhớ là mình có mơ thấy gì trong lúc ngủ hay không. Nhưng rồi về sau, cứ lâu lâu, tôi lại có những ác mộng, mà phần lớn cũng lại vẫn là những cảnh như thế. Tình trạng cứ kéo dài cho đến tận bây giờ. Tôi hằng mong chúng đừng trở lại, đừng làm tôi thảng thốt tỉnh dậy giữa đêm, đừng ám ảnh những ngày tôi đang mong muốn tĩnh tâm để hoà nhập lại với xã hội và tự tu chỉnh con người mình. Nhưng vô ích. Chúng cứ trở lại, lúc thưa lúc mau, không bao giờ báo trước. Trong lúc tôi ở tù, vợ tôi có lần đi xem bói, một cô bói rất trẻ và xinh ở gằm cầu Trương Minh Giảng (Sài Gòn). Không cần khai cô ấy cũng biết là “chồng của chị đang bị tù. Rồi sẽ được ra, nhưng nếu ông ấy không biết tu thì rất có thể sẽ vào tù lần nữa”. Khi tôi về thì cô ấy đã đi đâu không tìm lại được nữa, nhiều khả năng cô đã vượt biên, và đã hoặc bỏ xác trên biển cả hoặc thành một Việt kiều ở đâu đó.

Vợ tôi rất lo cho tôi, luôn khuyên tôi phải tu. Tu có nghĩa là phải kiềm chế dục vọng, phải kiềm chế “cái Tôi”, và phải nhẫn nhịn, đừng chấp trước, đừng oán hờn. Than ôi thằng làm văn nghệ thường rất khó tu, nhất là tu hai cái đầu tiên, nhưng cái sau cùng thì tôi tự xét mình phần nào tu được. Chúng có lẽ tôi chẳng bao giờ oán hận những người đã tham gia việc bắt bớ giam cầm mình, làm cho vợ con mình khổ cực suốt mấy năm trời mà những di chứng đến bây giờ chưa hết. Vì thực tâm tôi hiểu họ cũng chỉ là công cụ của một bộ máy, một bộ máy nhiều khi tàn bạo nhân danh cái tốt đẹp.

Cố gắng “tu” theo lời vợ khuyên, liệu tôi có thoát khỏi tù đầy lần nữa hay không chưa biết, nhưng những cơn ác mộng thì vẫn không buông tha cho tôi.

Đọc sách phân tâm học, tôi được thuyết phục rằng muốn chữa bệnh tâm lý thì phải tự gọi lại những chấn thương từ thuở xa xưa mình đã gặp phải. Nhớ lại được rõ ràng thì sẽ có cơ may



khỏi bệnh. Kinh nghiệm thông thường cũng cho rằng những nỗi thương đau một khi kể ra được thì sẽ vơi đi. Vậy thì, muốn tự giải thoát khỏi những cơn ác mộng, một lần cho xong, tôi thấy mình phải kêu lên một tiếng, kêu thật to, cho tỉnh hẳn.

Đó là lý do năm 2002, vào dịp kỷ niệm 60 năm chào đời, 40 năm chào thi đàn, cũng là dịp 20 năm đời mình có một bước ngoặt lớn là sa chân vào ngục tù, tôi quyết định đưa 30 bài thơ hợp thành phần *Ác mộng* vào trong *Tuyển Thơ 40 năm* của mình.

Đây là những bài thơ tôi làm trong và sau khi ra tù. Có những bài “vứt hiện” trong óc, tôi cố nhớ và sau khi ra tù thì ghi lại, chỉ sửa đôi từ hoặc không sửa; có những bài hình thành một phần trong tù, hoặc một đoạn, hoặc cái tứ, hoặc một câu chủ, sau này tôi dựa vào đấy mà hoàn thành; có những bài, trong những lúc bị ám ảnh kéo dài của ác mộng, tôi lại như sống trở lại cảnh sống trong tù trước đây, và bài thơ hiện ra.

Mặc dù thân tình, cả hai vị giám đốc xuất bản mà tôi đưa bản thảo tập thơ (NXB Hội Nhà văn và NXB Hải Phòng) đều bảo: “Hay nhưng không in được”. Lý do chính là vì 30 “ác mộng” kia. Ngay sau khi về hưu, nhà thơ Ngô Văn Phú, nguyên giám đốc NXB Hội Nhà văn, đã vì đọc bản thảo thơ tù của tôi mà cảm hứng viết cả một chân dung tôi, trong đó ông công khai trích dẫn và bình luận những bài thơ ông đã không dám cho in.

Nhân đây, tôi xin có lời ca ngợi và cảm ơn nhà thơ Quang Huy, nguyên giám đốc NXB Văn hoá Thông tin, là người đầu tiên dũng cảm cho in vài bài thơ tù của tôi trong tập *Người đi tìm mặt* vào năm 1994. Việc này khiến ông gặp khá nhiều rắc rối, nhưng ông đã khéo léo vượt qua, cũng như đã vượt qua những rắc rối khác vì sự táo bạo của mình trong lúc duyệt in sách. Cũng việc này lại dẫn tới cái may là tôi có lý do chính đáng để

xin từ bỏ chức trách quyền rom và đá là Trưởng ban Văn hoá Văn nghệ báo Lao Động.

Bài rắc rối nhất trong mấy bài thơ tù ấy, bài “Người về” (cùng với bài “Mùi mưa hay bài thơ của M.”) sau này đã được tuyển vào những tuyển thơ quan trọng như *Thơ Việt Nam 1975–2000* của NXB Hội Nhà văn (2000, 2001), *Thơ Việt Nam thế kỷ XX* của NXB Giáo dục (2004), và cùng với nhiều bài khác trong *Ác mộng* đã được dịch và in ở không ít tạp chí văn chương Pháp, Mỹ (*Europe, Seattle Review, Poetry International, Gravity, New American Writing, Parthenon West, Hayden's Ferry Review*).

Về việc tuyển chọn hai bài thơ nói trên vào các tuyển tập Thơ Việt Nam, tôi phải cảm ơn trước hết nhà thơ Vân Long, biên tập viên NXB Hội Nhà văn và nhà thơ Quang Huy là những người nhiệt tình ủng hộ nó nhất, cùng những nhà thơ khác là thành viên các ban tuyển chọn <sup>[8]</sup>

Tháng 9. 2005, tôi lại gửi *Ác mộng* như một tập thơ độc lập cho NXB Hội Nhà văn và đề nghị trả lời trong một tháng. Câu trả lời cuối cùng vẫn là: "Chưa in được, phải đợi".

Đợi đến lúc nào nữa đây? Không thể chờ đợi lâu hơn, hôm nay tôi quyết định công bố ba mươi bài thơ ghi lại những ác mộng ấy. Để tống tiễn chúng như tống tiễn các vong hồn, để quên chúng đi mãi mãi, cho chúng đừng đè nặng hai vai mình trên con đường tương lai.

Hà Nội, Thu 2005

[1] Tiếng lóng thông dụng trong các nhà tù miền Bắc Việt Nam, chỉ nhà vệ sinh

[2] Điểm danh mỗi buổi sáng, một thủ tục của nhà tù

[3] Đây là nguyên văn hai câu mà tôi được nghe một người mặc

áo lam bạc màu của sư nữ đọc như khuyển bảo trong một giấc mơ ở xà lim Trung tâm Thẩm vấn Quốc gia; sau khi ra tù tôi sững sốt khi được biết nơi mình bị giam nguyên là ngôi chùa của làng Thanh Liệt, huyện Thanh Trì, Hà Nội. Liệu đây có phải chỉ là sự trùng hợp ngẫu nhiên hay không? (Tôi từng có dream bảy giấc mơ trong đó thấy mình ở trong chùa hoặc đi chơi với các nhà sư nam, nữ; có khi mơ thấy được một sư ông dạy nhảy nhót vọt lên rất cao, lên được cả sà thiên đường, nhưng vẫn không ra được khỏi chùa; lại có khi mơ thấy mình được Phật Bà cho một chiếc chiếu, tôi cười chiếu bay qua bức tường nhà tù ra ngoài, bay đi khá xa, rồi lại... quay vào.)

<sup>[4]</sup>Nếu tôi nhớ không lầm thì đó là ngày 29 tháng 10 năm 1985

<sup>[5]</sup>Danh từ của nhà tù miền Bắc Việt Nam, chỉ toàn bộ quần áo và đồ dùng tùy thân của người tù

<sup>[6]</sup>Thuộc huyện Cẩm Thủy, Thanh Hoá. Vào trại này ít lâu tôi được biết nhà báo – nhà thơ Tuân Nguyễn cũng từng bị cải tạo ở đây vào những năm 1960 sau vụ án “Xét lại”.

<sup>[7]</sup>Tôi bị bắt đưa về Hoà Lò vào chiều ngày 17 tháng 8 năm 1982 vì tội “tuyên truyền văn hoá phẩm phản động” (tức bản thảo tập thơ *Về Kinh Bắc* của Hoàng Cầm), và sau đó bị thêm tội tàng trữ “những bài thơ phản động gấp trăm lần” (tức những ghi chép bằng thơ trong nhật ký của chính tôi)

<sup>[8]</sup>Nhà thơ Nguyễn Bùi Vợi, chủ biên tuyển *Thơ Việt Nam Thế kỷ XX* khi trả lời phỏng vấn của đài BBC đã tự hào dẫn chứng bài này để chứng minh cho tinh thần rộng mở của tuyển thơ. Bài này cũng được nhà thơ Nguyễn Cảnh Tuấn tuyển vào sách *100 bài thơ hay thế kỷ XX* (NXB Hội Nhà Văn 2005)

Trích thơ:

### Mưa đêm

March9

Gửi Thanh Thảo

HUỶNH ÁI TÔNG

*Lâu quá mới có một đêm mưa không rơi vào đầu vào cổ  
Nhớ những đêm lang thang chợ Bắc Qua ga Hàng Cỏ  
Một trăm bạc rượu tới Thiên đường  
Lần đầu lên lút bán tem gạo mua cái sấu giữa phố  
Tuổi ba mươi như con trẻ  
Mất tâm vì cô điểm ế.*

*Kiếp tha hương nửa đời vật lộn  
Sống chỉ còn như một thói quen  
Trời phương Nam đêm nay sao rét Bắc  
Cho ta thèm một ly đen  
Rủ rê ta những giọt mưa đêm  
Nhưng xe máy lang thang thì thua xe đạp  
Ta năm mươi rồi đâu thể cùng em...*

*Dạo ấy ba mươi ta là thi sĩ  
Bây giờ thèm khát một câu thơ  
Khi đời sống làm mình hóa đá  
Bỗng rùng mình vì một hạt mưa*

(Sài Gòn đêm 6.6.93)

**Hãy để mùa hè yên nghỉ**

December9

*Đường phố hôm nay mùa đông  
Sao áo em mùa hạ ?*

*Những sọc áo xanh cuộn sóng  
Em mang trên ngực biển đây*

*Biển những ngày hè đẹp lắm  
Ngày nào tìm biển ta say*

*Nhưng mùa hạ đã ra đi  
Chân trời xa không ngăn nắng*

*Sao em còn mang áo mỏng  
Có còn mùa hạ nữa đâu*

*Sao em làm lòng ta đau  
Nhớ ngọn lửa hè đã tắt*

*Chắc biển ngoài kia cũng xám  
Lạnh co những sóng rộng dài*

*Ngực em cao làm tức ngực  
Hãy chôn dưới lớp áo dày*

*Đường phố hôm nay mùa đông  
Hãy để mùa hè yên nghỉ.*

### Vào

*Cánh cửa sắt đen kịt  
Đóng sầm sau lưng tôi  
Bỗng ào ào náo loạn  
Như một bể dầu sôi.  
Những cái đầu trọc lóc  
Vươn theo từng bước đi  
Những bộ xương đen đúa  
Bốc lên mùi tử thi.  
A! Địa ngục là đây  
Ta bắt đầu kiếp quý  
Sao dễ dàng quá nhỉ  
Chỉ một bước một giây  
Bước qua cánh cửa này  
Kiếp người đã xa lắc.*

*Giật mình nghe tiếng quát:*

*- Cởi hết áo quần ra!*

(17-8-1982)

**Giã biệt**

*Tôi lại quay trở lại  
Thế giới bốn thước vuông  
Có ăn ngủ ỉa đái  
Có giận hờn ghen tuông.  
Xa lạ quá mất rồi  
Phố xá như trong mộng  
Người trên đường như nộm  
Cứ trăn trăn nhìn tôi.  
Cả em nữa em ơi  
Như thuộc về cõi khác  
Hụt hẫng phút hàn huyên  
Anh ôm em ngơ ngác.  
Và xin em chớ giận  
Khi nhìn thấy gói quà  
Anh muốn ngay lập tức  
Quay lại chỗ vừa ra  
Để run run mở gói  
Hau háu mắt bạn tù  
Đêm nay là đêm hội  
Com muối trắng như mơ.  
Thôi em về đi nhé  
May em không khóc oà  
Quay lưng con bống thét  
Giờ mới nhận ra cha.  
Anh cúi đầu bước vội  
Thầm nói em đừng chờ*

*Tôi lại quay trở lại  
Thế giới của tôi đây  
Em chỉ là giấc mộng  
Bên trên khối mộ đây*

**Nửa đêm**

*Cứ nửa đêm choàng dậy  
Vì giọng hát ồ ồ  
Bao giờ cũng một câu thôi:  
Trời hãy cứu giúp tôi!*

*Lòng đất vọt ra?  
Lưng trời rớt xuống?  
Xuyên bảy lần tường  
Cõi nào vọng lại?*

*Tất cả choàng dậy nghe  
Rồi lục tục nằm lại  
Người ngáy tiếp  
Người trần trọc  
Người râm rứt*

*Ta cứ ngồi bó gối  
Câu hát dội từ ngực xuống chân  
Từ chân lên đầu  
Âm âm trong tóc.  
Chỉ một câu thôi:  
Trời hãy cứu giúp tôi!*

*Chỉ một câu thôi  
Vào lúc nửa đêm  
Trái đất trở mình giữa bầu trời tối đen*

HUỶNH ÁI TÔNG

### **Đêm trắng**

*Đứa giết người mắt trắng dã  
Ca một khúc vọng cổ nào nề  
Lão làm thuốc tây giả  
Run run nhặt từng hạt com thiu  
Thằng nhóc “cắt bom” ga Hàng Cỏ  
Sằng sặc bóp cổ tên hiệp trẻ con  
Ba thằng buôn com đen  
Ngồi nhìn ông cụ bí thư nhảy múa*

*Vào mà xem  
Trong nhà “mét”  
Đám cưới thằng khoè lấy thằng thọt.  
Lại mà xem  
Hai thằng ăn cướp  
Bắt chấy cho nhau*

*Đêm hỡi hùng  
Ta ở đâu đây  
Đêm không chợ mắt chờ sáng*

*Sàn xi măng vẩy ghẻ rụng đây*

### **Chiếc lá bàng**

*Những đôi mắt âm thầm  
Rời qua khe cửa  
Bao giờ rụng chiếc lá bàng cuối cùng?*

*Sẽ rụng đêm nay  
Khi gió bắc nổi  
Không. Nó sẽ còn đeo đẳng mãi trên cây  
Dai như kiếp sống đoạ đây*



*Trong giấc ngủ màu máu  
Chiếc lá bàng mênh mông  
Thức dậy không còn lá  
Bầu trời tím thâm*

*Bỗng rùng mình kiệt quệ  
Như vừa ra đi giọt máu cuối cùng*

### **Người về**

*Người về từ cõi ấy  
Vợ khóc một đêm con lạ một ngày*

*Người về từ cõi ấy  
Bước vào cửa người quen tái mặt*

*Người về từ cõi ấy  
Giữa phố đông nhòn nhột sau gáy*

*Một năm sau còn ghen giữa cuộc vui  
Hai năm còn mộng toát mồ hôi  
Ba năm còn nhớ một con thạch thùng  
Mười năm còn quen ngồi một mình trong tối*

*Một hôm có kẻ nhìn trần trời  
Một đêm có tiếng bâng quơ hỏi*

*Giật mình một cái vỗ vai*

Trong bài: *Thơ Hoàng Hưng - Một vương tử một thế giới*,  
Nữ Tiến sĩ Văn học Việt Nam Lê Hồ Quang, giảng viên khoa  
Ngữ Văn trường Đại học Vinh đã viết:

*“Tích hợp tri thức từ nhiều nguồn văn hóa và thi ca, với một  
bản lĩnh sáng tạo, một ý thức cách tân bền bỉ, Hoàng Hưng đã*

## HUỶNH ÁI TÔNG

*tạo nên một cách nói nghệ thuật riêng, độc đáo. Hiện diện trong thơ ông là một hệ biểu tượng phong phú. Đó là sự kết hợp nhuần nhị giữa tư duy lí tính và trực giác nhạy bén; giữa thói quen ngâm nghĩ, tìm kiếm những ý nghĩa sâu xa của đời sống và năng lực diễn tả bằng những hình ảnh giàu sức gợi; giữa kĩ thuật viết hiện đại và độ chín đằm của tư tưởng, xúc cảm... Có thể nói, biểu tượng trong thơ Hoàng Hưng, ấy là một cách nhìn, một lối tư duy độc đáo về thế giới, đồng thời, cũng là một trải nghiệm tinh thần đầy chất thơ. Như chính nhà thơ đã viết trong “Người đi tìm mặt”:*

*Một vương tường một thế giới  
Một giấc ngủ một đời người...”*

Tài liệu tham khảo:

- Hoàng Hưng Web: [hoanghung.free.fr](http://hoanghung.free.fr)
- Ác mộng Web: [talachu.org](http://talachu.org)

## 7. Trần Nhung



**Trần Nhung (1942-20 )**

Nhà văn Trần Nhung sinh năm 1942 tại Lâm Thao, Phú Thọ. Bút danh khác là Như Hương, Lâm Thảo, Trường Nhân, Gamô-ca, Lê Trần Vượng.

Từ năm 1962 đến năm 1965, làm giáo viên tại Hà Nội.

Năm 1965, nhập ngũ vào ngành Vận tải quân sự.

Năm 1979, theo học trường Đại học viết văn Nguyễn Du.

Năm 1983, làm biên tập viên sách văn nghệ Nhà xuất bản Quân đội nhân dân.

Năm 1987 là Trưởng phòng Văn nghệ Nhà xuất bản Quân đội nhân dân.

Năm 1993 chuyển ngành sang công tác tại Hội Nhà văn Việt Nam phụ trách Phó giám đốc thường trực Quỹ Văn học đến năm 2002.

## HUỖNH ÁI TÔNG

Từ 2002 là phó ban thường trực Ban quản lý dự án Bảo tàng văn học Việt Nam.

Tháng 7 năm 2008 nghỉ hưu.

Từ tháng 4-2010 là Biên tập viên cao cấp báo *Người cao tuổi VN* phụ trách phần Văn học nghệ thuật.

Trần Nhung đã được các giải thưởng văn học:

- Giải Thơ báo Văn nghệ năm 1978 với bài *Thơ gửi con*.
- Giải truyện ngắn Văn nghệ quân đội năm 1981 với truyện ngắn *Hôm qua hôm nay và con đường ấy*.
- Giải thưởng văn học Bộ Quốc phòng với tập thơ *Bài thơ tình của lính* (1984-1989).
- Giải thưởng Hùng vương của tỉnh Vĩnh Phú với tiểu thuyết *Bến đũ đời anh*.
- Giải thưởng Ủy ban toàn quốc liên hiệp các hội văn học nghệ thuật Việt Nam năm 1998 với tiểu thuyết *Dòng sông không có đôi bờ*, năm 2002 với tập thơ *Gió tháng ba vẫn thổi*.
- Giải thưởng Hội văn học nghệ thuật các dân tộc thiểu số Việt Nam với tập thơ *Gió bắt gặp đồng rừng*.

Ngoài viết văn, làm thơ, Trần Nhung còn là họa sĩ, đã có nhiều lần triển lãm tranh của mình.

Triển lãm tranh:

- Triển lãm tranh cá nhân lần thứ nhất năm 1998 tại Nhà triển lãm Hội Mỹ thuật Việt Nam, 16 Ngô Quyền Hà Nội.
- Triển lãm cùng họa sĩ Đức Dụ, Văn Hải, Trọng Thanh năm 1999 về Đường Trường Sơn.
- Triển lãm cùng họa sĩ Đức Dụ năm 2000 về ngành Hậu cần quân đội.

## VĂN HỌC VIỆT NAM CẬN VÀ HIỆN ĐẠI IV

- Triển lãm tranh cá nhân lần thứ hai năm 2003 tại Nhà triển lãm Hội Mỹ thuật Việt Nam, 16 Ngô Quyền Hà Nội.
- Triển lãm cùng các nhà văn Đoàn Lê, Đỗ Minh Tuấn, Hoàng Minh Tường, Nguyễn Quang Thiều với tên gọi “ Nhà văn vẽ “ tại - Bảo tàng Mỹ thuật Việt Nam năm 2005.
- Triển lãm “ Nhà văn vẽ “ tại Hải Phòng năm 2005.
- Triển lãm Hai nhà văn vẽ tại Bảo tàng Mỹ thuật Việt Nam cùng nhà văn Nguyễn Khắc Phục, 7-2008.

### Tác phẩm:

- *Gương mặt tôi yêu* (tập thơ , 1980)
- *Người đi trên sườn đồi* (truyện ngắn, 1983)
- *Bài thơ tình của lính* (tập thơ, 1987)
- *Sông Hậu mùa nước sinh* (truyện ngắn, 1989)
- *Cô gái ấy bây giờ* (tiểu thuyết, 1990)
- *Bến đò đời anh* (tiểu thuyết, 1990)
- *Gió quê* (tập thơ, 1995)
- *Dòng sông không có đôi bờ* (tiểu thuyết, 1997)
- *Sắc màu và con chữ* (tập thơ, 1998)
- *Gió tháng ba vẫn thổi* (tập thơ, 2002)
- *Gió bát ngát đồng rừng* (tập thơ, 2003)
- *Gió đang xoan* (tập thơ, 2004)
- *Người làm ra cổ tích* (trường ca, 2008)
- *Com bụi chám com* (tập truyện, 2008)
- *Nhân tình của mẹ* (tập truyện, 2011)
- *Tản mạn Mongo* (tản văn, 2011)
- *Gió làng ta xanh ngát* (tập thơ, 2012)

### Trích văn:

#### **Nhân tình của mẹ**

Bây giờ tôi đã 18 tuổi. Tôi đã biết nghĩ nên thương mẹ tôi vô cùng. Tôi ân hận bởi vì tôi mà mẹ tôi thiệt thòi không có mấy

tháng ngày hạnh phúc. Suốt một đời chẳng được sự chăm sóc của bố tôi. Mẹ tôi lấy chồng như mang tội nợ về mình. Đời người đàn bà gánh bao nhiêu vất vả, lo toan lại không được một sự âu yếm, dịu ngọt của chồng thì coi như mất trắng. Giá mà ngày ấy tôi không quyết liệt phản đối thì mẹ tôi đã kéo lại được một chút hạnh phúc với một người đàn ông không phải bố tôi...

Năm ấy tôi độ tám chín tuổi gì đấy. Tôi đã lảng máng biết rằng mẹ tôi khổ sở vì tính gia trưởng và vũ phu của bố tôi. Bố tôi làm nghề phu hồ cho một cánh thợ tự do. Hầu như ngày về nhà cũng muộn và nồng nặc mùi rượu. Bố tôi lật lòng bàn nhìn mâm cơm rồi hất tung lên. Bát đĩa vỡ, nước mắm, nước canh đổ đầy ra nền nhà;

- Cho ăn như cho lợn thê này à.

Mẹ tôi lí nhí:

- Thì tháng này anh không đưa tiền lại còn lấy thêm tiền của em nên ăn kham khổ vài bữa vậy.

Bố tôi xông vào túm tóc mẹ tôi đánh túi bụi, Tôi thương mẹ chạy đến ôm chầm lấy bà mong để bố tôi không đánh nữa. Bố tôi hét lên:

- Tại sao dám ăn trước, Tao về muộn thê nào cũng phải đợi nghe chưa...

Đại loại như như vậy. Có lẽ chưa bao giờ bố tôi có một lời dịu ngọt với vợ. Mẹ tôi đêm nào ôm tôi vào lòng cũng khóc. Mẹ tôi bảo nếu không có tôi thì bà đã chết đi cho thoát nợ. Ngày nào mẹ tôi cũng phải ra chợ rau từ 3 giờ sáng mua một ít rồi gánh đi bán lẻ. Nhiều hôm tối mịt mới về rau lại ế đến gần chục mớ. Về đến nhà, mẹ tôi tắt bật cơm nước để bố tôi về có cơm ăn

ngay. Có lần khi ông về chưa có cơm thể là nện cho mẹ tôi một trận. Về không có cơm ăn cũng đánh. Về muộn cơm canh nguội cũng đánh.

Mẹ tôi đơn lẻ chỉ biết ôm lấy tôi mỗi đêm, coi tôi là người bạn tâm giao gần gũi nhất. Vậy mà tôi còn bé quá không làm cho mẹ vui đi nổi buồn.

Mẹ tôi là một người nết na. Phải nói mẹ tôi xinh đẹp. Tóc đen như nhung và dày như một thảm mun. Da trắng mịn. Mắt phượng mày ngài. Má lúc nào cũng hồng dấy lên như người dùng son phấn khéo léo. Cái gương mặt thánh thiện như vậy mà mẹ tôi lại khổ. Hồng nhan bạc mệnh như người đời vẫn nói đã vạ vào mẹ tôi thì phải.

Mẹ tôi cam chịu chưa bao giờ có điều tiếng gì. Nếu mẹ tôi có tình ái lãng nhãng mà bố tôi sinh nghi rồi đối xử tàn tệ thì đi một nhẽ. Hai người yêu nhau từ năm mẹ tôi mới 20 tuổi. Họ đều tự nguyện đến với nhau chứ có ai ép buộc gì đâu. Mẹ tôi cứ bảo chắc là kiếp trước mẹ có tội lỗi gì đây nên ông trời trừng phạt. Tôi không hiểu ông trời là ai mà làm mẹ tôi khổ thế.

Rồi một ngày tôi thấy mẹ tôi có phần chú ý đến mình hơn. Mẹ săn sóc mớ tóc, ăn mặc. Và đôi khi tôi thấy mẹ tôi như ngóng chờ một ai đó. Có lúc mẹ thất thần hay quên. Lò mờ tôi hiểu mẹ có điều gì ẩn giấu trong lòng. Một hôm mẹ tôi bảo đi chơi với mẹ. Trời hôm ấy mưa nặng hạt nhưng hai mẹ con tôi vẫn đi. Tôi ngoan ngoãn theo mẹ cũng là để xem có gì khác thường ở bà không. Khi hai mẹ con từ trong ngõ sâu hút ra đến phố chính thì tôi thấy một bác lớn tuổi đã ngồi trên xe máy chờ hai mẹ con tôi. Bác người dáng học trò, mái tóc hoa dâm. Tôi áng chừng bác độ gần 60 tuổi, hơn mẹ tôi gần 30 tuổi. Mẹ tôi bảo :

- Đây là các Quân, bạn mẹ. Hôm nay bác đưa hai mẹ con đi chơi.

Trời rét. Mẹ tôi mặt đỏ hồng lên và có vẻ lúng túng. Tôi để ý thấy bác Quân nhìn mẹ tôi đắm đuối và dịu dàng mồi mẹ con tôi ngồi lên yên sau. Tôi ngồi giữa hai người. Trời mưa nên hai mẹ con tôi chui vào áo mưa của bác Quân. Bác Quân đưa hai mẹ con đến một khu du lịch rất đẹp. Nơi ấy có hồ câu cá, có cửa hàng ăn và tất nhiên biệt thự. Chúng tôi ngồi câu cá trong một cái lều lá cọ có mảnh che xung quanh. Tôi thích quá cứ chạy tung tăng qua lều này sang lều khác. Có lúc tôi bất thần quay lại thì nhìn thấy mẹ tôi ngả người nằm gọn trong vòng tay bác Quân. Trên gương mặt mẹ tôi đầm đìa nước mắt. Tôi không hiểu mẹ tôi khóc vì hạnh phúc hay vì tủi phận. Thú thật lúc ấy tôi không thích bác Quân, không thích cả mẹ tôi nữa. Sao bác ấy lại ôm mẹ mình cơ chứ. Sao mẹ lại để bác ôm cơ chứ. Buổi trưa chúng tôi vào một gian phòng để ăn và nghỉ. Bác Quân gọi phở sào mang đến tận phòng. Tôi chưa bao giờ được ăn phở mà có người mang đến tận nơi. Trời rét lại mưa nên chưa thể về được. Chúng tôi ngồi đánh bài tiến lên. Bao giờ tôi cũng thắng. Có lẽ mẹ tôi và bác Quân nhường cho trẻ con sướng chứ làm sao tôi đánh được hai người. Tôi thấy gương mặt mẹ tôi sáng lên rờ rờ. Có lẽ chưa bao giờ bà được những phút giây thanh thản như vậy. Khi mỏi quá chúng tôi ngả lưng xuống giường đắp chăn cho đỡ rét nhưng vẫn chơi bài. Một lúc thì bác Quân kêu buồn ngủ và ngả lưng úp thìa vào mẹ tôi. Hai mẹ con tôi chơi bài, tôi vẫn cứ thắng. Mẹ tôi lúng túng đánh bài nhằm lẫn lung tung. Trên nét mặt của bà tôi thấy như đang có lửa. Bác Quân áp sát mặt vào gáy mẹ tôi. Người mẹ tôi cứ rung lên như có gì không yên. Chăn vẫn phủ kín, mẹ tôi và bác Quân chỉ để hở hai cái đầu ra khỏi chăn. Đó là lần đầu tiên tôi thấy mẹ tôi vui vẻ. Trông bà hôm nay đẹp lên rục rục. Thú thật là tôi nhìn gương mặt của bà mà thêm rằng khi mình lớn lên được xinh như mẹ...



Một thời gian sau khi tôi mười tuổi . Không biết công việc thế nào mà bố tôi hay đi làm ngoại tỉnh. Bác Quân thuê xe đưa hai mẹ con tôi đi nghỉ mát trên Tam Đảo. Lần này tôi thấy bác thuê hai phòng. Một phòng cho bác và một phòng cho mẹ con tôi. Có đêm tôi thức dậy quờ tay sang chỗ mẹ không thấy, tôi khóc toáng lên. Mẹ tôi từ bên ngoài đẩy cửa bước vào và nói mẹ không ngủ được nên đi dạo. Mấy ngày nghỉ ở Tam Đảo là thời gian mẹ tôi vui vẻ nhất. Tất cả phiên muộn không mang theo nên bà hay cười và hay kể chuyện tiểu lâm. Bác Quân nghe mẹ tôi kể chuyện cứ cười ngặt nghẽo và nhìn mẹ tôi đăm đăm. Bác Quân chăm chút mẹ con tôi rất chu đáo. Những lúc đi dạo hai người sóng đôi bên nhau, có khi bàn tay mẹ tôi nằm gọn trong tay bác Quân. Trời ơi, tôi nhìn hai người thấy hạnh phúc quá. Phải chi người đó là bố tôi chứ không phải bác Quân.

Tôi nghĩ vậy và lại buồn cho gia đình nhà mình. Tôi thương mẹ nhưng cũng thương cả bố. Thế là trong lòng mẹ tôi không có hình ảnh của bố nữa rồi. Bố tôi không làm cho mẹ tôi hạnh phúc thì thế nào có ngày cũng mất mẹ tôi. Ngày ấy đã đến. Tôi buồn và đòi mẹ tôi về nhà ngay tức khắc. Bác Quân và mẹ tôi nói thế nào tôi cũng không nghe. Tôi quyết định nhịn ăn đòi về bằng được . Lúc ấy tôi không muốn mẹ tôi ở bên bác Quân. Tôi chưa đủ khôn để biết thế nào là bồ bịch, là ngoại tình. Tôi chỉ biết mẹ tôi đã có bố tôi, đã có cả hai bên họ mạc.. Tôi biết mẹ tôi đau khổ nhưng cứ đi chơi với một người đàn ông khác bố tôi thì cũng không được. Cuộc đi chơi dở chừng. Mẹ tôi và bác Quân đều buồn. Cả tôi cũng buồn. Suốt đường về không ai nói với ai một câu nào...

Buổi tối khi về đến nhà, sau khi nghỉ ngơi mẹ tôi gọi tôi lại nói chuyện. Bà coi tôi là người đã biết nghĩ. Mẹ tôi khóc nhiều lắm. Mẹ tôi nói mẹ đã cam chịu bao nhiêu năm, mẹ lấy chồng mà không có một ngày hạnh phúc. Bố con là một con ác quỷ sinh ra để hành hạ mẹ. Bố con chỉ đến với mẹ khi cần tiền hoặc cần ân ái. Nếu không có con mẹ đã không thiết sống. Có con

thì mẹ không thể chết, vì nếu không có mẹ con sẽ cầu bơ cầu bắt. Cuối cùng thì bà nắc lên, nói:

- Cách đây hai năm mẹ đã biết bố con có quan hệ với người đàn bà trẻ hơn mẹ. Họ đã có một con trai. Con thấy bố con hỏi này hay đi làm ngoại tình là vì để đến với cô kia...

Tôi gằn như hét lên:

- Có thật không mẹ ?

- Mẹ nói dối con sao. Con hãy hỏi bà nội sẽ biết.

Tôi không còn nghe thấy gì nữa. Tôi lao vào giường và nằm khóc.

Mẹ tôi lên giường nằm bên tôi vỗ về. Thôi con ạ, không thể làm gì được nữa vì họ có con với nhau rồi. Chia lìa họ thì đứa trẻ kia cũng khổ. Hai mẹ con mình đã khổ lâu rồi chịu được con ạ.

Rồi mẹ tôi kể lại chuyện gặp bác Quân sau mấy tháng biết tin bố tôi có con với người đàn bà khác. Bác Quân là người rất tốt, bác thương mẹ, mẹ cũng thương bác. Bác đã li dị vợ nhiều năm nay. Vợ bác đi lao động bên Đức rồi lấy chồng Tây và chia tay với bác ấy. Con cái bác đã trưởng thành cả rồi. Bác sống một mình với một người giúp việc. Con có tin rằng mẹ và bác chưa làm điều gì tội lỗi không con. Yêu quý nhau thế thôi chứ không hề lợi dụng, không hề chung chạ. Sau này lớn lên con sẽ hiểu không phải rom nào gằn lừa cũng bốc cháy. Thời gian qua mẹ như một mảnh ruộng cạn nước mà xung quanh thì tràn trề. Chỉ cần một vết nứt bờ là nước đã ủa sang. Mẹ không cưỡng nổi tình cảm của bác vì lòng mẹ trống rỗng đến nỗi không đủ sức tự vệ. Hàng ngày mẹ đi bán rau qua cửa nhà bác, lần nào bác cũng mua mấy mớ rau của mẹ và trả tiền cao hơn mấy lần giá

chợ. Mẹ chỉ lấy tiền đúng như bán cho người khác. Hình như thương mẹ mà bác mua thôi chứ nhà bác không ăn nhiều rau thế. Cũng không biết từ khi nào bác đã để ý đến mẹ. Bác biết hoàn cảnh vất vả của mẹ nên cứ âm thầm chờ mẹ mỗi sáng để được gặp, để mua mấy mớ rau. Nhiều lần bác ngỏ ý giúp đỡ nhưng mẹ từ chối. Nhưng rồi mẹ không cưỡng nổi tình cảm của bác. Mẹ thấy thương bác và mong hàng ngày gặp bác. Cái lần cùng con đi chơi khu du lịch là lần đầu mẹ gặng gửi bác hơn. Con có tha thứ cho mẹ không? Dù gì thì mẹ cũng có lỗi với bố con và con... Nhưng bây giờ con phản đối thì mẹ hứa với con sẽ không có chuyện gì nữa. Mẹ coi bác Quân như một người anh mà thôi. Mẹ thề với con như vậy đấy. Thôi mẹ không biết nói gì nữa... con ngủ đi...

Sau cái lần ấy quả là mẹ tôi không gặp lại bác Quân. Nghe nói ông đã bán nhà lên ở trên Trung Hòa - Nhân Chính. Có lẽ ông muốn xa cái phố mà hàng ngày mẹ tôi vẫn gánh rau qua đấy. Ông muốn không phá vỡ cái gia đình nhà tôi dù chỉ còn là hình thức.

Bố tôi càng ngày càng tàn tệ với mẹ tôi và thường xuyên không ở nhà. Mẹ tôi héo hắt, gầy dộc đi. Trên gương mặt của bà ảo não đến kinh hãi. Tôi lớn lên trong sự chăm nuôi của mẹ. Học hành tốn kém nhiều tiền nhưng mẹ tôi vẫn cố lo liệu cho tôi bằng chị bằng em. Cuộc đời của mẹ tôi như đã chết, bà cam chịu không muốn phá vỡ gia đình. Có lần tôi nói hay là mẹ li dị bố đi, hai mẹ con mình sống với nhau cho thanh thản. Mẹ tôi không chịu, mẹ tôi bảo mẹ sợ cái tiếng bỏ chồng lắm. Họ mạc đời bên sẽ nhìn mẹ thế nào. Trời đất ơi, mẹ tôi vẫn nghĩ đến cái tiếng, cái bè ngoài, cái đạo đức giả. Mẹ tôi như một mớ rau đã trần qua nước nóng nên chỉ biết cam chịu trước tất cả đè nén áp bức. Tôi nói với mẹ rằng vì bố con phản bội mẹ chứ lỗi đâu ở mẹ.

Mẹ tôi cứ sống với những tháng năm tàn tạ và buồn tủi như thế. Bố tôi đã ở hẳn với người đàn bà kia. Có lần bố tôi làm đơn li dị nhưng mẹ tôi không ký. Mẹ tôi bảo anh thích thì cứ đi, tôi không muốn con Mây không có bố. Nó lớn rồi còn dựng vợ gả chồng... Thế là mẹ tôi nhất quyết một mình nuôi tôi mà không cần đến sự có mặt của bố tôi. Tôi thương mẹ mà không biết làm gì. Tôi chỉ còn biết làm phận con hiếu thảo để bù đắp cho mẹ tôi phần nào...

Bây giờ tôi đã mười tám tuổi. Mẹ tôi đã vào tuổi bốn mươi, đã vào tuổi hồi xuân. Bà tôi bảo đời người con gái có một lần dậy thì nữa ấy là lúc hồi xuân. Tôi thương mẹ tôi cứ héo hắt, đơn côi trong cái vỏ một gia đình hòa thuận, thậm chí một gia đình Văn hóa mà ủy ban phường vẫn ban tặng. Tôi quyết định âm thầm đi tìm lại người tình cho mẹ. Tôi đến căn nhà mà trước đây bác Quân vẫn ở. May sao người chủ mới cho tôi địa chỉ nhà mới của bác Quân trên Trung Hòa – Nhân Chính. Tôi đến nhà bác thì biết bác đang nằm viện Hữu nghị vì bị xung phổi.

Tôi quyết định rủ mẹ cùng đến thăm bác Quân. Mẹ tôi từ chối. Còn gì nữa đâu con, mẹ coi bác như người anh thôi mà, con đừng thử lòng mẹ, tội lắm. Tôi phải nói vui thì cô em đi thăm ông anh đang nằm viện là đúng quá còn gì. Mãi một lúc thì mẹ tôi cũng nghe. Bà soi gương, chải tóc, ngắm mình một lúc như có ý xem lại dung nhan mình bây giờ thế nào. Khuôn dung mẹ tôi tươi vui hơn một chút. Tôi biết trong lòng mẹ tôi vẫn có bóng dáng bác Quân, bởi vì trọng nhau về tình chứ không vụ lợi. Chính vì điều đó nên mới bền lâu, chẳng qua vì hồi trước tôi phản đối nên hai người xa nhau.

Bệnh tình bác Quân đã đỡ nhiều. Nhìn ông già ngoài sáu mươi nhưng vẫn tươi tốt phong độ. Bác Quân ngạc nhiên đến nỗi thốt lên một câu gì đấy. Tôi trộm quan sát nét mặt hai người vừa như ngưỡng ngưỡng vừa như xúc động đột ngột nên trông

lạ lắm. Bác Quân hỏi sao biết bác nằm viện mà đến thăm. Chưa kịp trả lời thì bác nhìn mẹ tôi triu mến.

- Em có khỏe không ? Vẫn đi rau đấy chứ ? Vất vả quá, vất vả quá...

Không biết từ lúc nào bàn tay mẹ tôi đã ngoan ngoãn trong bàn tay bác Quân. Mẹ tôi nhìn bác và nước mắt lã trên gò má đang hồng rục lên...

Tôi ý tứ ra ngoài ban công. Trước mắt tôi cây long não cổ thụ tán xòe ra cả một vùng râm mát. Những tán lá xanh mượt, trong veo, lấp lánh đùa vui trong nắng sớm...

(Đại Lải 9-8-2009)

Trích thơ:

### Lời người ở núi

*Đi đâu phụ thuộc vào xe  
Điện thoại dất lưng í ới  
Khi buồn chỉ hát ô-kê.*

*Được cái lĩnh lương hàng tháng  
Tiền kho hạn ứng nổi gì  
Họp hành nhiều khi lảng cháng  
Chỉ nhanh nhẩu nhận phong bì.*

*Nhà cửa nhênh nhang đến sợ  
Xây chi cho tổ quét nhà  
Tao tưởng mày hai ba vợ  
Ồ xin như ngọc như ngà...*

*Thì ra chúng mày cũng khổ*

HUỶNH ÁI TÔNG

Tiền nghi trời buộc mắt rồi  
Dài cô ra ngoài cửa sổ  
May ra mới thấy ông Trời.

Nhớ hồi với tao lên núi  
Mây cười mây nói vui ghê  
Cái hôm bắt được con rúi  
Rượu ngô cả lũ say nhè.

Chúng mây giàu sang chúa đất  
Mà sao như chuột bị hun  
Trong đầu đang có sợi vật  
Ra dáng thế mà hay run.

Chúng mây đi đầy quá thể  
Còn lâu mới sướng bằng tao  
Mèn mèn, con chôn, con rế  
Rượu vò uống với trăng sao.

Hay là mây lên với núi?  
Đã lâu không gặp bà con  
Lòng mây lằng lằng gió thổi  
Thắng cố lạ môm càng ngon.

Nói thôi, chắc mây chẳng dám  
Mây như giữa đám dây rừng  
Ngày mai tao về với bản  
Ở phố đầu giàn sồng lung...

Đại Lải, 15.8.2001  
(Rút trong tập thơ *Gió bát ngát đồng rừng*)

**Lặng im**

Về hưu nuôi một con chim  
Để mong bớt cái lặng im trong nhà  
Ngày một, ngày hai, ngày ba  
Thức ăn, nước uống, mang ra nhấc vào  
Huýt sáo líu ríu khơi mào  
Ngọt ngào câu hỏi lời chào cậu chim  
Thế mà nó vẫn lặng im  
Đôi khi ánh mắt lim dim mơ màng  
Nuôi chim mong tiếng hót vang  
Mà chim không hót nghĩ càng chán thêm  
Tôi ngồi nghĩ ngợi liên mien  
Hay là nó muốn đòi tiền cát-xê  
Hay là đương chức ù lì  
Chỉ ăn không nói làm chi cho phiền  
Hay là quan chức cấp trên  
Kiếm lời ra dáng người hiền của dân  
Hay là kẻ sĩ ngu dân  
Cúi đầu vâng dạ làm thân tôi đòi  
Hay là khao khát khoảng trời  
Rừng xanh một thuở là nơi vẫy vùng

Con chim héo hắt trong lồng  
Và tôi xao xác muối lòng sớm trưa  
Tôi ra cửa hàng đã mua  
Đôi con chim khác cho vừa ý hơn  
Người bán nhìn tôi cười ròn:  
Chim lồng nó thế cụ còn mong chi  
Tôi buồn thả cậu chim đi  
Nó bay một quãng lại về... lạ chưa ?  
Thương chim oanh liệt ngày xưa  
Trong lồng lâu quá ngu ngơ một đời  
Lặng im là lặng im ơi  
Hình như đang cất bao lời với ta...

**Vừa đủ**

## HUỶNH ÁI TÔNG

*Em vừa đủ để anh khao khát  
Vừa đủ làm cho anh thật là anh  
Trời chớm thu vừa đủ nét xanh  
Quả chua ấy cũng vừa đủ ngọt.  
Em vừa đủ để qua thời non nớt  
Nét thực hiện vừa đủ chút đàn hanh  
Trong vững bền vừa đủ sự mong manh  
Trong đậm thắm vừa đủ lòng nghi kỵ.*

*Em đàn bà vừa đủ men thi sĩ  
Em trang đài vừa đủ nét chân quê  
Thích cộng vào vừa đủ biết đem chia  
Lòng ngay thẳng vừa đủ mưa che dậy.*

*Em già dặn vừa đủ điều non bầy  
Em tươi vui vừa đủ nét ưu phiền  
Em lạnh lùng vừa đủ để thôi miên  
Em gìn giữ vừa đủ lòng nổi loạn*

*Anh khao khát với trái tim lãng mạn  
Mong suốt đời vừa đủ để yêu em*

### **Cuối thu**

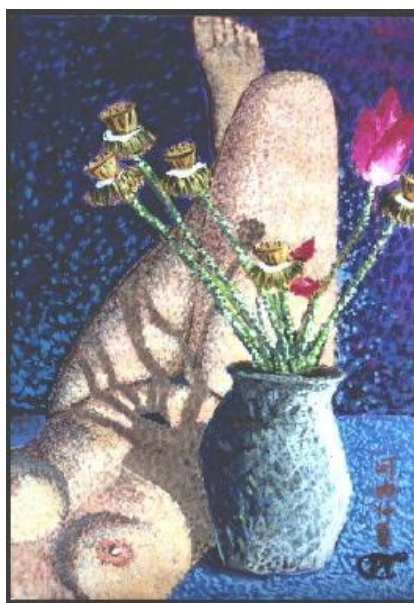
*Gió đông bắc mới chớm về  
Trời mang mang nhớ, đất se se buồn  
Hồ nao nao sóng cô đơn  
Núi ngơ ngơ núi thả hồn vào mây  
Hoa nhạt nhạt ẩn trong cây  
Nắng hao hao tưởng giữa ngày trăng lên...*

Tranh:





Cúc



Cuối hạ

## HUỶNH ÁI TÔNG

Qua bài viết *Chuyện đời đáng buồn và đáng cười trong tập truyện lời cuốn* Trần Xuân An đã có nhận xét về tập truyện *Nhân tình của mẹ* của tác giả Trần Nhưong:

“.... Bài viết dừng lại ở hai truyện ngắn này, như một khẳng định đây là tập truyện ngắn đầy sức lôi cuốn. Trong đó, tác giả không chỉ vạch ra cái giả trá của sự đời, thói đời, cái thật của dục vọng con người muôn thuở, vấn nạn xã hội thời đã qua và hiện nay, có khía cạnh quá đáng buồn, có khía cạnh rất đối đáng cười, có khi cười ra nước mắt.”

Tài liệu tham khảo:

- Trần Nhưong Web: [trannhuong.com](http://trannhuong.com)
- *Nhân tình của mẹ* Web: [nguyenvanbay.blogspot.com](http://nguyenvanbay.blogspot.com)

## 8. Đoàn Lê



**Đoàn Lê – Đoàn Thị Lê (1943-20 )**

Đoàn Lê tên thật là Đoàn Thị Lê, sinh ngày 15 tháng 4 năm 1943 tại Thành phố Hải Phòng. Bà sinh ra trong một gia đình nho học, có nghề thuốc gia truyền. Cha bà có ý hướng cho bà nối nghiệp gia đình nhưng bà không vâng theo ý cha, mà thi vào học Khoa Điện ảnh, Trường Sân khấu Điện ảnh Hà Nội, khóa 1: 1959-1962

Ra trường Đoàn Lê được điều về Hãng Phim truyện Việt Nam. Những ngày đầu làm diễn viên ở Hãng phim, bà tham gia đóng một vài vai diễn. Đoàn Lê thuộc số những diễn viên điện ảnh đầu tiên của điện ảnh cách mạng Việt Nam, cùng lớp với Lâm Tới, Trà Giang, Minh Đức... Bà từng đóng vai chính (cô giáo Hồng Vân) trong phim Quyển vở sang trang (1975) của đạo diễn Nguyễn Ngọc Chung.

Sau khi lấy chồng, sinh con, vì bận bịu và cũng thấy mình không hợp với nghề diễn viên nên bà xin chuyển sang thiết kế mỹ thuật, vẽ cảnh giả và dành thời gian đi học hội họa. Người truyền nghề cho bà là hai danh họa Dương Bích Liên và Bùi Xuân Phái. Bà đã vẽ được hàng trăm bức tranh sơn dầu khổ lớn. Tranh của bà đủ triển lãm riêng mấy cuộc và góp mặt

## HUỶNH ÁI TÔNG

trưng bày cùng các họa sỹ khác ở các Galery sang trọng ở Hải Phòng và Hà Nội.

Khi còn là một nữ sinh lớp chín Trường cấp ba Phan Chu Trinh ở Hải Phòng, Đoàn Lê đã có thơ đăng báo. Năm mười tám tuổi, Đoàn Lê viết bài thơ *Bói hoa* được bạn yêu thơ hồ hởi đón nhận.

Năm 1963, Đoàn Lê chuyển sang viết văn xuôi, các truyện ngắn đầu tiên: *Đôi mắt hoa nhài*, *Trương Viên*, *Cây xoan non* của Đoàn Lê đã lần lượt được in trên hai tờ báo *Văn nghệ* và *Đại đoàn kết*.

Bước sang những năm bảy mươi, tám mươi của thế kỉ XX, Đoàn Lê lại thử sức viết kịch bản phim truyện và thành công với những phim: *Bình minh xôn xao*, *Cha và con*, *Làng Vũ Đại ngày ấy*.

Năm 1990, sau gần hai mươi năm có những truyện ngắn xuất hiện trên văn đàn, Đoàn Lê mới lại công bố thiên tiểu thuyết đầu tay *Cuốn gia phả để lại* và được Hội Nhà văn Việt Nam trao giải thưởng. Nhiều tác phẩm của bà không chỉ được phát hành tại Việt Nam mà còn được dịch sang tiếng nước ngoài. Bà được đánh giá là người phụ nữ đa tài nhưng cũng đa đoan.

Năm 1998, Đoàn Lê nghỉ hưu, dứt khỏi làng Lũ, về Đồ Sơn, cùng em gái Đoàn Thị Tảo mua hai căn nhà, cách bãi biển vài trăm mét. Tạo dựng nơi ăn chốn ở mới, không thể nói là không cực nhọc, nhưng chị vượt qua hết, và lại có thể viết văn

Năm 2006, Đoàn Lê đoạt giải thưởng của Ủy ban toàn quốc Liên hiệp các hội Văn học - Nghệ thuật Việt Nam về văn xuôi

Đoàn Lê đã nhận được các giải thưởng:

## VĂN HỌC VIỆT NAM CẬN VÀ HIỆN ĐẠI IV

- Giải thưởng văn học của Hội Nhà văn Việt Nam cho tiểu thuyết *Cuốn gia phả để lại*.
- Giải thưởng báo *Văn Nghệ* và Ủy ban toàn quốc Liên hiệp các hội Văn học - Nghệ thuật Việt Nam cho truyện *Trinh tiết xóm Chùa*

### Tác phẩm:

- *Cuốn gia phả để lại* (1990)
- *Thành hoàng làng số xố* (tập truyện ngắn 1992)
- *Lão già tâm thần* (1993)
- *Người đẹp và đức vua* (1991)
- *Tiên định* (2010)
- *Oan hồn ngõ đá dốc*

### Kịch bản phim truyện:

- *Bình minh xôn xao*
- *Cha và con*
- *Làng Vũ Đại ngày ấy*.
- *Hồ Xuân Hương*

### Đạo diễn các phim:

- *Con Vá* (biên kịch kiêm đạo diễn - Bông sen bạc LHP toàn quốc)
- *Chim bìm bịp* (đạo diễn, huy chương bạc LHP toàn quốc)

### Trích văn:

#### **Đêm xóm chùa**

*Ta trượt nắm tay nhau đến là đại đột...*  
Hạ Thảo

Tôi trở mình.

Một cái giường xết về phương diện thực dụng cũng như đao đức vốn được đóng cho hai người nằm, nói rõ hơn, cho một người nam cùng một người nữ của Đấng - Tạo - Hóa. Khi phải chứa đến ba người thì độ bức bối chuyển thành giông bão không thể chịu đựng được. Tôi, chồng tôi, cô ta đã ở cả trên một cái giường. Đương nhiên chỉ hai người là có thực, còn người kia quanh quất giữa chồng tôi với tôi. Nhưng ý nghĩa chữ thực, chữ ảo cũng bất định như hai chữ số trên quân xúc xắc. Đôi lúc sự tồn tại của người ảo còn thực hơn cả người thực. Rất nhiều đêm tôi gặp ánh mắt chăm chăm của cô ấy nhìn đôi tay chồng tôi lần cời khuy áo lót tôi. Tất cả bỗng lạnh giá.

Nhạc đêm khuya thật hay. Người ta có sáng kiến đáng kể khi soạn chương trình nhạc suốt đêm cho những cái giường mất ngủ. Đã lâu lắm tôi mới được nghe lại nét nhạc cũ... Kiệu công chúa từ xa đang tới gần khu chợ phiên ồn ào. Ai cũng biết đằng sau những tấm rèm lụa lộng lẫy dính đầy châu báu là một nhan sắc khuyh thành môn môn thanh xuân. Thần dân Ba Tư kính cẩn quỳ rạp bên đường chờ đám rước trang nghiêm với tiếng nhạc dìu dặt, với đoàn thị nữ tha thướt đi qua... Hỡi nàng công chúa mười sáu năm xưa, nay nàng ra sao? Nàng hạnh phúc hay bất hạnh? Đời sống vương giả có cứu nàng thoát khỏi bi kịch cay đắng?

Chồng tôi trở mình.

Tôi bỗng nhớ chiều nay một con ong vàng mật sẫm soi quanh quần bên cái vì kèo chạm đầu rồng của ngôi từ đường cổ kính nhà tôi. Tiếng vo ve dai dẳng khiến tôi sinh lo ngại. Tôi bảo anh:

- Anh nhìn xem con ong tìm gì ở đó vậy?

- Nó tìm nơi làm tổ. Em không thấy mẩu sáp bằng hạt lạc kia ư?

- Chẳng lẽ nó không có tổ hay sao?

- Sao lại không. Nhưng đến một lúc nào đó chúng chia đàn, đi tìm nơi làm tổ mới.

Tôi không nghe được hết những lời giải thích của anh ấy. Tự nhiên đầu óc tôi lảng đi. Tổ mới... chia đàn... Sau hai mươi tám năm chung sống có hai con ong cũng sắp chia đàn, tìm nơi làm tổ mới... Chuyện ấy thật khó tin. Phần lớn người ta sống theo thói quen. Như đêm đến cứ phải đi nằm dù không ngủ được. Như gần ba chục năm tôi quen sống bên cạnh anh ấy tựa bóng với hình, quen cả những lúc hình bóng co kéo vật vã để giữ cho cái tổ chúng tôi đứng vững trước sóng gió muôn mặt đời thường.

Bởi vậy tôi thật bàng hoàng khi nghe anh ấy thổ lộ: "Em thể tất cho anh. Em thuộc con người của những hoạt động xã hội. Anh lại cần một tình yêu tầm thường thôi, một người để làm vợ anh theo nghĩa thông tục nhất". Tại sao anh ấy nhận lấy một sai lầm khó bào chữa như thế? Tôi thương anh. Giá anh chỉ nói đơn giản rằng sau gần ba mươi năm rã rời vì cuộc mưu sinh, tình cảm của chúng tôi đã rách tươm như lá cờ giữa trận tiền, không thể vá víu được nữa.

Và sẽ không ai có lỗi nếu người ta phải chạy trốn một đời sống nhàm chán đến phát sốt.

Dù sao con só hãm tám năm chung sống trong thời buổi này cũng đã có một độ bền xấp xỉ mức kỷ lục. Pho ái tình ấy xứng đáng đứng chung hàng ngũ những chàng lực sĩ khổng lồ. Chàng đã chiến thắng mọi gian khổ qua hai cuộc chiến tranh, cái thời chúng tôi tranh nhau phần ngoài cửa hầm tránh bom,

nhường nhau nửa giường thoáng gió đêm sơ tán. Chàng không lồ ấy chỉ vô ý xia răng bằng cái kim sắt rỉ, do đó bị tê-ta-nốt chết. Đã đành cái chết luôn diễn ra dưới muôn vàn màu sắc, nhưng chết kiểu anh chàng ái tình to xác này thật quá lố bịch. Lẽ nào chỉ vì một dịp chồng tôi đi công tác, một dịp tình cờ gặp cô ấy, tình cờ phải nói dối... rồi tất cả tự nó chấm dứt, tất cả sụp đổ trong lặng lẽ?

Tại sao lại ra thế này hở anh? Tôi hỏi chồng tôi đến hàng ngàn lần và lần thứ ngàn lẻ một tôi vẫn đầy ngơ ngác.

Ông cụ bên ngành thứ, tôi thường gọi là cụ trưởng tiểu tông, mấy hôm trước sang chơi với vợ chồng tôi, khề khà chén chú chén anh một chặp, ông già gần bảy mươi tuổi mới do dự bày tỏ:

- Thừa hai bác, dù hai bác có bảo em lần nữa, em cũng cứ tình thực góp ý. Hai bác là trưởng ngành đại tông, tức thị trưởng cả Họ ta, lại đang giữ gìn hương khói từ đường thay mặt Họ tộc, làm sao đừng để trong Họ ngoài làng xì xào dị nghị. Họ ta đâu phải vô danh tiểu tốt. Các cụ Tổ được cả nước ngưỡng vọng, cả nước quan tâm. Nay đi duệ sống không ra gì tránh sao khỏi tai tiếng. Xin mỗi bác cố gắng một chút.

Tôi thật cảm kích trước tấm lòng ông. Nhưng người ta không thể cố gắng yêu. Biết đâu hăm tám năm chung sống đối với anh chẳng là một sự lưu đầy. Biết đâu bây giờ anh sẽ tìm được một chút hạnh phúc cho tuổi về già... Tôi chỉ cay đắng tự hỏi những khoảng thời gian hạnh phúc ít ỏi tôi đã trải qua cùng anh rút cục là có thật hay cũng chỉ là một con số ảo trên mặt quân xúc xắc.

Với tôi như vậy sẽ là một kết thúc buồn. Tôi được anh dắt về đây từ một đêm huyền hoặc cổ tích. Hai mươi cây số ở một địa điểm sơ tán, chúng tôi cứ nắm tay nhau đi bộ. Tới bờ sông



Hồng anh rụt rè hôn tôi, cái hôn bị kìm nén sau bao ngày tháng... Nay tình yêu ấy đã bay mất, tôi còn lý do gì ở lại đây? Tôi sẽ chia tay anh. Một người đàn bà tự trọng phải biết rút lui đúng lúc.

Những lời cuối cùng đã nói với nhau. Tôi bảo rằng đã chuẩn bị một nơi ở mới, nhưng không báo trước sớm mai sẽ lên đường. Với mấy bộ quần áo, chẳng có gì phải chuẩn bị ồn ào. Sự ra đi sao cho giống những đợt công tác càng tốt.

Tôi sẽ tính cách đưa con cháu đi cùng. Khu nhà thờ hương hỏa này anh ấy cần có mặt để gìn giữ. Tôi chỉ giữ lại căn phòng bên tả mặt nhà thờ, nơi đặt cái giường đôi chúng tôi đang nằm đây. Không phải để phòng lúc quay về. Đơn giản vì tôi không muốn một người đàn bà khác bước vào phòng, nằm trên cái giường này và anh ấy sẽ nói những lời rất riêng, những lời ngớ ngẩn thơ dại, thứ ngôn từ của những đêm ân ái chúng tôi thường dùng. Để tránh xúc phạm cả tôi lẫn cô ấy. Dù sao mọi thứ đang còn nóng hổi. Là tôi vẫn nghĩ anh ấy thuộc diện đàn ông có tâm hồn nhạy cảm.

Tôi trở mình.

Tích tắc! Tích tắc! Tiếng cái đồng hồ treo tường kiên nhẫn đếm từng khắc mất ngủ. Gần nửa năm nay, nó thao thức cùng tôi, rất khế khàng, trung thành. Một tặng vật tôi giữ làm kỷ niệm. Ngày mai phải nhớ cho nó vào va ly. Trong căn phòng rồi sẽ khóa cửa im im, bụi bặm dần phủ mờ mọi dấu vết tôi, nó ở lại sẽ giống như một trái tim thoi thóp giữa đồng phế tích. Tội nghiệp nó.

Gần nửa năm, quãng thời gian không phải ngắn, đủ để anh ấy suy nghĩ quyết định. Và chồng tôi đã nói rằng anh trót lỡ nặng lời hứa hẹn với cô ta, anh không muốn trở thành người lừa dối.

Gần nửa năm, quãng thời gian đủ dài để tôi cân nhắc trước quyết định chia tay. Nếu phải ra đi, điều tôi sợ là ở phía đứa con trai duy nhất của chúng tôi. Tuy nó đã lấy vợ lại mới sinh một cháu bé gái đầu lòng, nhưng cái tiểu gia đình ấy thật mỏng manh dễ vỡ. Chúng đang còn như những đứa trẻ chơi trò vợ chồng. Tôi đã không ngăn được một đám cưới xảy ra ba năm trước đây. Rút cục một thiên thần bé bỏng ra đời ngoài sự lựa chọn của chính mình.

Chồng tôi năn nỉ: Hãy ở lại với con cháu. Cũng đừng khất khe với anh. Coi như anh đã chết rồi vậy.

Chồng tôi tính lầm. Những ngày sống của tôi không còn dài lắm. Với thứ bệnh tai ngược tôi đang mang trong người, sự chịu đựng cùng những cơn trầm uất sẽ nhanh chóng cướp nốt cái mẩu quỹ thời gian ít ỏi tôi còn lại. Mà với một quyết tâm sắt đá tôi phải sống, sống để vớt vát gây gột cho đứa trẻ mới rời nôi kia. Như thế tôi đã nhìn thấy trước những số phận nó...

Ôi hai con mắt đen láy tươi cười nhìn tôi như những đốm nắng rực rỡ chiếu sáng căn phòng u tối tâm hồn tôi. Ngay khi bà đỡ quần vôi mảnh tã cho nó rồi trao vào tay tôi, tôi đã linh cảm rằng cái sinh vật đỏ hồng vừa mới chào đời sẽ gắn chặt với đời tôi như một tiền duyên từ kiếp trước.

Những ngày đầu mẹ nó nhiều sữa quá, mỗi khi cho con bú chỉ ngừng năm phút đã phải dứt ra. Thời gian còn lại con bé mút mát vú bà cho đỡ con thèm. Và bao giờ cũng thế, khi con bé cuống quýt rúc vào ngực tôi, vò vập nún vú, nún lấy nún để, tôi bỗng muốn khóc vì một cảm giác sung sướng khó tả. Như thể thiên chức thiêng liêng của người đàn bà đơn giản chỉ là cái nhồn nhột rạo rức đang dâng lên trong ngực tôi từ từ từng chút một... dâng lên nóng hai vai, lên cổ, lên má và tê dại xâm chiếm tận từng ngọn tóc. Tôi ngồi bất động thắm đẫm niềm ngọt ngào nồng nàn của những bản thánh ca vang đâu đó trong

một khoảng không gian mơ hồ... Rồi ngọn triều êm đềm rút xuống, rất chậm. Thân thể tôi thoát trong veo, mềm tựa bông. Con bé ngừng nún từng quăng ngắn. Cái nốt nghỉ ngân nga lâu dần đến lúc tự đôi môi nhỏ xịu rời ngực tôi. Nó đã ngủ. Tôi khe khẽ hít lấy mùi thơm gầy của bàn tay bé tí nắm chặt. Tôi không rời mắt khỏi cái miệng uơn ướn, đôi lúc vẫn nhóp nhép nún vú trong tưởng tượng.

Tôi ngồi như vậy hàng giờ, say mê không chán. Đó là quãng thời gian sung sướng nhất. Tôi thông thả ngẫm nghĩ về lẽ huyền diệu của trời đất, ngồi xem cái sinh vật mình đang bông ẵm che chở lúc này đang nhích dần vào thế giới hi nộ ái lạc của con người. Mười hai bà mẹ đang dạy nó nheo mày, nhú mắt, cười khóc trong mơ.

Đêm đêm tôi đặt tay lên đầu con bé thì thầm niệm Phật: "Nam mô Đại từ Đại bi Cứu khổ cứu nạn Quan thế âm Bồ tát...". Lòng tôi thổn thức nhận ra sự mộ đạo chân thành bất ngờ của chính mình. Tôi chỉ nguyện một điều: Xin các đấng từ bi hãy cứu mọi khổ nạn cho sinh linh bé bỏng này. Xin để tôi gánh chịu mọi tai ương nghiệp chướng của số phận nó. Trong giây phút huyền nhiệm ấy tôi có cảm giác một luồng điện từ lòng tay tôi đang truyền sang cơ thể con bé qua nơi được gọi là huyết Bách hội, là Luân xa số bảy.

Hồi gia đình tôi chưa xảy chuyện, không hiểu nghĩ ngợi ra sao, tôi đã vẽ bức tranh Thiên đường. Trên một hoang mạc cát có đừa hài đồng ngồi cô đơn, lưng quay về phía nắng chiều. Bên cạnh nơi nó ngồi rải rác những mảnh vỡ của một cái bình cổ. Những mảnh vỡ này ngập chìm dưới cát bụi làm biến mất một phần họa tiết được khắc trên đó. Chân trời mờ mịt gió lốc trắng xóa.

Dù tôi vẽ phía sau đừa trẻ nhưng ai cũng nhận ra con bé cháu nội chưa đầy hai tuổi của tôi. Tôi đã lấy nó làm mẫu. Nhìn về

## HUỶNH ÁI TÔNG

cô đơn đến thất lòng của Thiên đường, sau này tôi chợt hiểu đó là một điềm báo chẳng lành. Lẽ ra tôi không được nảy ý nghĩ ví von Thượng đế với đứa trẻ cô cút, một mình lặng lẽ giữa hoang mạc với những mảnh vỡ quá khứ vàng son.

Tôi luôn tin vào những điềm báo. Tôi đã có những giấc mơ ứng nghiệm lạ lùng. Ví như tôi phát hiện chuyện đan díu của anh ấy cũng nhờ một giấc mơ báo trước. Trước giấc mơ tôi hoàn toàn tin vào sự thủy chung của chồng tôi. Nhưng tôi mơ thấy người đàn bà lạ đang uốn éo quyến rũ anh ấy vào chuyện sa ngã. Hai ngày sau nhờ một bức ảnh tôi tình cờ biết được sự thật như thế. Cũng những tình tiết y hệt tôi mơ.

Không thể giải thích được. Tôi biết rất nhiều câu hát ru, nhưng không hiểu tại sao cứ ôm cháu tôi lại buột miệng hát:

*Con cò đi đón cơn mưa  
Tối tăm mù mịt ai đưa cò về...*

Đến bây giờ con bé cũng ngọng nghịu véo von: "Ton tỏ đi đón cơn mưa...", đó cũng lại là một điềm báo.

Đến bây giờ tôi hiểu cơn mưa giông mù mịt đang sắp ập xuống đầu con cò tội nghiệp của tôi.

Mỗi lời ru ẩn chứa một tâm sự với nhiều biến thể tùy theo cảnh ngộ người hát. Ngày xưa ngày xưa cũng trên một cánh võng đay cũ kỹ, tôi nhớ như in tiếng mẹ trầm bổng với vợ hát ru em gái tôi:

*Chàng ơi phụ thiếp làm chi  
Thiếp như cơn nguội đỡ khi đời đời...*

Con gái một cụ chánh tổng, mẹ làm dâu nhà nội tôi từ thuở mười lăm. Ba chục năm sau mẹ chiều ý chồng đội lễ đi hỏi vợ

lễ cho ông. Tôi cứ mãi hình dung con đê chiều mùa thu, cỏ bông lau phơ phất, từ bãi dâu bên kia sông tiếng gọi dò tha thiết vắng sang, mẹ cùng một bà cô già làm lủi đi. Tráp quả mang trâu cau, cân chè, mẹ đội trên đầu dè nặng từng bước. Nặng hơn nỗi buồn nức nở trong lòng mẹ. Như thể mẹ đang mang trái tim mình đi tới nơi hiến tế cho một thói tục, âm thầm nhẫn nhục.

Mẹ ơi, có sao mẹ cam làm hạt cơm nguội, cái hạt cơm hẩm hiu khiến tim con buốt nhói suốt một đời, khi con nghĩ về mẹ?

Chồng tôi trở mình.

Anh ấy cũng không ngủ ư? Hay anh đã đoán được sáng sớm mai tôi đi, lần ra đi mãi mãi? Càng hay. Tôi rất muốn tránh sự sụt sụt.

Nghe đâu cô ta đã ba con, đứa lớn sắp gả chồng. Năm ngoái anh chồng bỏ cô ta để sống với một cô gái mới ngoài hai mươi tuổi... Rõ cái vòng luân luân!

Thuở nhỏ tôi có người bạn trai tên Báu, con ông cụ hàng mã nổi tiếng phố chợ. Báu rất chiều tôi. Một rằm trung thu cậu tự tay làm cái đèn kéo quân thật đặc biệt để tặng tôi. Nhưng Báu không cho phép tò mò xem cậu chuẩn bị. Suốt nửa tháng trời tôi nài nỉ, giận dỗi, đòi được tham gia, nhưng Báu nhất định giữ bí mật. Khi mọi thứ sắp xong, Báu nhặt những sợi tóc rụng dài nhất lúc tôi chải đầu để buộc lỗ hình nhân giấy. Báu nói phải buộc bằng chính tóc tôi đèn mới dễ quay. "Tớ đã phù phép như thế đấy".

Đúng đêm rằm trung thu, mặc những tiếng trống thì thùng ngoài sân đình, Báu cầm cái đèn vẫn còn được che bọc kỹ rủ tôi ra cầu đá sông Cái để "làm lễ" khánh thành. Tôi sốt ruột tưởng phát điên, lúnh quính chạy theo Báu.

Cầu đá ngay đầu làng tôi, nơi một dải sông xanh biếc êm đềm chạy qua. Lúc này mặt nước gọn gió như mang trong lòng sông cả triệu ngọn lửa vàng rực.

Đã đến giây phút long trọng tháo gỡ giấy bọc món đồ chơi thần kỳ. Cậu ta vẫn còn hành tôi, bắt lấy tay che mặt. Nhưng vừa nghe tiếng giấy loạt xoạt tôi đã mờ bùng mắt. Trời ơi, quả thật trước mắt tôi là một báu vật chưa hề xuất hiện trên thế gian này. Dưới ánh trăng cái đèn kéo quân rực rỡ lóng lánh những giấy trang kim, tựa hồ nó được dát vàng dát bạc. Tôi mê mẩn nhìn, thậm chí nghẹt thở... Phải nói rằng cái đèn kéo quân ấy là món đồ chơi quyền rũ nhất tôi từng nhìn thấy. Cho đến giờ tôi vẫn không thể quên, dù nó chỉ tồn tại trong chốc lát.

- Rồi cậu sẽ thấy một điều tuyệt vời ngay bây giờ.

Báu khéo léo đốt một ngọn nến, cắm vào giữa trụ đèn hình lục lăng. Ngọn lửa làm bùng sáng màu đỏ huyền hoặc của giấy bóng kính. Màu đỏ đột ngột choàng lấy hai đứa chúng tôi tựa hồ nó nhuộm cả không gian chung quanh, kéo chúng tôi vào một thế giới bí ẩn. Và khi ngọn nến được thắp lên, trong giây lát tất cả lũ hình nhân bằng giấy cất bỗng rùng rùng chuyển động. Trước con mắt kinh ngạc của tôi thoát hiện ra đoàn kỵ binh với cờ bay phấp phới đang truy đuổi quân giặc. Tưởng đâu đây nghe rõ tiếng vó ngựa dồn dập, vũ bão. Tiếp đến chàng Kim Trọng nôn nóng lướt tới hàng liễu rủ, nơi cô Thúy Kiều thướt tha e lệ lùi dần về phía sau như thể chạy trốn. Bên bờ sông Ngân Hà nàng Chức Nữ cầm cúi dệt vải. Ngưu Lang bên sông dắt trâu đứng ngóng. Cặp vợ chồng ấy trôi nhanh cùng dải sông sao giữa một khoảng cách trời đày. Rồi chú rệp chuột gò lưng phóng ngựa nước đại, kéo theo sau một bầy rước dâu chấp chới kèn, lọng.

Cái vòng quay đã hút tất cả hồn vía tôi. Thật bõ công moi mòn chờ đợi. Tôi không còn biết đến trăng thu vàng vạc trên đầu,

mặt nước lấp lánh phía dưới. Mắt tôi dán chặt vào món đồ chơi phi thường để mặc cho Báu được nắm tay tôi vuốt ve dịu dàng.

Thế rồi đến phút thế giới mộng ảo của tôi sụp đổ. ở giữa một vòng quay tôi bỗng rụng rời phát hiện nàng Thúy Kiều biến đâu mất. "Ồ này, cậu xem này..." Tôi chưa kịp chỉ cho Báu thì chú rề chuột cũng không còn. Vài vòng quay sau, đoàn quân dừng mảnh rơi rụng dần tựa hồ bị địch bắn tía.

Tôi hét lên một tiếng.

- Nóng lâu quá tóc cậu bị cháy mất rồi... Tớ xin lỗi... Báu nói như khóc.

Phải mất một lúc tôi mới hoàn hồn, trống ngực dịu xuống, nước mắt tự dưng ứa ra. Một nỗi buồn giận xâm chiếm tôi. Và thường ngày đành hanh với Báu thành quen, tôi luôn tay xuống dưới lồng đèn, giật đứt những mảnh giấy bám lưng lẳng, những hình nhân mới đó còn là Thúy Kiều, Kim Trọng, Nguu Lang, Chức Nữ... Trước đôi mắt rầu rĩ của Báu, tôi thả từng hình nhân xuống dòng nước chảy xiết phía dưới, hờn dỗi, không để Báu kịp phân trần.

Hơn bốn chục năm đã qua, tự nhiên đêm nay tôi nhớ lại chuyện cái đèn kéo quân tới từng chi tiết... ồ vâng, sự Đứt là quy luật tối thượng. Rồi sẽ đến lúc định mệnh buông tha chúng ta khỏi vòng quay luân quần, từng người một rơi rụng chẳng khác lũ hình nhân giấy.

Tháng trước trong khi chờ đợi chuyện này ngã ngũ, tôi nhận lời mời đi làm bộ phim tài liệu ở Quảng Ninh.

"... Rất cần một khoảng không gian xa cách, một khoảng thời gian yên tĩnh để người nọ ngẫm nghĩ về người kia, bình tĩnh tìm ra giải pháp tốt đẹp nhất..."

## HUỶNH ÁI TÔNG

Tôi đã đọc những lời khuyên đại loại như vậy ở hàng chục tờ báo. Đạo này tình hình ly hôn tới mức báo động, tờ báo nào cũng có ít nhất một bài khéo léo khuyên nhủ mọi người nên khôn ngoan giữ lấy hạnh phúc gia đình. Tôi sinh ra vô vập nhiều tờ báo mang chất tâm giao. Bài Người phụ nữ làm gì khi có chồng ngoại tình thậm chí được tôi cất giữ, coi như một cẩm nang.

Quảng Ninh là vùng đất tôi bỏ quên từ thuở mười ba. Bởi duy nhất một lần năm mười ba tuổi tôi theo lớp học sinh đi nghỉ hè, tham quan mỏ than để trau dồi tinh thần lao động. Sau này tôi lang thang làm phim gần khắp đất nước, nhưng chưa một lần trở lại Quảng Ninh. Tôi hy vọng sẽ được gặp lại ngôi biệt thự màu vôi vàng sáng rực trên sườn núi với những vòm cột kiêu kiến trúc Gô-tích, gặp lại mảnh sân có cột cờ, những luống hoa sân nhà ủy ban, nơi hồi đó tôi chôn cất một con chim chết.

Nhưng tất cả đã khác xưa. Không còn Bãi Cháy mơ màng giữa làn sương buông trắng đời sim nữa. Bãi Cháy giờ ồn ào náo nhiệt với đủ mọi kiểu khách sạn, nhà nghỉ, nhìn đến chóng mặt.

Tuy vậy con đường xuống mỏ Mông Dương còn giữ được vẻ hoang vắng thơ mộng của vùng thiên nhiên chưa bị khai phá. Mười mái nhà bên sườn non yên tĩnh. Một cây gạo đỏ rực giữa những mảng xanh uyển chuyển âm u. Tôi cho hạ máy quay, xuống ô-tô, làm một cảnh toàn lia thật chậm.

Tôi nói với anh bạn quay phim người địa phương:

- Sau cảnh này anh cho máy vào gần ngôi nhà sát chân núi kia kia. Đàn gà con đang tha thẩn giữa sân đấy. Giá có người mẹ trẻ cho con bú trên cái võng ngoài thềm nữa kia thì tuyệt... Tôi rất thèm được ở một ngôi nhà nhỏ dưới chân núi như thế.

Anh bạn quay phim nhìn tôi một giây chăm chú, hơi mỉm cười.



- Chị có biết con bão năm ngoái đã cuốn rơi đá, đè sập một ngôi nhà dưới chân núi. Hai vợ chồng trẻ cùng đưa con năm tuổi chết ngay bên mâm cơm.

Hình như bằng lời nói thiếu đồng cảm của mình, anh ta muốn dội một gáo nước lạnh vào thói lãng mạn tôi buột ra. Tôi bẽn lẽn. Cảm ơn anh.

Tôi chẳng giữ được ấn tượng gì về cuốn phim tài liệu đó. Tôi hào hứng với chuyện đi vì một lý do riêng. Tôi muốn tìm kiếm một người đàn bà chưa biết mặt.

Cũng nhờ dò hỏi anh quay phim người địa phương, tôi may mắn tìm thấy ngôi nhà bên bên sông, nơi những thuyền gỗ, sà lan thu gom than trôi nổi tự nhiên. Đó là một gian hàng bán tạp phẩm, thức ăn, gạo mắm cho những thuyền đõ dưới bến. Chủ hàng, người đàn bà đứng tuổi với gương mặt héo úa bỗng rưng rờ hẳn lên khi tôi tự giới thiệu mình ở Hãng phim X. đang trên đường đi công tác.

- Thế ư? Ngày xưa khi còn trong đoàn văn công tỉnh, mình đã từng tham gia đóng phim đấy nhé.

Người đàn bà ấy không bao giờ biết chính vì lý do đó tôi đã lặn lội đi tìm chị ta. Đương nhiên chị cũng không biết tôi thật sự là ai, dưới một cái tên giả.

Câu chuyện thăm hỏi được tôi dắt dẫn vòng vo cho tới lúc chị nhắc tới tên chồng tôi.

- Em biết không, tay ấy trước là người yêu của chị. Góm, mê nhau lắm, một hai sống chết quyết lấy nhau. Nhưng khi gia đình tay ấy mang lễ ra đây ăn hỏi, không hiểu ông bố mình nhìn tướng mạo thế nào, nhất định không nhận lễ, không cho lấy. Ôi chao, giá mà...

Chị ta bỏ dở câu nói, mắt đẫm buồn. Tôi thương cho sự tiếc nuối đại đột ấy. Đôi khi dở dang không phải là không may mắn. Như tôi, thà dở dang ngay khi chúng tôi cùng nhau từ nơi cơ quan sơ tán về Hà Nội đêm đó!

Tôi không biết mình đã nhỏ nhen theo thói đàn bà, sợ người tình cũ của anh ấy hả hê, hay tôi muốn giữ cho hình ảnh anh ấy mãi đẹp trong tâm khảm người đàn bà này, tôi đã không hé lộ tí gì chuyện đã xảy ra giữa chúng tôi, mặc dù chị ta gắng hỏi tha thiết.

- Ở lại ăn cơm với chị đi. Ngồi đây buồn đến nhão người ra, chẳng biết trò chuyện cùng ai cả em ạ.

Chị ta không ngờ kém tôi đến ba tuổi, vẫn ngọt ngào xung chị rất tự nhiên. Tôi không hề phản đối, sợ chị ngược. Chị ta chóng phai tàn hơn tôi hình dung.

Tôi ra về vẫn không tìm được lời giải cho lòng hiếu kỳ. Anh ấy muốn tìm hiểu gì ở những người đàn bà anh yêu? Những người đàn bà, kể cả tôi đã đặt tình yêu vào con người này vì sao?

Tôi chằm dứt đợt quay ở đảo khi một hòn đảo cách bờ vịnh không xa. Tôi đã chụp được những cảnh sinh hoạt của lũ khi thật sinh động. Hàng ngàn con khi được nuôi dưỡng ở đây để cống hiến vắc-xin chống bại liệt cho con trẻ.

"Chúa đảo khi" là một người đàn ông dễ mến. ở trên hòn đảo này cùng vợ con gần hết đời người, anh đã thuộc tính nét từng thần dân của mình, chăm sóc chúng với một tình thương rất lạ.

- Chúng chẳng khác con người là mấy đâu chị. Kia, chị có thấy con khi vàng nhạt đang nấp ở cành cụt cây trướng cá kia không? Chị để ý kỹ nhé... Đây...

Con khi vàng nhạt ló đầu rình một cặp mẹ con khi khác ôm nhau quán quýt trên chạc cây bên cạnh. Ông chúa đảo phát một tín hiệu bằng thứ âm thanh lạ hoắc, ném quả chuối đang cầm tay xuống gốc cây. Con khi mẹ do dự một chút rồi nhẹ nhàng đặt chú khi tí hon bám lấy cành cây, nó đu mình nhảy xuống nhặt quả chuối. Con khi vàng nhạt chỉ chờ lúc đó, lao vội đến chỗ chú khi tí hon, vồ vập ôm ấp hít ngửi. Con mẹ quay lại thấy vậy lập tức buông rơi quả chuối, lăn xả cào cấu kẻ trộm. Tiếng chí chóc đan xen nhau. Con khi vàng nhạt xoay mình chịu trận lồi đình của khi mẹ, cố hôn hít chú tí hon đến cùng. Nhưng rốt cục nó vẫn phải bỏ chạy. Khi mẹ ôm chặt khi con sờ nắn, nâng niu. Thịnh thoảng nó ngoái nhìn, nghe răng gừ con khi vàng nhạt vẫn còn lớn vồn cạnh đó.

- Cô khi cái vàng nhạt vô sinh ấy suốt ngày rình mò dỗ dành bế ẵm con của bạn nó. Tội nghiệp, lắm khi bị cắn xé máu chảy ròng ròng, phải bắt về băng bó. Đám khi mẹ yêu con ghê gớm lắm chị ạ. Chẳng may con nó bệnh chết, nó cứ khư khư ôm chặt mà kêu gào kỳ đến lúc cái xác thối rữa, không cho gỡ ra. Tôi nghĩ khi sợ mùi mắm tôm có lẽ do vậy chăng.

Tôi ngẫm nghĩ về những con khi. May cho chúng không bị đảo lộn đời sống như con người.

Vị chúa tể đảo kể cho tôi nghe rằng chuyện tình của khi cũng đầy thi vị. Mùa thu, mùa tình yêu, những chú khi đực chia từng bộ lạc đánh nhau chí tử để tranh giành bạn tình. Những bạn tình đã gắn bó sẽ sống chết với nhau đến hết đời. Anh kể, hồi chiến tranh ác liệt nhất đàn khi phải chia đôi, sơ tán một nửa sang đảo đá bên cạnh, cách xa đây khoảng nửa cây số mặt biển. Người ta không ngờ đã chia rẽ những cặp tình nhân. Thế rồi đột nhiên có những con khi cứ leo lên tít ngọn cây cao, hướng về phía đảo đá kêu gào, không chịu ăn uống cho tới lúc chết lả. Ngược lại phía đảo đá có những chú khi đực nhào xuống biển bơi về đây. Người bạn tình bên này thương cảm các chàng đuối

## HUỶNH ÁI TÔNG

sức cũng lao ra. Chúng ôm nhau chết đuối giữa mênh mông sóng nước. Không phải lúc nào thuyền cứu hộ của chúa đảo cũng cứu được hết.

Ngồi trên thuyền rời khỏi đảo khi tôi chợt mơ mộng. Tôi hình dung lúc này người ta đang nháo nhác tìm tôi. Tôi đã biến đi đâu mất tích. Người ta lùng sục từng gốc cây ngọn cỏ khắp đảo vẫn không thấy. Cuối cùng mọi người đều nghĩ tôi đã gieo mình xuống biển... Không đâu, ồ không ngu xuẩn như thế. Tôi đang khúc khích trên một cành cây cao nào đó, khếch khếch, chào từ biệt con người. Tôi đã ở lại đảo, nhập đàn với đồng loại hoang dã tự do.

Tôi và chồng tôi cùng trở mình.

Gà gáy sáng. Một bàn tay tôi chạm vào tay anh. Tự nhiên những ngón tay tôi tìm xiết chặt lấy những ngón tay anh, đan vào nhau. Tôi thấy những ngón tay của anh cũng từ từ riết chặt. Ngỡ chẳng bao giờ chúng ta lạc mất nhau phải không anh? Vĩnh biệt.

*Trăm nghìn xin gửi lại  
Buồn thương vô tuyệt kỳ...*

Nhạc đêm khuya thật hay. Người ta có sáng kiến đáng kể khi soạn chương trình nhạc suốt đêm cho những cái giường mất ngủ. Đã lâu lắm tôi mới được nghe lại nét nhạc cũ... Kiệu công chúa từ xa đang tới gần khu chợ phiên ồn ào. Ai cũng biết đằng sau những tấm rèm lụa lộng lẫy dính đầy châu báu là một nhan sắc khuyneh thành mon mơn thanh xuân. Thần dân Ba Tư kính cẩn quỳ rạp bên đường chờ đám rước trang nghiêm với tiếng nhạc diu dặt, với đoàn thị nữ tha thướt đi qua... Hỡi nàng công chúa mười sáu năm xưa, nay nàng ra sao? Nàng hạnh phúc hay bất hạnh? Đời sống vương giả có cứu nàng thoát khỏi bi kịch cay đắng?

Chồng tôi trở mình.

Tôi bỗng nhớ chiều nay một con ong vàng mật sẫm soi quanh quần bên cái vì kèo chạm đầu rồng của ngôi từ đường cổ kính nhà tôi. Tiếng vo ve dai dẳng khiến tôi sinh lo ngại. Tôi bảo anh:

- Anh nhìn xem con ong tìm gì ở đó vậy?

- Nó tìm nơi làm tổ. Em không thấy mẩu sáp bằng hạt lạc kia ư?

- Chẳng lẽ nó không có tổ hay sao?

- Sao lại không. Nhưng đến một lúc nào đó chúng chia đàn, đi tìm nơi làm tổ mới.

Tôi không nghe được hết những lời giải thích của anh ấy. Tự nhiên đầu óc tôi lảng đi. Tổ mới... chia đàn... Sau hai mươi tám năm chung sống có hai con ong cũng sắp chia đàn, tìm nơi làm tổ mới... Chuyện ấy thật khó tin. Phần lớn người ta sống theo thói quen. Như đêm đến cứ phải đi nằm dù không ngủ được. Như gần ba chục năm tôi quen sống bên cạnh anh ấy tựa bóng với hình, quen cả những lúc hình bóng co kéo vật vã để giữ cho cái tổ chúng tôi đứng vững trước sóng gió muôn mặt đời thường.

Bởi vậy tôi thật bàng hoàng khi nghe anh ấy thổ lộ: "Em thể tất cho anh. Em thuộc con người của những hoạt động xã hội. Anh lại cần một tình yêu tâm thường thôi, một người để làm vợ anh theo nghĩa thông tục nhất". Tại sao anh ấy nhận lấy một sai lầm khó bào chữa như thế? Tôi thương anh. Giá anh chỉ nói đơn giản rằng sau gần ba mươi năm rã rời vì cuộc mưu sinh, tình cảm của chúng tôi đã rách tươm như lá cờ giữa trận tiền, không thể vá víu được nữa.

Và sẽ không ai có lỗi nếu người ta phải chạy trốn một đời sống nhàm chán đến phát sốt.

Dù sao con số hăm tám năm chung sống trong thời buổi này cũng đã có một độ bền xấp xỉ mức kỷ lục. Pho ái tình ấy xứng đáng đứng chung hàng ngũ những chàng lực sĩ khổng lồ. Chàng đã chiến thắng mọi gian khổ qua hai cuộc chiến tranh, cái thời chúng tôi tranh nhau phần ngoài cửa hầm tránh bom, nhường nhau nửa giường thoáng gió đêm sơ tán. Chàng khổng lồ ấy chỉ vô ý xia răng bằng cái kim sắt rỉ, do đó bị tê-ta-nốt chết. Đã đành cái chết luôn diễn ra dưới muôn vàn màu sắc, nhưng chết kiểu anh chàng ái tình to xác này thật quá lố bịch. Lẽ nào chỉ vì một dịp chồng tôi đi công tác, một dịp tình cờ gặp cô ấy, tình cờ phải nói dối... rồi tất cả tự nó châm dứt, tất cả sụp đổ trong lặng lẽ?

Tại sao lại ra thế này hở anh? Tôi hỏi chồng tôi đến hàng ngàn lần và lần thứ ngàn lẻ một tôi vẫn đầy ngơ ngác.

Ông cụ bên ngành thứ, tôi thường gọi là cụ trưởng tiêu tông, mấy hôm trước sang chơi với vợ chồng tôi, khề khà chén chú chén anh một chặp, ông già gần bảy mươi tuổi mới do dự bày tỏ:

- Thưa hai bác, dù hai bác có bảo em lần nữa, em cũng cứ tình thực góp ý. Hai bác là trưởng ngành đại tông, tức thị trưởng cả Họ ta, lại đang giữ gìn hương khói từ đường thay mặt Họ tộc, làm sao đừng để trong Họ ngoài làng xì xào dị nghị. Họ ta đâu phải vô danh tiểu tốt. Các cụ Tổ được cả nước ngưỡng vọng, cả nước quan tâm. Nay di duệ sống không ra gì tránh sao khỏi tai tiếng. Xin mỗi bác cố gắng một chút.

Tôi thật cảm kích trước tấm lòng ông. Nhưng người ta không thể cố gắng yêu. Biết đâu hăm tám năm chung sống đối với anh chẳng là một sự lưu đày. Biết đâu bây giờ anh sẽ tìm được một

chút hạnh phúc cho tuổi về già... Tôi chỉ cay đắng tự hỏi những khoảng thời gian hạnh phúc ít ỏi tôi đã trải qua cùng anh rút cục là có thật hay cũng chỉ là một con số ảo trên mặt quân xúc xắc.

Với tôi như vậy sẽ là một kết thúc buồn. Tôi được anh dắt về đây từ một đêm huyền hoặc cổ tích. Hai mươi cây số ở một địa điểm sơ tán, chúng tôi cứ nắm tay nhau đi bộ. Tới bờ sông Hồng anh rút rè hôn tôi, cái hôn bị kim nén sau bao ngày tháng... Nay tình yêu ấy đã bay mất, tôi còn lý do gì ở lại đây? Tôi sẽ chia tay anh. Một người đàn bà tự trọng phải biết rút lui đúng lúc.

Những lời cuối cùng đã nói với nhau. Tôi bảo rằng đã chuẩn bị một nơi ở mới, nhưng không báo trước sớm mai sẽ lên đường. Với mấy bộ quần áo, chẳng có gì phải chuẩn bị ồn ào. Sự ra đi sao cho giống những đợt công tác càng tốt.

Tôi sẽ tính cách đưa con cháu đi cùng. Khu nhà thờ hương hỏa này anh ấy cần có mặt để gìn giữ. Tôi chỉ giữ lại căn phòng bên tả mặt nhà thờ, nơi đặt cái giường đôi chúng tôi đang nằm đây. Không phải để phòng lúc quay về. Đơn giản vì tôi không muốn một người đàn bà khác bước vào phòng, nằm trên cái giường này và anh ấy sẽ nói những lời rất riêng, những lời ngớ ngẩn thơ dại, thứ ngôn từ của những đêm ân ái chúng tôi thường dùng. Để tránh xúc phạm cả tôi lẫn cô ấy. Dù sao mọi thứ đang còn nóng hổi. Là tôi vẫn nghĩ anh ấy thuộc diện đàn ông có tâm hồn nhạy cảm.

Tôi trở mình.

Tích tắc! Tích tắc! Tiếng cái đồng hồ treo tường kiên nhẫn đếm từng khắc mất ngủ. Gần nửa năm nay, nó thao thức cùng tôi, rất khế khàng, trung thành. Một tặng vật tôi giữ làm kỷ niệm. Ngày mai phải nhớ cho nó vào va ly. Trong căn phòng rồi sẽ

khóa cửa im im, bụi bặm dần phủ mờ mọi dấu vết tôi, nó ở lại sẽ giống như một trái tim thoi thóp giữa đống phế tích. Tôi nghiệp nó.

Gần nửa năm, quãng thời gian không phải ngắn, đủ để anh ấy suy nghĩ quyết định. Và chồng tôi đã nói rằng anh trót lỡ nặng lời hứa hẹn với cô ta, anh không muốn trở thành người lừa dối.

Gần nửa năm, quãng thời gian đủ dài để tôi cân nhắc trước quyết định chia tay. Nếu phải ra đi, điều tôi sợ là ở phía đứa con trai duy nhất của chúng tôi. Tuy nó đã lấy vợ lại mới sinh một cháu bé gái đầu lòng, nhưng cái tiểu gia đình ấy thật mỏng manh dễ vỡ. Chúng đang còn như những đứa trẻ chơi trò vợ chồng. Tôi đã không ngăn được một đám cưới xảy ra ba năm trước đây. Rút cục một thiên thần bé bỏng ra đời ngoài sự lựa chọn của chính mình.

Chồng tôi năn nỉ: Hãy ở lại với con cháu. Cũng đừng khắt khe với anh. Coi như anh đã chết rồi vậy.

Chồng tôi tính lầm. Những ngày sống của tôi không còn dài lắm. Với thứ bệnh tai ngược tôi đang mang trong người, sự chịu đựng cùng những cơn trầm uất sẽ nhanh chóng cướp nốt cái mẩu quỹ thời gian ít ỏi tôi còn lại. Mà với một quyết tâm sắt đá tôi phải sống, sống để vớt vát gầy gột cho đứa trẻ mới rời nôi kia. Như thế tôi đã nhìn thấy trước những số phận nó...

Ồi hai con mắt đen láy tươi cười nhìn tôi như những đóm nắng rực rỡ chiếu sáng căn phòng u tối tâm hồn tôi. Ngay khi bà đỡ quần vôi mảnh tã cho nó rồi trao vào tay tôi, tôi đã linh cảm rằng cái sinh vật đỏ hồng vừa mới chào đời sẽ gắn chặt với đời tôi như một tiền duyên từ kiếp trước.

Những ngày đầu mẹ nó nhiều sữa quá, mỗi khi cho con bú chỉ ngừng năm phút đã phải dứt ra. Thời gian còn lại con bé mút



mát vú bà cho đỡ con thèm. Và bao giờ cũng thế, khi con bé cuống quýt rúc vào ngực tôi, vò vập núm vú, núm lấy núm để, tôi bỗng muốn khóc vì một cảm giác sung sướng khó tả. Như thể thiên chức thiêng liêng của người đàn bà đơn giản chỉ là cái nhón nhột rạo rục đang dâng lên trong ngực tôi từ từ từng chút một... dâng lên nóng hai vai, lên cổ, lên má và tê dại xâm chiếm tận từng ngọn tóc. Tôi ngồi bất động thắm đẫm niềm ngọt ngào nồng nàn của những bản thánh ca vang đâu đó trong một khoảng không gian mơ hồ... Rồi ngọn triều êm đềm rút xuống, rất chậm. Thân thể tôi thoát trong veo, mềm tựa bông. Con bé ngừng núm từng quãng ngắn. Cái nốt nghỉ ngân nga lâu dần đến lúc tự đôi môi nhỏ xiu rời ngực tôi. Nó đã ngủ. Tôi khe khẽ hít lấy mùi thơm gầy của bàn tay bé tí nắm chặt. Tôi không rời mắt khỏi cái miệng ươn ướt, đôi lúc vẫn nhóp nhép núm vú trong tưởng tượng.

Tôi ngồi như vậy hàng giờ, say mê không chán. Đó là quãng thời gian sung sướng nhất. Tôi thông thả ngẫm nghĩ về lẽ huyền diệu của trời đất, ngồi xem cái sinh vật mình đang bông ẵm che chở lúc này đang nhích dần vào thế giới hi nộ ái lạc của con người. Mười hai bà mẹ đang dạy nó nheo mày, nhú mắt, cười khóc trong mơ.

Đêm đêm tôi đặt tay lên đầu con bé thì thầm niệm Phật: "Nam mô Đại từ Đại bi Cứu khổ cứu nạn Quan thế âm Bồ tát...". Lòng tôi thổn thức nhận ra sự mộ đạo chân thành bất ngờ của chính mình. Tôi chỉ nguyện một điều: Xin các đấng từ bi hãy cứu mọi khổ nạn cho sinh linh bé bỏng này. Xin để tôi gánh chịu mọi tai ương nghiệp chướng của số phận nó. Trong giây phút huyền nhiệm ấy tôi có cảm giác một luồng điện từ lòng tay tôi đang truyền sang cơ thể con bé qua nơi được gọi là huyết Bách hội, là Luân xa số bảy.

Hồi gia đình tôi chưa xảy chuyện, không hiểu nghĩ ngợi ra sao, tôi đã vẽ bức tranh Thiên đường. Trên một hoang mạc cát có

đưa hài đồng ngồi cô đơn, lưng quay về phía nắng chiều. Bên cạnh nơi nó ngồi rải rác những mảnh vỡ của một cái bình cổ. Những mảnh vỡ này ngập chìm dưới cát bụi làm biến mất một phần họa tiết được khắc trên đó. Chân trời mờ mịt gió lốc trắng xóa.

Dù tôi về phía sau đứa trẻ nhưng ai cũng nhận ra con bé cháu nội chưa đầy hai tuổi của tôi. Tôi đã lấy nó làm mẫu. Nhìn về cô đơn đến thất lòng của Thiên đường, sau này tôi chợt hiểu đó là một điềm báo chẳng lành. Lẽ ra tôi không được nảy ý nghĩ ví von Thượng đế với đứa trẻ cô cút, một mình lặng lẽ giữa hoang mạc với những mảnh vỡ quá khứ vàng son.

Tôi luôn tin vào những điềm báo. Tôi đã có những giấc mơ ứng nghiệm lạ lùng. Ví như tôi phát hiện chuyện đan dít của anh ấy cũng nhờ một giấc mơ báo trước. Trước giấc mơ tôi hoàn toàn tin vào sự thủy chung của chồng tôi. Nhưng tôi mơ thấy người đàn bà lạ đang uốn éo quyến rũ anh ấy vào chuyện sa ngã. Hai ngày sau nhờ một bức ảnh tôi tình cờ biết được sự thật như thế. Cũng những tình tiết y hệt tôi mơ.

Không thể giải thích được. Tôi biết rất nhiều câu hát ru, nhưng không hiểu tại sao cứ ôm cháu tôi lại buột miệng hát:

*Con cò đi đón cơn mưa  
Tối tăm mù mịt ai đưa cò về...*

Đến bây giờ con bé cũng ngọng nghịu véo von: "Ton tở đi đón ton mưa...", đó cũng lại là một điềm báo.

Đến bây giờ tôi hiểu cơn mưa giông mù mịt đang sắp ập xuống đầu con cò tội nghiệp của tôi.

Mỗi lời ru ẩn chứa một tâm sự với nhiều biến thể tùy theo cảnh ngộ người hát. Ngày xưa ngày xưa cũng trên một cánh võng

đay cũ kỹ, tôi nhớ như in tiếng mẹ trầm bổng vời vọi hát ru em gái tôi:

*Chàng ơi phụ thiếp làm chi  
Thiếp như cơm nguội đỡ khi đói lòng...*

Con gái một cụ chánh tổng, mẹ làm dâu nhà nội tôi từ thuở mười lăm. Ba chục năm sau mẹ chiều ý chồng đội lễ đi hỏi vợ lẽ cho ông. Tôi cứ mãi hình dung con đề chiều mùa thu, cô bông lau phơ phất, từ bãi dâu bên kia sông tiếng gọi dò tha thiết vắng sang, mẹ cùng một bà cô già lằm lũi đi. Tráp quả mang trầu cau, cân chè, mẹ đội trên đầu đê nặng từng bước. Nặng hơn nỗi buồn nức nở trong lòng mẹ. Như thể mẹ đang mang trái tim mình đi tới nơi hiến tế cho một thói tục, âm thầm nhẫn nhục.

Mẹ ơi, có sao mẹ cam làm hạt cơm nguội, cái hạt cơm hẩm hiu khiến tim con buốt nhói suốt một đời, khi con nghĩ về mẹ?

Chồng tôi trở mình.

Anh ấy cũng không ngủ ư? Hay anh đã đoán được sáng sớm mai tôi đi, lần ra đi mãi mãi? Càng hay. Tôi rất muốn tránh sự sụt sướt.

Nghe đâu cô ta đã ba con, đứa lớn sắp gả chồng. Năm ngoái anh chồng bỏ cô ta để sống với một cô gái mới ngoài hai mươi tuổi... Rõ cái vòng luẩn quẩn!

Thuở nhỏ tôi có người bạn trai tên Báu, con ông cụ hàng mã nổi tiếng phố chợ. Báu rất chiều tôi. Một rằm trung thu cậu tự tay làm cái đèn kéo quân thật đặc biệt để tặng tôi. Nhưng Báu không cho phép tò mò xem cậu chuẩn bị. Suốt nửa tháng trời tôi nài nỉ, giận dỗi, đòi được tham gia, nhưng Báu nhất định giữ bí mật. Khi mọi thứ sắp xong, Báu nhặt những sợi tóc rụng

dài nhất lúc tôi chải đầu để buộc lỗ hình nhân giấy. Báu nói phải buộc bằng chính tóc tôi đèn mới dễ quay. "Tớ đã phù phép như thế đấy".

Đúng đêm rằm trung thu, mặc những tiếng trống thì thùng ngoài sân đình, Báu cầm cái đèn vẫn còn được che bọc kỹ rủ tôi ra cầu đá sông Cái để "làm lễ" khánh thành. Tôi sốt ruột tưởng phát điên, luynh quynh chạy theo Báu.

Cầu đá ngay đầu làng tôi, nơi một dải sông xanh biếc êm đềm chạy qua. Lúc này mặt nước gọn gió như mang trong lòng sông cả triệu ngọn lửa vàng rực.

Đã đến giây phút long trọng tháo gỡ giấy bọc món đồ chơi thần kỳ. Cậu ta vẫn còn hành tôi, bắt lấy tay che mặt. Nhưng vừa nghe tiếng giấy loạt xoạt tôi đã mở bừng mắt. Trời ơi, quả thật trước mắt tôi là một báu vật chưa hề xuất hiện trên thế gian này. Dưới ánh trăng cái đèn kéo quân rực rỡ lóng lánh những giấy trang kim, tựa hồ nó được dát vàng dát bạc. Tôi mê mẩn nhìn, thậm chí nghẹt thở... Phải nói rằng cái đèn kéo quân ấy là món đồ chơi quyền rũ nhất tôi từng nhìn thấy. Cho đến giờ tôi vẫn không thể quên, dù nó chỉ tồn tại trong chốc lát.

- Rồi cậu sẽ thấy một điều tuyệt vời ngay bây giờ.

Báu khéo léo đốt một ngọn nến, cắm vào giữa trụ đèn hình lục lăng. Ngọn lửa làm bùng sáng màu đỏ huyền hoặc của giấy bóng kính. Màu đỏ đột ngột choàng lấy hai đứa chúng tôi tựa hồ nó nhuộm cả không gian chung quanh, kéo chúng tôi vào một thế giới bí ẩn. Và khi ngọn nến được thắp lên, trong giây lát tất cả lỗ hình nhân bằng giấy cất bỗng rùng rùng chuyển động. Trước con mắt kinh ngạc của tôi thoát hiện ra đoàn kỵ binh với cờ bay phấp phới đang truy đuổi quân giặc. Tưởng đâu đây nghe rõ tiếng vó ngựa dồn dập, vũ bão. Tiếp đến chàng Kim Trọng nôn nóng lướt tới hàng liễu rủ, nơi cô Thúy Kiều

thướt tha e lệ lùi dần về phía sau như thể chạy trốn. Bên bờ sông Ngân Hà nàng Chức Nữ cầm cúi dệt vải. Ngưu Lang bên sông dắt trâu đứng ngóng. Cặp vợ chồng ấy trôi nhanh cùng dải sông sao giữa một khoảng cách trời đầy. Rồi chú rể chuột gò lưng phóng ngựa nước đại, kéo theo sau một bầy rước dâu chấp chới kèn, lọng.

Cái vòng quay đã hút tất cả hồn vía tôi. Thật bỏ công mỗi mòn chờ đợi. Tôi không còn biết đến trăng thu vàng vạc trên đầu, mặt nước lấp lánh phía dưới. Mắt tôi dán chặt vào món đồ chơi phi thường để mặc cho Báu được nắm tay tôi vuốt ve dịu dàng.

Thế rồi đến phút thế giới mộng ảo của tôi sụp đổ. ở giữa một vòng quay tôi bỗng rụng rời phát hiện nàng Thúy Kiều biến đâu mất. "Ồ này, cậu xem này..." Tôi chưa kịp chỉ cho Báu thì chú rể chuột cũng không còn. Vài vòng quay sau, đoàn quân dừng mảnh rơi rụng dần tựa hồ bị địch bắn tía.

Tôi hét lên một tiếng.

- Nóng lâu quá tóc cậu bị cháy mất rồi... Tớ xin lỗi... Báu nói như khóc.

Phải mất một lúc tôi mới hoàn hồn, trống ngực dịu xuống, nước mắt tự dưng ứa ra. Một nỗi buồn giận xâm chiếm tôi. Và thường ngày đành hanh với Báu thành quen, tôi luôn tay xuống dưới lòng đèn, giật đứt những mảnh giấy bám lưng lẳng, những hình nhân mới đó còn là Thúy Kiều, Kim Trọng, Ngưu Lang, Chức Nữ... Trước đôi mắt rầu rĩ của Báu, tôi thả từng hình nhân xuống dòng nước chảy xiết phía dưới, hờn dỗi, không để Báu kịp phân trần.

Hơn bốn chục năm đã qua, tự nhiên đêm nay tôi nhớ lại chuyện cái đèn kéo quân tới từng chi tiết... ồ vâng, sự Đứt là quy luật tối thượng. Rồi sẽ đến lúc định mệnh buông tha chúng ta khỏi

vòng quay luẩn quẩn, từng người một rơi rụng chẳng khác lũ hình nhân giấy.

Tháng trước trong khi chờ đợi chuyện này ngã ngũ, tôi nhận lời mời đi làm bộ phim tài liệu ở Quảng Ninh.

"... Rất cần một khoảng không gian xa cách, một khoảng thời gian yên tĩnh để người nọ ngẫm nghĩ về người kia, bình tĩnh tìm ra giải pháp tốt đẹp nhất..."

Tôi đã đọc những lời khuyên đại loại như vậy ở hàng chục tờ báo. Đạo này tình hình ly hôn tới mức báo động, tờ báo nào cũng có ít nhất một bài khéo léo khuyên nhủ mọi người nên khôn ngoan giữ lấy hạnh phúc gia đình. Tôi sinh ra vào vập nhiều tờ báo mang chất tâm giao. Bài Người phụ nữ làm gì khi có chồng ngoại tình thậm chí được tôi cất giữ, coi như một cảm nang.

Quảng Ninh là vùng đất tôi bỏ quên từ thuở mười ba. Bởi duy nhất một lần năm mười ba tuổi tôi theo lớp học sinh đi nghỉ hè, tham quan mỏ than để trau dồi tinh thần lao động. Sau này tôi lang thang làm phim gần khắp đất nước, nhưng chưa một lần trở lại Quảng Ninh. Tôi hy vọng sẽ được gặp lại ngôi biệt thự màu vôi vàng sáng rực trên sườn núi với những vòm cột kiêu kiến trúc Gô-tích, gặp lại mảnh sân có cột cờ, những luống hoa sân nhà ủy ban, nơi hồi đó tôi chôn cất một con chim chết.

Nhưng tất cả đã khác xưa. Không còn Bãi Cháy mơ màng giữa làn sương buông trắng đời sim nữ. Bãi Cháy giờ ồn ào náo nhiệt với đủ mọi kiểu khách sạn, nhà nghỉ, nhìn đến chóng mặt.

Tuy vậy con đường xuống mỏ Mông Dương còn giữ được vẻ hoang vắng thơ mộng của vùng thiên nhiên chưa bị khai phá. Mười mái nhà bên sườn non yên tĩnh. Một cây gạo đỏ rực giữa

những mảng xanh uyển chuyển âm u. Tôi cho hạ máy quay, xuống ô-tô, làm một cảnh toàn lia thật chậm.

Tôi nói với anh bạn quay phim người địa phương:

- Sau cảnh này anh cho máy vào gần ngôi nhà sát chân núi kia kia. Đàn gà con đang tha thẩn giữa sân đây. Giá có người mẹ trẻ cho con bú trên cái võng ngoài thềm nữa kia thì tuyệt... Tôi rất thèm được ở một ngôi nhà nhỏ dưới chân núi như thế.

Anh bạn quay phim nhìn tôi một giây chăm chú, hơi mỉm cười.

- Chị có biết con bão năm ngoái đã cuốn rơi đá, dè sập một ngôi nhà dưới chân núi. Hai vợ chồng trẻ cùng đứa con năm tuổi chết ngay bên mâm cơm.

Hình như bằng lời nói thiếu đồng cảm của mình, anh ta muốn dội một gáo nước lạnh vào thói lãng mạn tôi buột ra. Tôi bẽn lẽn. Cảm ơn anh.

Tôi chẳng giữ được ấn tượng gì về cuốn phim tài liệu đó. Tôi hào hứng với chuyến đi vì một lý do riêng. Tôi muốn tìm kiếm một người đàn bà chưa biết mặt.

Cũng nhờ dò hỏi anh quay phim người địa phương, tôi may mắn tìm thấy ngôi nhà bên bến sông, nơi những thuyền gỗ, sà lan thu gom than trôi nổi tự nhiên. Đó là một gian hàng bán tạp phẩm, thức ăn, gạo mắm cho những thuyền đõ dưới bến. Chủ hàng, người đàn bà đứng tuổi với gương mặt héo úa bỗng rạng rỡ hẳn lên khi tôi tự giới thiệu mình ở Hãng phim X. đang trên đường đi công tác.

- Thế ư? Ngày xưa khi còn trong đoàn văn công tỉnh, mình đã từng tham gia đóng phim đấy nhé.

Người đàn bà ấy không bao giờ biết chính vì lý do đó tôi đã lặn lội đi tìm chị ta. Đương nhiên chị cũng không biết tôi thật sự là ai, dưới một cái tên giả.

Câu chuyện thăm hỏi được tôi dắt dẫn vòng vo cho tới lúc chị nhắc tới tên chồng tôi.

- Em biết không, tay ấy trước là người yêu của chị. Góm, mê nhau lắm, một hai sống chết quyết lấy nhau. Nhưng khi gia đình tay ấy mang lễ ra đây ăn hỏi, không hiểu ông bố mình nhìn tướng mạo thế nào, nhất định không nhận lễ, không cho lấy. Ôi chao, giá mà...

Chị ta bỏ dở câu nói, mắt đẫm buồn. Tôi thương cho sự tiếc nuối đại dột ấy. Đôi khi dở dang không phải là không may mắn. Như tôi, thà dở dang ngay khi chúng tôi cùng nhau từ nơi cơ quan sơ tán về Hà Nội đêm đó!

Tôi không biết mình đã nhỏ nhen theo thói đàn bà, sợ người tình cũ của anh ấy hạ hê, hay tôi muốn giữ cho hình ảnh anh ấy mãi đẹp trong tâm khảm người đàn bà này, tôi đã không hé lộ tí gì chuyện đã xảy ra giữa chúng tôi, mặc dù chị ta gắng hỏi tha thiết.

- Ở lại ăn cơm với chị đi. Ngồi đây buồn đến nhão người ra, chẳng biết trò chuyện cùng ai cả em ạ.

Chị ta không ngờ kém tôi đến ba tuổi, vẫn ngọt ngào xung chị rất tự nhiên. Tôi không hề phản đối, sợ chị ngượng. Chị ta chóng phai tàn hơn tôi hình dung.

Tôi ra về vẫn không tìm được lời giải cho lòng hiếu kỳ. Anh ấy muốn tìm hiểu gì ở những người đàn bà anh yêu? Những người đàn bà, kể cả tôi đã đặt tình yêu vào con người này vì sao?



Tôi chăm dứt đợt quay ở đảo khi một hòn đảo cách bờ vịnh không xa. Tôi đã chụp được những cảnh sinh hoạt của lũ khi thật sinh động. Hàng ngàn con khi được nuôi dưỡng ở đây để công hiến vắc-xin chống bại liệt cho con trẻ.

"Chúa đảo khi" là một người đàn ông dễ mến. ở trên hòn đảo này cùng vợ con gần hết đời người, anh đã thuộc tính nết từng thân dân của mình, chăm sóc chúng với một tình thương rất lạ.

- Chúng chẳng khác con người là mấy đâu chị. Kia, chị có thấy con khi vàng nhạt đang nấp ở cành cụt cây trướng cá kia không? Chị để ý kỹ nhé... Đây...

Con khi vàng nhạt ló đầu rình một cặp mẹ con khi khác ôm nhau quán quýt trên chạc cây bên cạnh. Ông chúa đảo phát một tín hiệu bằng thứ âm thanh lạ hoắc, ném quả chuối đang cầm tay xuống gốc cây. Con khi mẹ do dự một chút rồi nhẹ nhàng đặt chú khi tí hon bám lấy cành cây, nó đu mình nhảy xuống nhặt quả chuối. Con khi vàng nhạt chỉ chờ lúc đó, lao vọt đến chỗ chú khi tí hon, vồ vập ôm ấp hít ngửi. Con mẹ quay lại thấy vậy lập tức buông rơi quả chuối, lăn xả cào cấu kẻ trộm. Tiếng chí chóc đan xen nhau. Con khi vàng nhạt xoay mình chịu trận lôi đình của khi mẹ, cố hôn hít chú tí hon đến cùng. Nhưng rốt cục nó vẫn phải bỏ chạy. Khi mẹ ôm chặt khi con sờ nắn, nâng niu. Thỉnh thoảng nó ngoái nhìn, nghe răng gừ con khi vàng nhạt vẫn còn lớn vồn cạnh đó.

- Cô khi cái vàng nhạt vô sinh ấy suốt ngày rình mò dỗ dành bế ẵm con của bạn nó. Tội nghiệp, lắm khi bị cắn xé máu chảy ròng ròng, phải bắt về băng bó. Đám khi mẹ yêu con ghê gớm lắm chị ạ. Chẳng may con nó bệnh chết, nó cứ khư khư ôm chặt mà kêu gào kỳ đến lúc cái xác thối rữa, không cho gỡ ra. Tôi nghĩ khi sợ mùi mắm tôm có lẽ do vậy chăng.

Tôi ngẫm nghĩ về những con khỉ. May cho chúng không bị đảo lộn đời sống như con người.

Vị chúa tể đảo kể cho tôi nghe rằng chuyện tình của khỉ cũng đầy thi vị. Mùa thu, mùa tình yêu, những chú khỉ đực chia từng bộ lạc đánh nhau chỉ tử để tranh giành bạn tình. Những bạn tình đã gắn bó sẽ sống chết với nhau đến hết đời. Anh kê, hời chiến tranh ác liệt nhất đàn khỉ phải chia đôi, sơ tán một nửa sang đảo đá bên cạnh, cách xa đây khoảng nửa cây số mặt biển. Người ta không ngờ đã chia rẽ những cặp tình nhân. Thế rồi đột nhiên có những con khỉ cứ leo lên tít ngọn cây cao, hướng về phía đảo đá kêu gào, không chịu ăn uống cho tới lúc chết lả. Ngược lại phía đảo đá có những chú khỉ đực nhào xuống biển bơi về đây. Người bạn tình bên này thương cảm các chàng đuối sức cũng lao ra. Chúng ôm nhau chết đuối giữa mênh mông sóng nước. Không phải lúc nào thuyền cứu hộ của chúa đảo cũng cứu được hết.

Ngồi trên thuyền rời khỏi đảo khỉ tôi chợt mơ mộng. Tôi hình dung lúc này người ta đang nháo nhác tìm tôi. Tôi đã biến đi đâu mất tích. Người ta lùng sục từng gốc cây ngọn cỏ khắp đảo vẫn không thấy. Cuối cùng mọi người đều nghĩ tôi đã gieo mình xuống biển... Không đâu, ồ không ngu xuẩn như thế. Tôi đang khúc khích trên một cành cây cao nào đó, khếch khếch, chào từ biệt con người. Tôi đã ở lại đảo, nhập đàn với đồng loại hoang dã tự do.

Tôi và chồng tôi cùng trở mình.

Gà gáy sáng. Một bàn tay tôi chạm vào tay anh. Tự nhiên những ngón tay tôi tìm xiết chặt lấy những ngón tay anh, đan vào nhau. Tôi thấy những ngón tay của anh cũng từ từ riết chặt. Ngỡ chẳng bao giờ chúng ta lạc mất nhau phải không anh? Vĩnh biệt.

*Trăm nghìn xin gửi lại  
Buồn thương vô tuyệt kỳ...*

Trích thơ:

### **Tấm ảnh thờ**

*Con ơi, sao con lại chỉ còn là tấm ảnh?  
Tấm ảnh nghe được gì đâu?  
Nói được gì đâu?  
Bày bát cơm giỗ con tuần cuối, tuần đầu,  
Chưa bát cơm nào mẹ nấu con ăn  
lại đắng lòng như thế!  
Bàn thờ con, ngọn nến hồng nhỏ bé,  
Thieu trái tim khô héo mẹ thành tro!  
Thăng thốt đêm đêm  
Mẹ vẫn đợi chờ,  
Tiếng con gọi...  
Ngoài kia sương xuống lạnh!*

*Con ơi, sao con lại chỉ còn là tấm ảnh?  
Tấm ảnh nghe được gì đâu?  
Nói được gì đâu?*

### **Hoa Vườn Em**

*Nhà em hoa có một vườn,  
Xuân sang nụ vẫn e sương ngại ngùng  
Biết chẳng khách có vui lòng  
Hay rồi lại trách hoa không đúng mùa?*

*Em về ghi trọn vần thơ  
Biết đâu khách sẽ có giờ hiểu hoa?  
Vườn em khác với người ta  
Hoa tuy chưa nở vẫn là hoa xuân.*

Tranh:



Vừa là xưởng vẽ vừa là nơi viết văn

Trong bài *Đoàn Lê - Một nữ sĩ đa tài*, Vũ Quốc Văn đã viết:

*“Trong cuộc đời lao động văn học nghệ thuật, Đoàn Lê là người không chịu ngồi yên, không bằng lòng ngắm nhám há hê với cái mình đã có. Chị luôn tự “hành mình”, chấp nhận đối mặt với nhọc nhằn thành bại, tìm mọi cách khai mở địa hạt, loại thể mình chưa từng kinh qua để sáng tạo, mong góp được chút ít ích lợi nào đó cho cuộc đời, và cho mỗi phận người mà chị hết lòng yêu quý. Chị làm thơ, làm diễn viên, chị làm thiết kế mỹ thuật điện ảnh, chị vẽ tranh, làm biên kịch, làm đạo diễn rồi cầm bút viết văn, luôn chung thủy với lý tưởng này và bù lại, dường như ở lĩnh vực nào Đoàn Lê cũng giành được ít nhiều thành công nhất là văn xuôi.”*

Tài liệu tham khảo:

- Đoàn Lê Web: [vi.wikipedia.org](http://vi.wikipedia.org)
- Đêm xóm chùa Web: [vanhaiphong.com](http://vanhaiphong.com)

## 9. Dương Duy Ngũ



### Dương Duy Ngũ (1943-20 )

Nhà văn Dương Duy Ngũ sinh năm 1943 tại Quốc Oai, Hà Tây.

Nhập ngũ năm 1964, ông phục vụ ở đơn vị pháo, tác phẩm đầu tay của Dương Duy Ngũ là bài “*Bác Hồ với khẩu đội chúng tôi*”, nhân lần Bác Hồ đi thăm đơn vị pháo khi ông là pháo thủ. Bài của ông được đăng trên báo *Quân đội nhân dân*.

Sau đó, Tổng Biên tập báo Phòng không - Không quân, đưa ông về tòa soạn, phân công vào tổ chuyên viết về gương người tốt việc tốt.

Khởi đầu từ mục viết gương người tốt, sau đó viết bút ký, phóng sự, rồi truyện ngắn...

HUỶNH ÁI TÔNG

Nhà văn Dương Duy Ngữ về sau công tác ở Nhà Xuất bản Quân đội Nhân dân cho đến khi về hưu với cấp bậc Đại tá.

Ông đã nhận được các giải thưởng:

- Giải thưởng văn chương Bộ quốc phòng 1989-1994 cho tập truyện *Người hùng*
- Giải thưởng văn chương hội nhà văn Việt Nam năm 1998 với tập truyện *Rước chữ*
- Giải thưởng văn chương Bộ quốc phòng 1994-1999 với tiểu thuyết *Lộc người*

Tác phẩm:

- *Sắc trời* (1979)
- *Phía trước mũi súng* (1983)
- *Hạnh phúc của tôi* (1986)
- *Làng gỗ* (1990)
- *Người hùng* (1993)
- *Mưa tiên* (1996)
- *Anh cảnh sát khó ngủ*
- *Bụi đường*
- *Rước chữ* (1997)
- *Hai cụ thượng làng* (1998)
- *Cây mọc nhà Chúa*
- *Những ngôi mộ voi* (1997)
- *Dải lụa*
- *Lộc người* (1999)
- *Tướng quân* (1999)

Trích văn:

### **Dải lụa**

- Ông cụ Vạn ở xóm giếng héo sữa rồi.
- Sao cụ ấy về dễ dàng thế. Chiều hôm qua tôi còn gặp chặn bò trước cửa chùa Hoa Đào.
- Thế mới gọi là tiên cảnh ngàn thu. Ông cụ đi như đi ngủ. Mười giờ đêm còn ngồi xem phim Tam Quốc diễn nghĩa. Cứ tấm tắc khen cái đoạn Tào Tháo và Lưu Bị uống rượu luận anh hùng. Một lúc sau kêu tức ngực, lên giường nằm thế là đi luôn.

Chuyện cụ Vạn quy tiên chỉ một lúc sau đã lan truyền khắp làng Thượng.

Nghĩa tử là nghĩa tận, bà con làng xóm, họ hàng nội ngoại đều xếp sắp công việc đến chia buồn với gia đình người quá cố và tiền đưa linh cữu đến nơi an nghỉ cuối cùng, đào sâu, chôn chặt, mồ yên mả đẹp.

Ở làng Thượng từ xưa, không ăn uống, rượu chè trong đám hiếu. Các cụ bảo, người than khóc sâu não về nỗi mất mẹ, mất cha, kẻ ngồi chề chén còn ra làm sao nữa! Nhưng làng cũng có lệ sau khi phát tang, thường lưu giữ thi hài người quá cố, nhất là người cao tuổi, con cháu đề huê, ở trong nhà một đêm để kèn trống và để họ hàng, bằng hữu xa gần phúng viếng. Gần đây lại phục hồi tục: Khi sinh thời yêu ai sâu sắc thì lúc về cảnh tiên, người bạn tình đến vĩnh biệt và đặt ngang quan tài một dải lụa hồng. Ngày xưa, con gái lấy chồng, con trai lấy vợ là do bố mẹ sắp đặt. Còn yêu nhau, bởi phận tơ hồng trời se. ý trời hẳn phải hơn ý người. Nhưng đến khi một người sang cõi vĩnh hằng, người còn ở lại mới dám công khai. Điều đó, khiến người đời thêm tò mò, phỏng đoán.

Có người đến viếng ông cụ Vạn xong còn ngó vào tận linh cữu xem đã có dải lụa hồng nào chưa. Và khi quay ra, họ lắc đầu, bảo:

- Quan tài còn trống lắm. Tịnh chưa có một dải lụa nào. Cái đám này buồn bỏ mẹ. Chả bù cho đám bà Lý. Vừa đúng ba cỡ dải lụa hồng nhé.

- Bì thể nào được với bà Lý. Bà ấy đẹp người đẹp nét nên nhiều ông mê là phải.

- Bà Na chả đẹp ư? Vậy mà khi hết com, hết gạo chả có một dải lụa nào. Con cháu cứ buồn thiu.

- Cái bà ấy lúc nào cũng cay cây, cay cây, có ma nó mê. Lấy được chồng là may. Đẹp thế, đẹp làm gì!

Con cháu bà Lý có mặt trong đám ma cụ Vạn có vẻ tự hào, mãn nguyện về mẹ, về bà mình lắm. Họ tự hào, mãn nguyện là phải. Họ đã đón tiếp những người bạn tình của mẹ mình niềm nở, trân trọng và biết ơn. Bởi những người ấy, đã dám vượt lên mọi hoàn cảnh để đến với mẹ mình thật đúng lúc.

Người đời thật lạ. Sinh thời, chúa ghét chuyện gió trăng. Rồi ghen tuông, oán hờn, thù giận tình địch của mình. Vậy mà khi người thân ra đi, lại cảm thấy tủi phận, trống vắng nếu như trên nắp quan tài không có lấy một dải lụa hồng. Người ta bảo nhau, ông ấy, bà ấy phải là người trai tài gái sắc thể nào mới được nhiều người yêu đến thế. Tục ở làng Thượng, người nào càng giữ chặt được mối tình của mình ở trong lòng đến lúc nhắm mắt xuôi tay, con cháu mới biết thì tình yêu ấy mới thật sự cao quý, thiêng liêng. Còn để lộ ra, làng biết cả rồi, còn mang lụa đến làm gì nữa.

Phải giữ được bí mật như ông Dinh, xóm Đình mới tài. Trước



khi cải tạo tư thương, ông Dinh làm chủ ba quả lò vôi. Ông ngược xuôi bán vôi khắp Hà Nội, Sơn Tây, chả có điều gì. Khi sắp lâm chung, ông Dinh mới chỉ chỗ cho vợ con đào hai cái hầm tích lên, bảo: "Số vàng này đã chia theo di chúc. Cúng ba ngày xong mới được thực hiện. Và phải điện khẩn cho người này, người này...". Bấy giờ vợ con mới vỡ lẽ, ông có ba người tình. Vàng chia cho vợ, cho người yêu và các con trai con gái như nhau. Khi linh cữu ông Dinh còn quàn trong nhà, có hai bà người Hà Nội về vất hai dải lụa lên. Còn bà ở Phú Thọ, mãi hôm cúng ba ngày, mới tắt trời đem dải lụa vất qua nấm mộ... Di chúc ông còn nói rõ rằng sở dĩ ông có được bấy nhiêu vàng là nhờ vào công sức của tất cả các bà.

Trở lại chuyện đám ma cụ Vạn.

Gần như cả buổi sáng hôm sau, chốc chốc lại có người làng Thượng ngó vào linh cữu. Người sau theo người trước, họ lắc đầu quay ra. Điều đó, khiến vợ con cụ Vạn tủi thân lắm.

Những người đi đào huyết đã về. Xóm làng rộn rịp chuẩn bị đưa cụ Vạn đến nơi an nghỉ cuối cùng.

Giữa lúc đó, một người trung niên, mái tóc lốm đốm bạc, ăn mặc kiểu thành phố, vét tông màu đen, đeo băng tang đen thông thả đi vào sân. Trông cặp mắt, bước đi đều tỏ ra điềm tĩnh, tự nhiên. Ông cung kính cúi chào bà con, đứng theo nghi lễ làng Thượng rồi không phải hỏi thăm ai, bước tới trước mặt người em ruột cụ Vạn, chấp tay, cúi đầu, nói nhỏ mấy câu.

Ông cụ mở tròn mắt nhìn người khách lạ rồi gật gật đầu. Bấy giờ khách mới từ từ đi vào bên linh cữu nhìn rất lâu vào gương mặt vàng bệch của cụ Vạn qua tấm kính. Đoạn người khách gục xuống quan tài đau đớn kêu lên một tiếng như vỡ ra tự trong tim:

- Bố ơi!

Người làng Thượng chăm chú theo dõi từng cử chỉ của ông khách chưa một lần xuất hiện, cùng thốt lên:

- Con cụ Vạn.

- Thảo nào, tôi đã nghi nghi từ đầu.

- Trông cũng nhang nhác giống cụ Vạn.

- Giống như hai giọt nước chứ nhang nhác gì.

- Không phải hỏi thăm ai mà biết cụ Thọ là chú ruột mới tài.

- Mẹ của ông ấy còn hay mắt mà không thấy nhỉ?

\*

\* \*

Mồ côi cha mẹ từ bé, anh em ông Vạn mỗi người phiêu dạt một nơi mãi sau ngày giải phóng Điện Biên, mới gặp nhau. Ông Thọ bị mẹ mình đem lên mạn ngược bán cho người Thổ. Rồi tham gia quân đội, chiến đấu ở vùng Thượng Lào.

Còn ông Vạn đi ở chùa Hoa Đào. Đó là một ngôi chùa nhỏ nằm ẩn mình dưới chân núi Phụng Hoàng, một quả núi đá vôi cao chót vót và có nhiều hang động thuộc địa phận làng Cả, cách làng Thượng một cánh đồng. Xung quanh chùa trồng toàn đào ăn quả. Mùa xuân về, hoa đào thắm hồng một sườn núi. Lúc còn nhỏ, ông Vạn trông coi vườn đào, quét chùa, chặn bò. Lớn lên, ông Vạn trở thành lực điền của nhà chùa.

Năm ông ngoài hai mươi tuổi, sự cụ trụ trì có thêm đồ đệ mới. Chú tiểu nữ, có dáng người tầm thước, da trắng như trứng gà bóc, đôi mắt lóng lánh luôn luôn nhìn xuống. Chú sáng dạ,

chăm làm, thông tỏ kinh Phật, thuộc lòng Chư Kinh nhật tụng, lại giỏi việc nhà, thạo việc đồng áng, từ xay lúa, sàng gạo đến tát nước, nhổ mạ, cấy, gặt, hái rau. Nhiều trưa, tiểu không nghỉ, xay âm âm mấy thúng thóc liền. Có hôm thóc hết tự lúc nào, rãng cối va vào nhau xàn xạt, thớt trên rung bần bật như lên đồng mà chú vẫn mãi mê... Không việc gì, tiểu không làm được. Ngoài sự cụ, không ai biết tiểu là gái Hà Thành, tên gọi Hoàng Tú Oanh, sinh trưởng trong một gia đình buôn bán giàu có, được dạy dỗ, học hành chu đáo. Mười sáu tuổi, bố mẹ cho cô đi tu. Bởi đi xem ở đâu người ta cũng bảo số cô nặng căn lắm, lại đào hoa bạc mệnh nên phải gửi thân ép xác cửa thiền.

Cô được gửi gắm người cô họ đang trụ trì chùa Vân Hồ, một chùa lớn bên hồ Bảy Mẫu, phía nam Hà Nội. Ba năm sau, sự cụ Vân Hồ thấy mỗi ngày tiểu một đẹp rực rỡ, sợ để ở chốn Hà Thành đô hội, thường ngày tiếp xúc với biết bao giai nhân, tài tử thì khó mà ép xác cho tròn quả phúc, bèn gửi cho người bạn đồng đạo ở chốn thôn quê hẻo lánh.

Ở chùa đã khổ hạnh, chùa nghèo, chùa nhỏ ở chốn thôn quê còn khổ hạnh bội phần. Quanh năm chỉ có cơm gạo cũ với rau muống già chাম tương. Tỉnh thoảng có bữa "cá" kho. Đó là những quả mướp đắng, cắt khoanh, om tương. "Cá" nhà chùa, ăn đắng từ trong ruột đắng ra. Thoạt đầu tiểu Oanh nôn mật xanh, mật vàng. Sau rồi quen đi, lại thấy ngon. Con gái ở tuổi dậy thì, ăn bao nhiêu cũng chẳng biết no, nhịn vài bữa cũng không thấy đói, ăn khổ mấy vẫn thấy ngon miệng. Cơ thể tiểu Oanh cứ rùng rục, rùng rục như bốc lửa. Lửa bốc từ trong lòng bốc ra. Thức thâu đêm, đọc bao nhiêu kinh cũng không đập tắt được. Nhiều đêm lửa còn thiêu đốt cả kinh kệ, chữ nghĩa nhà Phật. Tiểu Oanh bỏ kinh đi xay lúa, giã gạo. Càng xay, càng giã, lửa càng bốc cao. Ba bốn giờ sáng, trời lạnh cửa da, cửa thịt, tiểu Oanh lội xuống ao vớt bèo những mong cái buốt cái rét giá thấu xương dập tắt ngọn lửa lòng đi...

Sư cụ và các vĩ vẫn thắm khen, tiểu Oanh chịu khổ xác. Chăm làm như anh lực điền Vạn cũng lác đầu, không sao theo kịp tiểu Oanh.

Năm ấy, mùa hè, anh Vạn cày bừa mấy thửa ruộng ở phía sau chùa. Đi vòng vài trăm bước qua đầu núi là về đến "nhà". Về chùa dềnh dàng sợ nghỉ lâu. Trưa nào, tiểu Oanh cũng mang cơm cho anh Vạn. Tiểu không bao giờ gọi, chỉ lẳng lẳng để cơm vào chỗ cửa hang hình khum khum tựa mái chòi, nơi anh lực điền vẫn nghỉ trưa rồi lội xuống ao muống ở sát chân núi, cặm cúi hái từng ngọn rau già. Anh thợ cày ngẩng lên thấy tiểu hái rau, biết đã có cơm. Anh cho trâu xuống một cái chuôm gần đó cho nó đằm còn mình thì rửa chân tay, lên hang ăn cơm.

Trưa hôm ấy, nắng chết cá. Anh vừa bừa, vừa vớt được bao nhiêu là cá. Anh chỉ dám cho trâu đằm một lát rồi dắt lên hang cho nó nghỉ. Vậy mà tiểu Oanh vẫn cặm cúi hái rau. Ngọn rau vừa bứt khỏi tay đã héo rầu rầu. Rau đã già lại héo thê kia thì răng nào nhai nổi. Chỉ khổ tiểu và mấy người thợ cấy, thợ cày. Anh Vạn đánh bạo gọi:

- Nhà chùa nghỉ tay một lát đã. Rau già lại héo, răng chúng tôi không dứt nổi đâu.

Chẳng rõ chú tiểu có nghe rõ không mà chẳng hề có hồi âm. Anh Vạn lại gọi. Tiểu vẫn mãi mê hái rau. Anh Vạn đâm lo. Khéo tiểu say nắng, gục xuống thì chết mình. Sư cụ quở trách, biết nói thế nào. Thế là anh lực điền đâm liều. Anh lội ào xuống ruộng muống, cầm tay tiểu vừa kéo lên bờ vừa nói:

- Nhà chùa muốn chết nắng à?

Lần đầu tiên, anh thợ cày nhìn trực diện vào gương mặt, vào cặp mắt tiểu Oanh. Chao ôi, nó cứ bùng bùng, như thiêu như

đốt anh. Chẳng hiểu do nắng lửa, hay do anh cầm vào cổ tay tròn lẳn của tiểu mà cặp mắt, đôi gò má tiểu bùng bùng như thế.

Tiểu Oanh ngồi thụp xuống cửa hang, thở dốc từng hơi dài, đôi bờ vai rung lên. Anh lực điền sợ lắm! Tiểu Oanh cảm thật rồi, hơi thở nóng như hơi lửa. Anh thì thầm:

- Tiểu ốm rồi. Để tôi đưa về.

Anh lực điền cúi xuống cầm cánh tay tiểu định đỡ tiểu đứng dậy. Chợt tiểu giật bắn người, toàn thân co dúm lại.

- Đừng động vào người tôi. Đừng động vào tôi.

Nhưng lúc ấy, anh thợ cày đã cảm thấy trong lòng rạo rục. Anh trở nên liêu lĩnh, bất cần và hành động hoàn toàn theo bản năng sai khiến. Lúc anh cảm thấy cái hang đá chao nghiêng ngả thì tiểu bất thần kêu:

- Ói! Mẹ ơi, con chết mất!

Rồi tiểu lịm đi. Đôi mắt nhắm nghiền. Chân duỗi thẳng, hai tay dang rộng. Anh thợ cày sợ hoảng hồn. Mồ hôi vã ra như tắm. Chợt tiểu mở mắt, mỉm cười:

- Anh đừng sợ. Không sao đâu.

Ba tháng sau, người làng Cả thấy vắng bóng chú tiểu Oanh. Các vãi tò mò hỏi. Sư cụ trụ trì chùa Hoa Đào bảo:

- Tiểu Oanh về Hà Nội học thêm kinh kệ.

Dần dần, trong ký ức của mình, người làng Cả đã quên hẳn tiểu

Oanh. Chỉ một vài người già sống cùng thời với tiều là còn mang máng nhớ, cái năm sư cụ xây Tháp Xá Lợi, có chú tiều ngoài Hà Thành đẹp lắm về tu ở chùa làng mình. Được vài ba năm thì chuyển đi nơi khác. Từ đó đến nay trải mấy chục năm rồi. Đã có mấy đời sư trụ trì ở chùa Hoa Đào. Nếu tiều Oanh còn sống cũng phải ngót tám mươi.

Thực ra, tiều Oanh được bí mật đưa về nhà bố mẹ để chứ không phải đi học thêm kinh kệ như cụ nói.

Sáng sớm hôm ấy nhà chùa sai anh lực điền Vạn đi tát nước ở mãi cánh đồng Chắt, cách làng Cả phải tới năm dặm đường. Buổi tối, anh Vạn về không thấy tiều Oanh đâu. Hỏi ai cũng lắc đầu không biết. Anh đánh bạo hỏi sư cụ. Sư cụ cầm miếng trầu quệt ngang môi, bảo:

- Tiều về Hà Nội rồi.

Anh hỏi tiếp:

- Bạch cụ, tiều đi có lâu không?

Sư cụ bảo:

- Hỏi làm gì. Nhà chùa tha tội chết cho con đấy.

Anh lực điền Vạn sa sầm mặt mày, tưởng đồ gục xuống như cây chuối hột bị một nhát dao sắc lẹm phạt ngang gốc. Thảo nào, cả ngày hôm ấy, anh làm việc gì cũng hỏng. Ruột gan nóng cồn cào. Anh tát nước, liên tục va miệng gàu vào bờ. Anh làm cỏ, cây thường mọc không nhỏ, toàn nhổ vào danh lúa. Mấy bà cùng làm với anh kêu trời kêu đất:

- Nhà chú phải để tâm vào chú. Làm ăn thế này thì sư cụ đuổi bỏ.

Đận ấy, anh lực điền Vạn đổ ồm một trận tương chết. Hàng tháng trời, anh không ăn, không ngủ, cổ họng khô bong, đắng ngắt, ngực đau tức như có cái cối đá đè lên. Mỗi ngày vuốt đầu, tóc rụng đầy kẽ ngón tay. Nổi đau lặn vào lòng, không người chia sẻ, không người hỏi han. Anh tưởng được sống hạnh phúc một đời với tiểu Oanh. Hai người đã bàn nhau bỏ trốn. Tiểu Oanh bảo đợi đến cuối tháng, đêm tối trời, hai đứa cuốc bộ ra Canh Diển rồi vẫy xích lô ra ga xe lửa xuôi xuống Phòng. Ở Phòng, Oanh có bà dì ruột thương Oanh lắm. Bà đã cực lực phản đối bố mẹ đưa Oanh vào nương nhờ cửa Phật. Bà bảo:

- Cứ quẳng nó vào đời đi, cho nó bơi, nó ngụp. Nếu nó không tìm thấy nguồn vui, không tìm thấy hạnh phúc, lúc ấy đi tu cũng chưa muộn. Việc gì phải nghe mấy ông thầy số làm khổ con bé.

Bây giờ, gặp cảnh ngộ này, nhất định dì sẽ bí mật giúp Oanh.

Nhưng cuộc sống đã không như tiểu Oanh mong ước. Tiểu bị giam cầm trong nhà. Mẹ không rời Oanh nửa bước. Mấy lần Oanh định liều chết mà không xong. Thiếp đi thì thôi, chứ tỉnh dậy là tiểu Oanh ngồi xếp bằng quay mặt vào bức tường trông về phía chùa Hoa Đào, nơi có anh lực điền Vạn, hẳn cũng đang phải trải qua sự mất mát, đau đớn nhất trong đời. Tại sao số phận lại run rủi tiểu Oanh với anh thợ cày nghèo khổ ấy. Họ có trời mới biết. Mẹ bảo:

- Đó là éo le của tạo hóa. Bởi vậy bố mẹ đã cho con thoát tục mà vẫn không sao tránh được khổ đau. Con còn vương vấn với cuộc đời thì còn khổ cực, đắng cay lắm.

## HUỶNH ÁI TÔNG

Sau khi sinh nở mẹ tròn con vuông, bố mẹ giữ thằng Chít lại nuôi dạy và bắt tiểu Oanh bước tiếp con đường tu hành.

Thằng Chít được cái khỏe mạnh thông minh. Nó không hề biết cha mẹ mình là ai. Tỉnh thoảng sư bà vẫn đến nhà thăm hỏi ông bà ngoại và mua quà cho nó. Tốt nghiệp phổ thông, Niên, tên thật của thằng Chít, nhập ngũ vào binh chủng pháo binh, chiến đấu trong Vĩnh Linh. Sau hiệp định Pa-ri, Niên được giải ngũ. Anh theo học trường Đại học tài chính. Bây giờ, anh đang làm giám đốc một công ty trách nhiệm hữu hạn chuyên buôn bán máy tính điện tử.

Vào những năm cuối thập kỷ tám mươi, chùa Hoa Đào bỗng nhiên thiếu sư trụ trì. Chẳng rõ có phải do điềm trời không, mà hai ba ni cô thay nhau về chùa được dăm ba tháng lại bỏ đi. Người sau cùng là ni cô Đàm Tú. Các cụ vải làng Cả bảo, mất sư cụ tinh lắm, còn xâu kim được. Nhưng răng thì chả còn chiếc nào. Sư cụ ăn quả trứng chung tương còn độc, chỉ có ăn mướp đắng kho tương được thôi. Hết mùa mướp đắng thì ăn củ rau khô dầm tương. Sư cụ thông tỏ kinh Phật lắm.

Từ ngày sư cụ Đàm Tú về trụ trì, cảnh chùa Hoa Đào ngày một khang trang, sầm uất. Sư cụ chữa chùa, sửa tam quan, tô tượng, xây tháp chuông. Người trong vùng kéo đến quy y đông lắm. Tiếng tăm, công đức sư cụ lan truyền khắp mọi nơi. Không đám hiếu nào, sư cụ không cầm tích trượng đi làm phúc cầu hồn cho người quá cố được siêu sinh, tịnh độ.

Cái chết của ông cụ Vạn trên làng Thượng đã gây một cơn sóc lớn trong lòng sư cụ. Nhiều hôm, ông cụ Vạn chặn bò trước cảnh chùa, sư cụ Đàm Tú vẫn mời ông cụ vào chùa uống chén nước nụ vôi. Sư cụ ngồi đối diện với cụ Vạn, vừa bồm bẻm nhai trầu vừa lặng lẽ ngắm nhìn cụ Vạn không chán mắt. Lúc ông cụ ra về, bao giờ sư cụ cũng gửi chút lộc Phật, khi là phẩm



oản đường, khi quả chuối, phảm oản nếp cho các cháu và tiền đưa ra tận cổng chùa, quuyến luyến một lúc mới chia tay.

Cụ Vạn cung kính, chào:

- Bạch cụ, tôi về.

- A-di-đà Phật.

Sư cụ cứ ngỡ ông cụ Vạn tai đã nặng nặng, mắt không còn tinh nữa, hẳn không thể nhận ra hình dáng tiểu Oanh khi xưa mà cụ đã nặng lời thề nguyên.

Sư cụ đã tưởng được yên thân đến khi thác về cõi Phật.

Không ngờ chiều hôm đó, ông cụ Vạn ngồi uống liền hai chén nước nụ vôi và trân trân nhìn sư cụ. Sư cụ giật mình, hỏi:

- Cụ có điều gì?

- Bạch cụ. Tôi... tôi hỏi khí không phải xin cụ thứ lỗi.

- A-di-đà Phật.

- Bạch cụ. Con... con... của... của... có còn không?

- Thưa cụ, còn... còn ạ.

- Bạch cụ, trai hay gái.

- Thưa cụ... trai... ạ.

- Bạch cụ, con... có tử tế, nên người không?

- Thưa cụ, con được ông bà ngoại nuôi dạy chu đáo lắm.
- Bạch cụ, tôi muốn... muốn... gặp nó có được không?
- Thưa cụ, mong... mong cụ hiểu cho. Con chưa biết bố mẹ mình là ai?
- Bạch cụ, tôi hiểu, tôi hiểu... Tôi chết nhắm mắt được rồi.

Hóa ra ông cụ Vạn dở chứng về trời.

Tục lệ của làng Thượng đã đẩy sư cụ Đàm Tú vào thế vô cùng khó xử. Sư cụ ngỡ đi cũng chả ai biết đây là đâu. Nhưng cái tâm không thể nào yên. Dù có lên cõi Niết bàn cũng vẫn còn day dứt, khổ đau. Suốt cuộc đời sư cụ chịu khổ xác cũng chỉ mong cho cõi tâm được nhẹ nhõm, thanh thản. Bởi thế sư cụ Đàm Tú đã quyết định ra mắt con trai và báo cho nó biết cha nó là ai. Hậu quả việc này rồi sẽ ra sao? Đã có người đời phán xử.

Sư cụ Đàm Tú chống tích trượng vào đám hiếu ông cụ Vạn. Người làng Thượng cung kính chào:

- Niệm Nam mô A-di-đà Phật! Bạch cụ đi làm phúc.

Sư cụ cúi chào, đáp lễ rồi đi thẳng đến bên linh cữu ông cụ Vạn. Bấy giờ sư cụ mới bỏ tấm khăn nâu để lộ ra tấm khăn xô và lấy trong túi ra một dải lụa hồng, trân trọng vắt ngang qua linh cữu ông cụ Vạn...

Làng Gò Cà

Giờ Thìn, ngày Nhâm Tý, tháng Bính Tuất, năm ất Hợi



Trong bài *Trời cho đến đâu, hưởng đến đấy!* Nguyễn Xuân Thủ đã viết về Dương Duy Ngũ như sau:

*Dù ở phố từ lâu nhưng tâm hồn Dương Duy Ngũ vẫn “neo đậu bến quê” với những trang viết thấm tình quê hương. Văn hoá làng xã, gia đình và quê hương bản quán luôn được Dương Duy Ngũ dành một vị trí quan trọng, chi phối lớn đến những sáng tác của ông. Một trong những tác phẩm được bắt đầu từ chính câu chuyện của gia đình, dòng họ của Dương Duy Ngũ là tiểu thuyết “Người giữ đình làng” viết về chính người cha thân yêu của ông. Ngôi đình làng nguyên mẫu trong tiểu thuyết giờ vẫn còn, nay đã được 300 năm. Sau này, khi đã cao tuổi, ông viết nhiều về phong tục làng quê, về những thú chơi tao nhã. Với truyện ngắn “Tâm lan”, khi nó ra đời nhiều người cho rằng đây là một bước chuyển trong sự nghiệp sáng tác của*

## HUỶNH ÁI TÔNG

*nhà văn Dương Duy Ngữ. Đó cũng là truyện ngắn mà Dương Duy Ngữ tâm đắc, ông chia sẻ: “Tôi vẫn cho rằng, đỉnh cao của văn chương bác học là sự giản dị, đây cũng là phong cách viết mà tôi hướng tới. Ở “Tâm lan”, ít nhiều tôi đã đạt được điều này”.*

Tài liệu tham khảo:

- Dương Duy Ngữ Web: [maxreading.com](http://maxreading.com)
- Đặc sắc vườn lan Web: [baomoi.com](http://baomoi.com)



## 10. Phan Thị Thanh Nhân



### Phan Thị Thanh Nhân (1943-20 )

Nhà thơ Phan Thị Thanh Nhân sinh năm 1943 tại phường Tứ Liên, quận Tây Hồ, Hà Nội.

Bà làm thơ từ sớm, đầu những năm 1960 đã có thơ đăng báo. Năm 1969, bài thơ *Hương thơm* của bà đoạt giải nhì cuộc thi thơ của báo *Văn nghệ*. Ngoài làm thơ, bà còn viết báo, truyện ngắn, truyện cho thiếu nhi.

Đã từng theo học: Khoa báo chí trường tuyên giáo Trung ương, Khóa 5 lớp bồi dưỡng những người viết văn trẻ Hội Nhà văn Việt Nam, Khóa cao học dành cho các nhà văn trẻ Việt Nam tại học viện Gorky (Liên Xô).

Bà là hội viên Hội Nhà văn Việt Nam, Ủy viên Ban chấp hành Hội từ năm 2001 đến năm 2005.

Phan Thị Thanh Nhân được các giải thưởng:

- Giải nhì về thi thơ của báo *Văn Nghệ* năm 1969 với bài *Hương thơm*

## HUỶNH ÁI TÔNG

- Giải A của Hội Liên hiệp văn học nghệ thuật Hà Nội các năm 1974 và 1980
- Giải C Nhà xuất bản Kim Đồng năm 1982 cho tác phẩm *Tuổi trăng rằm*.
- Giải A Nhà xuất bản Kim Đồng năm 1995 cho tác phẩm *Bỏ trốn*.
- Giải thưởng Nhà nước về văn học nghệ thuật năm 2008.

Phan Thị Thanh Nhân kết hôn với nhà thơ Thi Nhị, ông đã mất năm 1979. Hiện nay, bà đang sống cùng con gái duy nhất tại Hà Nội.

Tác phẩm:

- *Tháng giêng hai* (thơ, Văn Học, 1969)
- *Hương thơm* (thơ, Văn Học, 1973)
- *Chân dung người chiến thắng* (thơ, Tác Phẩm Mới, 1977)
- *Bông hoa không tặng* (thơ, Tác Phẩm Mới, 1987)
- *Nghiêng về anh* (thơ, Hội Nhà Văn, 1992)
- *Bài thơ cuộc đời* (Hà Nội, 1999)
- *Thơ với tuổi thơ* (Kim Đồng - 2002).
- *Xóm đê ngày ấy* (truyện thiếu nhi, Kim Đồng, 1975)
- *Hoa mặt trời* (Phụ Nữ, 1978)
- *Ánh sáng của anh* (Kim Đồng, 1978)
- *Tuổi trăng rằm* (truyện thiếu nhi, Kim Đồng, 1982)
- *Bỏ* (truyện thiếu nhi, Kim Đồng, 1995).

Trích văn:

### **Bản lĩnh đàn bà**

Hơn nửa đêm, Thúy gọi di động cho Hùng, thì thầm:

- Anh đang ở trong phòng một mình phải không? Nghe em nhé. Hùng đang ngủ ngon bực mình vì bị thức, giọng cáu kỉnh:

- Có gì ghê gớm không mà phải gọi vào giờ này?

Thúy vẫn nững nịu:

- Anh sao thế? Em đây mà.

- Biết rồi, nói đi, tôi nghe đây.

Sao Hùng lạ thế? Nếu anh hóm hỉnh như mọi lần “Biết rồi, khổ lắm, nói mãi” thì lại khác. Thúy thờ dài, đặt máy xuống, nghĩ là thế nào Hùng cũng gọi lại ngay. Lúc ấy cô sẽ nói. Chuyện tà trời chứ có phải đùa đâu. Bởi vậy cô mới phải gọi thật khuya, để cả nhà cô, bố mẹ và cái Thùy em gái ngủ hết không ai nghe cô nữa và bên nhà Hùng, bố mẹ anh cũng đang say giấc. Chỉ có hai đứa với nhau thôi, cô sẽ thì thầm thật là âu yếm:

- Em có thai rồi...

Cô muốn nghe Hùng phản ứng ra sao. Chỉ cần qua giọng nói của anh là cô hiểu hết. Anh vui sướng hay lo ngại, hay tưởng cô đùa?... Nhưng Thúy thao thức suốt đêm không nghe Hùng gọi lại. Sáng hôm sau gặp nhau, Hùng chăm chăm nhìn Thúy:

- Sao em phờ phạc thế? Đêm qua có chuyện gì?

Thúy uất nghẹn, giận điên lên. Chính tại anh, vì sự thờ ơ của anh mà anh sẽ không bao giờ được nghe câu trả lời mà lẽ ra đêm qua anh đã biết. Cô thờ ơ.

- Hơi mệt.

Hùng phẩy tay bỏ đi:

- Nhõng nhẽo quá. Từ nay bỏ cái kiểu đang đêm bắt người ta thức dậy đi nhé. Vớ vẩn!

Thúy cúi xuống, không nhìn theo anh như mọi lần, mắt rung rung. Cô đã tin, đã yêu anh biết bao vì tưởng rằng anh cũng rất yêu cô. Anh đã nhiều lần mời cô đến nhà chơi, dạy cô học thêm tiếng Pháp. Anh đã rất đàng hoàng nghiêm túc cho đến khi giảng về động từ aimer, anh viết vào vở cho cô: “Je t’ aime” rồi bảo cô về tra từ điển. Mặt cô đỏ ửng lên. Chẳng cần tra cô cũng biết “Je t’ aime” là “tôi yêu em”, nhưng cô vẫn ngồi im. Anh dịu dàng đặt bàn tay lên những ngón búp măng của cô đang để trên cuốn vở rồi khẽ nâng mấy ngón tay thon của cô đặt lên môi. Cô hét hoảng đứng lên. Anh có yêu cô thật không? Tim cô đập loạn xạ. Anh cũng đứng lên theo, nhẹ vòng tay ôm cô vào ngực, thì thầm:

- Ngoan nào, cho anh ôm một tí tẹo thôi.

Vừa nói bàn tay anh vừa thò qua vạt áo đưa lên ngực cô. Thúy nóng bừng cả người nhưng cô vẫn đủ tỉnh táo giằng mình ra khỏi tay anh chạy xuống cầu thang. Anh chạy theo:

- Em sao thế?

- Em về đây!

Cô về, quên cả mũ và sách vở còn để trên bàn.

Đã 23 tuổi rồi nhưng Thúy chưa nhận lời yêu ai, chưa một thằng con trai nào chạm được vào người cô.

Bố mẹ đã nhắm cô cho anh Hiệp ở cạnh nhà. Hiệp học với Thúy từ bé, chỉ hơn cô một tuổi nên cô vẫn cho anh là “trẻ con” không để ý. Anh cao lớn đẹp trai nhưng nhút nhát vô cùng. Tối nào Hiệp cũng sang nhà cô chơi, thấy mẹ làm gì là sà vào giúp. Nào bóc lạc, nào giã vừng, nào cuộn len... Anh chỉ nhìn Thúy cười, chẳng nói năng gì.



Bố cô bảo:

- Con trai mà chăm chỉ, ít nói là đứa rất đáng tin cậy. Mà mà sa vào tay thằng nào bẻm mép táo bạo là chết đấy con ạ.

Ôi lời của bố. Ở nhà Hùng về, Thúy không sao quên được bàn tay của Hùng đúng là thuộc loại táo bạo rồi. Nhưng cô chưa bao giờ được biết cảm giác ngọt ngào êm dịu và bồng bồng như khi mấy ngón tay anh chạm vào ngực cô. Ngay lúc ấy cô đã muốn đứng im để anh ve vuốt, để mặc anh muốn làm gì thì làm. Thúy rùng mình vì những cảm giác lần đầu cô biết, vì những ý nghĩ liêu lĩnh mà nhờ bản năng mà cô thoát ra được. Cô vừa vào nhà và còn bàng hoàng thì Hùng đã gọi điện năn nỉ:

- Thúy ơi, cho anh xin lỗi. Mai em cứ đến học nhé. Anh hứa sẽ rất ngoan mà!

Thúy đến và ngồi bên bàn không nói năng gì. Hùng mở cuốn từ điển.

- Nào hôm nay ta học tiếp...

Cô ngược nhìn anh, ngơ ngác và đăm đúi. Cô thì thầm:

- Anh biết không, suốt từ bé đến giờ em rất chăm học thể dục thể thao. Em... em... ngực của em rất đẹp.

Hùng từ tốn gấp lại cuốn từ điển. Anh dè dặt.

- Cho anh nhìn một tí tẹo xem nào. Anh không làm gì đâu.

Thúy ngả đầu, nhắm mắt và Hùng rất nhẹ nhàng mở từng chiếc khuy áo của cô. Anh hít hà: “Đẹp quá”. Bàn tay anh nhẹ nhẹ

chạm vào núm vú. Thúy giật nảy mình cùng ngồi thẳng dậy, hấp tấp gài lại khuy áo. Cô cười:

- Thôi, thế đủ rồi.

Hôm ấy họ học rất nghiêm túc, chỉ thoảng thoảng chạm vào nhau với những luồng điện chết người. Nhưng Thúy rất vững, cô không hề tỏ ra xao xuyến.

Không biết có phải quyết chinh phục cô không mà từ hôm ấy Hùng đáng yêu vô cùng. Anh sẵn đón từng ý thích của cô, mua tặng cô những vật dụng thể thao đắt tiền như vợt tennis của Đài Loan, mấy hộp bóng, chiếc áo bơi của hãng thời trang nổi tiếng... Anh còn gọi điện mời cô đi ăn sáng rồi rủ cô đi ăn chiều ở một quán nhỏ nhìn ra hồ rất thơ mộng với cái tên ngọt ngào “Quán Mai Hoa”. Buổi tối anh lại mang vé xem ca nhạc những 200 ngàn một đôi, năn nỉ cô ngồi sau xe để anh đưa đi...

Bố mẹ thấy Hùng đến nhà luôn và cùng đi chơi với Thúy thì nhắc:

- Trông nó cũng được đấy nhưng phải cẩn thận con ạ.

Còn cẩn thận làm sao được nữa. Chỉ xa anh ấy một thoáng đã thấy quá dài. Ngồi sau xe, tựa vào vai anh, nhắm mắt lại nghe gió lướt qua má mình mới âm áp làm sao, cứ y như những ngón tay dịu dàng ve vuốt. Chỉ sau vài tháng được anh tận tụy hết lòng, Thúy đã không thể giữ được mình khi anh năn nỉ:

- Cho anh nhìn một tí tẹo thôi nào.

Hôm ấy bố mẹ về quê, bà giúp việc cũng xin phép nghỉ. Căn nhà bốn tầng của gia đình anh rộng thênh thang chẳng có một ai. Và cô đã ngoan ngoãn ngồi im để anh cởi áo. Cô đã chết lịm đi, nằm bất động nên không thấy anh ngơ ngác lục tìm cái gì đó

tên tấm ga trải giường. Cô ngây thơ quá, cô không biết là anh đã thất vọng vô cùng, chán nản vô cùng khi không tìm thấy những dấu hiệu của một cô gái còn trong trắng.

Thúy lần đầu tiên trao thân cho một người con trai là anh. Với cô, thế là tất cả rồi. Cô thấy mình đã thuộc về anh hoàn toàn. Cô si mê anh, bất cứ lúc nào anh gọi là cô đến. Trong mắt cô, trong tim cô, anh đẹp quá, hoàn hảo quá, yêu cô quá! Còn anh quả thực lúc đầu bị cô hấp dẫn. Anh đã thành thực yêu cô. Nhưng rồi anh cho là mình biết cô đã mất thời con gái, anh chỉ còn lợi dụng cô mà thôi. Nhưng anh không nói gì, chỉ âm thầm nghĩ xấu về cô. Anh đâu biết vì từ bé ham mê thể thao, nào nhảy dây, chạy đuổi, bơi lội, kéo co... nên đã nhiều lần cô bị ngã đau và màng trinh bị rách từ bao giờ cô cũng không biết. Cho đến lúc thấy lâu không hành kinh, cô một mình đi thử và biết mình đã có thai. Đêm ấy, cô chờ thật khuya mới gọi điện cho Hùng, cứ nghĩ là anh sẽ vui sướng, hoặc lo âu, nhưng nhất định anh sẽ bàn ngay chuyện cưới. Ngờ đâu cô chưa kịp ngỏ lời anh đã rất bực dọc và thờ ơ cho là cô nhõng nhẽo làm anh mất ngủ. Cái phẩy tay bỏ đi phũ phàng của anh đã khiến Thúy bùng tính. Cô nhìn lại toàn bộ quá trình cô đến với anh và nhận ra rằng gần đây anh chỉ còn lợi dụng cô thôi. Thúy chột kinh sợ và thấy ghê tởm anh, ghê tởm cả mình. Cô quyết định không cho anh biết mình đã có thai với anh. Cô đủ thông minh để hiểu rằng với thái độ lạnh nhạt hiện nay, anh sẽ nghĩ đó có thể không phải là con anh!

Cô quyết định không gặp Hùng, không gọi điện cho anh nữa. Cô hy vọng sự thay đổi của cô sẽ khiến Hùng hết hoảng sợ mất cô. Anh sẽ đến, sẽ lại chiều thương săn sóc. Nhưng thật đau lòng. Anh không hề tìm cô, không hề gọi điện. Thúy hiểu là mọi chuyện nên chấm dứt. Nhưng cô không muốn phá thai. Đó là mối tình đầu của cô, cô dám chịu trách nhiệm. Bây giờ người ta cũng không còn phê phán các cô gái hoang thai như

trước. Cô sẽ chịu đựng được. Chỉ sợ bố mẹ thôi. Thúy cân nhắc, suy nghĩ rồi một hôm cô tìm gặp Hiệp.

Hai người ngồi trong một quán cóc vắng vẻ mé ngoài công viên rợp bóng cây. Xưa nay chưa bao giờ Hiệp dám chạm vào người cô nên anh run run khi Thúy chủ động cầm tay anh. Cô nhìn vào mắt anh hỏi nhỏ:

- Anh yêu em thật chứ? Anh có cưới em ngay được không?

- Ôi Thúy! Em làm sao thế? Anh cảm ơn em vô cùng.

Hiệp xúc động thật sự. Anh không bao giờ dám hy vọng Thúy sẽ đồng ý lấy mình. Hiệp ngạc nhiên thấy đôi mắt Thúy đầm lệ. Cô khóc rồi ngẩng lên nhìn anh:

- Em phải thú nhận với anh tất cả. Em không yêu anh, hay nói đúng ra là em chưa yêu anh. Nhưng nếu chúng mình lấy nhau, em tin chắc là rồi em sẽ yêu anh, kính trọng anh và chúng mình sẽ hạnh phúc.

Hiệp ngỡ ngác:

- Em sao thế? Có chuyện gì với em à?

- Vâng. Em đang có thai với một người nhưng người ấy không yêu em, mà em lại không muốn phá thai đi. Nếu anh không lấy em, em vẫn sẽ đẻ con, nuôi con một mình. Em chỉ sợ và thương bố mẹ.

Hiệp cúi đầu lặng thinh. Anh đã biết kẻ đó là ai. Hắn thường hay đến nhà Thúy (ngay cạnh nhà anh), nhiều lần đưa Thúy đi chơi. Nhưng anh không bao giờ có thể ngờ Thúy lại dễ dàng trao thân cho hắn. Thúy hiểu động, tình nghịch, thờ ơ với anh đến vậy. Hiệp đứng lên, chậm rãi đi về phía công viên. Anh

đứng gục đầu vào một thân cây rất lâu. Lúc anh quay lại thì Thúy đã đi rồi. Anh còn đủ bình tĩnh trả tiền bánh tiền nước cho cả hai người, mặc dù mọi thứ bày trên bàn vẫn còn nguyên. Hiệp nhìn quanh tìm cô, chợt thất lòng như thể anh đã mất cô vĩnh viễn. Không, anh sẽ không để cô đi khỏi cuộc đời mình. Trời đã cho anh một người đàn bà rất chân thành và vô cùng tự chủ, tự tin. Anh hiểu, cô có đủ bản lĩnh để làm như cô nói: đẻ con và nuôi con một mình. Anh đã chơi với cô từ bé. Anh yêu cô và tha thứ cho cô. Anh tin là rồi cô sẽ yêu anh như cô đã nói. Anh không thể để tất cả vượt khỏi tay mình. Anh muốn chia sẻ với cô mọi điều... Và anh hy vọng vào hạnh phúc. Hạnh phúc khó khăn song nhất định sẽ đến nếu tự mình biết vun đắp và tin tưởng.

\*\*\*

Bé Thương Thương của bố Hiệp và mẹ Thúy bây giờ đã lên mười. Nó còn có thêm em trai là cu Thiệp lên năm nữa. Có bé không bao giờ biết nó có một người cha khác. Bố rất yêu hai chị em nó, còn mẹ thì rõ ràng là nâng niu cu Thiệp hơn. Nhưng nó cũng chẳng tệ nạnh với em. Nó thường ôm cổ bố nũng nịu:

- Con trai thì hơn gì con gái bố nhỉ. Sau này bố mẹ già đi ấy à, hay là những lúc bố đòi đấm lưng này, mẹ đòi nhổ tóc sâu này, mới biết là con hơn đứt em cu nhá!

Bố nó nháy mắt:

- Với bố thì bao giờ con cũng là con gái rượi của bố mà!

Nhưng rồi mọi chuyện không êm thấm mãi. Mấy năm sau, có một lần tan học, cái Thương Thương thấy có một người đàn ông lạ hoắc đón đường nó. Ông ta trông già hơn bố, ăn mặc chững chạc kiểu cán bộ cấp cao nhưng nó vẫn im lặng cảnh giác. Ông ta tiến lại gần nó, run giọng hỏi:

- Cháu là con mẹ Thúy phải không?

Nó khẽ gật. Ông lại hỏi:

- Cháu sinh ngày... tháng... năm... phải không?

Thương Thương kinh ngạc:

- Sao bác biết ạ?

Ông ta vịn hai tay vào nhau, khẩn thiết năn nỉ:

- Thương ơi, bác phải đợi mãi, đợi mãi, hôm nay mới dám tìm gặp cháu. Bác xin cháu đừng nói gì với mẹ. Chiều mai tan học, cháu cho bác gặp một lát được không? Chuyện quan trọng lắm, quan trọng với cả hai bác cháu ta. Đây bác cho cháu giữ chứng minh thư của bác. Chiều mai nhé...

Nói rồi ông ta bỏ đi, để lại Thương Thương ngơ ngác chẳng hiểu gì. Nó đã mười bốn tuổi, cái tuổi vô cùng tò mò, muốn chứng minh mình đã là một người lớn đàng hoàng, muốn có những bí mật riêng tư. Người đàn ông này không làm nó sợ mà chỉ khiến nó thấy thương. Nó rất muốn biết ông ta sẽ nói với mình chuyện gì. Và nó đã im lặng không nói gì với ai. Nó cẩn thận lật lại tấm chứng minh thư. Ông ấy rất tin cậy mình đây. Tên ông là Lê Tiến Hùng, sinh năm 1958, hơn bố mình sáu tuổi, cũng người Hà Nội nhưng đang ở trong thành phố Hồ Chí Minh.

Chiều hôm sau nó nói với mẹ trước khi đi học là sẽ về muộn vì còn cùng các bạn đến thăm cô giáo ốm. Cũng chả hiểu sao nó nói dối cứ như đã quen. Nó không thấy nghi ngại gì người đàn ông lạ mặt hôm qua. Nó cảm thấy chắc chắn ông muốn nói với nó điều gì vô cùng quan trọng. Và cả buổi học nó cứ thấp thỏm không yên.

Hùng và bé Thương Thương ngồi đúng cái quán cóc mà ngày trước bố Hiệp và mẹ nó đã ngồi, nhưng tất nhiên cả nó và ông bố đích thực của nó đều không biết điều ấy. Ông Hùng gọi cho nó một cốc nước cam và rút trong túi ra một xấp ảnh:

- Cháu xem đi.

Thương Thương reo lên:

- Ôi mẹ cháu đây mà. Xinh quá bác nhỉ. Với lại đây là bác đúng không? Nhưng bác bây giờ béo, à bây giờ bác... khác quá. Hai người ngày xưa thân nhau nhỉ bác nhỉ. Chụp ảnh chung nhiều thế này cơ mà.

Rồi nó hồn nhiên liến láu:

- Cháu đoán nha! Đây là hai người ngồi trên thuyền ở Hồ Tây. Đây là cùng đi bơi trên biển. Cái này là chụp trong sân viện bảo tàng nghệ thuật, còn cái này là trong Văn Miếu đúng không bác?

Rồi nó chăm chú ngược lên nhìn ông, vẻ tò mò tinh nghịch:

- Cháu biết rồi cơ. Bác cũng yêu mẹ cháu nhưng không lấy được nhau phải không ạ?

Ông Hùng ngồi, hai tay ôm đầu, vẻ của người thất bại:

- Ủ, bác cũng yêu mẹ cháu nhưng mẹ cháu đột ngột làm đám cưới với bố cháu hiện nay, không nói với bác một câu nào.

Thương ngơ ngác:

- Nhưng mà chắc mẹ cháu cũng yêu bác chứ? Hay đi chơi, hay chụp ảnh thế này cơ mà.

- Ủ, mẹ cháu cũng yêu bác chứ. Cho đến giờ bác cũng không hiểu tại sao mẹ đột ngột đi lấy chồng. Hay là do ông bà cháu ép? Hay là mẹ giận gì bác? Thương à, bác xin cháu làm sao để bác được nói chuyện với mẹ cháu một lần, một lần thôi.

Cái Thương cười thật tươi:

- Việc gì bác phải nhờ cháu ạ? Bác cứ đến cơ quan mẹ cháu hoặc đến nhà. Bố mẹ cháu nhiều khách lắm. Bố cháu thoải mái mà, bác đừng ngại.

Hùng e dè thăm dò:

- Cháu ơi, thế ở nhà có bao giờ cháu thấy những tấm ảnh ngày xưa mẹ chụp mà có bác không?

Cái Thương nghĩ ngợi:

- Mẹ cháu nhiều ảnh lắm, cháu xem hết rồi. Nhưng mà hình như không thấy cái nào có bác...

Nhìn nét mặt thất vọng của Hùng, nó nói chữa:

- Nhưng mà thực thì cháu không để ý. Chỉ có những cái như thế này thì cháu chưa bao giờ được xem.

Hùng nhìn cái Thương đăm đăm như muốn nói điều gì song lại ngập ngừng không dám. Cái Thương có vẻ hiểu tâm sự của ông, nó an ủi:

- Bác ơi, bác buồn làm gì. Tình yêu ngày xưa, mấy chục năm rồi. Bây giờ muốn gặp lại nhau đi uống nước, đi nhắc lại kỷ niệm xưa, tha hồ mà bác.



Hùng bắt giặc lặc đầu. Ôi giá mà thế được. Ông những muốn nói hết với cái Thương. Con ơi, chính bác là bố ruột của con đây. Con nhìn cái miệng này, đôi mắt này của bố có giống hệt con không? Con về xem lại ngày cưới của bố mẹ với ngày sinh của con đi, chỉ cách nhau chừng bảy tháng. Thế thì làm sao mà con khỏe mạnh như thế này được hả con? Bố đã đến tận nhà hộ sinh rồi, đã biết là con sinh ra nặng ba cân rưỡi. Một đứa bé thiếu tháng thì không thể nào hoàn chỉnh như con được... Thương ơi. Hùng muốn được nói tất cả, được khóc với cô con gái của anh. Nhưng rồi lại thôi. Anh biết anh mà thế là hồng hệt. Thúy sẽ một lần nữa giận điên lên. Thúy sẽ nguyên rủa anh, lại thêm một lần nữa không thể nào tha thứ cho anh. Đạo Thúy lấy chồng anh cũng hơi tiêng tiếc nhưng rồi lại tặc lưỡi bỏ qua. Và rồi anh yêu hết cô này sang cô khác. Nhưng thực ra anh chẳng yêu ai mà chỉ yêu chính bản thân mình. Anh đã quên hẳn cô. Từ ngày ấy anh và Thúy không hề gặp nhau. Rồi anh cũng lấy vợ, có con. Chỉ có điều từ ngày vợ chồng anh chuyển vào thành phố Hồ Chí Minh, thằng bé con anh chẳng may bị tai nạn xe máy mất một chân và bị chấn thương sọ não nay như người ngớ ngẩn. Đứa thứ hai thì èo uột, lên mười rồi vẫn chưa học xong lớp bốn vì quá yếu.

Lần này anh trở ra Hà Nội và bỗng nhiên gặp Thúy dắt cái Thương Thương đi trong siêu thị. Nhìn thấy con bé anh chột bàng hoàng, tim nhói đau lên. Chao, nó giống anh quá. Giống hệt cái ảnh mẹ anh hồi bé mà anh vẫn giữ. Anh kín đáo đi theo hai mẹ con nhưng nép sau các ngăn hàng không cho họ biết. Rồi anh lân la tìm cách điều tra về Thương Thương. Hiệu trưởng trường con bé học lại là bạn cũ của anh. Thôi đúng rồi. Ngày ấy... Minh đã yêu Thúy biết bao nhưng cũng đã thất vọng biết bao và Thúy đã nhận ra sự thờ ơ của mình. Cái đêm Thúy gọi điện rất khuya phải chăng là để báo tin là đã có bé Thương Thương...?

## HUỶNH ÁI TÔNG

Anh muốn ngồi đây mãi với cô bé khỏe khoắn xinh tươi, máu mủ ruột rà của anh. Ôi con gái yêu quý. Trời đã phạt anh vì anh lỡ bỏ rơi nó, bỏ rơi Thúy suốt quãng thời gian cô cần anh nhất. Anh đã chơi bời và chán ngấy tất cả. Anh đã lấy vợ và muốn có một gia đình tràn đầy tiếng cười trẻ thơ nhưng không thể nữa rồi. Gia đình bây giờ nhiều tiếng khóc hơn. Anh phải gặp Thúy, xin cô tha thứ cho anh được nhận bé Thương...

Hùng đứng lên:

- Thôi cháu về đi kéo muộn, cho bác xin cái chứng minh. Để rồi ngày mai bác sẽ tìm gặp mẹ.

- Vâng. Cháu chào bác ạ.

Cái Thương ngoan ngoãn đứng lên, nhưng nó đã rất tinh ranh, nó giấu nhem một trong những bức ảnh của ông Hùng vừa cho xem vào cặp.

\*\*\*

Ngày mai Thương Thương lấy chồng. Đêm cuối cùng ở nhà bố mẹ, cô giành ôm mẹ ngủ, đẩy bố sang phòng cu Thiệp. Co rúc vào nách mẹ, ôm ngang ngực bà nũng nịu:

- Mẹ ơi, ngoài bố ra mẹ có yêu ai nữa không? Mẹ kể cho con đi.

Bà Thúy vuốt tóc con gái, thờ dãi:

- Cả đời mẹ chỉ yêu có một người thôi, đó là bố của con, con gái ạ.

Thương Thương trợn mắt:

- Con ứ chịu đâu. Con lớn rồi, mẹ phải nói thật cơ.

- Sao con lại bảo mẹ không nói thật với con?

Cô con gái cúi xuống cái túi xách để dưới chân giường, giấu một tấm ảnh ra sau lưng, cười thật tươi:

- Con biết hết rồi mẹ ơi. Mẹ có chịu nói với con là mẹ đã yêu người trong tấm ảnh này không?

Thúy vươn người giằng lấy tấm ảnh và sững sờ kêu lên:

- Ai đưa cho con? Từ bao giờ?

Thương Thương ôm mẹ, rủ rì:

- Bác Hùng đẩy mẹ ạ. Bác ấy cho con xem bao nhiêu là ảnh mẹ chụp với bác, con giấu nhem chiếc này mà bác không biết nhá. Nhưng đã lâu lắm rồi. Bác ấy muốn con nói với mẹ cho bác gặp, con bảo bác cứ đến nhà hoặc đến cơ quan thoải mái. Bác nói là sẽ gặp mẹ mà. Thế bác không dám hỏi mẹ?

Thúy hơi ngần ngại. Con gái đã lớn rồi. Hay là nói cho nó biết tất cả? Nhưng không. Không. Cô không thể phản bội lòng tin, tình yêu của Hiệp dành cho cô và con. Thúy bất giác ngồi lên, điềm đằm nhìn vào mắt cô con gái:

- Có con ạ, bác có gặp mẹ nhưng mẹ đã quên bác rồi. Bác ấy bảo ngày xưa yêu mẹ nhưng mẹ có để ý gì đâu. Hồi ấy mẹ còn nhỏ hơn con bây giờ, đi chụp ảnh với bạn bè là chuyện bình thường, con chả thấy mẹ có hàng đóng ảnh chụp với các bạn trai đó sao?

Bà Thúy xoa đầu con gái ngủ. Thương Thương vô tư không nghi ngờ gì. Mẹ nói đúng. Bọn con trai giàu tưởng tượng, cứ

## HUỶNH ÁI TÔNG

nghĩ cô nào cũng yêu mình. Đồ điên. Cô ôm mẹ cười khúc khích rồi ngủ một giấc say.

Nhưng bà Thúy thì không sao ngủ được. Quá khứ xa lắc xa lơ với sự hiện hữu của con gái chưa bao giờ thôi hành hạ bà. Bà chỉ yêu một người là bố của Thương Thương, là Hùng. Cho đến bây giờ vẫn thế. Tình yêu mà bà không thể nào tự giải thích được, không thể nào quên đi được. Nhưng bà phải làm như đã quên, phải làm sao con gái chỉ biết có bố Hiệp của nó thôi. Chỉ bà và ông Hiệp biết nó không phải là con đẻ của ông, một điều ấy thôi cũng đủ để bà tận tụy với ông và các con suốt một đời.

Trích thơ:

### Con đường

*Nếu anh đi với người yêu  
Chỉ mong anh nhớ một điều nhỏ thôi  
Con đường ta đã dạo chơi  
Xin đừng đi với người nào khác em*

*Hàng cây nay đã lớn lên  
Vươn cành để lá êm đềm chạm nhau  
Hai ta không biết vì đâu  
Hai con đường rẽ ra xa nhau hoài*

*Nếu cùng người mới dạo chơi  
Xin anh tránh nẻo đường vui ban đầu.*

### Hà Nội mùa Thu

*Lâu lắm rồi mới ra đường buổi tối  
Hà Nội vào thu quá dịu êm  
Gió rất nhẹ làm ánh đèn xao động*

Và như xao động cả màn đêm  
Đường phố vẫn đông người qua lại  
Những đôi lứa nắm nhẹ tay nhau  
Từng tốp em trai và em gái  
Đạo trên đường riu rít bên nhau  
Một vài quán nước ánh đèn xanh  
Kê ghế ra hiên đón gió lành  
Vài bác về hưu ngồi đàm đạo  
Thoáng nhìn như cảnh ở trong tranh  
Như chẳng hề suốt ngày bận rộn  
Những công trường xưởng máy lò hơi  
Như chẳng hề suốt ngày tấp bập  
Trong bụi đường áo lấm mồ hôi  
Buổi tối mùa thu êm dịu quá  
Hoa sữa thơm ngào ngạt khắp đường  
Đã bao mùa đến rồi đi mất  
Vẫn ngỡ ngàng mùa thu quê hương.

### **Không chắc chắn**

Vắng anh tôi không khóc không buồn  
gặp anh tôi không thấy choáng váng  
nhưng xa lâu tôi thấy mình thiếu thốn  
tôi thấy mình mong nhớ ai  
và lòng buồn tôi lại hỏi tôi  
tình yêu hay tình bạn?

Anh đi xa tôi không nhớ ngay đâu  
nhưng thỉnh thoảng anh hiện về trong tâm trí  
tôi băn khoăn suy nghĩ  
bạn hay yêu?

Đôi khi tôi có chuyện khó đau  
tôi không nghĩ phải cùng anh thổ lộ  
chân cứ bước lang thang trên phố

HUỶNH ÁI TÔNG

*bỗng bất ngờ tới trước cửa nhà anh  
cái gì với tôi đây  
bạn hay yêu đó?*

*Và một tối ngoài trời mưa gió  
dưới ánh đèn ta trò chuyện lan man  
tôi tưởng mình chết đi trong sự dịu dàng  
nhưng trái tim đập dồn cho biết tôi còn sống  
trái tim đập vang câu hỏi lớn  
bạn hay yêu?*

**Không hề**

*Đâu đây trong cuộc sống đời thường của em  
Ngày tháng vui buồn có anh  
Như niềm hy vọng mong manh  
Cầm tay rồi lại hoá thành giấc mơ  
Mặt trời dằm thắm thiết tha  
Mà tia nắng ấm bên ta vô hình  
Nghĩ về anh, nghĩ về anh  
Mơ hay thực cũng không đành trong em  
Chỉ khi buồn khổ yếu mềm  
Nâng em dậy có lòng tin một người  
Anh là thực đấy anh ơi  
Trong em sáng một mặt trời thân yêu  
Ta như hai đứa trẻ nghèo  
Quả ngon chỉ dám nâng niu ngắm nhìn  
Đừng bao giờ nhé, chín thêm  
Sợ tan mất giấc mơ em một thời.*

**Một người**

*Căn phòng vắng một người  
Bỗng trở nên trống vắng  
Không còn gì ấm cúng  
Không còn gì vui tươi*

Bữa ăn vắng một người  
Tìm đâu ra mùi vị  
Khói cơm cay mắt thế  
Bây giờ em mới hay  
Hun hút hai hàng cây  
Gió thổi dài ngơ ngác  
Thành phố vắng một người  
Đường không ai dạo chơi

Một người mang đi hết  
Bao nhiêu là thông minh  
Chẳng còn ai hóm hỉnh  
Ai cũng đều nhạt tênh  
Tắm ván nằm chông chênh  
Sao rơi như nước mắt

Lòng em nghiêng về anh  
Để tháng ngày vắng ngắt  
Đi dọc dài đất nước  
Không còn ai đón đưa  
Không còn ai chờ đợi  
Không ai mà viết thư  
Dẫu bao nhiêu bài thơ  
Chỉ mình em đau xót  
Một mình như trái đất  
Em bây giờ không anh...

### **Trời Và Đất**

Chiều nay chắc giận em ghê lắm  
Anh bực mình triết lý lung tung  
Hai đứa ta như trời với đất  
Tình tình sao xung khắc vô cùng  
Vâng, trời đất chẳng hề thân thiết  
Và tình tình có giống nhau đâu

## HUỶNH ÁI TÔNG

Trời vui buồn ồn ào lộ liễu  
Đất trầm tư suy nghĩ trước sau  
Anh ơi! Nếu ví được cao xa như thế  
Em cũng chẳng là trời đất gì đâu  
Nhưng anh có biết không? trời đất  
Sẽ chẳng là gì nếu thiếu nhau  
Nhưng trời đất dẫu cao xa lồng lộng  
Tính vẫn thường bồng bột đổi thay  
Khi giận dữ bão nghiêng đất lở  
Bão tan rồi trời xanh ngây thơ  
Đất khiêm nhường màu xanh lay động  
Và thẳm sâu lặng lẽ sinh sôi  
Trên mặt đất chính là cuộc sống  
Có cần chi biện bạch nhiều lời.

### Hương thơm

Khung cửa sổ hai nhà cuối phố  
Không hiểu vì sao không khép bao giờ .  
Đôi bạn ngày xưa học cùng một lớp  
Cây bưởi sau nhà ngan ngát hương đưa .

Giấu một chùm hoa sau chiếc khăn tay ,  
Cô gái ngập ngừng sang nhà hàng xóm ,  
Bên ấy có người ngày mai ra trận

Họ ngồi im không biết nói năng chi  
Mắt chọt tìm nhau rồi lại quay đi ,  
nào ai đã một lần dám nói ?

Hoa bưởi thơm cho lòng bối rối  
Anh không dám xin ,  
Cô gái chẳng dám trao  
Chỉ mùi hương đậm ấm thanh tao  
Không dẫu được cứ bay dịu nhẹ .



*Cô gái như chùm hoa lặng lẽ  
Nhờ hương thơm nói hộ tình yêu .*

*( Anh vô tình anh chẳng biết điều  
Tôi đã đến với anh rồi đấy ...)*

*Rồi theo từng hơi thở của anh  
Hương thơm ấy thấm sâu vào lòng ngực  
Anh lên đường  
Hương thơm sẽ theo đi khắp*

*Họ chia tay  
Vẫn chẳng nói điều gì  
Mà hương thơm mãi bước người đi*

### **Đám cưới ngày mùa**

*Lúa đồng đang gặt rộ  
Cau chín ngang mái nhà  
Gió heo may gọi rét  
Cây rom vàng như hoa*

*Chú rể là bộ đội  
Về phép rồi đi xa  
Cô dâu bằng lòng cưới  
Má ửng lên thẹn thò*

*Thóc vun thành luống cao  
Mây tuốt lúa ngừng reo  
Loáng cái, sân hớp tác  
Đã hoa dăng đèn treo*

HUỶNH ÁI TÔNG

*Nước chè tươi sóng sánh  
Làm say ông trăng tròn  
Bọn trẻ say tiếng hát  
Miệng cứ hò reo luôn*

*Các cụ ông say thuốc  
Các cụ bà say trâu  
Còn con trai con gái  
Chỉ nhìn mà say nhau.*

Trên Bách Khoa toàn thư mở Wikipedia, có nhận xét về thơ của Phan Thị Thanh Nhàn như sau:

*“Phan Thị Thanh Nhàn viết nhiều thơ tình, theo năm tháng, những bài thơ tình của bà từ nhẹ nhàng, tươi tắn chuyển sang giàu trải nghiệm, trăn trở nhưng độ lượng hơn. Nhưng dù thế nào, những bài thơ của bà vẫn rất chân thành, gần gũi và vì thế chiếm được chỗ trong lòng người đọc. Bài thơ Hương thầm của bà đã được nhạc sỹ Vũ Hoàng phổ nhạc năm 1984 và cũng trở nên nổi tiếng, cái Hương thầm ấy vẫn sẽ còn lan tỏa”*

Tài liệu tham khảo:

- Nguyễn Thị Thanh Nhàn Web: [vi.wikipedia.org](http://vi.wikipedia.org)
- Bàn lãnh đàn bà Web: [thanhvien.com.vn](http://thanhvien.com.vn)

## 11. Đỗ Chu



### Đỗ Chu – Chu Bá Bình (1944-20 )

Nhà văn Đỗ Chu tên thật là Chu Bá Bình, sinh ngày 5 tháng 2 năm 1944 tại xã Quảng Minh, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang. Ông học cấp III trường Hàn Thuyên (Bắc Ninh) đầu những năm 1960. Lúc đó Đỗ Chu đã có bài *Ao làng* in trên Tạp chí Văn nghệ Quân đội. Ông đã học qua trường bồi dưỡng viết văn Hội Nhà văn Việt Nam khóa II (1965).

Vào năm 1966, Bộ Tư lệnh Phòng không Không quân tổ chức trại viết các gương điển hình trong chiến đấu chống Mỹ. Đỗ Chu được giao phụ trách trại, viết về liệt sỹ Phan Đăng Cát rồi anh viết truyện ngắn *Phù sa*, làm cuốn sách cùng tên. Trước đó Đỗ Chu có 3 truyện đã in chung cùng hai tên tác giả khác là Trúc Hà, Văn Ngữ trong tập *Hương cỏ mật*.

Ông từng là lính cao xạ thuộc quân chủng Phòng không - Không quân những năm chống Mỹ.

## HUỶNH ÁI TÔNG

Viết truyện ngắn từ khi còn là học sinh trường phổ thông trung học Hàn Thuyên (Bắc Ninh). Hai mươi tuổi đã được nhiều người biết đến với các truyện ngắn nổi tiếng đương thời như: *Thung lũng cò*, *Hương cỏ mật*, *Chiến sĩ quân bưu*...

Năm 1975 ông chuyển ngành sang công tác tại Hội Nhà văn Việt Nam. Giống các nhà văn Chu Lai, Nguyễn Văn Linh...ông đã sống và viết nhiều trong quân ngũ.. Đỗ Chu từng là Trưởng ban Nhà văn Trẻ khóa VI.

Năm 1987, Đỗ Chu sang Liên Xô, học lớp cao cấp văn học tại Trường Viết văn M.Gorki. 2 năm sau, ông có tập truyện ngắn *Mảnh vườn xưa hoang vắng*, tiếp đến là tập tùy bút *Những chân trời của các anh*. Từ đó đến nay, ông vẫn miệt mài đọc và miệt mài viết.

Đỗ Chu đã nhận được các giải thưởng:

- Giải thưởng Nhà nước về Văn học - Nghệ thuật năm 2001.
- Giải thưởng Hội Nhà văn Việt Nam năm 2002.
- Giải thưởng Văn học ASEAN năm 2004 cho tập truyện ngắn *Một loài chim trên sóng*.
- Giải thưởng Hồ Chí Minh về Văn học - Nghệ thuật năm 2012 cho các tác phẩm *Một loài chim trên sóng*, *Tản mạn trước đèn*.

Tác phẩm:

- *Hương cỏ mật* (tập truyện, 1963)
- *Phù sa* (tập truyện, 1966)
- *Tháng Hai* (tập truyện, 1969)
- *Trung du* (truyện ngắn, 1967)
- *Gió qua thung lũng* (truyện ngắn, 1971)
- *Vòm trời quen thuộc* (truyện ngắn, 1969)
- *Đám cháy trước mặt* (truyện ngắn, 1970)
- *Những chân trời của các anh* (tùy bút, 1990)

- *Mảnh vườn xưa hoang vắng* (truyện ngắn, 1989)
- *Một loài chim trên sóng* (truyện ngắn, 2001)
- *Đỗ Chu truyện ngắn tuyển tập* (2003)
- *Tản mạn trước đèn* (2004)...

Trích văn:

### **Đi trên đường Hà Nội** *Tùy bút Đỗ Chu*

Sự không biết xấu hổ rất dễ trở thành căn bệnh tệ hại, nó có thể hủy hoại, làm hoen ỉa sức sống một dân tộc và cũng chỉ có thể chiến thắng nó bằng sức mạnh lấy từ chính niềm tự hào và tự trọng dân tộc.

Những chiều đông Hà Nội ngồi bên vỉa hè uống chén trà nóng ngắm rặng bàng khô khăng trút lá, thử hình dung mùa đông Hà Nội 1946. Nghe nói dạo đó rét cắt da cắt thịt, vài cụ già thì thảo trời đất này không khéo loạn to, ngoài cánh đồng mạ chết cá nổi, vừa qua đợt đói giờ lại đến mùa màng khô héo.

Vào một chiều như thế bác sĩ Nguyễn Văn Luyện - nhà trí thức yêu nước nổi tiếng sang trọng đất Hà Thành đột ngột đến nhà một người bạn trong cái ngõ vắng thưa thớt người qua lại. Ông đi một mình như mọi bận nhưng lần này là để tiến hành một việc trọng đại. Nghĩ là ông tự đi hỏi vợ cho thằng con trai duy nhất, mẹ nó chả còn, từ nhiều năm nay ông sa vào cảnh gà trống nuôi con.

Bên nhà bạn cũng hiếm hoi chỉ có một cô con gái. Hai ông cùng học thuở còn ở Trường Bưởi, xong hệ tú tài một ông vào trường thuốc Hà Nội, một ông qua Paris vào ngành khí tượng - thủy văn, tốt nghiệp về nước làm ở đài Phủ Liễn Kiến An. Đầu năm này xảy ra vụ Nhật - Pháp bắn nhau thế là ông chán bỏ về nằm nhà, nói đùa với các bạn moa từ nay thành thằng kỹ sư

thất nghiệp, ăn hại vợ con mất rồi, thời tiết nhìn chung không lấy gì làm đẹp.

Hôm đó họ ngồi với nhau nói chuyện được một lúc thì ông kỹ sư đứng dậy gọi bà vợ xuống, một lúc sau bà đứng dậy gọi cô con gái xuống. Cô con gái hôm ấy mặc áo dài lụa màu nâu nhũ. Thoáng trông thấy bóng cô ông bác sĩ cười bằng một nụ cười âm sáng như thể ông đã để dành nó từ bao năm tháng.

Bác đã muốn sang nói chuyện này từ lâu mà nay mới có dịp. Hoàng nhà bác bỏ Trường Y ra nhập Vệ quốc đoàn mấy tháng nay rồi, giờ nó đứng bảo vệ Bắc Bộ Phủ. Tình hình nước nhà lúc này đang rất khó, đã có lệnh cho đồng bào tản cư, một chốc nữa bác phải xuống dưới Bạch Mai đốc thúc chuyển bệnh viện ra ngoài. Bởi thế bác tính nên qua bên này sớm, trước là để thưa chuyện với hai bác sau là với cháu. Cả hai bên đều muốn chúng mày nên vợ nên chồng, bất luận thời thế chuyển vần ra sao hai đứa vẫn phải tựa lưng vào nhau mà cùng lo liệu, chúng tôi đều già rồi, anh chị còn trẻ, cứng cáp lên.

Thế là lễ chạm ngõ kết thúc. Chiều mai sẽ là lễ ăn hỏi. Sự thực cũng không ăn uống gì và cũng chẳng cần hỏi han gì nữa. Hôm sau đoàn nhà gái vẫn chỉ có bác sĩ Luyện đi trước, theo sau là anh con trai vốn sinh viên năm thứ hai giờ áo trấn thủ mũ ca-lô đính sao vàng, đôi giày cao cổ lộp cộp và một chiếc ba lô trên vai. Trong ba lô là ít hoa quả, mứt sen, bánh cốm, mười bao thuốc lá, mười gói trà bọc giấy đỏ. Mà hóa ra kịp tìm trâu cau. Đơn sơ đến cảm động. Bà kỹ sư mang mâm gỗ ra xếp mọi thứ để con rể bung lên bàn thờ thắp hương tổ tiên. Cô dâu, chú rể nấp sau lưng mẹ tay chấp trước ngực sì sụp lạy bái theo sự hướng dẫn của bà, cũng là lần đầu trong đời họ quỳ trên một chiếc chiếu điều vùng Kim Sơn.

Trước lúc ra về, ông Luyện đứng lên giao hẹn xin được đón dâu ngày một ngày hai, hai nhà đều thấy không cần phải làm

đám cưới linh đình vào lúc này. Hình như đây là những ngày gấp gáp với họ. Anh con rể ngồi lại nói chuyện với bố vợ, họ dùng tiếng Pháp, đã thành một thói quen nghề nghiệp ông bao giờ cũng bắt đầu vào chuyện bằng một câu ngắn gọn đẹp trời, c'est il fait beau temps.

Đợi ông nói một lúc lâu cho đã, bà mới giục lên gác để hai con còn bàn chuyện riêng. Thoạt đầu cô bối rối, lí nhí trả lời, sau dần dần đối đáp trôi chảy. Đã thấy có tiếng cười khúc khích trong câu chuyện của họ. Tuy hai nhà là chỗ đi lại nhưng lâu nay mỗi khi gặp nhau ngoài đường họ vẫn chỉ dùng mấy lời thăm hỏi vừa đủ, thành vợ thành chồng cô bỗng có một cảm giác bàng hoàng, cô thấy anh gần gũi quá, người dễ mến dễ tin vậy mà sao cô không sớm nhận ra.

Khuya. Họ nép mình bên nhau cùng đi về nơi anh đóng quân, vừa đi vừa đứng, chỉ vài con phố dẫm bước chân mà tảng sáng mới chia tay. Thấp thoáng sau màn sương trắng đục, dưới những vòm cây, bóng các chiến sĩ ta chuyển động. Một ngày căng thẳng nữa lại đến.

\*

\*\*

Thêm một chiều anh về xin phép cha mẹ đưa cô đi chơi. Bàn nhau lên mạn hồ Tây nhưng đến chùa Trấn Vũ vừa kịp thấy một mảng nước thì anh em trên ấy cản lại, cho biết từ ban trưa tụi lê dương đã mang xe tăng dàn quân dọc đường Yên Phụ. Anh có sáng kiến, ta sẽ quay về bằng giao thông hào, cũng là muốn cho em đủ mừng tượng thế nào là trận địa chiến, thế nào là đánh giáp lá cà, đánh phòng ngự, đánh cầm cự.

Giao thông hào xuyên qua đường qua nhà, vòng vo mạng nhện, đục tường khoét gạch tạo thế liên hoàn. Dọc đường họ gặp những đám đông người vác gươm, người vác dao, vác búa đi

lại bên những ụ súng. Có anh chỉ huy đứng chiếu ống nhòm chỉ chỗ tứ tung các hướng. Ngón ngang là sập gụ tủ chè, cối giã giò, lọ lục bình, máy hát, công giã xà dọc xà ngang. Rất nhiều thứ lạ mắt cô không sao đoán nổi ngày thường dùng để làm gì, tất cả được mang ra chòng chát chiến hào.

Về đến Hàng Gai đã thấy thắm mệt bảo nhau dừng chân tạm nghỉ. Anh dắt cô chui qua một mảng tường đổ bước vào mảnh sân vắng vẻ có cây dâu lớn cành lá xanh um. Vừa ngồi xuống ông chủ nhà ở đầu hiện về, ngực mang một chiếc máy ảnh có ống tê-lê. Với phong độ nghệ sĩ ông bảo hai người ngồi nhích lại gần cây dâu để ông cho một kiểu ảnh kỷ niệm. Chụp xong ông mở sô tay xin địa chỉ phòng có lúc mang ảnh đến tặng họ. Anh lấy địa chỉ nhà vợ bảo ông ghi, nghĩ lại cũng thấy lạ lúc ấy sao anh lại không dùng địa chỉ nhà bên ấy. Ông nhiếp ảnh vui chuyện kể quê ông làng Lai Xá, cả làng theo nghề ảnh, nhiều người làm ăn trong Sài Gòn, bên Cao Miên, Ai Lao. Cụ tổ làng lặn lội sang Pháp mang nghề này về từ đầu thế kỷ. Mấy tuần lễ nay ông lang thang khắp thành phố chụp hàng trăm tấm ảnh thời sự định lúc nào đó sẽ có bộ sách ảnh đặt tên cho nó là Nhớ về Hà Nội một mùa đông rực lửa! Anh bàn góp, ý đồ rất hay nhưng cái tên sách dài quá, tôi mơ có một quyển như thế với tên gọi Mùa đông ấy.

Chia tay với ông, họ tìm đường đi về hướng Bắc Bộ Phủ. Đến một góc phố lại trông thấy mảng nước xanh, họ rất muốn làm một vòng quanh hồ mà không thể. Đứng nhìn mảng nước ấy anh nói, trên trái đất này rất nhiều thành phố có hồ, hồ của người ta cũng đẹp lắm, lại lớn nhưng với chúng ta thì chỉ có hồ Gươm là thiêng liêng yêu dấu nhất. Bởi nó đã là tấm gương soi lịch sử dân tộc, và nó cũng là tấm gương soi khuôn mặt mỗi người.



Đêm ấy chị đứng nhìn theo bóng anh bước vào khoảng sân cỏ rộng sau nhà Bắc Bộ Phủ, dáng anh cao lớn khác thường, những bước đi mềm mại của loài báo gấm.

Vào khoảng 9 giờ tối, lúc đó cha đang ngồi dò sóng radio bất ngờ gọi vợ con đến để nghe tiếng Cụ Hồ kêu gọi toàn quốc kháng chiến. Cả nhà không ai ngủ nữa, thức chờ cái gì đó. Nửa đêm đèn vụt tắt, thành phố tối đen. Rồi tiếng đại bác từ Pháo Đài Láng bay vù vù vào thành Hà Nội. Những cột lửa bắt đầu cháy lên. Sáng sớm nghe có nhiều tiếng súng mạn Cửa Bắc, Cửa Đông. Cha chạy ra đường nghe ngóng rồi về thông báo, quân ta quân Pháp đang giao chiến trên chợ Đồng Xuân và chợ Hồ Nai, Hàng Bún. Cũng là còn đang giằng co lâu.

Chiến sự nổ khoảng một tuần anh đến xin phép cho vợ chồng được về sống bên nhà vài ngày vì ông Luyện chuẩn bị lên chiến khu, nội đêm nay hoặc đêm mai là có người đón.

Lại bước vào ngôi biệt thự trắng trong mảnh vườn có những cây táo sù sì gai và giàn hoa giấy cũng gai. Lại bước từng bước lên cái cầu thang lát gỗ thơm từ những năm tuổi thơ đã được theo cha cho đến đây thăm bác Luyện.

Ngồi trong phòng ông đón hai con bằng một nụ cười mà ông vẫn có ý để dành cho chúng. Cô thừa, ba thấy còn cần phải chuẩn bị thêm gì thì để con làm. Cảm ơn con, sẵn sàng cả rồi, hai đứa ngồi xuống đi. Ông ngồi đấy như nhiều năm nay vẫn ngồi, đôi bàn tay rộng đan vào nhau bằng những ngón tay thầy thuốc.

Lúc lâu ông xem đồng hồ rồi bảo, hai đứa mang nhau về phòng, quá giờ hẹn rồi, đợi thêm ít phút nữa ba cũng sẽ đi nghỉ. Ông đứng lên bước tới gần khung cửa sổ. Màn sương mung lung, bên ngoài im ắng không người qua lại. Thành phố đang chìm vào một sự yên tĩnh giả dối. Trước mặt ông là một quảng

trường rộng, gọi là ngã sáu đường Boulevard Careau, tên một viên tướng Pháp. Nhà ông nằm ở một góc quảng trường, phía bên kia là tòa Thượng Thẩm, nhà ngục Hỏa Lò, một con đường lớn bắt đầu từ cổng trường đại học, xuôi xuống phía dưới là khu Ga Hàng Cỏ. Ông mong đến ngày nước nhà giành độc lập, đại lộ có ngôi nhà của ông sẽ được mang tên một người anh hùng dân tộc mình, như đại lộ Lý Thường Kiệt chẳng hạn.

Tảng sáng, ông Luyện gõ cửa giục hai đứa phải dậy nhanh, quanh nhà đang có những kẻ lạ mặt đi lại nom rất khả nghi. Anh còn đang ôm vợ trong lòng, hai đứa ở trần như nhộng, nghe tiếng bố gọi họ hoảng hồn choàng cả dậy. Mặc quần áo xong chạy ra phòng ngoài. Ông Luyện giơ ngón tay chỉ hướng cửa sổ. Anh lom khom nhòm ra. Rồi anh thần nhiên thừa, con đưa nhà con về bên kia sẽ quay lại ngay. Ông nói, đưa em về xong con cũng nên về thẳng đơn vị, ở đây có thể nào một mình ba đối phó được. Con được chỉ huy cho về vài ngày mà ba. Ông gắt, chỉ huy cho phép anh về với tôi nhưng tôi lại cho phép anh về với chỉ huy.

Vợ chồng dắt nhau nhảy ra đường, cầm đầu cầm cổ chạy. Tới đầu phố nhà anh ôm chặt chị và dặn, em đi một mình được rồi, anh phải về với ba. Hôm nay rất có thể chúng sẽ nóng ra chiếm con đường nhà mình. Nửa thế kỷ nay nó vẫn được gọi là phố Tây mà. Non trưa quả có tiếng tăng bò từ Cửa Nam vào ngã sáu. Súng lớn súng nhỏ loạn xạ, lúc đi ùng lúc lết đệt. Qua chiều ông kỹ sư khí tượng nóng ruột quá mới đánh liều mò lên nghe ngóng xem thử tình hình thế nào. Quay về mặt ông buồn rười rượi, ngồi rũ trong nhà chẳng nói chẳng rằng. Ông kể, bọn chúng vây quanh nhà bác Luyện bác loa gọi đầu hàng thì sống chống lại thì chết. Thăng quan ba gọi bằng tiếng Pháp. Thăng thông ngôn gọi bằng tiếng Việt. Hàng phố ngồi trong nhà nghe rõ mồn một. Có tiếng súng lục từ trong nhà bắn liên mấy phát trả lời. Bọn Pháp hò nhau lao tới, đứa ném lựu đạn, đứa lia súng. Lúc mấy thằng lom khom leo lên cầu thang có hai phát

súng lục bắn ra dọa, chúng phải lùi. Rồi một chốc chúng mang súng máy vào nhà bắn xối xả. Sau đó hò nhau xông lên. Lúc bấy giờ thằng Hoàng rút kíp lựu đạn, hai thằng giặc đổ đê lên xác cha con. Chúng kéo xác họ ra khúc đường sau tòa Thượng Thảm. Mấy hôm nay tử sĩ chất đống chỗ đó. Hóa ra thằng Hoàng trong tay chỉ có một quả lựu đạn, còn bác Luyện mới là người dùng súng. Lúc ngã súng vẫn còn nằm trong tay chỉ hiem hết đạn mất rồi. Bà kỹ sư mê máu, có bảo bác ấy cầm dao thầy thuốc mổ xẻ thì tôi tin chứ bác ấy có để tâm đến súng đạn bao giờ. Ông cứ nghe người đòi bịa tạc chứ đã nhìn thấy đầu mà kể như thật. Tôi nói một sự thật, thưa bà. Đây là từ thằng thông ngôn Việt gian đã kể lại với người bạn tôi vốn là thầy dạy tiếng Pháp của nó. Như thế liệu bà đã chịu tin chưa. Rồi ông đứng dậy lau bầu như chửi đổng, một ngày xấu, c'est il fait mauvais temps.

Suốt mấy tháng trời nhà đóng chặt cửa, không khách khứa, không tiếng động, mỗi người một góc. Cô con gái rầu rĩ ngày dài, ông bà kỹ sư lo không khéo con bé này phát điên thì khô. May mắn con bé đã không điên nhưng nó nhanh chóng hóa thành một góa phụ mười tám tuổi.

Thế rồi mấy năm sau ông bà kỹ sư lần lượt qua đời để lại một người con gái nay thành bà cô trông nom nhà cửa thấp hương tổ tiên. Và ngong ngóng chờ đợi một cái gì đó chính cô cũng chưa nghĩ ra, chỉ lờ mờ thấy vậy thôi. Kháng chiến 9 năm kết thúc, Hà Nội giải phóng. Một ngày mùa đông có người đàn ông tìm đến đây gõ cửa, thoạt trông cô đã nhanh chóng vỡ lẽ, chính là mình đang đợi người này, đó là ông chủ hiệu ảnh Hàng Gai, quê làng Lai Xá.

Uống xong chén trà, ông mở túi đựng mang ra một phong bì rộng trong có tấm ảnh chụp đôi vợ chồng trẻ ngồi bên góc đầu sân nhà ông hồi nào. Ông từ tốn kể, những năm xa nhà tôi theo bước chân Trung đoàn Thủ đô đi khắp các mặt trận, vẫn nhớ

còn mắc nợ vì một lời hứa với anh chị, cũng may vẫn còn kịp. Nghe ông nói thế cô ôm mặt nức lên, đợi cô lau khô nước mắt ông nói tiếp, mới gặp tôi chưa biết anh ấy là con trai và chị là con dâu bác sĩ Luyện. Vài năm sau có một số người trong Trung đoàn xúm vào xem đồng ảnh tôi phơi ngoài đời cọ vì bị ướt trong lúc vượt sông Đà, họ reo lên, vợ chồng thằng Hoàng chứ còn ai vào đây nữa, sao mà chúng nó đẹp đôi thế! Sau đó các anh ấy đã kể cho tôi nghe sự hy sinh cao cả của bố con ông bác sĩ. Chắc chỉ ít lâu nữa họ sẽ tìm đến thăm chị.

Ông phóng viên nhiếp ảnh ra về, cô vội chạy đi kiểm khung kính lồng tấm ảnh vào, đặt lên bàn thờ. Rồi cô chấp tay khẩn khứa.

Em lồng vào khung tấm hình hai ta, bên góc dậu buổi ấy đặt lên bàn thờ là để thờ anh, cùng mỗi tình nặng nghĩa, anh biết, dậu nhất thiết phải đi bước nữa, ngăn ngui một hạnh phúc vậy thôi cũng đủ lắm rồi, cái em mất lớn đến mức không còn luyện tiếc gì thêm nữa.

Trên cõi đời này, ngày lại ngày vui với đàn chim, thầm anh trò chuyện, đã nghe quá nhiều đã thấy quá nhiều và khóc đã quá nhiều, đêm sâu hôn anh lướt bay đậu xuống em nỗi nhớ, gió bắc trời thấp mây đừng nhìn lên, chỉ tin nước mắt.

Ngày mai, lại ngồi bên đường tung thóc gọi chim về...

\*

\* \*

Nhiều lúc thấy như ông trời đang đùa con người ta. Nó khiến ta cười chán, buồn chán rồi sau cùng cũng phải sáng mắt ra. Có những giá trị xã hội tưởng mười mươi phải hết ý, phải là vô giá vậy mà bỗng một hôm ai cũng phải giật mình tự hỏi sao lại thế được nhỉ, sao có thể sa xuống một tình cảnh ma bùn đến vậy.

Từ đó ta không thể không ngẫm đến thân phận chính mình, không thể không thấy cần phải biết trân trọng những cách sống ít thềm khát thối, ít ồn ào thối và cũng nên ít quan trọng thối. Suy cho cùng cũng chẳng có gì quan trọng lắm. Trên đời hình như không có hiện hữu nào là bền vững lâu dài, họa chẳng chỉ có cái bóng mình để lại, trước hết là để lại với những người thân sau là với đời.

Suốt hành trình của mình con người đánh mất, để rơi rất nhiều, chỉ những gì được nó mang trong lòng là còn mãi. Tâm lòng đến với tâm lòng, trọn đời gìn giữ, truyền kiếp gìn giữ, đây là một sự thật hoàn toàn có thể có một khi nó muốn.

Trong cõi vô cùng của tạo hóa, sinh hoại vốn là lẽ thường tình, có bao nhiêu cách sinh thì có ngần ấy cách hóa. Nhà Phật nói tứ sinh tứ hóa. Ấm sinh là khuẩn mốc từ ẩm ướt mà ra, khỏa sinh là cái cây để lại hạt, noãn sinh là con gà con chim con rắn đẻ trứng, thai sinh là cách sinh của trâu bò chó lợn và người. Tất cả vẫn đang không ngừng biến hiện, tất cả vẫn đang có, từ cái nọ nhòa vào cái kia chứ chẳng phải đã biến mất. Ta nói chung đó là sự sống bất diệt. Trong sự biến đổi liên miên ấy của muôn loài chỉ riêng con người khi biến đi vẫn còn để lại bóng mình. Có điều, nếu cái bóng ấy mang một vẻ đẹp toàn bích thì chắc chắn sẽ bền lâu, sẽ hóa thành nỗi nhớ, là cái chết mọc cánh. Mà đó mới thật là của nả giàu có vô giá để lại cho mai sau, mãi mãi sống động trong tâm thức mọi người. Không gì nghèo nàn và đáng thương bằng một đám đông chỉ quen sống nhộn nhạo với một tâm thức thô lậu đến tội nghiệp, chẳng khác nào một cánh đồng hoang dần biến thành những tầng vĩa đá ong sống ngáp mòn mỏi. Trong cách nhìn của nhà địa chất, nhà nông học thì đây là một vùng đất đã bị bào nạo cho tới cỗi, đang ở trong quá trình latêrit hóa đáng lo ngại. Không thể nào nói khác được, đây chính là sự tha hóa nguyên khí nước nhà.

## HUỶNH ÁI TÔNG

Đi trên đường Hà Nội hôm nay một ngày là một ngày được lặng lẽ đồng hành với những năm tháng xa xăm tràn ngập tinh thần thuần Việt. Nhận ra điều đó ta chỉ còn biết nghẹn ngào thầm nói một lời tạ ơn, tự nhủ mình phải gắng lên sao cho xứng đáng với người đã khuất và để không phải thẹn thùng với con cháu.

Sự không biết xấu hổ rất dễ trở thành căn bệnh tệ hại, nó có thể hủy hoại, làm hoen ố sức sống một dân tộc và cũng chỉ có thể chiến thắng nó bằng sức mạnh lấy từ chính niềm tự hào và tự trọng dân tộc.

Vào những lúc không mấy dễ dàng, tôi thường tìm đến một câu dân ca miền Trung sao mà cứng cỏi.

*Một quả trứng ung, hai quả trứng ung, ba quả trứng ung, bốn quả trứng ung, năm quả trứng ung, sáu quả trứng ung, bảy quả trứng ung, một con điều tha, một con quạ bắt, con mắt cắt xoi, đừng than phận khó ai ơi, còn da lông mọc còn chồi nảy hoa...*

Và tôi càng thêm thương yêu một Hà Nội lấm láp, càng thêm tin một Hà Nội diễm nhiên, mỗi ngày tôi tìm trong từng bước đi của nó một danh dự đất nước. Mất gì cũng là mất nhưng đến mất danh dự mới là mất hết.

Sớm xuân, một nhánh mai ngày mới.

(Hà Nội, tháng Giêng 2013)

Trích thơ:

### **Bất chợt**

*Cách một bờ xa mơ hồ không thể tới  
trách một bờ hoa đong đánh trong mưa*

*tha thân nhất con sóng sông Thương  
thả xuống sông Cầu  
lần thân nhất đây vui  
thả vào trang sách  
Rồi một ngày  
bất chợt nhận ra đông  
tóc em sưng gió se long  
Tôi bỗng hiểu  
mình một đời lang thang  
trốn nhà đi tìm những gì không cần có  
quên phất những chiều đông  
cây Hà Nội cháy run cành bàng rụng  
em mong manh  
dáng vóc hao gầy  
Từ bao giờ chẳng rõ  
chim thoi riu ran rặng cây trước ngõ  
từ bao giờ chẳng rõ  
sân nhà ta lũ trẻ ít cười  
người ấy thành ít lời  
đôi mắt buồn lơ đãng gửi vào đâu  
và tôi òa lên bất chợt...*

(Hà Nội, tháng 8-2010)

### **Tháng Tư xa**

Kính tặng họa sĩ Trần Lưu Hậu

*Con mèo nhỏ lim rim bậu cửa  
tôi ngang qua không muốn nó giạt mình  
nắng thả những giọt vàng  
lung linh lung nó  
tôi biết lấy gì giát lên áo em  
từ độ ấy  
tôi buộc vào tôi nỗi thèm khát một đời*

HUỶNH ÁI TÔNG

*sóng sánh giếng thơm  
tháng tư hoa trâu rưng  
trắng ngần em trắng ngần hoa  
những cánh trắng ngần rập rờn xúi bẩy tôi  
thả sợi dây dài kéo gầu nước mát  
tươi lên lưng ong con gái  
đội vào ngực trần con gái  
tắm em anh tắm bằng hương  
tắm em anh tắm bằng thương  
tháng tư vời vời  
đường xa nhớ nhớ quên quên  
thất thểu bước cao bước thấp  
nhiều đêm dạ như sát muối  
rùng mình mỗi bận trâu rưng hoa  
ói a ai áy ời  
trăng lên trăng đứng trăng tà  
hình như ngoài kia có người đang hát  
ai áy ngoài kia ời*

(Hà Nội, tháng 9-2010)

Trên Bách khoa toàn thư mở Wikipedia, Đỗ Chu được đánh giá:

*Ông là nhà văn thành công trong thể loại truyện ngắn và bút ký văn học với những tác phẩm đã đi vào lòng bạn đọc nhiều thế hệ. Phần lớn tác phẩm của ông đều lấy đề tài từ các làng quê, đạo lý của con người và phong tục tập quán dân tộc... Về mảng tùy bút ở Việt Nam, tài năng của ông được đánh giá là chỉ sau Nguyễn Tuân.*

Tài liệu tham khảo:

Đỗ Chu web: [vi.wikipedia.org](http://vi.wikipedia.org)

Đi trên đường Hà Nội Web: [baomoi.com](http://baomoi.com)



## 12. Ý Nhi



### Ý Nhi – Hoàng Ý Nhi (1944-20 )

Nhà thơ Ý Nhi tên thật là Hoàng Ý Nhi, sinh ngày 19 tháng 9 năm 1944 tại Hội An, Quảng Nam.

Ý Nhi đã theo học tại các trường Học sinh Miền Nam số 8 và số 13 tại Hải Phòng.

Năm 1964, Ý Nhi theo học khoa Ngữ Văn tại Đại học Tổng hợp Hà Nội.

Sau khi ra trường đã làm việc tại Viện Nghiên cứu văn học, nhà xuất bản Văn nghệ giải phóng, nhà xuất bản Tác phẩm mới, sau này là nhà xuất bản Hội nhà văn.

Được Giải thưởng Hội Nhà văn Việt Nam năm 1986, cho tác phẩm *Người đàn bà ngồi đan*.

Sau này, sinh sống cùng gia đình tại Tp. HCM.

Tác phẩm:

HUỶNH ÁI TÔNG

- *Đến với dòng sông* (Tác Phẩm Mới, 1978)
- *Cây trong phố chờ trăng* (in với X. Quỳnh, Hà Nội, 1981)
- *Nỗi nhớ con đường* (in với Lâm Mỹ Dạ, Văn Học, 1984)
- *Người đàn bà ngồi đan* (Tác Phẩm Mới, 1985)
- *Ngày thường* (Đà Nẵng, 1987)
- *Mưa tuyết* (Phụ Nữ, 1991)
- *Giương mặt* (Trẻ, 1991)
- *Vườn* (Văn Học, 1998)
- *Ý Nhi thơ tuyển* (Hội Nhà Văn, 2000)

Trích thơ:

**Đắc đạo**

*Dương Bích Liên uống rượu  
lặng im  
và vẽ  
Đã vượt qua mối vương bận đời thường  
đã vượt qua mối vương bận vinh quang  
đã vượt qua nỗi lo sợ âm thầm  
khi phải đứng riêng về một phía*

*Dương Bích Liên uống rượu  
lặng im  
và vẽ*

*Những đối cực  
Đã tuyệt vời hài hòa trên mặt vải  
những tiếng kêu bi thương, cuồng nộ  
đã tan trong lặng thinh kỳ bí  
và rượu đã thay cho mọi loài ngũ cốc (\*)*

*Rời ra đi  
như một vì sao  
chợt tắt giữa bao la*

(\*) Những năm cuối đời, dường như họa sĩ uống rượu để sống. Ông nói với bạn bè: rượu là phân tinh túy nhất của ngũ cốc.

### Lời nguyện cho anh

*Anh có biết bây giờ là tháng mấy ?  
Mà sương mù giăng kín cả lối mơ  
Để nơi đây có con bé thần thờ  
Mắt hoen ướt long lanh mong hương nắng*

*Con bé buồn một mình trong thanh vắng  
Lật từng trang, dòng nhật ký - vẫn thơ  
Gió thoảng qua, con bé quên ngày giờ  
Nâng cung nhạc, lời ca nghe sâu lắng*

*Nơi chân Chúa, tay nâng cành hoa trắng  
Con bé quỳ lặng bên Chúa bình yên  
Chợt nhớ anh, dâng lên Chúa lời nguyện  
Mong hạnh phúc mỉm cười bên anh nhé*

*Lời ca vang trong thánh đường khe khẽ  
Con bé về trong cuộc sống tạm quên  
Bao nhiêu lời âu yếm với dịu êm  
Giờ bình lặng cúi đầu nơi chân Chúa!*

*Bàn tay gà trên phím đàn như mùa  
Ước dịu hiền như vụn đá hoa hồng  
Chẳng còn thương, chẳng còn đợi, ngóng trông  
Linh thiêng lắm, lời cầu xin Thượng Đế*

*Anh yêu hỡi, con bé nhỏ là thế  
Yêu thương ai chỉ nói với Chúa thôi  
Để mai đây trên những bước cuộc đời  
Còn Thượng Đế luôn hằng đi bên nó*

*Bao lời kinh con bé cầu xin đó  
Xin góp thành những nụ nhỏ ngây thơ  
Và dệt đan nên hoà khúc đợi chờ  
Một mình lặng, âm thầm luôn khẩn nguyện!!!*

**Mưa dạo tháng mười**

*Những cơn mưa báo rét  
Bay mờ cả dốc dài  
Ruộng bèo như thảm dệt  
Mưa long lanh ngọc trai*

*Mùa thu vừa đi rồi  
Đông hãy còn chưa đến  
Mưa trở lưng chừng đời  
Cỏ may dày lối hẹn*

*Đi suốt triền núi xa  
Hái đôi nhành "mảnh bát"  
Mưa đọng đầy nhị hoa  
Cho ong ngờ là mật*

*Cây bàng màu nhuộm lửa  
Khóm trúc mới đổ vàng  
Lòng suối Đôi rộng quá  
Chúng mình đưa nhau sang*

*Những lối mòn màu đỏ  
Mưa êm trên mặt đường  
Mưa tháng mười dạo đó  
Là mùa mưa yêu thương*

(Thái Nguyên, 1972)

**Tự tình với Đà Lạt**

*Tôi đã yêu những màu hoa xứ núi  
Và yêu màu đất đỏ thiết tha  
Những con dốc băng khuâng mùa sương muối  
Áo lụa hồng thấp thoáng bên đường hoa.*

*Trời xứ núi quanh năm hoa thắm  
Đóa tranh đài như điểm trang thêm  
Đường xứ núi gió về vương tóc rối  
Mở lòng ta một sáng tơ mềm*

*Khi lòng nhớ tới... lời đất đỏ  
Như lời ca ru mãi giọng thông hiền  
Bầu mắt nai như lòng con suối nhỏ  
Cho bốn mùa cây cỏ lớn bình yên.*

*Tôi và núi đã bình yên năm tháng  
Núi lớn lên, tôi cũng lớn thêm lên  
Mùa kết trái, áo lụa hồng nhuộm nắng  
Đầy bên trời, mây trắng nổi mông mênh*

*Tôi đã yêu những màu hoa xứ núi  
Để nghe rìng thông hát ban trưa  
Và nhớ mãi những con đường đá sỏi...  
Hoa vẫn cười bên phiến lá đong đưa.*

**Chiều Tuyên Quang**

*Vườn nhỏ ven dòng sông  
Đơn sơ màu Vạn Thọ  
Ai nói cười bờ ngõ  
Áo vàng như nắng bay*

*Thành cũ, rêu phong dày*

HUỶNH ÁI TÔNG

*Cây xanh trên bờ đá  
Ai ngày xưa nơi đây  
Trên chòi canh đốt lửa  
Mưa nhòe trên lối cỏ  
Chợ chiều, người qua nhanh  
Đất đồi như sơn đỏ  
Cây vườn như rừng xanh*

*Trời mở như cánh bướm  
Trên phố nhà ngóng đợi  
Người đi, nghe gió gọi  
Qua đường chiều Tuyên Quang.*

(2-1978)

**Một buổi chiều ở Praha**

*Như người ta thường đi trong giấc mơ  
Tôi bước một mình trên vỉa hè đá lát  
Giữa cảnh sắc lạ lùng, hư thực  
Như chưa qua, như đã gặp lâu rồi  
Sông Vltava lặng lẽ êm trôi  
Bỗng gọi nhớ điều gì xa lắc  
Những con đường không có nơi bắt đầu, không có nơi kết thúc  
Những đèn dài trầm mặc, uy nghiêm  
Cánh chim câu như một thoáng giật mình  
Trong giấc mơ dài bao phố nhà nối tiếp  
Có điều gì tôi chưa hiểu được  
Đất tôi đi trong chiều nay.*

*Không phải niềm vui  
Không phải nỗi buồn  
Không phải hạnh phúc  
Không phải đau khổ*

*Có thể là tất cả  
Có thể là một cái gì hoàn toàn khác biệt  
Praha trong hoàng hôn đã đem lại cho tôi  
Và tôi nhận biết Praha chính bằng điều đó*

*Tôi tưởng như nếu mình đưa tay gõ lên cánh cửa  
Cánh cửa sẽ mở  
Và Nhiêmxôva với mái tóc dài  
Sẽ hát cho tôi nghe bài ca xưa cũ  
Và trong một ngôi nhà khác  
Có lẽ Nezovan sẽ nói đôi lời giản dị  
Bởi có thể nào Praha trong mưa lại thiếu vắng Nezovan*

*Lòng bồn chồn giữa Praha bình yên  
Tôi như người đánh mất  
Lại như người vừa tìm thấy được  
Như người đã trải qua*

*Như người đang đón gặp  
Như người sắp đi xa  
Như người mới trở về  
Ôi Praha! Praha.*

(10-1981)

### **Nhớ Hải Phòng**

*Sau những căn nhà kia  
sau những bến sông kia  
sau những con tàu lô nhô ngoài cảng  
tuổi thơ tôi xa tít tắp*

*Thưở ấy tôi mặc áo rộng thùng thình  
và tóc tết đuôi sam  
thưở ấy tôi đi lang thang giữa thành phố của mình*

## HUỶNH ÁI TÔNG

*chưa biết đến niềm vui làm ta rơi nước mắt  
chưa có nụ cười nào xa xót nở trên môi*

*Lời ca của ngày xưa tôi đã quên rồi  
giữa bao bài hát mới  
bao màu hoa đã che khuất một màu hoa dại  
Ngọn sóng trắng buổi nào vùi lấp giữa ngàn khơi  
tiếng còi tàu vang suốt tuổi thơ tôi  
đã chìm lẩn giữa ồn ào, náo động  
tôi đi giữa cuộc đời, giữa muôn nghìn mắt, còn, chết, sống  
nào nhớ gì ngày tháng đã xa xôi*

*Sao hôm nay tôi muốn được là tôi  
với tóc tết đuôi sam  
với áo rộng thùng thình  
đi lang thang qua phố nhà, sông nước  
được nhìn thấy tuổi thơ xa tít tắp  
đang mỉm cười, tha thứ, chở che.*

(9-1982)

### **Cà Mau**

*Đọc câu thơ viết về Cà Mau  
Nghe tiếng gió qua nhà đối khác  
Đâu ngọn gió lang thang bao rừng Đước  
Đâu khóm bần bãi sù gọi phù sa  
Vết bùn non thấm đỏ sắc hồng hà  
In theo dấu chân người kiên nhẫn bước*

*Chiều xao xác trên rừng Tràm cháy rục  
Câu thơ bay đi đâu câu thơ về dòng sông  
Mái chèo dẫn về đâu sau những bờ kênh  
Biển thăm thẳm ngoài xa như sóng đợi*



Mẹ có hát ru trong đêm dài mong mỏi  
Em có đội khăn rằn dưới nắng ban trưa  
Cây có lên xanh trên lá mục nghìn xưa  
Sóng có vỗ âm thầm bên mũi đất

Đâu phải câu thơ, đâu chỉ là tiếng hát  
Máu, mồ hôi sắc để nói nên lời  
Mũi Cà Mau thân thiết của tôi  
Dù mai nữa tôi chẳng hề đặt bước  
Lòng cảm động khi nói về Tổ quốc  
Tôi có miền đất ấy, mũi Cà Mau.

(1978)

### Kính gửi mẹ

Con đã đi rất xa rồi  
Ngoảnh nhìn lại vẫn gặp ánh đèn thành phố

Sau cánh rừng, sau cù lao, biển cả  
Một ánh đèn sáng đến nơi con  
Và lòng con yêu mến, xót thương hơn  
Khi con nghĩ đến cuộc đời của mẹ  
Khi con nhớ đến căn nhà nhỏ bé  
Mẹ một mình đang dõi theo con

Giữa bao nhiêu mưa nắng đời thường  
Đã có lúc lòng con hờ hững  
Thấy hạnh phúc của riêng mình quá lớn  
Ngỡ chỉ mình đau đớn xót xa thôi

Giữa bao nhiêu năm tháng ngược xuôi  
Đã có lúc lòng con đơn bạc  
Quên có những điều tưởng không sao quên được  
Như người no quên cơn đói của chính mình

HUỶNH ÁI TÔNG

Sao đêm nay se thắt cả lòng con  
Khi con gặp ánh đèn thành phố  
Nơi mẹ sống, mẹ vui buồn, sương khổ  
Chỉ một mình tóc cứ bạc thêm ra

Sao đêm nay khi đã đi xa  
Lòng con bỗng bồn chồn quay trở lại  
Bên đời mẹ nhọc nhằn dầu dãi  
Nỗi mát còn thăm thẳm trong tim

Đời mẹ như bến vắng bên sông  
Nơi đón nhận những con thuyền tránh gió  
Như cây tự quên mình trong quả  
Quả chín rồi ai dễ nhớ ơn cây  
Như trời xanh nhẵn nại sau mây  
Con đường nhỏ dẫn về bao tổ ấm

Con muốn có lời gì dằm thắm  
Ru tuổi già của mẹ tháng năm nay.

(Đà Nẵng - Hà Nội, 11-1978)

**Dấu chỉ là cơn mưa**

Mưa ồn ào mùa hạ  
mưa dịu hiền mùa xuân  
tháng ba ngày mưa nhàn  
vòm hoa xoan tím ngát

Bát cần trong khô khát  
bỗng mát lành sau mưa  
cây lá xanh vườn trưa  
lại nồng nàn hơi thở

*Anh có còn luôn nhớ  
cái mùa mưa đầu tiên  
con suối nhỏ bên thềm  
bồng cồng cào mùa lũ*

*Anh có còn luôn nhớ  
mùa đông mưa trắng đời  
hoa lau phơ phất gió  
Đốc dài và suối Đồi*

*Hãy chỉ mình em thôi  
tháng năm dài vẫn nhớ  
như nhớ về đống lửa  
như nhớ về mặt trời  
chắc bền và rục rờ  
thân gần và xa xôi.*

*Em chẳng dám quên đâu  
những gì mình đã có  
để làm nên ngọn lửa  
suốt cuộc đời hai ta  
dẫu chỉ là cơn mưa  
em làm sao quên được.*

(1976)

### **Dự cảm**

*Ta đã nghe thấy bước chân người  
như nghe thấy hơi mưa trong đám mây chiều hạ  
như nghe thấy tiếng sóng của miền ta chưa tới*

*Và ta  
cùng kiệt đã tràn đầy  
và ta*

HUỶNH ÁI TÔNG

*bền vững đã chơi voi  
và ta  
câm nín đã thốt lời*

*Và ta  
âm thầm soi lối vui tìm đến*

Qua bài *Thơ Ý Nhi hành trình trong lặng lẽ*, Lê Hồ Quang đã có nhận xét như sau:

*“Xuất hiện từ trong giai đoạn chống Mỹ nhưng chủ yếu khẳng định bút lực của mình trong thời hậu chiến và Đổi mới, Ý Nhi là một trong những cây bút nữ xuất sắc của nền thơ Việt Nam đương đại. Có thể hình dung về thơ chị như một hành trình truy vấn tinh thần mà trong đó, cái tôi nhà thơ, lặng lẽ nhưng quyết liệt và bền bỉ, không ngừng tự ý thức nhằm tìm kiếm cái "bản lai diện mục" của tâm hồn. Với Ý Nhi, ý thức cá nhân tinh táo vừa là một nhu cầu nội tâm tự nhiên, vừa là một nỗ lực tinh thần nghiêm ngặt. Dĩ nhiên, đi cùng óc phân tích tinh táo ấy còn là một tâm hồn phụ nữ nhạy cảm và giàu lòng trắc ẩn. Chính điều này đã tạo nên chất "duy lí" độc đáo của thơ Ý Nhi giữa một nền thơ Việt hiện đại (nhất là thơ nữ) vốn nặng chất "duy tình", "duy cảm". Chất triết lí ấy cũng tạo nên nét riêng của thơ chị: không lạm dụng các mỹ từ kêu vang, nó toát ra từ một cái nhìn nội tâm trầm tĩnh, sâu sắc nhưng đầy khắc khoải của một con người đang trên hành trình tìm kiếm ý nghĩa của cuộc đời mình.”*

Tài liệu tham khảo:

- Ý Nhi Web: [buituluc.com](http://buituluc.com)
- Đắc đạo Web: [thivien.net](http://thivien.net)

### 13. Chu Lai



**Chu Lai – Chu Văn Lai (1946-20 )**

Nhà văn Chu Lai có tên khai sinh là Chu Văn Lai, sinh ngày 5 tháng 2 năm 1946, tại xã Hưng Đạo, huyện Phù Tiên nay là huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên, Ông là con trai của nhà viết kịch Học Phi (1913-2014)

Trong chiến tranh Việt Nam, Chu Lai đang học Đại học Quân y, công tác trong đoàn kịch nói Tổng cục Chính trị rồi trở thành chiến sĩ đặc công hoạt động trong vùng cách Sài Gòn 15 cây số. Đây là thời gian Chu Lai bắt đầu viết văn ghi lại những cảm xúc, khóa lấp những khoảng trống trong đời lính.

Sau năm 1973, ông về làm trợ lý tuyên huấn Quân khu 7.

Đến cuối năm 1974 ông tham dự trại sáng tác văn học Tổng cục Chính trị.

## HUỶNH ÁI TÔNG

Năm 1979, đi học tại Trường Viết văn Nguyễn Du khóa 1, nay là Khoa Viết văn - Báo chí Đại học Văn hóa Hà Nội.

Năm 1982, tốt nghiệp Trường Viết văn Nguyễn Du, ông biên tập và sáng tác cho Tạp chí *Văn nghệ Quân đội*. Nhà văn Chu Lai còn viết một số kịch bản sân khấu, kịch bản phim và tham gia đóng phim.

Ông là đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam, hội viên Hội Nhà văn Việt Nam từ năm 1980, Hội Nghệ sĩ Sân khấu Việt Nam và Hội Điện ảnh Việt Nam.

Nhà văn Chu Lai đã nhận được các giải thưởng:

- Giải thưởng Hội đồng Văn học chiến tranh Cách mạng và lực lượng vũ trang năm 1993, Hội Nhà Văn Việt Nam cho quyền tiểu thuyết *Ấn mùa dĩ vãng*
- Giải thưởng tiểu thuyết Nhà xuất bản Hà Nội năm 1993 với tiểu thuyết *Phố*
- Giải thưởng Văn học Bộ quốc phòng năm 1994;
- Giải thưởng Nhà nước về văn học nghệ thuật năm 2007.

Nhà văn Chu Lai về hưu với cấp bậc Đại tá, hiện sinh sống ở Hà Nội

Tác phẩm:

- *Nắng đồng bằng* (tiểu thuyết, 1978)
- *Đêm tháng hai* (tiểu thuyết, 1979)
- *Vùng đất xa xăm* (truyện, 1981)
- *Sông xa* (tiểu thuyết, 1986)
- *Gió không thổi từ biển* (tiểu thuyết, 1984)
- *Vòng tròn bội bạc* (tiểu thuyết, 1987)
- *Bãi bờ hoang lạnh* (tiểu thuyết, 1990)
- *Ấn mùa dĩ vãng* (tiểu thuyết, 1991)

- *Phố* (tiểu thuyết, 1992)
- *Ba lần và một lần* (tiểu thuyết, 1999)
- *Cuộc đời dài lắm* (tiểu thuyết, 2001)
- *Khúc bi tráng cuối cùng* (tiểu thuyết, 2004)
- *Chỉ còn một lần* (tiểu thuyết, 2006)

Trích văn:

### **Phố nhà binh**

Tất nhiên căn phố dài một ngàn hai trăm mét đó có tên gọi đảng hoàng nhưng lâu nay, do quen miệng, người ta cứ kêu là phố Nhà binh cho khỏi lẫn với các khu phố dân sự khác.

Chi mới cách đây chừng đôi ba năm thôi, cảnh sắc nơi này còn vắng lặng thâm trầm lắm. Dường như tất cả các căn hộ to nhỏ, ngắn dài đều bảo nhau khinh khỉnh xây lưng ra đường, khiến cho dãy phố đã tắm tối lại càng hun hút nổi đe dọa rập rình mỗi khi ai đó có việc phải đi sớm về khuya qua đây. Chao ôi là những đêm đông khuya khoắt, cả dãy phố chỉ độc tôn còn lại tiếng giầy đinh quân cảnh gõ uể oải hai bên hè, tiếng trai gái run rẩy thì thầm nhòa chìm vào những vùng tối gốc cây và tiếng cành sấu khô rụng đơn côi xuống mặt đường mỗi khi có làn gió lạnh thổi qua...

Vậy mà bỗng một ngày, lại như tuân thủ nhất loạt một khẩu lệnh của đảng toàn năng, sau vài đêm hồi hả đục tường, trổ cửa, nói mái... phất một cái, các căn hộ rùng rùng chuyển động ngớ ngàng quay mặt ra với cuộc đời. Bao mảng tường rêu phong tựa hồ đã bị bỏ quên hàng ngàn năm in nhờ nhờ dấu chịn ngọt ngào của thân người bỗng phát khởi thành những khuôn sáng vuông tròn chan hòa đủ màu đỏ, vàng, xanh, của đủ loại kiốt thấp cao: mỹ phẩm, uốn sấy tóc, photocopì, giầy dép da, điện lạnh, cà phê Berr, cà phê Noa, bún phở, xe máy, thuê và ghi hình video và sự sang trọng đến ngót người của các

đại diện giao dịch Mếch này, Téch kia... Phố nhà binh ngày ngày bị phá vỡ cấu trúc từ bên trong để hóa thân thành một khu phố thương mại náo hoát. Và người nhà binh cũng tự vận mình phá vỡ mọi mặc cảm, định kiến, mảnh giáp trụ quân phục, vị thế cố hữu của phẩm hàm tướng tá, gia phong gia phả... để cố gắng hòa nhập vào dòng đời đang cuộn chảy bên ngoài, mong tìm được cuộc sống khả dĩ còn gọi được là... Cuộc sống.

Tôi cũng có một anh bạn thân ngụ tại một căn hộ trong phố đó mà mỗi khi về Hà Nội, tôi không thể không ghé qua ăn nghỉ. Sau một ly rượu ngà ngà, nhìn Thẩm (tên người bạn) trẻ trung, cường tráng, lanh lợi và có đôi phần viên mãn, lại liếc nhìn căn hộ hai buồng không to tát nhưng xinh xắn, tiện nghi và ấm cúng, tôi bất giác buột miệng nói ra một câu mà đáng lẽ ở vào cái tuổi tôi chẳng nên nói:

- Giả dụ như mình Thẩm ạ... Tất nhiên nói theo cảm nhận cá nhân thì... thì mình...

- Thì dù có ăn rau ăn cháo, một thằng đàn ông chân chính không bao giờ được phép để vợ đi như thế chứ gì? - Thẩm nói tiếp hộ tôi với cái cười dễ dãi, rất tươi - Khỏi lo đi! Mỗi người một quan niệm, mỗi người một hoàn cảnh, một phận số, mình tin ở cô ấy. Mà... Hả? Dù có thể đi nữa thì đã làm sao nào? Miễn là khi cô ấy trở về, bọn mình sẽ sống ổn hơn, nhân quyền hơn, tương lai con bé Hương Thảo sẽ được đảm bảo. Đó là cái chính, chứ ông bảo lứa bọn mình còn làm được gì nữa, coi như bỏ đi rồi. Hả?

Nó "hả" cái kiểu nện quả tạ vào mặt người ta như thế thì còn cách nào khác là lặng lẽ gật đầu. Rồi tôi cũng bỗng dưng bật cười vì cái suy nghĩ ngờ ngờ rằng không còn nhận ra thằng Thẩm ngày xưa nữa. Một thằng Thẩm to cao như lực sĩ, cười ha hả, giọng oang oác, vui chửi tục, buồn cũng chửi tục, mặt mày lúc nào cũng tươi tỉnh rõ ràng như sắp sửa vào con hưng



phần. Còn giờ đây, bộ pi gia ma trường giả đã thay thế cho chiếc quần cụt thể thao nó thường mặc ở nhà, thoạt trông giống như cái thừng đàn ông mắc bệnh phong tình, bữa cơm đã có cốc nước đá lạnh để cạnh mâm, vừa ăn vừa chiêu dân dả, xem ra lời ăn tiếng nói, dáng đi dáng đứng đã mềm mại khoan thai lên nhiều lắm. Còn Hương, vợ Thắm, vốn là con một vị tướng tư lệnh binh chủng, Căn hộ hai buồng dễ thương này là ông cho con gái rượu. Trước đây hai người cùng công tác trong một đơn vị công binh cầu đường, chỉ khác kê ở văn phòng, người nằm sâu dưới đơn vị. Yêu cái vẻ yêng hùng chiến trận, yêu tính cách đàn ông khoáng đạt bạo liệt của chàng kỹ sư tiểu đoàn trưởng vốn gốc gác con nhà làm ruộng, cô đã lạnh lẽo khước từ không ít chàng trai tốt người đẹp mẽ, học vị đến nơi, lại con nhà môn đăng hộ đối để chấp nhận tình yêu của Thắm, tất nhiên sau khi đã quần cho cu cậu chỉ còn thiếu nước đập đầu vào tường.

- Này - Tôi hỏi - Đàng nào thì cậu cũng đã trót khoét tường, trổ cửa rồi, có sao không cho thiên hạ thuê mở cửa hàng mỗi tháng kiếm vài trăm ngàn nuôi con?

- Chả bố. Thà đất đai rộng rãi như mấy ông tướng về hưu ở phố này, mỗi tháng ít nhất cũng trên dưới một triệu tiền cho thuê mặt bằng thì lại đi một nhẽ. Nói đùa! Chờ mẹ bé Hương Thảo về đã. Hình như cô ấy có ý định làm ăn lớn, cứ nhẩn về là đừng ham lợi nhỏ, tập trung cho con bé có khoảng tĩnh tối thiểu để học hành, chớ để con sớm va đập vào chuyện buôn bán lời lãi, méo mó đầu óc đi. Mình ô kê ngay! Nàng còn dặn: ba tháng sẽ gửi về một va li, nửa năm gửi về một cái kích, cứ bán đi mà tiêu, đừng dành dụm.

- Cậu hạnh phúc thật!

- Thật lòng đấy chứ?

- Hương vẫn như ngày nào, đậm đang, tốt bụng và rộng rãi.
- Còn cậu - Đôi mắt khá đẹp của Thẩm ánh lên vẻ cảm động chấp chới - Cũng phải tìm đường làm một cú mã hồi về Hà Nội đi. Hơn bốn chục tuổi mà vẫn cứ thanh gươm yên ngựa mãi?
- Stop - Tôi lấy lại cái giọng của Thẩm - Mỗi người một quan niệm, một lối sống. Dòng người còn trôi chảy dài dài, cứ thử xem từng số phận sẽ lênh đếnh đến đâu. Đẹp! Kiểm rượu uống bậy cái đã.

Thế đấy! Không gặp thì nhớ, gặp rồi lại thường cãi lộn những chuyện không đâu và bao giờ cũng được kết thúc bằng mây chén rượu cay nồng ở cái quán chè khuya gần đầu đường như thế!

Phố vắng, gió lạnh, ngọn đèn dầu cháy thốc thỏm, các cánh cửa chính, cửa sổ của mọi ngôi nhà đã lần lượt được khép kín, xa lắm mới có một tiếng rao bán bánh khúc nóng khàn khàn vắng đến. Có lẽ chỉ về đêm, cái phố nhà binh đang biến tướng này mới yếu ớt phục hồi lại cái vẻ thâm trầm xưa cũ. Vẫn lại tiếng cành sấu rơi, tiếng để giày quân cảnh, tiếng quét rác... Chỉ khác, cả chiều dài dãy phố không còn những cặp tình nhân đứng lả người trong tay nhau.

Khoảnh khắc ấy, tầm mắt đã có chiều bằng lảng của tôi không hiểu sao lại vô cớ ngấp ngừng dừng ở góc phố, nơi có một gia đình nhỏ đang loay hoay tìm chỗ ngủ đêm. Một luồng đèn pha xe máy từ đâu đó xa lắm quét tới, đủ cho tôi kịp nhận ra đó là một cặp có vẻ là vợ chồng, một cỏi trần vận quần đùi hay vận khố gì đó, một bé đứa con đang ngủ tựa một cái xác trên tay. Vang lên tiếng nhai mía rôm rốp của người đàn ông và tiếng nựng à oi vụng dại nhọc nhằn của người đàn bà...

- Uống đi, để ý làm gì, cảnh đời thường ở đâu chẳng có.

Mặc Thâm huých nhẹ vào vai, mắt tôi vẫn dán vào đây.

- Đôi vợ chồng từ quê lên ăn xin à? Hay dân Phúc Xá chạy lụt?... Nhưng mùa này đâu có phải là mùa lũ?

- Không biết!

- Hay dân chạy chợ, dân lỡ độ đường? Có cả đứa bé nữa kia kia!

- O hay cái cậu này! - Giọng Thâm đã cao lên - Ra đây uống rượu hay điều tra xã hội học đây?

- Ồ... Vừa có tốp quân cảnh đi qua, sao không thấy họ xua đuổi như mọi bận?

- Đuổi cả tỉnh, cả nước - Thâm gất khế - Nếu xin rồi thì mời ông về ngủ, ông ạ!

Có lẽ động lòng trước cái vẻ ngơ ngơ của một kẻ ở xa đến như tôi, chị hàng nước lúc này mới cất tiếng khẽ khàng.

- Họ đã cư trú ở đây gần một năm rồi đấy chú ạ! Tội lắm! Mưa thì chạy vào núp trong hàng hiên toà báo, tạnh lại dắt díu nhau ra đây. Mùa hè còn đỡ, đông về, cha con vợ chồng ôm nhau thành một cục tránh gió. Cũng có đợt họ bỏ đi đâu cả tháng, tưởng đi luôn cũng mừng, nhưng rồi lại thấy họ trở về xơ xác, tiều tụy hơn. Đứa bé này mới sinh được có sáu tháng. Con gái, còi cọc chỉ bằng đứa mới nở.

- Sinh ngay trên hè phố ạ? - Tôi buột miệng.

- Còn chỗ nào khác nữa!

- Trời đất! Ăn ở vật vã thế này mà lại còn bày chuyện đẽ đá! Rồi đũa bé sẽ ra sao? Rồi họ lấy gì mà sống?

- Vậy mà vẫn sống đấy - Chị hàng nước cười hiền từ - Sống quần quít đáo đẽ. Còn đũa nhỏ, dường như ông trời cũng thương, cảm có bệnh tật sài đẹn bao giờ.

- Hết chưa? - Thăm đột ngột đứng dậy.

- Cái gì hết?

Thăm bật cười:

- Là tôi hỏi cái con tò mò của cậu đã qua chưa?

- Cậu về trước đi! - Đến lượt tôi gắt lại - Cứ mặc tôi ngồi đây một mình.

- Tùy! Cấp thêm cho cậu một thông tin để có cơ mà tò mò: người đang ngồi chuyện trò với cậu là một giáo sư đại học vừa về nghỉ tạm không ăn lương.

Nói xong, Thăm quay người đi vào. Đến lúc này tôi mới chú mục nhìn chị bán quán. Khoảng bốn mươi năm tuổi, tóc uốn cao, cặp mắt hay nhìn lơ đãng lên vòm cây, miệng thi thoảng lại cố tạo ra một cái cười mỉm nhẵn nại.

- Xin lỗi! Chị dạy ở trường nào ạ? - Tôi hỏi.

- Thôi! Biết làm gì chú. Mỗi người một cảnh, chẳng nên nói ra, mà có nói cũng đâu có ai thông cảm, có khi còn gây bực mình. Đây, cứ ngẫm như cái đôi vợ chồng khốn khổ kia kìa. ở đã

mòn cả vĩa hè rồi nhưng tịnh chưa thấy một ai tỏ ý giúp đỡ, chưa thấy một ai hỏi han trò chuyện nửa câu. Thiên hạ coi đó như việc tất nhiên, dễ hiểu. Buồn không? Ôi dào! - Chị thoát thở dài - Cũng một kiếp người, đêm ôm nhau ngủ cùng queo như con sâu cái kiến, ngày chồng bế con èo ẽo cho vợ đi kiếm tiền.

- Chị ta làm ở tổ sản xuất thủ công nào ạ?

- Tổ thủ công... chợ. Ra chợ, ai thuê gì làm đó, không ai thuê, nói phải tội, đành phải chôm chĩa, con móc túi. Miễn là có tiền. Nói vô phép chú, thậm chí có lần ông nhà tôi còn bắt gặp cô ta đi bắt khách ngoài ga. Khổ! Người ngợm cóc cáy, thịt da tong teo như thế có ma nào nó màng. Nếu có thì lại là mấy gã du côn, say rượu chơi quýt, vừa chơi vừa trăn, có đồng nào mất hết.

- Anh chồng chấp nhận?

- Sao chú lại hỏi thế? Trên thế gian này thử hỏi có người chồng nào lại chấp nhận cho vợ mình đi làm cái việc kia, nhưng đôi thì đầu gối phải bò thôi. Song cũng sàu thâm lắm! Hầu như không đêm nào cậu ta không đánh vợ, có bận đánh thâm tím cả mặt mày, tôi phải đỡ vào nhà lấy rượu mật gấu xoa bóp cho. Vậy mà chị ta không hề hé răng chửi lại, cãi lại một câu, cứ như con nô lệ tận tụy, cung cúc. Tối tối vẫn mang về cho chồng nào rượu, nào thuốc, có bữa còn khệ nệ cả một xoong to thứ bốc mả toàn xương bò.

- Vậy ra anh chồng lại chỉ lo làm nhiệm vụ trông con ạ?

- Cũng tùy lúc. Những buổi chiều mưa, nhìn cậu ấy bế con, mắt nhìn âm đạm ngọn sâu già, thương lắm! Lại còn thỉnh thoảng ru con nữa chứ. Tiếng ru như tiếng nấc khan. Vào những ngày đông gió hay cô vợ ốm mệt, không ra chợ được, cậu ta trao con

lại, một bị một gậy đi trèo sấu. Trèo cả ngày, có bận ngã treo xương vai, may lắm mới kiếm đủ tiền mua một vài cân gạo.

Nghe tới đó, tôi đứng dậy:

- Chị cho tôi mua gói thuốc.

- Thuốc gì?

- O... Du lịch thôi. Thuốc ngon hơn không đủ tiền. Lĩnh mà.

- Đừng lo, chú cứ cầm gói Hê rô, tất cả đã có chú Thảm thanh toán. Chú ấy là con người đàng hoàng, trọng nghĩa khinh tài, thỉnh thoảng vẫn sai con bé Thảo đem ra cho đôi vợ chồng kia lúc thì hộp sữa, khi lại gói thuốc, cân đường. Mà... gói này vẫn đang còn nhiều, chú mua làm gì nữa?

- Muốn ra chuyện trò với họ một chút.

- Thôi đi chú ơi! Cậu ta chả mở miệng đâu. Suốt ngày làm lì, buồn thì nhai mía, vui thì ngơ ngẩn cười, mắt lúc nào cũng gườm gườm như sắp sửa đánh nhau với ai. Có lẽ cậu ấy mặc cảm?

- Đã khi nào chị nghĩ rằng cậu ta là người đã từng có tiền án chưa?

- Ôi giời, mấy cái ông này! Nhìn đâu cũng thấy tội phạm cả. Cậu ấy là bộ đội đấy, bộ đội đóng ở biên giới hết nghĩa vụ trở về. Nhà ở cách đây vài dãy phố thôi, nghe nói cũng khá giả và nền nếp. Vậy mà chả rõ phải lòng phải dạ, bất tình bất thóp nhau thế nào mà lúc trở về lại dẫn một cô gái giang hồ, gia đình làm nghề trông mía về theo. Tức là cô gái này đấy. Tất nhiên là gia đình không chấp nhận, đuổi thẳng. Vậy là kéo nhau ra tá túc ở đây. Công an khu vực cũng đã có đôi phen làm

dữ, tổng xuất họ ra khỏi thành phố, đưa đi tập trung cải tạo ở tận đầu tận đầu nhưng cũng chỉ ba bảy hai một ngày là đầu lại nguyên đấy. Rút cuộc công an họ cũng chán, thầy kệ không phải chỉ có một gia đình này đâu. Ôi, thời buổi nó vậy. Chả nhẽ thiên hạ đua nhau đục tường trổ cửa, kiếm tiền ngàn tiền triệu như chơi mà lại nỡ khép những con người khôn khở vào khuôn vào phép? Đằng kia có ánh sáng, đằng này cũng phải nhường cho người ta một khoảng bóng tối chứ. Tất cả còn đang bung bét, tất cả đang đòi hỏi phải sắp xếp lại kia mà.

Tôi chán nản đứng dậy. Đành rằng câu chuyện chị kể là có thật, lại kể bằng một cái giọng hết sức xót xa nhưng sao tôi vẫn không muốn nó được nói ra từ chị, từ một người đàn bà đã giảng dạy qua cấp đại học. Lạ thế!

- Chào anh!

Tôi cố dọn một nụ cười thân thiện, một giọng nói bỗ bã có thể và chìa gói thuốc ra trước mặt người đàn ông đang gặm mía. Nhìn cái cách anh ta gặm mía mới khiếp chứ! Gần như ăn cả vỏ, ăn cả bằng răng hàm lẫn răng cửa, chỉ ba cái rộp rộp là bay gọn một đũa dài, bã mía đùn dưới chân cả đống. Anh ta làm li rứt một điếu thuốc giắt chéo lên vành tai. Im lặng... Vẫn chỉ là tiếng nổ rộp rộp trong cái miệng khá rộng.

- Rét vậy mà ăn mía không cóng răng sao ông bạn? - Tôi ngồi hẳn xuống.

Ông bạn không trả lời, chỉ gúc goác cái đầu to tướng. Lại im lặng... Lại rộp rộp... ánh sáng đèn cao áp xanh lét vừa đủ để soi tỏ một khuôn mặt không ra già, không ra trẻ, xanh bọt, tóc gần chấm vai, cặp môi dày trề ra, thâm xỉ như cái vẻ lúc nào cũng thèm ăn thèm uống. Tóm lại là một khuôn mặt hơi bệnh hoạn và gần như không có tư duy. Anh ta chỉ mặc độc một chiếc quần đùi rộng ông đã rách te tua ở gấu, để lộ đôi bắp chân dài

thông sần sượng nhưng có vẻ còn sần rần, vắt trên vai là chiếc áo bộ đội nhàu nát đang bốc ra mùi chua lèm khem khét.

Lui về sau một chút, chị vợ đang âm thầm ngồi ôm con sát chân tường. Nghe được cả tiếng muỗi vo ve bay ra từ đó. Cũng là khuôn mặt nửa già nửa trẻ, tiều tụy, không rõ hình nhưng đường nét gãy gọn, nhìn kỹ thấy cũng có duyên. Bất ngờ, chị ta nháy mắt với tôi và làm một động tác xin thuốc rất láu bẳng hai ngón tay đen đúa, khô xác.

- Cái gì?

Bất thần anh chồng quát lên một tiếng quát hùng dũng, có lẫn cả đờm, có cả nước mứa bắn ra. Như bị điện giật, hai ngón tay kia vội thụt lại, cùng lúc mái tóc xơ xước chắc tới hàng tháng nay không được chải gội xuống cam chịu như một tội nhân tử hình.

- Này - Tôi vỗ vỗ vào xương vai hấn - Cô ấy muốn hút thuốc thì để cô ấy hút, cũng là một cách chống lạnh.

Không thèm trả lời, hấn chuyển ánh mắt gườm gườm dài dại từ người vợ lên cành cây rồi lại... rộp rộp...

Biết rằng có nán lại cũng vậy thôi, có khi còn làm cho cái gã quân chủ độc tài đầy quyền uy này nổi quạu, tôi lên để gói thuốc xuống mép chiếu rồi lẳng lẳng đi trở về. Đuổi theo tôi là tiếng ru con nghèn nghèn như nói mơ của người vợ, và trên cao, trong một căn hộ còn sáng đèn, có một nét nhạc gầm gào vọng xuống.

Thảm vẫn thừ chờ tôi bên bản vẽ thiết kế.

- Đã chưa? - Không ngẩng lên, nó hỏi.



- Chưa.

- Cậu vẫn như cũ, ngớ ngẩn và lành bụng. Hơi khó chịu một tí nhưng ít nhất tôi cũng còn có một thằng bạn ra bạn để chơi.

- Cảm ơn!

- Cảm ơn cái con khi. Rượu nữa không? Hay nước mát?

- Cậu vẫn vẽ thuê đấy à?

- Không! Vẽ công trình thứ thật. Lạy Phật! Từ ngày cô ấy đi đến giờ, mình đã thoát được cái kiếp gục đầu đi nhận vẽ câu tiêu hổ xí cho bọn trọc phú mới. Mặc sức đi sâu vào nghiên cứu, cũng thú. Hả?

Tôi gật đầu ừ hử và rón chân đi đến giường bé Hương Thảo. Nó đang nằm nghiêng, một bàn tay kê dưới má, tay kia buông xuôi theo người, thỉnh thoảng lại chun mũi một cái như vừa ngủ thấy mùi kẹo thơm trong mơ, đôi mi dài và cong tự nhiên của nó khẽ động đậy tưởng chừng sắp mở bừng đôi mắt to giống mẹ ra mà quàng cánh tay mũm mĩm ôm níu lấy cổ tôi: "A!... Chú Hà! Chú Hà bé Thảo... ". Trời đất! Thì ra cái sinh vật xinh xắn dễ thương này mới là lý do chính yếu và sâu xa để mỗi lần về Hà Nội không thể không ghé qua chứ chưa hẳn đã là tính tình của bố nó, vẻ dịu dàng đoan trang của mẹ nó cũng như sự tiện lợi, ấm cúng của căn hộ mặt tiền.

- Cậu có thấy con bé khi ngủ, nó bỗng khoác một đôi cánh thiên thần như thế nào không? - Thảm cũng khẽ đến bên tôi, giọng nói không giấu được một chút tự hào chìm đắm - nếu để thì nên để con gái đầu lòng cậu ạ! Vừa ngoan, vừa là bạn tâm sự của bố lúc chẳng may cơ nhỡ. Mà cuộc đời, cơ nhỡ nhiều chứ may mắn được mấy... Mình nhớ có khi tiễn cô ấy ra sân

bay, cả hai mẹ con đều thi nhau khóc. Lúc máy bay cất cánh rồi, nó còn thất thanh hét với theo: "Mẹ Hương ơi!... Mẹ Hương đừng bỏ con nhé!". Minh cũng khóc.

Tôi tin điều đó vì lúc này kể lại, cặp mắt của Thẩm cũng đang rơm rớm ướt thật. Bị lấy cái cảm xúc muôn thuở ngậm ngùi của nỗi chia ly, tôi nói rì rầm như câu nguyện:

- Cầu mong cho cô ấy mau trở về. Cứ về cái đã rồi mọi chuyện tính sau. Trẻ con có thể sống xa bố nhưng xa mẹ, trông tội lắm! Cậu có để ý thấy ngón nước còn đọng ở khóe mắt nó không?

- Không... Làm gì có. Không có!

Thẩm trả lời yếu ớt và vội vàng. Bỗng dưng tôi khẽ rùng mình khi chợt thấy một vệt xám nhòe bay rất nhanh trong đôi mắt vừa mới đây thôi còn trong trẻo, rờ rờ yêu thương của Thẩm.

Tôi bỏ vào phòng trong, buông màn đi nằm. Đêm ấy, trong giấc ngủ nặng nề, dường như bên tai tôi lúc nào cũng nghe văng vẳng tiếng ru còn ngân ngát của người mẹ trẻ trộn hòa vào tiếng muỗi ong ong dưới chân tường. Rồi cuộc sống của họ sẽ đi đến đâu? Bình ổn dần? Đi tập chung vĩnh viễn? Hay một ngày nào đó lại cùng rù nhau vào nhà giam trong một tội danh hình sự giết người cướp của nào đó? Hoặc... Tôi bỗng ngồi phắt dậy, mồ hôi túa ra khắp lưng khi cái hình ảnh đứa bé chết cồng trên tay mẹ vụt nóng đỏ trong đầu.

Sau đó phải băng đi đến hơn một năm, do công việc của quân khu quá bận rộn nên tôi không lựa được dịp nào rảnh rang để về thăm bé Thảo.

Vào khoảng trung tuần tháng giêng, khi công việc đã vãn vãn, tôi nhận được thư của Thẩm. Vẫn cái giọng bỗ bã:

"...Này bỏ ngay cái lối phản bạn phản bè ấy đi nhé! Hiện giờ cậu đang ở đâu, làm gì, đang phải lòng con nào, vẫn công việc cũ hay đã bỏ đi đào vàng, đào đá thì kệ cha cậu, tôi đếch biết! Nhưng cậu không được mất mặt như thế chứ. Su cậu! Chỉ khổ cho đứa con gái bé bỏng của tôi nó cứ nhắc tới thằng bạc tình bạc nghĩa hoài. Lại còn ăn cắp thuốc lá của tôi nhét đầy gối cho hôi sặc lên, bảo là để dành cho cậu nữa!"

Đọc đến đây, sống mũi tôi cay cay, nước mắt chực ứa ra... Những dòng tiếp theo, tôi chỉ lướt mắt gọi là...

"... Tin vui đây: tháng sau mẹ Hương Thảo sẽ về! Có nên soạn một mâm tế sống ngài Hen-mút Côn không nhỉ? Nhờ ngài và sự chuyển động chính trị thần thánh trong tổ quốc ngài mà bà xã của tôi sẽ làm cú mã hồi với một lưng vốn kha khá. Hai mươi ngàn đê mác, gần mười tám ngàn đô la, tức là tương đương 150 triệu tiền mình, cậu nghe rõ chưa? Từ nay đến ngày về, cô ấy nói sẽ cố kiếm thêm vài nghìn đô nữa. Chịu đàn bà thật!

Vì thế, chúng tôi muốn cậu, cha đỡ đầu của bé Hương Thảo sẽ có mặt trong ngày ấy. Phải có mặt! Tiền của tôi cũng như tiền của cậu, thằng bạn duy nhất còn sót lại của tiểu đoàn công binh đã cống tôi vượt suốt mười cây số đường rừng. Chỉ bằng một phần mười số tiền trời cho đó, chúng tôi sẽ lấy vợ cho cậu, kiếm cho cậu một căn hộ và buộc cậu từ bỏ núi rừng ở lại phố luôn với chúng tôi. Được chưa?

Bù lại, cậu chỉ cần làm độc một việc: thiết kế cho tôi một căn hộ ba tầng với đầy đủ tiện nghi ở ngay trên nền nhà cũ. Có ban công uống trà, sân thượng trồng hoa, có các cánh cửa sắt đóng mở tự động bằng điện tử, có ga ra xe máy, có máy lạnh, bồn tắm và có cả nơi nuôi vài con chó giống ngoại cho vui, có... Mà thôi, để cậu về, ta bàn kỹ. Tóm lại, hai tầng để ở, còn bảy chục

mét vuông tầng trệt sẽ cho một công ty, một đại diện sang trọng, làm ăn đúng đắn nào đó thuê. Có thể là hãng JVC hoặc hãng VIETRONICS của Sài Gòn, theo ý của cô ấy. Tôi muốn chính tay cậu vẽ bởi vì trong đó có cả diện tích của... vợ chồng cậu.

Tin thêm: Tôi vừa nhận hàm thượng tá. Thượng tá! Khi không? Đáng lẽ phải đại tá luôn cho rảnh một chuyện. Đang thượng chuyển sang đại bây giờ đang đại lại hắt xuống thượng. Không hiểu các cụ nhà ta còn ngẫu hứng điều lệnh đến tận bao giờ? Cũng chẳng sao. Tôi dự định nếu cô ấy về, vui thì a lê hấp! Tôi sẽ xin về hưu, giã từ binh nghiệp. Giã từ cơ chế bụi bặm luôn. Phần đời còn lại lo đọc sách, thăm thú bạn bè, trồng tỉa mấy cây hoa và cái chính là chăm bẵm cho bé Hương Thảo nên người.

... Đừng nôn! Chắc thằng bạn lẩn thẩn của tôi lại đang cáu kinh muốn biết về thân phận cảnh đời? Thí dụ: Phó Nhà Binh (tên gọi của cậu) đã sắp sửa thành một thứ Hàng Ngang, Hàng Đào. Gia đình ông tướng Điều Lệnh vẫn bán cà phê, ông tướng Bảo Vệ vẫn cho thuê hàng điện lạnh, ông tướng Cán Bộ đợt này nói rộng cho thuê cả hai mặt tiền - nói chung, khi đã làm ông tướng thì đời nào cũng sướng - Và, gia đình đôi vợ chồng kẻ khó ấy (đúng tử chưa?) vẫn kiên trì bám trụ ở đầu đường. Hình như cô vợ lại đang có chửa đứa thứ hai, sức sống của nhân dân bất diệt thật!

Điều chót cùng: sự phá vỡ kiến trúc của một dãy phố là phản ánh cái trở dạ đau đớn của lẽ thói suy nghĩ cũ, đồng thời sẽ dẫn đến phá vỡ sự ổn định cổ kính trong từng gia đình, từng số phận, có thể tốt lên nhưng cũng có thể xấu đi. Ví dụ như gia đình tớ..."

Rút cuộc cô ấy đã trở về. Dù sao cũng đã trở về. Chỉ cần như

vậy thôi. Tôi thở phào, trút được cái day dứt nặng nề đã mai phục kín trong lòng bấy lâu nay.

\*\*\*

Áy vậ mà tôi vẫn về chậm mất gần một năm so với cái thời điểm hệ trọng đó. Một công trình xây dựng liên doanh với Bạn đã giữ chân tôi suốt một mùa mưa bên kia biên giới Việt - Lào.

Trở lại Quân khu, tôi tính nhảy ô-tô về Hà Nội luôn nhưng hỏi cậu văn thư không có lá thư nào gửi cho mình, lại ngần ngừ. Nó giận ư? Hay Hương chưa về? Không về? Hoặc... Đã nghĩ thì nghĩ cho đủ hướng theo đúng tác phong tác chiến người lính, hoặc nó đã nghĩ lại về cái gọi là một phần mười tính sẵn cho tôi? Không có lý. Nó không phải là người như thế và tôi cũng chẳng phải là cái thằng dễ chấp nhận mọi sự cuu mang của người đời. Khô! Khi còn nghèo, bạn bè đến chơi với nhau dễ dàng biết bao, bây giờ khá giả rồi, mỗi sự đến là nỗi đắn đo hèn cả người. Song tôi vẫn quyết định đi, bởi lẽ có một sinh vật đứng trên mọi đắn đo tầm thường đó. ấy là bé Thảo, hơn hai năm không gặp nó rồi.

Đến Hà Nội, trời vừa sập tối. Tôi bước về phía nhà Thắm mà chân tay lú lú như bước về chính ngôi nhà của mình, bụng dạ cứ cồn lên không hiểu giờ đây ngôi nhà nó ra sao?

Muốn đến Thắm, tôi buộc phải đi qua các gia đình của kẻ ăn mía đêm độ nào ở góc phố. Đúng là phố Nhà Binh năm nay đã ra cái dáng vàng son chói ngợp của một vị thể thương trường buôn bán lắm! Mải nhìn ngó, tôi đập mắt vào góc phố lúc nào không hay. Và hơi dừng lại. Góc phố trước trông trơn nay đã mọc lên vài ba hàng quán, đèn điện sáng trưng. Nơi có chiếc chiếu rách trải ra năm nọ lúc này là một điểm chữa xe máy bình dân với đầy đủ các loại đồ nghề vá chín, cờ lê, mỏ lét... nằm xếp lớp trong thùng gỗ. Gần đây, có chùng hai, ba

chiếc cúp xanh đỏ đang chờ đến lượt mình được sửa chữa. Quái lạ hơn, quái lạ đến nỗi tôi khó có thể tin vào mắt mình được nữa; tay thợ xem ra có vẻ đầy uy tín nghề nghiệp đó lại chính là... gã đàn ông hay ăn mía đêm ngày nào! Thùng thình trong bộ quần áo bò Liên Xô lem luốc mỡ dầu, một hàng râu quai nón chạy lộn xộn xuống tận cằm, anh ta rõ ràng ra phong thái một tay thợ lành nghề đang hết sức cầu cạo vì có sao cho đến tận giờ này vẫn còn khách đến quấy rầy! Quả thật nếu không nhờ vào cặp môi dày phồng thực vẫn đang trễ xuống kia và cái lối nhìn gườm gườm đầy tính quân chủ độc tài ấy thì có lẽ tôi đã không tài nào nhận ra anh.

Lia mắt sang phòng nhỏ tuềnh toàng như chiếc lô cốt còn nguyên màu vôi ve nham nhờ quét ầu bên cạnh, tôi lại vấp tiếp phải một điều quái lạ nữa: người đàn bà cóc cáy làm nghề chôm chia giờ đây đang ngồi trước bàn bán tiết canh cháo lòng, gọn gàng, tươi tắn và không ngại tay mức cháo cho khách. Tất nhiên, cái để tôi nhận ra vẫn là đôi mắt lá răm liếc xéo xéo qua mặt mọi người và điệu thuốc lá loại rẻ tiền ướn nhòen đang gắn trên môi.

Chưa hết! Bên trong, trên một chiếc giường ọp ẹp, giữa vùng ánh sáng đỏ quạch, có hai đứa nhỏ, con chị nựng con em đang cười rinh rích. Cha trời! Chẳng lẽ đây là hai sinh mạng đã được ra đời trên cùng một vỉa hè vĩnh viễn muỗi bay?

Bất giác tôi quay người đi nhanh sang bên kia đường. Chán quá! Thì ra người ta không chỉ chạy trốn những ấn tượng nặng nề mà còn có xu hướng trốn chạy cả những cú sốc ngọt ngào mà trái tim chai sạn ít khi được nếm trải.

Quán nước quen thuộc có ngọn đèn dầu thắp thơm dường như đang chờ tôi trong vẻ buồn tênh cố hữu của nó. Người đàn bà giáo viên không còn ngồi ở đó với nụ cười cố tạo ra nữa. Chị đã được người ta mời đi dạy trở lại. Thay chị bây giờ là ông

chồng, vốn là đạo diễn phim tài liệu vừa nghỉ hưu hoặc do công việc làm nhiều người khôn của khó mà xin về nghỉ sớm (?). Chính nhà đạo diễn đã có một thời tên tuổi này kể cho tôi nghe đoạn đời kế tiếp của gia đình gã đàn ông hay gặm mía kia. Từ nơi đóng quân cạnh vườn mía. Anh ta quyết định thuê dài ngày một chiếc xe đạp Vĩnh Cửu ngày ngày thò mía từ Đan Phượng đi buôn bán ở các huyện. Sau mấy tháng kèo kéo, người gầy rộc đi đến năm cân, anh ta đã có một khoản tiền để đầu tư vào lò đường của chính ông bố vợ trên mạn ngược. Lỡ cùng chịu, lãi chia đôi, lại trúng. Một năm sau, anh ta rút chân ra khỏi nghề đường, tạm biệt vợ con, nhảy tàu vào Đà Nẵng tìm gặp một người bạn cùng đơn vị cũ, học nghề sửa chữa xe máy. Hai tháng sau trở về, anh ta bỏ tiền thuê dài hạn cái nhà kho bỏ đi này, sang sửa một chút ít và quyết định sống suốt đời ở đây, nơi góc phố có nhiều kỷ niệm...

Câu chuyện giống như một dòng sông mùa hạ mát mẻ mà tôi vừa được trầm mình xuống. Tôi không muốn hỏi thêm về Thắm bởi lẽ tôi muốn dành cho chính tôi một sự bất ngờ mới mẻ tiếp theo. Vậy là dòng đời đang xuôi chảy thuận chiều. Gia đình kẻ khó đã có bát ăn bát để, bà giáo thạo việc đã trở lại bục giảng và Thắm, chắc chắn đang tồn tại ở một cấp độ khác hơn.

Tôi bước đến ngôi nhà ba tầng của nó... Chao ôi, màu sắc, đường nét, sự bề thế mới gọi lên dáng dấp một cái vila sang trọng làm sao! Chợt thấy buồn... Rốt cuộc, nó vẫn có được tất cả mà khỏi cần đến tôi. Thôi được, miễn là nó đã có. Thế là mừng.

Phía bên cánh cửa xếp bằng sắt sơn nhũ bạc là tấm bảng đề: đại diện hăng X thành phố Hồ Chí Minh. Chà! Gớm thay cho vợ chồng nhà này, nghĩ gì làm đó, ghê thật! Tôi bấm chuông... Cùng với tiếng chó học lên ồm ồm, một khuôn mặt thiếu niên chất phác lộ ra trên khoen tròn cánh cửa nặng nề đang đóng kín.

- Bác tìm ai ạ? - Cậu thiếu niên hỏi, tiếng nói vẫn còn ngầy ngậy chất quê.

- Minh là Hà, bạn thân của ông chủ nhà đây.

- A... Bác là bác Hà! Cô chú cháu nhắc đến bác luôn. Bác tránh ra tí để cháu mở cửa... Thế!

Sao lại phải tránh? Tôi lùi lại và nghe tức khắc tám cửa đồ sộ được dồn xếp sang hai bên ngọt xót. Khá, hóa ra cửa tự động thật! Tôi thăm kêu lên và không thể không né người đi tránh qua mồm con béc-giê lông xám to tướng đang nằm phục ở góc nhà, bên cạnh những đồng vỏ đồ hộp JVC rỗng không. Khá! Tôi lại thăm kêu lần nữa.

- Chú cháu có nhà không? - Tôi hỏi khề.

- Có ạ!... - Nó trả lời ngập ngừng - Để... Để cháu lên báo.

- Vẽ! Tao là chiến hữu ruột, báo biết gì.

- Dạ, nhưng...

Vừa lúc đó, từ trên tầng gác sáng xanh ánh đèn nê-ông bay xuống một tiếng trẻ khóc ré, liền đó là một cái bát hay cái cốc đập choang vào tường. Rồi một tiếng rít nhừa nhựa:

- Mà có cần đi không, cái con tội nợ kia! Không ăn thì cút xéo đi chứ không phải bữa nào cũng chống đũa, nước mắt ngấn nước mắt dài như thế.

Tiếng khóc được kìm nén khổ sở, chuyển sang tức tưởi. Tiếng khóc của bé Hương Thảo! Bỗng dưng thấy xót ruột, tôi bước nhanh lên cầu thang... Trời ơi, cái gì thế kia? Trước mặt tôi,



qua cánh cửa khép hờ là một người đàn ông râu ria xa lạ, tóc dài bờm xờm, áo quần nhàu nát ngồi bên mâm cơm lỏng chỏng mấy cái bát, cái đĩa lạnh ngắt, bên cạnh có chai rượu trắng đã cạn gần sát đáy. Bằng đôi mắt đỏ quạch và u tối, ông ta gằn gằn nhìn vào góc tường, nơi bé Hương Thảo tội nghiệp của tôi đang đứng khoanh tay, mặt úp vào cánh cửa sổ đóng kín, đôi vai thon nhỏ cứ từng chập từng chập rung lên... Tôi vẫn đứng chết sững. Sao lại thế này? Thăng Thâm đâu? Mẹ Hương nữa đâu? Gã đàn ông phàm phu điền đại kia là ai?

Chả lẽ lại là bố dưỡng ư?

- Mày còn thương lắm à? Hừ?

Tiếng quát tiếp tục bật ra từ bộ râu lưng nhùng nửa trắng nửa đen.

- Cút! Cút đi theo con đĩ mẹ mày! Cút! Giời ạ! Sao tôi khổ nhục thế này?

Lão ta lúc lắc cái đầu to tướng, mặt nhăn quắt lại ghê sợ và, thật bất ngờ, từ hai hốc mắt sâu hoắm của lão, anh ánh hai giọt nước mắt rịn ra... Tôi bỗng rùn người! Thăng Thâm!... Chính thăng Thâm chứ không phải ai khác. Ngày xưa, trước năm mồ đồng đội, mặt nó cũng nhăn quắt lại tột cùng đớn đau và nước mắt cũng chỉ âm thầm rịn ra như thế này.

- Mẹ ơi!...

Tiếng con chim non bật lên ai oán gọi mẹ đây đó đã đẩy tôi lùi nhanh trở lại. Tôi không đủ can đảm đứng đó lâu hơn nữa và cũng không đủ tinh táo để bước vào với cha con Thâm lúc này.

Cậu thiếu niên chất phác ngửa mặt đón tôi ở chân cầu thang, đôi mắt mở to đầy vẻ dáo dác:

- Ồ bác... Bác sao lại xuống ạ?

Tôi kéo nó ra một góc sát cửa.

- Này! Nói đi! Cái gì đã xảy ra ở đây thế?

Da mặt cậu bé thoát tái nhợt, khẽ rùng mình một cái rồi nhìn lảng đi, nước mắt rơm rớm:

- Đã một tháng nay rồi, tối nào chú cháu cũng như thế này! Khổ lắm! Trước kia...

Giọng cậu bé vừa sợ hãi vừa rề rà đến sốt ruột. Tôi cắt ngang:

- Trước kia làm sao? Cháu là thế nào với chú Thắm?

- Chú Thắm là em ruột bố cháu, ở mãi tận dưới quê kia, khi cô cháu về, bố cháu cho cháu lên đây phụ giúp công việc với chú. Lúc ấy cô chú cháu vui vẻ lắm, lúc nào cũng nói cười như nhà có hội, thỉnh thoảng lại cho bé Thảo lên xe máy đi chơi, có bạn đi đúng hai, ba ngày mới về. Khi cái chú gì tre trẻ, nói tiếng Nam Bộ, nghe nói là giám đốc hãng điện tử cùng với ba người nữa đến thuê nhà làm cửa hàng, lại càng vui, không ngờ...

- Không ngờ cái gì? - Tôi gắt khẽ - Nói nhanh đi!

- Có một lần cô cháu bảo đi thăm bạn gái cùng ở bên kia hai ba ngày nhưng đến ngày thứ tư cũng không thấy về. Ngày thứ năm thì chú cháu có giấy khẩn gọi ra Sầm Sơn nhận thân nhân bị nạn... Lúc trở về, chú cháu bỗng trở nên như thế này.

- Biết rồi, nhưng ai bị nạn? Bị nạn thế nào?

Cậu bé cúi gầm đầu xuống, nói lí nhí:

- Chết đuối... Chết đuối cả hai! Chỉ tại không biết bơi mà lại đưa phao ra xa nên bị sóng đánh tuột tay... Mãi ba ngày sau xác mới nổi, vẫn đang còn dính cứng vào nhau, bụng nghe bảo trương to lắm...

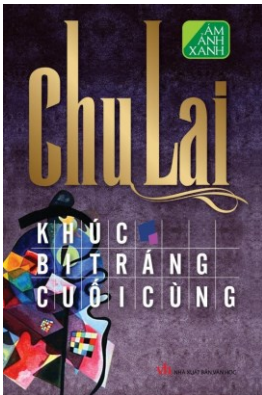
- Ai dính cứng? - Tôi gần như nắm lấy ngực áo cậu bé - Dính cứng cái gì?

- Dạ!... - Mắt cậu ta nhón nhác nhìn lên gác - Dạ, dính vào chú giám đốc thuê nhà ở tầng dưới ạ!... Khi cái phao không giạt vào bờ, mấy ông đánh cá đêm còn bảo... Nói bác bỏ lỗi, vẫn còn giắt lại hai cái đồ lót đàn ông và đàn bà...

- Thôi... Im đi!

Tôi gần như nhao ra mặt đường, đầu óc choáng váng không hiểu mình đang ở đâu, mình vừa nghe thấy gì nữa. Phố Nhà Binh lúc ấy vẫn đang chan hòa ánh sáng và ngan ngát hương thơm mỹ phẩm.

(Sầm Sơn, 25-8-1991)



## HUỶNH ÁI TÔNG

Trong bài phỏng vấn nhà văn Chu Lai, nhà văn Nguyễn Đình Tú đã viết:

*Hầu hết những người đọc sách của Chu Lai đều thừa nhận tác phẩm của ông mạch lạc, dễ đọc, kết cấu có phần truyền thống, tức là thường đi theo cái trục kể - tả - dựng xoay quanh một cốt truyện hấp dẫn chứa đựng nhiều xung đột. Ngoài “Ăn mày dĩ vãng” có một thi pháp phức tạp, xử lý theo kết cấu đảo thuật thời gian, phá vỡ cấu trúc truyện truyền thống, thì các cuốn tiểu thuyết khác có vẻ ít được tác giả chú ý đến “kết cấu”, ít tự làm khó mình và làm khó độc giả bằng các kiểu “chơi thi pháp” rất được các cây bút trẻ bây giờ ưa chuộng.*

Tài liệu tham khảo:

- Chu Lai Web:
- *Phố nhà binh* Web: [4phuong.net](http://4phuong.net)

## 14. Nguyễn Khắc Trường



### Nguyễn Khắc Trường (1946-20 )

Nguyễn Khắc Trường sinh ngày 6 tháng 7 năm 1946 tại Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên.

Năm 1965, ông nhập ngũ và phục vụ trong Quân chủng Phòng không.

Sau khi tốt nghiệp Trường viết văn Nguyễn Du, ông chuyển về làm biên tập viên văn xuôi tại tạp chí *Văn nghệ Quân đội*.

Năm 1982, ông là hội viên của Hội Nhà văn Việt Nam.

Năm 1993 ông chuyển về công tác tại tổ văn xuôi của báo *Văn nghệ*.

Năm 2003, khi đang là Phó Tổng biên tập *Báo Văn Nghệ*, ông chuyển sang làm Phó giám đốc Tổng biên tập Nhà xuất bản Hội nhà văn.

## HUỶNH ÁI TÔNG

Năm 2011, Nguyễn Khắc Trường nghỉ hưu. Ông là Chủ tịch Hội đồng Văn xuôi của Hội nhà văn Việt Nam.

Là một nhà văn viết về thể loại các tác phẩm Tiểu thuyết và Truyện ngắn, trong đó tác phẩm được xem là tiêu biểu nhất của ông *Mảnh đất lắm người nhiều ma* đã được đạo diễn Nguyễn Hữu Phần dựng thành phim truyền hình *Đất và Người* ra mắt công chúng năm 2002.

Nguyễn Khắc Trường nhận được các giải thưởng:

- Giải thưởng cuộc thi truyện ngắn báo Văn nghệ và Đài tiếng nói Việt Nam 1986 với tác phẩm *Gặp lại anh hùng Núp*.
- Giải thưởng Hội nhà văn Việt Nam 1991 cho tác phẩm *Mảnh đất lắm người nhiều ma*.
- Giải thưởng Nhà nước về văn học và nghệ thuật năm 2000

Sau khi nghỉ hưu, Nguyễn Khắc Trường sống ở Hà Nội.

Tác phẩm:

- *Cửa khẩu* (Tập truyện vừa, 1972)
- *Thác rừng* (tập truyện), 1976
- *Miền đất Mặt trời* (tập truyện), 1982
- *Mảnh đất lắm người nhiều ma* (tiểu thuyết), 1990

Trích văn:

### **Mảnh đất lắm người nhiều ma**

*Một*

Không dè cái đôi giáp hạt này lại có đủ móng vuốt nhảy xổ vào cả xóm Giếng Chùa, xóm vẫn quen đứng đầu về cái sang cái

giàu toàn xã. Nơi đây nếu tính từ phía bắc xuống, là địa danh cuối cùng của đất trung du. Có đủ sông ngòi đồi sim: ruộng lúa. Làng vẫn còn khung cổng tiên cổng hậu như hai ụ súng ở đầu bắc và đầu nam. Những phiến đất nung màu gan gà vừa to vừa dày ốp khít vào nhau, chắc đến đập không vỡ. Con đường chính giữa làng dài một cây số được lát bằng gạch vồ mua từ dưới Hương Canh - Vĩnh Phúc, mà lát nghiêng, nên bây giờ vẫn chắc khừ. Có số gạch lát đường này là bởi ngay xưa làng có lệ mỗi đám cưới phải nộp 200 viên. Trai làng lấy gái làng nộp 200 thế tức là mỗi bên có một trăm viên thôi. Nhưng nếu trai gái làng đi lấy vợ chồng ở đồng đất khác, thì gia đình cứ cũng phải chồng đủ 200 viên. Thế mới biết ngay một làng nhỏ như cái mắt muỗi, người ta cũng không khuyến khích xuất dương, không thích mở cửa ra ngoài! Làng còn quy định những người đỗ đạt từ tú tài trở lên được nhận chức từ lý trưởng trở lên, và cả thành phân này nữa, ấy là những cô theo cách gọi nôm na là hoang thai cũng phải nộp 200 viên gạch vồ. Thành thử đường làng được lát bằng những niềm vui hạnh phúc, sự kiêu hãnh, chức danh và được lát bằng cả nỗi khổ đau ê chề của những mảnh đời.

Nếu ví cả xã là cái bánh, là bông hoa, thì Giếng Chùa là cái nhân đường cái nhị mật: nghĩa là nơi có lẽ thối nhất, cái sang và cả cái gàn của Giếng Chùa cũng là nhất xã, ở đây liên tục có những người đỗ đạt và nhưng người có địa vị chức sắc, dù chỉ là chức sắc ở xã, nhưng cũng lại thường xuyên có một hai anh chàng chày cối, đến mức dù thời nào thì những gã xằng cá này cũng như sống ngoài vòng pháp luật! Từ lâu số nhà ngói ở đây vẫn đứng đầu toàn vùng, mà lại chơi cầu kỳ lợp toàn ngói ta, nhỏ và đều tăm tắp như vẩy rồng... Trông rêu phong và cổ kính.

ấy thế mà vỏ này cũng đói vàng mắt! Nhiều nhà nấu cháo phải độn thêm rau tập tàng. Nhiều nhà luộc chuối xanh chấm muối. Đến cả bà Đồ Ngật, người vẫn quen ăn trắng mặc trơn, phiên

chợ nào cũng xách làn mây đi mua hôm thì chân giò lợn ỉ, hôm thì, cá chép cả con còn giãy đành đạch.

Giờ cạn vốn, liền sáng chế ra bánh mạt ngô, thứ ngô trước đây chỉ dùng chun gà, để ăn trừ bữa. Còn ông Quản Ngư, người được cả làng khen là chí lớn gan to, nước lã mà vã nên hồ. Bởi trong lúc khối anh có của nhưng chỉ ru rú bám váy vợ ở xó nhà, thì ông Quản với hai bàn tay trắng đã từng chu du đến nửa vòng trái đất. Hết Tân đảo, Tân-gia-ba, rồi mò mẫm sang đến cả đất tây từ thời còn bóng tối.

Khi về ông đã diện oách một bộ đồ dạ màu đất sét từ chân tới đầu. Quần dạ, áo dạ đính cúc đồng, mũ dạ tròn như cái nồi đồng úp ngược, lại thêm đôi giày săng đá, giữa mùa đông mà cũng trông bức đến phát sốt? Rồi lại thêm bộ răng vàng sáng chói cả mồm! Nói cái gì ông cũng độn thêm tiếng Tây, lưỡi cứng đá ngược lên tận mái ngói, đến quãng cả mồm miệng! Và mặc dù ông vẫn ở với bà vợ yếm trắng, răng đen, khăn mỏ quạ và vẫn chẳng có chức sắc, chẳng đỗ đạt gì; nhưng ông Quản cũng có quà mừng của kẻ hồi hương là biếu làng 200 viên gạch vồ Hưng Ký, viên nào viên ấy cứ vuông bần bần như những cái gối đầu, chín đồ lim lịm. Khối người còn rỉ tai là ông có của chìm nữa. Hỏi ông chỉ cười tùm tùm loé loé ánh vàng! Bộ dạng rõ là coi tiền bạc chẳng ra gì, hãh thể!

Nhưng giờ thì toé loe ra. Đám thanh niên hay thóc mách vừa cười sùng sục, vừa kể là có đến gần tháng nay bố con Quản Ngư đóng ẻra ăn cháo cám, rồi làm bánh đồ cách thủy cho lạ miệng, nhưng nguyên liệu cũng vẫn là cám. Vì là người lịch sự ghét kêu rên, nên ông Quản không muốn người khác nhìn thấy sự khốn cùng của mình. Tưởng kín, nhưng ông quản lại hớ không biết cám có chất kết dính rất cao, ăn mà không độn thêm rau là sẽ táo bón kịch liệt. Vì thế thằng con út gần mười tuổi của ông đã kêu la oai oái vì răn đến vã mồ hôi hột mà vẫn không sao đi được? Bà Quản đã qui tiên vài năm nay, nên cuối



cùng đích thân ông Quản bảo thẳng cu ôm vào gốc khế, chống  
mông lên để ông lấy que... đào

- Có thật không? Hay lại chỉ mách qué, chúng mày thì cái gì  
cũng nhả nở cười được.

Mấy người già không tin, mắng l thì anh chàng ở cạnh nhà ông  
Quản liền vừa tả tỷ mỉ cái pha bi hài kịch kia, vừa làm cả động  
tác của bố con ông Quản, khiến mấy ông già cũng cười đến trơ  
cả lợi? Cái cười lúc đói cũng không ra tiêng, lại bóp bóp cho  
héo quắt cả mặt, trông mà nẫu ruột! Keo vật giáp hạt này sẽ  
vần cho dân làng đến mê toi đây!

Những nhà thường xuyên túng bản thì bây giờ đứt bữa hẳn.  
Nôi niêu lúc nào cũng há miệng rỗng, nhả như đầu bọt!

Những mặt người hao gầy, nhón nhác hớt hải cứ tưởng như vội  
vã đi đâu nhưng kỳ thực chẳng có gì hết, cứ ra vào quanh quẩn  
với cái bụng đói ề ề! Đường làng đầy rác rưởi và phân trâu  
phân hò. Đàn nhặng xanh bay đứng yên tại chỗ như những cái  
dấu chấm đen giữa thình không dọc lối đi.

Nắng đầu hạ đã lên một lúc lâu mà làng xóm vẫn còn trẽ nải  
như còn gà gât. Gió thổi vu vơ trên những lùm tre vàng xác,  
càng khiến những ngõ làng trống vắng đến ngẩn ngơ.

Trong chiếc lều thủng vách nửa ở ngã ba đầu làng, nắng chiếu  
qua lớp cỏ tranh đã ải, thủng lỗ rỗ. nắng tấp khấp lên chỗ lão  
Quệnh nằm. Trên chiếc võng tre ọp ẹp không mùng màn, lão  
Quệnh nằm duỗi dài thành một đống. Lão thì không sợ muỗi  
ruồi, vì da lão dày lắm. Người lão to sù sù, tính nết ngơ ngơ  
ngác ngác như ngỗng lạc đàn, đi đứng cứ dềnh dàng thộn thộn.  
Bộ nhớ và trí khôn của lão thì đại như thế này: Vắt chiếc áo,  
vắt khăn mặt lên vai, nhưng lại loay hoay cả giờ đi tìm khăn  
tìm áo. Ngày hợp tác còn ăn nên làm ra, nên tình thương và sự

uru dãi dãi với tới tất cả nhưng hoàn cảnh khốn khó; từ bà già cô quả không chồng không con, bỗng chốc có một lô cháu chắt, ấy là bà được ra làm ở nhà giữ trẻ, nơi đã có mấy cô bảo mẫu óng á trông mềm như bún, nhưng đám con trại lại gọi họ là các cô nuôi dạy hồ!. Còn lão Quềnh hữu dững vô mưu, chỉ quen làm thuê làm tớ, thì ban chủ nhiệm hợp tác xã cho Quềnh được làm chủ, mà làm chủ tập thể hẳn hoi. ấy là lão được đưa ra trại trâu, chăn dắt một tập thể 50 con trâu. Chiều tối lão cưỡi con trâu mộng to nhất lừa cả đàn về. Đếm bày trâu đi trước có 49 con, thế là lão hoảng hốt lên. Lừa trâu vào chuồng cả con mộng lão cưỡi cũng vào nốt, cài toang xong, lão chạy bổ đi tìm con thứ 50! Đến đêm người ở trại đốt đuốc đi tìm lão nói rằng đủ 50 con trong chuồng rồi. Lão về đếm thấy đủ thật, nhưng trong đầu vẫn không hiểu được con thứ năm mươi chui ở đâu ra!

Lão Quềnh ra đời như để hứng chịu tất cả những sự ngờ nghếch khờ khạo cho dân Giếng Chùa. Đất làng này nghe nói từ khi khai thiên lập địa, thầy địa lý đã bảo là ở vào cái thế có vượng nhưng nghịch, cho nên từ xưa xưa đã có Câu ca: *Ai may được ngọc Giếng Chùa. rúi ai núi Bụt thả bùa ma trên*

Vậy thì từ thời còn chùa và còn chiếc giếng làng to bằng gian nhà kê đá ong trước cửa tam quan đã ai bắt được ngọc ở đấy chưa? Chịu! Với lại dù có được thì người ta cũng im đi thôi, chứ ai dại gì mà khoe mình vớ được của! Bằng mời trộm đến nhà! Còn ma núi ông Bụt, vì quả đồi ở đầu làng có dáng một ông bụt ngồi, thì nghe đồn thật nhiều chuyện. Những người già ở đây kể rằng núi ông Bụt ngày xưa rậm um tùm: những cây cột đình chật một vòng tay ôm là chật từ đấy. Trong núi có hồ, báo, vượn trắng, trần gió, rắn đầu vuông có mào đỏ chon chót như mào gà, và đặc biệt là nhiều ma? Nhiều người quả quyết mình đã gặp ma núi ông Bụt. Mấy bà hàng xóm hay đi chợ sớm, báo có lân đến gần núi ông Bụt thấy một người đàn ông đi trước mình chỉ chừng mười bước chân dáng đi lại ve vẩy như đàn bà trông chậm mà không tài nào theo kịp. Gọi mãi người

ấy mới quay lại, thì thấy mặt trắng như nặn bằng phấn, miệng bỗng nhe ra cười khanh khách, cười liền một hơi không dứt, hơi phả ra lạnh toát. Chớp mắt một cái, người đàn ông biến mất. Phiên chợ ấy mấy bà hàng xáo vốn đành hanh mà thành ra lú lẫn cả. Người thì bán một lại cân hai, người thì giao gạo mà quên nhận tiền, thật là đồ của xuống sông. Ma trêu đây! Một ông đi đánh trúm lươn thì bảo lúc sẩm tối, ông đang thả trúm ở đầm dưới chân núi, bỗng nghe tiếng ru con lơ lửng phía trên đầu rừng; ngừng lên thì thấy chót vót trên cành si một người đàn bà tóc xoã phủ kín mắt, tay ôm cái bọc trắng toát vừa nhún cành si rung tít như đưa vong, vừa ru nỉ non như than như oán. Hôm sau ông đi đổ trúm, thấy trong ống toàn rắn nước!

Ngày ấy có một chàng trai tuổi mới mười bảy, nhưng lớn phồng phao như đã thanh niên. Mặt mũi thô vụng thật thà. Bỗng một dạo cứ ăn cơm tối xong là chú chàng biến đi đâu chừng già xong một cối gạo mới về. Hỏi, cu cậu chỉ ậm ừ con đi đàng này rồi lảng ngay. Cha mẹ sinh nghi. Hay thằng này đã tự kiếm được món nào? Trò đời trai tơ mới lớn thì không say gì bằng say gái. Chỉ có gái thì chú mày mới chăm linh như thế. Một tối, khi cậu vừa đi, ông bố liền lẳng lặng bám theo, thì thấy chú xăm xăm đi tắt qua cánh đồng. Tới gốc gai đầu núi ông Bụt, bỗng một tiếng hỏi rất thanh, như reo từ trong nhưng chùng rề rùm roà như một cái ô dưới gốc si già. Rồi tiếng một người con gái thì thầm, không rõ cô ả nói gì, cứ dập da dập dính ra điều vui lắm. Phía sau ông bố nén cười, đã bảo mà! Cứ tưởng cậu cả khù khờ, thế mà khá? Con hơn cha là nhà có phúc! Nhưng con bé nào mà tiếng chua chua nghe lạ thế nhỉ? Ông bố còn đang dùng dằng nửa muốn tò mò nghe chuyện, nửa muốn bỏ về, thì đôi tình nhân diu nhau từ trong gốc si đi ra. Và, tức thì một đàn đom đóm bỗng từ đâu túa dậy con nào con ấy to khác thường. Chúng cùng chớp cánh một lúc, khiến cả khoảng không sáng rực lên như thấp đèn. Trong quang sáng quái đản đó, ông bố đã nhìn thấy một người con gái trắng lôm lốp từ chân tới đầu. Tóc rất dài, buông xoã, khiến khuôn mặt

lấp vào trong mờ ảo không sao nhìn rõ được. Chân đi nhẹ như lướt. Ông bô chớp mắt, định thần để nhìn cho rõ, thì thấy người con gái kia chỉ là một cái bóng trắng, một hình người chứ không phải người. Cái hình người ấy đi tựa vào vai con trai ông. Đang chập chờn ở bên trái, chớp mắt một cái, lại thấy cái bóng đi bên phải cậu cả, và rất nhanh đã hiện rõ iô lộ một người đàn bà đẹp như tiên sa. Cậu cả bước thập thò như một người mê, mặt mũi cũng hoàn toàn như người trong mộng. Bầy đom đóm cứ chao lượn theo hai bóng người. Ông bô đứng vùng dậy, thét lên: Ma!, thì một tiếng kêu cũng vỡ ra, nghe sắc lạnh như đập một cái bình sứ. Trời đất tối sầm lại. Ông bô lao đảo, rồi người cứ mê thiếp đi.

Rồi bô con ông về được tới nhà bằng cách nào? Ông không sao hiểu nổi. Vì khi tỉnh dậy ông đã thấy mình nằm ở giữa nhà, xung quanh đèn nến hương khói nghi ngút. Ông thầy cúng mặc áo đỏ, đội mũ giấy, vừa gõ chập cheng, miệng vừa đọc lầm rầm. tay cầm roi dâu, đó là roi trị tà của thầy cúng, quất vun vút vào không khí. Hôm sau ông dứt con, khỏi. Còn cậu cả thì vẫn li bì. Đang nằm thiêm thiếp, cậu bỗng vùng dậy, tay đưa lên bới tóc, kiêu bới tóc của đàn bà, rồi khóc như mưa như gió. Vừa khóc vừa kể lể ai oán, rằng người ta cướp chồng của tôi, đây đọa tôi ở góc si sương gió một thân một mình. Đang lâm li sụt sướt, lại bỗng rú lên cười sằng sặc, tiếng cứ lạnh vót lên, sắc như lưỡi dao cạo vào tinh nứa! Cười đến đâu hai bàn tay cứ chéo vào nhau đen đét đến đây. Rầm rĩ một hồi, rồi cậu bỗng ngã kèn ra, mặt quay vào tường, lịm phắc như tắt thờ!

Thầy phải cúng liên tiếp ba đêm bảy ngày để xin lại hồn vía cho cậu cả. Ngày cuối cùng phải thừa một hình nhân cao lớn bằng đúng cậu cả, sắp một cỗ xôi và một con gà trống chưa đập mái. Buổi tối mang ra góc si tạ. Hình nhân thì hoá vàng còn mâm có thì để lại. Khi ra về thầy cúng còn đóng một cái bùa đựng trong ống nứa xuống đất, tức là yểm đề ma mất đường theo. Đêm ấy người ta nghe thấy tiếng khóc tỉ tê trong những

chùm rễ si. Sáng ra nhìn cỗ xôi con gà vẫn còn nguyên, nhưng nhớt nhát có mùi tanh. Xôi gà mà lại tinh ma vầy đây! Còn đom đóm thì chết dày quanh gốc si như một sự tuần tiết, vun được một đồng con nào con nấy to bằng đầu đũa.

Cậu cả ôm một trận thập tử nhất sinh rồi khỏi. Nhưng từ đây cậu cứ ngờ ngờ ngẩn ngẩn, lúc nhớ lúc quên. Hỏi đâu cũng không được vợ. Cả những cô sứt môi lồi rốn cũng không dám lấy, vì sợ ma vẫn ám trong người cậu. Ông bố nghe có người xui: suốt mùa hè năm ấy cứ đi rình để bắt con chim cuốc thất tình. Họ bảo có những con chim cuốc bị người ta đánh bầy mất bạn tình, buồn, nó không ăn không uống, tìm một chỗ khuất lói đứng kêu xà xã cho đến chết. Cậu nói ra rả như cuốc kêu chính là chỉ những con cuốc đơn côi này. Mà thật kỳ lạ, bao giờ nó cũng đứng một cành nhỏ để những ngón chân quắp chặt vào cây. Khi hết hơi chết, nó lộn đầu trở xuống, treo lủng lẳng. Mới hay giống sinh vật nào đã dám chết vì tình cũng đều chọn một tư thế hiên ngang đến rùng rợn! Cũng như ở sông nước có những con cá sấu bị lẻ đôi, nó đã tìm nơi có cành cây mọc là ra mặt nước, rồi nhảy ngược từ dưới nước lên, tấp đuôi ngoác cứng vào cành cây. Cứ thế nó treo mình thẳng đứng như một đầu chাম than giữa trời và nước cho đến chết! Nhưng trường hợp này hiếm lắm, vì cá sấu là giống tham ăn - Đã xấu lại còn tham! Mà phàm giống gì cũng vậy, đã tham ăn thì hay sợ chết!

Lại nói những con cuốc chết vì tình. Người ta bảo xương của nó làm bùa yêu rất nghiệm. Đốt lên thành than, nhúng một tí vào nước cho đối tượng uống, thế là cứ theo không? Ông bố quyết cứu vớt cái cung thể cho cậu cả bằng con đường bùa mê thuốc lú này. Tới nào ông cũng lần mò đi nghe cuốc kêu. mặt mũi nhớn nhác như người đã hoá dờ! Thế rồi chưa tìm thấy con cuốc tử vì tình thì chính ông đã tử! Ông chết nhẹ như đùa! Đêm nằm ngủ thế rồi ông không dậy nữa! Từ đây gia cảnh sa sút nhanh. Cậu cả dùng cái sức cơ bắp của mình đi làm thuê làm mướn kiếm ăn. Làm như trâu nhưng chẳng biết mà cả vùi

vĩnh, vì thế ai có việc gì cũng mượn cậu, và ai cũng có quyền đùa bỡn cậu. Ngay cả cái tên Quỳnh đẹp đẽ của cậu người ta cũng biến báo đi thành Quênh - Cậu Quênh, anh Quênh và bây giờ xế bóng là lão Quênh.

Có thật tiểu sử lão Quênh như thế không? Hay chỉ là giai thoại người ta dựng lên để tặng phần linh thiêng cho núi ông Bụt? Nhưng đây là núi ông Bụt ngày xưa. chứ bây giờ núi ông Bụt đã bị phạt trụi lấy gỗ làm củi, bị đào bới để tìm đá ong, lấy đất sét nung gạch, thì không ai còn gặp ma quỷ đâu nữa. Thời buổi táo tợn đến ma quỷ giọi tàng hình cũng hết chỗ trú. Thế thì ma quỷ đi đâu? Hay ma quỷ đã bị người trần cắt hộ khẩu? Mấy anh trợn trạo đã cười cười một cách láu cá hỏi ông thầy cúng mà ở đây vẫn gọi là cô thống Biệu như vậy. Biếu là tên cúng cơm, còn cô thống là một từ chung để chỉ những người làm nghề cúng bái. Mới hay nghề nghiệp nào cũng có tướng mạo riêng của nó. Đã là thầy cúng, thầy mo, thì cái cần đầu tiên là phải có dáng đồng cô bóng cậu. Đi đứng ẻo ợt, nói giọng kim râu ria chả có và cái ăn cái uống cũng như đàn bà con gái hơn là giống đám mày râu. Nghĩa là cô thống Biệu mỗi bữa chỉ uống một chén rượu, sợ ợt sợ tỏi, ưa của chua hơn là ưa cay ưa chất. Năm nay đã gần chín mươi tuổi, non một thế kỷ đã đi qua cái dáng mảnh mai của cô. Với bộ mặt nhọn như mặt chim, nước da mai mái, cả mép cả cằm nhẵn thín không một sợi râu, nên nhìn cô không thể nào đoán được tuổi. Răng cô cũng nhỏ như răng phụ nữ, và vẫn chắc. ăn trầu thuốc cứ đen nhưc, môi cắn chỉ. Cô đi thông thả thông thượt, nhưng cô cũng có con đàn cháu đống hăn hoi. Thì ra cô vừa giỏi việc âm vừa tài việc dương! Nghe mấy anh chàng mặt sùi trướng cá, vừa cười nham nhở, vừa hỏi về ma núi ông Bụt bị người trần cắt hộ khẩu. Cô thống Biệu đã giương cặp mắt bạc phếch, trông chỉ rất lòng trắng, tưởng như mắt cô đang toả ra một làn sương khói, và cô đã nói với cái giọng thanh thánh thế này:

- Đùng tưởng đất này đã hết ma. Ma còn đang đẻ sinh đôi sinh ba nữa cơ đấy! Các vị có nhớ hôm trước họp tác họp để đòi chia ruộng khoán không? Cứ như cuộc chọi gà, chọi trâu ngày xưa! Chả ai chịu nhả miếng nào. Cả làng có mỗi xứ Đồng Chùa là thượng đẳng điền, thì từ ông cán bộ đến bà xã viên, ai cũng muốn vợ giết về mình. Có đời thuở nào anh em ruột cũng cãi nhau, tranh nhau đất hương hoả ngay ở đấy. Vợ chồng ông Tý Hối mới kinh, bỏ nhau mỗi người một niêu, họp tác giao ruộng, ai cũng tranh thừa tốt. Vợ chồng thách nhau giữa làng: mà mà làm ông phá. Mấy là đòi ruộng cũ không được thì bù lu bù loa lên, cứ nhao nhao như chào mào ăn dom! Xưa nay người ta chỉ sợ người chết chứ ai sợ người sống? Có đúng không hở? Chỉ sợ ma chứ ai sợ người. có phải không hở? Thế mà hôm ấy tôi đi nhận ruộng hộ con cháu, thấy hốt quá Nhìn chả thấy người đâu, toàn ma. Những thân người sống ngồi đấy mà mà cảm còn nhận ra ai nữa.

Càng nhìn càng thấy đúng là những ụ mồi, những bao bì dựng ngược, cái cao cái thấp lổ nhìn đây nhà! Những con ma tham, ma ác từ đấy chui ra, con nào cùng lạnh chanh lạnh chói mồm năm miệng mười, chả còn bùa đâu mà yêm cho xuê! Đây, các người đừng có vội tí toé, ma nó vẫn ngủ gà ngủ gật ngay trong lòng các người!

Lão Quènh bỗng thức giấc. Cái đói thúc lão dậy, lão dụi cặp mắt mờ dần, đóng bộ tai to nhưng mong dính: mông đến độ nhìn thấu qua được. Những người sính xem tướng bảo cái tai thỏ ấy dù có cắm vào cái đầu con cáo thì cũng vẫn là đồ bỏ, vẫn tứ thời kiết xác. Lão lắng nghe. Đúng là có tiếng trống phát dần từ trong làng. Anh nào lại chết đây! giữa lúc này không biết chết no hay chết đói. Suốt hai ngày nay lão chỉ độc nắm ngô, rang lên nhai, rồi uống thật nhiều nước vào mà vẫn không lấp được cái khoảng trống quá lớn trong bụng lão, vì sức ăn của lão nói như người ác khẩu là như hùm đồ đó!

Lão quay sang khe hở của phen liếp, nhìn về phía khu nhà uỷ ban xã. Cả một dãy nhà ngói bên ấy cửa đóng im im như mồm thăng câm! Có đến hơn tuần nay các ông bên ấy không đánh chén, khiến lão mất chỗ dựa! Đã hơn năm nay lão sống dựa vào những bữa rượu kia. Đều đặn tuần nào cũng vài ba cuộc. Không uỷ ban thì Đảng uỷ, rồi ban quản lý hợp tác xã, rồi các đoàn thể. Hội họp lu bù Các ông ấy càng hội họp nhiều thì lão Quènh càng thích! Vì động họp là động thót. Cái meo ấy là của tay Tám lé thợ cạo, chủ cái quán này. Người ta gọi là Tám lé vì mắt hắn hiêng lệch đi như xe sang vành, nhìn cứ xiên xiên. Có lần đánh kéo Tám đã xiên cả một mảng da đầu của khách. Suốt ngày được sửa gáy vít đầu thiên hạ: mà Tám vẫn không đủ vất mũi dứt miệng.

Người đã như con hạc thờ, lại một vợ bốn con, quanh năm hết giạt tạm lại vay nóng. Vì nợ hợp tác xã nhiều quá, vợ chồng Tám lại phải xung phong đi kinh tế mới trên huyện miền núi để được xí xoá ( ở đây có lệ thế ). Trước hôm đi, đến uỷ ban lấy giấy. Vừa ra đến đây thì Tám lé gặp lão Quènh đi đào ao thuê. Tám liền kéo Quènh vào cái lều này, rút trong túi ra một cục cỏ rứt, chuyên tay nhau tu. Đang lúc đói, rượu dẫn nhanh như điện. Đến khi dốc ngược cái cục, thì cả hội cùng lằng lằng từ đầu đến tận gan bàn chân. Tám liền bá vai Quènh, đôi chân cò hương với cái đầu gối củ lạc nhún nhảy, cái giọng kim eo éo được tám rượu đã thành nghề ngà: Anh Quènh rằng này anh Quènh ơi, ngồi nghe ta nói cách ăn chơi.

Tưởng say nhưng hắn xui khôn đáo để. ở người nghiện, rượu là một thứ động cơ, phát động được cả sức lực và trí tuệ. Tám bảo Quènh bỏ phút cái túp lều ở trong xóm. Nằm cạnh nhà người em là lão Quàng không những chiếm hết cái khôn cái ngoan, mà còn chiếm hết cả ao cả vườn, chỉ xí lại cho Quènh một góc ồm nắng ven ven chừng dăm cái nong. Vợ chồng Quàng trước cũng túng, bóc ngắn cắn dài, nhưng dăm bảy năm nay, kể từ ngày Quàng được giữ chân quý tín dụng của hợp tác xã thì đã



nhắm khá dần lên. Nhưng có khá mấy thì vợ chồng Quàng vẫn tham và kiệt, chỉ khi nào có những việc thổ mộc nặng nhọc thì vợ chồng Quàng mới nhớ đến ông anh Quềnh. Vậy thì ra đây, cạnh mặt đường này ai có công có việc đến nhờ cũng tiện. Tám lế tặng lại cả chiếc chõng tre và chiếc ghé bó, dụng cụ giúp Tám cạo râu ngoáy tai cho thiên hạ để kiếm gạo. Nhưng điều quan trọng là từ đây nhìn xéo sang nhà uỷ ban rõ mồn một. Hề bên ấy động đũa động bát là đây biết ngay. Muốn ăn thì lặn vào bếp. Mà có lặn vào thì cũng là ăn của dân của xã chứ chẳng phải của mấy ông. Nhưng dẫu vậy - Tám dặn Quềnh cũng phải biết phận. Thấy động thớt là đi công sau, vào nhà dưới. Thì đi đường nào mà tới được mâm chả tốt! Cái công sau ấy, cái bếp ấy nhiều phen đã cứu Tám những bàn thua trông thấy! Giờ lão Quềnh tiếp thu cái vị trí lợi hại này, đúng là lão bóng được nhiều bữa nhòn môi. Có hôm lại thủ được cả lưng chai rượu về uống ngâm nga suốt đêm. Thế mà đã hơn tuần nay không thấy bên ấy họp hành gì! Hay họ lại kéo nhau ra quán bà Lợi béo có cái mông lồng bàn ở trên chợ kia. Quán ấy trước chỉ bán thuốc, bán nước nhi nhằng. Mới đây đổi sang quán ăn. Trước cửa treo lủng lẳng chân giò và những con gà luộc từa mớ vàng nhóng nhánh. Gian bếp đằng sau lúc nào cũng khói um tùm, thơm inh. Thôi đúng rồi, họ đã dời mâm lên ấy rồi. Để khỏi phái khua dao thớt, vừa tiện vừa kín, tránh được mồm được mắt thiên hạ. Thế thì nguy cho lão Quềnh này quá! Mấy ông đúng là uống nước cả cạn?

Lão Quềnh vừa quảy người ngồi dậy, lại thêm mấy chiếc nan tre gãy roàn roạt, thì bên ngoài bỗng có tiếng gọi lão phào:

- Đi uống rượu đấm ma đi ông Quềnh!

- Bây giờ còn ngủ hả ông Quềnh? Hay đêm qua có bà nào trú nhờ trong ấy!

Vừa dứt lời một đám thanh niên tuổi những những đã ùa vào đây căn lều. Đám trai làng đang tuổi ăn tuổi lớn như những chú nghé tợn, chân tay khềnh khoảng chưa định hình, nhưng da thịt trông óp quá, mặt mũi thô gầy góc cạnh. Cái thiếu, cái đói hiện lên từ ánh mắt mệt mỏi đến nước da mai mái và cặp môi khô tong tóc! Được cái vẫn tếu. Chúng tìm điếu, rồi thần nhiên bẻ phệnh vách làm đóm, kéo thuốc lào. Cái điếu cạn nước kêu nghìn nghịt như người hen tắc cổ. Anh chàng mặt sần sùi trúng cá, vô bôm bốp vào miệng điếu, giọng khào khào trong khói thuốc:

- Điếu điếc gì mà khô rông rốc như hang chuột ruộng cạn. Mấy hôm nay bố ngót điếu lấm hử? Thì đi đào huyết với cánh này thì sẽ có com rượu tử tế. Cụ cố nhà họ Vũ đã tịch thì không phải chuyên đùa. Ông Phúc đã trữ lợn to hàng năm nay rồi.

Lão Quềnh vớ cái áo bộ đội tàu tàu cứng như mo nang vẫn cuộn làm gói, đưa lên lau mặt, rồi vừa ngáp vừa nói ề ề:

- Thảo nào có tiếng trống phát dẫn từ bành mắt. Hoá ra ông có Đại chết à? Sướng thế sao lại chết? Mà ông cố vẫn ở bên nhà Quý chứ.

Đám thanh niên cười hô hố:

Đúng là trí nhớ ông Quềnh! Thế hôm trước ông ăn xôi ăn chuối mừng thượng thọ cụ cố ở nhà ai? Nhà ông Phúc hay nhà Quý?

Lão Quềnh ờ ờ như sực nhớ. Đám thanh niên rít thuốc xong lòi kéo lão đi, nhưng lão trắn lại. Đám trai tráng này được chủ nhiệm hợp tác xã gọi đến để đi đào huyết cho ông cụ cố họ Vũ mới chết đêm qua. Không phải lão Quềnh ngại không ai mời mà đến, không mời thì lão cũng đến! Lão vẫn khoe là đã từng ở với ông Phúc con cả cụ Cố, trưởng chi họ Vũ Đình bây giờ cùng một đội du kích từ thời Tây kia (kỳ thực ngày ấy du kích

tuyển anh thanh niên Quềnh vào để thêm một tay đào hầm. vì Quềnh đào khoẻ như một con tê tê dũi đất). Cho nên bố ông Phúc chết thì lão phải đến chứ. Nhưng thư thư đã. Chứ bây giờ đành đối run cả gối mà ra đòi đào huyết thì có khi đến ngã ngay xuống đấy! Lão Quềnh vực dậy đi ra sau vườn, nơi còn mấy dây khoai lang bò nguều ngoài, lão hái tuốt tuốt từ gốc đến ngọn. ít quá, lão nhổ cả rễ, vặt những củ bằng ngón tay, rửa qua quít, rồi cho vào chiếc xoong cút tai đun lên. Một nồi canh nhộn nhạt vừa củ vừa lá, rắc thêm tý muối trắng. Lão húp sật soạt, nuốt chửng, như voi uống thuốc gió ăn giờ miệng, con tì con vị được đánh thức, cái đói càng tăng thêm, bụng càng thêm com đến cồn cào. ấy thế mà có người ăn không hết của lại lăn ra chết. Được sướng mà phải chết thì cũng là khổ! Vừa mới hồi trong năm, lúc gặt hái xong, cả chi họ Vũ Đình làm lễ thượng thọ mừng cụ Cố tròn 90 tuổi thật là thịnh soạn. Ông Phúc đứng chân chủ hộ cho mời hết lượt các chủ hộ xóm Giếng Chùa. Ai đến cũng được ăn xôi đậu xanh và chuối trứng cuốc. Lão Quềnh cũng đến. Người thì đến vì được ăn. Người thì đến vì tò mò. Bởi cụ Cố đã nhất quyết từ mặt ông Phúc có đến hơn 30 năm nay rồi. Lâu nay cụ Cố ở với Quý là em ông Phúc, mặc dù vợ chồng Quý làm ăn chỉ giật gấu vá vai chứ không được dư dật như ông Phúc. Nhưng thiếu vay đâu thì vay, chứ cụ Cố nhất quyết không cho vợ chồng Quý vác rá đến ông anh giàu có. Tết nhất giỗ chạp cũng mặc. Ông Phúc làm nhà ngói năm gian, đốt pháo đùng đùng hôm đặt cây nóc, cụ Cố cũng bỏ ngoài tai! Mấy đứa con ông Quý về khoe là bác Phúc mới mua xe eúp và máy nghe nhạc, vắn mở suốt ngày âm âm như có đám cưới, thế là cụ Cố la toang lên, rằng là chúng mày có để cho ông yên không! Hơn ba mươi năm mỗi hạn của Cụ như vẫn chưa nguôi. Đại - Sang - Phú - Quý - Lộc - Tài, tên bố con cụ Cố như vậy, nhưng cụ bảo lại hóa ra là đại vô phúc! Bố con cụ đã làm trò cười cho thiên hạ! ấy là hồi cải cách ruộng đất, cụ bị quy là địa chủ. Lúc ấy thanh niên Phúc đang làm bí thư đoàn thanh niên toàn xã, vì Phúc đã được kết nạp Đảng từ mấy năm trước, khi còn ở du kích. Để tỏ rõ mình không bị giai cấp địa

chủ nhuộm đen, mình đã ly khai nguồn gốc xuất thân, không dính dáng gì tới kẻ bóc lột, vợ chồng Phúc ra ở riêng. Suốt ngày Phúc bám đội trưởng cải cách. Đội trưởng tên là Cường. Nhưng không được gọi là Đội Cường. Hôm đầu có người gọi thế đã bị triệu lên xã để giáo dục quan điểm lập trường, rằng là chỉ có thời phong kiến đế quốc mới có Cai có Đội, chứ ở đây gọi như vậy là bôi nhọ thanh danh người chiến sĩ cách mạng! Phải gọi là đồng chí Hùng Cường. Đồng chí Đội trưởng Hùng Cường. Rồi người ta rỉ tai nhau rằng đồng chí Hùng Cường không thích xung quanh gọi mình là Đội Cường, bởi vì rằng chính ông cụ bà cụ có diễm phúc sinh ra đồng chí Hùng Cường là người ở xã bên kia sông chứ đâu xa. Hai ông bà từ dưới xuôi tản cư lên đạo có nạn đói năm Dậu. Nghe nói quê của ông bà ở vùng toàn đội đầu. Từ thúng thóc, gánh lúa, đến việc thổ mộc là đào đất từ dưới ao lên, không gánh không vác mà cứ đưa cả lên đầu trông khiếp lắm, tưởng như gãy cổ đến nơi. Hai ông bà đi đội thuê đội mướn kiếm ăn. Vì thế bên xã ấy người ta quen gọi là ông Đội, bà Đội. Nghe nói đồng chí Hùng Cường ngày ấy gầy yếu lắm, nên bố mẹ cứ gọi nôm na là thằng Còm. Thế mới biết sông có khúc, người có lúc: từ thằng Còm đã lớn bông lên thành đồng chí Hùng Cường. Vẫn cao, vẫn gầy, da vẫn dính sát vào xương, nhưng giọng nói thì thật là người có quyền. Nhất thanh nhì sắc, cứ choang choang. Nói một câu là quan trọng một câu. Đã có người lân la hỏi chuyên gia cảnh, thì đồng chí Hùng Cường vẫn tắt mình là thành phần cơ bản, bố mẹ đều giai cấp cốt cán; rồi đồng chí chân chính ngay là không nên quá nặng nề tư tưởng gia đình, mà phải nghĩ đến sự nghiệp cách mạng trên hết. Thế là cách, không ai dám hỏi chuyện gia đình đồng chí Hùng Cường nữa.

Phúc cứ bám riết lấy đội trưởng Hùng Cường. Đến nỗi có mấy thanh niên hay thóc mách kháo nhau rằng đã bắt gặp đồng chí Hùng Cường đi sâu đi sát quần chúng, đến bắt rẽ với cô Tý con bà Tẹo ở cuối xóm. Nhà chỉ có hai mẹ con, bà Tẹo lại vừa hỏng mắt lẫn hỏng tai, chỉ có cô Tẹo tuy xấu người, nhưng phốp

pháp dễ dãi. Họ bảo thấy đồng chí Hùng Cường đến bắt rẽ cốt cán để tìm hiểu tình hình của làng, đã ăn cơm thịt gà rồi ngủ luôn ở đây đến sáng sớm hôm sau đi công ngạch về trụ sở. Trong lúc đồng chí Hùng Cường đang đỏ mặt lên lúng túng, thì Phúc đã gọi ngay mấy thanh niên ấy lên làm kiểm điểm vì đã ăn phải dưa của bọn bóc lột, tung tin nói xấu cán bộ đội. Họ chỉ bộ đồng chí Hùng Cường tuyên dương Phúc là đã có tinh thần kiên quyết dứt bỏ được giai cấp phi vô sản, tự nguyện phục vụ sự nghiệp cách mạng của giai cấp công nông. Đêm nào Phúc cũng tổ chức thanh thiếu niên đi cổ động, đèn đuốc cứ rùng rục như đình liệu, hô Đả đảo bọn địa chủ cường hào ác bá đến khản đặc cả tiếng. Trống đánh đến bồng dùi. Rồi đoàn cổ động hô vang Đả đảo tên địa chủ bóc lột Vũ Đình Đại! Kiên quyết đánh đổ tên địa chủ Vũ Đình Đại ầm ầm nộ khí.

Sáng hôm sau Đội tổ chức cho dân làng đấu tố Vũ Đình Đại, tên địa chủ có 5 màu ruộng, 3 trâu cày, ngày mùa, ngày vụ dăm thuê gần chục nhân công làm cho nhanh. Mặc dù tên Đại cũng hai bữa cơm đèn, làm quần quật như trâu nhưng đây chính là âm mưu của nó ta không được mơ hồ lẫn lộn, vì nó làm để ộp những người vô sản không có tư liệu sản xuất phải đi làm thuê làm mướn kiếm ăn, nhưng đã bị những tên cường hào như những cái vôi cua con bạch tuộc bóc lột đến tận xương tủy. Ta phải vạch trần tư tưởng đen tối của chúng ra. Đồng chí Hùng Cường đã phân tích sâu sắc cho mọi người hiểu như vậy.

Cuộc đấu tố được tổ chức ở ngay giữa sân nhà Vũ Đình Đại. Hai vợ chồng Đại cùng mấy người con; tức những người em của Phúc chưa vợ chưa chồng, vẫn ở với bố mẹ, tất cả được lừa ra giữa sân như một đám hành khất, ngồi bệt xuống giữa vòng trong vòng ngoài dân làng. Vợ Phúc cầm cái liềm nhảy chơi chơi trước mặt những kẻ bóc lột, cái mỏ liềm cứ mỏ trước mặt Vũ Đình Đại, vừa mỏ chị vừa kẻ tội bọn chúng đã bóc lột, đã đè nén mình ra sao. Chị kể dài dòng và hay trùng lặp quá đến nỗi đồng chí Hùng Cường phải nói chị tạm nghỉ cho bớt xúc

động rồi sẽ đấu tiếp. Đến lượt mình, Phúc bước ra, mở đầu bằng câu hỏi:

- Địa chủ Đại, mày có biết tao là ai không?

Ông bố đã trả lời thế này:

- Dạ thưa tôi có biết ông, vì tôi đã trót dẽ ra ông!

Đồng chí Hùng Cường đang ngồi bàn chủ tọa phủ chiếc chăn hoa, liền đập bàn đánh rình, đứng dậy:

- Địa chủ Đại không được ăn nói xỏ xiên! Đây chính là bản chất ngoan cố của giai cấp bóc lột.

- Đả đảo tên địa chủ Vũ Đình Đại xỏ xiên! - Một thanh niên cốt cán liền hét lên, thế là tất cả ầm ầm như vỡ chợ: - Đả đảo! Đả đảo!

Lời nói gió bay, nhưng lại có những lời như đóng dấu chính vào in não mọi người. Đến bây giờ những người đứng tuổi ở làng Giếng Chùa này vẫn nhớ như in những câu đối đáp của bố con ông Đại - Phúc trong buổi đấu tố ấy. Vì thế hôm giáp tết mới đây, khi vợ chồng con cái ông Phúc đón được cụ Cố về, rồi làm lễ thượng thọ mời cả làng đến dự thì ai mà không tò mò ai mà không muốn đến xem bố eon ông cháu nhà ấy đối đãi với nhau như thế nào. Một sự tái hợp hiếm có. Nhưng duyên do đề có được bữa tiệc hi ấy, thì không ai biết được, là một tối kia, khi thấy ông cụ đã yếu lắm, một ngày khỏe thì năm bảy ngày đau. Ông Phúc đến nhà em trai, và vẫn tư thế của người quyền biến, với cặp mắt ba góc nhìn cứ ngăm ngăm, ông bắt Quý xua hết vợ con xuống bếp, để trên nhà ba bố con, ba người đàn ông rường cột của chi họ Vũ Đình có cuộc đàm phán mang tầm cỡ chấm dứt chiến tranh!

- Năm nay ông đuối sức lắm rồi - ông Phúc bắt đầu vào chuyện - ông về bên con tỉnh đường cho tiện, chứ bên này chú thím nó vừa túng vừa neo người trông nom.

- Tao không đi đâu hết. Tao quen sống nghèo khổ rồi? Nghèo khổ còn yên ấm bằng vạn có tiền có của mà bị nhục!

Cụ Cố với nước da mỗi xam đen, tóc lưa thưa, bạc và khô xác, đang nằm thở khò khở trên chiếc giường tre, loại giường cổ lỗ cách đây mấy chục năm; lại thêm chiếc màn xô màu cháo lòng, vá vúi túm tó như vỏ tôm. Đã nhiều lần ông Phúc sai con mang bánh giò bánh dày, mang sữa sang, cụ Cố cứ nằm trong chiếc màn ấy, như nằm trong chốn trú ngụ cuối cùng của cuộc đời, đầu kê lên chiếc gối mây đã ngả màu đen kít, miệng phóng ra những lời cay độc, đuối như đuối tà: Mang về! Mang về! Để cha mẹ con cái chúng mày ăn nhau cho béo rồi lấy sức mà đào mồ đào mả ông bà ông vải lên!

Lần này cụ Cố vẫn nằm đấy, mắt không nhìn người con trai đã đầu tổ mình. Vừa nói, cụ vừa thở khó nhọc, nhưng con nộ khí trong lòng xem ra vẫn chưa một chút hạ hỏa! Ông Phúc cứ để mặc cho cụ via già nói thỏa thuê. Ông điềm nhiên kéo thuốc lào xoe xoe. Ông Quý thì càng ngồi im như thóc. Quý vốn là người chỉ biết bới đất lật cỏ làm ăn, còn nguyên vẹn là một nông dân thuần phác, dễ phục tùng. Việc gì Quý cũng lấy êm ấm làm đầu. Trong nhà Quý nhường nhịn ít lời hơn cả vợ con. Nên trong việc giữa bố và anh, Quý mặc? Thế nào cũng được.

- Bố chỉ bực bõ những chuyện vặt! Không nhìn xa được khỏi bờ rào! - ông Phúc bắt đầu công bố quan diêm của mình - Thời bấy giờ nó nhiều nhưong, trắng đen lẫn lộn, cóc ngóc nhảy lên làm người! Muốn còn chỗ đứng thì phải biết lựa. Chân dù có nhún nhưng lòng vẫn khinh. Nhún với mấy thằng hách xằng để giữ cái lớn hơn, cái lâu dài. Bấy giờ không thế thì làm gì. còn Đảng! Mà không có chân Đảng viên thì cái họ nhà này chúng

nó cho ăn bún! Chân trắng thì làm gì chen được cái chức chủ nhiệm hợp tác sáu bảy năm trời? Mấy đứa trong họ nhà này vào được Đảng là nhờ ai? Tôi không ngồi đây thì có mục thất! Rồi gạch ngói nhà chú Quý này, nhà bá Sang kia, không ở đây mà ra thì ở đâu? Cũng mang tiếng mua, nhưng người khác phải trả mười, thì mình chỉ bỏ ra một. Không có lời của chủ nhiệm, thì mấy thằng lò gạch lò ngói có khối nó chịu nhả cho đây! Tôi vừa mất chân Đảng ủy, nghỉ chủ nhiệm, thế là đủ chuyện rắc rối rồi. Phe cánh nhà Trịnh Bá đang lăm le chiếm hết quyền hành cái xã này. Nó dám nói chi họ Vũ Đình quanh năm lục đục thì còn lãnh đạo ai!

Thế là cụ Cố bật ngay dậy như một cái lò xo:

- Nó nói thối mồm thế mà mày chịu nhịn à?

Vậy là xong! Ông Phúc đã đánh trúng huyết! Câu chuyện lập tức xoay ngược sang hướng khác. Chân tay cụ Cố vẫn rung lên vì xúc động. Như một con chiến mã về già, dù không còn đủ sức để lao vào trận mạc, nhưng mùi thuốc súng vẫn đủ kích thích nó gầm thét! Mỗi hiềm khích giữa cụ Cố với cánh nhà họ Trịnh Bá kia có từ xa xưa. Không nhắc, quên đi thì thôi, chứ nếu chỉ khi khơi dậy thì ngọn lửa bùng ngay lên?

Hôn nhân, điền thổ vạn cổ chi thù. Tức hôn nhân và đất đai là hai thứ dễ gây cho người ta thù oán nhau lâu nhất. Thì giữa hai họ Vũ Đình và Trịnh Bá không thể ngồi chung chiếu với nhau là bởi tất cả những thứ đó! Ngày xưa có dân hai bên đã túm ngực áo nhau giữa sân chùa trong ngày việc làng! Đời cụ Cố là chuyện-đất, chuyện chức, cái chức lý trưởng dù nhỏ nhưng đây là danh dự là chuyện được thua giữa hai dòng họ, là phần đầu gà má lợn, là chỗ ngồi chiếu nhất giữa đình làng. Đồi bên đã giành nhau kịch liệt. Đến đời ông Phúc lại là chuyện tình. Thật oái oăm, hai dòng họ này có vờn, cứ lửa miếng nhau không biết mệt!



- Ông về bên này không chỉ là chuyện nghĩ ngợi tĩnh dưỡng - Ông Phúc lại lên tiếng, cắt đứt dòng nghĩ ngợi lan man của cụ Cố - Mà về bên này còn để bịt mồm những đứa nói hỗn lại! Thằng Tùng, con Bá Sang, được chúng nó thí cho cái chân xã đội, thế là nhảy cẫng lên theo voi ăn bã mía. Nó còn nói láo hơn cả anh em chú cháu nhà Trịnh Bá. Dù thế nào cũng không thể để họ Vũ này bị nhục trước dân làng! Giọng ông Phúc đã như muốn gầm lên. Cụ Cố ngồi hẫng dậy chứ không còn nằm nữa. Ông Quý càng thuôn người ra ngơ ngác. Thế là sau hơn ba mươi năm quay lưng, cụ Cố đã chịu quy phục hoàn toàn trước lý lẽ của người con trai mà cụ đã từng rửa không còn thiếu một lời nào! Và đây là lần thứ hai cụ lại chịu thua Phúc!

Ngày hôm sau dân Giếng Chùa trở mắt thấy bà con dâu đão đẽ, tức là vợ ông Phúc cùng con trai, con gái, có cả dâu lẫn rể, rùng rùng dất nhau sang nhà ông Quý để đón cụ em về bên này nghĩ ngơi tĩnh dưỡng!. Tất cả vui vẻ cứ như đi rước một ông quan đại thần! Và ngay tuần ấy, ông Phúc làm lễ thượng thọ cho cụ Cố tròn 90. Một sự kiện của làng!

Vậy mà cụ Cố không gắng sống rón thêm nữa để hưởng cho đã cái cảnh điền viên xum họp. Từ hôm cụ Cố về bên nhà ông Phúc đến nay đã được mấy nả. Thế mà mới ra tết cụ đã chết đi sống lại mấy dân. Tay đã bắt chuồn chuồn, miệng đã cắm khâu, ông Phúc phải cạy miệng đồ đến mấy chén sâm cao-ly mới hồi. Trong làng người ta bỗng thêu chuyện lên rằng, vì làm lễ thượng thọ to quá, nên động tới Thiên đình, khiến ông Nam Tào sực nhớ ra xóm Giếng Chùa còn để sót người sống quá dai mà chưa gạch tên Lại có kẻ ác khâu bảo ngay việc tổ chức rùm beng cũng là một cách giỗ sống rồi! Muốn cha mẹ thọ lâu không ai làm thế!

Những chuyện đàm tiếu ấy đến tai ông Phúc hết. Ông văng tục miệng lảm bảm: Lại chỉ miệng lưỡi nhà Trịnh Bá!

## HUỶNH ÁI TÔNG

Trong tự truyện *Dưới bàn tay vô hình*, Tạ Duy Anh là người đã cùng làm việc chung với Nguyễn Khắc Trường nhiều năm, tại nhà xuất bản Hội nhà văn, đã viết về Nguyễn Khắc Trường như sau:

*“Sau khi ‘Mảnh đất lắm người nhiều ma’ được giải thưởng Hội nhà văn rồi trở thành hiện tượng văn học, tác giả của nó mới hoàn toàn thoát khỏi cái ‘dóp’ Thao Trường. Từ đó ông mới chính là ông. Nhưng từ khi chính là ông thì ngoài vẻ hôn hậu, mộc mạc, nông dân cố hữu, ông cũng nhiễm thêm một số bệnh của đám trí thức nổi tiếng. Thực ra đó là căn bệnh chung của nhà văn xứ ta.*

*Cứ nổi tiếng là ăn nói như ông kễnh bằng thái độ xưng xưng rất đáng ghét! Nhưng với người khác có vẻ là chuyện bình thường, còn với Nguyễn Khắc Trường thì điều đó gây nên mối ‘nguy hiểm tiềm tàng’ cho bọn viết trẻ máu phá phách, vì ông có uy tín với mọi người.”*

Tài liệu tham khảo:

- Nguyễn Khắc Trường Web: [vi.wikipedia.org](http://vi.wikipedia.org)
- *Mảnh đất lắm người nhiều ma* Web: [motsach.info](http://motsach.info)

## 15. Thanh Thảo



### **Thanh Thảo – Hồ Thành Công (1946-20 )**

Thanh Thảo tên thật là Hồ Thành Công, sinh năm 1946, quê Đức Tân, Mộ Đức, Quảng Ngãi, hiện sống tại Quảng Ngãi, hội viên Hội Nhà văn Việt Nam.

Tốt nghiệp khoa Ngữ văn trường đại học Tổng hợp Hà Nội, ngay sau khi tốt nghiệp đại học, Thanh Thảo xung phong trở về miền Nam chiến đấu trong chiến tranh Việt Nam. Ở chiến trường miền Nam, Thanh Thảo làm phóng viên, công tác tại đài phát thanh Giải Phóng.

Sau năm 1975, ông chuyên hoạt động văn học nghệ thuật, ông từng giữ chức Phó Tổng thư ký, Chủ tịch Hội Văn học nghệ thuật Quảng Ngãi, phó chủ tịch Hội đồng thơ Hội nhà văn Việt Nam.

Thanh Thảo đã nhận các giải thưởng:

- Giải thưởng của Hội Nhà văn Việt Nam năm 1979 cho tập thơ *Dấu chân qua trắng cỏ*
- Giải thưởng Ban Văn học Quốc phòng An ninh, Hội Nhà

## HUỶNH ÁI TÔNG

văn Việt Nam năm 1995 cho trường ca *Những ngọn sóng mặt trời*

- Giải thưởng Nhà nước về văn học nghệ thuật đợt 1 năm 2001.

Tác phẩm:

- *Những người đi tới biển* (trường ca, 1977)
- *Trẻ con ở Sơn Mỹ* (trường ca, 1978),
- *Dấu chân qua trắng cỏ* (thơ, 1980)
- *Nghĩa sĩ Cần Giuộc* (trường ca, 1980)
- *Bùng nổ mùa xuân* (thơ, 1982)
- *Đêm trên cát* (thơ, 1983),
- *Khối vuông Rubic* (thơ, 1985)
- *Một trăm mảnh gỗ vuông* (thơ, 1988),
- *Từ một đến một trăm* (thơ, 1988)
- *Những ngọn sóng mặt trời* (trường ca, 1994)
- *Trò chuyện với nhân vật mình* (thơ, 2002)
- *Cỏ vẫn mọc* (thơ, 2002).

Trích văn:

### **Tôi viết trường ca "Đêm trên cát"**

Có những tác phẩm được viết ra ngỡ như hết sức tình cờ. Trước cái đêm tôi được hầu rượu nhà thơ Tế Hanh ở nhà anh Nguyễn Trung Hiếu thị xã Quảng Ngãi hình như vào năm 1981, tôi chưa hề nghĩ mình sẽ viết một bài thơ - chứ chưa nói một trường ca - về Cao Bá Quát, dù tôi là người ngưỡng mộ nồng nhiệt Cao Chu Thần.

Cuộc rượi tối hôm ấy, chúng tôi nhắc tới bài thơ “Trà giang thu nguyệt ca” của Cao Bá Quát. Tế Hanh đang hào hứng ca ngợi bài thơ này hết lời, thì bất chợt tôi chen ngang: “ Em sẽ viết một trường ca về Cao Bá Quát, chỉ dồn nén trong một đêm của

nhà thơ. Sau một đêm thức trắng, mái tóc bạc của Cao Chu Thần bỗng...xanh lại”.

Thực lòng, tôi không thể hiểu vì sao lúc đó mình nói như thế, cứ như cái trường ca ấy đã nằm trong đầu mình lâu lắm rồi. Và cả mái tóc bạc chuyển thành...xanh của Cao Chu Thần chỉ sau một đêm suy nghĩ, cứ như tôi đã nghiền ngẫm hình ảnh ấy từ lâu lắm. Thực ra, đó chỉ là câu nói buột thốt, nhưng hình như nhà thơ Tế Hanh - một người rất nhạy cảm - hiểu câu nói ấy như một lời hứa. Ông động viên tôi: “ Em phải viết đi. Cái tứ ấy hay lắm!”.

Sau lần đi Quảng Ngãi đó, về Qui Nhơn tôi đã lao vào tìm đọc tất cả những gì có được lúc ấy liên quan tới Cao Bá Quát, nhất thơ chữ Hán. Tôi đọc không biết bao nhiêu lần. Đọc cho ngấm, cho ngấu, cho đau, cho uất. Trong thơ Cao Bá Quát có đủ cả hỉ nộ ái ố ai lạc, nhưng vượt lên trên tất cả, là vẻ cương nghị thâm lặng, là cái tình sâu đậm, sự sẻ chia trong hoạn nạn, trong khốn khó của nhà thơ với nhân dân mình, với một người dân, một con người cụ thể, và với quê hương, với cái làng Phú Thị nhỏ bé có cây gạo đầu làng mà người lưu lạc mỗi khi trở lại quê nhà đều nhìn thấy từ rất xa. Đó là thơ của một nội tâm dữ dội, của sự dồn nén ghê gớm, và của sự bùng nổ giữa các dòng chữ.

Hình như, tôi bắt đầu bắt sóng được với khối thơ - thuốc nổ ấy. Dù không thể hình dung mình sẽ viết cái trường ca ấy như thế nào, nhưng tựa đề “**Đêm trên cát**” với lời đề từ “một đêm của nhà thơ Cao Bá Quát” thì tôi đã nghĩ ra từ trước khi viết dòng thơ đầu tiên. Nó như một tiêu điểm mà bài thơ mình hướng tới. Ngay cả cấu trúc bên trong của bài thơ, tôi cũng mong muốn nó sẽ mang hình thức cấu trúc của một sonata với sự chặt chẽ, đối chọi, dồn nén cao độ và những cao trào bùng nổ. Tôi không học nhạc lý nhưng rất mê nhạc cổ điển, và hồi đó dẫu vất vả

nhưng tôi vẫn tìm được cách để thường xuyên nghe nhạc cổ điển.

Sau mấy tháng “tích điện Cao Bá Quát”, tôi đã viết được những dòng thơ đầu tiên. Chưa có trường ca nào tôi lại viết được liền mạch như thế, những câu thơ nặng nề, uất ức cứ tuôn ra một cách như dễ dàng, như nhẹ nhàng. Tôi viết từng đoạn trong một cuốn sổ tay, rồi viết lại trong máy chữ.

Có những đêm ngồi ở nhà thầy má tôi tại quê, nhà không có điện, tôi thắp ngọn đèn dầu hiu hắt và... viết. Những lúc ấy, giữa bóng đêm và bóng đèn nhấp nhọang, cứ như Cao Chu Thần hiện về trước trang giấy, lắng lẽ chuyện trò cùng tôi. Đó là những phút giây thật sự hạnh phúc.

Linh hồn Cao Chu Thần đã phù hộ tôi, dắt dẫn tôi trong từng đoạn thơ, hay chính tôi trong trạng thái bất thường như thế đã “bất sóng” được với thơ Cao Chu Thần - nghĩa là đã bất sóng được với phần tâm huyết, sâu kín của nhà thơ. Nếu đọc kỹ thơ Cao Bá Quát, ta sẽ không ngạc nhiên về bước đường tư tưởng và hành động của ông, kể cả quyết định dấn thân cuối cùng là trở thành lãnh tụ khởi nghĩa nông dân. Tôi muốn cô đặc cả hành trình dài đầy phức tạp ấy của Cao Bá Quát vào một đêm thức trắng của ông. Một đêm cho cả một đời.

Ở “Đêm trên cát” thì khi viết đoạn kết trường ca, hình ảnh “mái tóc bạc của Cao Bá Quát bỗng xanh cả lại” đã không xuất hiện như hình ảnh chợt đến với tôi ban đầu. Thay vào đó, là hình ảnh một quả cây: “ khi quả cây chín được trên cành/ nó không lo bao giờ rụng xuống” - một quyết định nhận đường bình thản. Sự thay đổi đã lặn vào bên trong, không hiện rõ như hình ảnh “tóc bạc-tóc xanh”, nhưng cách khẳng quyết về một khả năng sống lại thì đã rõ.

Trích thơ:

### **Ở quê nhà**

*Những cây cau đã trở hoa  
yêu thương xa lạ  
nơi không khí biến ta thành lặng lẽ  
đâu muốn ồn ào biết ồn ào với ai.*

*con đường làng mấy mươi năm mòn  
dần dưới chân người, chân trâu, chân mưa  
đường lầy thụt dần về yên tĩnh  
ta đã có những con chuồn chuồn, con cá, con cua  
ta đã có nỗi cô đơn ngọt ngào trẻ nhỏ,  
gần như một bức tường vô hình dựng lên  
bao bọc tuổi thơ quê nhà mấy mươi năm xa cách  
thỉnh thoảng ta về nhìn ngắm lại  
phần đời đầu tiên con đường loang những vết bùn  
nơi mùi hoa cau thơm đậm hơn lúa xanh hơn dòng sông  
hiền hòa hơn tất cả  
hoàng hôn đến như một người gánh rạ  
gánh sắc vàng đang sẫm dần.*

### **Chợt nhớ**

*Mưa gõ trống tằm tăng ngày cũ  
tháng năm rách vá nhiều chỗ  
bạn bè cây rừng thưa dần  
chiến tranh cửa ngang  
bằng cửa máy  
hòa bình đốn ngã  
bằng đủ thứ  
giờ tôi thấy lại buổi chiều của mình  
quả chuối ngọt trên bàn tay má ngọt trên lưng  
đường đê âm âm dòng sông  
tre lá ngọn buồm nâu trôi thấp  
cây cầu như người già mỗi mệt*

HUỶNH ÁI TÔNG

*nằm mà không được ngủ  
căn phòng thừa đồ đạc  
thơm đậm mùi chuối chín  
hai hay ba chiếc ghế cũ  
bình trà cũ  
bóng nắng cũ  
cơn mưa rào chiều hè  
bom rơi phía cầu Đuống rền như sấm cũ  
cha mẹ ở đâu thì đó là nhà  
quê hương mười mét vuông  
nhưng đất nước rộng hơn và thầy má không giữ con  
không phải con đi tìm cầu vồng hay cái chết  
con đi cho kim la bàn đời mình  
quay mãi về căn phòng  
nơi mọi thứ đều đã cũ*

**Dấu chân qua trăng cỏ**

*Buổi chiều qua trăng cỏ voi  
Ngước nhìn mút mắt khoáng trời long lanh  
Gió nghiêng ngả giữa màu xanh  
Tiếng bầy chim kết bống thành mênh mang*

*Lối mòn như sợi chỉ giăng  
Còn in đậm đặc vô vàn dấu chân  
Dấu chân ai đọc nên vẫn  
Nên nào ai biết đi gần đi xa.  
Cuộc đời trải mút mắt ta  
Lối mòn nhỏ cũng dẫn ra chiến trường*

*Những người sốt rét đang con  
Dấu chân bám xuống đường trơn, có nhoè?...*

*Chiếc bông con đựng những gì  
Mà đi cuối đất mà đi cùng trời*



*Mang bao khát vọng con người  
Dấu chân nhỏ nhỏ không lời không tên*

*Thời gian như cỏ vượt lên  
Lối mòn như sợi chỉ bền kéo qua  
Ai đi gần ai đi xa  
Những gì gợi lại chỉ là dấu chân.*

*Vùi trong trắng cỏ thời gian  
Vẫn âm thầm trải mút tâm mắt ta  
Vẫn đầm hơi ấm thiết tha  
Cho người sau biết đường ra chiến trường...*

### **Thử nói về hạnh phúc**

*I*

*Nửa đêm tôi choàng dậy  
tiếng bom hú rất gần  
ba đợt B52*

*Căn hầm của tôi ngày không nắng mặt trời  
đêm không ánh sao  
những mùa trăng lướt qua - xa cách  
tôi thấp đèn - bốn bên là đất  
mỗi lúc bom rung  
đất rơi đầy mặt  
đất rơi đầy giấc mơ  
những giấc mơ chập chờn  
bao giờ cũng có khoảng trời xanh vơi vơi  
lung linh gương mặt của người thương*

*II*

*Những tình yêu thật thường không ồn ào  
chúng tôi hiểu đất nước đang hồi khốc liệt  
chúng tôi hiểu điều ấy bằng mọi giác quan*

HUỶNH ÁI TÔNG

*bằng chén cơm ăn mắt ruốc  
bằng giấc ngủ bị cắt ngang cắt dọc  
bằng những nắm đất mọc theo đường hành quân*

*có những thằng con trai mười tám tuổi  
chưa từng biết nụ hôn người con gái  
chưa từng biết những lo toan phức tạp của đời  
câu nói đượm nhiều hơi sách vở  
khi nằm xuống  
trong đáy mắt vô tư còn đọng một khoảng trời  
hạnh phúc nào cho tôi  
hạnh phúc nào cho anh  
hạnh phúc nào cho chúng ta  
hạnh phúc nào cho đất nước*

*có những thằng con trai mười tám tuổi  
nhiều khi cực quá, khóc ào  
nhiều lúc tức mình chửi bâng quơ  
phanh ngực áo và mở trần bán chất  
mỉm cười trước những lời lẽ quá to  
nhưng nhất định không bao giờ bỏ cuộc*

*với những thằng con trai mười tám tuổi  
đất nước là nhịp tim có thể khác thường  
là một làn mây mỏng đến bâng khuâng  
là mùi mồ hôi thật thà của lính  
đôi khi là một giọng nữ cao nghe từ Hà Nội  
hay một bữa cơm rau rừng  
chúng tôi không muốn chết vì hư danh  
không thể chết vì tiền bạc  
chúng tôi lạ xa với những tin tưởng điên cuồng  
những liều thân vô ích  
đất nước đẹp mênh mang  
đất nước thấm tự nhiên đến tận cùng máu thịt  
chỉ riêng cho Người, chúng tôi dám chết*

III

*Đêm nay ai cầm tay nhau vào tiệc cười  
ai thức trắng lợi sinh  
ai trầm ngâm viết những câu thơ thông minh  
ai trả nghĩa đời mình bằng máu*

*máu đỏ thật không ồn ào  
máu lặng lẽ ướt đầm ngực áo  
hạnh phúc nào cho tôi  
hạnh phúc nào cho anh  
hạnh phúc nào cho chúng ta  
hạnh phúc nào cho đất nước*

*những câu hỏi chưa bao giờ người được  
mảnh đất hôm nay bè bạn chúng tôi nằm  
nơi máu đỏ phải sống bằng thực chất  
không ai nở lo vun vén riêng mình  
khi mộ bạn chính bàn tay anh đắp*

*nơi cao nhất thử lòng ta yêu đất nước  
thử lòng ta chung thủy vô tư  
nơi vỡ vụn dưới chân bao mảng đêm hèn nhất  
những gương mặt ngẩng lên lấp lánh chất người*

IV

*Cuộc chiến tranh đã đi qua một phần tư thế kỉ  
tôi nhớ người con gái xưa tìm chồng  
như cơn gió lang thang giữa trời đất mênh mông  
nổi tuyệt vọng khiến tình yêu hoá đá*

*tôi đã gặp những người con gái  
mở đường cho chúng tôi ra trận  
qua bóng hòn Vọng Phu*

HUỶNH ÁI TÔNG

*có nhiều em chưa tìm được người yêu  
đã giáp mặt hàng trăm lần cái chết  
hòn núi cô đơn đứng ngàn năm chát ngất  
mà hạnh phúc bình thường vẫn quá tầm tay*

*các em mấy năm bám trụ nơi đây  
gánh đá phá bom tải hàng dựng lán  
đào sắn huyết cho mình khi ngã xuống  
mà tình yêu không hoá đá bao giờ  
xe chúng tôi qua các em mừng vẫy tay  
chắc sau ròn rã tiếng cười  
nước mắt sẽ thấm rơi  
trên những gương mặt lạnh màu nắng gió*

V

*Cuộc chiến tranh đã đi qua một phần tư thế kỉ  
từ tiếng oa oa chào đời của anh  
đến phút đầu mình thương nhau, em khóc  
đến một ngày chia li  
đến nhiều tháng năm xa cách  
anh sẽ nói với em thế nào về hạnh phúc  
mùi thuốc súng bay qua số phận chúng mình*

*em nói sẽ chờ anh năm năm mười năm  
sẽ chờ anh hết cuộc chiến tranh này  
dù ngày trở về không nguyên vẹn*

*buổi chiều dâng vàng rực ngọn cây  
những cánh chim mãi bay về một hướng  
góc duy nhất trong đời anh - yên tĩnh là em*

*giữa chúng mình  
nỗi nhớ nhau chưa đủ thành hạnh phúc  
cái khoảng cách bao giờ cũng thực  
nhưng anh tin em sẽ đợi anh về*

*dù biết đây là những tháng năm dài nhất*

*nghe gió cồn xao đảo nóc rừng khuya  
nghĩ đến em - đất trời lắng lại  
mình sẽ thương nhau như chưa bao giờ thương vậy  
nếu bước cuối cùng này - ta bước qua*

*và em ơi, ngày sum họp ngày mai  
giữa chúng mình  
còn tên những bạn bè ngã xuống  
những người hay mơ mộng  
tha thiết yêu và muốn làm được chút gì  
cho em, cho anh  
cho đất nước*

*đôi tay họ  
đôi bàn tay trong sạch  
đã vùi sâu trong đất  
sẽ vươn giữa hai ta như những nhánh cây  
những nhánh cây ôm chặt cuộc đời này  
giữ cho những người yêu tròn hạnh phúc.*

(1972)

### **Có thể**

*lao xuống đời anh  
một thiên thạch  
bùng lên mái tóc  
ngọn lửa đen  
sóng đập vỡ tan bờ biển  
cuối cùng hải âu nghiêng cánh*

*lao xuống đời anh  
niềm kinh hãi  
lắm nhảm thánh thần*

## HUỶNH ÁI TÔNG

*mùa tan giờ tàn chuông lan  
em phủ anh  
ngọn lửa đen*

Trong bài Thanh Thảo và thơ, Trần Hoài Anh đã viết:

*Thanh Thảo cho rằng: "Nhà thơ là con người không phải thiên thần"(13). Nhưng thơ của họ thì phải là lời của thiên thần; nghĩa là phải đẹp, phải thánh thiện và thanh cao. Thơ phải là tiếng gọi từ tâm thức và thiên lương của nhà thơ. Vì vậy quá trình sáng tạo thơ bao giờ cũng thể hiện thiên năng của nhà thơ. Đây cũng là vấn đề được quan tâm bàn đến trong quan niệm thơ của Thanh Thảo. Với anh: " Nhà thơ đích thực là người có thể mơ khi đang tỉnh, và rất tỉnh khi đang mơ. Với họ có ít nhất hai thế giới tồn tại song song. Và họ dễ dàng "đi lại" giữa hai thế giới ấy. Cái nhìn trong suốt là cái nhìn của tâm hồn, và cái mờ ảo của ngôn ngữ là kết quả của sự tương tác giữa hai thế giới "*

Tài liệu tham khảo:

- Thanh Thảo Web: [vi.wikipedia.org](http://vi.wikipedia.org)
- Ở quê nhà Web: [thivien.net](http://thivien.net)



## 16. Lê Văn Vọng



### Lê Văn Vọng (1947-20 )

Nhà thơ Lê Văn Vọng sinh ngày 1 tháng 1 năm 1947. Quê quán Hải Châu, Tỉnh Gia, Thanh Hóa.

Năm 1965, vào bộ đội tham gia chiến trường ở miền Đông Nam bộ.

Năm 1977, về Tổng cục Chính trị.

Năm 1979, đi học Trường Viết văn Nguyễn Du khóa I.

Năm 1982, ra trường về làm việc tại Điện ảnh quân đội.

Lê Văn Vọng làm thơ, viết truyện, bài thơ đầu tiên được đăng báo trong năm 1969. Ông vào Hội Nhà văn năm 1990.

Nhà thơ Lê Văn Vọng đã nhận được các giải thưởng:

- Giải nhất Hội Văn học nghệ thuật Tp. HCM năm 1976-1977 cho tập thơ *Người của hôm nay*

HUỶNH ÁI TÔNG

- Giải thưởng 5 năm Bộ Quốc phòng (2000-2005) cho tập thơ  
*Mía ngọt cho ai*

Tác phẩm:

- *Cánh rừng và ngọn gió* (thơ, in chung, 1982)
- *Thung lũng cánh diều* (truyện ký, 1983)
- *Đến với tình yêu* (thơ, 1984)
- *Có một người con gái* (tiểu thuyết, 1990)
- *Nợ trần gian* (tiểu thuyết, 1993)
- *Cơn lốc xanh* (trường ca, 2002)
- *Mía ngọt cho ai* (thơ, 2004)
- *Đêm trắng*
- *Năm tháng chưa xa*
- *Cánh rừng trước mắt*
- *Hạt mưa xuân* (2009)

Trích văn:

**Những nhà văn trung úy**

Sau ngày đất nước thống nhất, nhận thấy có một số tay bút nghiệp dư đang rải rác ở các đơn vị trong toàn quân, viết chưa nhiều song đó là những anh em có tâm huyết, dày vốn sống đời lính cần phải tập trung lại bồi dưỡng chính trị, nghiệp vụ, tạo điều kiện để họ trở thành những người viết chuyên nghiệp phục vụ quân đội, lãnh đạo Tổng cục Chính trị mà cơ quan tham mưu là tạp chí Văn nghệ Quân đội đã triệu tập hơn 20 cán bộ cấp úy về Hà Nội dự trại viết và chuẩn bị vào học lớp viết văn Nguyễn Du (Khóa I) do Bộ Văn hóa (nay là Bộ Văn hóa - Thể thao và Du lịch) tổ chức.

Cuối năm 1976 đầu 1977, hơn 20 anh em đã có mặt tại khu nhà mới được dựng lên bên bờ sông Tô Lịch, thuộc làng Trung Hòa



(nay là phường) quận Cầu Giấy. Hữu Thịnh về từ binh chủng Tăng thiết giáp, Xuân Đức từ Trị Thiên – Huế, Đào Thắng, Tô Đức Chiêu, Nguyễn Trọng Tạo từ Quân khu 4, Đinh Kính, Trần Đăng Khoa từ Hải quân, Thao Trường (Nguyễn Khắc Trường), Dương Duy Ngũ từ Phòng không – Không quân, Phạm Hoa, Xuân Mai, Trần Nhưong từ Tổng cục Hậu cần, Thái Vượng, Nguyễn Ngọc Mộc, Lê Văn Vọng từ Quân khu 7, Phùng Khắc Bắc từ Quân đoàn 4, Khuất Quang Thụy từ Quân đoàn 3, Chu Lai từ Đặc công, Nguyễn Quan Tính từ Quân đoàn 2. Về sau cùng là Nguyễn Trí Huân, Thái Bá Lợi, Trung Trung Đĩnh từ Quân khu 5.

Trong hơn 20 người đa số có quân hàm trung úy, số ít là thiếu úy, chuẩn úy. Có người khi về trại đã là nhà thơ, nhà văn, được bạn đọc chú ý như Trần Đăng Khoa, Hữu Thịnh, Xuân Đức, Thao Trường, Nguyễn Trí Huân... riêng Trần Đăng Khoa sau đó đi học ở Học viện Gorki (Nga).

Được hoàn thành trong điều kiện gấp gáp để đón các cây bút, ngôi nhà bên sông Tô Lịch được dựng khá đơn giản, mái lá tường đơn, các phòng ngăn cách nhau bằng bức vách. Hai người ở một phòng chừng 16m<sup>2</sup>, có bàn viết riêng. Từ các đơn vị tập trung về, toàn là người viết, anh em dễ dàng hòa nhập, thoải mái vui vẻ như đã quen nhau từ lâu. Các “trại viên” thuộc diện quản lý của Đội 10 Đoàn 871 Bộ Quốc phòng, mà trực tiếp là 2 ông: Thiếu tá đội trưởng Nguyễn Văn Nhuận và Đại úy đội phó Trần Văn Lợi. Chăm lo việc ăn uống cho hơn 20 người viết là các cô bộ đội nghĩa vụ “mỏng mày hay hạt” của vùng quê lụa Hà Tây: Duyên, Nga, Ninh... Nói là “quản lý” các nhà văn, song từ ông đội trưởng, trợ lý chính trị đến các em phục vụ cũng chỉ biết mỗi tên Trần Đăng Khoa mà thôi.

Trong thời gian chờ quyết định mở lớp của Bộ Văn hóa, Tổng cục Chính trị cho anh em ngồi viết, ai có sở trường thế mạnh cái gì thì viết cái đó. Tiểu thuyết, truyện ngắn, trường ca, thơ... Tạp chí Văn nghệ Quân đội được giao trực tiếp quản lý trại về chuyên môn. Để trang bị cho anh em những kiến thức cơ bản về lý luận sáng tác văn học, một số giáo sư, nhà phê bình nghiên cứu văn học được mời tới nói chuyện. Phan Cư Đệ nói về tiểu thuyết, vấn đề và con người, Hoàng Ngọc Hiến nói về nhận thức luận, Hà Minh Đức nói về thơ...

Hàng tuần, các anh ở tạp chí Văn nghệ Quân đội cũng tranh thủ xuống trao đổi kinh nghiệm sáng tác. Nói trao đổi cho có vẻ quan trọng chứ thực chất các anh kể chuyện bản thân trong việc khai thác, sử dụng tài liệu, huy động vốn sống, xây dựng cốt truyện, nhân vật... Rồi cả những khó khăn thường gặp trong quá trình viết một tác phẩm. Là những người đi trước có bề dày kinh nghiệm sáng tác, các anh coi chúng tôi như em, không giấu nghề, luôn động viên, ai viết được gì các anh đọc, góp ý chân tình thấu đáo. Vốn sống các cậu có rồi, điều kiện sáng tác tuy chưa được tốt lắm, nhưng thuận lợi nhiều. Đây là lúc tầm rứt ruột nhả tơ, hãy cố gắng mà viết, viết ngắn viết dài lượng sức mình, đừng tự ti mà phải tự tin. Có tự tin mới viết được... Cuối những buổi nói chuyện các anh thường dặn vậy.

Mới là những người chập chững vào nghề, viết chưa nhiều, thành công còn khiêm tốn, hoài bão ước mơ thì có song khả năng hạn chế, chúng tôi đều cảm thấy lo lo trước tình cảm cũng như sự tin cậy của các anh.

Thực ra những buổi nói chuyện của các giáo sư, nhà văn đã làm vỡ vạc trong anh em chúng tôi nhiều điều thú vị về nghề văn. Nó thổi bùng lên ngọn lửa đam mê vẫn âm ỉ cháy trong mỗi con người. Đọc tác phẩm của các anh rồi, giờ lại được

“mục sở thị”, được nghe các anh nói chuyện “bếp núc” nghề văn thì đúng là không ngờ. Những tên tuổi như Vũ Cao, Nguyễn Minh Châu, Hồ Phương, Nguyễn Khải, Xuân Thiều, Nguyễn Trọng Oánh, Hải Hồ, Nguyễn Ngọc, Xuân Sách, Hữu Mai... là những tấm gương cho anh em mới viết như chúng tôi phấn đấu. Trong quân đội các anh là những “nhà văn đại tá”, với nền văn học nước nhà, các anh là những nhà văn lớn. Đóng góp của các anh cho văn học cách mạng không nhỏ, song sự giản dị ân cần trong giao tiếp xưa tan đi sự tự ti ban đầu ở mỗi chúng tôi.

Đến với chúng tôi lúc đó còn có cả các anh các chị ở Nhà xuất bản Quân đội Nhân dân, những con người vẫn được ví như “bà đỡ” cho những đứa con tinh thần. Trưởng phòng biên tập văn nghệ Đỗ Gia Hựu, các biên tập viên Vũ Sắc, Tạ Hữu Yên, Vũ Thị Hồng. Mỗi người một phong thái, khả năng song tất cả đều chung mục đích vì những tác phẩm của lớp nhà văn trung úy.

So với số anh em về trại lúc đó, Trung úy Hữu Thịnh là người nổi danh khá sớm, dĩ nhiên là sau “thần đồng” thơ Trần Đăng Khoa. Anh có bài thơ “Năm anh em trên một chiếc xe tăng” nhạc sỹ Doãn Nho phổ nhạc được rất nhiều người biết. Hầu như buổi phát thanh Quân đội nào cũng phát bài hát đó. Rồi chương trình tiếng thơ của Đài tiếng nói Việt Nam cũng ngâm một số bài thơ khác của anh, đám “lính mới” chúng tôi rất nể. Có lẽ vì cái “uy tín” trong nghề và sự nghiêm cẩn ngoài đời mà anh được cấp trên chỉ định làm Bí thư Chi bộ, cùng với Đại úy Mai Thế Chính, cán bộ Cục Tuyên huấn Tổng cục Chính trị trại trưởng, Chu Lai phó trại. Trừ những khi đi đến các báo, tạp chí gửi bài hoặc các nhà xuất bản làm việc, hàng ngày các trại viên đóng cửa phòng ngồi viết. Người viết nhanh, kẻ viết chậm. Có anh “lia” tới mười mấy trang bản thảo tiểu thuyết

một buổi sáng như Chu Lai, Khuất Quang Thụy. Không ai bảo ai nhưng như có một cuộc nỗ lực sáng tác âm thầm diễn ra.

Một thời gian khu nhà bên sông Tô Lịch trở thành địa chỉ lui tới của dân văn chương Hà Thành. Người đến đặt bài cho báo, cho đài, người báo viết cho nhà xuất bản, lại có không ít người chỉ đến chơi và bù khú. Để “thoát khỏi” không khí ồn ào đó, lãnh đạo Tạp chí Văn nghệ Quân đội đã tổ chức cho toàn trại đi “nằm vùng” một tháng ở Đà Lạt. Khu an dưỡng của cán bộ cao cấp quân đội ở Đà Lạt rất rộng. Những ngôi biệt thự nằm rải rác khắp sườn đồi, sương mù lãnh đăng, suốt ngày vi vút thông reo. Điều kiện ăn ở, làm việc tại đây khá tốt, mọi người tranh thủ “cày”. Kết thúc thời gian nhiều bản thảo được hoàn thành. Khuất Quang Thụy có tiểu thuyết “*Trong cơn gió lốc*”, Chu Lai có tiểu thuyết “*Nắng đồng bằng*”, Hữu Thịnh có trường ca “*Đường tới thành phố*”... Những bản thảo này sau đều được Nhà xuất bản Quân đội nhân dân xuất bản.

Sau nhiều nỗ lực cố gắng của cơ quan chức năng nhất là lãnh đạo Tạp chí Văn nghệ Quân đội, các nhà văn trung úy đã có nơi dừng chân chính thức để chuẩn bị bước vào học (khóa I lớp viết văn Nguyễn Du). Đó là dãy nhà nhiều phòng tường xây, lợp ngói kang trang ở chung khu đất với Xưởng họa Quân đội (Vân Hồ 3). Hai người một phòng 16m<sup>2</sup> ngăn đôi nửa trong nửa ngoài. Lúc này, Đại úy Mai Thế Chính đã trở về Cục Tuyên huấn, Hữu Thịnh là lớp trưởng kiêm Bí thư Chi bộ, hai lớp phó là Chu Lai và Thái Vượng. Năm 1979 từ Quân khu 5 Thái Bá Lợi, Nguyễn Trí Huân, Trung Trung Đĩnh đã ra nhập lớp. Trong ba lô mỗi người đem theo vài ba bản thảo. Sau đó Nhà xuất bản Quân đội nhân dân in. Nguyễn Trí Huân có tiểu thuyết “*Năm 1975 họ sống như thế*”, Thái Bá Lợi có tiểu thuyết “*Thung lũng thử thách*”, “*Họ cùng thời với những ai*”...

Trung Trung Đình có các tập truyện: “*Thung lũng đá hoa*”, “*Người trong cuộc*”...

Lớp học có trên 40 học viên hội tụ từ khắp các tỉnh thành trong cả nước, riêng quân đội có 20 người. Giữa các kỳ học, trường tổ chức cho anh em đi thực tế sáng tác. Thời gian này, những sáng tác của các nhà văn trung úy thường xuyên xuất hiện trên báo chí, đài phát thanh. Một số người đã xuất bản các tập tiểu thuyết, truyện ngắn, thơ, trường ca...

Ở Vân Hồ được ít lâu thì bếp ăn tập thể giải tán vì không có người phục vụ. Quản lý chỉ lo cấp gạo, thực phẩm, quân trang, còn việc tem phiếu, thực phẩm cơm nước, các nhà văn tự lo. Bây giờ ngoài đến lớp, sáng tác... các nhà văn trung úy có thêm công việc: đi chợ. Tới giờ nổi lửa là cả chục cái bếp dầu cùng phun khói. Mấy chục năm sau tôi vẫn chưa quên được hình ảnh nhà văn Phạm Đình Trọng chân đi guốc mộc, soi mắt qua cặp kính cận dày cộp dùng cái nhíp nhỏ râu gắp từng hạt thóc trong cái rá gạo nhỏ xíu trước khi đem vo, mặc nồi nước sấp sôi. Tôi cũng nhớ như in cái tấm lưng dài, dày chắc như tấm ván lim của nhà văn Tô Đức Chiêu khi anh ngồi xúc từng thìa cơm trộn thức ăn trong cái xoong nhôm méo móp ăn ngon lành. Anh Chiêu có thói quen thích ăn cơm trong nồi. Có lẽ là để không phải rửa bát.

Cuộc chiến tranh biên giới phía Bắc nổ ra. Một lần nữa, các nhà văn trung úy lại ra trận. Nhiều bút ký, phóng sự, bài thơ được viết đăng tải kịp thời trên báo chí vạch trần sự tàn bạo của quân đội đối phương và ca ngợi những gương chiến đấu dũng cảm bảo vệ cuộc sống của đồng bào ta ở các vùng đất địa đầu Tổ quốc.

Ở trại Vân Hồ có ba người thường cặp kè với nhau: Thái Bá Lợi, Trung Trung Đĩnh và Phạm Hoa. Bộ ba này chơi với nhau rất thân. Đi học, đi chơi và cả đi công việc riêng họ đều cùng đi. Cứ thấy Thái Bá Lợi ở đâu là chắc chắn có Đĩnh và Hoa ở đây. Thái Bá Lợi cao gầy, chiếc xe đạp chỉ cao tới háng anh, khi anh đạp xe cứ như hai chân bơi dưới đường. Hồi này anh đã nổi tiếng với truyện ngắn “*Hai người trở lại trung đoàn*” và đang viết tiểu thuyết. Một mình Phạm Hoa ở trong căn phòng nhỏ cuối dãy ấy, cạnh đó là Thái Bá Lợi và Trung Trung Đĩnh. Tầm chiều sau khi ăn cơm, Phạm Hoa thường “bách bộ” đọc hè. Với đôi dép nhựa bộ đội cắt quai hậu, anh lê “quẹt quẹt” từ đầu này tới đầu kia, không vào phòng ai, dù đâu đó anh em vẫn đang chuyện trò bù khú. Đoạn, trở về phòng ngồi rít thuốc Lào. Phạm Hoa vốn là lính vận tải cơ giới Trường Sơn. Những truyện ngắn anh viết đều lấy bối cảnh con đường huyền thoại đó với những con người ra trận: bộ đội, thanh niên xung phong đầy vẻ lạc quan yêu đời.

Sau bốn năm học tập, năm 1982, các nhà văn trung úy được trang bị thêm nhiều kiến thức bổ ích cho công việc sáng tác. Lứa nhà văn này kịp thời được bổ sung cho các cơ quan văn học nghệ thuật của Quân đội như Tạp chí Văn nghệ, Điện ảnh, Nhà xuất bản... Họ đã làm tốt vai trò là những người kế tục sự nghiệp sáng tác văn học của lớp nhà văn đàn anh trong kháng chiến chống Pháp. Không chỉ riêng trong Quân đội mà họ còn đóng góp thiết thực cho nền văn học nước nhà. Hàng trăm đầu sách ra đời, phần lớn viết về người lính và chiến tranh cách mạng, nhiều tác phẩm của họ đã chiếm được chỗ đứng trong lòng người đọc, nhận giải thưởng cao. Nhiều người đã, đang nắm giữ cương vị lãnh đạo chủ chốt, quan trọng của Hội Nhà văn hoặc các cơ quan báo chí, nhà xuất bản của Hội.

Lớp nhà văn trung úy ngày nào giờ đã ngoài tuổi lục tuần, song sức sáng tạo vẫn còn sung mãn. Chợt nghĩ nếu ngày đó cấp trên không có kế hoạch “thu gom” bồi dưỡng nghiệp vụ thì liệu bây giờ có được một thế hệ nhà văn áo lính, đã và đang đóng góp cho nền văn học nước nhà những tác phẩm có giá trị? Chắc là không! Thế mới thấy tầm nhìn của người lãnh đạo quan trọng thế nào.

Trích thơ:

### **Nhớ con**

*Lại qua nhà, bỏ không thể ghé thăm con  
Đường còn xa, mưa rìng và đói, rét  
Biết gian khổ nhưng còn dễ vượt  
Hơn cái dốc nhớ con cao ngất trong lòng.*

### **Ngôi thiền**

*Hai bàn tay để ngửa  
Đặt trên hai đầu gối xếp bằng  
Mi mắt khép  
Cái nhìn hướng vào trong  
Bất động*

*Tư thế thiền, tư thế ngồi của Phật  
Thanh cao và vững chãi  
Thanh thản mà ưu tư  
Gạt bỏ hết mọi bon chen giành giật  
Không vương bụi cuộc đời  
Tham vọng, lợi quyền  
Hư danh phù phiếm  
Thế giới bí huyền, tâm thế hư vô*

HUỶNH ÁI TÔNG

*Khi ngòi thiên là lúc lòng trong sáng nhất  
Tất cả hướng về cõi thiện vĩnh hằng.*

### **Những chiếc vé số**

*Những chiếc vé số vứt bên đường  
Lẩn trong cỏ rác  
Hàng chữ số như cố tình giấu mặt  
Tủi thân  
Dưới muôn dấu chân, giày dép.*

*Những chiếc vé số trước đây nửa giờ  
Hoặc vài ba phút  
Còn thơm tho trong túi áo túi quần  
Mỗi chữ số chứa đầy hi vọng  
Như có linh hồn, số phận thiêng liêng.*

*Tìm may mắn đâu dễ gì có được  
Thất vọng ném đầy đường, chẳng ai thèm nhặt  
Sự bí ẩn không còn  
Thì ngọt ngào cũng hết  
Những vé số trở thành giấy rác*

*Những chiếc vé số vứt bên đường!*

### **Viếng mộ**

*Thôi con nằm lại đây  
Với bạn bè đồng đội  
Với đảo chìm đảo nổi  
Trời xanh và biển xanh*



*Đi suốt cuộc chiến tranh  
Một tay cha đạn cắt  
Mái tóc đen nhuộm bạc  
Vẫn không mất nụ cười*

*Thôi con ở lại đây  
Sẽ có ngày động biển  
Nếu kẻ thù xuất hiện  
Cầm súng ra chiến hào*

*Thôi con nằm lại đây  
Nén hương thơm cha thấp  
Bia mộ con cha đặt  
Đây, tấm bia chủ quyền*

*Nguyện cầu cho bình yên  
Biển ru con yên giấc  
Nơi này là Tổ quốc  
Thôi, con ở lại đây.*

### **Để ngày mai anh về**

*Để ngày mai anh về  
Em cứ mặc nguyên bộ đồ đưa tiễn  
Chiếc áo màu cánh én  
Ánh mắt nhìn say mê*

*Để ngày mai anh về  
Em đừng lau đi nỗi nhớ  
Cũng đừng đổi cái dáng đi vội vã  
Trong buổi chiều sân ga*

*Để ngày mai anh về  
Em đừng chải lại mái tóc dài sổ rối*

HUỶNH ÁI TÔNG

*Và gót chân lấm bụi  
Em cũng đừng rửa đi*

*Để ngày mai anh về  
Em hãy gói buổi chiều đồng quê vào trang giấy  
Tiếng mưa rơi nước chảy  
Hương lúa níu lòng anh*

*Để ngày mai anh về  
Anh đã đặt bàn tay nơi ngực trái  
Bàn tay có hơi ấm tay em qua tháng ngày anh giữ lại  
Là sức bền tình yêu  
Để ngày mai anh về*

Trong bài *Thơ Lê Văn Vọng* khởi nguồn từ những điều bình dị, nhà văn Nguyễn Đức Thiện đã có nhận xét:

*“Bên trong những con chữ giản dị, uẩn tàng trong những câu thơ không máy móc cầu kỳ, chất chứa trong từng dòng, từng trang là cả một cuộc trải nghiệm của một đời thơ để chiêm nghiệm từng cái mà anh gặp, anh thấy. Ở đây có thân phận con người, mà có thân phận của tất cả những gì mà Lê Văn Vọng thấy, gặp và nhìn thấu đến tận hồn sống để mà thành thơ của riêng anh.”*

Tài liệu tham khảo:

- Lê Văn Vọng Web: [xuthanhnet.wordpress.com](http://xuthanhnet.wordpress.com)
- *Những nhà văn trung úy* Web: [nguoixunghekiev.vn](http://nguoixunghekiev.vn)

**17. Trần Mạnh Hảo**



**Trần Mạnh Hảo (1947-20 )**

Trần Mạnh Hảo sinh ngày 21 tháng 7 năm 1947 trong gia đình công giáo, tại xã Nghĩa Phú, huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định.

Từ năm 1955, học chữ và học kinh sách trong nhà thờ, giáo xứ.

Năm 1959, tuổi hát lễ trong Ban thánh ca giáo xứ Bình Hải, theo cha xứ đi giúp lễ nhiều nhà thờ ven biển.

Học hết trung học phổ thông, đi bộ đội, vượt Trường Sơn vào chiến trường khu VI, qua Đông Nam Bộ làm lính chiến đấu, giao liên, rồi làm báo viết văn cho tới ngày nay.

Từ năm 1973, ông về làm phóng viên, biên tập viên tạp chí *Văn Nghệ quân giải phóng miền Nam* và làm nghề viết văn, viết báo chuyên nghiệp cho đến nay.

## HUỶNH ÁI TÔNG

Năm 1975, từ chiến khu về Sài Gòn, rồi ông định cư tại Quận Phú Nhuận, Sài Gòn.

Trần Mạnh Hào là Hội viên Hội Nhà văn Việt Nam, từng giữ chức vụ Ủy viên Hội đồng Thơ Hội Nhà văn Việt Nam từ năm 1996 đến năm 1999.

Ông từng là đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam cho đến năm 1989, viết cuốn *Ly Thân* và bị khai trừ khỏi đảng.

Đã được 5 giải thưởng Hội Nhà Văn Việt Nam và giải thưởng HNVTN năm 2003.

Hiện nay là một người viết văn tự do (ngoài biên chế), không tham gia tổ chức chính trị nào trừ là Hội Viên Hội Nhà Văn Việt Nam.

Tác phẩm:

- *Trường Sơn của bé* (thơ, 1974)
- *Tiếng chim gõ cửa* (thơ, 1976)
- *Hoa vừa đi vừa nở* (thơ, 1981)
- *Mặt trời trong lòng đất* (thơ, 1981)
- *Ba cặp núi và một hòn núi lẻ* (thơ, 1986)
- *Sinh ra để yêu nhau* (tiểu thuyết, 1988)
- *Từ chiếc ô trời của mẹ* (1989)
- *Trăng mặt* (tiểu thuyết, 1989)
- *Ly thân* (tiểu thuyết, 1989).
- *Chìa khóa của mỗi người* (tiểu thuyết, 1998)
- *Đất nước hình tia chớp* (thơ, 1994)
- *Mình anh trong một thế giới* (thơ, 1991)
- *Chuồn chuồn cắn rốn* (thơ, 1995)
- *Tứ tuyệt* (thơ, 1995)
- *Thơ phản thơ* (Văn học, 1995)
- *Phê bình phản phê bình* (1996)

- *Cuộc chiến tranh khôn nguôi* (thơ, 1998)
- *Văn học – Phê bình – Tranh luận* (2004)

Trích văn:

**Chính trị hóa khoa học và văn học để ‘đánh’ Nhã Thuyên  
là không chính danh**

Thạc sĩ văn học Đỗ Thị Thoan (bút danh Nhã Thuyên), sinh năm 1986, từng là giảng viên khoa văn trường đại học sư phạm Hà Nội (mới bị đuổi việc) đang cực kỳ nổi tiếng với luận văn thạc sĩ: “Vị trí của kẻ bên lề: Thực hành thơ của nhóm Mở Miệng từ góc nhìn văn hóa” do PGS.TS Nguyễn Thị Bình, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội hướng dẫn” đã được hội đồng các giáo sư phản biện cho điểm tuyệt đối 10/10 vào tháng 11-2010; sau ba năm, nay nhờ nhà phê bình văn học Chu Giang (Nguyễn Văn Lữ) và GS. Phong Lê và ngót một trăm bài “đánh” khác trên các báo “lề phải” ...mà Nhã Thuyên đường đường chính chính bước vào lịch sử văn học, một mình làm thành hiện tượng kỳ vĩ ngang ngửa với vụ án “Nhân Văn giai phẩm” ngày xưa.



Trong “ Hội nghị lý luận phê bình lần thứ 3 của Hội nhà văn VN “ ngày 05-6-2013, nhà phê bình văn học Chu Giang & GS. Phong Lê đã lên diễn đàn tố cáo luận văn thạc sĩ trên của Nhã Thuyên là phản động chống đảng, muốn lật đổ chủ nghĩa xã hội và đảng cộng sản, rằng khoa văn trường đại học sư phạm Hà Nội là một ổ phản động; tiếp đến báo “Văn Nghệ TP HCM” ngày 13-6-2013 in bài đầu tiên của ông Chu Giang (Nguyễn Văn Lưu) bản phát đại bác mở màn cho đại chiến dịch tấn công của chế độ đương thời vào “thành lũy của đế quốc Nhã Thuyên” có tên: “Vấn đề ở khoa văn đại học sư phạm Hà Nội – Một luận văn kích động sự phản kháng và chống đối” (hai số sau của báo này, ông Chu Giang lại in tiếp hai bài đánh vu hời hợt khác vào bản luận văn trên: “Văn sư tử và văn cây cáo”, “không thấy đổ mày làm nên”) đã mở đầu một chiến dịch “Điện Biên Phủ trên giấy và trên Internet “đánh vào “ tên đế quốc Mỹ bé xíu Nhã Thuyên” của các báo chính thống hùng mạnh nhất nước: Nhân Dân, Quân Đội Nhân Dân, Công an nhân dân, tạp chí Cộng Sản, Hà Nội mới, Sài Gòn giải phóng, Công an TP. HCM, Công an thủ đô, báo Thanh Tra, Văn Nghệ, Văn Nghệ quân đội, Văn Nghệ Trẻ, Hồn Việt, Đài tiếng nói Việt Nam, báo mạng Vietnamnet, VNexpress, mạng Dân Trí, cùng hàng trăm mạng chính thống khác, thì hiện tượng Nhã Thuyên không còn nằm trên bình diện quốc gia mà đã loang ra thành bình diện quốc tế.

Nói chơi, nếu nhà nước ta đại dột nghe theo đám thầy dùi Phong Lê, Chu Giang... mà ra lệnh bắt Nhã Thuyên, tôi tin không chỉ có đế quốc Mỹ can thiệp mà ngay cả các nước dân chủ trong khối ASEAN cũng có thể can thiệp...

## **Thoan 2**

Nếu luận văn thạc sĩ này được dịch ra tiếng Anh, được giảng dạy trên các đại học thế giới, nhất định Nhã Thuyên sẽ được giải thưởng quốc tế về công trình nghiên cứu khoa học này,

thậm chí cô có thể được mời thỉnh giảng ở các đại học danh giá như Harvard không chừng...thì công lớn lắng xê Nhã Thuyên lên hàng nhân vật nổi tiếng thế giới này thuộc về ông Chu Giang, ông Phong Lê và các báo lớn nhất của chế độ vậy !

Tất cả ngành truyền thông vĩ đại của chế độ xã hội chủ nghĩa của nước Việt Nam đang cùng hè nhau kết tội một cô bé tài ba Nhã Thuyên, mới 24 tuổi đã bảo vệ thành công xuất sắc điểm 10/10 luận văn thạc sĩ văn học về một đề tài gai góc nhất, khó khăn nhất là thơ của nhóm “ Mớ Miếng” và đã được mời làm giảng viên khoa văn đại học; cả hệ thống truyền thông ấy cùng “ bè hội đồng” kết án rằng: Nhã Thuyên, bằng luận văn thạc sĩ đã phạm tội: “ âm mưu lật đổ đảng cộng sản Việt Nam và chế độ xã hội chủ nghĩa Việt Nam”, “ kích động nhân dân chống chế độ”, “ phỉ báng, bôi nhọ chủ tịch Hồ Chí Minh”, “ một luận văn vô văn hóa, bản thù, đê tiện, chống lại chế độ, chống lại dân tộc, chống lại đất nước và chống lại cả loài người”...

Người viết bài này không thể kể hết ra đây các thứ tội lỗi khác mà hàng trăm cơ quan truyền thông của chế độ đã kết án Nhã Thuyên bằng những lời kém văn hóa nhất.

Người viết bài này cũng đã tìm đủ mọi cách nhưng không thể có bản luận án thạc sĩ của Nhã Thuyên trong tay, nên không thể kiểm định xem bản luận án bị kết tội kia đúng sai hay dở ra sao ? Do vậy, với bài báo này, chúng tôi nhằm phê bình cái cách mà người ta kết tội một nhà khoa học trẻ là một phương cách phản khoa học, phản nhân văn, phản Marxism.

Với những tội tày trời cả chế độ đã kết án Nhã Thuyên, xem ra còn to hơn các tội lỗi được quy kết cho hai người cầm đầu vụ án Nhân Văn giai phẩm ngày xưa là bà Thụy An (1916-1989) và ông Nguyễn Hữu Đang(1913-2007); cứ bằng những tội bị kết trên, Nhã Thuyên có thể bị kêu án tử hình mới xứng...

Than ôi, cả một hệ thống truyền thông của một chế độ tự khoe mình dân chủ tự do hơn triệu lần Mỹ, Anh, Pháp... lại không dám in trọn vẹn luận văn thạc sĩ của Nhã Thuyên ra công khai để mọi người kiểm chứng xem đúng sai hay dở ra sao, đã dùng phương pháp luận “ người mù sờ voi” chính trị hóa khoa học, chính trị hóa văn học để đàn áp khốc liệt, kết tội, lăng nhục hết mức một con người, một nhà khoa học, một nhà văn mà tuổi đời chỉ đáng bằng cháu nội, cháu ngoại ông Phong Lê mà thôi, thì các ông, các vị, các giáo sư, các đồng chí ơi, các đồng chí không còn chính danh nữa rồi, không còn tử tế, không đảng hoàng nữa rồi khi các đồng chí luôn nhân danh Marx để chống lại học thuyết Marx nói về khoa học, văn học nghệ thuật. Chúng tôi sẽ chứng minh.

GS. Phong Lê là một trong những người từng đi đầu trong cộng cuộc “cởi trói văn học” 1986 (chữ của tổng bí thư Nguyễn Văn Linh) được dư luận kính trọng, nay sao lại chưa hề đọc văn bản bản luận án này của Nhã Thuyên, đã vội kết án tội khi quân chết người cho nhà khoa học nghiên cứu văn học trẻ tuổi chỉ bằng tuổi cháu chắt mình là sao ? Xin trích:

**“Nhóm “Mở Miệng”: lịch sử văn học đẫm máu sắp lập lại?”**

Mặc Lâm, biên tập viên RFA

2013-07-20:

Riêng Giáo sư Phong Lê, người mà bài báo mô tả: “hai lần lên diễn đàn đề nghị các cơ quan chức năng phải làm việc nghiêm khắc và xử lý thích đáng đối với tác giả bản luận văn cũng như hội đồng chấm luận văn” tràn tình với chúng tôi: Bài viết trên tờ QĐND hôm 7-7-2013 có tên “Một góc nhìn phản văn hóa và phi chính trị”. Screen capture.



“Sự thật là thế này: điều ấy tôi biết được qua thành viên chủ trì cuộc họp đó đó là anh Chu Giang. Anh này khảo rất sâu về luận văn đó và anh sâu ngược lên về nhiều chuyện khác nữa và anh viết trên tờ Văn Nghệ thành phố Hồ Chí Minh anh đặt vấn đề phải kiểm tra lại khoa văn Đại học Sư Phạm vì sao lại đào tạo ra cái luận văn như thế. Tôi chưa được đọc trong nội dung ấy tức nhiên là phức tạp, mỗi người một cách đánh giá nhưng tôi nói rằng nếu như nội dung ấy đúng như anh nói thì nó phạm phải một điều mà tôi cho là không thể giải thiêng được và xúc phạm đến Hồ Chí Minh, xúc phạm nhiều chân lý, nhiều điều đáng lẽ phải tôn trọng. Đối với tôi việc giải thiêng Hồ Chí Minh thì tôi không chấp nhận được và tôi nói nếu sự thực như thế thì hội nhà văn nên kiến nghị với Bộ Giáo dục về việc phải xem lại cái nội dung của luận văn đó chứ tôi không bao giờ nói công an cả. Câu chuyện này tôi biết ở trên họ đã bắt đầu “động” rồi đấy. Sắp tới báo chí nó sẽ xuất hiện.”

Theo những thông tin mà chúng tôi có thì Giáo sư Phong Lê là một thành viên trong hội đồng xem xét trường hợp luận văn này và nó sẽ bắt đầu trong thời gian ngắn sắp tới.”

(hết trích)

Cả một nền truyền thông của đảng cộng sản Việt Nam cũng như GS. Phong Lê, chưa hề đọc văn bản của người ta, không dám in công khai bản luận văn cho bạn đọc đối chứng, chỉ nghe hơi nôi chỗ mấy đoạn trích bị cắt xén trong bản luận văn thạc sĩ Nhã Thuyên nơi bài báo của ông Chu Giang, rồi vội vàng kết tội chết người cho nhà khoa học trẻ, thì việc làm này đã phạm vào luân thường đạo lý tối thiểu của con người, mắc vào tội vu cáo, tội ăn gian nói dối rồi đó.

Đưa bản luận văn thạc sĩ của Nhã Thuyên ra tòa buộc tội mà không hề dẫn chứng, không hề trưng ra chứng cứ nguyên trạng, chỉ cắt một tí móng tay, trưng ra một sợi tóc của bản luận văn

rồi kết tội bản luận văn và chính Nhã Thuyên mắc tội lật đổ đảng, lật đổ chế độ xã hội chủ nghĩa, phỉ báng lãnh tụ... thì việc làm này có khác gì các ông lấy hai bao cao su đã dùng rồi để buộc tội tuyên truyền chống chế độ xã hội chủ nghĩa cho tiến sĩ luật Cù Huy Hà Vũ vừa qua ?

Cả một nền truyền thông hè nhau đánh tráo khái niệm. Luận văn thạc sĩ của Nhã Thuyên nằm trong thể loại nghiên cứu khoa học, dùng khoa học để khảo sát một hiện tượng văn học, các ông lại dùng chính trị để làm hệ quy chiếu quy kết một văn bản khoa học là hoàn toàn chống lại phương pháp luận Marxism.

Chủ nghĩa Marx từng chỉ ra kinh tế là hạ tầng cơ sở quyết định thượng tầng kiến trúc xã hội. Thượng tầng kiến trúc gồm có chính trị, khoa học, văn học nghệ thuật... Nằm chung trên một mặt bằng của thượng tầng kiến trúc, khoa học, văn học, tôn giáo, triết học... tồn tại độc lập với chính trị. Việc các vị nhân danh Marx để đồng nhất khoa học cũng là chính trị, văn học cũng là chính trị, thậm chí các vị còn bảo văn học, khoa học, tôn giáo, triết học... đều là đày tớ của chính trị, với khẩu hiệu “văn học phục vụ chính trị” là những quan niệm phản Marxism.

Dùng vũ khí chính trị để đàn áp một đề tài khoa học như việc báo Nhân Dân và các báo lớn nhất nước vừa làm để trấn áp, kết tội một luận văn khoa học của Nhã Thuyên là một hành vi chống lại chủ nghĩa Marx của những người tự xưng là cộng sản, tự xưng là Marxism, rõ ràng là một việc làm không chính danh, không đảng hoàng, không tử tế của các thế lực bảo thủ toan “gây ra một cơn bão trong tách trà” để cốt ý gây rối, phá hoại con đường đổi mới của đất nước trong những tháng ngày nước sôi lửa bỏng giặc ngoại xâm đang lăm le xâm chiếm biên đảo và đất đai Tổ Quốc hôm nay (!)

Một lần nữa, chúng tôi mong nhà khoa học, nhà văn, thạc sĩ Nhã Thuyên hãy bình tĩnh và thầm cảm ơn hai ông Chu Giang & Phong Lê, cùng cảm ơn cả hệ thống truyền thông phản biện chúng (chống lại biện chứng pháp Marxism, triết tiêu đối lập, triết tiêu phản kháng, độc tôn chính trị, độc tôn chân lý) đã giúp cô (cháu) thành hiện tượng nổi tiếng vào bậc nhất trong lịch sử khoa học và văn học Việt Nam đương đại, giống như chỉ mình cô (cháu) đã làm ra cả một phong trào Nhân Văn Giai phẩm đời mới.

Trần Mạnh Hảo xin chúc mừng Nhã Thuyên; và nhân đây, chúng tôi xin nhờ chú em kết nghĩa ngày xưa là nhà thơ thần đồng Trần Đăng Khoa một việc nhỏ như con thỏ: nhờ Khoa ra ngay chợ hoa Ngọc Hà mua dùm anh Hai một bó hoa thật đẹp, rồi tìm đến nhà tặng Nhã Thuyên dùm anh Hai với nhé ! Xin cảm ơn., .Sài Gòn ngày 08-8-2013

Trích thơ:

### **Tự do hay là chết**

- *Nếu có thể đổi bộ xiêm y của tôi*  
*Để lấy vòm trời*  
*Dù trong giây phút ?*
- *Bộ lông người có thật*  
*Còn vòm trời là ảo ảnh mà thôi*  
*Thà ở trong lồng cho ta nhốt chơi !*
  
- *Nếu có thể đổi đôi mắt*  
*Để lấy trời xanh ?*
- *Ta chúa ghét mộng mơ*  
*Nếu mà người mù mắt*  
*Thì trời kia dù có cũng vu vơ !*

- Nếu có thể được  
Tôi xin đổi tiếng hát  
Lấy một thoáng trời cao ?  
- Nhảm nào  
Nếu mà người không có tiếng hát  
Thì ta nhốt người làm gì ?

Từ đó con chim biếng hát, biếng ăn  
Nó chiêm ngưỡng trời xanh tuyệt vọng  
Khi chim không còn sự sống  
Chiếc lông ném chim xuống  
Một con mèo vồ liền  
Kìa trận gió ào đến  
Và lông chim bay lên !

Đến lúc này con chim tội nghiệp  
Mới đạt được vòm trời  
Xin gió mang những chiếc lông chim này bay qua cái chết  
Tự do không có thật trong đời  
Phải có một chiếc lông chim kia mới biết  
Giá của xiêm y mình, của tiếng hát, của con người !

(Sài Gòn 198)

### **Những đồ chơi của con tôi**

Suy dinh dưỡng từ trong thai  
Con lớn mỗi ngày èo uột  
Cha đi làm nhà nước  
May mà mua được búp bê

À ơi con bé con chơi  
Búp bê đây đây còn người còi xương

Này chú gấu phốp pháp

*Con bông toát mồ hôi  
Cô bé ni-lông mập mạp  
Nằm bên con trông cộc cạch buồn cười  
Chiếc xe tăng khẩu súng cũng tròn đầy  
Vũ khí còn có da có thịt  
Chú ngựa gỗ có ăn gì đâu mà chắc nịch  
Sao con chẳng giống búp bê ?*

*Ngày mai  
Ngày mai  
Ngày mai  
Có thể cha sẽ sắm cho con mọi thứ  
Nhưng tuổi thơ con không đến lần thứ hai !*

*Hãy đi qua tháng năm này con ơi  
Hồi những búp bê béo tốt  
Sao để con người còi cộc trước đồ chơi ?*

(Sài Gòn 1982)

### **Giấc mơ**

*- Bố ơi !  
Đêm qua con nằm mơ thấy mình được ăn thịt !  
- Con ơi !  
Bằng tuổi con bố mặc quần thùng đít  
Nhiều khi bố mơ thấy mình được ăn một bữa cơm no !*

*Bốn mươi năm đi qua  
Từ giấc mơ đến giấc mơ  
Từ miếng cơm đến miếng thịt  
Từ cuộc chiến tranh này đến cuộc chiến tranh kia*

*Vớ vẫn thay bố con ta  
Sao toàn mơ những giấc mơ tầm thường tội nghiệp*



*Để que cời mặc sức lùa rạ rom ?*

*Đoạn đành nung gạo thành cơm  
Ăn than, uống lửa, chẳng gờm cướp ngôi  
Ngó lên trời nhỏ đít nòi  
Đâu rau quên chuyện mình ngôi làm vua...*

(Sài Gòn 2000)

Trong bài *Trần Mạnh Hảo, ông là ai ?* Trần Nghĩa Hưng đã có những đoạn viết:

*“Lợi dụng thời kỳ “Nhà nước cời trói”, Trần Mạnh Hảo (TMH) cho ra đời cuốn tiểu thuyết tựa đề **Ly Thân**. Cuốn sách, tái hiện lịch sử về giai đoạn nông dân miền Bắc rơi vào hoàn cảnh bi thảm của cuộc “Cải Cách Ruộng Đất Vĩ Đại” (CCRĐVD). **Ly Thân** đã dựng lại bức tranh toàn cảnh cuộc “CCRĐVD” rất chân thực, sống động. Tác phẩm được dư luận bạn đọc chú ý, đánh giá cao. Chính vì vậy **Ly Thân** bị thu hồi ngay. Trong bài trả lời phỏng vấn nhà báo Lê Thị Huệ trên Mạng, TMH bộc bạch cõi lòng... , người đọc mới biết cái giá phải trả cho việc “nói thật” thông qua tiểu thuyết **Ly Thân**. Cha ông, cụ kị ta đã dạy: Thuốc đắng dã tật, nói thật mát lòng. Nhưng dưới chế độ xã hội chủ nghĩa (XHCN) do đảng cộng sản thống trị, nói thật – nghĩa là phơi bày cái xấu của “đảng ta” – sẽ là một trọng tội. Xã hội Việt Nam do Đảng cộng sản Việt Nam (ĐCSVN) trị vì hơn 50 năm qua (từ 1954) – không dung nạp những người hay nói thật, dám nói thật. Kết quả TMH cũng không ngoại lệ: do có tí chút nghiệp vụ viết lách, có tí công cán trong chiến tranh, thời thế đã đổi thay..., ông chỉ bị khai trừ khỏi Đảng, ra khỏi biên chế nhà nước. Mà thời gian cuối những năm 80 của thế kỉ trước, ra khỏi biên chế là “mất sổ gạo”, là... “đói to”! Sau cú ly thân ngoạn mục, không thấy Trần Mạnh Hảo xuất hiện trên Thơ – Văn đàn nữa.*

*Bằng đi it lâu, đột nhiên người đọc được biết đến những bài viết của TMH có nội dung khác hẳn. Trần thi sĩ quay sang viết phê bình, tiểu luận. Hơi văn, giọng văn, tinh thần của các bài viết mạnh bạo, gay gắt – cứ như tên lính gác trung thành với chủ, cố chết bảo vệ dinh lũy của chế độ, của “Vua”.*

.....

*Và bây giờ Trần Mạnh Hảo trực diện “chống” Đảng Cộng Sản Việt Nam trên bình diện lí luận. Bằng trí tuệ cao thâm, ông phủ định học thuyết Mác–Angel–Lê nin. Tấn công dồn dập vào hệ thống lí luận, triết học học thuyết Mác–Lê nin. Việc làm của TMH là việc làm của một nhà văn, nhà nghiên cứu triết học – lần đầu tiên khuấy đảo Văn trường và hệ thống lí luận do Đảng CSVN bao năm o bế. Có thể nói còn ôn ào – nhưng sâu rộng, hiệu quả hơn cả việc làm của vị đại thần tiền bối của triều đại Cộng Sản Việt Nam, Trưởng ban Văn hóa– Văn nghệ Trung ương– Trần Độ, ở thời điểm vài mươi năm trước.*

*Từ thực tiễn tới lí luận, từ tư duy rời rớt ra kết luận – là một quá trình đi từ quan sát, cảm nhận và trăn trở... trăn trở ... sau rốt khi quá trình đó kết thúc – con người đã tìm ra chân lí. Không biết Trần Mạnh Hảo có đi qua chặng đường gian khổ này không? Bằng quan sát và đối chiếu... tôi cho rằng: quá thực Trần Mạnh Hảo đã, đang lột xác!”*

Tài liệu tham khảo:

- Trần Mạnh Hảo Web: [gio-o.com](http://gio-o.com)
- Chính trị hóa khoa học và văn học... Web: [danluan.org](http://danluan.org)



## 18. Nguyễn Trọng Tạo



### Nguyễn Trọng Tạo (1947-20 )

Nguyễn Trọng Tạo sinh ngày 25 tháng 8 năm 1947 trong một gia đình nho học ở làng Trường Khê, huyện Diên Châu, tỉnh Nghệ An.

Năm 1969 tham gia quân đội, thuộc Đoàn 22, Quân khu 4, rồi làm Đội trưởng Đội tuyên truyền văn hóa Đoàn 22B, Trưởng đoàn văn công xung kích Sư đoàn 341B.

Năm 1976 được Tổng cục Chính trị điều về Hà Nội tham gia Trại viết văn quân đội.

Năm 1979, được cử đi học Trường viết văn Nguyễn Du khóa I.

Năm 1982, tốt nghiệp Trường viết văn Nguyễn Du, ông được cử làm trưởng ban biên tập Nhà Văn hóa Quân khu Bốn.

Năm 1988, chuyển về làm công tác biên tập xuất bản tại Hội Văn học Nghệ thuật Bình Trị Thiên.

## HUỶNH ÁI TÔNG

Năm 1990, ông cùng nhà văn Hoàng Phủ Ngọc Tường và nhà văn Nguyễn Quang Lập sáng lập tạp chí *Cửa Việt*, làm biên tập và phụ trách mỹ thuật tạp chí này bộ đầu tiên gồm 17 số.

Năm 1997, làm Thư ký Tòa soạn tạp chí *Âm nhạc* thuộc Hội Nhạc sĩ Việt Nam. Nguyễn Trọng Tạo còn là họa sĩ minh họa và trình bày mỹ thuật tạp chí *Cửa Việt*, tạp chí *Âm Nhạc*, báo *Thơ*, tác giả mảng-sét tạp chí *Sông Hương*, *Sông Lam*, *Hồng Lĩnh*, báo *Thơ*...

Năm 2000-2005, là Ủy viên Hội đồng Thơ của Hội Nhà văn Việt Nam, kiêm Trưởng ban biên tập báo *Thơ* thuộc báo *Văn Nghệ* (2003-2004).

Nguyễn Trọng Tạo là hội viên Hội Nhà văn Việt Nam, hội viên Hội Nhạc sĩ Việt Nam, hội viên Hội Nhà báo Việt Nam.

Sáng tác bài thơ đầu tiên năm 14 tuổi, sáng tác bản nhạc đầu tiên năm 20 tuổi. Xuất bản tập thơ đầu tiên (*Tình yêu sáng sớm*, in chung cùng Nguyễn Quốc Anh) năm 1974. Đến năm 2008 đã xuất bản gần 20 tác phẩm.

Nguyễn Trọng Tạo đã đoạt nhiều giải thưởng văn học nghệ thuật:

- Giải thưởng thơ Nghệ An năm 1969
- Giải thưởng thơ hay báo *Văn nghệ* (do độc giả bình chọn) năm 1978
- Giải thưởng thơ hay báo *Nhân dân* năm 1978
- Giải thưởng thơ hay tạp chí *Văn nghệ quân đội* năm 1978
- Giải thưởng đặc biệt của UBND tỉnh Hà Bắc năm 1981 cho ca khúc *Làng Quan Họ quê tôi*
- Giải thưởng Văn học Nghệ thuật Cố đô (1989-1994) cho tập truyện *Miền quê thơ ấu*
- Giải thưởng Văn học Nghệ thuật Cố đô (1995-2000) cho

tập thơ *Đồng dao cho người lớn*

- Giải thưởng Văn học Nghệ thuật Hồ Xuân Hương (1997-2002) cho ca khúc *Đôi mắt đò ngang*
- Giải thưởng Văn học Nghệ thuật 1997 của Ủy Ban Toàn quốc các Hội VHNTVN cho ca khúc *Đôi mắt đò ngang*.
- 5 Giải thưởng của Hội Nhạc sĩ Việt Nam cho các ca khúc: *Mặt trời trong thành phố*, năm 1983, *Đường về Thạch Nham*, năm 1984, *Con đé buồn*, năm 1997, *Đồng Lộc Thông ru*, năm 1998, *Khúc hát sông quê*, năm 2005.
- 2 Giải thưởng của Bộ Văn hóa và Thông tin cho bìa sách đẹp: *Những con chim kêu đêm*, *Khát*
- Giải thưởng của Hội Nông dân Việt Nam năm 2001 cho ca khúc *Cánh đồng ở giữa hai làng...*
- Giải thưởng Những ca khúc hay về Nông Nghiệp và Nông thôn Việt Nam (1945-2010) của Bộ Nông Nghiệp & Phát Triển Nông Thôn cho 2 ca khúc *Làng Quan Họ quê tôi* và *Khúc hát sông quê*
- Giải thưởng Nhà nước về Văn học Nghệ thuật năm 2012 với tập thơ *Đồng dao cho người lớn* và trường ca *Con đường của những vì sao (Trường ca Đồng Lộc)*

Tác phẩm:

- *Tình yêu sáng sớm* (thơ in chung, 1974)
- *Gương mặt tôi yêu* (thơ in chung, 1980)
- *Con đường của những vì sao* (Trường ca Đồng Lộc, 1981)
- *Tình ca người lính* (trường ca, 1984)
- *Sóng nhà đêm biếc tôi yêu* (thơ in chung, 1984)
- *Khoảnh khắc thời bình* (văn, 1987)
- *Sóng thủy tinh* (thơ, 1988)
- *Miền quê thơ ấu* (Văn, 1988, tái bản với tên *Mảnh hồn làng*, 1997)
- *Gửi người không quen* (thơ, 1989)
- *Ca sĩ mùa hè* (văn, 1991)

## HUỶNH ÁI TÔNG

- *Đồng dao cho người lớn* (thơ, 1994)
- *Thư trên máy chữ và Tản mạn thời tôi sống* (thơ, 1995)
- *Ca khúc Nguyễn Trọng Tạo* (nhạc, 1996)
- *Tình khúc bốn mùa* (nhạc, 1996)
- *Nương thân* (thơ, 1999)
- *Văn chương cảm và luận* (tiểu luận, phê bình, 1999)
- *Thơ trữ tình* (thơ, 2001)
- *Chuyện ít biết về văn nghệ sĩ* (v ăn, 2001)
- *36 bài thơ* (thơ, 2006)
- *Thế giới không còn trắng* (thơ, 2006)
- *Khúc hát sông quê* (nhạc, 2006)
- *Em đàn bà* (thơ, 2008)
- *Ký ức mắt đen* (thơ song ngữ Việt - Anh, 2010)
- *Thơ và Trường ca* (thơ, 2011)

Trích văn:

### VỀ TRỊNH CÔNG SƠN

Thấm thoát mà cũng hơn 10 kể từ ngày nhạc sĩ Trịnh Công Sơn rời xa cõi tạm. Nhân dịp này, nhà thơ Nguyễn Trọng Tạo - một người bạn, một người yêu nhạc Trịnh đã chia sẻ những suy nghĩ của ông về vị nhạc sĩ tài hoa này.

Tôi nhiều lần được nghe Trịnh Công Sơn hát nhạc của anh. Có bài tình cờ được nghe anh hát khi chưa công bố, ví như bài “Dung Hòa ca” anh viết tặng một người con gái Hà Thành có tên là Dung Hòa sau chuyến ra Hà Nội dự sinh nhật Văn Cao 60 tuổi (1983) hay bài “Tiến thoái lưỡng nan” có lẽ là bài hát cuối cùng của đời anh. Anh thường hát trong cuộc rượu, giọng nghe như có men, nó chân thành, gần gũi như là trò chuyện, như là đan díu, giăng mắc lòng người. Giáo sư Hoàng Ngọc Hiến, người thích âm nhạc và đặc biệt thích ca từ của Trịnh đã có lần nói với tôi, Trịnh Công Sơn là người hát hay nhất về nhạc Trịnh. Tất nhiên rồi, khi tác giả hát là tác giả truyền đạt

tất cả những xúc cảm và thông điệp của tác phẩm đến với người nghe.



*"Trịnh Công Sơn là người hát hay nhất về nhạc Trịnh"*

Trước khi gặp Trịnh, tôi đã nghe nhạc của anh qua giọng hát Khánh Ly từ chiếc đài Orionton của lính cộc cạch khi được khi mất, và không hiểu là Trịnh hay Khánh Ly đã chinh phục tôi. Mãi đến sau 1975, tôi mới được nghe trọn vẹn album “Son ca 7” tại nhà của Nguyễn Đình Thi cùng Nguyễn Đình Chính và Bích Việt. Chúng tôi cứ nghe đi nghe lại giọng hát Khánh Ly cho đến khuya. Một giọng hát đầy ma mị mà có người gọi là “giọng hát liêu trai”. Khánh Ly không hát theo kỹ thuật “cộng mình cộng hưởng” như các ca sĩ miền Bắc được đào tạo qua hàn lâm viện thời đó, mà chị hát nhẹ nhàng như đang thờ. Chị hát như không. Ấy vậy mà sự truyền cảm thật lạ lùng. Giọng hát mà khi đã ngừng rồi, ta vẫn thấy như còn “vương một sợi Diễm xưa”.

Những người đã mê nhạc Trịnh qua giọng liêu trai Khánh Ly thật khó mà nghe những giọng hát khác. Như một sự mê tín đáng yêu. Như một đóng đinh giá trị.



*Ngày 1-5-2014, Khánh Ly viếng mộ Trịnh Công Sơn*

Nhưng với Trịnh Công Sơn thì khác. Dù kết với Khánh Ly như một cặp đôi không thể rời, nhưng anh rất thích nghe lại mình trên nhiều cung bậc. Khi người ta bảo Hồng Nhung đã làm biến tướng nhạc Trịnh thì anh lại không nghĩ thế. Anh trân trọng và bảo vệ cách hát của Bông. Anh bảo nghe Bông hát, thấy mình trẻ lại, thấy mình đang đi cùng với thời đại. Anh khen cách phối mới cho những ca khúc của mình. Không chê chiếc guitare một thời nâng bổng những giai điệu tuyệt vời, nhưng anh luôn sung sướng khi nghe dàn nhạc điện tử hòa tấu hay đệm cho bài hát. Thậm chí có lúc hứng lên, anh mơ các ca khúc của mình có thể hát theo phong cách rock, rap. Rồi anh khen Thanh Lam, khen Mỹ Linh khi họ nhập cuộc vào nhạc Trịnh...

Có lúc Trịnh nghe Ánh Tuyết hát Văn Cao thật hay, liền gợi ý cho Ánh Tuyết “hát bài của Sơn đi”, nhưng mãi đến ngày anh ra đi vĩnh viễn, người ca sĩ này vẫn chưa dám hát nhạc của anh. Theo chị kể lại thì “Ngày anh mất, tôi đã ghi vào sổ tang mấy

dòng ngâm ngùi: "VẬY là anh đã đi. Em hứa hoài mà vẫn chưa thực hiện được album. Em chắc chắn sẽ làm album nhạc của anh. Nhưng anh đi rồi đâu còn ai nghe em hát nữa...". Cho mãi 10 năm sau ngày Trinh mất, Ánh Tuyết mới tổ chức được đêm nhạc tưởng nhớ người nhạc sĩ tài hoa, cùng với việc phát hành 2 album *Ánh Tuyết hát Trịnh Công Sơn 1&2* và coi đó vừa là lời tri ân, vừa là lời xin lỗi, vừa là để thực hiện lời hứa của mình với Trịnh.

Giọng hát Ánh Tuyết thuở ban đầu khiến tôi nhớ đến Thái Thanh lừng lẫy một thời. Đó là giọng sơn ca véo von bay bổng đến nức nở. Một "Suối mơ", một "Thiên Thai" hay một "Trương Chi" huyền ảo chơi vơi như có như không. Nhưng Ánh Tuyết lại còn có cả một sức sống nội tâm đầy kịch tính mãnh liệt khi thể hiện "Trường ca sông Lô" của Văn Cao. Với nhạc Trịnh thì khác. Theo tự nhận của Trịnh thì nhạc Văn Cao như núi, còn nhạc Trịnh như đồng bằng. Có lẽ vì sự khác biệt đó mà Ánh Tuyết lưỡng lự khá lâu trước khi quyết định hát nhạc Trịnh? Đúng vậy, sau này chị đã thổ lộ: "Nhạc anh Sơn có bao nhiêu là chiếc bóng quá lớn phủ lên, bao nhiêu người chen chúc hát. Tôi thấy mình không đủ tự tin dù được anh đề nghị. Mãi đến khi hát Trịnh cho NSND Tường Vy nghe, cô đã mua tặng tôi một tuyển tập Trịnh Công Sơn Những bài ca không năm tháng và ghi: "Chúc em đã hát hay nhạc Văn Cao bây giờ còn hát hay nhạc của Trịnh Công Sơn. Hai tâm hồn lớn sẽ che chở cho em thành công hơn nữa trên đường đời đầy gian nan...". Những lời nhận xét chân tình này khiến tôi tự tin".

Ai cũng biết nhạc Trịnh là âm nhạc của phận người. Phận người có vui và có buồn, có tuyệt vọng và hy vọng. Nhạc Trịnh chia sẻ tất cả tình yêu của mình với con người như là đôi cánh nâng đỡ cho những thân phận nhỏ nhoi trong vũ trụ. Nó thấm đẫm tinh thần triết học của nhà Phật lẫn triết học hiện sinh. Đau mà sáng. Buồn mà sang. Ánh Tuyết khi ngộ ra điều đó, chị đã lựa chọn cho mình một cách hát nhạc Trịnh riêng. Không thét

## HUỶNH ÁI TÔNG

gào, quần quai, không suốt mượt, nỉ non mà nhẹ nhàng, thanh tao như sẻ chia, trò chuyện... Ánh Tuyết đã hợp hồn công chúng ngay đêm nhạc đầu tiên của mình tưởng nhớ Trịnh. Tôi đã nghe Tuyết hát *Gọi tên bốn mùa, Như cánh vạc bay, Còn tuổi nào cho em, Cuối cùng cho một tình yêu, Tình xa, Ướt mi, Rừng xưa đã khép, Phúc âm buồn, Ru ta ngậm ngùi...* với một tâm thức nhẹ nhõm và quyên rũ.

Và đến khi nghe chị hát “*Tiến thoái lưỡng nan*” thì tôi như thấy có Sơn bên cạnh. Đây là một bài hát nhịp một trì tục như những bước chân không nhanh không chậm. “*Tiến/ thoái/ lưỡng/ nan/ đi/ về/ lận/ đận/ Ngày/ xưa/ lận/ đận/ không/ biết/ về/ đâu...*”. Tôi cũng đã nghe mấy “sao” hát bài này, nhưng hình như là họ hát lòng họ chứ không phải hát lòng Sơn. Họ gồng lên. Họ dãn xuống... Và họ đã lạc khỏi Sơn mà không hề hay biết. Còn Ánh Tuyết thì hòa nhập với tâm trạng băng lạnh, băng khuâng mà kiên trì của người nhạc sĩ đã nhìn thấu phận mình. Đó cũng là ấn tượng mà ca sĩ đã gieo vào lòng người nghe thật khó phai nhạt...

Nhiều người hát nhạc Trịnh cho chính mình nghe. Họ không phải là ca sĩ, và cũng không mong thành ca sĩ. Già trẻ, gái trai... Họ hát nhạc Trịnh là bởi nhạc Trịnh đã nhập vào họ. Vậy thôi. Thỉnh thoảng tôi cũng được nghe những người như vậy hát. Và tôi nhận ra rằng, không chỉ ca sĩ chuyên nghiệp mới hát nhạc Trịnh hay. Cái hay nhất của nhạc Trịnh là ai cũng thấy một chút mình trong đó...

Trích thơ:

### Hà Nội của tôi

*Miền man bãi đừa ven sông Hồng  
Tôi thường đi cùng em dọc những hàng hôn gió  
Trên nhịp cầu Long Biên ngót hai cây số*



VĂN HỌC VIỆT NAM CẬN VÀ HIỆN ĐẠI IV

Tôi thường ngắm những gương mặt tru tư lúc tắc cầu  
Những con đường hoa sáu rơi nôn nao  
Tôi thường cùng em ghé hè đường nhờ trẻ bom xe đập  
Những đêm công viên nghe ca nhạc  
Mưa thường rơi trên tóc em mềm

Hà Nội ơi, Hà Nội về đêm  
Điện đủ sáng cho lứa đôi đi dạo  
Điện đủ sáng cho người vào nhà máy  
Cho em đi học lớp ngữ văn  
Những người lính mang ba lô hành quân  
Qua Hà Nội đủ nhìn từng ngõ phố  
Cho gió chạy dọc bờ đê cỏ  
Gió tự do không lạc đích đi về...

Hà Nội ơi, Hoa phượng đỏ ngày hè  
Nắng chéo con đường ít mũ nón  
Bao ngày đông tôi nhớ màu áo ấm  
Xe đạp nhiều vôi vữa những lo toan  
Em đến trường hay gặp chuyến tàu chậm  
Chạy ngang đường, em đợi, nóng lòng chẳng?

Hà Nội ơi, bao năm tháng gian nan  
Hà Nội có thêm tôi, tôi có thêm Hà Nội  
Tôi – người lính của chiến trường lửa khói  
Những năm giặc già phía cuối trời  
Tôi của những bài thơ đối bằng máu đỏ tươi  
Đối bằng máu – thơ viết về Tổ quốc  
Và Hà Nội trong dáng em thanh khiết  
Mất đợi chờ - hy vọng của tôi xa...

Mai tôi đi thanh phố vẫn mùa hoa  
Cuối phố vẫn xếp hàng mua kem chiếc  
Ngoài cửa sổ ống khói nhà máy dẹt  
Dẹt lên trời khói trắng giữa lơ xanh

HUỶNH ÁI TÔNG

*Súng chéo vào bao màu áo công nhân  
Chuông tàu điện leng keng đầu ngã sáu  
Một Hà Nội luôn sẵn sàng chiến đấu  
Luôn nói cười luôn làm việc hồn nhiên!*

*Giờ này em ở đâu, ơi em  
Tan buổi học khoan ghé quầy bán báo  
Tờ báo tuần sẽ đăng thơ tôi đây  
Mai tôi mua và đọc ở trên tàu  
Mai tôi mua và mang đến chiến hào  
Nơi đồng đội đợi chờ nơi biên giới  
Nơi lấm láp đời tôi những bài thơ mới  
Những bài thơ máu lửa nhớ về em.*

*Hà Nội ơi, tôi làm sao mà quên  
Ngày giặc xâm lăng lại bắn vào Tổ quốc  
Hương biên thù, hương biên thù giữ đất  
Mỗi bước xa Hà Nội lại thêm gần  
Mai tôi đi... bỗng nghe nhịp tim mình  
Giữa Hà Nội như là em đang đến...*

*Thơ viết xong tôi nhìn màu áo lính  
Ngỡ màu xanh quá nửa đã vào thơ!...*

(Hà Nội – Cao Bằng, 2-1979)

**Cõi nhớ**

*Tặng Phan Lạc Hoa, Nguyễn Họa, Nguyễn Thụy Kha*

*bạn bè ơi, nếu mà không các bạn  
ta như chai rượu đã cạn rồi  
cốc chén buồn tênh úp trên đĩa  
ta như bình gốm chảnh hoa tươi*

*câu thơ bạn viết cho ta yêu  
bài ca cho ta có sông Cầu  
giọng hát xôn xao niềm cảm lặng  
gặp gỡ cho ta thêm nhớ nhau*

*bạn bè ơi, nếu mà không các bạn  
những lúc lang thang ta về đâu  
không đời để Nhớ- nghèo biết mấy  
ta như sao lạc giữa ban ngày*

*trái tim bạn giữ cho ta đây  
niềm vui bạn giữ cho ta đây  
nước mắt bạn giữ cho ta đây  
giữ cho ta Cỏ với trời mây*

*bạn bè ơi, hãy thương nhiều thương mãi  
thương niềm vui thương niềm đau  
thêm lần nâng chén, nào các bạn  
mai rồi bạc tóc đi tìm nhau!*

(Hà Nội, 1981)

### **Tự vấn**

August5

*Ngày vung vãi đức tin  
Đêm gặp mình đơn độc  
Ranh khôn giữa muôn nghìn  
Trở về thành thẳng góc*

*Mượn niềm vui kẻ khác  
Có gì như tham lam  
Mượn nỗi buồn kẻ khác  
Có gì như nhàm nhàm*

*Cây khế nở hoa cam  
Cây bàng nở hoa bưởi  
Ăn mãi món mật ong  
Biết đâu đời đắng lười?*

(11-1991)

**Hình như**

*hình như có một khoảng trời  
phơi phong mây xốp non tươi mưa rào  
nụ cười bè bạn cho nhau  
mát mềm cả ngọn gió Lào không cây*

*hình như có sợi cỏ may  
có dây thương nhớ có ngày chờ mong  
con sông có khúc uốn cong  
mái tranh có lúc nao lòng người đi*

*sương rơi mẩn mẩn có khi  
cay cay ngọn gió cũng vì yêu thương  
ngà ngà chén rượu đời thường  
nước rau muống luộc cũng vương ngọt ngào*

*lại tìm về xứ chiêm bao  
hình như xứ ấy cây cao hơn nhiều  
cánh diều chẳng phụ dây diều  
tình yêu nữ phụ người yêu bao giờ*

*thế mà sau lớp bụi mờ  
cứ tin có một câu thơ đợi mình  
cứ tin có một mối tình  
đắng cay vậy đó mà mình vẫn yêu.*

*hình như chiều đã qua chiều  
bài thơ mình viết cũng nhiều... hình như?*

### **Tình rơi**

*đừng mơ rừng cũ người ơi  
lối xưa đã khép màu trời trinh nguyên  
đừng mơ xẻ ván đóng thuyền  
sông xưa đã lấp mấy triền dâu xanh*

*em giờ sợ cả hình anh  
lệ rơi ngày trước đã thành cơn mưa  
si mê cũng thể trò đùa  
muốn tu lại sợ gặp chùa vắng sư*

*anh đừng nhắc nữa mùa thu  
vàng phai màu áo tương tư một thời  
cầm tình trót để tình rơi  
mò kim đáy bể người ơi, xin đừng...*

*bây giờ nước mắt người đừng  
bây giờ sáu rặng trong rừng hết chùa!*

### **Một mình Thiên Mục**

Tặng Kim Thanh

*biết là trời sắp cơn mưa  
mà sao tôi cứ lên chùa đường xa?  
biết là người mong ở nhà  
mà sao tôi cứ đi ra đất trời*

*Sông Hương xuôi mãi về người  
ngược dòng sông ấy và tôi... gặp chùa*

## HUỶNH ÁI TÔNG

*trước sân, cây sừ rụng hoa  
dăm ba người lính nhả nha ngắm nhìn  
chuông đồng Thiên Mục lặng im  
mình tôi với tháp Phước Duyên ngược trời*

*bỗng mưa, ào ạt mưa rơi  
nhớ người tôi nhớ lúc ngồi trú mưa*

*nhớ người, tôi nhớ chuyện xưa  
Tiên Cô báo mộng xây chùa bên sông  
thấy người trong giọt mưa trong  
rơi, rơi, rơi... nụ cười hồng đẹp xinh*

*giật mình chợt nhận ra mình  
nhận ra mưa đã lặng thình bao giờ*

*nhận ra trời sáng bất ngờ  
núi non sông nước như vừa vẽ xong  
nhận ra nỗi nhớ tự lòng  
nhớ người đến nỗi... như không nhớ gì...*

*và khi từ già chùa về  
tôi đi như chính người đi, trên đường!*

### Tình điên

#### Tặng Em

*Câu thơ của ai nhỉ: Anh nhớ bóng, anh nhớ hình, anh nhớ tiếng. Sao người ta lại có thể viết một câu thơ vớ vẩn như thế? Vớ vẩn mà hay, hay là bởi nó làm anh nhớ nó từ bao giờ không nhớ nữa.*

*Em, anh cắn vào tai để nghe em nói.  
Em, anh nuốt em vào anh để nghe em nói.*

*Nói đi em. Một lời yêu. Một lời giận. Một lời rên...*

*Giọng nói em từ da thịt anh vang lên.*

*Một miên tơ thăm thăm*

*Cỏ mượt ngập chân lời...*

*Khi tắt điện thoại rồi, anh cô đơn vực khát. Năm mặt hồ xanh lạnh đợi chờ em. Chỉ em đến hồ mới dâng sóng mắt.*

*Bóng anh-em vỡ nát đáy trời kia. Tưởng em chết, anh lao vào vĩnh cửu. Vót em lên anh gọi Thiên Đường.*

*Ồ, trắng đại như mặt người tự tử.*

*Trắng ơi trắng, trắng đâu phải là em!*

*Ta bỏ mặc vàng trắng bên vũng lệ*

*Đi tìm em nơi cuối bé đầu ghềnh.*

*Em cười nụ trên giường trắng giả vờ mơ mơ ngủ. Anh hoàn hồn em vẫn thức đợi anh. Rồi hai đĩa khúc khích cười tiếng ngọc. Vỡ long lanh trong da thịt sinh thành...*

*Anh buồn quá em ơi, tiếng buồn sao nở thót. Em đừng nghe, em nhé, em đừng nghe. Những tiếng buồn hãy bỏ ngoài cánh cửa. Ta lang thang trong tù ngục đam mê. Em hãy nói một lời đi Thiên Đường hỡi. Ôi tù nhân vĩnh viễn của lòng ta.*

*Em có thể bay qua nghìn mây núi, đến cùng anh dù một khắc được không? Nếu không thể thì em ơi anh sẽ... hiện bên em như phim chuông bất ngờ.*

*Anh không viết thành thơ những gì anh vừa thấy. Em đừng vội buồn cười, em đừng bảo anh điên. Nếu điên được vì em, anh ngàn lần ứng cử, làm người điên, ngày, đưa đón đi về.*

*Em yêu. Em ngủ rồi sao? Anh vừa lướt qua những tình câu blog. Đọc bài thơ Xin lỗi, bỗng bật cười. Những comments như có gì an ủi, không phải an ủi em mà an ủi chính người*

HUỶNH ÁI TÔNG

*viết comments.*

*Sao đêm nay anh thiếu em đến thế. Taxi ơi taxi chở em về.  
Đón ta đi cùng em tới ban mai huyền diệu.*

*Em ngủ rồi sao? Anh nghe tim em đập trong ngực anh  
giống như một đêm nào... Thôi ngủ đi em. Đừng mơ anh  
nữa. Đừng mơ anh để giấc ngủ em ngon.*

*Em ngủ rồi, biết nói ai nghe nữa. Anh yêu em, im lặng thấu  
cung trời.*

(Hà Nội, 2008)

Trong bài viết Nguyễn Trọng Tạo hay ông “đủ món, 5 say”,  
Mai Hoàng đã viết trên An ninh Thủ đô:

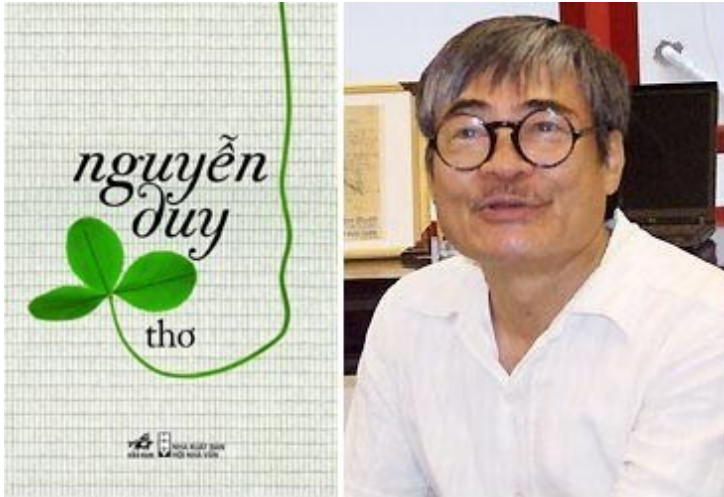
*“Âm nhạc chỉ là một nhánh nhỏ trong sự nghiệp “đủ món” của  
Nguyễn Trọng Tạo. Bởi nhắc đến ông, người ta có thể nhớ tới  
tập sách “Mảnh hồn làng” đã được tái bản cả chục lần, nhớ  
tới những vần thơ “Đồng dao cho người lớn”. Bạn vẫn còn mê  
Nguyễn Trọng Tạo ở khoản làm bìa sách vừa sang vừa sáng.  
Rồi báo chí, Nguyễn Trọng Tạo cũng là cây bút “tả xung hữu  
đột”. Song sự thành công sớm với âm nhạc, từ “Làng quan họ  
quê tôi” đến “Khúc hát sông quê” của Nguyễn Trọng Tạo  
cũng khiến nhiều người mơ ước, thậm chí... ghen tị. Nhưng  
như lộc của trời, cho ai thì người ấy được.”*

Tài liệu tham khảo:

- Nguyễn Trọng Tạo Web: [vi.wikipedia.org](http://vi.wikipedia.org)
- Về Trịnh Công Sơn Web: [tinmoi.vn](http://tinmoi.vn)



## 19. Nguyễn Duy



### Nguyễn Duy - Nguyễn Duy Nhuệ (1948-20 )

Nhà thơ Nguyễn Duy tên thật là Nguyễn Duy Nhuệ, sinh ngày 7 tháng 1 năm 1948 tại xã Đông Vệ, huyện Đông Sơn, Thanh Hóa.

Năm 1966 ông nhập ngũ, trở thành lính đường dây của bộ đội thông tin. Nguyễn Duy từng tham gia chiến đấu nhiều năm trên các chiến trường Khe Sanh, Đường 9 - Nam Lào, rồi sau này là mặt trận phía Nam, mặt trận phía Bắc năm 1979.

Sau đó ông giải ngũ, làm việc tại tuần báo *Văn nghệ*, Hội nhà văn Việt Nam và là Trưởng đại diện của báo này tại phía Nam.

Nguyễn Duy làm thơ rất sớm. Tác phẩm đầu tay của ông là bài thơ *Trên sân trường* viết từ đầu những năm 1960, khi còn là một học sinh phổ thông ở trường Lam Sơn, Thanh Hóa. Nhưng phải mãi đến năm 1973, ông mới thực sự nổi tiếng với chùm thơ đoạt giải nhất cuộc thi thơ tuần báo *Văn nghệ*: *Hơi ấm ổ*

## HUỶNH ÁI TÔNG

rom, *Bầu trời vuông, Tre Việt Nam*. Và cũng bắt đầu từ đây, có Nguyễn Duy, một thi sĩ đặc sắc cuối những năm chiến tranh Việt Nam và lại rục rờ trong hòa bình.

Nguyễn Duy có bộ 3 bài thơ theo thể tự do nổi tiếng mang tính thời sự, viết về những trăn trở, suy nghĩ của ông về tương lai đất nước, tương lai của con người và môi sinh: *Đánh thức tiềm lực, Nhìn từ xa... Tổ quốc, Kim Mộc Thủy Hỏa Thổ*.

Nguyễn Duy được tặng Giải thưởng nhà nước về Văn học nghệ thuật năm 2007.

Tác phẩm:

- *Cát trắng* (thơ, Quân đội, 1973)
- *Phóng sự 30475* (thơ, Văn nghệ, 1981)
- *Em sóng* (kịch thơ, Kim Đồng, 1983)
- *Ánh trắng* (thơ, Tác Phẩm Mới, 1984)
- *Khoảng cách* (tiểu thuyết, Phụ Nữ, 1985)
- *Nhìn ra bể rộng trời cao* (bút ký, Văn Nghệ, 1986)
- *Mẹ và Em* (thơ, Thanh Hóa, 1987)
- *Đãi cát tìm vàng* (thơ, Văn Nghệ, 1987)
- *Tôi thích làm vua* (ký, Văn Nghệ, 1988)
- *Đường xa* (thơ, Trẻ, 1989)
- *Quà tặng* (thơ, Văn Học, 1990)
- *Về* (thơ, Hội Nhà văn, 1994)
- *Sáu & Tám* (thơ, Văn Học, 1994)
- *Tình tang* (Văn Học, 1995)
- *Vợ ơi* (thơ, Phụ Nữ, 1995)
- *Bụi* (thơ, Hội Nhà văn, 1997)

Trích thơ:

**Ngôi buồn nhớ mẹ ta xưa**

May24

*Bàn thân hương huệ thơm đêm  
khói nhang vẽ nẻo đường lên niết bàn  
chân nhang lấm láp tro tàn  
xăm xăm bóng mẹ trần gian thuở nào*

*Mẹ ta không có yếm đào  
nón mê thay nón quai thao đội đầu  
rối ren tay bí tay bầu  
váy nhuộm bùn áo nhuộm nâu bốn mùa  
Cái cò... sung chát đào chua...  
câu ca mẹ hát gió đưa về trời  
ta đi trọn kiếp con người  
cũng không đi hết mấy lời mẹ ru*

*Bao giờ cho tới mùa thu  
trái hồng trái bưởi đánh đu giữa rằm  
bao giờ cho tới tháng năm  
mẹ ra trái chiếu ta nằm đếm sao  
Ngân hà chảy ngược lên cao  
quạt mo vĩ khúc nghêu ngao thẳng Bờm...  
bờ ao đom đóm chập chờn  
trong leo lẻo những vui buồn xa xôi*

*Mẹ ru cái lẽ ở đời  
sữa nuôi phần xác hát nuôi phần hồn  
bà ru mẹ... mẹ ru con  
liệu mai sau các con còn nhớ chăng*

*Nhìn về quê mẹ xa xăm  
lòng ta – chỗ ướt mẹ nằm đêm mưa  
ngồi buồn nhớ mẹ ta xưa  
miệng nhai cơm búng lưỡi lừa cá xương*

HUỶNH ÁI TÔNG

**Vợ ốm**

February 4

*Vừa một xuân lại một xuân  
Vợ ơi đại hạn đã gần một năm  
Một nhà là sáu mâm ăn  
Một thi nhân hóa phẫm phẫm ngựa thồ  
Cái lưng em sụm bất ngờ  
Tứ chi anh lỏng thông quơ rụng rời  
Thông thường thượng giới rong chơi  
Trần gian choang choác sự đời tụi em  
Nghìn tay nghìn việc không tên  
Mình em làm côi bình yên nhẹ nhàng  
Thình lình em ngã bệnh ngang  
Phang anh xất bắt xang bang sao đành  
Cha con Chúa Chỗm loanh quanh  
Anh như nguyên thủ tanh bành quốc gia  
Việc thiên việc địa việc nhà  
Một mình anh vãi cả ba linh hồn.*

(Tết Giáp Tuất, 1994)

**Người đang yêu**

May2

*Oái ỏm con sốt rừng già  
trong lòng gió bắc ngoài da gió Lào  
ruột gan gió xoắn còn cào  
mũi tiêm thuốc đắng chích vào quận đau*

*Trạm thương ả dưới khe sâu  
áo blu cũng lam màu Trường Sơn  
rừng chiều nghi ngút khói sương  
răng chiều rạch một vết thương cuối trời*

*Gió chiều náo động trong tôi  
long lanh ánh lá lặng rồi lại lay  
nhùng nhằng dây võng vương cây  
rối ren vạt suối rưng đầy tiếng chim*

*Khum lòng tay hứng giọt đêm  
Giọt đêm loang loãng rơi mềm xác hoa  
bạn tôi kể chuyện quê nhà  
chiều trong câu chuyện loang ra chín chiều*

*“Có người con gái tôi yêu  
tiếc chưa kịp nói cái điều ấy thôi  
biết là em cũng yêu tôi  
cũng chưa kịp nói cái lời ấy ra...”*

*Sốt cơn ác tính chín da  
chiều sau lẳng lẳng bạn qua đời rồi  
đùng đưa cánh võng không người  
treo trong không khí một lời dở dang*

*Gió đi giật cục bàng hoàng  
mây đỉnh núi chít khăn tang ngang trời  
bao người yêu đã chết rồi  
còn đau chưa nói được lời yêu nhau*

(Ghi chép Trường Sơn, 1975/ 06&08/1994)

### **Đò lèn**

*Thuở nhỏ tôi ra cống Na câu cá  
nú váy bà đi chợ Bình Lâm  
bắt chim sẻ ở vành tai tượng phật  
và đôi khi ăn trộm nhãn chùa Trần*

HUỶNH ÁI TÔNG

*Thuở nhỏ tôi lên chơi đèn Cây Thị  
chân đất đi đêm xem lễ đèn Sòng  
mùi huệ trắng quyện khói trầm thơm lắm  
điệu hát vắn lão đảo bóng cô đồng*

*Tôi đâu biết bà tôi cơ cực thế  
bà mò cua xúc tép ở đồng Quan  
bà đi gánh chè xanh Ba Trại  
Quán cháo, đồng Giao thập thững những đêm hàn*

*Tôi trong suốt giữa hai bờ hư - thực  
giữa bà tôi và tiên, Phật, thánh, thần  
cái năm đói, củ dong riềng luộc sượng  
cứ nghe thơm mùi huệ trắng hương trầm*

*Bom Mĩ dội nhà bà tôi bay mát  
đèn Sòng bay, bay tuốt cả chùa chiền  
thánh với Phật rủ nhau đi đâu hết  
bà tôi đi bán trứng ở ga Lèn*

*Tôi đi lính lâu không về quê ngoại  
dòng sông xưa vẫn bên lở, bên bồi  
khi tôi biết thương bà thì đã muộn  
bà chỉ còn là một nắm cỏ thôi.*

(9 – 1983)

**Về làng**

January9

*Làng ta ở tận làng ta  
mấy năm một bận con xa về làng  
gốc cây hòn đá cũ càng  
trâu bò đứng đĩnh như ngàn năm nay*

Cha ta cầm cuốc trên tay  
Nhà ta xơ xác hơn ngày xa xưa  
Lưng còng bạc nắng thấm mưa  
bụng nhăn lép kẹp như chưa có gì

Không răng... cha vẫn cười khi  
rượu tăm còn để dành khi con về  
ngọt ngào một chút nem quế  
cay tê cả lưỡi đắng tê cả lòng

Gian ngoài thông thoáng gian trong  
suốt đời làm lụng sao không có gì  
không răng... cha vẫn cười khi  
người còn là quý xá chi bạc vàng

Chiến tranh như trận cháy làng  
Bà con ta trắng khăn tang trên đầu  
vẫn đồng cạn vẫn đồng sâu  
chồng cày vợ cấy con trâu đi bừa

Đường làng cây cỏ lưa thưa  
thanh bình từ ấy sao chưa có gì  
không răng... cha vẫn cười khi  
giàu nghèo có số nghĩ chi cho buồn

mẹ ta vo gạo thổi cơm  
ba ông tảo sứt lửa rom khói mù  
nhà bên xay lúa ù ù  
vẫn chày cối thậm thịch như thưở nào

Lũ em ta vác cuốc cào  
giục nhau bước thấp bước cao ra đồng  
mồ hôi đã chảy ròng ròng  
máu và nước mắt sao không có gì

HUỶNH ÁI TÔNG

*Không răng... cha vẫn cười khi  
đời là rủa kẻ làm chi cho rầu  
cha con xa cách đã lâu  
mấy năm mới uống với nhau một lần...*

*Ruột ta thắt mặt ta nhăn  
Cha ta thì cứ không răng cười cười  
Ta đi mơ mộng trên trời  
để cha cuộc đất một đời chưa xong*

(Thanh Hóa, cuối 1988)

**Một góc chiều Hà Nội**

August 12

*Hồ Gươm xanh màu xanh cổ tích  
Con rùa vàng gửi bóng ở trên mây  
Cây si mọc chúc cành xuống nước  
Thế Húc cong cong một nét lông mày*

*Tóc em dài cho ta nhìn thấy gió  
Áo em bay cho mờ tỏ thân hình  
Em sâu sắc như kính thành cổ kính  
Góc si già da mốc ngói rêu xanh*

*Em nhẹ nhõm đi về trong phố cũ  
Tường nhà lở vôi cửa gỗ bức bàn  
Ta lặn lội như một thằng ăn trộm  
Nom nớp lo mình bị bắt quả tang*

*Lần nữa mãi thế là ta lỡ đại  
Để dành thành mất cắp cả tình yêu  
Thế là ta mò coi em mãi mãi  
Cái vụ vợ chết đuối dưới sông chiều*



Cửa gỗ cài then....bóng em mất hút  
Xe cúp đã thay cho ngựa tía vông điều  
Ta trở lại gốc si già...và làm lại  
Làm thơ tình tặng những lúa đang yêu...

**Thơ tặng người ăn mày**

July23

Ăn mày là ai? ăn mày là ta  
Đói cơm rách áo hóa ra ăn mày  
(Ca dao)

Sân ga Thanh Hóa chiều mưa đổ  
một người mẹ dắt con  
một em bé mắt tròn đen lay láy  
một bàn tay run run chìa ra đây  
một thều thào như với riêng tôi:  
“oi các ông, các bà, các anh, các chị  
ai làm ơn nuôi cháu nên người?”

Trả lời thế nào với cái nhìn đen láy  
với bàn tay run run chìa ra đây?  
tôi nhận ra bàn tay vàng móng ấy  
tay cấy cày làm hạt gạo nuôi tôi

Bây giờ đồng trắng nước trôi  
bàn tay chìa vào mặt tôi gấp gấp  
hay là chính mẹ tôi từ trong đất  
đất đất lên để thử lòng tôi chẳng?

Tôi giấu mặt vào giữa đám đông  
tay lẩn mãi cái hâu bao rỗng lép  
chả lẽ moi ra một nhúm ngón từ đẹp  
trả vào cái lòng tay trũng như đồng chiêm  
đang ngửa lên?

HUỶNH ÁI TÔNG

*Nhận về nuôi giúp mẹ đưa bé em?  
chữ nghĩa tôi không sàng thành gạo  
trong túi chỉ còn lạo xạo dăm bài thơ*

*Như đưa con bất hiểu tôi quay đi  
xin nhận lấy tròn đen hai con mắt  
hai con mắt trẻ thơ thành hai con ong đất  
đào thít chui vào ngực tôi*

*Hai con ong tôi xin tự nguyện nuôi  
để cho mũi nọc ong độc địa  
xâm lên vách tim tôi một dòng mai mĩa:  
“cảm ơn lòng nhân ái của nhà thơ”*

(Quê nhà, vụ lụt năm Quý Sửu – 1973)

**Có một buổi chiều nào**

January19

*Rồi ngày mai trong một giấc mơ nào  
Em có gặp lại những gì đã mất  
Trường lớp lạ ngày nào ta biết mặt  
Bạn bè đông tan học rủ nhau về  
Những tên người vô có gọi trong mê  
Sáng thức dậy thấy lòng vui rộn rã  
Những bài thơ chuyển tay nhau vội vã  
Bỗng ngày nào anh chợt nhận ra em  
Một tên người xa lạ tự nhiên quen  
Từ lúc ấy lòng anh như trẻ mãi  
Và lòng em cũng vô cùng thơ dại  
Ta yêu nhau không một lí do nào  
Khắp đất trời mới mẻ lạ lùng sao  
Thế giới đẹp như trang hoàng trở lại  
Những chiếc lá rụng trong chiều lộng lẫy*

*Cũng nghiêng mình thủ thi lúc ta qua  
Và một điều huyền bí được sinh ra.*

*Như tất cả, hẳn là em cũng có  
Những ngăn kéo của lòng mình nhỏ nhỏ  
Ngăn giấu ô mai, ngăn giấu vui buồn  
Và ngăn nào cất giữ những nụ hôn  
Ngăn nào nữa cất những lời hứa hẹn  
Dấu lời hứa không bao giờ đúng hẹn  
Những chuyến tàu lỡ bến đã từ lâu  
Giữa những mặt người thấp thoáng qua mau  
Em có thấy bóng ai đang sững lại  
Ấy là anh của một thời trẻ dại.  
Rồi ngày mai trong một giấc mơ nào  
Em có gặp lại những gì đã mất  
Những thanh kẹo nguyên màu trong kí ức  
Vẫn chưa bong lớp giấy cuối cùng  
Một bầu trời lặng lẽ đến bao dung  
Tiếng chân bước nôn nao ngoài cửa lớp  
Trong ánh mắt bao niềm vui choáng ngợp  
Mỗi ngày qua như một chuyến đi dài  
Tiếng cuộc đời giục giã ở bên tai.  
Kỉ niệm cũ xếp đầy trong trí nhớ  
Như nét mực thấm qua từng trang vở  
Bàn tay em hồ hững lật qua dần  
Có lúc nào em dừng lại, băng khuôn  
Như bóng nắng ngoài kia chưa nở tắt  
Mặt trời xuống sợ ngày vui sẽ hết.*

*Rồi ngày mai một buổi chiều nào  
Trên con đường bóng tối phủ từ lâu  
Em mệt mỏi giữa dòng đời khắc nghiệt  
Những lúc ấy có bao giờ em biết  
Những tháng ngày tươi đẹp đã trôi qua  
Có một phần làm lỗi của đôi ta?*

HUỶNH ÁI TÔNG

**Nhớ bạn**

September14

*Ta về xứ Huế mưa sa  
Em ơi Đồng Khánh đã là ngày xưa  
Ta về xứ Huế chiều mưa  
Em ơi áo trắng bây giờ ở đâu.*

*Bến Tuần loáng thoáng hàng dâu  
Em xa vườn lựu từ lâu lắm rồi  
Lối mòn đá cuội rong chơi  
Lơ thơ trắng dưới chân đồi hoa mơ.*

*Lan báo hi nở tình cờ  
Bông ngô đồng rụng xuống bờ Hương Giang  
Chợ chiều Bến Ngự chưa tan  
Ai đi ngược dốc Phủ Cam một mình.*

Trịnh Công Sơn đã có nhận xét về Nguyễn Duy:

*"Hình hài Nguyễn Duy giống như đám đất hoang, còn thơ Nguyễn Duy là thứ cây quý mọc trên đám đất hoang đó..."*

Tài liệu tham khảo:

- Nguyễn Duy Web: [vi.wikipedia.org](http://vi.wikipedia.org)
- *Ngồi buồn nhớ mẹ ta xưa* Web: [thica.net](http://thica.net)

## 20. Nguyễn Đức Mậu



### Nguyễn Đức Mậu (1948-20 )

Nhà thơ Nguyễn Đức Mậu sinh ngày 14 tháng 1 năm 1948 tại xã Nam Điền, huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định.

Ông nhập ngũ năm 1966, chiến đấu trong đội hình sư đoàn 312 ở chiến trường Lào.

Sau năm 1975, ông làm biên tập viên, rồi đi học trường viết văn Nguyễn Du, khóa I,

Sau năm 1982, làm trưởng ban tại ban thơ tạp chí *Văn nghệ Quân đội*,

Nguyễn Đức Mậu là hội viên Hội nhà văn Việt Nam, từng giữ chức Phó chủ tịch hội đồng Thơ - Hội nhà văn Việt Nam. Trong sự nghiệp sáng tác của mình, ông thường sử dụng các bút danh Nguyễn Đức Mậu, Hương Hải Hưng, Hà Nam Ninh.

Hiện ông nghỉ hưu với cấp bậc Đại tá và sống cùng vợ con ở Hà Nội.

## HUỶNH ÁI TÔNG

Nguyễn Đức Mậu đã nhận được các giải thưởng:

- Giải thưởng Nhà nước về văn học nghệ thuật năm 2001
- Giải thưởng văn học Asean năm 2001
- Giải Nhất cuộc thi thơ báo Văn Nghệ năm 1972-1973
- 4 giải bộ Quốc phòng các năm 1989, 1994, 2004, 2009
- 2 giải hội nhà văn các năm 1993, 1999
- ...và một số giải thưởng văn học khác.

Tác phẩm:

- *Thơ người ra trận* (thơ, in chung, 1971)
- *Cây xanh đất lửa* (thơ, 1973)
- *Áo trận* (thơ, 1973)
- *Mưa trong rừng cháy* (thơ, 1976)
- *Trường ca sư đoàn* (Trường ca, 1980)
- *Con đường không quên* (truyện ngắn, 1984)
- *Ở phía rừng Lào* (truyện vừa, 1984)
- *Hoa đỏ nguồn sông* (thơ, 1987)
- *Tướng và lính* (tiểu thuyết, 1990)
- *Từ hạ vào thu* (thơ, 1992)
- *Chí Phèo mất tích* (tiểu thuyết, 1993)
- *Bão và sau bão* (thơ, 1994)
- *Cánh rừng nhiều đom đóm bay* (thơ, 1998)
- *Con đường nhiều tơ nhện giăng* (tập truyện, 2001)
- *Bầy chim màu lá vàng* (thơ, 2004)
- *Thơ lục bát* (thơ, 2007)
- *Mở bàn tay gặp núi* (trường ca, 2008)
- *Từ trong lòng cuộc chiến* (thơ, 2010)
- *Niềm say mê ban đầu* (Tiểu luận phê bình, 2010)

Trích văn:

### Về bài thơ **Nấm mộ và cây trầm**

Mới thể mà bài thơ *Nắm mộ và cây trầm* tôi viết đã được gần bốn mươi năm. Hồi đó tôi còn rất trẻ: 22 tuổi, là lính ở trung đoàn 165, thuộc sư đoàn 312. Trung đoàn tôi nhận nhiệm vụ chiến đấu ở khu vực Cánh Đồng Chum - Xiêng Khoảng, nước Lào. Mới vào thử lửa được mấy tháng, quân số trung đoàn đã bị thương vong khá nhiều. Người chết vì sốt rét, chết vì bom mìn, người chết vì quần nhau với giặc. Tôi có người bạn thân, hy sinh trong trận đánh ở đồi Mâm Xôi (tên đồi do lính trung đoàn tự đặt), nằm cạnh thị xã Xiêng Khoảng.

Tôi còn nhớ vào một đêm mùa đông năm 1969. Ở nghĩa trang biên giới, bọn "giặc trời" thả đèn dù, ném bom. Ánh sáng đèn dù treo lơ lửng, lúc nhập nhoạng lúc bùng lên trên các lùm cây, ngọn đồi. Những cây thông bị cháy chữa thẳng lên trời như những nén nhang lớn. Dưới ánh sáng đèn dù, dưới tàn lửa của những cây thông, tôi cùng một số người trong tổ vận tải tranh thủ đào huyết, khâu liệm và chôn xác đồng đội. Từ khung cảnh đầy chất bi tráng đó, tôi có được cái tứ để viết bài thơ *Nắm mộ và cây trầm*.

Trong bài thơ, cây thông ở nghĩa trang biên giới được thay thế bằng hình tượng cây trầm - một loài cây quý thay cho nén nhang thấp lên mộ bạn mình. Bài thơ được viết ở hang đá rừng Lào, dưới ánh sáng chiếc đèn được làm từ vỏ đồ hộp. Viết sau khi chôn xác bạn trở về, viết trong tâm trạng xa xót, thương tiếc. Có tứ, có cảm xúc nhưng còn bút pháp thể hiện, một khâu rất quan trọng trong sáng tác? Phải nói hồi đó tôi chưa phải là người viết có tay nghề, hay nói đúng hơn tôi còn chập chững những bước đi ban đầu trong sáng tác, thi thoảng may mắn lắm mới có một bài thơ in báo. Nhưng trong sáng tác mọi yếu tố thường bổ sung cho nhau. Có lẽ do tứ bài thơ vững, do cảm xúc mạnh đã tạo đà cho cách diễn đạt liền mạch. Bài thơ được viết nhanh, câu nọ nối câu kia, đoạn này nối đoạn khác. Từ một trường hợp hy sinh của bạn mình, tôi có được những đoạn thơ khái quát về sự hy sinh lớn lao của người chiến sĩ.

HUỶNH ÁI TÔNG

## Bài thơ **Nắm mộ và cây trầm**

### I. Tưởng nhớ

*Đất đắp mộ Hùng gom trộn lẫn  
Cây trầm cháy dở thay nén nhang  
Cây trầm cháy rồi hương cứ thơm*

*Hùng ơi, mai gió mùa đông bắc  
Vỗng bạt, canh khuya lại nhớ Hùng  
Những đêm hai đứa xong phiên gác  
Bao gạo gói đầu chấn đắp chung*

*Nhớ khi mình ôm giữa rừng  
Vị thuốc Hùng tìm qua ba trái núi  
Quả khế rừng nấu con cá suối  
Thương mình Hùng hóa trẻ đi câu*

*Chúng mình có ở cách xa nhau  
Một thước đất sao Hùng không nghe mình gọi...?  
Một thước đất hóa khoảng trời vời vợi  
Từ nay mình thương nhớ Hùng hơn*

### II. Hy sinh

*Cái chết bay ra từ nòng súng quân thù  
Nhận cái chết cho đồng đội sống  
Ngực chặn lỗ châu mai, Hùng đứng thẳng  
Lửa bén vào áo lính tuổi hai mươi*

*"Chết - Hy sinh cho Tổ quốc" Hùng ơi  
Máu thấm cỏ, lời ca bay vào đất  
Hy sinh lớn cũng là hạnh phúc  
Một cây xuân thành biển khắc tên Hùng*



Hùng nằm trong nôi của đất rộng vô cùng  
Khoảng trời biếc hương trầm thơm hơn trước  
Những đoàn quân đi đánh giặc  
Có hoa rừng mang đến từ xa

Đất Hùng nằm bom đạn đào tro  
Ngày hoa nở, đêm ngời sao tỏ  
Tám biển gổ trên mộ người chiến sĩ  
Thành bàn tay chỉ hướng quân thù.

### III. Ra đi

Cây trầm thơm từ gốc thơm ra  
Như nhắc nhở với người đang sống  
Thù riêng lớn, thù chung càng lớn  
Hồn căm này nhân tiếp những hồn căm

Thôi mình đi Hùng nhé! Hãy yên nằm  
Trận đánh đêm nay vắng Hùng gài bọc phá  
Trận đánh trường kỳ vắng Hùng tham dự  
Trận đánh cuối cùng chiến thắng phải về ta

Anh trình sát hy sinh trao lại tám bản đồ  
Anh xung kích hy sinh phát cao cờ chuẩn  
Xin Hùng hãy trao cho mình khẩu súng  
Trận đánh vẫn còn tiếp diễn, Hùng ơi!...

Quân mình đang pháo kích nơi nơi  
Hùng có thấy đất rừng rùng rùng sấm dậy  
Mặt trận chuyển vào sâu rồi đấy  
Thôi mình đi, Hùng nhé: hãy yên nằm

Thơm rất xa theo gió thoảng hương trầm  
Cây trầm đẹp như cuộc đời chiến sĩ

HUỶNH ÁI TÔNG

*Sống tươi tốt bao niềm tin bình dị  
Thân hy sinh thơm đất, thơm trời.*

(Mặt trận miền Tây mùa đông 1969)

Viết xong bài thơ, tôi có đọc cho một số người nghe. Sau, tôi sửa chữa thêm và chép vào sổ tay. Chừng vài năm, có dịp ra Hà Nội, tôi mới gửi bài thơ in ở Tạp chí Tác phẩm mới. Tôi được in một chùm thơ bốn bài trong đó có bài thơ *Nắm mộ và cây trâm*. Tôi không ngờ bài thơ của tôi được dư luận khen, được Hội Nhà văn và Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội trao giải thưởng chính thức về đề tài thương binh liệt sĩ.

Từ khi bài thơ *Nắm mộ và cây trâm* ra đời đến nay đã lâu rồi, thời gian tưởng như xóa nhòa mọi chuyện. Nhiều bài thơ tôi viết, có bài tôi quên cả xuất xứ, cảnh ngộ. Riêng bài thơ *Nắm mộ và cây trâm*, thường gọi lại cho tôi kỷ niệm nhưc nhối khó quên với một người đồng đội đã hy sinh trên chiến trường đất bạn.

Lại nhớ có lần cách đây chừng 20 năm, tôi có về công tác tại Hải Phòng. Nhà thơ Thanh Tùng dẫn tôi đến nhà một bác công nhân già. Qua lời tâm sự, tôi biết bác có người con trai tên là Hùng hy sinh ở mặt trận. Bác còn lưu giữ bài thơ *Nắm mộ và cây trâm* của tôi, lưu giữ và học thuộc. Bác bảo bác biết nhân vật Hùng trong bài thơ không phải là con trai bác bởi bài thơ tôi viết trước khi con trai bác hy sinh chừng ba, bốn năm. Tuy thế, bác vẫn lưu giữ bài thơ và mong gặp tác giả. Gặp tôi, bác thoáng mừng nhưng lại buồn ngay. Buồn vì đứa con trai của bác đã ra đi vĩnh viễn không về. Ngoài những lời thăm hỏi chung chung, tôi không có cách gì an ủi được bác.

Bài thơ *Nắm mộ và cây trâm* còn gọi cho tôi những suy nghĩ mông lung về nghề nghiệp. Cách đây bốn mươi năm, tôi mới bước vào nghề, ở độ tuổi trẻ trung sôi nổi, tôi làm thơ để bày tỏ

những buồn vui, cảm xúc riêng mình. Còn bây giờ, tay nghề tôi có vững hơn, mọi suy nghĩ về lẽ đời thấu đáo hơn nhưng nếu cần cỗi, thiếu cảm xúc, đa ngôn tự huyễn hoặc mình, tôi sẽ sa vào ngõ cụt của sự bế tắc.

Trích thơ:

**Bay**

*Ở độ cao hơn mười cây số  
Không ai nhìn thấy gì khác, ngoài mây  
Mây quần tụ, mây duềnh sóng biển  
Mây nắng  
Mây trắng  
Mây xanh  
Mây ngũ sắc phơi bày...*



Minh họa: Văn Nguyễn

*Hành khách ngồi trên chót vót tầng mây  
Hành khách ngả lưng trên gập ghềnh châu lục  
Thắt lỏng dây an toàn  
(Tôi không tin  
máy bay rơi còn mình thoát hiểm)*

HUỶNH ÁI TÔNG

*Xi xô giọng người ngoại quốc  
Trong lành tiếng cười trẻ con  
Một điệu nhạc trầm chợt vắng  
Mùi rượu mạnh  
Mùi nước hoa, mùi táo chín tan giòn  
Bay...  
Uống xong một cốc bia  
Từ xứ nóng đã sang miền trắng tuyết  
Chợp mắt  
Trời vừa chạng vạng đã đêm đen  
Chợt nghĩ các quốc gia cũng nhỏ thôi hướng chi mình là  
hạt bụi  
Đêm chùng chình trong chiếc bụng động cơ kim loại  
Những hành tinh lân cận đã châm đèn...*

**Đàn bò vàng trên đồng cỏ hoàng hôn**

*Đàn bò vàng trên đồng cỏ xa xanh  
gặm cỏ hoàng hôn, gặm buổi chiều sót lại  
mùa rạo rức chỉ đàn bò biết được  
vị cỏ râm ran đầu lưỡi ngọt mềm  
Đàn bò đi đứng đĩnh  
một gam màu vàng óng trước thiên nhiên  
những chiếc bụng tròn căng mang mặt trời xuống núi  
kia, vầng trăng như chiếc tù và người chăn bò bỏ quên  
Đàn bò vàng trên đồng cỏ chiều yên  
tiếng mõ rơi, tiếng mõ rơi đều  
cả đồng cỏ lút vào khoảng tối  
như vẫn còn rung nhịp mõ kêu  
Có một kẻ đi sau người chăn bò mê mãi  
túi áo gói đầy hương cỏ thơm  
trái tim đựng đầy tiếng sáo và tiếng mõ  
đôi mắt đong đầy giàn giụa suối trắng non*

*Đàn bò vàng trên đồng cỏ hoàng hôn*

**Một vị tướng về hưu**

*Thôi, đã dirt đường binh nghiệp  
Tuổi hưu rồi, bác ở quê  
Chạnh nhớ bạn bè thuở trước  
Cùng đi có đũa không về*

*Người vợ tuổi già như bác  
Miếng trầu nhai dập chiều mưa  
Hồi còn trẻ xa nhau mãi  
Giờ thương biết mấy cho vừa*

*Huân chương xếp vào góc tủ  
Nay hàm tướng tá mà chi  
Tuổi già công danh xem nhẹ  
Cuộc đời như nước trôi đi*

*Thuở trước bạn cùng súng đạn  
Nay khuây hàng xóm bạn già  
Bao dốc, bao rừng đã vượt  
Lối mòn quanh quẩn vào ra*

*Ngày đi khuất bóng mẹ cha  
Ngày về sửa sang mộ cũ  
Ám thâm một tác đất sâu  
Hương khói tờ mờ màu cỏ*

*Ngôi nhà nắng mưa vẫn đỏ  
Đàn con mỗi đứa một nơi  
Nếu không có trẻ hàng xóm  
Tuổi già hẳn nhiều đơn côi*

*Những đêm gió thổi buốt trời  
Vết thương cũ còn đau nhức  
Ôi sự đoàn xưa giờ đâu*

HUỶNH ÁI TÔNG

*Người cũ, ai còn, ai mất?*

*Về hưu giờ thôi quyền chức  
Ai người nhớ bác, lại chơi  
Ai kẻ xa lòng, tránh mặt  
Niềm riêng một mảnh trăng trời.*

Trong bài: *Nguyễn Đức Mậu góc chiếu giữa làng thơ*, Khuất Bình Nguyên đã có nhận định:

*Thơ Nguyễn Đức Mậu có tiếng nói riêng. Không trộn lẫn với người khác được. Đây rộn rã mà vang xa Phạm Tiến Duật. Đây tài hoa mà đậm thắm Hữu Thỉnh. Đây nho nhã mà kiêu sa Bằng Việt. Đây bằng lãng xa xăm mà dịu hiền Thanh Thảo. Thơ Nguyễn Đức Mậu chân chất mặn mà, giàu tính tự sự, kỷ niệm và một tấm lòng nhân ái trang trải trên hầu hết các trang thơ. Ông tự sự đến mức có cả những tên người cụ thể trong không ít các bài thơ. Không ngại nói đến nám mồ chết chóc giữa khói lửa chiến tranh. Không thi vị hoá mà trân trọng nâng niu những gì sâu lắng nhất, bé bỏng mà thơ gây đến tội nghiệp con đò ẩn hiện giữa hai bờ lau sậy hoang sơ hay một ổ gà con mới nở giữa khoảng trống hố bom trong rừng chiều chiêm chiêm hoàng hôn. Cái chất lính trong thơ Nguyễn Đức Mậu thật rõ rệt. Nguyễn Đức Mậu đã dựng lên bức tranh khái quát và trần trụi về chiến tranh, về người lính gây bao xúc động cho người đọc.*

Tài liệu tham khảo:

Nguyễn Đức Mậu Web: [vi.wikipedia.org](http://vi.wikipedia.org)

Về bài thơ *Nám mồ và cây trầm* Web: [vanghequandoi.com.vn](http://vanghequandoi.com.vn)

## 21. Vũ Đức Sao Biển



### **Vũ Đức Sao Biển – Vũ Hợi (1948-20 )**

Nhà văn, nhà giáo, nhạc sĩ Vũ Đức Sao Biển tên thật là Vũ Hợi, sinh ngày 12 tháng 2 năm 1948, tại Tam Kỳ, Quảng Nam. Nguyên quán ông tại Duy Vinh, Duy Xuyên, Quảng Nam.

Năm 1966, ông vào Sài Gòn học Đại học Sư phạm ban Việt - Hán và học Đại học Văn khoa, ban Triết học Đông phương.

Năm 1970, ông tốt nghiệp được bổ nhiệm đến Bạc Liêu dạy học các môn Văn và Triết học bậc trung học tại trường Công lập Bạc Liêu cho đến năm 1975 ông rời khỏi nơi này.

Sau 1975, ông về Tp. HCM dạy học, rồi làm báo. Ông có một thời gian làm tại phòng Giáo dục huyện Nhà Bè.

Năm 1985, ông trở lại thăm Bạc Liêu và cho ra đời các ca khúc *Trở lại Bạc Liêu* và *Tình ca phương Nam*.

Ông đã và đang công tác ở các báo: *Công an Tp HCM, Thanh Niên, Kiến Thức Ngày Nay, báo Pháp luật p. HCM, Tuổi Trẻ Cười...* ông còn dùng bút danh: Đồ Bì, Đinh Ba, Mạc Đại khi viết phiếm luận.

Ngoài viết báo, tiểu thuyết, nghiên cứu về Kim Dung, ông còn sáng tác nhạc. Những bài như: *Thu hát cho người, Đêm Gành Hào nghe điệu hò ai lang, Đau xót lý chim quỳên, Điệu buồn phương Nam...* đều là những tác phẩm được nhiều người yêu mến. Vì những thành tựu này, ông đã được kết nạp vào Hội Nhạc sĩ Việt Nam, Hội Nhà báo Việt Nam.

Tác phẩm:

- *Một ngày cho tình yêu* (tuyển tập nhạc, in chung, Khai Hóa, 1971)
- *Bản báo cáo biết bay* (tiểu phẩm trào phúng, Trẻ, 1983)
- *Vạn tuế đàn ông* (tiểu phẩm trào phúng, Trẻ, 1989)
- *Hoa hồng trên cát* (tiểu thuyết, Đồng Nai, 1989)
- *Áo ảnh sương khói* (tiểu thuyết, Long An, 1991)
- *Kiểm hoàng hoa* (tiểu thuyết, Long An, 1995)
- *Vĩnh biệt thốt nốt* (tiểu phẩm trào phúng, Trẻ, 1996)
- *Thu hát cho người* (tuyển tập nhạc, Trẻ 1998)
- *Ngôn ngữ từ những phiến cẩm thạch* (bút ký, Trẻ, 1998)
- *Thỏ thẻ cùng hoa hậu* (tiểu phẩm trào phúng, Trẻ, 1998)
- *Ba đời ham vui* (tiểu phẩm trào phúng, Trẻ, 1999)
- *Người mang số Q1 2629* (Phóng sự, Trẻ, 1999)
- *Đi tìm sự thật* (Phóng sự, Trẻ, 2000)
- *Đối thoại với bản án tử hình* (Phóng sự, Trẻ, 2001)
- *Tiểu ngạo giang hồ* (cùng dịch, 8 tập, 2001)
- *Điệu buồn phương Nam* (tuyển tập nhạc, Trẻ 2002)
- *Nhân vật Kim Dung nhìn qua lăng kính pháp luật* (biên khảo, Trẻ, 2002)
- *35 năm chuyện trò cùng chữ nghĩa* (bút ký, Trẻ, 2003)
- *Úi chao, 60 năm* (hồi ký Trẻ, 2007)



## VĂN HỌC VIỆT NAM CẬN VÀ HIỆN ĐẠI IV

- *Năm mươi ca khúc tiêu biểu* (tuyển tập nhạc, Thiên Vương, 2008)
- *Chuyện dây cà kéo ra dây bí* (tiểu phẩm trào phúng, Trẻ, 2010)
- *Kim Dung giữa đời tôi* (gồm 4 tập)
  - \* *Quyển thượng: Kiều Phong - Khát vọng của tự do* (1996)
  - \* *Quyển trung: Thiên hạ đệ nhất mỹ nhân* (1997)
  - \* *Quyển hạ: Từ AQ đến Vi Tiểu Bảo* (1999)
  - \* *Quyển kết: Thanh kiếm và cây đàn* (2000)
- *Thu hát cho người* (tập nhạc, 80 ca khúc, Đồng Nai)
- *Những vụ án kinh điển trong tiểu thuyết Kim Dung* (biên khảo)
- *Xuân dục* (tuyển tập trào phúng, Trẻ)
- *Sông lạc đường về* (tiểu thuyết, Trẻ)
- *Dài và to* (tiểu luận, Trẻ)
- *Án lạ phương Nam* (tuyển tập án lạ, Trẻ)
- *Phía sau mặt báo* (ký, Trẻ)
- *Thâm sơn kỳ cục án* (sưu tầm, Trẻ)
- *Quảng Nam hay cãi* (tạp văn, Trẻ)
- *Hai tuồng hát bộ* (truyện ngắn, Trẻ)

Trích văn:

### **Kim Dung giữa đời tôi - Kiều Phong**

Trong 12 bộ võ hiệp tiểu thuyết của Kim Dung, tôi yêu nhất bộ *Lục mạch thần kiếm* truyện. Trong 795 nhân vật của *Lục mạch thần kiếm* truyện, tôi yêu nhất nhân vật *Tiêu Phong* (tức *Kiều Phong*), người anh hùng *Khiết Đan*. Và trong cả chục ngàn nhân vật do Kim Dung dựng lên, tôi chọn *Kiều Phong* như một biểu tượng của chủ nghĩa anh hùng. Văn chương tiểu thuyết không phải là văn chương báo chí. Một tác phẩm tiểu thuyết ra đời là nhằm gợi đến người đọc một thông điệp. Các thông điệp ấy đôi khi ẩn tàng đâu đó trong tác phẩm đến nỗi

một người đọc với thái độ lơ là của khách qua đường không thể nhận ra nó. "ý tại ngôn ngoại" luôn luôn là một thực tế trong sáng tạo văn học. Tôi yêu tác phẩm Kim Dung vì yếu tố "ý tại ngôn ngoại" phong phú. Tất cả tư duy của những nhân vật lớn trong tác phẩm Kim Dung đều tập trung vào 3 định đề: cuộc sống, tình yêu và cái chết. Kiều Phong là một nhân vật lớn như vậy.

Tác giả Kim Dung không vội vàng đẩy Kiều Phong ra đầu truyện. Không. Trong 5 cuốn đầu của Lục Mạch thần kiếm truyện, ta chỉ gặp hình ảnh của một anh nho sinh trẻ Đoàn Dự, vương tử nước Đại Lý, một tay đại gái si tình bị bắt cóc đưa từ Đại Lý xuống Giang Nam. Phải đợi đến cuốn thứ 6, theo gót chân du tử của Đoàn Dự, ta mới bắt gặp một "Hán tử thô hào, mặt vuông tai lớn", tuổi trạc 30, đôi mắt sắc như dao, ngồi uống rượu chịu trên lầu bên thành Vô Tích. Thoáng nhìn nhân vật đó, Đoàn Dự đã nhận định: "Hán tử này nhất định là tráng sĩ của đất Yên, Triệu. Miệt Giang Nam quyết không thể có được nhân vật như thế này". Nhận định ban đầu của nho sinh trẻ thật chuẩn xác. Con người thô hào ấy chính là Kiều Phong, bang chúa Cái bang.

Kiều Phong đang độ tuổi 30, cái tuổi phát triển rực rỡ nhất của đời người; lại làm Bang chúa cái bang, một bang hội lớn nhất võ lâm Trung quốc. Với cương vị đó, gã hán tử mặt vuông tai lớn phải hành động rất cẩn trọng, rất chín chắn vì một quyết định, nhận định vội vàng của ông sẽ dẫn đến sai lầm, liên hệ đến mỗi nguy vong của hàng triệu hào khách võ lâm Trung quốc. Ngay đến khi ra đòn đánh nhau với kẻ địch, Kiều Phong cũng tính toán sao cho chỉ đánh một đòn mà không chế được ngay đối thủ. Phía trong con người thô hào ấy ẩn tàng một bộ óc thông minh và những tính toán chuẩn xác.

Người anh hùng Kiều Phong luôn luôn tự hào mình thuộc dòng dõi Hán tộc. Làm bang chúa Cái bang, ông chỉ có một

mơ ước: tiêu diệt quan xâm lăng Khiết Đan mà ông thường gọi bằng cái tên kinh bi “bọn Liêu cầu”, chống lại quân Tây Hạ, giữ gìn hào binh cho người Hán, bảo vệ sự trọng vẹn của võ lâm Trung Hoa. Và chính niềm mơ ước đó đã trở thành bi kịch trong đời Kiều Phong.

Một nhóm đệ tử Cái bang, dưới sự chỉ huy của Thập phương tú tài Toàn Quan Thanh và Ôn thị, vợ của phó bang chúa Mã Đại Nguyên (đã chết), nổi lên chống lại Kiều Phong nhằm thỏa mãn tham vọng về quyền lực và trả thù bằng cách tố cáo ông giết Mã Đại Nguyên và là người Khất Đan.

Sự thật, Kiều Phong đúng là người Khất Đan, nhưng câu chuyện ấy đã trôi qua 30 năm, chẳng ai muốn nhắc đến nữa, bởi Kiều Phong đã được Hán hóa từ thể chất đến tinh thần. Khi biết mình là người Khất Đan, ông đành phải rời bỏ chức vụ Bang chúa Cái bang ra đi và cảm thấy nhục nhã vì mình mang dòng máu Khất Đan. Cuộc sống đưa đẩy khiến ông làm quen và kết bạn với A Châu, một cô gái Trung Quốc dịu dàng. A Châu trở thành tình yêu, lẽ sống, người bạn tri âm của Kiều Phong. A Châu đã khuyên ông: "Làm người Khất Đan thì có gì là xấu xa? Làm người Trung Quốc thì có gì là cao quý? Người Khất Đan hay người Trung Quốc thì vẫn có kẻ tốt, người xấu, đại gia buồn phiền làm chi". Chính lời nói đó đã giúp Tiêu Phong nhận ra quan điểm dân tộc hẹp hòi của mình bấy lâu nay. Và sự tiến bộ trong quan điểm dân tộc của Tiêu Phong chính là sự tiến bộ trong quan điểm dân tộc của Kim Dung.

Khát vọng tự do của Kiều Phong thể hiện rất rõ khi ông bàn với A Châu rằng làm xong vài việc ở Trung quốc, ông sẽ đưa nàng về Nhạn Môn Quan săn tròn đuôi thỏ, sống đời ung dung khoái hoạt. Thế nhưng, một bi kịch khác xảy ra với đời ông làm tiêu tan khát vọng ấy: ông lỡ xuống tay đánh chết A Châu, đánh chết tình yêu và nguồn sống của chính mình.

Trước khi nhắm mắt, A châu nhờ ông chăm sóc, bảo vệ cho A Tử, em gái của nàng, thế là từ đó bên cạnh một Tiêu Phong thẳng thắn, anh hùng lại có thêm một A Tử lưu manh, giảo hoạt; cả hai đi kèm nhau như bóng với hình, cuộc đời thật lắm nỗi hoạt kê.

Đúng là Kiều Phong đã đưa A Tử về bên kia Nhận Môn Quan sẵn chôn đuôi thỏ và chữa bệnh cho cô Nhờ vào một sự tình cờ, ông cứu được Gia Luật Hồng Cơ, hoàng đế Đại Liêu. Thế là từ một Hán tử thô hào, một tên Liêu cầu man rợ, Tiêu Phong thoát trở thành nguyên soái, nắm trong tay sức mạnh quân sự của một vương quốc khả dĩ đối địch với triều Tống.

Ông vẫn nhớ ơn người Trung quốc, nơi ông đã lớn lên, được học hành, trở thành con người. Và ông chủ trương không gây hấn với Trung quốc, sống hòa bình cho trăm họ an cư lạc nghiệp. Nhưng Gia Luật Hồng Cơ thì không nghĩ vậy Mong muốn đánh vào Lạc Dương để bắt sống hôn quân Triệu Hú (Tổng Thần Tôn), Gia Luật Hồng Cơ ra lệnh cho Tiêu phong tiến đánh Trung quốc.

Cách từ chối hay nhất là của Kiều Phong là treo ấn trả lại cho Đại Liêu hoàng đế và cùng A Tử trốn đi. Mưu kế ấy bị Hồng Cơ khám phá được. Hồng Cơ ra lệnh ba (t Tiêu Phong giam giữ. Nguồn tin Tiêu Phong bị bắt giữ vì chống lệnh hành quân, mưu cầu hòa bình cho trăm họ khiến quân hùng Trung Quốc nhận ra được bản chất thật thà, trung hậu, tốt đẹp của Tiêu Phong. Họ huy động lực lượng Cái Bang, cung Linh Thứu và nước Đại Lý vượt qua Nhận Môn Quan để giải thoát cho Tiêu Phong. Họ đưa ông về đến Nhận Môn Quan thì cửa thành không mở vì truy binh Khất Đan đã áp sát chân thành. Hư Trúc và Đoàn Dự bắt sống Gia Luật Hồng Cơ trước trận và buộc Hồng Cơ chuộc mạng bằng một lời hứa vĩnh viễn không bao giờ đưa quân Liêu xâm lăng Trung Quốc. Nhận được lời hứa đó, Tiêu Phong coi là một hạnh phúc. Ông sử

dụng quyền tự do cuối cùng của mình: tự tử trước Nhạn Môn Quan để tạ tội với Gia Luật Hồng Cơ.

Cuộc sống bao la, đất đai vạn dặm nhưng Tiêu Phong không tìm ra được chỗ để quay về. Về với Trung Quốc ừ ông chỉ là một tên chó Liêu mọi rợ. Về với Liêu quốc ừ Ông chỉ là bề tôi bất trung, đã chống lệnh vua lại làm cho nhà vua mất mặt trước ba quân. Về mặt tinh thần, A Châu chết rồi, tâm hồn ông không còn nơi nương tựa nữa. Đoàn Dự có thể yêu một lúc năm, sáu người thiếu nữ nhưng Kiều Phong chỉ yêu có mỗi một A Châu Còn quyền lực, chức vụ, danh vọng không phải là nơi nương tựa. Kiều Phong đi tìm tự do Ông đành chọn giải pháp cuối cùng - tự tử - để hoàn thành khát vọng tự do của chính mình. ở chừng mực nào đó, cái chết của Kiều Phong là biểu hiện của nghĩa hư vô cực đoan nhưng nếu ta đi cùng với ông trong suốt Lục Mạch thần kiếm truyện củ a Kinh Dung thì ta mới thấy được giải pháp đó là con đường tất yếu.

A Tử đui mù đành bồng lấy Kiều Phong và cùng với ông rớt xuống vực sâu muôn trượng. Mấy mươi năm trước, cha ông đã bồng mẹ ông nhảy xuống nơi ấy. Mấy mươi năm sau, một cô bé gọi ông là tỷ phu (anh rể) bồng ông nhả y xuống. Sự trùng hợp của lịch sử sao mà bi thương đến vậy!

Tiêu Phong tức Kiều Phong là một nhân vật sống nhất trong những nhân vật sống, là một nhân vật có vấn đề nhất trong những nhân vật có vấn đề của Kim Dung. Có thể nói Kim Dung rất thành công khi xây dựng nhân vật Tiêu Phong - người anh hùng Khất Đan trong sáng, tiêu biểu cho những cái đẹp của con người. Và rõ ràng, Kim Dung nói với chúng ta rằng cái đẹp nhất khó có thể tồn tại giữa đời lãng xãng bát nháo này. Cái đẹp nhất phải chết. Chỉ còn lại trên đời cái tầm thường vớ vẩn, những loài cỏ đui chó, những điều không đẹp mấy.

## HUỶNH ÁI TÔNG

Hoặc giả, giải quyết cho cái đẹp nhất chết đi cũng là một cách hướng con người luôn nuôi khát vọng đi tìm cái đẹp?

Trong bài *Nhạc sĩ Vũ Đức Sao Biển: Những đôi sim và một mối tình*, Bùi Quang Tú đã viết về nhạc sĩ, nhà văn Vũ Đức Sao Biển:

*“Không chỉ là nhạc sĩ với những bài hát về quê hương đất nước mang âm hưởng dân ca đậm chất buồn và lãng mạn, Vũ Đức Sao Biển còn là nhà báo sắc sảo và dí dỏm. Ông thường viết cho báo “Thanh Niên”, “Tuổi Trẻ”, “Pháp Luật TP. Hồ Chí Minh”. Ông cũng say mê và chuyên nghiên cứu truyện kiếm hiệp Kim Dung, nên thường được mệnh danh là nhà “Kim Dung học” của Việt Nam.”*

Tài liệu tham khảo:

- Vũ Đức Sao Biển Web: [vi.wikipedia.org](http://vi.wikipedia.org)
- *Kim Dung giữa đời tôi* - Kiều Phong Web: [dactrung.com](http://dactrung.com)



## 22. Lê Thị Mây



### **Lê Thị Mây - Phạm Thị Tuyết Bông (1949-20 )**

Nhà thơ Lê Thị Mây tên thật là Phạm Thị Tuyết Bông, sinh ngày 4 tháng 2 năm 1949 tại An Mô, Triệu Long, Triệu Phong, Quảng Trị.

Năm 1966, sau khi học xong trung học phổ thông, mới 17 tuổi Phạm Thị Tuyết Bông tham gia lực lượng Thanh Niên Xung Phong hoạt động ở vùng miền Tây Quảng Bình, vùng rừng Trường Sơn, năm 1968 bị thương ở trận địa này. Trong thời gian ham gia lực lượng Thanh Niên Xung Phong, Phạm Thị Tuyết Bông bắt đầu làm thơ, ấp ủ giấc mộng trở thành nhà thơ.

Năm 1972, Phạm Thị Tuyết Bông rời Thanh Niên Xung Phong, làm cấp dưỡng ở Trường Y tế tỉnh Quảng Bình. Làm ở đây một thời gian, do áp ủ nghiệp văn, nên Phạm Thị Tuyết Bông xin chuyển sang Hội Văn nghệ tỉnh Quảng Bình làm làm

## HUỶNH ÁI TÔNG

công việc đánh máy chữ, hành chánh và tạp vụ. Một thời gian sau, Hội nhận thêm nhà thơ trẻ Lâm Thị Mỹ Dạ.

Năm 1973, Tuyết Bông và Mỹ Dạ được nhà thơ Xuân Hoàng cho đi học lớp Bồi dưỡng viết văn trẻ của Hội Nhà văn Việt Nam khóa 6 ở Quảng Bá, Hà Nội. Đi học về, Phạm Thị Bông có bút danh mới là Lê Thị Mây.

Năm 1975, nhà thơ Lê Thị Mây có vào Sài Gòn hoạt động một thời gian, đến năm 1977, trở ra Huế làm việc ở Phòng Thương Nghiệp.

Vào thập niên 1980, Lê Thị Mây làm biên tập viên của tạp chí *Văn nghệ Bình Trị Thiên*, rồi *Sông Hương*.

Nhà thơ Lê Thị Mây là đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam, hội viên Hội Nhà văn Việt Nam từ năm 1982.

Năm 1993, Hội Văn nghệ Quảng Trị ra *Cửa Việt* bộ mới, nhà văn Xuân Đức, lúc đó là Giám đốc Sở Văn hóa và Chủ tịch Hội Văn nghệ đã đích thân vào Huế mời Lê Thị Mây ra làm Phó Tổng biên tập Tạp chí *Văn hóa* Quảng Trị, rồi sau đó lên Tổng biên tập *Cửa Việt*.

Nhà thơ Lê Thị Mây đã nhận được các giải thưởng:

- Giải thưởng Hội Nhà văn Việt Nam năm 1990 với tập thơ *Tặng riêng một người*.
- Giải nhất giải thưởng “Đáy Biển Việt Nam” năm 2012 do báo VietNamNet-Hội nhạc sĩ-Hội nhà văn Việt Nam đồng tổ chức, với bài thơ *Người sau chân sóng*

Nhà thơ Lê Thị Mây đang sống ở Huế.

Tác phẩm:



*Mùa thu, Mùa trăng* ( Tập thơ in chung, Tác Phẩm Mới, 1980 )

- *Những mùa trăng mong chờ* (thơ, 1980)
- *Trăng trên cát* (truyện ngắn, Thuận Hóa, 1986)
- *Dịu dàng* (1987)
- *Tặng riêng một người* (thơ, Hội Nhà văn, 1990)
- *Một mình* (thơ, 1990)
- *Phố còn hoa cười* (1991)
- *Giấc mơ thiếu phụ* (thơ, 1996)
- *Du ca cây lựu tình* (Hội Nhà văn )
- *Mưa ngâu* (tùy bút, Hội Nhà văn ).
- *Chị ơi*
- *Một khung cửa sổ*
- *Cỏ mật mùa thu*
- *Giao thừa*
- *Thao thức*

Trích thơ:

**Những mùa trăng mong chờ**

*Thư anh tin ngày về  
Cho vàng trăng hẹn mọc  
Trong ngần cau hoa thơm  
Mây chớm màu tha thiết*

*Trăng non nghiêng qua rồi  
Bom rung vàng trăng khuyết  
Xô thuyền trong xa xôi  
Giữa gập ghềnh núi biếc*

*Anh khoác balô về  
Đất trời dòn chặt lại  
Em tái nhợt niềm vui  
Như trăng mọc ban ngày*

HUỶNH ÁI TÔNG

Gặp nhau tròn mùa trăng  
Em trẻ như bầu trời  
Vòng tay anh đầm thắm  
Giấu lời ru trên môi

Mai lại tiễn xa nhau  
Vàng trăng cong chên lúa  
Đêm đêm chín ngàn sao  
Rỏ vào tim giọt lữa

Mong chờ em mong chờ  
Vàng trăng xinh ... gương mặt  
Sáng sáng đầy theo anh  
Suốt chặng đường đánh giặc.

**Mưa ở sông Hương**

Mưa lại thêm cơn mây mịt lối  
Đến được lòng anh cất bước cao  
Dưới sông trăng ướt chùng run rẩy  
Hay mảnh hồn em vỡ dạt dào

Mưa cho đầy nước Hương Giang nhé  
Khát chùng không đủ dịu nguôi cơn  
Mưa ngâu đến được niềm anh ngỏ  
Một chút còn thu dạt xanh rờn

Vây lối đi về mưa mù mịt  
Còn ba đêm nữa mới đầy trăng  
Hồn em vội quá tròn đêm trước  
Em nhúng đầy sông sông hoá rằm

Đến được lòng anh dào dạt thắm  
Hương giang trôi yếm ướt rồi chẳng...

**Đám cỏ xanh**

*Đấy đám cỏ nơi ngã ba  
em buồn nhiều cỏ biết là đợi anh  
Nỡ nào bút cọng cỏ xanh  
em đau chọt trút cho thành đau cây*

*Quá giờ hẹn ai qua đây  
cỏ gầy cũng ngóng từng giây, nhận người  
em buồn nhiều cỏ bớt tươi  
đêm tối lắm, chỉ sao cười yêu nhau*

*Anh lỡ hẹn, gió về đâu  
Nỡ nào bút cỏ cho nhàu ban mai  
em buồn nhiều cỏ khóc ai  
giọt sương ấy có đất đai nhận rồi*

*Lỡ hẹn bóng không còn đôi  
em như con đé không rời cỏ xanh.*

**Dạ khúc trái tim**

*Chim cũng hót đứt hơi từ lồng ngực  
Em ca lên giọng điệu lẻ bầy  
Mong diễn tả nhịp trái tim nóng bức*

*Tim em đập trong hồn anh nếu được  
Và tim anh trong em đập hờn ghen  
Lắng bao nỗi hạnh phúc chưa có trước*

*Em không thể đặt tim lên đầu lưỡi  
Ngôn ngữ nghèo đi chẳng đủ em dùng  
Mắt không thấy nỗi buồn không lừa sưỡi*

**Trăng Huế**

Lao qua cầu Bạch Hổ  
Tàu đánh thức cổ thành  
Hồi còi dài tan biển  
Vàng trắng ngái ngủ tái xanh

Nôi kinh ngạc chập chờn  
Ngoài cửa sổ  
Trời sao và thành phố  
Và tiếng em gái nhỏ  
Mời mua nón bài thơ

Người lái tàu trầm tư  
Bắt gặp ánh mắt  
Trong màu trắng xứ Huế  
Nhưng tia sáng dịu dàng

Muốn níu một lần tàu dừng  
Một lần để suốt đời không quay trở lại  
Tàu qua cầu  
Đổ bóng xuống sông Hương

Tiếng kinh ngạc lẫn lao xao với sóng  
Em gái nhỏ nhòe vào trắng  
Không để bóng  
Lời hạnh phúc rao gầy vàng trắng mỏng  
Gió lùa vào cửa sổ và đêm

Hành khách ngủ  
Tàu tiếp qua đồng không mông quạnh  
Người lái tàu thức, giữ trong tim  
Tiếng Huế ngọt

Nón bài thơ anh tìm  
Và vàng trắng giấu hồn nhiên gương mặt

*Ôi gương mặt tình yêu chưa kịp  
dừng nhận biết  
Trong bóng chùa Linh Mục và trăng...*

**Vô đề**

*Là phụ nữ tôi trở về kim chỉ  
giỏi thêu thùa và may áo trẻ con  
Và tôi hát vì tình yêu và tôi ru vì tình mẹ  
Ôi hạnh phúc ngoài cửa sổ trắng tròn*

*Hàng đêm thêu hàng đêm qua như thế  
Khăn gối thêu, có lẽ biết làm sao  
Hắn là nhiều và nhiều vô kể  
Và tôi thêu cả tên tôi thêu lẫn nỗi ngọt ngào*

*Hàng đêm thêu hàng đêm qua như thế  
ÁO TÔI MAY, CÓ Lẽ BIẾT LÀM sao  
Hắn là nhiều và nhiều vô kể  
Và tôi may lẫn ngày tháng thanh cao*

*Hàng đêm thêu hàng đêm qua như thế  
Tiếng hát tôi tìm hứa hẹn tình yêu  
Lời ru tôi hứa hẹn ngày làm mẹ  
Ôi thơ ngây trái tim đúng kẻ lẻ bầy điều*

*Người ra trận tóc thè tôi che đất  
Đâu chỉ mình tôi- có lẽ biết làm sao  
Còn đất nước sẽ còn kim còn chỉ  
Chiếc tổ tình yêu trong nắng xôn xao*

*Hàng đêm thêu hàng đêm qua lặng lẽ  
Đâu chỉ mình tôi anh ấy không trở về*

HUỶNH ÁI TÔNG

*Tôi giỏi thêu thùa áo trẻ con may đẹp  
Biết làm sao trái tim tắt được nỗi si mê*

*Hằng đêm thêu đón bình minh hắt thếp  
Có hạt sương rơi và mũi kim khâu chỉ khâu qua  
Hẳn là nhiều và nhiều vô kể  
Những hạt long lanh ngày mới chói lòa.*

**Người sau chân sóng**

*Thuyền vượt phao số không anh khuất sau chân sóng. Làng  
chỉ còn đàn bà trẻ nít lấy kim đan. Lưới da lưới te lưới  
mành lưới ú. Mắt lưới long lanh bển đợi bển chờ. Mỗi bước  
sóng dâng trào rồi lùi về xa thẳm. Em lại ú tìm vây bủa  
bóng hình anh.*

*Này mũi kim đan. Em đan ánh trăng, đan trăng bồng bênh  
con phao, hàng phao lưới tình đuôi bắt. Trăng công trái  
tim em, trái tim em cũng dập dềnh niềm sâu thẳm đại  
dương. Cửa sông sẽ trao bến bờ, nhưng em lại muốn tự  
mình bơi tìm hạnh phúc.*

*Thuyền sau chân sóng anh cũng sau chân sóng. Đích em  
bơi huyền ảo giấc mơ riêng. Mà nơi tận cùng chân trời  
thuyền đâu neo ước vọng. Anh lân hư ảo mùa cá kiếm hư  
ảo mùa cá đuôi cò. Kia cá kiếm là anh. Cá đuôi cò là em.  
Biển Đông là thế giới thần tiên Lạc Long Quân trao sóng.*

*Cùng bơi cùng đuôi bắt bầy gái làng bầy trai làng xa bờ sẽ  
ra đến đảo. Ôm chân đảo sẽ lên được đảo. Đảo san hô ơi  
rặng ngầm hạnh phúc sẽ nhô lên khi trăng mọc con nước  
reo ròn rạc.*

*Con chiều dâng đảo chìm gái trai làng sẽ chìm khuất tiếng*

*hát vào nhau. Trái tim vì thế muôn nỗi nên luôn đầy ắp cảm xúc. Vây đuôi của loài cá sẽ mọc trong giấc thần tiên sâu hồn bơi ngoan mục. Trái tim phát tiếng kêu của loài cá ăn rong.*

*Em bơi từ đảo em sang tới đảo anh. Hai thế giới cầm chân trong sóng thêm lục địa. Sự tưởng tượng của em bắt đầu từ bóng hình anh. Em nghe sóng xô xao, nghe tim anh đánh nhịp. Chỗ cột mốc chủ quyền ưỡn ngược đội vầng dương.*

*Vâng em mơ lắng nghe đáy rặng ngầm đảo sóng âm vang. Vâng em mơ sãi tay bơi dù trong tưởng tượng đơn côi. Với anh bơi là sóng, bơi là chinh phục biển. Thuyền anh xa bờ mang theo hồn vía núi Đâu Mâu và kỳ thú U Bò. Mang theo cả bóng phố bên sông rộn tiếng ồn ào chợ búa.*

*Cửa biển tiếng tù và vây bụi nhùi ủ lửa. Em ước làm con bụi nhùi lửa nơi khuôn bếp thuyền khơi. Con bụi nhùi ngoại lên lửa nhen lên cho ngày tháng có ngăn khoang thuyền đầy ắp cá. Biển có chân trời nâng được bát cơm ăn.*

*Đêm tĩnh vắng cây dương liễu lụ khụ như hiểu thấu lòng em. Vâng em mơ và em luôn tưởng tượng. Em bơi từ cây chà dụ cá sãi sóng đến đảo anh. Cá dờn ánh trắng, dờn tay bơi của em em lẫn thân trong đàn cá. Với tiếng kêu của loại cá nhọn tai kỳ lạ. Cá say ánh đèn nhịp tim em cùng dềnh dàng say đôi nhịp.*

*Này vây này tiếng kêu, em có thể bơi từ giấc mơ em đến giấc mơ anh đập đuôi xoay sóng đủ bốn chiều. Dù tưởng tượng toàn thân em ngập mặn đến tận cùng nước mắt. Người sau chân sóng ơi, người có nghe có hiểu thấu lòng em.*

*Nhịp tim em chọt bay lên cất tiếng tù và gọi thuyền anh có nghe có hiểu thấu lòng em.*

Trong bài *Nhà thơ Lê Thị Mây: Nỗi buồn như con cọp rình mỗi tháng chạp*, Như Bình đã viết:

*“Thơ Lê Thị Mây khác với cuộc đời thực của chị, khác đến mức tôi cứ tưởng tượng như người phụ nữ ngồi trước mặt mình chưa từng là người đàn bà trong thơ. Nhưng ngắm cho sâu, cho kỹ thì đúng thật, người đàn bà thơ trong bồn bồn tác phẩm, bồn bồn trang viết ấy phải là chị chứ không thể là ai khác.*

*Một tâm hồn mãnh liệt và đa mang ấy, phải là của chị. Một tâm hồn đầy rung cảm, sâu thẳm đến tận cùng, đau đớn đến tận cùng phải là chị chứ không thể là của ai khác.*

*Nửa vàng trắng  
Lang thang  
Trôi giữa rặng ngày xanh tái  
Ôi giấc mơ  
Bị cắt hết máu  
Giấc mơ  
Của người thiếu phụ chờ chồng.”*

Tài liệu tham khảo:

- Lê Thị Mây Web: [thivien.net](http://thivien.net)
- *Người sau chân sóng* Web: [nhavantphcm.com.vn](http://nhavantphcm.com.vn)



### 23. Văn Lê



#### Văn Lê - Lê Chí Thụy (1949-20 )

Nhà thơ Văn Lê tên thật là Lê Chí Thụy, sinh ngày 02 tháng 3 năm 1949, tại Gia Thanh, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình.

Năm 1966, ông nhập ngũ, vào tham gia chiến đấu ở chiến trường B2, thuộc quân khu 6, 7, 8 và 9 vùng đồng bằng sông Cửu Long.

Năm 1967, về tạp chí *Văn Nghệ Giải Phóng*. Sau 1975, ông công tác ở tuần báo *Văn Nghệ Giải Phóng* rồi tuần báo *Văn Nghệ*, Hội Nhà văn Việt Nam.

Năm 1977, ông tái ngũ chiến đấu ở Mặt trận 479, Campuchia

Năm 1982 về công tác tại Hãng phim Giải Phóng cho tới năm 2010 nghỉ hưu.

Văn Lê là hội viên Hội Nhà văn Việt Nam, Hội Điện ảnh Việt Nam; Ủy viên Ban Chấp hành, Phó Chủ tịch Hội đồng Thơ - Hội Nhà văn TP Hồ Chí Minh khoá 4, Ủy viên Hội đồng Thơ khoá 5,6.

Văn Lê nhận được các giải thưởng văn học:

## HUỶNH ÁI TÔNG

- Giải A cuộc thi thơ của tuần báo Văn Nghệ, Hội Nhà văn Việt Nam (1975-1976).
- Giải B thơ tạp chí Văn Nghệ Quân Đội năm 1984.
- Giải A thơ về đề tài Chiến tranh Cách mạng, Hội Nhà văn Việt Nam 1994, với tập thơ *Phải lòng*.
- Tặng thưởng Văn học Bộ Quốc phòng 1994, với tiểu thuyết *Nếu anh còn được sống*.
- Giải thưởng Văn học Bộ Quốc phòng năm 1999, với Tập trường ca *Những cánh đồng dưới lửa*
- Giải thưởng Văn học quốc tế Me Kong năm 2006, với Tập trường ca *Những cánh đồng dưới lửa*.
- Giải B (Không có giải A) về Văn học chiến tranh, Bộ Quốc phòng (2004 - 2009) với tiểu thuyết *Mùa hè giá buốt*.
- Giải nhất Giải thưởng văn học nghệ thuật TP. Hồ Chí Minh 5 năm (2006-2011) với tiểu thuyết *Mùa hè giá buốt*.
- Giải nhất về kịch bản của Cục Điện ảnh - Bộ Văn hóa, thể thao và du lịch với kịch bản phim truyện *Long Thành cầm gươm*.
- Giải nhất Cánh Diều Vàng của Hội Điện ảnh năm 2012, với phim truyện *Long Thành cầm gươm*,
- 3 lần đạt giải thưởng kịch bản phim Tài liệu xuất sắc nhất
- Giải thưởng Đạo diễn xuất sắc nhất
- Giải Bông Sen Vàng
- 5 Bông Sen Bạc
- 2 Cánh Diều Vàng
- Giải Galaxy của truyền hình Nhật Bản và nhiều giải thưởng cao về phim tài liệu của Hội Điện ảnh Việt Nam.

### Tác phẩm:

- *Một miền đất, những con người* (tập thơ, 1976)
- *Những ngày không yên tĩnh* (truyện, ký 1978)
- *Chuyện một người du kích* (truyện, 1980)
- *Bão đen* (truyện, 1980)
- *Đồng chí Đại tá của tôi* (truyện, 1981)

- *Người gặp trên tàu* (tiểu thuyết, 1982)
- *Khoảng thời gian tôi biết* (tập thơ, 1983)
- *Ngôi chùa ở Prathana* (tiểu thuyết, 1985)
- *Khoảng rừng có những ngôi sao* (tiểu thuyết, 1985)
- *Hai người còn lại trong rừng* (tiểu thuyết, 1989)
- *Tình yêu cả cuộc đời* (tiểu thuyết, 1989)
- *Khi tòa chưa tuyên án* (tiểu thuyết, 1989)
- *Tiếng rơi của hạt sương khuya* (tiểu thuyết, 1993)
- *Phải lòng* (tập thơ, 1994)
- *Nếu anh còn được sống* (tiểu thuyết, 1994)
- *Chim Hồng nhận bay về* (tập truyện ngắn, 1996)
- *Những cánh đồng dưới lửa* (trường ca, 1997)
- *Đồng dao thời chiến tranh* (tiểu thuyết, 1999)
- *Cao hơn bầu trời* (tiểu thuyết, 2004)
- *Những câu chuyện làng quê* (văn, 2005)
- *Câu chuyện của người lính binh nhì* (trường ca, 2006)
- *Mùa hè giá buốt* (tiểu thuyết, in lần 1: 2009, lần 2: 2012)
- *Mỹ nhân* (tiểu thuyết, 2013)
- *Vé trở về* (tập thơ, 2013)

Trích thơ:

### **Vé trở về!**

*Với T.G.L.T*

1.

*Ngày ấy anh đi*

*Cánh đồng làng giống như bàn tay trắng*

*Sau khi đã hiến dâng những gì cần dâng hiến,*

*gốc lúa đã lần lượt phai màu*

*Từng đám trẻ con như bầy chim sà xuống đồng làng*

*bòn mót những gì vụ mùa bỏ sót.*

*Những gốc rạ đã chết được kéo lên khỏi đất*

*chất thành từng đống*

HUỶNH ÁI TÔNG

và được chuyển về nhà  
Cuộc đưa ma cuối cùng của vụ mùa diễn ra âm thầm  
trong tiếng kè kệt tiễn đưa từ hai đầu đòn gánh  
Gốc rạ được hóa kiếp trở thành tro bụi - khép lại một quy  
trình.

Trên đồng làng phù sa đã kết tinh  
chỉ để lại những váng màu không dễ gì gột rửa  
trên móng chân người con gái  
Những đám ruộng há miệng chờ mưa xuân, hoang vu, trẽ  
nải,  
nứt nẻ như gót chân người.

Đồng chiều ngơ ngẩn buồn!  
Anh ngơ ngẩn buồn bước về qua khir  
Ở đâu đó giữa hoang vu chợt cất lên tiếng thánh ca âm u  
khổ sở  
Âm u khổ sở tiếng thánh ca của muôn loài sinh  
vật tiễn đưa anh.

Mười chín năm trưởng thành  
Anh chẳng để lại một dấu vết nào trên cánh đồng quen  
thuộc.  
Anh cũng chẳng để lại một dấu vết nào trên cơ thể người  
con gái anh yêu!  
Chỉ có tờ giấy khai sinh úa như trời chiều  
chứng thực cái ngày anh ra đời,  
- Cái ngày anh chính thức xuất hiện trên mặt đất.  
Đó là dấu vết duy nhất  
là cái có duy nhất để anh tiếp nhận sự mời gọi  
của chiến tranh!

Anh nhìn con dấu đỏ tươi trên lệnh động binh  
Lòng trống vắng như vòm trời không đầy  
Cánh đồng ngơ ngẩn buồn

VĂN HỌC VIỆT NAM CẬN VÀ HIỆN ĐẠI IV

*Anh cũng ngỡ ngẩn buồn trong vầng nắng buổi chiều sót lại!*

*Sót lại giữa tầng không  
- vầng nắng buổi chiều.*

2.

*Anh trở về ngôi nhà tranh quanh hiu  
Nơi anh sống với một người em gái  
Căn nhà ấy do mẹ cha để lại  
Để lại cho anh một gia tộc - Hai người!*

*Ngày cha mẹ anh đi,  
gió nấc từng hồi!  
Rắn rết trong hang bò ra đây ngõ  
Náo loạn làng quê - chó sủa.  
Náo loạn bầu trời - vượn vũ chim bay!  
Cuộc trở mình của tự nhiên diễn ra giữa ban ngày.  
Mọi trật tự bỗng nhiên gãy đổ  
Sông suối thay lòng đổi dạ  
Cuộc đưa ma tại làng quê, nhưc nhối tiếng gọi hồn.*

*Từ bữa ấy anh buộc phải lớn khôn.  
Nhận trọng trách về mình trước tuổi  
Quần quật từ lúc bình minh  
sáp ngửa đến khi chiều tối.  
Anh đánh đổi những gì cần đánh đổi  
để em anh được sống cuộc đời thường!*

*Cái ý nghĩ vô cùng giản đơn,  
như cây phải xanh,  
như người phải lớn.  
Ý nghĩ ấy phải lia đời rất sớm,  
khi nước nhà ngùn ngụt lửa can qua!*

HUỶNH ÁI TÔNG

Em gái anh  
dáng như bà già  
                    khoác chiếc áo toì,  
                                    mỏng manh như món đồ dễ vỡ.  
Nó đứng chờ anh ở ngay đầu ngõ  
Miệng cười lóe vệt trắng non.

Nhìn em gái lòng anh ngỡ ngẩn buồn!  
Thương em bơ vơ tuổi còn quá nhỏ  
Anh đã định cưới một người thôn nữ  
                    - Cái người con gái anh yêu!  
Cô êm ả như dòng sông buổi chiều  
Thân thể phì nhiêu như lúa đồng ngậm sữa.  
Cô hoàn thiện như một câu chuyện cổ,  
                    ngơ ngác như chim mới ra ràng.

Cái mối tình làm anh hoang mang  
Đổ vào anh như giông như bão  
Cái mối tình làm anh điên đảo  
                    dập vùi anh như nước tràn bờ!

Anh bỏ cô vì một lẽ đơn sơ.  
Anh không muốn làm tổn thương em gái!  
Anh không muốn cuộc đời cô trở nải  
                    bị niêm phong như một thùng hàng!

Ngày bỏ cô,  
                    anh như mất hồn,  
                                    lang thang như mây chiều,  
  vô cảm như người điên ngoài chợ!  
Anh không thể nói cho người yêu rõ  
Những nỗi niềm ngọt ngạt trong anh!

Trước ngày đi,  
anh tháo tung hết quần áo của mình,

VĂN HỌC VIỆT NAM CẬN VÀ HIỆN ĐẠI IV

*khâu cho em một bộ quần áo mới!*  
*Đó là tài sản của anh để lại*  
*Để lại cho người em ruột của anh!*

*Ngày anh lên đường vòm trời cong vênh*  
*mắt sạch dấu cả những quãng mây trắng.*  
*Gió lạc lối tràn qua đồng vắng*  
*vấp vào vách đá,*  
*bật lên tiếng kêu rên xiết vô tình!*

*Anh hun hút lao vào chiến tranh*  
*Bỏ gia tộc cho một người còn lại*  
*Bỏ gia tộc cho một người em gái*  
*mỏng manh như món đồ dễ vỡ*  
*co ro như bà lão ăn mày.*

3.

*Câu chuyện về người lính hy sinh*  
*buồn như lá thu bay,*  
*Vỏn vẹn có vài dòng và do tôi tưởng tượng.*  
*Em gái của anh đã không thể lớn!*  
*Vẫn co ro như bà lão ăn mày,*  
*mỏng manh như món đồ dễ vỡ.*  
*Cô buôn bán nhì nhằng ngoài chợ,*  
*nhặt nhạnh từng xu của đám dân nghèo.*

*Những năm chiến tranh đất nước gieo neo.*  
*Giấy báo tử về làng như lá rụng!*  
*Khủng khiếp nhất là phải làm người sống.*  
*Sáng mở mắt ra đã nơm nớp trong lòng...*

*Cô chỉ mong đất nước hòa bình!*  
*Anh trai trở về làng quê yêu dấu,*  
*Chăm sóc cô như thời thơ ấu*  
*Chở che cô như đê chở che đồng.*

HUỶNH ÁI TÔNG

Cô đã gánh cả một thời bão goiing  
trên đôi vai nhọc nhằn, vô cảm.  
Cô đã gánh nỗi âu lo thâm lặng  
chờ anh trai trong muôn nỗi nhọc nhằn!

Cô thấy mình như cái bến trên sông,  
- Cái bến sinh ra để mà chờ đợi!  
Cô thường thấp đèn dầu mỗi tối,  
- ngọn đèn canh đêm là để đợi chờ!

Ngày anh trai hy sinh,  
bến nước bơ vơ,  
Cô chẳng còn ai mà chờ đợi nữa.  
Mọi trật tự trong cô sụp đổ  
Cô lang thang cuối đất cùng trời,  
xác xơ như bà lão ăn mày,  
vô cảm như người điên ngoài chợ!  
Cô tìm anh trai đầu nguồn, cuối phố,  
thăm thăm khe sâu,  
hun hút rừng già...

Cô bỗng gặp một người con tìm cha  
dằng dặc bung biển  
tận cùng núi đỏ...  
Xơ xác như người điên ngoài chợ  
Co ro như ông lão ăn mày.

Hai con người cuối đất đầu mây  
Chia sẻ cho nhau nỗi buồn mình có.  
Hai con người từ hai xứ sở  
Đã làm nên một gia tộc cho mình...

Nhưng hy vọng tìm anh sau chiến tranh  
tràn ngập trong cô như nước mùa tháng tám



xé lòng cô như cánh đồng gập hạp,  
ăn mòn cô như nắng lột da người!

4.

Cô gái ấy hiện diện bên tôi,  
xói tung cả nếp nghĩ trong đầu,  
cố tìm kiếm dấu vết mà anh trai  
để lại.

Cô cho tôi xem mấy tờ tiền dầu dãi,  
Đó là số tiền tiêu vặt nhiều tháng của người lính binh nhì.  
Số tiền ấy, anh trai gửi về!

Cô không dám tiêu,  
dù tháng năm ngặt nghèo, đói khổ.

Cô không nghĩ những đồng tiền đó,  
có lưu giữ mồ hôi và máu vân tay chai sạn của anh!

Cô cho tôi xem những con chữ màu đen như một đạo binh,  
Tràn qua bức tường tựa sa mạc trắng.

Những dòng chữ nhấp nhô sóng động,  
căn dặn cô là phải giữ phần hồn.

Những dòng chữ ngọt ngào lo buồn,

Đã sười ẩm cô trong mùa giá rét.

Cô không nghĩ nó lại thành giấu vết,  
khẳng định anh từng sống giữa đời này!

Cô không nghĩ nó là lời trắng trời

Trước khi anh về với gió mây!

Tôi đã từng đi qua chiến tranh.

Từng nhìn thấy những lá thư chữ to

được người lính khắc vội vàng trên những thân cây

Người kiên nhẫn hơn thì khắc vào lèn đá.

Những dòng chữ có hình hài vội vã

Đơn giản chỉ là những thông tin

báo cho người sau biết ai, ở đâu

đã từng đến nơi này!

HUỶNH ÁI TÔNG

Chẳng ai nghĩ nó trở thành dấu vết  
Mà con người gởi lại rừng cây!  
Chẳng ai nghĩ nó là lời trăng trối  
của người đi gởi lại nước non này.

Năm tháng trôi qua,  
trời đất đổi thay,  
nắng gió đổi thay  
đổi thay khi hậu.

Tên tuổi của những người lính kia  
cũng dần mất dấu  
Thời gian đã mang đi về cõi vô cùng!

5.

Sau ngày giỗ anh trai lần thứ ba lăm,  
Cô nhận được thư của một người nào đó.  
- Chắc hẳn cũng là người tìm mộ.  
Báo cho cô biết là đã tìm thấy anh trai tại một cánh rừng!

Ôm lá thư vào lòng,  
Cô khóc vống lên như đứa trẻ.  
Cô bán hết những gì có thể  
Cùng chồng lặn lội vào Nam  
Cô đã đến khu rừng phía bắc Cà Tum,  
nhỏ như chó nằm ló đuôi  
nghèo như khu vườn hoang hóa.

Cô đã gặp những người xa lạ,  
Mộc mạc như gỗ thô,  
chân chất tựa cây rừng.

Họ trao cho cô một bọc ni – long  
nhỏ như con búp bê  
được bao bằng lá cờ tổ quốc.

Trong cái lọ thuốc tiêm mà họ tìm thấy được,  
Có một mảnh giấy ghi tên tuổi,  
quê hương và ngày mất của anh!

Những dòng chữ viết trong chiến tranh,  
xộc xệch như một đoàn quân,  
sống động như ban mai,  
khiêm hạ như vàng trắng cuối tháng!

Rõ ràng là trước khi mai táng,  
Một người lính nào đó đã không quên viết những dòng này.  
Những dòng chữ báo cho người sau biết:  
Ai, ở đâu đã nằm xuống nơi đây.  
Những dòng chữ chính là dấu vết  
Khẳng định anh từng có giữa đời này!  
Những dòng chữ cũng là tờ giấy phép  
Cấp cho anh về với gió mây!

Nhìn chiếc lọ thân kỳ trong đất mấy mươi năm,  
Nó không mang theo thông điệp của người đi biển,  
cũng không có cuộc hành trình trên biển.  
Nhưng có chung đích đến  
Và, tuyệt vời hơn là có được phép màu.

6.  
Đưa anh ra bến tàu,  
Cô lặng lẽ nhìn chồng...lặng lẽ.  
Cô nhất quyết mua cho anh tấm vé.  
Cô muốn anh trai cô như người sống về làng.

Hai con người chân đất lang thang  
rách rưới như những kẻ ăn mày,  
co ro như người khát nợ.  
Hai con người đổi hết tiền mình có,  
lấy tiền xu để thêm vé trở về!

Con tàu lặn dài qua những vùng quê,  
băng qua bóng đêm,  
trườn qua hoàng hôn tấy đỏ.

HUỶNH ÁI TÔNG

*Hai con người ngồi im như tượng gỗ  
Cùng ôm chung bộ hài cốt trong lòng.*

*Mỗi lần tàu qua sông,  
Họ lại thấy một dòng xu xuống nước.  
Họ nhất quyết với nhau là phải thức  
thức trắng đêm để trả tiền đò.*

*Đưa được anh trai về quê  
Cô không nở báo cho làng xóm biết  
Ở làng cô còn hàng trăm người chết,  
Chưa một ai được về...*

(Sài Gòn - Tây Ninh, tháng 8 năm 2008)

Trong bài: *Nhà văn - Đạo diễn Văn Lê* người nghệ sĩ đắm say  
hồn dân tộc, Hà Giang đã viết:

*“Ở lĩnh vực văn học, ông là nhà văn, nhà thơ. Ông viết khỏe và viết khá đều tay ở nhiều thể loại. Các tác phẩm của ông đa phần về người lính, ông thậm chí đề cập cả những vấn đề mà nhiều người còn né tránh.”*

Tài liệu tham khảo:

- Văn Lê Web: [nhavantphcm.com.vn](http://nhavantphcm.com.vn)
- Vé trở về Web: [nhavantphcm.com.vn](http://nhavantphcm.com.vn)

## 24. Dương Hường



### **Dương Hường - Dương Văn Hường (1949-20 )**

Nhà văn Dương Hường họ và tên khai sinh là Dương Văn Hường, sinh ngày 8 tháng 7 năm 1949 tại thôn An Lệnh, xã Thụy Liên, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình.

Tháng 9 năm 1965, ông tình nguyện đi công nhân quốc phòng làm nhiệm vụ vận chuyển hàng hoá lương thực trên tuyến Khu 4 phục vụ cho chiến trường miền Nam.

Năm 1971, ông vào bộ đội chiến đấu tại chiến trường quân khu 5.

Năm 1976 ra quân chuyển ngành về cục hải quan Quảng Ninh.

Bắt đầu viết văn từ năm 1985.

Hội viên Hội Nhà văn Việt Nam.

Tác phẩm Bến không chồng được dịch ra tiếng Pháp, tiếng Ý và được dựng thành phim truyện. Phim này, dự liên hoan phim quốc tế “Thái bình dương” và liên hoan phim tại Đức.

## HUỶNH ÁI TÔNG

Nhà văn Dương Hương đã nhận được các giải thưởng:

- Giải thưởng Hội Nhà văn Việt Nam năm 1991 với tiểu thuyết *Bến không chồng*.
- Giải thưởng Tạp chí Văn Nghệ Quân Đội với truyện ngắn *Đêm trắng*.
- Giải A văn nghệ Hạ Long với tập truyện *Người đàn bà trên bãi tắm*.
- Tặng thưởng truyện ngắn hay tạp chí Đất Quảng năm 1987, với truyện ngắn *Quãng đời còn lại*.
- Tặng thưởng truyện ngắn hay Tạp chí Văn Nghệ Quân Đội năm 1989, với tác phẩm *Người mắc bệnh tâm thần*.
- Tặng thưởng truyện ngắn hay Tạp chí Văn Nghệ Quân Đội năm 2007, với tác phẩm *Bến khách*
- Giải thưởng văn học Hạ Long năm 2012, với tiểu thuyết *Dưới chín tầng trời*.

Năm 2008, nhà văn Dương Hương nghỉ hưu, ông làm biên tập viên Báo *Hạ Long* tại thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.

Tác phẩm:

- *Gót son* (tập truyện ngắn - 1989)
- *Bến không chồng* (tiểu thuyết - 1990)
- *Trần gian đời người* (tiểu thuyết - 1991)
- *Người đàn bà trên bãi tắm* (tập truyện ngắn)
- *Tuyển chọn Dương Hương* (1997)
- *Dưới chín tầng trời* (tiểu thuyết - 2007)

Trích văn:

### **Người đàn bà trên bãi tắm**

Tôi bàng hoàng khi gặp lại Thao. Thao đang đi dưới hàng phi lao với người đàn ông có phong cách lịch lãm sang trọng kiểu

quan chức, nước da trắng hồng với khuôn mặt béo phì. Tôi tin ông ta là người no đủ mãn nguyện trên mọi phương diện vật chất lẫn tinh thần. Vừa nhận ra tôi, ánh sáng trên gương mặt Thao chợt bùng lên rồi tắt ngấm. Thao chỉ dám ngừng lại một phút để hỏi thăm tôi đang ở đâu.

- Em sẽ đến! Phòng ba, tầng trót hả anh? Thao nói rồi vội vã chạy theo người đàn ông đang kiêu hãnh đi trước như một lãnh chúa coi cả đất trời này của riêng ông ta. Cả giọng nói lẫn ánh mắt Thao đượm buồn mà cuốn hút lạ. Tôi đứng tần ngần nhìn theo cái cổ trắng mịn và chiếc mũ du lịch mùa hè của Thao lất phất trước gió. Từng đợt sóng xô lên bãi cát thềm thường liếm lên đôi gót đỏ hồng, xoá sạch đi những dấu chân của Thao in trên cát.

Bữa cơm chiều đến dừng dưng, không cần đợi anh bạn trẻ cùng phòng, tôi ăn qua loa rồi đến căng tin mua hai hộp bia, hai gói kẹo sôcôla và không quên mua hai chùm chôm chôm theo sở thích của Thao. Căn phòng như reo vui trước mắt tôi. Dọn dẹp ngăn nắp mọi thứ, cốc chén đánh sạch bóng, gối ga gấp có góc cạnh, tôi vào phòng tắm mở van nước hết cỡ, xát xà phòng thơm từ đầu đến chân cọ đỏ da. Tôi lặng lẽ làm công tác đón Thao một cách háo hức vì cả đời chưa bao giờ có được dịp như hôm nay...

... Dưới con mắt của vợ, tôi thuộc diện người chồng không nhạy cảm với thời cuộc, không thực tế. Nghĩa là những khuyết tật của tôi được vợ đưa ra những bằng chứng lý lẽ thật vững chắc (tôi không thể chôi cãi); hay mơ mộng viễn vông: nhẹ về kinh tế, nặng về chính trị: Chăm việc hàng tổng, nhác việc gia đình. Tóm lại tôi là thằng xoàng với chức năng làm chồng làm cha, "*Chiến lược chiến thuật đánh nhau trong quân đội làm hồng đi cái đầu làm kinh tế*", vợ tôi bảo thế. Dầu không đồng nhất về quan điểm ấy, vậy mà hạnh phúc vợ chồng vẫn tồn tại. Tôi không dám may mắn tự hào bắt kể chuyện gì gọi là gió

trăng thường có ở cánh đàn ông. Kinh tế khó khăn, tình cảm vợ chồng đôi lúc tẻ nhạt, tầm thường đi. Điều cốt yếu của phụ nữ, vợ tôi vẫn giữ được, đó là lòng thương chồng, thương con, đảm đang mọi việc trong những ngày tôi còn ở quân đội. Chuyện ngành về sống gần vợ, thỉnh thoảng có trực trạch sinh ra buồn. Nỗi buồn hiện tại thường gây men cho nuôi tiếc quá khứ. Quá khứ ấy chính là Thao. Dù có mơ mộng tí chút về Thao, cũng chỉ trong tâm tưởng. Vậy mà cũng cóc giấu được vợ. Vụ "ngoại tình" trong mơ của tôi bị vợ bắt quả tang. Khổ cái thân tôi, giấc mơ vàng lại đến đúng vào đêm vợ chồng tôi có "*chiến tranh lạnh*". Vợ tôi nhận phần chiếc gối quay mặt vào tường, tôi ôm chiếc vỏ chăn lính. Đang say mê với mối tình kiều Rômêô và Jiuliét thì tôi bị vợ véo vào sườn một cái đau điếng. Tôi choàng tỉnh nghe vợ đay nghiến:

- Giả dối và khốn nạn!

- Cái gì? - Tôi cáu tiết khê quát - Cô điên đấy à. Ai giả dối, ai khốn nạn? Đang đêm cũng sinh sự.

- Tôi không điên - Vợ tôi rít lên, cố kìm cơn tức giận - Từ tối đến giờ vợ tôi vẫn chưa ngủ. Tôi hoàn toàn tỉnh toá nghe anh lảm nhảm tán tỉnh con bé nào thế. Tôi không ngờ bao năm anh nằm cạnh tôi mà vẫn còn leng pheng tư tưởng tới người khác - vợ tôi lu loa khiến tôi phát hoảng . Tôi đành dịu giọng thanh minh làm lành với vợ:

- Em thật quá thế! Ai lại ghen với cả giấc mơ. Tỷ dụ như tôi mơ được gặp một nàng tiên thứ sáu nào đó và nàng đã cho tôi ca một chum vàng thì em có muốn ước mơ đó thành sự thực không?

- Thôi đi, vàng đâu ra lăm thế mà mơ với chả thực.

- Đấy nhé, chính em cũng bảo mơ không là thực được.



Tôi mỉm cười trong đêm, khoái chí vì bỗng dung tôi lại nghĩ ra được câu biện bạch thật dí dỏm mà lại sâu sắc, làm vợ tôi chịu ứ cổ. Lần đầu tiên tôi thắng vợ về lý sự.

Tôi mỉm cười trong đêm, khoái chí vì bỗng dung tôi lại nghĩ ra được câu biện bạch thật dí dỏm mà lại sâu sắc, làm vợ tôi chịu ứ cổ. Lần đầu tiên tôi thắng vợ về lý sự.

- Nhưng mà em nghe rõ anh thổn thức với cô Thao nào đó chứ không phải với tiên - vợ tôi chọt hạ giọng, vẻ nhân nhượng dò hỏi. Đàn bà họ vẫn khéo vậy đó. Đùng là lúc ấy tôi đang mơ gặp Thao, cô gái thật đáng yêu từ cái thời còn chiến tranh. Hơn chục năm bật tin, bỗng trưa nay tôi lại tỉnh cờ gặp lại Thao trên bãi tắm giữa những ngày tôi được nghỉ mát tại khách sạn này. "*Tối em sẽ đến*". Lời hẹn của Thao cứ ong ong bên tai tôi. Bao câu hỏi về Thao được đặt ra. Tôi không giải đáp nổi. người đàn ông đi với Thao là ai? Cuộc sống của Thao ra sao? Chỉ lát nữa Thao sẽ đến. Tôi ngồi trước bàn xếp đầy những thứ tôi mua đãi Thao. Tôi mừng tượng ra Thao sẽ ngập ngừng bước vào phòng. Tôi sẽ nhào lại đón Thao. Có nên cầm tay không nhỉ? Được. Tôi sẽ nắm chặt bàn tay Thao và nhìn thẳng vào cặp mắt đen tròn như mắt chim câu. "*Mời Thao ngồi*". Thao e thẹn ngồi xuống chiếc ghế trước mắt tôi. Hãy giữ lại mãi mãi những kỷ niệm đẹp đẽ trong chiến tranh. Ngày còn ở trong rừng là thế giới hoang dã của thiên nhiên, trong căn phòng này là thế giới của văn minh hiện đại. Tôi ngả mình trên tấm đệm trắng muốt bật quạt máy vo vo, kéo tấm màn gió che kín tấm kính trong suốt.

- Chà, bữa nay có chuyện gì mà ông anh long trọng làm vậy? - Người khách trẻ cùng phòng bước vào phá vỡ sự tĩnh lặng trong phòng.

- Mình có khách!

- Đàn ông hay đàn bà?

- Đàn bà.

- Thật thú vị. Trông anh anh nay trẻ ra đấy - Người khách đưa tay xia vào bụng tôi một cái rồi nheo mắt cười đắc ý - Cả đời thăng công chức mới có mỗi một dịp đi nghỉ mát, không xả láng cũng hoài. Ở phòng bên, mấy thằng cha sẵn đạn tối qua bắt được một con bé trẻ măng. Cái thời hiện đại này cứ có tiền là thứ gì cũng có. Chúc ông anh một tối hạnh phúc.

Căn phòng chợt lặng đi khi anh ta ra khỏi. Cánh cửa khép lại. Thao chưa đến. Đã tới giờ vũ hội ở tầng dưới, tiếng nhạc dậy lên. Tôi đứng ngoài hành lang ngong ngóng tìm bóng dáng Thao. Những cặp trai gái thong dong dạo chơi dưới rặng phi lao. Đèn màu ở các quán hàng rực lên lung linh trong thế giới huyền ảo. Cuộc chiến tranh khốc liệt của dân tộc đã đổi lấy được tự do hạnh phúc. Hình ảnh Thao ngày ấy lại vụt hiện lên trong tâm trí tôi như một ảo ảnh. Ngày ấy tôi còn là anh lính công vụ cho trung đoàn trưởng Liên. Trong trận đánh vào một thị xã, tình cờ tôi gặp một cô bé gái chừng mười tuổi đang khóc thảm thiết trên đường phố bốc cháy ngùn ngụt. Tôi đã dẫn cô bé về cứ. Trung đoàn trưởng Liên sống ở chiến trường đã lâu năm nên ông rất quý hình bóng trẻ con. Ông đã nhận cô bé này làm con nuôi.

- Từ nay cậu chăm sóc cô bé giúp tôi - Trung đoàn trưởng nói và nhìn tôi bằng ánh mắt tin tưởng. Chiều chiều tôi dắt bé Thao ra suối tắm. Gương mặt bé Thao xinh xinh, da trắng mịn, cặp mắt tròn như mắt chim câu, giọng nói nhỏ nhẹ, nghe đến dễ thương. Những ngày đầu, bé Thao tỏ ra buồn nhớ và lạ lẫm với mọi cảnh sinh hoạt của lính ở rừng. Tôi thường hay dỗ bé Thao bằng những trái cây kiếm được trong rừng. Lúc rồi tôi loay hoay ngồi cắt khâu quần áo cho Thao. Tôi xin được vải của trung đoàn trưởng khâu cho bé Thao cả bộ tặng võng nhỏ dành

cho một người lính tí hon. Khi ngủ, bé Thao đòi mắc võng nằm cạnh tôi. Trong chuyện này nếu là nhà văn tôi sẽ viết được cả cuốn tiểu thuyết. Tình cảm của trẻ thơ thật trong sáng. Ôi giá mà bé Thao mãi mãi thơ ngây như thế. Ngày ngày tôi nhận ra bé Thao cứ lớn phồng lên. Thao đã trở thành cô gái thực sự, biết đỏ mặt thẹn thùng khi bắt gặp tôi nhìn vào khuôn ngực đã đầy lên của Thao. Thao đã là bông hoa quý hiếm cứ rục lên giữa nơi bom đạn khốc liệt và cảnh sống gian khổ thiếu thốn đủ thứ của người lính. *"Trông cây đến ngày ăn quả rồi đấy. Quả chín không hái để rụng phỉ"*. Những lời bóng gió của lính kiêu ấy làm tôi lo sợ. Mọi cư xử với Thao không còn tự nhiên như trước.

Vào một chiều cơn mưa nguồn vừa dứt, trung đoàn trưởng Liên đi giao ban. Thao tần ngần đứng nhìn sang cánh rừng phía đông nơi chiều chiều qua bị bom đánh cháy vàng từng đám.

- Đi đằng này với em - Thao rí tai, kéo tôi chạy hối hả sang cánh rừng phía đông.

- Chuyện gì vậy? - Tôi hỏi.

- Bí mật - Thao nói rồi lặng lẽ luôn rừng, ngó nghiêng đây đó như đang tìm kiếm gì đấy.

- Đây rồi! - Thao bằng hoàng thốt lên - Em đã tìm ra cây này cách đây một tháng nay. Hồi ấy trái còn non. Bây giờ anh thấy nhiều trái chưa? Sắp chín rồi đấy. Khi nào chín ta sẽ mang bao ra hái về cho cả ban mình liên hoan một bữa thoả thích. Bữa qua tiếng bom dậy lên ở đây, em lo quá.

Tôi đứng tần ngần nhìn suốt chiều cao thân cây chừng hai mét chỉ chít những chùm quả vón vào nhau giống y như những chùm sung ở quê tôi. Tôi mỉm cười chợt nhận ra dòng chữ

"*Cắm hái trái non!*" - Thao khắc lên khoảng trống thân cây từ bao giờ.

-Trên đám lá cháy sém kia, anh biết không - Thao nói - Bữa trước em thấy có một tổ chim, em còn nghe rõ cả tiếng chim non kêu lịch rích dễ thương nghe. Chiều qua những con chim non ấy chắc là bị bom thiêu cháy hết rồi.

Thao đi quanh nhìn những vết đạn bằm lỗ chỗ trên thân cây. Thao lựa những quả chín hái đưa cho tôi.

- Anh ăn thử. Chỉ dăm bữa nữa là chín hết. Nó bị thương thế này liệu có sao không anh? - Thao ngược mắt nhìn tôi hỏi.

- Không sao đâu . Giống cây rừng sống dai lắm.

Trên đường về, tâm tính Thao trầm hẳn. Thao lặng lẽ đi, thỉnh thoảng lại đưa tay bứt những nhánh lá rừng vò nát ra rồi vứt xuống đất.

- Hết chiến tranh anh sẽ làm gì? - Bất chợt Thao hỏi tôi.

- Ai mà biết được . Hãy sống được đến ngày đó - Tôi nói.

- Em sẽ làm nghề trồng cam, sẽ học cách chiết cam. Đất quê em trồng cam tốt lắm - Thao nói giọng xúc động - Em không hiểu ba Liên có ưng về quê em ở không?...

Tiếng Thao tan trong không gian mênh mông. Cánh rừng lao xao, gió bỗng nổi lên, cơn mưa ào đến. Thao kéo tay tôi trú dưới tán cây gọi già. Dàn kiến vàng ngoằn ngoèo trên thân cây hối hả rủ nhau vào tổ. Những con mối khờ dại từ đâu bay vù vù ra gặp mưa rã cánh nằm lăn dí ra đất. Những ngón tay mềm mại của Thao bầu liên tiếp lên lớp vỏ sù sù trên thân cây gọi già.

- Mưa to - Thao khẽ thốt lên.

- Ủ, mưa - Tôi nói mà chẳng nghĩ đến mưa, chỉ chăm chú nhìn những giọt nước rơi lên mái tóc đen nhánh của Thao.

- Chiến dịch tới, em sẽ xin ba Liên cho em đi tuyến trước - gương mặt Thao bỗng sáng lên khi em thổ lộ điều thầm kín với tôi.

Cả tôi và Thao lặng lẽ tắm mưa. Khuông ngực Thao càng đầy lên rõ đường nét hơn khi tắm áo Thao ướt sũng nước mưa. Có lẽ bữa nay trời đất xui khiến, bàn tay Thao nằm gọn trong lòng tay tôi. Lần đầu tiên trong đời, tôi cảm nhận được hơi ấm truyền sang tôi. Giây phút này tôi không hiểu đây có phải là tình yêu không.

Thao vẫn chưa đến! Căn phòng về khuya càng trắng ra. Mọi thứ đều mang màu chết chóc. Những bức tường trắng, trần trắng, ga đệm, gối đều trắng toát. Hai hộp bia, hai gói kẹo, hai chum chôm chôm từ tối vẫn nằm nguyên một chỗ trên bàn. Những viên đá trong cốc thủy tinh đã tan rữa ra chỉ còn nổi nên miếng nhỏ xíu như cái bọt nước. Niềm hy vọng Thao đến cũng mỏng manh như cái bọt nước.

- Cộc...cộc....cộc - Có tiếng gõ cửa.

Ồi thế là Thao cũng đến đây. Giây phút cuối của sự đổ nát bỗng bùng lên toả lâu đài. Mặt nóng ran, tôi bật dậy, tay run run mở cửa. Mẹ kiếp, không phải Thao. Người khách trẻ nghỉ cùng phòng bước vào nồng mùi rượu. Mặt anh ta đỏ gay, mắt đảo khắp phòng.

- Ôi giờ ôi, té ra từ tối đến giờ ông anh chỉ có một mình thôi à? Thế mà em cứ đinh ninh ông anh vẫn còn đang ôm ấp một ả nào đấy nên phải gõ cửa - Giọng người khách trẻ cứ tru tréo lên

- Thật uống công thằng em đi sơ tán từ tối đến giờ, cứ phải sà hết quán này đến quán khác.

- Thôi tớ đên cậu bằng những thứ này vậy - Tôi kéo anh ta ngồi xuống ghé, mở bia, bóc kẹo.

Uống hết hộp bia, anh ta vội nhào người tới giường nằm lăn ra ngủ. Tôi nằm thao thức nghe tiếng gà gáy khô khô của chàng trai qua một ngày nghỉ mãn nguyện. Hình ảnh Thảo lúc trưa trên bãi tắm vẫn lung linh hiện lên. Nếu tôi và Thao không có được giây phút tắm mưa thì hay biết mấy. Bởi hai ngày sau, trung đoàn trưởng gọi tôi đến gặp ông. Tôi lo sợ nghĩ là Thao đã kê với ông chuyện hai đứa vào rừng. Gương mặt trung đoàn trưởng thoáng buồn, giọng ông trầm hẳn xuống:

- Tôi phải có trách nhiệm thông báo với cậu. Ban chính trị vừa cho biết tin Thao nó là con gái một sĩ quan nguy, tuy ba má nó đều đã chết, nhưng vì sự nghiệp lớn lao của cách mạng, ta phải đề phòng. Cả tôi lẫn cậu đều đã mắc sai lầm không tìm hiểu kỹ lai lịch đã vội hồ đồ nuôi nhận cô bé. Nếu để cô ta ở đây lỡ có chuyện gì, tôi và cậu phải chịu tai tiếng suốt đời - giọng trung đoàn trưởng Liên như lạc đi. Ông đưa tay nắm chặt lấy bàn tay tôi: Cậu là một chiến sĩ tốt, hết chiến dịch này về sẽ kết nạp cho cậu. Còn Thao, tôi sẽ đưa lên trại gia tăng Z7, vừa đảm bảo cho cậu, vừa dễ cho tôi.

Một hàng rào thép gai vô hình ngăn cách giữa tôi và Thao. Ngay buổi chiều hôm đó, tôi không còn dám nhìn thẳng vào đôi mắt lóng lánh của Thao. Sẽ không bao giờ có cái ngày hai đứa lên lại cây dâu da nữa.

Tôi khắc khoải nghĩ về Thao trong những ngày mở chiến dịch liên tiếp thắng lợi. Tôi được kết nạp Đảng, được thăng chức. Cuộc chiến tranh khốc liệt đã cuốn tôi đi khắp mọi chiến trường. Tôi không bao giờ được gặp lại Thao nữa. Đúng là ông

trời đã xếp đặt để tôi gặp lại Thao trên bãi tắm trưa nay. Người đàn ông sang trọng ấy có phải là chồng Thao?... Tôi thiếp đi trong tâm trạng mệt mỏi và linh cảm thấy mình là kẻ tội lỗi. Khi tỉnh dậy tôi vẫn nghe tiếng anh bạn trẻ cùng phòng ngáy khò khè làm tôi không sao ngủ lại được. Tôi lại bám víu vào hy vọng mới là Thao sẽ đến. Tối qua chắc là Thao bận công chuyện gì đó. Trời đã sắp sáng, tôi bật dậy ra hành lang ngắm biển. Biển qua một đêm dần dừ, lúc này lặng lại chờ đón ánh bình minh. Tối nay nhất định Thao đến. Hy vọng cứ đốt lên trong tôi cháy sáng như ông mặt trời đang nhô trên mặt biển màu xanh thẫm. Biển đẹp lạ kỳ, đôi gót Thao cũng đẹp lạ kỳ. Cái cổ trắng mịn, chiếc mũ hồng hồng...

Có tiếng kẹt cửa và tiếng guốc gỗ nhẹ trên nền gạch men. Cánh cửa phòng số năm đã khép lại khi người phụ nữ từ trong phòng lén bước ra, đi vội về phía cầu thang cuối hành lang. Tôi định gào lên chạy theo gọi Thao nhưng hai chân tê cứng không sao bước nổi. Đúng là Thao rồi, đôi gót son và chiếc mũ hồng hồng với tiếng guốc của Thao khua vang trên hành lang dài hun hút vắng tanh. Tiếng guốc của Thao dung chuyển khu nhà cao tầng. Thao đã ngủ suốt đêm qua trong căn phòng số năm. Điều ấy thật khủng khiếp.

Tôi lao vội vào phòng nằm vật ra giường giữa đống gối, ga nhàu nát. Tới lúc này tôi mới nhận thấy mình đang sốt. Cơn sốt nóng hầm hập giống như ngày tôi còn ở trong rừng Trường Sơn. Tôi cố nhắm mắt tìm một giấc ngủ. Khi tỉnh dậy, anh bạn cùng phòng đã nhìn tôi cười tủm tỉm.

- Cái số ông anh vất vả bỏ mẹ - Anh ta nói- Cả đời được mỗi một dịp đi nghỉ an dưỡng lại sốt. Tôi gọi bác sĩ nhé.

- Không cần đâu - Tôi cúi- Bác sĩ thì làm quái gì. Tôi khỏi ngay thôi mà.

Buổi chiều, tôi gượng dậy đi dạo ngoài bãi tắm với tâm trạng trống rỗng. Tôi nhìn mọi người đều dơ dáy thô lỗ quá thể. Những thân hình trần trụi của đàn ông, những cặp đùi trần của phụ nữ. Dẫu sao vẫn không quên được hình ảnh Thao, người phụ nữ đang là hiện thân của đời sống vừa tươi mát, vừa ô trọc. Tôi hững hờ hỏi thăm những người địa phương biết rõ Thao đã sống ở đây từ lâu. Họ hỏi tôi tới cái quán hàng của gia đình Thao ở góc cây đại cuối bến. Cái quán hàng dựng lên bằng tấm bạt túm bốn góc buộc vào những cây phi lao non. Quầy hàng là chiếc bàn gỗ đóng bằng gỗ hòm mìn chất đầy những hoa quả, bánh kẹo và cốc chén uống nước giải khát. Tôi đến ngồi vào quán hàng như một người khách vô tình. Không có Thao ở đây. Tôi băn khoăn nhìn người đàn ông ngồi trước quầy hàng bị cụt một chân phải và bàn tay trái cụt mất ba ngón. Tôi gọi cốc nước mát, người đàn ông đưa mắt ra hiệu cho cô bé gái chừng mười hai tuổi làm nhiệm vụ pha nước. Gương mặt Thao hồi trẻ đây rồi. Cô bé nhanh nhẩu làm mọi động tác vắt chanh, đập đá vào cốc thật thành thạo.

- Con mời bác- Cô gái đặt nhẹ cốc nước lên bàn, ngược cặp mắt trong veo nhìn tôi, cười rất tươi.

- Cháu gái anh phải không? - Tôi hỏi.

- Dạ.

- Anh được mấy cháu rồi? - Tôi quẩn quả làm quen.

- Ba cháu anh ạ. Đây là cháu lớn. Nhân lực thứ hai sau mẹ cháu đây -Người đàn ông như thể mong có khách để dốc bầu tâm sự

- Gia đình tôi, cả hai ông bà già nữa là bảy miệng ăn đều trông vào mẹ cháu.

- Anh bị thương trong trường hợp nào vậy? - Tôi mạnh dạn hỏi.



Ánh mắt anh chợt buồn: Tôi là lính ông Thiệu mà anh. Khi giải phóng, thương tật thế này, tôi muốn chết quách đi cho rảnh bố mẹ vợ con. Nhưng vợ tôi, cô ấy cứ an ủi "*hết chiến tranh, anh còn sống được là mừng. Mọi chuyện kinh tế đã có em lo*". Cô ấy nói thế thì làm sao chết nổi hả anh. Ở ngoài Bắc, các anh đi lính còn biết đường lối, lý tưởng, tụi em trong này là thằng lính, cấp trên bảo đâu đánh đấy.

Người chủ quán cười hà hà, bàn tay phải còn lại của anh xoa xoa vào cùi tay cụt ngón.

- Ba ơi ba, má con ra đó! - Cô bé gái đang loay hoay bóc vỏ những trái dứa, chợt reo lên.

Trên lối mòn ven đồi phi lao, tôi nhận ra Thao đang đi tới dẫn hai đứa trẻ nhỏ lon ton chạy theo sau. Tôi ngạc nhiên về sự đổi khác ở Thao. Lúc này Thao không còn vẻ gì của cô gái đi theo người đàn ông trưa hôm qua, không còn những bước đi bồi rối, không còn chiếc mũ hồng hồng. Thao bây giờ đã là người mẹ thực sự, ân cần, dằm thắm. Thao hơi sưng lại giây lát khi nhìn thấy tôi. gương mặt Thao bỗng trở nên lãnh đạm, gương gạo.

- Anh và con về ăn cơm - Thao nói với chồng bằng chất giọng rất truyền cảm. Chồng Thao sọc hai chiếc nạng xuống đất đu người đứng lên, gật gật đầu chào tôi rồi lọc cọc bước đi.

- Con chào bác con về - Cô bé gái cúi chào tôi nhỏ nhẹ rồi bước vội theo bố.

- Hai con lại chào bác rồi đi chơi cho má bán hàng - Hai đứa con nhỏ của Thao nhanh nhẩu đứng khoanh tay chào tôi rồi chạy vụt ra bên.

- Anh thất vọng về em hả? - Bất chợt Thao hỏi như thể Thao đã đọc được tâm trạng tôi - Bữa qua em gặp được khách nên lỡ

hẹn với anh...Thật tiếc, giá mà anh đừng bao giờ gặp lại em nữa thì hơn. Em bây giờ không còn được như xưa.

- Anh chờ em suốt đêm qua! Tôi nói.

- Còn em... em đã chờ anh cả quãng đời con gái đi làm cách mạng ở trại tống gia.

Thao liếc nhanh ánh mắt vào tôi rồi vội cúi xuống giống như người thợ săn không dám nhìn thẳng vào vết thương con thú do chính tay mình vừa bắn. Bệnh bảo thủ như liều thuốc an thần ngấm nhanh trong tôi. Ngày ấy, tôi không đến với Thao vì "*cô ta là con của nguy...*".

Đêm qua Thao không đến với tôi vì "*Thao còn bận làm tiền...*"

- Thú thật với Thao, tôi không ngờ...

- Anh không ngờ em là đứa phản bội chứ gì? - Thao nói nhanh  
- Cả anh nữa cũng không biết chuyện em bị bắt sao?

- Em bị bắt?

- Đúng thế.

- Vì sao?

- Cũng chỉ vì mấy con gà! - Thao chột mím cười nhìn tôi - Đúng là cũng chỉ tại mấy con gà thật mà. Ngày ấy ở trại tống gia Z7 em nuôi được bao nhiêu là gà. Ngày ngày nhìn những con gà mập ú mà đợi mãi chả có người lên. Thịnh thoảng cáo lại xoi mất một con, nghĩ mà tiếc. Nghe tin trung đoàn thắng lớn, em vừa mừng vừa lo cho ba Liên và anh. Biết dưới mặt trận ăn uống kham khổ, em liền bắt đúng hai chục con gà cống xuống mặt trận làm quà tặng ba Liên và các anh. Nghĩ đến phút

giây được gặp ba Liên và anh, em cứ đi băng băng chẳng biết mệt nhọc là gì. Ai dè em lạc đường bị lính nguy phục tóm sống. Thế là bỗng dưng số phận em chẳng thuộc về bên nào. Bên nguy thì coi em là tù binh, bên cách mạng có người lại bảo em là đảo ngũ, phản bội. Đúng trong lúc tuyệt vọng, em được một người lính nguy cứu em thoát khỏi trại giam của lính. Số phận đời em đã gắn chặt vào gia đình người đã cứu thoát mình. Em trở về đây nuôi ba má anh ấy đã già yếu mà chúng em thành vợ chồng từ đó. Lúc chiến tranh còn là phe này phe kia, bây giờ hoà bình rồi em nghĩ lại ai cũng là dân máu đỏ da vàng mình cả. Cuộc sống bây giờ quá khó khăn, nhất là những tháng không bán được hàng, không có tiền nộp thuế, mấy ông phòng thuế đến hạch sách anh ấy: "*Anh là gia đình gục, liệu đây mà lo thuế cho đầy đủ.*". Thế đó! - Ôi, em mãi nói chuyện mình, quên không hỏi anh xem ba Liên bây giờ ở đâu hả anh?

- Từ ngày đó anh cũng biệt tin không hiểu ông ấy còn sống không.

- Ôi! Nếu ba Liên còn sống có lẽ bây giờ phải lên tướng rồi đấy anh nhỉ? - Giọng Thao bỗng xúc động, nước mắt rơm, rớm - Em hỏi anh vậy thôi, giá mà ba Liên còn sống, em cũng không dám gặp ông. Đời em coi như là hỏng rồi. Em sống là vì chồng em, vì hai ông bà già thân sinh ra anh ấy và vì ba đứa con em. Em cố nuôi dạy chúng trưởng thành anh ạ.

Thao bỗng ngược mắt nhìn thẳng vào tôi. Máu mắt Thao vẫn đen thăm thẳm. Thao đưa tay lựa những trái chôm trôm chín đưa cho tôi:

- Anh ăn chôm chôm đi, thứ này ăn cũng ngon như dâu da đất trong rừng ngày ấy. Anh không thể tưởng tượng bữa em bắt ngờ nhận lệnh ba Liên lên trại tăng gia Z7. Mấy ngày đầu ngồi buồn nghĩ cứ tiếc mãi cây dâu da ấy. Em tưởng tượng những

trái dâu da chín nẫu ra không ai hái, để nó rụng tước xuống đất thật uổng.

Tôi ngồi lặng nhìn Thao bóc chôm chôm rõ khéo - những ngón tay mềm với trái chôm chôm đỏ thắm.

Trong bài: *Nhà văn Dương Hương, người đàn ông ở bên không chồng*, Phùng Văn Khai đã viết như sau:

*“Lao động nhà văn là một lao động tổng hợp, từ khả năng đọc đời sống, sống trong đời sống, cảm nhận và thể hiện nó ra bằng tác phẩm. Viết văn xuôi còn đòi hỏi một sức khỏe bền bỉ và sự say mê nghề nghiệp. Người cán bộ Hải quan - nhà văn Dương Hương luôn hòa đồng là một. Lặng lẽ viết và in sách. Nhận các giải thưởng cao nhất của Hội Nhà văn, Bộ Quốc phòng, tỉnh Quảng Ninh và lặng lẽ ra với biển làm nhiệm vụ của mình để mưu sinh, để thâu nạp đời sống, để viết tiếp. Các đầu sách của Dương Hương từ “Gót son”, “Bến không chồng”, “Trần gian đời người”, “Người đàn bà trên bãi tắm”, “Bóng đêm mặt trời”... và vừa qua là “Dưới chín tầng trời” thấy đều mang đậm phong cách Dương Hương, tức là sự lặng lẽ, khiêm tốn nhưng bên trong tác phẩm mới là những cái ông muốn nói ra, thì rất sâu sắc, rất quyết liệt.”*

Tài liệu tham khảo:

- Dương Hương Web: [nhavantphcm.com.vn](http://nhavantphcm.com.vn)
- *Người đàn bà trên bãi tắm Blog*:  
[duonghuongqn.vnweblogs.com](http://duonghuongqn.vnweblogs.com)

## 25. Ngô Minh



### **Ngô Minh – Ngô Minh Khôi (1949-20 )**

Nhà thơ Ngô Minh tên thật Ngô Minh Khôi, sinh ngày 10 tháng 9 năm 1949 - Kỹ Sư, quê quán ở làng Thượng Luật, xã Ngư Thủy Trung, huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình.

Năm 1972, ông tốt nghiệp Đại học Thương nghiệp Hà Nội vào tháng 9-1972.

Ngày 25-9-1972, đi bộ đội,

Tháng 4 năm 1973, vào chiến trường miền Đông Nam Bộ, thuộc Ban Chính trị Trung đoàn 141, Sư đoàn 7; làm bản tin *Ba Vì* của trung đoàn, cấp bậc Trung sĩ.

Tháng 6.1976, xuất ngũ về Huế, làm Trưởng đại diện báo *Thương Mại* tại miền Trung.

Ông là hội viên Hội Văn nghệ Bình Trị Thiên năm 1978, Hội Nhà văn Việt Nam năm 1987, Hội Nhà báo Việt Nam năm 1979.

## HUỶNH ÁI TÔNG

Ủy viên BCH Hội Liên hiệp Văn học nghệ thuật Thừa Thiên - Huế các khoá 9 (2000-2005), khoá 10 (2005-2010).

Ngô Minh được các giải thưởng văn học:

- Được tặng thưởng thơ hay báo *Nhân Dân* năm 1978 với bài *Nón bài thơ và Hương đất cao Nguyễn*.
- Giải thưởng Trung ương Đoàn - Hội Nhà Văn Việt Nam năm 1982 với bài thơ *Gió tuổi 20*
- Giải thưởng Văn học Bình Trị Thiên năm 1982.
- Được tặng thưởng thơ hay báo *Văn Nghệ Quân Đội* năm 1985 với bài *Ba mươi sáu dây đàn*.
- Giải thưởng Văn học Bình Trị Thiên năm 1987.
- Giải thưởng VHNT Cố Đô (TTH) năm 1989, với tập thơ *Chân dung tự hoạ*.
- Giải thưởng Ủy ban toàn quốc Liên hiệp các Hội VHNT Việt Nam, năm 1996 tập thơ *Chân Sóng*
- Giải thưởng VHNT Cố Đô (TTH) năm 1999) tập thơ *Chân song*
- Giải thưởng VHNT Cố Đô (TTH) năm 2003, với tập thơ *Phù sa biển*
- Giải thưởng Ủy ban toàn quốc Liên hiệp các Hội VHNT Việt Nam năm 2004 tập thơ *Huyền thoại Cửa Tùng*.
- Giải thưởng VHNT Cố Đô (TTH) năm 2009, với tập thơ *Huyền thoại Cửa Tùng*.
- Giải thưởng cuộc thi Đây biển Việt Nam năm 2012, với bài thơ *Nghe trẻ hát ở Trườn Sa*, do báo ViệtNamNet-Hội Nhạc sĩ-Hội Nhà văn Việt Nam cùng tổ chức.

Hiện nghỉ hưu ở tại 11/73 Phan Bội Châu, Huế.

Tác phẩm:

- *Phía nắng lên* (thơ, 1985)
- *Chiếc lá biết đi* (thơ thiếu nhi, in chung, 1987)

## VĂN HỌC VIỆT NAM CẬN VÀ HIỆN ĐẠI IV

- *Chân dung tự hoạ* (thơ, 1989)
- *Nước mắt của đá* (thơ, 1991)
- *Chân sóng* (thơ, 1995)
- *Quà tặng xứ mưa* (thơ, 1996)
- *Đứa con của cát* (thơ, 1998)
- *Văn hoá kinh doanh thời đổi mới* (văn, Thuận hoá, 2000)
- *Nắng mặn* (thơ thiếu nhi, 2001)
- *Phù sa biển* (thơ, 2001)
- *Chuyện làm ăn thời hội nhập* (tập báo chí chọn lọc, Thuận Hoá, 2002)
- *Ăn chơi xứ Huế* (bút ký ẩm thực, 2002)
- *Nhớ Phùng Quán* (biên soạn, Trẻ, 2003)
- *Chuyện làng thơ* (tiểu luận - bút ký thơ, Lao Động, 2004)
- *Huyền thoại Cửa Tùng* (thơ, 2004)
- *Lệ Thuỷ mút mùa* (thơ, 2005)
- *Đất Thiêng* (ghi chép, 2005)
- *Phùng Quán - Ba phút sự thật* (tổ chức bản thảo, giới thiệu, Văn Nghệ 2006),
- *Chuyện tử tù Lê Quang Vịnh* (ký sự, Văn nghệ 2007)
- *Phùng Quán còn đây* (suu tầm, cùng biên soạn cùng, Văn Nghệ, 2007)
- *Thơ tặng* (thơ, Hội Nhà Văn 2007)
- *Gọi lá* (thơ, Thuận Hóa 2008)
- *Hồn quê trầm tích* (Thuận Hoá, 2010)
- *100 ngày vượt Trường Sơn* (ký, 2010)
- *Cổ tích tàu không số* (Hội Nhà văn, 2011)
- *Ký tự biển* (Thuận Hóa, 2013)

Trích văn:

### Vài suy nghĩ về thơ tân hình thức

Tạp chí Sông Hương có ý định tổ chức cuộc hội thảo về thơ Tân hình thức trong tháng 11-2013. Tổng biên tập mời tôi viết bài tham luận. Nhưng cuộc hội thảo đến nay vẫn chưa tổ chức

được, không rõ lý do gì. Nên xin công bố bản tham luận để những người yêu thơ cũng chia sẻ. Bản mệnh của thơ là phải luôn luôn mới. Mới ý để sâu hơn, mới tứ để bất ngờ hơn, mới thi ảnh để lung linh hơn, mới chữ để cuốn hơn, mới cấu trúc để lạ hơn, mới nhịp điệu để lay động hơn... Thơ Việt Nam trăm năm qua đã qua rất nhiều sự chuyển động hướng đến sự mới. Từ thơ Nôm, thơ Đường đến Thơ Mới, rồi thơ trừu tượng, thơ siêu thực... Trong đó sự ra đời của thơ Mới là một cuộc cách mạng thơ thực sự. Ngày 10 tháng 3 năm 1932, bài thơ Tình già của Phan Khôi ra mắt bạn đọc trên báo Phụ nữ tân văn số 122 được xem là bài thơ mở đầu cho phong trào Thơ mới. Ngay sau đó, cuộc tranh luận giữa lối thơ mới và thơ cũ diễn ra vô cùng gay gắt, quyết liệt. Mãi đến năm 1941, cuộc tranh luận mới chấm dứt bằng sự thắng thế của thơ mới, khép lại mấy trăm năm thống trị của thơ Đường. Chỉ 10 năm thôi, Thơ Mới đã tự khẳng định mình mà chiếm lĩnh văn đàn với sự ra đời của Thi nhân Việt nam của Hoài Thanh- Hoài Chân và kéo dài đến tận hôm nay. Đó là thời kỳ vàng son của thơ Việt Nam. Thơ Mới bắt nguồn từ thơ Pháp, nhập vào hồn các thi sĩ Việt để thành tâm thức, tâm cảm, tâm tình. Về hình thức, thơ Việt bắt đầu từ lục bát, song thất lục bát, rồi đến thơ ngũ ngôn, thất ngôn, bát ngôn, rồi thơ tự do không vần của Nguyễn Đình Thi, Thanh Tâm Tuyền, thơ bậc thang của Hữu Loan, Trần Dần, Trần Mai Ninh, thơ tượng trưng, siêu thực của Ngô Kha, Hàn Mặc Tử, thơ tự do của Chế Lan Viên, Nguyễn Quang Thiều..., rồi thơ văn xuôi..., thơ Rokc, thơ Rap, thơ sắp đặt, thơ tân hình thức của nghệ thuật đương đại. Hiện nay các nhà thơ Việt Nam vẫn sáng tác thơ theo nhiều hình thức, có rất nhiều bài thơ hay, nhưng không có một cuộc cách mạng tôn vinh một trường phái thơ nào xảy ra cả.

Vậy THƠ TÂN HÌNH THỨC có phải là một cuộc cách tân thơ Việt? Đọc và cảm nhận về Thơ Tân hình thức (THT), tôi thấy đã có một kết nối, một lĩnh xướng, một phụ họa. Những năm 90 của thế kỷ XX, thơ THT ra đời. (Theo nhà phê bình Đặng Tiến,



tên Tân Hình Thức dịch từ tiếng Anh New Formalism, một trường phái thơ Mỹ, thịnh hành những năm 1980 – 1990 ). Nó được các nhà thơ Việt ở Hải ngoại, đặc biệt là nhà thơ Khê Iêm nhiệt liệt hưởng ứng và “chuyên lửa về quê nhà”. Khê Iêm chủ trương tạp chí THỞ 20 năm nay đăng nhiều thơ THT, lập trang thotanhinhthuc.org để đăng thơ, giới thiệu tác giả, bàn luận. Anh còn bàn luận, suy tư, giới thiệu về thơ THT trong các tác phẩm Vũ điệu không vần – Tứ khúc và những tiểu luận khác, Tân Hình Thức ( nxb Văn Mới, 2003). Ở trong ước, nhà thơ Inrasara hết sức cổ vũ rất nhiệt tình cho thơ tân hình thức. Trên Inrasara.com mở chuyên mục Thơ tân hình thức Việt . Anh còn tổ chức tọa đàm Thơ tân hình thức Việt, nhìn từ tiến trình văn học đương đại Việt Nam tại Salon Văn hóa Cà phê Thứ Bảy Sài Gòn. Trước đó, hai tạp chí cũng thử nhập cuộc bàn về tân hình thức. Tạp chí Sông Hương, số 280, 6-2012, có chuyên đề về thơ tân hình thức; sau đó ít lâu tạp chí này đã làm số đặc biệt về thơ tân hình thức vào tháng 12-2012. Đây là tạp chí Văn học nghệ thuật đầu tiên trong hệ thống báo chí văn nghệ Việt Nam giới thiệu thơ THT. Rồi báo Nghệ Thuật Mới do Nguyễn Quang Thiều tổ chức, số 8, 9-2012, có bài phê bình về thơ tân hình thức. Và hôm nay, cuộc hội thảo do Tạp chí Sông Hương tổ chức.v.v...Như vậy đã có một quá trình tổ chức, vận động, cổ vũ. Cho đến nay, đã có ba tập Thơ Hình Thức đã xuất bản: Trong nước: Đoàn Minh Hải, Đại Nguyên của Đá, 2002. Tại Hoa Kỳ: Lưu Hy Lạc, 26 Bài Thơ Tân Hình Thức, Giọt Sương Hoa, 2002; Hà Nguyên Du, Gene Đại Dương, nxb Tạp Chí Thơ, 2003... Tất cả những khởi động bên bỉ, nhẫn nại trong 20 năm qua đã khẳng định một khái niệm, một niêm luật, một phong trào và một đội ngũ. Người Việt làm thơ THT ngày càng nhiều. Ở hải ngoại có Khê Iêm, Nguyễn Đăng Thường, Đỗ Kh , Phan Tấn Hải Nguyễn thị Thanh Bình , Mai Ninh , Trọng Tuyên, Lưu Hy Lạc và Phan Nhiên Hạo... Trong nước có Đoàn Minh Hải, Huỳnh Huỳnh Lê Nhật Tấn , Hường Thanh , Nguyễn Thới Đồi , Xuân Thủy . Chu Thụy Nguyên , Lê Hưng Tiến , Nguyễn Họa, Thiên Đăng, Nguyễn Tất Độ , Trần Vũ

## HUỶNH ÁI TÔNG

Liên Tâm, Lý Đợi, Hà Huy Phương, Huy Hùng , Hồ Đăng Thanh Ngọc, Phạm Nguyên Tường.v.v.. Xem ra, các nhà thơ THT Việt đã thành một đội hình, một cuộc khởi hành, đi tới.

Tôi là người chưa bao giờ làm bài thơ THT nào . Năm ba năm trước, tôi không quan tâm đến Thơ Tân Hình Thức. Tôi thấy nó “gò bó” trong một luật lệ đơn sơ, lại “nhạt” vì thơ ấy ít làm cho người đọc xúc động. Tôi quan niệm đã là thơ, dù sáng tác theo trường phái, phong cách nào, mục tiêu cốt lõi là làm cho độc giả yêu thơ xúc động, cười khóc, nổi da gà theo từng tứ thơ, thi ảnh. Theo luật chơi, Thơ THT có bốn đặc điểm: tính kể (dễ hiểu và liền mạch), vắt dòng (để kiểm soát hơi thở, định dạng cho thơ, phân biệt với văn) kỹ thuật lặp lại (để tạo ra nhịp điệu, nhạc tính) và ngôn ngữ đời thường , vì thế sức biểu cảm bị hạn chế. Nhưng rồi dần dà đọc thơ Tân Hình Thức trên Tạp chí Sông Hương, thơ Khế Iêm, tôi thấy nhiều câu thơ lạ, day dứt, có những bài thơ ám ảnh, chữ vắt dòng đột ngột, tạo nên sự thú vị về chữ, câu. Ví dụ các câu thơ THT rất ảo: Có những nỗi nhớ mơ / hồ đọng lại ( Hường Thanh HÀNG CÂY); Nỗi nhớ mơ /( vắt dòng) hồ đọc lên nghe băng khuâng hơn nỗi nhớ mơ hồ ( không vắt). Hay những câu thơ khác : Có những đêm không ngủ như đêm nay /Không thể ngủ tôi loay hoay đi từ ( Nguyễn Thới Đồi- Đêm loay hoay) ; Con cá lãng tử con /cá si tình con cá ( Chu Thụy Nguyên -CON CÁ CHẾT ) ; Để con đội gánh từng sợi /đêm treo ngược thời gian rao (Lê Hưng Tiến -NGỤ NGÔN CỦA ĐẾ )...Những câu thơ vắt dòng làm cho thi ảnh lạ hẳn đi.

Hay bài thơ Bóng của Thiên Đãng, chỉ có mấy hình ảnh đơn giản: cái bóng đàn ông, cái bóng đàn bà, chiếc giường... thế mà tác giả đã sáng tạo nên bài thơ ngũ ngôn 5 khổ như một ảo ảnh: hai cái bóng kia cái /bóng của người đàn bà / và bóng của người đàn / ông hai cái bóng ở / trên tường gần nhau thật/... ở trên giường hai cái / bóng bất động người đàn / ông và người đàn bà / gần thật gần bất động... Hay bài thơ Những con chữ

ngậy lò cò của Lê Hưng Tiên, bằng kỹ thuật Thơ THT và thi tài của mình, tác giả trẻ Ninh Thuận này đã tạo được bài thơ như một bức tranh trù tượng, đa sắc màu rất đẹp, rất thơ : khát vọng tức tưới máu xông từ / đầu mắt tay khi đỉnh điểm thái / dương loe lóe những con chữ bỗng / hiển linh thì nắng được tắm liệm / trong suốt, trong suốt. Trong và suốt!.. Như vậy thơ THT đã có kết hạt trong lòng người đọc !

Thơ THT sử dụng tuyệt đối các “hình thức thơ cũ”(thơ Mới) như lục bát (6,8), thất ngôn tứ tuyệt (4x7), thơ 5 chữ, thơ 8 chữ, vãn vãn, nên không xa lạ với người đọc. Không thuộc loại “thơ khó”. Thơ THT thể hiện theo thể loại thơ không vận ứng dụng những kỹ thuật cơ bản của TTHT (vất dòng, kỹ thuật lập lại, tính truyện và ngôn ngữ đời thường), nên nhịp điệu hoàn toàn khác với thơ cổ điển. Mỗi dòng như thơ cổ điển, gồm 5,6, thường là 7, 8 chữ (âm), có khi là lục bát, có thể xếp thành khổ 4 (hay nhiều) dòng. Cứ đến số chữ quy định là xuống dòng, không cần tôn trọng cú pháp .Để xây kết câu nói, các tác giả thường kể chuyện đời thường, thông tục, có khi tục, của người bình thường sử dụng hằng ngày, trong sinh hoạt cụ thể, nên dễ hiểu, dễ đi vào lòng người yêu thơ. Đó là thể mạnh của thơ Tân Hình thức.

Tất nhiên, trong thơ THT, tôi thấy nhiều bài (có thể nói là đa số) còn kể chuyện đơn giản, vãn xuôi sơ sài, thiếu chất thơ. Vất dòng là thành tố cốt lõi nhất trong toàn bộ kỹ thuật THT, nhưng có nhiều nhà thơ vất dòng không đắt, nên hiệu quả câu thơ bị hạn chế . Chẳng hạn, bài thơ “Tĩnh vật” : Li rượu được đẩy qua/ đẩy lại trên bàn, bàn/ tay cầm li rượu thay / đổi tốc độ di chuyển / ban đầu của li rượu... / nhanh đến chóng mặt, bàn / tay cầm li rượu tỉ / lệ thuận với tốc độ...(dấu “/” là vất dòng).Đó là câu vãn xuôi thuần túy, nó đơn giản, không thơ. Có thể dẫn ra hàng ngàn bài thơ THT không hay như thế.

## HUỶNH ÁI TÔNG

Thơ THT không xa lạ với thơ Việt, thậm chí không còn mới đối với thơ Việt. Nghĩa là trong thơ Việt từ thời tiền chiến đã có những yếu tố của Tân hình thức. Nhất là yếu tố vắt dòng (ngắt dòng). Theo nhà phê bình Đặng Tiến, thì: "Kỹ thuật vắt dòng, hay bắc cầu thường gặp trong Thơ Mới, là một kinh nghiệm tiếp thu từ thơ Pháp, làm nổi bật một từ ngữ, hình ảnh nào đó. Đền Bích Khê (1915-1946) thì lối vắt dòng trở thành một thi pháp toàn diện, có giá trị thẩm mỹ riêng". Trong bài thơ Duy Tân (1941), Bích Khê vắt dòng:

*Người họa điệu với thiên nhiên, ân ái  
Buồn, và xanh trời. (Tôi trôi với bờ  
Êm biếc - khóc với thu - lời úa ngô  
Vàng - Khi cách biệt - giữa hồn xây mộ -  
Tình hôm qua - dài hôm nay thương nhớ...)*

Nhà thơ Chế Lan Viên trong bài thơ Tập Qua Hàng cũng "vắt dòng" rất thiện nghệ :

*Chỉ một ngày nữa thôi. Em sẽ/  
Trở về. Năng sáng cũng mong. Cây /  
Cũng nhớ. Ngõ cũng chờ. Và bướm '  
Cũng thêm màu trên cánh đang bay/*

Đặc biệt trong trường ca tặng Đại tướng Võ Nguyên Giáp, Bút Tre Đặng Văn Đăng có hai câu thơ xuất thần, đột khởi làm nên thương hiệu Bút Tre lưu truyền hậu thế và tạo nên nhiều thế hệ Bút Tre mới sau này. Đó là câu lục bát vắt dòng theo lối THT :

Hoan hô đại tướng Võ Nguyên/ Giáp ta thắng trận Điện Biên  
trở về

Trong lịch sử thơ lục bát Việt Nam chưa có ai ngắt nhịp 6/8 chia đôi họ tên một người nổi tiếng như thế cả. Võ Nguyên / Giáp ta - Cách vắt dòng , ngắt nhịp trong thơ lục bát như thế

gây nên tiếng cười sảng khoái và ám ảnh. Vì chưa hiểu “Phong cách Bút Tre”, nên nhiều nhà thơ chuyên nghiệp, nhiều nhà quản lý văn hóa đã cho rằng thơ như thế là thô thiển, văng mạng, là vô lễ với Đại tướng.v.v.. Thực ra đó là Tân hình thức Nhưng càng đọc, càng ngẫm, mới thấy với cách ngắt nhịp câu lục bát rất ga-lăng và bạo dạn ấy, Bút Tre đã bắt được cái hồn dân gian Việt với cái chữ “ta” tài tình, làm giàu có thêm cho thơ Việt: “Giáp ta thắng trận Điện Biên trở về”. “Giáp ta” cũng như Tổ quốc ta, dân ta, nước ta.v.v.. Trong thơ “Hậu Bút Tre” có câu rất Tân hình thức: Anh đi công tác Pley / Ku dài dằng dặc biết ngày nào ra . Tác giả dân gian cũng ngắt tên địa danh Pley-ku trong câu thơ rất điệu nghệ. Theo Đặng Tiến trong bài “Thơ Tân hình thức- nhịp đập của thời đại”, người làm thơ THT đầu tiên ở Việt Nam là Nguyễn Văn Vĩnh, khi năm 1914 ông hạ bút viết câu ‘Ve sầu kêu ve ve’, là tân hình thức hết cỡ. Bài Ve và kiến cụ Nguyễn Văn Vĩnh dịch thơ ngụ ngôn của La Fontaine : Vác miệng chịu khúm núm /Sang chị kiến hàng xóm /Xin cùng chị cho vay / Dăm ba hạt qua ngày...

Thế là THT thức đã được kiểm chứng, đã có thành quả, kết tụ. Việc dòng thơ ấy có phát triển tiếp hay không, không phụ thuộc vào tính chất của thể thơ mà phụ thuộc vào những người theo đuổi và thực hành nó . Nhưng có lẽ những người chủ trương phát triển hơn nữa phong trào thơ Tân hình thức như Inrasara, Khê Iêm cũng phải nghĩ cách “cải tiến” để thơ THT phát triển hơn nữa. Để cho Thơ THT chinh phục được đọc giả, tự bản thân trong quy ước của nó phải có sự thay đổi. Trong 4 yếu tố quy ước câu trúc của thơ THT, tôi thấy cần phân biệt thơ với văn xuôi. Đây là một vấn đề khá nhập nhằng. Nhìn bề mặt, chỉ có 1 điểm duy nhất trong bốn điểm nêu trên là có thể phân biệt thơ tân hình thức với văn xuôi: đó là vắt dòng . 3 đặc điểm còn lại :tính kể - kỹ thuật lặp lại - ngôn ngữ đời thường thì hoàn toàn giống nhau, văn xuôi cũng có. Nên chẳng giảm những yếu tố này đi một mức nào đó, để cho câu thơ thơ hơn,

nhòe hơn. Thứ nữa, thơ phải có nội dung, nếu không thì chỉ là cái vỏ không có khóa mở; hoặc không có gì phải mở.

Cuối cùng là làm sao để Thơ Tân hình thức được đưa vào nhà trường ? Các thế hệ học trò Việt Nam trong nhà trường dễ dàng đón nhận thơ Mới của Xuân Diệu, Huy Cận, Chế Lan Viên... Còn bây giờ hai, ba thập kỷ đã trôi qua, sinh viên Đại học khoa Văn vẫn còn xa lạ với các trào lưu thơ đang xảy ra trên thế giới như hậu hiện đại, tân hình thức. Phải lôi cuốn họ vào cuộc chơi THT. Nếu không, sẽ không có đổi mới thơ. Muốn thế thơ Tân hình thức phải hay hơn, tư tưởng lớn hơn, thi ảnh đẹp hơn.

Tôi ủng hộ việc đưa các trào lưu thơ đương đại thế giới như tân hình thức, hậu hiện đại vào Việt Nam. Nhưng tôi luôn phản đối một số người cho rằng làm thơ đương đại mới là nhà thơ hiện đại, thơ mới hay. Rồi từ đó kéo bè nhóm xung tưng, trao thưởng cho các tác phẩm thơ đương đại, cho đó là chuẩn mực của thơ Việt, như thời gian vừa qua. Thơ đương đại hay tân hình thức không đồng nghĩa với thơ hay. Đừng nhầm lẫn điều này.

Tôi nghĩ, thơ THT vẫn còn nhiều khoảng trống cho sự mở rộng và phát triển, đi lên của mình. Thơ là tâm sự, tâm tình của người sáng tạo thơ. Bất kỳ một thể loại thơ mới/ phong trào sáng tác nào cũng cần có những trao đổi, bàn luận để góp phần đưa ra những ý kiến, góp ý để nó phát triển tốt hơn. Độc giả luôn mở lòng. Hãy làm cho thơ THT hay hơn, có sức chinh phục hơn mới chinh phục được người đọc.

Trích thơ:

*Trước mộ cụ Phạm Quỳnh*

*Truyện Kiều còn*

*Tiếng ta còn*

*Tiếng ta còn*

*Nước ta còn*

Lời cụ nói như chân dung cụ tạc vào lịch sử

Tạc vào tim con cháu Việt muôn đời

Lời cụ nói đã thành sự thật

Cụ ơi

Phạm Quỳnh không chết

Phạm Quỳnh còn đây

Như chuông chùa Từ Đàm, Vạn Phước

Vang ngân đêm ngày

Con xin cúi đầu bắt chước cụ:

Tiếng ta còn

Nước ta còn

Nước ta còn

Phạm Quỳnh còn !

*(Chùa Vạn Phước 29 Tết Giáp Ngọ)*

**Tưởng niệm Văn Cao**

*ngang mày*

*chén Tiên*

*nhấp*

*thời gian gọi ông bằng ANH*

*bởi chưng rượu trẻ!*

*ông gầy như cái vỏ chai*

*bảy mươi hai năm đầy vơi mắt rượu*

*bảy mươi hai năm không đưng lần thứ gì*

*ngoài men  
và lửa*

*ai đã từng cụng chén ông mời  
ai được rót vào chai gầy từng xi  
sông Huế lạnh đêm đàn  
Thiên Thai Lưu Nguyễn lạc...*

*đời gọi ông: Tiếng Gà Báo Thức  
ông: Lá rớt Hồn thu  
ông: Bên trời Giọt Tháp  
ông: Sum suê Như Mùa*

*nhưng ông chẳng nói gì  
lặng nâng chén ngang mày  
và nhấp*

*Văn Cao  
chàng Quốc lụi Hồn Quê  
giữa khung trời  
ngồi như nốt nhạc...*

### **Hà Nội mùa đông**

Cùng người đẹp Thanh Hương đến thăm Phùng Quán

*Đường dài bước tỉnh bước say  
Mùa đông Hà Nội chiều nay anh về  
Mắt ơi long lanh điều gì  
Buốt tê là tiếng thầm thì bên em*

*Thơ Lầu Ngắm Sóng cầm lên  
Tóc vương như sợi rét mềm buộc nhau  
Một lời thừa với mai sau  
Chút tình đơn lẻ cũng giàu ngày đông*



Rời mai chết giữa má hồng  
Lúm đồng tiền ả se lòng phố xưa...

Co ro đường sáu nhớ mùa  
Sông Hồng đắp áo nằm mơ dáng Kiều  
Hương se gió ngọt xiêu xiêu  
Cành đông Hà Nội trắng điều nhớ nhung

Lạy trời anh được về cùng  
Phố Hương thường trú mùa đông đời mình...

### Miền Tây

miền Tây sông rạch là phố  
cho người róc rách tìm nhau  
Cửu Long giang như chùm rễ được  
cắm vào thời gian cho đất thành người

miền Tây lạ lòng anh đến  
chim kêu cá quẫy bốn bề  
biết em còn chờ nơi cửa gió  
anh là Gò Nổi sóng dâng

miền Tây lục bình khoe tím  
phù sa điên điển khoe vàng  
trước cõi U Minh thăm thăm  
anh là đứa trẻ cạn nông

miền Tây giữa lòng sông nước  
sum suê hương rễ gọi mời  
đêm cuối cùng nghe sóng phà Rạch Miễu  
biết chín cửa sông vây bủa anh rồi...

### Trước ngôi nhà cửa đóng

HUỶNH ÁI TÔNG

Tặng thi sĩ Lê Đình Ty

*tôi đã đến và ngôi nhà cửa đóng  
cây đình lặng không biết trả lời  
đồng cày ải mạ chưa cắm xuống  
gió yêu đương cuốn bạn đi rồi ?*

*giếng nước soi bạc xám khung trời  
tôi gặp tôi ở tận cùng sâu thẳm  
ở tận cùng ước ao không gặp bạn  
những tàu dừa đùa gió vu vơ*

*đêm qua còn gặp bạn trong mơ  
nụ cười xanh sáng làn mây bạc  
rượu uống đến say mềm. Và hát  
lời ngang tàng mà chân thật cao sâu*

*giờ cửa đóng rồi biết tìm bạn nơi đâu  
trời rộng thế bà đường đi trăm nẻo  
ngã ba sông đã tàn phiên chợ Tréo  
tôi lỡ làng một chuyến đò sang*

*thế là đành hát với thời gian  
hát với ngôi nhà lặng im cửa đóng  
bạn tìm tình yêu. Tôi tìm trống vắng  
gió tìm nhau nên lỡ hẹn suốt đời...*

### **Đà Lạt thu**

*Đà Lạt ơi  
nắng quỳ vàng  
xôn xao như gọi  
thu sang bên này  
long lanh mắt ướt  
thu cười*

*cho anh mơ tận cuối trời rong rêu*

*chập chùng  
thu rót rượu yêu  
mềm môi còn khát  
bao điều nhớ quên  
lạch nguồn róc rách gọi tên  
tiếng thu ú ớ  
chim miền chơi vơi  
thu ơi  
tượng đá không lời  
giếng sáu cỏ khát  
trăng đòi ngậm sương*

*Đêm qua  
trắng nõn linh hồn  
giấc mơ hoá bướm  
thu còn  
thiên thu...*

(Nguồn: báo *Thanh Niên* chủ nhật ngày 21-10-2007)

### **Ba mươi tháng tư ấy...**

*30 tháng Tư ấy  
cờ hoa và nước mắt  
dép cao su lấm đất đỏ miền Đông  
mũ tai bèo còm vắt  
đơn vị con vào Dinh Độc Lập*

*30 tháng Tư ấy  
nghe đài loan tin giải phóng Sài Gòn  
ở góc biển Quảng Bình heo hút  
mạ đánh rơi chiếc cuốc góc vườn  
rồi òa khóc như trẻ nhỏ*

HUỶNH ÁI TÔNG

nước mắt già mặn chát biển cô  
lông lạnh như cát  
không kịp rửa chân tay  
mẹ cầm ảnh con chạy khoe khắp xóm giềng  
nắng đỏ

30 tháng Tư ấy  
em vượt vệt bờ tóc cháy  
mười năm trời em lại soi gương  
gió động cửa  
mắt nhòe bối rối...

30 tháng Tư ấy  
sách nào chép hết  
niềm vui nỗi đau mỗi đời riêng  
như khúc nhạc chín trong lòng ngực  
đụng hồ lại rung lên...

**Chiều Huế nhớ Trịnh Công Sơn**

Chiều mong manh quá nắng vàng ối  
lá hát đời sông tóc trắng trời  
thân gầy bóng đổ dài phương gió  
người thôi thoáng chốc đã mù khơi

hạt bụi nào hoá kiếp thân tôi...  
hàng cây long nã lóng lánh lời  
tình non tơ thế chan chứa thế  
chuông nguyện bên trời Phú Cam rơi...

mắt ướt ai ngời không quán vắng  
nghe mình thập thững dắt hồ đi  
vào cõi u minh trong suốt tấm  
đời say ảm lạnh khúc tình chia

*ngày ơi ngày ngày mong manh quá  
người bỏ ta đi hạ trắng rồi  
xin níu sợi chiều giăng Bến Ngự  
chú để du ca đã cất lời...*

(Nguồn: báo *Thanh Niên* chủ nhật ngày 1-4-2007)

### **Hà Nội hương**

Tặng Lan Hương

*Hà Nội mùa này... ngân nga câu hát  
Huệ Hương thơm ngát ngưỡng phố chiều  
Tóc như bão cuốn anh vào cõi khát  
Nghìn năm ơi, ngời ngời thế này sao!*

*Em thì thầm em nói cười thảng thốt  
Em gọi tên cho anh biết có mình  
Trái tim anh bao năm ngừng đập  
Bóng chiều nay hồi hộp tái sinh*

*Ta dìu nhau đêm Tây Hồ gió  
Hà Nội mùa này đầy chặt chỗ yêu  
Nào cạn chén sương đêm trắng quá  
Anh ngụp chìm trong suối rong rêu*

*Anh nép vào dãy thì Hà Nội  
Nghe tim mình trống hội mùa say  
Em biết không, chỉ thế thôi cũng đủ  
Huệ Hương anh Hà Nội mùa này...*

**Hoàng hôn trên quảng trường Thiên An Môn**

HUỶNH ÁI TÔNG

hoàng hôn ảo chợt vàng chợt tím  
chợt đỏ bầm màu máu dần loang  
quảng trường rộng bóng người như kiến  
Thiên An cửa đóng im lìm

gió vừa hú hay tiếng người đất vọng  
hay tiếng xích xe nghiền hồn người  
những quầng nắng bốc lên trời đỏ rưng  
bao nhiêu mưa để gột rửa, người ơi

Cố Cung trăm năm ngai vàng trống vắng  
sao còn say quyền lực bạo tàn

hoàng hôn thức triệu nghìn  
nén thấp  
lưng lững bóng ai như những  
oan hồn

tôi bước vội cùng người về  
phố chật  
mong qua đêm cho nắng sáng quảng trường

(Bắc Kinh, 11-5-2005)

**Về ăn tết Huế**

nắng về ăn tết Huế  
vàng mai vàng sân vàng phố vàng chùa  
rưng rưng ánh cấm cảnh nắng mới  
lên chỗ mình ngôi Xuân xưa

sương về ăn tết Huế  
lùng thom khói bánh giao thừa  
mưa xuân the vị mứt gừng lên tóc  
rêu Hoàng thành còn mắc lối sương qua

*người về ăn Tết Huế  
tập ăn trâu đố má đố môi  
người cắn hạt dưa người chờ câu hện  
thẻ xăm chùa khúc khích ngày mai*

*rủ nhau về ăn tết Huế  
ngàn thông thấp nền sang mùa  
Hương Giang trăm năm vua ngự  
vẫn giòn như thuở còn chưa...*

(Nguồn: *Kiến thức ngày nay* xuân Tân ty 2001)

### **Với Xuân Sách chiều biển Vũng Tàu**

*Anh cười lăn nếp trán  
Cười rung sóng trắng mây trời  
Gió vô hồi như gọi  
Hai mảnh chiều phơi phơi*

*Câu bảo làm sao vẽ  
Hết chân dung một thời  
Những kỳ không biến ảo  
Mặt nạ cười càng tươi*

*Thôi uống đi, đừng nghĩ  
Chưa say sao biết buồn  
Nhưng tỉnh rồi lại thấy  
Cuộc đời tức cười hơn...*

*Thôi cụng ly với biển  
Say có sóng vượt ve  
Thơ phú người nhạt thếch  
May còn biển gọi về...*

(Vũng Tàu, 2004 )

Trong bài: Cái tôi trữ tình trong thơ Ngô Minh, Thạc sĩ Nguyễn Thị Bích Kiều đã viết:

*“Từ những năm tháng đất nước còn trong chiến tranh, nhà thơ Ngô Minh đã thể hiện cái tôi trữ tình ngợi ca, tự hào về quê hương, đất nước, con người. Khi hòa bình lập lại, cái tôi trữ tình lúc bấy giờ đi sâu vào đời tư, thế sự, để khám phá những miền sâu xa trong cõi tâm linh, sâu thẳm của con người. Cái tôi ấy thể hiện nỗi buồn đau nhân thế, chứa đựng giá trị nhân văn cao cả. Ngô Minh mong muốn được chia sẻ, cảm thông, thấu hiểu hơn với tình đời, tình người. Đó cũng là nỗi trăn trở, suy tư của nhà thơ về tha nhân, từ đó, rút ra những triết lý sâu sắc về cuộc đời. Cái tôi triết lý đã được đúc kết từ sự trải nghiệm của bản thân, từ những chiêm nghiệm, nghĩ suy; do đó rất mực chân thành và cảm hóa tâm hồn bao người. “*

Tài liệu tham khảo:

- Ngô Minh Web: [nhavantphcm.com.vn](http://nhavantphcm.com.vn)
- Vài suy nghĩ về thơ Tân hình thức Web: [trannhuong.com](http://trannhuong.com)



## 26. Lâm Thị Mỹ Dạ



### Lâm Thị Mỹ Dạ (1949-20 )

Lâm Thị Mỹ Dạ sinh ngày 18 tháng 9 năm 1949 tại huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình. Thân phụ là ông Lâm Thanh, người Việt gốc Hoa, mẹ là người Huế.

Ông Lâm Thanh đã từng tham gia Việt Minh, đến năm 1949 vào Sài Gòn sinh sống.

Năm 1954, ông định đưa cả gia đình vào đây nhưng vợ ông, bà Lý Thị Đấu không thể mang Lâm Thị Mỹ Dạ đi theo được vì phải chăm sóc mẹ già và em gái. Sau khi đất nước thống nhất ông đã được nhận bằng khen của Thủ tướng chính phủ vì đã có công với cách mạng trong thời gian sinh sống ở Sài Gòn nhưng trong suốt thời gian trước đó, ở quê ông bị cho là "theo địch vào Nam".

Mẹ Lâm Thị Mỹ Dạ đã từng học tiểu học bằng tiếng Pháp, thời còn trẻ đã từng bán hàng cho các đồn lính Pháp nên khi cải cách ruộng đất bà bị quy là do "địch cài lại" và bị đấu tố. Cộng

## HUỶNH ÁI TÔNG

thêm với việc ông nội là đại địa chủ nên trong những năm tuổi thơ, Lâm Thị Mỹ Dạ sống trong nghi kỵ, xa lánh của bạn bè, người quen. Mặc dù đã học xong cấp III nhưng Lâm Thị Mỹ Dạ không được học tiếp bậc cao hơn do vấn đề lý lịch.

Sau khi tốt nghiệp cấp 3, Lâm Thị Mỹ Dạ làm việc tại *Ty văn hóa* Quảng Bình,

Từ năm 1978 đến năm 1983, Lâm Thị Mỹ Dạ học Trường viết văn Nguyễn Du. Sau đó, làm phóng viên, biên tập viên tạp chí *Sông Hương* của Hội liên hiệp Văn học nghệ thuật Thừa Thiên - Huế.

Lâm Thị Mỹ Dạ là ủy viên Ban chấp hành Hội Văn học Nghệ thuật Thừa Thiên - Huế, hội viên Hội Nhà văn Việt Nam, ủy viên Ban Chấp hành Hội Nhà văn Việt Nam khóa III, ủy viên Hội đồng thơ Hội Nhà văn Việt Nam khóa V. Chồng bà là Hoàng Phủ Ngọc Tường cũng là một nhà văn, nhà thơ.

Năm 2005, một tập thơ gồm 56 bài do Lâm Thị Mỹ Dạ tự tuyển chọn trong những tập thơ của bà đã xuất bản, được nhà xuất bản Curbstone Press dịch sang tiếng Anh và phát hành tại Mỹ.

Nhà thơ Lâm Thị Mỹ Dạ được các giải thưởng:

- Giải nhất cuộc thi thơ báo *Văn nghệ* năm 1973.
- Giải thưởng Văn học của Hội Nhà văn Việt Nam 1981 - 1983.
- Giải A của ủy ban toàn quốc Liên hiệp Văn học Nghệ thuật Việt Nam năm 1998 với tập thơ *Đề tặng một giấc mơ*
- Giải thưởng Nhà nước về Văn học nghệ thuật năm 2007.

Từ cuối năm 2011, cùng với chồng vào Sài Gòn sống với gia đình con gái lớn.

Tác phẩm:

- *Trái tim sinh nở* (thơ, 1974)
- *Bài thơ không năm tháng* (thơ, 1983)
- *Danh ca của đất* (truyện thiếu nhi, 1984)
- *Nỗi nhớ con đường* (in với Ý Nhi, Văn Học, 1984)
- *Nai con và dòng suối* (truyện thiếu nhi, 1987)
- *Phần thưởng muôn đời* (truyện thiếu nhi, 1987)
- *Hái tuổi em đây tay* (thơ, 1989)
- *Mẹ và con* (thơ, 1994)
- *Đề tặng một giấc mơ* (thơ, 1998)
- *Hôn đây hoa cúc dại* (thơ, 2007)

Trích văn:

### **Nhớ anh Sơn**

Bài thơ về chú ve sầu

*Tưởng nhớ nhạc sĩ Trịnh Công Sơn*

Tôi nhớ đó là một buổi sáng mùa hè năm 1976, khi tôi đi đến công hội Văn nghệ cũng vừa lúc anh Sơn bước ra khỏi quán cà phê bên đường. Hôm ấy là ngày đầu tuần, cơ quan sắp giao ban. Chúng tôi đang đứng nói chuyện để đợi giờ vào họp, bỗng một chú ve từ trên cao rơi xuống chân tôi. Tôi tò mò nhặt con ve lên, nó không còn hát.

Anh Sơn nhìn con ve một lúc rồi nói :

- Vậy là hết rồi !
- Cái gì hết ? , tôi hỏi.
- Đòi con ve đã hết, có lẽ chỉ một lát nữa thôi.

Nói rồi anh Sơn cầm con ve từ tay tôi, giọng buồn buồn:

- Dạ biết không ?, để thành một giọng ca, con ve đã im lặng rất lâu trong đất. Từ một cái trứng ve để thành một ấu trùng... Ve đã thay hình đổi dạng nhiều lần, mình không nhớ chính xác là bao nhiêu, nhưng có một tài liệu nói quá trình hình thành một con ve rất dài - đến những 18 năm.

- Trời ơi, 18 năm - Tôi ngạc nhiên kêu lên. - Đúng, 18 năm mới thoát khỏi mặt đất, thoát khỏi bóng tối để ca hát dưới mặt trời. - Vậy con ve ăn gì, anh Sơn ? - Con ve uống nắng, ăn sương - khổ hạnh như một tu sĩ. Nó nhả ra giọng hát ve sâu như tấm nhả tơ râm ran trời đất, nhưng chỉ được 90 ngày rồi tắt. Lúc đó, ve sâu kiệt sức, từ trên cây rơi nhẹ nhàng xuống đất. Đó là lúc “ kim thiên thoát xác ”. Anh Sơn ngậm ngùi nhìn chú ve câm lặng trong lòng bàn tay. Tôi chợt nghĩ, chỉ một lát nữa thôi một đàn kiến sẽ bò đến...lớp lớp bu kín toàn thân xác ve sâu. Chạnh lòng, tôi xin lại anh Sơn con ve.

Có tiếng gọi chúng tôi vào họp.

Đêm hôm đó tôi thật khó ngủ. Tôi đặt chú ve lên một cái chén nhỏ. Bật đèn, rồi lấy giấy bút ra định làm một bài thơ về đời ve tặng anh Sơn. Tôi viết rất nhanh. Bài thơ viết theo thể 6 chữ, viết đi viết lại, đọc rồi xoá, rồi viết mà vẫn không thấy vừa lòng. Có lẽ đời ve lạ lùng quá, thánh thiện quá - đó là kẻ chỉ biết dâng hiến, rút ruột gan để hát cho đời vui. Nó may mắn và hạnh phúc hơn con người là chưa kịp biết buồn thì đã chết. Còn con người đã mang lấy nghiệp trầm luân từ khi còn trong bào thai: “ *Tin buồn từ ngày mẹ cho mang nặng kiếp người...*”(TCS)

Đời ve lạ lùng như vậy, làm sao viết cho hay. Tôi đọc đi đọc lại bài thơ mình đã làm rồi chán nản vo tròn tờ giấy ném qua cửa sổ. Tôi ném bài thơ đi như mùa hạ làm rơi rụng thân xác ve sâu. Bài thơ không sống được ; cũng đành thôi !Vậy là ý định

làm bài thơ về chú ve để tặng anh Sơn không thể nào ra đời !  
Tôi còn nhớ 1, 2 đoạn như:

*Đời ve uống nắng ăn sương  
Khỏ hạnh như chàng tu sĩ  
Hát ca đủ chín mươi ngày  
Ve nằm yên nghĩ bạn ơi !*

hay :

*Mười mấy năm nằm trong đất  
Lặng câm như kẻ ngoài đời  
Bỗng một ngày dâng tiếng hát  
Toả nắng tràn khắp muôn nơi...*

Sau này, trong một thông tin, nhà sinh vật học H.Jébiér nói rằng quá trình hình thành con ve ở trong đất chỉ xảy ra có 4 năm. Dẫu thế nào thì câu chuyện về con ve của anh Sơn đã khắc sâu trong tâm trí tôi - và tôi tin lời anh như một sự thật khó xoá nổi.

Bao giờ anh Sơn về lại Huế, kể cho tôi nghe câu chuyện đời ve. Cái giọng Huế truyền cảm, thân thiết ấy bây giờ ở đâu rồi ? Ở đâu anh Sơn ơi ! Làm sao nắm bắt được. Tất cả đã tan biến vào trời đất, hư vô. Tôi lặng người khi nghe tin dữ trong ngày 1-4 .

49 ngày, tôi làm một mâm ra giữa trời cúng anh. Chỗ tôi đặt bàn thờ là chỗ trước kia anh hay đứng ngóng trời đất. Ngày xưa anh đã đứng nơi này nhìn những mùa đi qua. Bây giờ anh đang đứng ở đâu, anh Sơn ơi ! Ở một cõi nào đó anh có còn nhìn thấy hàng cây long não xanh biếc trước hiên nhà, có nghe tiếng ve đò chói trong màu hoa phượng nghiêng xuống dòng sông An Cựu - xanh trong.

HUỶNH ÁI TÔNG

Huế đẹp thế, sao anh nỡ bỏ đi. Biết tìm đâu dáng anh đứng đó bằng xương bằng thịt, cái miệng lúc nào cũng cười rất tươi. Anh đứng trên ban-công nhìn xuống con đường ngày ngày chờ bao số phận...Tất cả, tất cả, qua tâm hồn và trái tim đa cảm, thánh thiện của anh đã biến thành âm nhạc lung linh màu sắc.

Những chú ve đang hình thành đời mình trong đất, bao lâu nữa nó sẽ trở lại làm ve, trở lại giọng hát của giống nòi mình. Còn anh - anh nằm trong đất - biết khi nào trở lại làm Người, hờ anh Sơn

Trích thơ:

**Anh đừng khen em**

*Lần đầu khi mới làm quen  
Anh khen cái nhìn em đẹp  
Trời mưa, oà cơn nắng đến  
Anh khen đôi má em hồng*

*Gặp người tàn tật em khóc  
Anh khen em nhạy cảm thông  
Thấy em sợ sét né goieng  
Anh khen: sao mà hiền thế!  
Thấy em nâng niu con trẻ  
Anh khen em thật dịu dàng*

*Khi hôn lên câu thơ hay  
Áp trang sách vào mái ngực  
Em nghe tim mình thốn thức  
Thương người làm thơ đã mất  
Trái tim giờ ở nơi đâu?*

*Khi đọc một cuộc đời buồn  
Lòng em xót xa, ảm ức  
Anh khen em giàu cảm xúc  
Và bao điều nữa...? anh khen*

*Em sợ lời khen của anh  
Như sợ chiêu về, hắt tối  
Nhiều khi ngồi buồn một mình  
Trách anh sao mà nông nổi*

*Hãy chỉ cho em cái kém  
Để em nên người tốt lành  
Hãy chỉ cho em cái xấu  
Để em chăm chút đời anh*

*Anh ơi, anh có biết không  
Vì anh em buồn biết mấy  
Tình yêu khát khe thế đấy  
Anh ơi anh đừng khen em*

(1970)

### **Khoảng Trời, hố bom**

*Chuyện kể rằng: em, cô gái mở đường  
Để cứu con đường đêm ấy khỏi bị thương  
Cho đoàn xe kịp giờ ra trận  
Em đã lấy tình yêu Tổ quốc của mình thắp lên ngọn lửa  
Đánh lạc hướng thù – Húng lấy luồng bom...*

*Đơn vị tôi hành quân qua con đường mòn  
Gặp hố bom nhắc chuyện người con gái  
Một nắm mộ, nắng ngồi bao sắc đá  
Tình yêu thương bồi đắp cao lên...*

HUỶNH ÁI TÔNG

Tôi nhìn xuống hố bom đã giết em  
Mưa đọng lại một khoảng trời nho nhỏ  
Đất nước mình nhân hậu  
Có nước trời xoa dịu vết thương đau.

Em nằm dưới đất sâu  
Như khoảng trời đã nằm yên trong đất  
Đêm đêm, tâm hồn em tỏa sang  
Những vì sao ngời chói, lung linh

Có phải thịt da em mềm mại, trắng trong  
Đã hóa thành những làn mây trắng?

Và ban ngày khoảng trời ngập nắng  
Đi qua khoảng trời em – Vầng dương thao thức  
Hỡi mặt trời, hay chính trái tim em trong ngực  
Soi cho tôi  
Ngày hôm nay bước tiếp quãng đường dài?

Tên con đường là tên em gửi lại  
Cái chết em xanh khoảng trời con gái  
Tôi soi lòng mình trong cuộc sống của em  
Gương mặt em, bạn bè tôi không biết  
Nên mỗi người có gương mặt em riêng

(Lệ Thủy 1972)

**Đi qua một làn hương**

Trong đêm  
Qua đường  
Bắt chợt  
Làn hương thoảng

Ngọt ngào tinh khiết



*Dịu thâm, nước nở  
Như nụ cười  
Như tiếng khóc*

*Niềm vui hay nỗi buồn  
Làn hương ơi,  
Nói gì  
Mà ta không nở  
Xa đi...*

*Đã qua hết làn hương  
Dùng dằng chưa nở bước  
Không đành lòng  
Chân quay trở lại...*

*Đêm nguyên tiêu  
Trăng rờ ràng  
Tắm dòng thơ dại  
Thân ngọc ngà  
Thơm giữa trời trong  
Vì hương ta mãi lòng vòng  
Làm sao cảm được **có-không** mà về...*

*Chiều chẵn thập thoảng cơn mê  
Đầu ta lại gối áp kê tay ta  
Ước làn hương ở trong nhà  
Để cô đơn chẳng còn là cô đơn.*

(Rằm Nguyên Tiêu 1977)

### **Chuyện cổ nước mình**

*Tôi yêu chuyện cổ nước tôi  
Vừa nhân hậu lại tuyệt vời sâu xa  
Thương người rồi mới thương ta*

HUỶNH ÁI TÔNG

*Yêu nhau dù mấy cách xa cũng tìm*

*Ở hiền thì lại gặp hiền  
Người ngay thì gặp người tiên độ trì  
Mang theo chuyện cổ tôi đi  
Nghe trong cuộc sống thắm thì tiếng xưa  
Vàng cơn nắng, trắng cơn mưa  
Con sông chảy có rặng dừa nghiêng soi*

*Đời cha ông với đời tôi  
Như con sông với chân trời đã xa  
Chỉ còn chuyện cổ thiết tha  
Cho tôi nhận mặt ông cha của mình  
Rất công bằng, rất thông minh  
Vừa độ lượng lại đa tình, đa mang.*

*Thị thom thì giầu người thom  
Chăm làm thì được áo cơm cửa nhà  
Đẽo cày theo ý người ta  
Sẽ thành khúc gỗ chẳng ra việc gì  
Tôi nghe chuyện cổ thắm thì  
Lời cha ông dạy cũng vì đời sau.*

*Đậm đà cái tích trâu cau  
Miếng trâu đỏ thắm nặng sâu tình người  
Sẽ đi qua cuộc đời tôi  
Bấy nhiêu thời nữa chuyển đời xa xôi  
Nhưng bao chuyện cổ trên đời  
Vẫn luôn mới mẻ rặng ngời lương tâm.*

(1979)

**Tự bạch**

*Nghiêng vai đặt gánh qua cầu  
Hạnh phúc thì mỏng khổ đau thì dày  
Lịch người biết gánh sao đây  
Đường đi chưa hết kiếp này chưa qua*

(2002)

**Đề tặng một giấc mơ**

*Con chim mang giấc mơ bay đi  
Chú bé ngủ dưới trời sao sáng  
Thanh thản  
Đêm qua em mơ gì ?  
Tôi mơ thành chim  
Con chim trong mơ giọng hót nơi nào  
Con chim trong mơ như nàng tiên cá  
Câm lặng  
Giọng hót rục rỡ  
Suốt đời cất giữ  
Riêng tặng cho người...*

*Bay qua, bay qua nghìn đêm  
Bay qua, bay qua ngàn sao  
Những chiếc lá phát sáng màu huyền thoại  
Những bông hoa mang hình bàn tay, ngón tay  
Ru ru ru ru  
Ru êm*

*Chú bé là ai  
Chú bé là tôi  
Con chim là ai  
Con chim là tôi  
Giấc mơ là ai  
Giấc mơ là tôi*

*Đêm qua  
Tôi mơ thành tôi  
Tôi mơ thành chim  
Tôi mơ thành giấc mơ.*

**Em sợ**

*Những lúc anh khen  
Mặt em trẻ đẹp  
Là lúc em buồn  
Và em thấy ghét...*

*Một nỗi lo âu  
Buốt trong ngực trẻ  
Lời anh ngọt ngào  
Lòng em đau xé*

*"Em tôi xinh đẹp"  
Xin anh đừng khen  
Tình yêu không ở  
Trên gương mặt em*

*Năm tháng cuốn trôi  
Một thời con gái  
Trên gương mặt em  
Nét buồn đọng lại  
Em thôi xinh đẹp  
Anh còn yêu ai ?*

**Cho em tựa vào vai anh**

*Cuộc đời em đơn thân đến nỗi  
Chưa bao giờ em tựa vào anh  
Và vì thế em âm thầm sống  
Tựa vào chính mình trĩu nặng, đờn đau*

*Bao lời tiếng lảm lem bùn đất  
Bao đêm trắng tơ giăng chóng mặt  
Em tựa vào em - đơn độc quen rồi  
Em tựa vào em - gắng vững giữa đời*

*Trên đôi vai bình yên  
Mà bão dông nghiêng ngửa !  
Em chênh vênh dối mặt chính mình  
Nào ai biết, đến anh cũng chẳng biết  
Em quần mình như rễ dưới đất im*

*Đời bắt chợt thác ghềnh ào trút xuống  
Vùi lấp anh - cơn bạo bệnh kinh hoàng  
Bạn bè anh rộng nhiều như trời bể  
Vực anh lên cho anh lại lòng tin*

*Bàn tay nâng em thành bảo mẫu  
Nước mắt lặn vào trong cho anh thấy nụ cười  
Bệnh tật lo toan giấu vào đêm trắng  
Giữa tháng ngày trĩu nặng  
Em đứng thẳng người  
Cho anh tựa vào em*

(Rút trong tập thơ "Hồn đầy hoa cúc dại"-2007)

### **Như lá**

*Nhìn lá  
Cứ ngỡ là lá ngọt  
Bởi lá tơ non mơn mớn quá chùng  
Lá tươi thắm xưa mùa đông rét buốt  
Hỡi chiếc hôn em có như lá không?*

*Tôi đi giữa mùa non  
Sững sờ trong bao dáng lá*

HUỶNH ÁI TÔNG

*Nhớ ai  
Tôi gửi nụ hôn lên trời*

*Con người không có tình yêu  
Như trái đất này không có lá  
Là hơi thở đất đai không thể thiếu  
Lá dịu dàng sâu thẳm của tôi ơi!*

*Nếu vẽ được chiếc hôn ở dưới ánh trời  
Tôi sẽ vẽ chiếc hôn như lá.*

(1982)

Trong bài nhận định về tập thơ *Đề tặng một giấc mơ* Hồ Thế Hà đã viết về nhà thơ Lâm Thị Mỹ Dạ:

*“Thơ Lâm Thị Mỹ Dạ là tiếng nói đồng cảm đầy khản thiết của bao nhiêu số phận, trong đó, hướng về chung quanh trong sự khai thác cạn kiệt chính mình là cái nhìn nhân ái, là thi pháp tự suy đã qua chiêm nghiệm và thay đổi ngôn từ thi ca. Thơ chị kết hợp được chất thực cuộc sống và ngôn ngữ đa dạng, tạo ra những dồn ép, biến ảo, chông chéo về hình ảnh, đối tượng như huyền thoại, cổ tích nhưng không hề có dấu vết của sự làm dáng. Thơ Lâm Thị Mỹ Dạ hồn nhiên, tuân thủ cảm xúc và từ trái - tim - thi - sĩ - nhạy - cảm mà thành. Tặng nỗi buồn riêng, Đề tặng một giấc mơ, Giấc ngủ mặt trời... là những bài thơ như thế.”*

Tài liệu tham khảo

- Lâm Thị Mỹ Dạ Web: [vi.wikipedia.org](http://vi.wikipedia.org)
- Nhớ anh Sơn Blog: [lamthimyda.vnweblog.com](http://lamthimyda.vnweblog.com)

## 27. Trung Trung Đỉnh



### Trung Trung Đỉnh - Phạm Trung Đỉnh (1949-20 )

Nhà văn Trung Trung Đỉnh tên thật là Phạm Trung Đỉnh, sinh ngày 21 tháng 9 năm 1949, tại xã Vĩnh Long, huyện Vĩnh Bảo, tỉnh Hải Phòng.

Ông xuất thân trong gia đình nông dân, học hết phổ thông đi bộ đội, nhiều năm hoạt động ở chiến trường Tây Nguyên thời chiến tranh Việt Nam nên vốn sống về vùng đất này rất phong phú

Ông tốt nghiệp trường Viết văn Nguyễn Du khóa 1, là Hội viên Hội Nhà văn Việt Nam (1984). Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam,

Trung Trung Đỉnh hiện là Ủy viên Ban chấp hành Hội Nhà văn Việt Nam, giám đốc Nhà xuất bản Hội Nhà văn. Ông là một tác giả văn xuôi lớn đương đại, ngoài viết văn, ông còn làm thơ, viết kịch bản phim.

Trung Trung Đỉnh đã nhận được các giải thưởng:

- Giải nhất Bộ Quốc Phòng cho tác phẩm *Lạc Rừng*
- Giải A của Hội nhà văn (2009-2010) cho tác phẩm *Lạc*

## HUỶNH ÁI TÔNG

### *Rừng*

- Giải thưởng nhà nước về văn học năm 2010.
- Giải thưởng văn học ASEAN SEA Writers Awards năm 2012.

Trung Trung Đình hiện sống tại Hà Nội.

Tác phẩm:

- *Thung lũng Đá Hoa* (truyện ngắn, in chung, 1979)
- *Người trong cuộc* (truyện ngắn, 1980)
- *Đêm nguyệt thực* (truyện ngắn, 1982)
- *Những người không chịu thiệt thòi* (truyện ngắn, 1982)
- *Ngược chiều cái chết* (tiểu thuyết, 1989)
- *Tiến biệt những ngày buồn* (tiểu thuyết, 1990)
- *Chuyện tình ngõ lỗ thủng* (tiểu thuyết, 1990)
- *Bạc cao thủ* (truyện ngắn, 1994)
- *Góc đá* (tập truyện)
- *Lạc rừng* (tiểu thuyết)
- *Lính trận* (tiểu thuyết, Hội nhà văn, 2010)
- *Khúc hát mùa Đông* (tiểu thuyết)

Trích văn:

### **Một chuyện tình thời chiến tranh**

Tôi được ông Ba Sang gọi lên lán chỉ huy để nhận nhiệm vụ. Thực lòng tôi chẳng ưa gì ông, một ông già khó tính, mặt lúc nào cũng lầm lằm, lì lì, khô như củi. Ngoài bốn mươi tuổi mà ông vẫn chưa có “thời cơ” lập gia đình, phần vì hoàn cảnh chiến tranh, quanh năm suốt tháng ở phía trước. Phần vì bản tính ông khô khan thế nên rất khó gần phụ nữ.

Nghe đâu trước khi được về Nam chiến đấu, ông cũng có mối tình khá sâu nặng với một cô giáo rất xinh ở Hà Nội, nhưng



khổ nổi, chỉ vì ông biết yêu mà lại không biết thổ lộ tình yêu, nên cuối cùng người ông yêu sa vào tay một người bạn, hôm ông dẫn anh ta tới thăm cô nàng. Kể từ sau cái ngày đáng buồn ấy, ông không còn có cảm tình với bất kỳ người con gái nào nữa.

Ấy thế mà khi cậu công vụ của ông tới gọi tôi thì trung đội trưởng Chín Thung của tôi lại bảo: “Tao biết tổng nhiệm vụ chi rồi. Mi phải nhận đó nghe. Cứ nhận đại đi, rồi về tao nói cho mà hay sau!”. Quái lạ cái nhà anh Chín Thung này! Tôi thấy cái sự âm ố của anh mới rõ là nhằm nhí, vì tôi là lính, làm sao dám từ chối lệnh của cấp trên mà xui nhận với lại không nhận! Vậy nên tôi mới hỏi anh: “Anh nói gì lạ? Anh biết nhiệm vụ gì không mà cứ nói càn?”- “Thì mày cứ tới đó khắc biết”. Thế đây! Nói thế thì còn nói làm gì? Tôi là y tá của đơn vị. Vâng, một y tá bất đắc dĩ. Chẳng là sau trận đánh đồn Chè, tôi ngồi buồn, tí táy mở túi thuốc chiến lợi phẩm của đơn vị ra xem, tình cờ thấy có quyển sách “Cẩm nang y tá”, liền mò mắt đọc. Té ra cái sự tiêm chích theo như trong sách này dạy cũng chẳng phải khó khăn gì cho lắm. Mà ngay cả cái việc chẩn đoán các căn bệnh thông thường, thực ra cũng đơn giản. Ví như muốn tiêm chích một loại thuốc có dầu thì nhất thiết phải lược thuốc lên, rồi tiêm vào mông. Sau khi phồng mũi kim xuống, phải rút ngược lên một tí, coi xem có máu không. Nếu có máu hút theo có nghĩa là ta đã chích trúng động mạch, cần phải kéo nhanh mũi kim lên hoặc nhấn sâu xuống, rồi lại thử coi xem máu có còn hút theo thuốc lên xa- ranh nữa không. Nếu máu hết theo lên tức là không nguy hiểm nữa, tiêm được rồi đây. Còn nếu dùng kháng sinh thì nhất thiết phải thử phản ứng trước khi tiêm. Bệnh nào cũng có nguyên nhân và cách chữa trị. Tìm được nguyên nhân thì chữa trị đơn giản, cứ theo ba-rem liều lượng có sẵn, thế là ổn. Thăng Đào kêu đau bụng, rờ vô hố chậu phải cu cậu giật thót lên. Tôi bảo đau ruột thừa, phải đưa nó đi cấp cứu ở trạm xá gấp. Thế mà trúng choóc. Cũng vì có vụ đau ruột thừa của thăng Đào mà tôi có dịp làm quen với

trạm xá. Nói tới trạm xá tức là nói tới cái sự tươi đời vì ở đây lúc nào cũng vừa có nếp lại cũng vừa có tẻ!

Người tôi được làm quen đầu tiên là y sĩ Thư. Chị Thư tiếp nhận thương bệnh binh ở phòng cấp cứu, sau khi hội ý chớp nhoáng với bác sĩ Long, họ đi đến kết luận là phải mổ ngay. Tôi được họ mời phụ mổ. Đến nước này tôi phải thú nhận trình độ chuyên môn giê rô của mình. Cả bác sĩ Long lẫn chị Thư đều không tin, họ bảo lúc này không cần khiêm tốn. Té ra cái sự phụ mổ cũng chẳng có gì ghê gớm lắm. Tôi đứng cạnh chị Thư, tiếp tay cho chị những thứ dao kéo bông gạc khi anh Long cần. Sau ca mổ, tôi được chị rủ xuống bếp chị nuôi... tư tôi. Ấy là món chè đỗ xanh nấu với mật ong. Lần đầu tiên được chén món này, tôi thấy ngon và thơm vô cùng. Còn anh Long thì thậm chí không thèm ăn. Anh bảo chỉ cần nhắc đến đỗ xanh là anh đã ớn rụng tóc gáy! Chẳng là năm ngoái trạm xá được trên cấp đậu xanh thay gạo, cả tháng trời ăn tuyền đậu xanh nên anh ngán đến tận bây giờ. Hôm rời bệnh xá về, chị Thư gọi tôi một lít mật ong và một túm đỗ xanh, bảo “biểu anh Ba Sang”, tôi mới biết ông Ba đâu phải chú người gõ. Chị Thư bảo chị với “anh Ba” là đồng hương. Biết vậy, tôi chẳng bình phẩm gì. Tôi thấy chị nói tiếng Huế hay Trị Thiên gì đó, còn ông Ba nói rất giọng Quảng, đồng hương Miền cũng còn khó nữa là. Tôi nghĩ, nếu ông Ba mà “vớ” được bà Thư này, thì đời ông coi như được đền bù xứng đáng. Chị Thư người mảnh dẻ, nhưng không phải cái mảnh dẻ yếu điệu, yếu đuối. Chính sự mảnh dẻ của chị lại toát lên vẻ cứng cỏi, kẻ cũng có hơi khô, nhưng bù lại, nghe chị nói ta có cảm giác chị đang thì thầm từ đâu đó, một thứ giọng ngân nga như chuông lại vừa trầm ấm, gần gũi.

- Em nói anh Ba đừng gọi chị cho chị nữa, nghen.

Đấy, giọng chị đấy, chỉ cần nghe là ta không có cách nào khác mà không “dạ”.

- Dạ, tôi ngoan ngoãn nói.

Tôi hồi ấy mới mười chín, hai mươi, lại mới vào chiến trường, mới tham gia đánh đấm được dăm trận lẻ tẻ, mới đủ mọi thứ nên thấy cái gì cũng lạ, cũng hong hóng nghe, hong hóng theo dõi, và cả hong hóng suy nghĩ nữa. Về tới đơn vị, tôi kể lại chuyện đó với anh Chín Thung. Anh Chín là người Quảng, cùng quê với ông Ba Sang. Đã nhiều lần anh muốn cho chị Thu tìm hiểu ông Ba nhưng cả anh cũng là người vụng, chỉ biết nói với chị rằng, anh Ba Sang là người tốt! Nói thế thì ai chả nói được? Chả lẽ anh em chúng tôi là người xấu hết à? Thật khó lọt lỗ tai tôi chứ chưa nói gì tới tai chị Thu. Vả lại, nghe đồn chị Thu cũng lắm chuyện lắm. Chị chỉ thích yêu mấy anh bộ đội miền Bắc, có học thức cao, lại trẻ tuổi. Chính anh Chín có lần bảo với tôi rằng, chị Thu mê tay Long bác sĩ, nhưng tay Long đã có vợ, có con “ở ngoài” nên cứ tránh chị, mặc dù hai người làm việc cùng nhau. Tôi nghiệm thấy có lẽ đúng. Anh Long tỏ ra khá lạnh lùng với chị Thu, một điều “cô”, hai điều “cô”, ngay cả khi chế món chè anh cũng có cái vẻ của người né tránh. Còn chị Thu thì cứ nhẹ nhàng như không. Mọi cử chỉ của chị đều giản dị và hơi đượm buồn, hơi... cam chịu.

Hôm tôi đem mật ong và đồ xanh của chị Thu về trao cho ông Ba Sang, ông tra hỏi tôi rất nhiều, rằng Thu có nói gì với em không? Thu có bảo bao giờ thì đi với đội phẫu ra phía trước không? Thu không viết cho anh chữ nào à? Tôi bắt thóp được tình cảm của thủ trưởng nên cứ âm ớ kể rằng, chị ấy chỉ hỏi thủ trưởng có khỏe không, có hay buồn, hay cáu với anh em không thôi. Ông Sang ngồi thừ ra một lúc rồi bỗng đưa cho tôi chỗ đồ xanh và mật ong ấy, bảo đem về nấu chè cho anh Chín và anh em trung đội trình sát cùng ăn. Tôi chả dại gì không nhận. Về đến nơi, đem “chiến lợi phẩm” ra khoe, anh Chín mắng tôi một trận lên bờ xuống ruộng, rồi mới nói: “Mày đừng bép xép, ông ấy hâm hâm nhưng tốt bụng cực kỳ, đừng để nhiều người hay chuyện, ông ấy nhụt chí”. Tôi tất nhiên là “vâng”.

Băng đi một thời gian vì bao nhiêu công chuyện, hôm nay ông Ba Sang lại nhớ tới tôi mà gọi, hẳn có chuyện gì đây? Tôi mong sao mọi điều đến với ông và chị Thư được suôn sẻ. Và tôi tự dưng cảm thấy ngùi ngùi thương ông, lại cũng phát hiện ra ông đâu phải người khô như củ mà thỉnh thoảng anh em lính tráng chúng tôi cứ hay đem ra bình luận.

\*\*\*

Tôi vừa lội qua suối thì đã thấy anh chàng công vụ của ông Ba Sang đón ngay trên bờ. Đó là một thanh niên dân tộc Bahnar có giọng nói cứng, rất khó nghe: “Thủ trưởng biểu tui chờ anh.”, anh ta nói từng tiếng một. “Có chuyện gì quan trọng không?”, tôi hỏi. Anh ta bảo rằng, thủ trưởng bố trí cho tôi tới trạm xá học một thời gian để về làm y tá chính thức cho đơn vị. Tôi nghe mà ngán ngẩm. Thực lòng, tôi đâu có mê cái nghề ấy. Chẳng qua vì lúc rồi tôi tò mò tìm hiểu, rồi khi bí thì ra tay, bây giờ đến nước này rõ là thân làm tội đời rồi! Anh bạn công vụ khoác súng đi trước, bảo tôi theo sau. Tôi buồn bã ra mặt, trong lòng chỉ nghĩ tới chuyện phải từ chối thế nào để ông ta hiểu, đừng bắt tôi đi học. Nhưng tôi đâu có nghĩ được điều gì cho mạch lạc?

- Anh Bình. Thủ trưởng biểu tui dẫn anh vô đây.

Tôi sững lại trước cửa một căn nhà hầm nhỏ, có biển đề “Quân y đơn vị”. Chẳng lẽ chuyện đã gọn ghẽ thế này rồi sao? Chẳng lẽ ông ta không cần hỏi xem nguyện vọng của tôi? Nghĩ thế, người tôi giận run lên, nhưng chân vẫn cứ bước vào. Tôi không ngờ chị Thư đang ngồi đó, trước cái bàn ghép bằng phen nửa, cùng cái túi quân y. Thấy tôi vào, chị ngẩng lên nhìn tôi, mặt đầy nước mắt. Rồi bỗng chị lao tới, ôm chầm lấy tôi, vừa nức nở khóc, vừa nói:

- Em ơi! Chị em mình bị người ta đánh tráo cho nhau rồi!

Tôi không hiểu. Không tài nào hiểu được đánh tráo cái gì và ai là người ta?

Té ra ông Ba Sang không phải là chú người gỗ. Chính âm mưu này do anh Chín lập ra, sau này tôi mới biết. Anh Chín đã tới trạm xá gặp bác sĩ Long, kể về tình yêu của ông Ba Sang với chị Thu, rồi anh đề nghị anh Long, nếu thương chị thì nên cho chị chuyển về đơn vị chúng tôi, để hai người có dịp gần nhau, vì cả hai cùng đều lớn tuổi cả rồi, mà chiến tranh thì chả biết tới bao giờ chấm dứt. Anh Long nghe cũng xuôi tai, có điều, anh đề nghị cho cậu y tá Bình - tức là tôi, về trạm xá thể chân chị Thu, phải có thêm một y tá nam trẻ khỏe như tôi thì anh Long mới chấp nhận.

Cho mãi tới bây giờ tôi vẫn nhớ gương mặt đen sạm của ông Ba Sang khi ông tới chỗ chúng tôi, bắt gặp cảnh khóc lóc của chị Thu. Ông nói run run:

- Thôi, thôi mà. Không có gì đâu mà. Nếu các đồng chí không ưng thì thôi cũng được kia mà. Ở đây với trạm xá cũng vẫn là một đơn vị, tôi đâu có ép...

Đúng thế. Trạm xá chỉ là một đầu mối của đơn vị. Nhưng tôi đã nhận ra nét mặt quá đau khổ của thủ trưởng Ba, khi ông khẽ đặt tay lên vai tôi, nói nhỏ: “Tuỳ em thôi mà!”.

Không phải tuỳ tôi, điều ấy tôi hiểu. Nhưng lúc đó nếu tôi từ chối, hẳn từ chối được. Ấy vậy mà tôi đã lại “vâng” một cách nước đôi, để rồi sau đó phải khoác ba lô về trạm xá thật. Còn chị Thu với ông Ba đã thành vợ chồng sau đó nửa năm, đúng vào dịp tôi được nhận bằng y tá, trước Tết ta vài ngày, trước khi toàn đơn vị được lệnh vào chiến dịch lớn. Đám cưới của họ, nói như anh Chín Thung là lấy vui làm gốc, món ăn chỉ có độc một nồi quân dụng lớn chèo mật ong nấu với đỗ xanh, do

chính anh Chín vừa là anh nuôi vừa là trưởng ban tổ chức nấu, ai ăn được bao nhiêu thì tùy khả năng mà mức.

Trích thơ:

**Đá và em (Trích)**

*Chén thứ nhất  
Em có còn là đá nữa không?*

*Em có còn là đá nữa không?  
Còn!*

*Nước xối xả  
Ai gan lì đón đợi  
Mưa mùa Xuân đá cũng mù trời  
Cây sa mu đứng lặng  
Chiếc mũ nôi che khuất cả buồn vui*

*Ở đây núi cao chát ngất  
Đá nhỏ nhoi cô độc giữa trời  
Đá tựa vào vách đá  
Lạnh lòng thay  
Đá ngồi quanh với đá  
Có bao giờ đá mỉm cười chưa*

*Những cuộc giao tranh khủng khiếp  
Đá và mây và gió và em  
Anh cúi kính tựa lưng vào đá  
Đá lặng thinh như đá ngàn đời*

*Em ơi em câu hát nửa vời  
Không có nghĩa là ta lên mồm đá  
Nhưng đá và ta là cả cuộc đời  
Cây ngô tựa vào em và gió*

Tiếng hát người Mèo chìm trong đá vỡ  
Em từ đâu sao em cứ chấp chờn

Đá

Đâu phải là em

Em

Đâu phải là nàng tiên đá

Ta nhận ra nhau trong câu hát dở dang

Lời em lẫn vào tiếng rên của đá

Đá đâu phải là đêm

Đá đâu phải là ngày

Đá là lửa

Nếu con người im lặng

Đá ngàn năm như đá nhọc nhằn

Em có còn là đá nữa không

Nếu đá không là lửa

Nếu em ngồi im như đá giữa trời

Ta ngậy ngát chén rượu ngô của đá

Ta rạo rức trên đường chỉ có gió cùng ta

Bản Mèo cheo leo câu hỏi

Sao trái tim nàng không in dấu tình ta

Ta cứ gọi hoài

Khắc khoải đường xa

Vó ngựa mệt nhòai âm thầm bếp lửa

Ai đi xuống đi lên

Ai đi tìm ai mất

Đá là tim ta khi ta biết khóc

Đá là hồn ta khi đá hú trong đêm

Ta và đá nhận ra nhau từ hồi núi lở

Đá yên lòng với gió giữa cheo leo

HUỶNH ÁI TÔNG

*Em có còn là đá nữa không  
Anh lên ngược  
Em về xuôi tìm bài hát cũ  
Ngòm ngợp phố phường  
Xao xác lòng thung  
Đá đứng  
Đá ngồi  
Đá cười  
Đá khóc*

*Đá làm ta tan nát lòng ta*

*Con đường mòn vắt vẻo  
Con đường mòn heo hút chiều buông  
Ta hướng tới chân trời của đá  
Nơi ấy ta cầm nhánh cỏ hôn ta*

*Buồn không tắt trên vòm đá mở  
Em có còn là đá nữa đâu anh*

*Nhưng nếu nước ngập tràn nơi đây  
Nhánh cỏ hôn ta là con thuyền đón đợi  
Anh ơi anh đá cũng biết buồn  
Khi ta chết đá thành bia mộ  
Thành những bông hoa tinh khiết của đất trời  
Đá mềm mại dịu dàng cứng cõi  
Trái tim đơn côی bầm máu u hoài  
Biển sẽ động trái tim em trôi nổi  
Đá trở thành đá đại nổi buồn tôi*

*Anh ơi anh em hoá đá rồi  
Mưa xối xả đá bay mù xír sớ  
Đá đội nát mái tranh nghèo của mẹ  
Hạt ngô già lẫn lóc giữa trần ai*



*Anh ơi anh em hoá đá rồi  
Bóng ngựa ngút cuối trời tê dại  
Bài hát người Mèo tím sẫm hoàng hôn*

*Ta hoá đá cùng em chờ núi lở  
Núi và ta thao thức với cơn trùng*

*Ta và núi kết vòng hoa bằng đá  
Cây ngô ngược đường đổ rạp xuống bờ lau  
Cỏ cứ mọc cỏ có hoa có trái  
Đá điềm nhiên nhìn cỏ mọc ngang trời  
Đêm Mèo Vạc mưa rời rạc quá  
Chẳng bao giờ cỏ nuôi nổi em tôi*

*Ta hoá đá cùng em giữa chợ  
Con ngựa gầy tiếng hí cũng gầy theo  
Ta hoá đá cùng em giữa đá  
Cổng trời kia ai khép nổi trăng ngàn*

*Thôi em ạ đá muôn đời là đá  
Anh và em hoá đá để mà chi  
Đời có gọi em là nàng tiên đá  
Anh làm sao tắt được cuồng si*

*Nhưng anh ơi em hoá đá rồi  
Đá là đất  
Ta là đất cả*

*Đất sẽ mọc lên muôn trùng đá  
Mọc lên cùng bóng dáng em tôi*

*Anh lên ngược tìm anh thời trai trẻ  
Em về xuôi thao thức trái tim buồn  
Ta chạy trốn tới con đường heo hút  
Đá cheo leo nên đường phải lượn lờ*

HUỶNH ÁI TÔNG

*Đêm Mèo Vạc anh làm thơ tặng đá  
Bỗng thấy mình tan giữa sương giăng*

*Sương và đá và em và tất cả  
Chìm trong mơ trong mộng của trăng ngàn*

*Đêm Mèo Vạc anh tìm anh chẳng thấy  
Chỉ thấy hình em gái của mình thôi.*

(Nguồn: thica.net)

Trên Trang Mạng của Nguyễn Đình Minh (nguyendinhminh.net), không nêu tên tác giả, bài: “*Lính Trận*”, tác phẩm của nhà văn Trung Trung Đỉnh đạt giải thưởng văn học Asean, tác giả đã viết:

*“Trung Trung Đỉnh Viết bằng sự quan sát của một người trải nghiệm đời sống, phát huy được cái năng lực trực giác của một ngòi bút mạnh về bản năng, đôi khi phiêu lưu và có chút mạo hiểm”. Và cũng bởi vậy người đọc đã bị cuốn trôi đi từ dòng đầu tiên cho tới những chữ cuối cùng của cuốn tiểu thuyết; nó hoàn toàn xứng đáng với một giải thưởng văn học lớn tầm cỡ Asean.”*

Tài liệu tham khảo

- Trung Trung Đỉnh Web: tiki.vn
- Một chuyện tình thời chiến tranh Web: 4phuong.net

## 28. Nguyễn Thụy Kha



### Nguyễn Thụy Kha (1949-20 )

Nhà thơ, nhạc sĩ Nguyễn Thụy Kha sinh ngày 7 tháng 10 năm 1949, ở Vĩnh Bảo, Hải Phòng.

Năm 1971, Nguyễn Thụy Kha đã tốt nghiệp Đại học Thông tin.

Vào tháng 9 năm 1971, ông gia nhập quân đội vào tháng 9 năm 1971 sau khi có bằng kỹ sư thông tin. Ông từng phục vụ trong Quân đội Nhân dân Việt Nam từ năm 1972 đến năm 1982 với vai trò là kỹ sư thông tin thuộc Binh chủng Thông tin, trực tiếp tham gia chiến đấu tại các chiến trường ác liệt Quảng Trị, Khu 5 và Tây nguyên trong thời chiến tranh Việt Nam.

Năm 1979, Nguyễn Thụy Kha theo học Trường Viết văn Nguyễn Du khóa 1.

Từ năm 1982-1988, ông là cán bộ tuyên huấn.

Năm 1989, trong thời đổi mới và mở cửa, ông có một bài viết nói về tình trạng xã hội thời bấy giờ đăng trên tạp chí *Sông Hương*, của Hội Văn nghệ Bình Trị Thiên, kết quả bài báo này

## HUỶNH ÁI TÔNG

như giọt nước làm tràn ly, nên tờ *Sông Hương* bị đóng cửa, còn tác giả bị giải ngũ với cấp bậc sau cùng là Thiếu Tá vào năm 1990.

Sau đó, Nguyễn Thụy Kha thành lập Công ty Hòa Hợp TTK, hoạt động về lĩnh vực âm nhạc.

Nguyễn Thụy Kha hoạt động sôi nổi trong nhiều lĩnh vực từ văn học, thơ ca cho đến âm nhạc, điện ảnh rồi báo chí. Ông đã xuất bản trên một chục tập thơ cũng như văn xuôi, một tập nhạc, viết mười hai kịch bản phim chân dung.

Nguyễn Thụy Kha đoạt nhiều giải thưởng văn học và âm nhạc.

Là một người con của đất Vĩnh Bảo, ông đã dành nhiều tâm huyết nghiên cứu về cuộc đời và sự nghiệp của Trạng Trình Nguyễn Bình Khiêm. Năm 1991, ông đã làm bộ phim tài liệu *Nguyễn Bình Khiêm - Cây đại thụ rợp bóng 500 năm*. Bộ phim sau đó nhận được giải thưởng của Hội hữu nghị Việt Nhật năm 1992.

Tác phẩm:

- *Hương nắng tiếng chim* (thơ, in chung, 1982)
- *Sóng nhà đêm biết tôi yêu* (thơ, in chung, 1986)
- *Những giọt mưa đồng hàng* (thơ, in chung, 1987)
- *Mất thời gian* (thơ, 1988)
- *Lúc ấy – biển* (thơ, 1989)
- *Văn Cao – Người đi dọc biển* (tập truyện, 1992)
- *Hàn Mặc Tử - Thi sĩ đồng trinh* (tập truyện, 1993)
- *Không mùa* (thơ, 1994)
- *Một lần thơ trẻ* (truyện ngắn, 1994)
- *Văn Cao - Cuộc đời và tác phẩm* (Biên soạn, in chung, 1995)

Trích văn:

### **Đặng Đình Hưng - Một cuộc cách tân thơ âm thầm**

Gần đây rất mừng là trong Từ điển Văn học bộ mới (Nhà xuất bản Thế Giới) đã có mục riêng cho Đặng Đình Hưng. Tác giả Vũ Thanh đã viết về Đặng Đình Hưng với những đánh giá rất chân xác về đóng góp của ông trong cuộc cách tân thơ Việt Nam hiện đại. “Đó là thơ văn xuôi có nhạc tính, cách biểu hiện hiện đại nhưng vẫn chứa đựng chất dân gian, dân tộc ... thơ Đặng Đình Hưng là những thể nghiệm mới nhằm cách tân tiếng Việt, góp phần làm phong phú thêm bộ mặt thơ ca Việt Nam”. Vậy là phải chờ đợi tới hơn 20 năm – bằng cuộc long đong phiêu dạt của nàng Kiều – nàng thơ của Đặng Đình Hưng mới được chấm giải Hoa Hậu Việt Nam.

Trong số các nhà thơ được gọi là các nhà thơ trong nhóm Nhân Văn Giai phẩm thời ấy, Đặng Đình Hưng là người “chín muện” hơn cả. Để tìm ra hướng cách tân riêng của mình, Đặng Đình Hưng đã tự dần thân, tự lột xác tự nhúng mình nhử nhối trong thực hiện đầy giông bão của một thời đại. Và đến “Bến lạ”, cái riêng của ông đã lộ sáng khi nằm trên giường bệnh, kề sát với cái chết. Đây cũng là cuộc trùng phùng vinh quang của hai cha con ông, khi Đặng Thái Sơn đoạt giải nhất cuộc thi dương cầm quốc tế mang tên F.Chopin lần thứ 10 vào mùa thu 1980. Chỉ có khác, vinh quang của Sơn là ở sự nổi tiếng. Còn vinh quang của Đặng Đình Hưng là sự chiến thắng chính mình. Chiến thắng nổi cô đơn.

Có một nghịch lý ở con người là không ai muốn chung sống với cô đơn. Nhưng chính nổi cô đơn lại là nguồn năng lượng thúc đẩy con người lớn lên. Với các nhà thơ nói trên, có thể nói cô đơn là bi kịch của họ. Nhưng với bi kịch ấy, họ đã tự khẳng định tầm vóc đích thực của mình. Một tầm vóc mà không quyền uy nào có thể phủ nhận được. Họ đã hoàn thành xuất sắc

sứ mạng thơ ca của thể hệ mình bằng những sáng tạo trong đàng dặc cô đơn. Nếu Hoàng Cầm là chất thủy, Văn Cao là chất thổ, Trần Dần là chất hỏa, Lê Đạt là chất mộc, thì Đặng Đình Hưng là chất kim. Họ vừa tạo nên một ngũ hành tương sinh về tư tưởng, lại vừa tạo nên một ngũ hành tương khắc về biểu hiện. Hà Đồ – Lạc Thư nơi họ dựng lên một khao khát tự do trong sáng tạo đến cùng cực.

Tự hành trình ngược vào mình để tìm kiếm tới mức vô vọng từ “khắc biết” đến “hề biết”, Đặng Đình Hưng đã tạo ra một thi pháp hết sức độc đáo. Trong lời mở tập “Bến lạ”, người đại diện cho nhà xuất bản Văn Nghệ thành phố Hồ Chí Minh đã viết: “Có lẽ cái cảm giác khó hiểu khi tiếp xúc lần đầu với thơ Đặng Đình Hưng cũng từ đó. Lại thêm lối nói nhiều chiều, dập dính, lửng chừng mâu thuẫn, xa xôi, hàm súc, vốn là nói nói thường ngày của ông. Thơ ông là những đợt sóng ngược xuôi ngang dọc của trí tuệ. Mỗi hình ảnh mỗi cách nói đều có sự lấp lánh. Lại lắm khi lời, chữ tự động cuốn nhau đi như bị dẫn dắt bởi một lực giấu mặt, tạo ra một trường gợi tưởng hơn là một ý tưởng. Và trong dòng tâm thức triền miên thỉnh thoảng nhói lên một vết đau khiến ai cũng phải cảm thương”.

Người xưa nói: “Ngũ thập tri thiên mệnh”. Đã đến tuổi 50 thì không còn thay đổi gì được mà tuân theo mệnh trời. Vậy mà ở tuổi lục tuần, nằm trên giường bệnh với khối u ngấp nghé di căn, Đặng Đình Hưng đã thien tới mức đủ công lực mình thay đổi mình đến không ngờ. Vị đời đã ném trái quá đủ. Đã sống tới mức “tìm ở sau cái gương – cũng không có gì hết”. Nhưng kể ra chiêm nghiệm này để thực sự thanh thản khi về với “Bến lạ” như một lời sám hối, một bài nguyện cầu thành khẩn mà mơ hồ thì chỉ có Đặng Đình Hưng mới làm được. Tôi đã đọc “Bến lạ” theo cách câu kinh làm rần lì rì, thấy lời, chữ như dâng dần sóng âm ra không gian xung quanh. Và tự nhiên thấy mình như cộng hưởng cùng ông trôi dạt ra một nơi nào đó ở ngoài cả thể phách. Sao con người lại phải sống trong một thời

ghê gớm đến thế để có thể chất ra: “Từ góc nhọn A, tôi đi ngênh V ghê sợ nhất”. Có thể nào nói ngắn hơn, gây dư chấn mạnh hơn câu này? Nhịp điệu cầu kinh đã dịch chuyển “Bến lạ” loang xa, loang xa như không cùng. Những an-pha, mê-ta, mê-ga, tê-ta cứ thế trôi nổi như trong một dao động sóng của “hột khuya” khiến ngực ta cảm thấy “Có lẽ zet. Bời ở trên ngực, cứ thỉnh thỉnh một tiếng đập”. Và những “hạt thóc giống của không biết” đã tự nhiên mọc lên sự biết trong cảm nhận của ta. “Đời gì – sao cứ đi đi những cái vali cứ về bến lạ”. Đời là thế, biết cả rồi, khổ lắm, nói mãi. “Bến lạ” cứ gợi gắm như vậy đó. Chuyện cũ nhưng qua Đặng Đình Hưng ta thấy sững sờ, thấy đầy nỗi niềm, ghen ngào. Tìm tới giọng này, Đặng Đình Hưng đã phải âm thầm ngẫm nghĩ qua bao chiêm nghiệm. Và hình như để gởi lại những chiêm nghiệm ấy cho đời trước lúc “tạ mùa đi”, Đặng Đình Hưng lại tiếp tục minh chứng cuộc cách tân thơ âm thầm của mình bằng “Ô mai” – tác phẩm cuối cùng của ông.

Tôi nhớ mùa thu 1989, Đặng Đình Hưng lại vào nằm viện. Khi tôi đến thăm, tuy còn mệt nhưng Đặng Đình Hưng rất vui. Rì rầm trò chuyện, ông lại đọc nghe vài đoạn “Ô mai”. Vẫn đích thị là “ô mai Hàng Đường” rồi. Ông ngỡ ý muốn anh em xúm vào để đưa “Ô mai” ra với cuộc đời. Nhưng cái chết đã ập đến số phận ông quá sớm. Phải tới sau khi ông mất ba năm, “Ô mai” mới được ấn hành. Cũng là người đại diện nhà xuất bản Hội nhà Văn, trong lời nói đầu đã viết: “Ô mai mang một hình thức đặc biệt, có lẽ chỉ có riêng ở tác giả và cũng chỉ xuất hiện một lần, trên một độc thoại nửa thơ, nửa văn xuôi, hiện lên câu chuyện tình hư hư thực thực với những đoạn hát đôi của nhạc kịch, xen kẽ là những tùy bút đầy không khí và những đối đáp lý thú về công việc sáng tạo mà ông gọi là “thể nghiệm”. Gọi đây là một tác phẩm thơ thì nó là một thứ thơ không chút bận tâm đến những quy ước có sẵn về thơ. Và quả thật nó là thơ đến tận cùng, ở một thứ ngôn ngữ đầy nhạc tính bên trong, nén chặt và âm vang, gợi cảm và gợi tưởng, ở chất trữ tình trí tuệ,

bông đùa róm máu. Nó là thơ ở công phu làm bằng tiếng Việt, thứ tiếng Việt – Đặng Đình Hưng, quanh co và nhảy vọt, chắc nịch và lan man”.

Tôi may mắn có một thời gian dài thường xuyên uống rượu cùng ông tại nhà và tại các quán quen quanh nhà từ đầu thập kỷ 80 của thế kỷ trước. Vậy nên những hiện thực mà Đặng Đình Hưng chuyển vào “Ô mai” đều rất quen thuộc với tôi. Nhưng lạ, khi qua thơ ông những hiện thực ấy đều lấp lánh một ánh sáng khác thường chiếu dội từ tinh thần cách tân thơ của ông.

Vẫn là cái buồng tầng hai của tòa nhà 5 tầng khu Giảng Võ nhìn ra đường, cái buồng ông được đích danh thủ tướng Phạm Văn Đồng chỉ thị thành phố cấp cho ông sau khi Đặng Thái Sơn đoạt giải F.Chopin, cái buồng mà ông đã viết: “Sống khuôn nhịp. Tới mức người cùng cái ngôi nhà năm tầng này như thuộc. Thuộc giờ đi, về, sức nặng, nhẹ, dài, ngắn bàn chân cầu thang”, cái buồng mà ông đã từng bao năm “thường ngồi giờ dài, chẳng nghĩ. Chỉ cảm. Cảm bằng da. Da của mắt – bàn tay – chủ yếu là lưng. Tới mức toàn thân gắn hẳn vào không khí, đồ vật, tường, buồng”, khi vào thơ ông thấy khác lạ nhường bao.

Vẫn là những quán bình dân quen thuộc mà ông “một ngày hai lần, anh ra quán. Uống và nhìn. Nhìn người. Anh ngồi dài, tắm vào cái số đông di động ở quán. Cùng ngàn ấy cảm giác – lạc thú. Cái âm âm ở quán, anh âm âm vỗ theo” thì chỉ với hai động từ “tắm” và “vỗ theo”, Đặng Đình Hưng đã gọi cho ta những gì nhảm chán, tẻ nhạt của kiếp người phải “ăn dần thời gian sống” một cách vô vị đến thế.

Vẫn là cái chợ quen mà sao khi qua thơ Đặng Đình Hưng, nó tràn trề, cựa quậy một nỗi đời nhưng nhức. Cái chợ – nói như Thanh Thảo – đã ở trong ông mà trào ra từ khi nào, trào ra từ cơn thèm một cái gì đó: “Điểm cao của thèm có khi chạm lại



tất cả các thứ thềm: ăn – nghe – nhìn – ngẫm, chẳng hạn ăn một quả chuông buông giờ”

Vẫn là một cuộc dọn dẹp, thanh lý các thứ thừa trong nhà, nhưng khi qua thơ Đặng Đình Hưng ta thấy sừng sốt ngạc nhiên như cả một thế hệ khi chột ngoái lại hồi ức, quá vắng, kỷ niệm: “Anh. Thuốc long ra. Những khuôn mặt chập lại. Phải nhẹ tay bóc ra. Lâu chưa? Không mở ra nhìn – Không mở do thiếu tình – hay ghim tình mà thời gian ăn mặt. Thời gian ăn cả đá, cả sắt, cả sỏi, sắt chuyển thành vôi đất – chả cứ người – nhan sắc và công danh”. Một cuộc “lọc – thải và giữ” những gì đã sống qua, đã lưu lại đến chất chùng trong cõi lòng tan nát: “Dùng dằng trước cái đồng này. Ở hay đi? Cái đồng hiện thân một mảng đời dài. Một cuộc tổng tảo mộ. Để làm gì mà tổng tảo mộ! Một quyết định gì đây? Hay chỉ là cơn nghiện bệnh tật quen ăn quá khứ che lấp đi cái hiện hành”.

Vẫn là phở quen của Hà Nội cổ xen lẫn Hà Nội cũ và Hà Nội nay. Vậy mà khi qua âm hưởng thơ Đặng Đình Hưng ta cứ thấy ngỡ ngàng lạ thường: “Phở: những dòng đi lúc đậm, lúc nhạt. Vôi – vừng – tránh xa nhau ... Đi! phở – ngoặt fô – lại ngoặt fô ... anh đi fô fô cột đèn ... Về – fô lác đặc đèn ...”. Cái mòn mòn, quen quen, nhạt nhạt cứ xâm lấn ta bởi nhịp lời, chữ cứ cuốn đi, cuốn đi không cưỡng nổi.

Ngay đến cả nàng “Ô mai”, ta cũng nghĩ là đã gặp nhiều lần ở đâu đó trong quán quen. Cũng đã từng thấy tháp thoáng trong căn buồng ông. Vậy mà khi ông thốt lên những dòng thơ tội nghiệp về thân phận nàng, ta cảm thấy như những oan nghiệt nàng đã trải cứ cửa vào ta một cách chẳng thông thường. Cửa nhay nhưt:

*Em đã mắt ầu thơ  
Mắt ước mơ  
Mắt mùa tổ ấm*

Nhà thơ ơi! anh có phép diệu kỳ

*ước mơ mất  
làm lại hộ em đi  
lửa tắt ngang chừng  
nhóm lại hộ em đi*

Đặng Đình Hưng đã phong thánh cho nàng “Ô mai” của mình cũng rất nhẹ nhàng và tự nhiên:

*- đừng khóc  
Đau thương bằng thánh  
Em là người thánh  
Oan là thánh  
Nghe, em của anh  
Đã thoát ra được lời  
Em lấy lại được đời rồi  
Lấy lại y nguyên*

Vẫn là căn buồng “siêu hầm” ở góc đầu tòa nhà trên tầng hai, nhưng khi Đặng Đình Hưng đắm chìm trong cơn thể nghiệm, cái “siêu hầm” ấy trở nên một cõi thiên đê Đặng Đình Hưng siêu thoát hết thủy mọi cô đơn trong suốt cuộc rong rêu phận người góm ghiếc và lạnh lẽo. Cái hầm của Đặng Đình Hưng, cái ghế của Trần Dần ngày nào cũng ngồi đến lồm cả tường, cái gác xép của Hoàng Cầm, cái góc tối của Lê Đạt, cái ghế mây của Văn Cao, tất cả đều đã trở thành giới hạn nơi các ông bay lên qua nỗi cô đơn để hòa nhập vào vô cùng.

Đặng Đình Hưng cách tân thơ âm thầm nhưng không hề cố ý. Bằng tất cả tình yêu da diết con người, cuộc đời ông đã thốt lên bằng cái giọng Kim rất Việt của mình những gì ông đã trải nghiệm, đã thấm thía. Nếu “Bến lạ” mang nhịp điệu cầu kinh thì “Ô mai” mang nhịp điệu nhạc Rap. Vẫn là lời khép lại của người đại diện nhà xuất bản Hội nhà Văn: “Nếu “Bến lạ là cơn

mê sảng của một tâm hồn đầy khát vọng bị dồn nén, thì có thể coi “Ô mai” như một sự giải thoát. Sự giải thoát mà tác giả đã gặp được ở cuối cuộc đời bi kịch của ông”.

Sự giải thoát ấy đã thực sự chấm dứt vào ngày 21.12.1990. Trong cái buồng “siêu hầm” ấy, tôi thấy Đặng Đình Hưng nằm im nặng như những lúc thiền. Nằm im lặng như vẫn âm thầm ngẫm nghĩ những câu thơ, những nét vẽ, những mảng màu. Bỗng thấy như có một cái gì đó bỗng bèngh không nhìn rõ cứ bay bay trong ánh sáng huyền ảo của lúc ông “tạ mùa đi”. Bay bay mà để lại mãi mãi.

Trích thơ:

### **Anh lính và con chim câu**

*Con gió sớm cuối đông cuốn vội  
tiếng tàu bay tắt lịm nửa đêm  
hoà bình về hay mùa xuân tới  
cảm giác cuối cùng hay cảm giác đầu tiên*

*anh lính xuyên đường làng  
nghe hàng dương lay lắt  
tiếng xe trôi rộn rang  
hay chính lòng anh hát*

*vẫn nắng xuân trời cao bát ngát  
mà sao như ấm áp hơn  
vẫn em của hôm qua tắt bật  
mắt bồ câu như muốn bay nhanh*

*cả đàn bồ câu nữa  
lẫm chẫm đôi chân loanh quanh vạt cỏ  
cái mỏ mổ hạt sương*

HUỶNH ÁI TÔNG

anh lính xoè tay đón con chim nhỏ  
hơi ấm hoà bình phủ vào tay anh  
rồi bàn tay mở  
con chim tự do vỗ cánh bay cao  
đôi cánh trắng chóp bình minh rực đỏ

nơi anh đứng là nơi chim ở  
đỡ tổ chim nửa vỏ quả bom bi  
chiến tranh đã quỳ nâng hoà bình lên đó  
đất quanh hố bom rau đã xanh non

ở đất lửa chuyện sống đâu có lạ  
nhưng dấu quen vẫn muốn ngắm lâu lâu  
ngày hoà bình đầu tiên về nơi tàu phá  
lại bay lên rồi ở đấy cánh chim câu.

(2.1973)

**Những giọt mưa đồng hành**

Những giọt mưa ngô ngô say mê  
Đám mây nặng vỡ ra giữa gió  
Những đứa con  
Ồn ào không gian  
Cười nói  
Những giọt mưa chẳng hề mệt mỏi  
Gieo hạt triển miên

Người lính trú vội mái hiên  
Rồi lại đi mảnh ni lông khoác chéo  
Anh lẫn vào mưa lúc nào chẳng hiểu  
Ngỡ mưa dột nên anh

*Có một đứa trẻ con từ trong anh chạy nhanh  
Nhập vào đám trẻ con trần truồng  
Đang hò reo giữa phố  
Có một người nông dân từ trong anh hớn hờ  
Xoè tay đồng hạn đón mưa  
Có một người lính Trường Sơn từ trong anh năm xưa  
Vội vã vắt áo quần ướt mưa hơi lửa  
Có một người... có một người nào nữa  
Người lính bước nhanh  
Anh và mưa cứ như thế đã bao lần*

*Người lính đi  
Đi qua thành phố  
Bao chân trời thử thách đợi anh  
Trong cuộc hành trình chưa nghỉ  
Mưa và anh là bạn đồng hành*

### **Không đề**

*Đưa người yêu qua nhà người yêu cũ  
Roi cơn mưa ban trưa  
Thấy hồn mình tách thành hai nửa  
Nửa ướt bây giờ nửa ướt xa xưa*

### **Đất**

*Em là biển thì anh xin là đất  
Đất lặng im nhưng đất chẳng vô tình  
Đất dịu hiền ôm chặt biển xanh  
Biển sâu thăm mênh mông đất lẽ nào chẳng biết  
Biển còn cào khi vui khi gào thét  
Có hay chăng lòng đất âm vang*

## HUỶNH ÁI TÔNG

Cũng có khi lòng đất bàng hoàng  
Đã sụp xuống nhường thêm cho biển đầy  
Suốt năm tháng mạch đường tuôn chảy  
Đất đắp thêm cho tình biển vui đầy  
Đất âm thầm nghe biển reo vui  
Tiếng sóng vỗ, biết trái tim mình đập  
Có bao nhiêu nước chảy về ôm ấp  
Giành cho biển mênh mông, biển đậm đà  
Trách chi nhiều em hỡi, biển bao la  
Đất lặng im, nhưng không phải vô tình đâu nhé.

### Giọng hát em

Em bỗng đến một làn gió bẽ  
Thanh mảnh chẳng có gì quyến rũ  
Nhưng giọng hát tràn ra  
Chẳng chối từ cũng chẳng thể quay đi  
Muốn chón chạy cũng không kịp nữa  
Ai đem men say ủ vào làn gió  
Giọng hát em rượu chảy trong ta  
Chiều nay mưa sa chiều nay mưa sa  
Ta ướt đầm lô xô tảng đá  
Em vô tình ta càng say lạ  
Em trên cao ta tự nguyện cúi đầu  
Ta dâng hiến âm thanh ngọt ngào  
Giọng hát xoa tóc vào tình tự  
Ta say ngất ta sắp thành ngọn lửa  
Giọng hát em rượu chảy suốt đời ta

**Mùa Xuân dâng**

Bát chợt nhìn trước cửa  
Cành khô nhú chồi non  
Xanh dần rìng tàn sương  
Từ đâu mùa xuân đến

Đã sống cùng giá lạnh  
Đồng đội ấm lửa hồng  
Ngỡ như bàn tay lính  
Kéo rìng qua mùa đông

Rủ nhau cắt lá rong  
Mài sắc dao chẻ lạt  
Quây quần nôi bánh chưng  
Trạm máy cây đào biếc

Bên nhau ôm đàn hát  
Nhớ thương dọc đường dây  
Mùa xuân từ trong ngực  
Biên cương, tuổi đôi mươi

Củi như hương bay  
Xuân nay ai vắng mặt  
Tự nhiên thấy ngập ngừng  
Nơi bàn chân đập nhịp

Suối tràn ra từ đất  
Từ đường dây reo chuông  
Phải từ nơi bạn nằm  
Mùa xuân dâng mùa xuân

## HUỶNH ÁI TÔNG

Trong bài *Nguyễn Thụy Kha trong mắt nhà thơ Hoàng Cầm*, T.X đã viết:

*Nói về thơ tình của Nguyễn Thụy Kha, nhà thơ Hoàng Cầm nhận xét: "Tình yêu của anh với một người nữ nào đó hình như không có khởi thủy, không có kết thúc, không không gian, không thời gian và nghệ thuật thơ anh đã đi đến chỗ không chủ đề, những chủ đề có lẽ là vĩnh cửu khi người thi sĩ viết về yêu". Trong mắt Hoàng Cầm, Nguyễn Thụy Kha là người "lúc nào cũng hồn nhiên tươi tắn, không ủy mị, lợt lợt, cũng không ngông nghênh, làm bộ. Anh thích ứng với cuộc đời trong bất cứ tình huống nào. Những đức tính ấy hiện ra rất rõ trong cuộc sống gia đình, với bố mẹ, họ hàng, với vợ con, với bạn hữu anh càng như thế".*

Tài liệu tham khảo:

- Nguyễn Thụy Kha Web: [vi.wikipedia.org](http://vi.wikipedia.org)
- *Đặng Đình Hưng - Một cuộc cách tân thơ âm thầm* Blog: [nhathonguyentrongtao.wordpress.com](http://nhathonguyentrongtao.wordpress.com)



## 29. Lê Minh Khuê



**Lê Minh Khuê (1949-20 )**

Lê Minh Khuê sinh ngày 6 tháng 12 năm 1949, quê ở xã An Hải, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa.

Năm 1965, được 16 tuổi, Lê Minh Khuê gia nhập thanh niên xung phong phục vụ ở chiến trường Trường Sơn, và bắt đầu viết văn, gửi về hậu phương ở Hà Nội đăng trên báo *Tiền Phong*, truyện của Lê Minh Khuê viết về cuộc sống chiến đấu của tuổi trẻ ở tuyến đường Trường Sơn.

Năm 1969, được chuyển về làm phóng viên cho báo *Tiền Phong*.

Trong bước đầu khởi nghiệp này, nhà văn đã kể lại cho chúng ta biết: “Tôi viết văn trong giai đoạn chiến tranh, khi còn là thanh niên xung phong làm đường, lấp hố bom. Bom đạn cả ngày, hai tai ù đặc, nhìn thấy người chết thương xuyên, nhưng hồi ấy tôi còn nhỏ quá, không biết sợ là gì. Những năm sau này, càng nghĩ càng thấy hãi. Cho đến bây giờ, tôi vẫn hay mơ tới những cuộc không kích và mình ở dưới thật nhỏ bé. Những bài báo, bút ký chiến trường tôi thường ngồi trong hầm kê giấy lên đầu gối để viết, viết xong là gửi những người ra Bắc mang

## HUỶNH ÁI TÔNG

giúp đến tòa soạn báo. Có cái đến được, có cái không. Tôi viết cho vui, không ngờ lại là ám ảnh đam mê theo mình suốt đời. Vậy là sau khi hoàn thành nghĩa vụ thời lính tráng, tôi chọn luôn nghề báo, rồi lại quay trở lại chiến trường tác nghiệp.”

Năm 1973 đến năm 1977 về làm báo Đài phát thanh Giải Phóng, sau đó chuyển về làm biên tập viên văn nghệ Đài Truyền hình Việt Nam.

Năm 1978 Lê Minh Khuê sang làm biên tập viên văn học Nhà xuất bản Hội nhà văn Việt Nam. Nay đã nghỉ hưu nhưng vẫn được tin nhiệm đảm trách cương vị Chủ tịch Hội đồng Văn xuôi Hội Nhà văn Hà Nội, Phó Chủ tịch Hội đồng Văn xuôi Hội Nhà văn Việt Nam.

Sau năm 1975, tác phẩm của nhà văn Lê Minh Khuê bám sát những biến chuyển của đời sống xã hội và con người trên tinh thần đổi mới.

Lê Minh khuê đã đoạt được các giải thưởng:

- Giải thưởng Hội Nhà văn Việt Nam năm 1987 (Tập truyện ngắn: *Một chiều xa thành phố*).
- Giải thưởng Hội Nhà văn Việt Nam năm 2001 cho tập truyện ngắn *Trong làn gió heo may*.
- Giải thưởng văn học mang tên văn hào Byeong-ju Lee của Hàn Quốc vào năm 2008.

Tác phẩm:

- *Những Ngôi Sao Xa Xôi* (1971)
- *Cao điểm mùa hạ* (truyện ngắn, 1978)
- *Đoạn kết* (truyện ngắn, 1980)
- *Một chiều xa thành phố* (truyện ngắn, 1987)
- *Em đã không quên* (truyện vừa, 1990)

- *Bi kịch nhỏ* (1993)
- *Lê Minh Khuê truyện ngắn* (1995)
- *Những ngôi sao, Trái đất, dòng sông* (tiếng Anh, 1996)
- *Trong làn gió heo may* (2000)
- *Màu xanh man trá* (2003)
- *Những dòng sông, buổi chiều, cơn mưa* (2003)
- *Một mình qua đường* (2006)
- *Những ngôi sao, Trái đất, dòng sông* (tiếng Việt, 2008)
- *Nhiệt đới gió mùa* (2012)

Trích văn:

### Ráp Việt

Chị Hường chủ nhà nghỉ, một loại nhà nghỉ bình dân bảo Canh đầu rồi sao cái phòng 203 không mở được khóa. Canh đi lên cầu thang cúi cái thân hình to béo bảo vệ nghe hỏi vậy rất nghi hoặc bảo phòng đó hôm chủ nhật có hai người thuê trả tiền trước ba ngày nhưng ngay buổi tối thấy trả phòng hỏi người nữ đầu người nam bảo đi ra rồi. Anh chị có lấy lại tiền không bảo thôi để đây bo cho mấy anh. Người nam này trẻ hơn người nữ trông như chị em nhưng đeo kính đen to trông cổ áo khoác dựng lên không rõ mặt lắm. Sao biết trẻ hơn? Dạ nghe giọng thấy chỉ độ hai mươi người nữ cũng không rõ mặt lắm vì lúc ra không thấy lúc vào quàng khăn to nhưng trông dáng đi thì có vẻ già già. Chú chỉ được cái đoán mò đoán mẫm. Dọn phòng rồi chứ gì? Vâng. Nhận phòng thấy tinh tươm không mất thứ gì kiểm tra tủ lạnh tủ quần áo toa lét, kiểm tra ngay mới cho người nam đi, không mất gì. Đã có ai thuê phòng đó chưa? Bốn hôm rồi không có ai thuê. Hôm có lớp học sinh đi trại đưa chìa khóa phòng đó chúng nó nhận lên giữa cầu thang chúng nó lại đổi sang 206 không lấy 203 nữa. Hỏi sao không lấy chúng nó bảo không thích.

Mấy người nữa nhập bọn. Vừa đi vừa lời qua lời lại.

Cũng lạ nhỉ. Phòng nhìn ra chân núi đẹp thế nhiều người thích. Hay có ma mãnh gì nó ám nhỉ. Lúc này tra chìa khóa mà không mở được đây này... Cả tốp gồm chủ nhà nghỉ, trực tầng, bảo vệ đêm và thu ngân vừa đi vừa thấy hồi hộp chìa khóa xúng xoảng đi sát vào nhau có người còn nắm tay người bên cạnh. Nhà nghỉ kiểu của những năm chín mươi chưa cũ lắm nhưng không phải loại hiện đại bây giờ. Mỗi người xoay vài vòng mà khóa vẫn không mở ra được. Sau cùng bảo vệ và trực tầng vạm vỡ cùng ô dô ta - lao nào. Cửa gỗ tung ra. Cả mấy người cùng bị gió thốc vào mặt. Gì thế nhỉ? Mùi. Ở cái xứ nhiệt đới gió mùa này không có gì gây ấn tượng bằng các thứ mùi của nông thôn giờ không còn cây cối cống rãnh ngập ngụa của thành phố đất chật người nêem cối suốt ngày bốc mùi đặc trưng của sự bừa bãi hoang dã thậm chí có người vào nhà hát Tây thành phố lớn cũng có mùi tràn vào nhạc giao hưởng cổ điển. Nhưng cái mùi này thì khủng khiếp y như thời chiến tranh đi qua cái làng nào đó bị bom đạn tàn sát mà chưa kịp dọn. Mùi người chết. Nhưng đâu phải ai trong đời cũng một lần bị mùi đó thốc vào mũi. Mọi người nôn nao mặt cùng xanh một lượt. Như bị nước rêu quét vào da. Có ánh sáng tràn vào, căn phòng như có sự chuyển động như có sự đánh thức vì mấy hôm rồi chưa ai mở cửa. Ai đó thét lên: dò! dò! thật đấy kìa! Những vật thể tròn móm mốp bằng đầu đũa màu ngà ngà bò như cách bò của bọn bò sát tỏa ra trên nền đá hoa. Chúng bò từng dãy dài từ trong gầm chiếc giường đôi nhà nghỉ không cao không thấp có những thang giường to tướng chịu được các trận đấu đá thuê giờ. Đàn bà chạy ra hành lang nôn ọẹ. Bọn đàn ông gan hơn vẻ có trách nhiệm khoát tay bảo nhau cứ vào xem sao. Rồi thay nhau khiêng hẳn cái giường lên.

Loại giường hộp này lâu lâu người ta mới dựng dất lên quét bụi bên trong. Còn thường thì ít khi lia được chôi vào trong gầm mặc kệ các thứ bụi bẩn các thứ tiện tay ném vào từ vỏ chuối đến bao cao su. Giường khiêng lên và tô hô một... xác chết. Nữ xác chết đặt trên một cái khăn ni lông trải bàn đầu gối lên cái

túi da đắt tiền loại túi giá ngàn đô mà các cô nàng tỉnh lẻ có tiền khoác vai đến các quán rượu mở cho dân làm ăn đang học đòi thượng lưu. Đồng quê nhưng vào được giới có tiền buồn đất tiền phần trăm dự án tiền hối lộ thừa sức thượng lưu dù đi ỉa quên giặt nước dù ngồi xôm trên ghế thả sức xia răng như gõ mõ súc miệng ờng ọc. Một trong mấy gã đàn ông nhìn xác chết kịp nghĩ từng ấy điều khi thấy “đồng bào” nằm đó quen mặt nhưng ít giao tiếp vì xưa nay khinh tái nhau... “Đồng bào” này mặt đã lở chỗ ruồi bâu dòi đã đục vào hốc mắt đã bò từ tai ra hàng đàn nhưng vẫn nhận ra nàng là Lan Hương cái tên khá thông dụng. Là một trang nhan sắc do có mấy lần lên thành phố lớn dao kéo. Nàng là con gái một thợ cắt tóc cựu binh chiến tranh biên giới. Thợ cắt tóc thuộc thành phần cơ bản công nông trúng ủy viên hội đồng nhân dân huyện từ ù li chân chất vào chân ủy viên họp hành gặp gỡ ông thợ cắt tóc trở nên ma mãnh. Ông tư vấn cho cánh đàn em nên mở rộng các hoạt động xã hội thu hút tiền đầu tư cụ thể huyện này thời chiến tranh có cây cầu nổi tiếng vì bị Mỹ đánh phá ác liệt lại nổi tiếng vì có một tấm gương bảo vệ cầu. Dù chỉ được liệt vào hàng anh hùng ở địa phương nhưng đang có phong trào học tập gương sáng tiền bối sao ta không mở cuộc thi làm ca dao hò vè rồi đọc diễn ca về anh hùng quê hương? Dự án trình lên. Phong trào phát động. Diễn ca đọc ra rả trên đài huyện đài tỉnh. Thơ ca đồng. Các trường học cứ sáng thứ hai trẻ con tập trung dưới cờ nghe đọc các thứ nọ kia. Bọn trẻ đi học sớm đã buồn ngủ lại nghe những chuyện đầu đầu chúng nó vừa ngáp vừa thờ ơ vừa cau kinh. Nhưng tiền thì về. Tiền về. Đó mới là quan trọng. Tiền nhiều thì phần trăm nhiều và các sếp ở huyện nở mặt nở mày. Tiền phần trăm là chính đáng không bị liệt vào tham nhũng. Các sếp cảm ơn ông thợ cắt tóc cựu binh đã sáng suốt nâng được tâm chính trị cho quê hương lại dầm tay nặng túi. Trớ trêu thay con gái cựu binh thợ cắt tóc nằm chết trong gầm giường nhà nghỉ dòi đục thủng mắt thủng tai. Mới có mấy ngày mà bọn nó đã ăn ruồng thân thể giai nhân. Nhan sắc tuyệt trần cũng không kháng cự nổi mấy con bọ...

Gã đàn ông nãy giờ nghĩ ngợi về cái sự “đồng bào” nằm kia về ông thợ cắt tóc ủy viên về con gái cưng Lan Hương của ông. Nàng là một trang anh hùng hiem có. Nàng lên tỉnh khi túi mỏng lao vào nghề chạy quảng cáo cho một công ty truyền thông. Anh em là lướt tuốt luốt với các giám đốc các chủ doanh nghiệp bất cần gì dù đó là một lão ngà ngà hoa râm nách bốc mùi vì nốc rượu thịt chó thịt mèo nhưng tiền tỉ xí nghiệp nhà nước gã nắm trong tay. Lan Hương đặt đầu các lão lên đùi mặc váy ngắn một tay vuốt ve phần nhô ra của lão một tay đưa bút cho lão ký. Tám mươi phần trăm phi vụ thành công. Hai mươi phần trăm kia thuộc về các sếp có lương tâm, sếp keo bản hoặc sếp có chữ nghĩa. Số không ký nổi này lại ít tiền. Nên nàng đêch cần. Nàng thắng lớn. Tiền quảng cáo của nhà nước rót vào tài khoản riêng trong hơn một năm nàng có vài trăm ngàn đô. Sếp lớn trên tỉnh gà cho nàng lao vào bất động sản. Giàu có hơn bất cứ một sếp nào ở huyện nàng lại còn chạy được cả bằng tiến sĩ. Nhan sắc tiền bạc học vị... đủ cả nhà vài cái đứng tên cho thuê trên tỉnh lãi mẹ đẻ lãi con trên tài cả bố. Nàng chỉ còn thiếu mỗi mùi chính trị xã hội để có thể sánh ngang anh em đứng trên đài vẫy tay đoàn người vô danh cờ hoa diễu hành ngày lễ. Nàng đăng ký kể chuyện anh hùng quê hương... Nàng kể chuyện và đã vào giải nhất.

Nhưng giờ nàng nằm đây. Sao thế nhỉ? Dòi đã đục mặt đã rỗ xác đã trương phềnh... Gã đàn ông nãy giờ nhìn Lan Hương thắc mắc thường ngày vẫn khinh bỉ gọi loại này là “nệm mút” do thấy sức trai thời nay không thể sánh được với tài năng chinh chiến của các nàng thấy loại này như sứa đi khe cửa hẹp cũng qua nên gã cú. Gã vừa ghê sợ vừa hả hê nhìn vô số người đang rầm rập chạy đến bu đây hành lang nhà nghỉ. Tay thanh tra cảnh sát huyện đang dùng di động gọi về tỉnh. Vụ án rất kỳ lạ anh ạ mời các anh về. Cô Lan Hương đoạt giải nhất kỳ thi kể chuyện anh hùng quê hương nên vụ này càng quan trọng. Tôi nghĩ có thể có yếu tố chính trị. Nhà nghỉ này cũ nhưng mới bán lại cho chị Hương người tỉnh khác đến cả chủ cả nhân viên đều

ở xa nên không ai rõ mặt đối tượng đi cùng Lan Hương. Lại chỉ có một chứng minh thư của Lan Hương đăng ký thuê phòng... Chứng minh thì giờ vẫn còn ở lễ tân.

Chúng tôi phải xuống rồi! Lờì trên tỉnh - Do cô này có tiếng trong ngành tư tưởng đang đưa vào diện kế cận từ hôm thi kê chuyện.

Chị Hương chủ nhà nghỉ khóc mếu bảo em mua chỗ này không rẽ bây giờ xác chết trong gầm giường ai dám đến nữa.

Cậu Canh bảo vệ cố nhìn từng khuôn mặt đàn ông trong đám hiếu kỳ kéo đến chậ hành lang xem có nhận ra ai không nhưng bó tay. Ai biết sự thể này mà lòng trước. Dám giết cả người giải nhất thi kê chuyện anh hùng quê hương. Bắt được tử hình là cái chắc... Không ai ngờ sát thủ trẻ măng đứng ngay cửa ra vào. Một chàng đầu húi kiểu tài tử Hàn Quốc mặt còn lông măng cao lớn dáng dấp tinh thành mặt mũi sáng trưng áo phông quần bò như mọi gã ở mọi nơi trên hành tinh thể kỷ này. Sát thủ điềm nhiên đứng trong đám người hiếu kỳ vô can nhìn ngó. Người ta đang đo đạc đang dùng kính lúp soi chiếu rồi chụp ảnh rồi dùng kim bỏ các thứ lật vậ quanh xác chết vào các túi ni lông trong. Dòì đang bò ra phía ánh sáng người ta dùng một thanh gỗ chặn cửa... Mọi con mắt mê man quan sát. Cả sát thủ. Hấn cũng quan sát như không phải việc mình gây ra. Cho đến lúc một vị oai vệ mặc cảnh phục chen vào và quát to: ra hết. Sao lại để đông thể này. Ngăn hiện trường ngay!... Sát thủ bị đẩy ra cùng với mọi người.

Sát thủ tên là Cảnh, đang học đại học trên tỉnh. Là cháu nội ông Hùng. Người mà cả quê hương tôn vinh suốt những năm chiến tranh giờ đột nhiên người ta ra rả tên ông! Ngày và đêm.

Cảnh mím môi thỏa mãn và cả liêu lĩnh. Bây giờ có bị bắt cũng thoải mái vì việc làm của hấn là để trả thù cho cái việc đem

ông hẳn ra bờm xồm... Cảnh lấy xe máy đi một mạch về nhà ở đầu phố huyện nơi trước kia là một rừng cây ôi cho quả thơm lừng giờ này là một rừng xi măng với nhà mái bằng giống nhau cả chỗ đi ia. Mẹ Cảnh ngồi máy khâu đang sửa quần áo thuê thấy Cảnh lằm lì đi xăm xăm vừa nhìn theo con vừa cười: lại gây sự ở đâu rồi! Cảnh không trả lời đi tuốt lên tầng thượng nơi để bàn thờ, ông nội trong ảnh phóng to đặt giữa bàn thờ. Ảnh ông chụp sau kháng chiến chống Pháp chưa đầy ba mươi tuổi tóc rẽ ngôi lệch chải sáp bóng rảnh ông hơi hô trong ảnh trông ông như cười. Ba tấm huân chương ông cài áo trong ảnh giờ thêm hai nữa là năm huân chương cài trên nền vải đỏ để trong khung cạnh ảnh ông. Ông bị mất một chân thời đánh Điện Biên sang đánh Mỹ ông không thể tái ngũ. Ông phụ trách dân quân huyện nhà - tiểu sử về ông ghi như thế. Các bài học ở trường tiểu học huyện thường có bài ngoại khóa như thế. Mỹ ném bom dữ dội xuống Cầu Kim bắc qua sông có con đường lên phía Bắc chở hàng viện trợ. Đường tỉnh lộ nhưng vài cây số nữa là tới đường quốc lộ. Mấy thằng phi công Mỹ gầm rú sấm soi ông cho đại đội dân quân bắn trả rơi một thằng F105 ở trên núi. Thời đó bố Cảnh cùng lũ bạn tiểu học chạy lên núi lũng phi công Mỹ nhưng bộ đội ở bên kia núi đã làm xong mọi việc. Các bài ngoại khóa kể cho trẻ con trong huyện dựng lên đúng hình ảnh ông nội đi chân giả đội mũ sắt phát cờ hiệu hô bắn.

Cảnh phổng mũi suốt thời học ở quê hương. Phổng mũi với bọn bạn không phải vì ông chỉ huy bắn máy bay mà chỉ đơn giản ông là ông nội hẳn. Gần một năm nay cả huyện như phát rồ học tập. Đủ các thứ gấn cho ông. Chăm lo công tác. Tiết kiệm cần lao. Tính quần chúng cao. Gia đình xã hội hài hòa... Ra rả ở các buổi họp phường họp xã. Bọn trẻ con thi nhau hót những điều chúng nó chả bao giờ nghĩ đến... Thằng bạn Cảnh dạy cấp hai rĩ tai Cảnh tao bạn mày tao nói thật mày đừng nói lại với ai cứ cái kiểu này người ta ghét ông nội mày rồi ghét sang cả mày liệu hồn đừng xuất hiện nhiều chỗ đông người chúng nó ném đá củ đậu vào đầu mày tan xác!



Mẹ Cảnh bảo ông là anh hùng sống trong dân gian ai lại nữ đem ông ra làm trò như thế.

Cảnh bó tay.

Lúc này Cảnh thấp hương. Vái ông. Thi thăm ông ơi cháu khừ cái đĩa dấm đem tên ông ra hát trên sân khấu. Cháu không phải giết người đâu vì nó không phải là người nó lão nó hỗn cháu làm phận sự của người cháu ông phù hộ cho cháu ông nhé!

Mắt ông nội trong ảnh như cười. Thở hương rung rinh khói. Cảnh cảm thấy như vậy. Hấn lấy ít đồ đạc rồi bảo mẹ con về trường đây mẹ ạ. Không nghỉ chủ nhật à? Con có việc gì hỏi mẹ cứ bảo con không về chủ nhật nhé. Cứ xem như con không về mấy hôm vừa rồi. Nói như chơi. Cả tuần mày lang thang ở thị trấn mà lại bảo không về. Cái thằng! Thi có thể nào mẹ nói như thế. Con đi chơi loanh quanh rồi ở nhà nghe nhạc xem phim. Mẹ cứ nói như thế.

Mẹ Cảnh là lạ nhìn thẳng con. Có gì mà phờn thế nhỉ!

\*

Buổi chung kết kể chuyện anh hùng quê hương trong hội trường ủy ban huyện xanh đỏ y như các buổi hội hè cấp huyện thời xưa. Những cờ những khẩu hiệu những đội cờ vũ mũ giấy trên đầu tay giăng biểu ngữ hò hét cổ lên cô chú cổ lên anh chị làm cả hội trường rung rinh tường gạch. Phần thưởng trao giải nhất một ngàn đô la Mỹ nên các đội các anh chị thi nhau trở khả năng trời phú người phú. Nàng Lan Hương leo lên hạng A sơ khảo nhưng lại đành để kết thúc buổi thi cho có ấn tượng với vị to trên tỉnh về dự và các vị chủ chốt huyện nhà. Một tốp thanh niên trương cờ cổ lên Lan Hương đứng sát sân khấu, y như các buổi truyền hình giao lưu. Lan Hương mặc váy có đuôi như váy cưới hoàng gia bên Tây cổ áo lại bình dân khoét

xuống phần nùm ngực giày cao gót nhọn như đỉnh đầu gắn mũ lấp lánh như đầu hoàng hậu. Nàng đứng bên phải. Bên trái xuất hiện hai chàng mặc y chang nhau quần lửng vô số túi hộp áo đen ba lỗ in hình một thằng người đang ngoác mồm tóc dựng như bị điện giật, cổ hai chàng tròng hai xích bạc to tướng. Trong mấy phim tài liệu về thổ dân Nam Thái Bình Dương người ta thấy những gã y như thế này nhưng đi trong rừng ăn sâu nướng. Trên loa đang giới thiệu hai chàng nói rập. Mấy bà già ngồi phía xa bảo nói rập là nói để đấy. Như trong chèo có nói đề.

Lan Hương giọng cao vút rồi hạ xuống trầm trầm giọng đàn ông. Lan Hương gọi ông nội thằng Cảnh là đồng chí. Điều này làm thằng Cảnh tức. Bất đầu tức. Cô nàng cố lấy vẻ nghiêm trang trí thức kể thế này thế kia về gia cảnh về tình yêu về đức cần kiệm liêm chính về tinh đồng đội về tinh thần vượt khó xây dựng quê hương... Những điều mà bố mẹ thằng Cảnh chưa từng kể. Nó nghe. Nó nghĩ ông nội nó cũng giản dị như ông Thương bạn ông chỉ có điều ông chân giả mà vẫn bán được máy bay Mỹ và người ta phong anh hùng. Có gì mà con dĩ kia bịa tạc hót như khướu. Trên trời ông sẽ bực lắm đây. Cảnh cố chen qua các hàng ghế để đến gần sân khấu, gần vị to trên tinh đang ngồi cùng các vị huyện. Tai hắn không bỏ sót một lời từ cái giọng chuyên đi mời các đại gia cái giọng của bọn đàn bà con gái ở quê ra làm chiến binh đánh phá vào tận giường ngủ các nhà tường dày cửa chắc đang xây dựng luật lệ gia phong. Kể đến đoạn người anh hùng chia tay người vợ trẻ lên đường lên Tây Bắc giọng cô nàng pha chút thô lương nhưng cô nàng điều chỉnh ngay cho hợp với không khí hào hùng.

Đột nhiên cô nàng ngừng bật hát đuôi váy liếc sang chỗ hai rapper đang chờ vào nhịp. Các rapper cất giọng và mọi thứ ở đây một chút ở kia một chút rồi nhại popping và locking - băng đĩa tràn ngập phố huyện nhại gì chẳng có. Rồi các rapper sờ gáy giơ hai tay về phía trước rồi vuốt vai rồi cúi người quay tư

rồi sờ chim rồi đập gót chân... nói tóm y hết các rapper da đen đang nổi đình đám trên ti vi cáp. Rồi người nọ nói người kia nghiêng tai rồi ngược lại rồi cả hai cùng nói. Tiếng Việt nói một chặp cũng ra ráp. Như ai. Chỉ có điều ráp tiếng Việt lại có nhịp điệu sáu tám thơ lục bát - *Ta anh hùng thời nào cũng sẵn - Sĩ chết- Người chết thì đã anh hùng - Sĩ chết - Bảy mươi tuổi lại bước vào đời - Sĩ chết - Hiếu ra cái sự ăn chơi khôn cùng - Sĩ chết - Khi tuần tự lúc cao trào - Sĩ chết - Đứng nơi đứng lúc ngọt ngào vô biên - Sĩ chết...*

Lan Hương nhún một bên. Hai rapper nói ráp một bên. Huýt sáo vỗ tay. Hai rapper vuốt tóc cúi người sờ chim sờ chân chém gió móc tay túi quần mồm miệng tía lia nhạc sàn ngoáy tít đèn như phim chiến tranh tia lên trần chiếu tìm máy bay phát xít thế chiến. Lan Hương cứ chen giữa các giọng ráp kể theo bài soạn sẵn mà tay nghệ sĩ phòng văn hóa huyện bịa tạc. Vỗ tay ầm ầm. Các VIP ngồi bàn đầu trải khăn kẻ ô để hoa nhựa cạnh chai la vi mặt mày phương phi ngả người tỏ vẻ chăm chú. Cảnh nhìn cả bọn thấy kích động toàn thân tê buốt như bị dội nước lạnh đứng đình đầu. Hấn không còn thấy tức. Hấn thấy căm thù.

Cái gã cứ đệm sĩ chết giữa mấy câu ráp giờ lại gần Lan Hương giờ tay bá vai cô nàng. Gã kia nhảy tung tung. *Ngày xưa lắm cái tù mù - Sĩ chết - Biểu sao làm vậy cộng trừ giản đơn. Sĩ chết... Bây giờ thời đại kim tiền. Sĩ chết. Quyết sớm một tí quy tiên phí hoài. Sĩ chết!* Lan Hương kể về đức tính cần kiệm của người anh hùng. Thời đó, nghe bố kể nghèo khổ cả làng nghèo khổ cả nhà có gì phải tiết kiệm. Cái đệm mút kia bịa không biết gương. Khổ nỗi cái loại đệm mút cao cấp này bảo kê bảo hiểm đầy mình. Cả thị trấn xôn xao từ lâu cửa nào nó cũng lọt nhờ tiền nhờ lười trên lười dưới chả ai làm gì được cả hai cha con nhà nó. Vụ này Cảnh nghĩ mình phải tìm ra cách chứ không thể chịu được nữa. Trên kia hai rapper đưa đời sống tươi rói để kết bài ráp bằng ca dao rao vặt. *Bàn là quạt chấy máy*

*bơm ti vi tử lạnh nôi com bộ đàm công tơ cát xét đầu dàn dùng  
lâu đã hỏng thành hàng bán đi... Sì chết!*

Vỗ tay như sấm. Giậm chân rầm rầm. Vị cao nhất ủy viên tỉnh ngã người chộp mắt nhìn váy chấm trên sàn Lan Hương. Vị này nghe nói thành tích chiến tranh biên giới chống Tàu đại đội trưởng bộ binh dốt đặc được mỗi đức tính là mê gái. Mê gái nghĩa là còn một góc mù mờ không đến nổi đặc sệt mùi tiền. Vị đứng đặc rời chỗ ngồi các vị theo hầu cỡ ủy viên cấp huyện mục mị theo sau như bị đánh thuốc mê do cái sự ồn ào vừa diễn ca vừa kể vừa rập dù lời lẽ nghe chả thủng chữ nào. Cảnh cố chen chân theo đoàn ra hậu trường. Cảnh có gã anh họ vai u làm cảnh vệ vị trên tỉnh nên Cảnh vào được nơi vị trên tỉnh giải lao. Vị ủy viên tỉnh ngồi giữa các quan chức huyện nhà thân mật vỗ vai vỗ người rồi bắt tréo chân ngồi ngã người rồi nheo mắt. Vị này răng trắng không phải loại răng Zombie mà các vị u năm mươi u sáu mươi sở hữu tài sản nhan sắc mà cha mẹ đầu tắt mặt tối để lại đến lúc làm quan cũng không buồn chỉnh sửa nên mòm mửa ra cứ đen sì sì một lượt lại nham nham nhở nhở. Vị tỉnh này cười tươi răng trắng chả biết thật hay giả nhưng ít nhất cũng chiếu cố mắt thiên hạ. Một gã đưa đến chai rượu giải lao khi chờ ban giám khảo xếp hạng. Ngoài hội trường huyện náo ca nhạc học sinh chào mừng ngày kể chuyện anh hùng quê hương. Vị trên tỉnh, có lẽ rất là quen sự này nên cầm ngay chai rượu còn vương vài sợi rom ngoài vỏ. Vệ sĩ anh họ ghé tai Cảnh chai này ngàn rười đô! Cha mẹ ơi! Cảnh rên. Chai rượu uống chơi chơi ngàn rười đô! Ăn thua gì. Vệ sĩ anh họ thành thạo ghé tai thẳng em bảo đứng xa xa ra đằng kia. Cảnh nán lại xem vị trên tỉnh phát biểu về chai rượu uống chơi. Vị nhìn lướt qua quay quay cái chai một chút rất sành điệu rồi gật đầu uống được ha! Tay hầu rượu đưa ở khách sạn đến cung kính đón cái chai để mở nắp rót ra mấy ly chủ chốt. Nâng ly. Chạm cốc. Cảnh mê man nhìn các vị. Nghe nói nhiều vị hay diễn. Thường uống loại xịn ở chỗ vắng vẻ còn các vị này có vẻ không thèm diễn. Quên cả cái sự những chỗ đông người thế này nên diễn

chữ cần kiệm thương dân nghèo đói không nỡ uống chơi ngàn rưỡi đô tài sản của một nhà làm cả năm. Về mặt của vị trên tỉnh tươi tắn loại quan càng ngày càng trẻ đẹp vị nâng ly rượu sánh màu mật ong cung bên phải bên trái. Nhìn cách vị uống rượu Cảnh nghĩ các vị không tội gì mà diễn thật. Cái gì đến tay thì cứ ô kê đời ngắn lắm. Vị trên tỉnh ngó nghiêng đưa mắt tìm kiếm trong đám đông ở cuối phòng. Ngay lập tức nàng Lan Hương sà lại nhanh như bướm. Nhìn gân cô nàng tóc nhuộm nâu đỏ da tay trắng nõn cầm xẻ mắt lộ mi. Nàng rẽ váy lại gần và ngay lập tức nàng như ngồi lên đùi vị nhưng để giữ khoảng cách nàng lại xích ra một chút lả lướt nhưng đoan trang đủ cho vị nọ muốn giơ tay ra rồi lại để ngang cho xứng địa vị cấp trên đảng hoàng. Nhìn từ xa thấy hai kẻ vừa bõm xòm ông nội mình bây giờ đang diễn trò vừa nâng đỡ vừa dựa dẫm nhau Cảnh mím môi mẹ kiếp cuộc đời. Khi ông nội hy sinh cha mẹ Cảnh chưa gặp nhau. Còn ở tuổi thiếu niên. Nhưng Cảnh ngưỡng mộ ông không muốn ai đưa ông ra đám đông ồn ào làm linh hồn ông xao động.

Vị trên tỉnh đang khen dứt lưỡi giải nhất giải nhất! Cô kể chuyện thật duyên đặc biệt xen vào bài kể chuyện lại có nhạc rập nội dung như vậy là hỗ trợ cho nhau anh hùng có thời xuất sắc giờ đây cuộc sống tiếp theo thật hoành tráng. Tốt tốt! Các vị huyện hân hoan thành thích huyện nhà được tỉnh nhìn thấu. Lan Hương cư xử đúng chức phận nòng cốt. Vị kia nhìn nàng đánh giá cao thế hệ kế cận rồi bảo chuyện công tác đoàn thể để phát huy. Xem như cô nàng toại nguyện ước mơ đứng trên lễ đài vẫy tay ngày lễ! Vào cầu rồi!

Nghe nói tỉnh nào đó có nàng xinh đẹp không muốn đi bán hàng vào giữ chân rót nước tiếp khách ở cơ quan gạch đoàn thể. Thủ trưởng thành phố tóc bạc vi hành ghé chân. Nhìn giai nhân ôn ẻn vai châm trà rót nước vị tóc bạc xuýt xoa tiếc. Không phải tiếc cho tuổi cao trông thấy đầu xanh nhớ thời trai trẻ mà tiếc cho cái sự bỏ phí tài năng. Vị khều thủ trưởng trực

tiếp của nàng: Này này kể cận đây chứ tìm ở đâu. Cho đi học rồi đào tạo! Cứ tưởng nói qua nói quít ai ngờ các thủ trưởng cấp dưới thực thi trên cả sốt sắng. Nàng nọ nhảy cóc sách vở sao đó giờ nghiêm nhiên áo dài hạt trai đeo cả chuỗi đưng trong giới quan chức tinh chức danh to ùng chữ ký tiền ngàn tỉ ai trước kia trót thờ ơ giờ trông thấy nàng sợ tắc thờ.

Lan Hương xem vậy là vào tầm ngắm. Cô nàng thẳng vai bước lên sân khấu nhận giải nhất mà vị trên tỉnh trao tặng. Cúp pha lê vòng hoa quân cổ. Ông cựu cắt tóc nghẹn ngào. Một vài vị huyện nghẹn ngào nhưng lại có mấy ngài sáng suốt ở huyện thì thảo thế này thì không ổn cái vấn đề nhân cách. Kể chuyện anh hùng phải là người có đạo đức. Khổ nổi vị trên tỉnh đã chấm đã chỉ đạo ai còn dám lẩn tẩn?

\*

Thằng Cảnh lượn lờ cả buổi chiều cổng nhà Lan Hương. Lão bố không còn cái về nhà quê mù mịt thời cắt tóc giờ lão mặc pyjama tưới hoa, con chó cảnh nhặng nhít bên chân vườn nhà rộng như rừng ô tô đậu lỏi ra cổng. Không thấy Lan Hương ra đường hai hôm rồi. Có lẽ sợ đá cù đậu. Bỗng dung mùa mếp ăm cả ngàn đô thiếu gì đứn tức. Cảnh định bụng cứ chờ thể nào tối nó cũng ra tương cho một phát vào đầu rồi chuồn... Sau cùng lại phải nhờ đến cái di động. Cảnh dụ được cô nàng ra quán cà phê ở bên chân núi. Lan Hương cũng hơi sững người khi thấy một thằng bé cao lớn sáng trưng chờ mình dưới ánh đèn mờ. Chẳng khó gì cho cô nàng vào bầy với cái về xúc động ngào ngạt khi nhắc đến ông nội khi biết ơn chị đã kể chuyện về ông em hay đến không ngờ bố mẹ em hôm đó đi xem về cũng nắc nỏm cả đêm bảo em tìm chị cảm ơn. Chẳng khó gì cả khi Lan Hương chạm tay vào cánh tay rắn chắc của thằng bé. Lan Hương hơn bảy tuổi cảm thấy toàn thân kích động khi cái sự trẻ trung kia truyền qua da thịt cô nàng như một thứ điện làm mạch máu chuyển như đun sôi dưới mặt trời. Thôi đừng gọi là

chị xưng em nữa mà gọi nhau bằng tên nhé. Cảnh moi cô nàng gật tấp lự. Một cái vuốt lưng từ bàn tay mạnh mẽ một cánh tay quang qua vai như người lớn Lan Hương rùng mình dựa vào thân thể trai tân. Cô nàng thành thạo nhưng toàn nếm của ôi toàn là chồng người ta chưa bao giờ nếm mùi thanh tân của thứ cây chưa rạch ra cho nhựa chảy. Bọn thanh niên hay liếc mắt đưa tình hay thẽ thọt tai cô nàng do cái nhan sắc nhưng đồ thằng nào sấp vô cụ thể sợ phải chịu trách nhiệm cưới xin. Mẹ chúng nó dạy rồi của chung đừng vợ làm vợ thiệt hại cả đời. Nên chúng nó cứ xa xa nên Lan Hương nổi tiếng mà vẫn chưa có đám nào gật. Như một con cái đích thực chính cô nàng ngó ý vào nhà nghỉ. Mới ngồi với nhau hai đêm quán cà phê núi vắng vẻ nhưng không tăng tốc nhờ nó xù thì phí hoài vì chưa bao giờ biết mùi của thứ chưa bóc tem. Lan Hương lùa tay vào lưng thằng Cảnh làm nó phải co vai vì lạnh. Một cách vô thức thằng Cảnh bị lôi đi trước cái dễ dãi của con môi dù hẳn đã tâm niệm phải chủ động. Cảnh bỏ túi quần đôi găng tay và sợi dây dù. Hẳn đi bộ cùng Lan Hương tới nhà nghỉ. Trời tháng chín cuối năm vùng núi tràn ngập hơi lạnh về đêm. Cảnh kéo cao cổ áo như trong máy phim gián điệp. Cảnh bảo Lan Hương đưa chứng minh thư hẳn lên cầu thang trước mở cửa nhìn vô các xó xinh phòng đôi khá rộng giường đôi trải khăn kẻ ô có mùi xịt phòng bình dân gây cảm giác ghê ghê như ghé đá công viên. Cô nàng Lan Hương ào vào phòng hôn lướt qua thằng bé. Vào phòng tắm khá nhanh trở ra cô nàng đã hoàn toàn khỏa thân. Cảnh đờ người nhìn vú nhìn vai nhìn hai bên hông cô nàng cảm giác buồn nôn dâng lên bụng dưới đau quặn một lúc hẳn đứng nhìn trần trần quên cả mục đích. Cô nàng giang tay ôm cổ hẳn đèn không tắt sáng một ngọn trên bàn đêm nàng bảo Cảnh đừng sợ em sẽ bày cách cho anh đi tắm đi. Rồi cô nàng lên giường. Xõa tóc. Lấy nước hoa trong ví xịt gối xịt cổ xịt nách. Vú cô nàng cao vút trong sách nói loại vú này thường bơm si li côn. Cảnh kịp nghĩ rồi lui vào góc khuất gần cửa nhà tắm quan sát cô nàng vuốt lông dọn ổ. Khi cô nàng nằm ườn ra lim dim chờ đợi Cảnh nhìn chăm chăm tưởng tượng tiền đồ lấp ló giữa

hai cái đùi mở ra trắng nõn của cô nàng. Tưởng tượng lúc nào đó Cảnh phải đứng trong đám sinh viên dưới trời nắng nhìn lên diễn đàn có dù che để nghe một ả nhẵn tâm sành sỏi ngu dốt lười biếng sống dựa giàu tiền chục tỉ... đang thao thao rao giảng vớ va vớ vẩn trong khi bố Cảnh con trai người anh hùng vẫn phải lái xe đường dài kiếm sống mẹ ngồi may vá lật vật nhặt từng đồng năm trăm nhỏ. Như mọi người. Như ông Thượng cựu binh bạn ông nhẵn nại với quán nước chè ở gần đường tỉnh lộ. Ý chí làm máu sôi như dầu đun Cảnh lao lên giường phủ lên người Lan Hương lập tức dùng tay đi gắng chẹn cổ cô nàng ngực đè cái gối lên mặt cô nàng. Bị bất ngờ chẹt cổ đè mũi Lan Hương giãy như cá rô mắc cạn. Cực khỏe. Sức sống bùng lên dữ dội nhưng Cảnh to gấp đôi tay quen tập tạ chân quen đá võ hấn khiến cô nàng tắc thở chỉ trong mười phút.

Cảnh im lìm ngồi ở chân giường nhìn xác người đẹp xuôi lơ không còn phập phồng thở như mấy giây sau cùng lúc Cảnh buông tay. Hấn nhìn đôi môi dù có son nhưng đang bắt đầu xám màu chì. Các đầu ngón tay bắt đầu thẳng ra móng tay bắt đầu có màu đen. Có lẽ đã lâu có lẽ đã êm Cảnh bế xác chết để lên sàn gỗ nệm giường gỡ giát giường lục túi cô nàng lấy cái khăn trải, có lẽ loại này đi đâu cũng có khăn trải trừ trong túi. Cảnh trải khăn xuống nền bê cô nàng đặt đầu lên túi đất tiền thân lên khăn trải rồi cho giát giường vào để nệm mút lên gối khăn tinh tươm kiểm tra dấu vết không quên bỏ sim điện thoại của cô nàng ra rồi không buồn nói lời tạ lỗi Cảnh gơ tay như chào căn phòng rồi thông thả xuống cầu thang nói vài lời ở quày lễ tân rồi đi bộ về nhà. Đi như chạy gần khi gần đến nhà nghe đâu đây có tiếng ào ào như tiếng người hấn nghĩ ông nội đi theo để bảo vệ che chở hấn yên tâm ngủ một mạch.

Vài ngày trôi qua. Không động tĩnh.

\*



Chào mẹ thằng Cảnh lấy xe máy đi về trường gần đến lối rẽ về quốc lộ lên tỉnh hẳn quay lại. Cả thị trấn vẫn còn xao xác cái chuyện xác chết trong gầm giường nhà nghỉ. Thời buổi nhiều chuyện phải chết cả chòm chết kiêu đặc biệt mới được dư luận chiếu cố. Chết nằm gầm giường cũng hơi đặc biệt đòi đục ruồi bâu cũng khá là lạ. Có nhan sắc lại ở vị trí kề cận càng đặc biệt nên người ta vẫn còn nồng nhiệt quan tâm. Cảnh lượn xe qua nhà nghỉ. Dừng xe gần một tốp người hóng hót. Cảnh cũng làm ra vẻ hóng. Nghe nói cảnh sát điều tra đã tóm hai thằng nói rập hòm kể chuyện nghe nói tinh chỉ đạo khát khe đề phòng âm mưu chính trị nhưng nghe nói sát thủ này chuyên nghiệp không để lại dấu vết nghe nói nàng này quen biết nhiều khó mò ra ai trong đám giao lưu với lại nhiều người ghét lắm cũng không mấy tận tình truy thủ phạm đâu... Hóng chừng ấy xong Cảnh về nhà cuối thị trấn thấy mẹ đang lúi húi nhặt rau Cảnh bảo con ăn cơm với.

Sao bảo về trường hả con? Con về lấy mấy cuốn sách ăn cơm xong con đi. Vậy để mẹ rán cho quả trứng.

Cảnh nhảy hai bậc một lên tầng thờ. Cảnh nhìn ông nội trong ảnh lấy tay sờ vào khung để huân chương Cảnh thì thầm: Có được không ông? Cháu làm việc này không phải tội ác đúng không ông. Ông nội như hơi cười. Nhìn ảnh ông Cảnh thấy cực kỳ an tâm lại như nghe ông bảo diệt ác trừ gian mà cháu bớt cho cộng đồng gánh nặng cháu làm đúng rồi. Cháu về trường đi học hành tử tế. Không sao đâu ông che cho!

Cảnh thấp một cây hương xoa tay lên ảnh ông. Thấy yên tâm thờ phào cứ thế Cảnh ngồi với ông nội mãi tới khi mẹ gọi với lên bảo có ăn tôm không mẹ mua nhá người ta gánh tới đây này.

Không gian trên này là của hai ông cháu.

## HUỶNH ÁI TÔNG

Trong bài *Nghệ thuật xây dựng kiểu nhân vật tha hóa trong truyện ngắn Lê Minh Khuê*, Cao Hồng đã viết:

“Hiểu, thấm thía và đau đớn chân thành cùng dân tộc với những vết thương nhức nhối khó lành sau chiến tranh, nên mặc dù viết về những con người biến chất xấu xa, thậm chí đến quái gở giữa cuộc đời, Lê Minh Khuê vẫn chắt chiu và nâng niu những mầm thiện nhỏ bé, những đốm lửa kỳ diệu của thiên lương còn ẩn náu trong họ. Tái hiện nhân vật tha hoá, Lê Minh Khuê đã vượt qua lối mòn tư duy coi văn học như là tấm gương phản ánh hiện thực một cách đơn giản để thể hiện một cách chân thật sinh động cuộc sống con người như nó vốn có, đang tồn tại. Đó là bức tranh nguyên dạng của cõi nhân sinh đầy phức tạp, đa sự. Đặt nhân vật trong nhiều quan hệ khác nhau, nhà văn soi ngắm số phận cá nhân để từ đó khái quát những vấn đề nhân thế. Xuất phát từ tấm lòng nhân đạo, từ niềm cảm thông sâu sắc với số phận của con người trong bao biến thiên của cuộc sống, từ ý thức kỳ vọng về sự bền vững của cái đẹp, cái thiện chế ngự cái xấu cái ác, những trang văn của Lê Minh Khuê bên cạnh sự lạnh lùng, khách quan còn thấm đượm niềm trắc ẩn, xót xa và nỗi buồn. Đọc, hiểu những ẩn ngữ trong văn chương của chị, chúng ta có quyền hy vọng: ngày mỗi ngày rồi con người sẽ sống tốt đẹp hơn!”

(Nguồn: *Lý luận - phê bình văn học đổi mới & sáng tạo*, Nxb. Hội Nhà văn, H. 2013)

Tài liệu tham khảo:

- Lê Minh Khuê Web: [vi.wikipedia.org](http://vi.wikipedia.org)
- Ráp Việt Web: [phongdiep.net](http://phongdiep.net)

### 30. Nguyễn Huy Thiệp



#### **Nguyễn Huy Thiệp (1950-20 )**

Nguyễn Huy Thiệp sinh ngày 29 tháng 4 năm 1950 quê huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội. Thuở nhỏ ông cùng gia đình lưu lạc khắp nông thôn đồng bằng Bắc Bộ, từ Thái Nguyên qua Phú Thọ, Vĩnh Phúc.

Nguyễn Huy Thiệp chịu ảnh hưởng giáo dục chủ yếu của ông ngoại, vốn là người am hiểu nho học và mẹ, vốn là người sùng đạo Phật.

Năm 1960, gia đình chuyển về quê, định cư ở xóm Cò, làng Khương Hạ, Hà Nội.

Năm 1970, ông tốt nghiệp khoa sử Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, được phân bổ dạy học tại Tây Bắc đến năm 1980.

Năm 1980, ông chuyển về làm việc tại Bộ Giáo dục và Đào tạo, sau đó, làm việc tại Công ty Kỹ thuật trắc địa bản đồ, Cục Bản đồ cho đến khi về hưu.

## HUỶNH ÁI TÔNG

Ông xuất hiện khá muộn trên văn đàn Việt Nam với vài truyện ngắn đăng trên Báo *Văn nghệ* năm 1986.

Năm 1996, quyển *Tiểu Long Nữ* được coi là “tiểu thuyết đầu tay” do Nhà xuất bản Công an nhân dân ấn hành năm 1996.

Tác phẩm của Nguyễn Huy Thiệp in dấu ấn khá đậm nét về nông thôn và những người lao động. Sở trường của ông là truyện ngắn, mảng đề tài đa dạng gồm lịch sử và văn học, hơi hướng huyền thoại và cổ tích, xã hội Việt Nam đương đại, xã hội làng quê và những người lao động.

Ngoài ra ông còn viết kịch, thơ (chưa xuất bản tập thơ nào, nhưng xuất hiện khá nhiều trong các truyện ngắn của ông) và tiểu luận phê bình đăng trên nhiều báo, tạp chí trong nước.

Năm 2004, bài viết “*Trò chuyện với hoa thủy tiên và những nhảm lẫn của nhà văn*” của ông, đăng trên Tạp chí *Ngày này*, tạo ra những tranh luận sôi nổi trong giới văn chương, trong một thời gian dài trên báo *Văn nghệ* và một số trang mạng tại Việt Nam.

Năm 1994, Nguyễn Huy Thiệp gác bút và xoay ra mở nhà hàng ở Gia Lâm Hà Nội, có tên là Nhà sàn Hoa Ban, rất ăn khách. Một lần ở số 1 Láng Hạ, gọi là nhà hàng Hưng Thịnh. Quán Hoa Ban thì do quan hệ giữa chủ đầu tư và Nguyễn Huy Thiệp không hợp, nên nhà văn bỏ. Còn quán Hưng Thịnh, vừa mở được mấy ngày đã đóng cửa. Nhà văn Nguyễn Huy Thiệp cầm bút trở lại với nghiệp văn.

Năm 2008, ông được Giải Nonino Risit d’Âur.

Tác phẩm:

## VĂN HỌC VIỆT NAM CẬN VÀ HIỆN ĐẠI IV

- *Những ngọn gió Hua Tát* (Văn hóa, Hà Nội, 1989)
- *Tác phẩm và dư luận* (Trẻ, Huế, 1989)
- *Nguyễn Huy Thiệp - Tác phẩm và dư luận* (viết chung, Trẻ, 1990)
- *Tác phẩm và dư luận* (tái bản, Hồng Lĩnh, California, 1991)
- *Con gái thủy thần* (Hội Nhà văn, Hà Nội, 1993)
- *Truyện ngắn* (Trẻ, 2003)
- *Xuân Hồng* (Tân Thư, California, 1994)
- *Như những ngọn gió* (Văn Học, Hà Nội, 1995)
- *Truyện ngắn chọn lọc* (Hội Nhà văn, Hà Nội, 1995)
- *Thương cả cho đời bạc* (Văn hóa Thông tin, Hà Nội, 2000)
- *Mưa Nhã Nam* (Văn Học, Hà Nội, 2001)
- *Tuyển tập truyện ngắn* (Phụ nữ, Hà Nội, 2001)
- *Suối nhỏ êm dịu* (kịch, Báo Văn nghệ, California, 2001)
- *Mồ nhà văn* (kịch, bút danh Thích Thiện Ngân, Trang mạng Talawas)
- *Tuổi hai mươi yêu dấu* (tiểu thuyết, E'ditions de l'Aube, 2002)
- *Tuyển tập kịch* (Trẻ, 2003)
- *Như những ngọn gió* (tuyển tập, Văn học, Hà Nội, 1995)
- *Tiểu Long Nữ* (tiểu thuyết), Công an nhân dân, 1996)
- *Giăng lưới bắt chim* (Hội Nhà văn, Hà Nội, 2006)
- *Gạ tình lấy điểm* (tiểu thuyết, Hội Nhà văn, 2007)
- *Kiểm sắc, Vàng lửa, Phẩm tiết* (tập truyện, Đa Nguyên)

Trích văn:

### Tướng về hưu

#### I

Khi viết những dòng này, tôi đã thức tỉnh trong vài người quen những cảm xúc mà thời gian đã xóa nhòa, và tôi đã xâm phạm

đến cõi yên tĩnh nằm mơ của chính cha tôi. Tôi buộc lòng làm vậy, và xin người đọc nể nang những tình cảm đã thúc đẩy tôi viết mà lượng thứ cho ngòi bút kém cõi của tôi. Tình cảm này, tôi xin nói trước, là sự bênh vực của tôi đối với cha mình.

Cha tôi tên là Thuần, con trưởng họ Nguyễn. Trong làng, họ Nguyễn là họ lớn, số lượng trai đinh có lẽ chỉ thua họ Vũ. Ông nội tôi trước kia học Nho, sau về dạy học. Ông nội tôi có hai vợ. Bà cả sinh được cha tôi ít ngày thì mất, vì vậy ông tôi phải tục huyền. Bà hai làm nghề nhuộm vải, tôi không tưởng mặt, chỉ nghe nói là một người đàn bà cay nghiệt vô cùng. Sống với di ghẻ, cha tôi trong tuổi niên thiếu đã phải chịu đựng nhiều điều cay đắng. Năm mười hai tuổi, cha tôi trốn nhà ra đi. Ông vào bộ đội, ít khi về nhà.

Khoảng năm... cha tôi về làng lấy vợ. Chắc chắn cuộc hôn nhân này không do tình yêu. Mười ngày nghỉ phép bề bộn công việc. Tình yêu đòi hỏi điều kiện, trong đó thời gian cũng cần. Khi lớn lên, tôi chẳng biết gì về cha mình cả. Tôi chắc mẹ tôi hiểu về cha tôi cũng ít. Cả đời cha tôi gắn với súng đạn, chiến tranh.

Tôi đi làm, lấy vợ, sinh con. Mẹ tôi già đi. Cha tôi vẫn đi biệt. Thỉnh thoảng cha tôi cũng ghé về nhà, nhưng những lần về đều ngắn. Cả những bức thư cha tôi gửi về cũng ngắn, dẫu rằng dưới những dòng chữ, tôi biết ở đây ẩn chứa nhiều tình thương cùng với âu lo.

Tôi là con một, tôi đã chịu ơn cha tôi về đủ mọi mặt. Tôi được học hành, được du ngoại. Cả những cơ sở vật chất gia đình cũng do cha tôi lo liệu. Ngôi nhà tôi ở ven nội, xây dựng trước khi cha tôi về hưu tám năm. Đây là một biệt thự đẹp nhưng khá bất tiện, tôi đã xây cất dựa theo thiết kế của một chuyên gia kiến trúc trú danh, bạn của cha tôi, ông này đại tá, chỉ thạo việc xây doanh trại.

Năm bảy mươi tuổi, cha tôi về hưu với hàm thiếu tướng.

Mặc dầu biết trước, tôi vẫn ngỡ ngàng khi cha tôi về. Mẹ tôi đã lẫn (bà hơn cha tôi sáu tuổi), vì vậy thực ra ở nhà chỉ có mình tôi có những tình cảm đặc biệt với sự kiện này. Mấy đứa con tôi còn bé. Vợ tôi biết ít về ông, vì hai chúng tôi lấy nhau khi mà cha tôi đang bật tin tức. Bây giờ đang có chiến tranh. Tuy thế, ở trong gia đình, cha tôi bao giờ cũng là hình ảnh của niềm vinh dự, tự hào. Cả ở trong họ, trong làng, tên tuổi cha tôi cũng được mọi người ngưỡng vọng.

Cha tôi về nhà, đồ đạc đơn sơ. Cha tôi khỏe. Ông bảo: "Việc lớn trong đời cha làm xong rồi!"

Tôi bảo: "Vâng". Cha tôi cười. Tâm trạng xúc động lây sang cả nhà, mọi người chaoáng đến nửa tháng trời, sinh hoạt tùy tiện, có hôm mười hai giờ đêm mới ăn cơm chiều. Khách khứa đến chơi nườm nượp. Vợ tôi bảo: "Không để thế được". Tôi cho mổ lợn, đi mời họ hàng làng nước đến để chia vui. Làng tôi tuy gần thành phố nhưng mà tập tục nông thôn còn giữ. Đúng một tháng sau, tôi mới có dịp ngồi với cha tôi bàn chuyện gia đình.

## II

Trước khi kể tiếp, xin nói về gia đình tôi. Tôi ba mươi bảy tuổi, là kỹ sư, làm việc ở Viện Vật lý. Thủy, vợ tôi, là bác sĩ, làm việc ở bệnh viện sản. Chúng tôi có hai con gái, đứa mười bốn, đứa mười hai. Mẹ tôi lẫn lộn, suốt ngày chỉ ngồi một chỗ.

Ngoài những người trên, gia đình tôi còn có ông Cơ và cô con gái gàn dở của ông. Ông Cơ sáu mươi tuổi, quê Thanh Hóa. Vợ tôi gặp cha con ông khi nhà của họ bị cháy, cơ nghiệp mất sạch. Thấy cha con ông tốt bụng, đáng thương, vợ tôi sắp xếp

## HUỶNH ÁI TÔNG

cho họ ở với chúng tôi. Cha con ông ở dưới nhà ngang, sinh hoạt riêng rẽ nhưng mọi chế độ thì do vợ tôi chu cấp. Không có hộ khẩu, họ không có những tiêu chuẩn lương thực, thực phẩm như những người dân khác trong thành phố. Ông Cơ hiền lành, chịu khó. Thường ông đảm nhiệm việc chăm vườn tược, lợn gà và đàn chó giống. Nhà tôi nuôi chó béc-giê. Tôi cũng không ngờ việc kinh doanh chó lại thu lợi lớn. Khoản thu này trội nhất trong nhà. Cô Lài mặc dầu gàn dở nhưng lại xốc vác và nội trợ giỏi. Vợ tôi dạy cô cách thức nấu bống, nấu nầm, nấu gà hầm. Cô bảo: "Cháu chẳng ăn thế bao giờ". Cô không ăn thật. Cả hai vợ chồng và hai con tôi không phải lo toan công việc gia đình. Từ ăn uống, giặt giũ, tất cả giao cho hai người giúp việc. Vợ tôi cầm chịch các khoản chi tiêu. Tôi bận nhiều việc, hiện đang vùi đầu vào công trình ứng dụng điện phân. Cũng cần nói thêm: quan hệ tình cảm của vợ chồng tôi êm thấm. Thủy có học thức, sống theo lối mới. Chúng tôi suy nghĩ độc lập, nhìn nhận vấn đề xã hội tương đối giản dị. Thủy am tường các việc lo liệu kinh tế cũng như dạy dỗ con cái. Còn tôi, hình như tôi khá cở hủ, đầy bất trắc và thô vụng.

### III

Tôi quay lại đoạn kể cha con tôi bàn việc gia đình. Cha tôi bảo: "Nghỉ rồi, cha làm gì?" Tôi bảo: "Viết hồi ký". Cha tôi bảo: "Không!". Vợ tôi bảo: "Cha nuôi vẹt xem". Trên phố dạo này nhiều người nuôi chim hoạ mi, chim vẹt. Cha tôi bảo: "Kiếm tiền à?" Vợ tôi không trả lời. Cha tôi bảo: "Đề xem đã!" Cha tôi cho mỗi người trong nhà bốn mét vải lính. Ông Cơ và cả cô Lài cũng thế. Tôi cười: "Cha bình quân!" Cha tôi bảo: "Đấy là lẽ sống". Vợ tôi bảo: "Cả nhà đồng phục thì thành doanh trại". Mọi người cười ồ.

Cha tôi muốn ở một phòng dưới dãy nhà ngang giống như mẹ tôi. Vợ tôi không chịu. Cha tôi buồn. Việc đẻ mẹ tôi ăn riêng, ở riêng làm ông bứt rứt. Vợ tôi bảo: Tại mẹ lẩn". Cha tôi đảm



chiêu. Tôi cũng không hiểu sao hai đứa con gái của tôi ít gần ông nội. Tôi cho chúng học ngoại ngữ, học nhạc. Chúng lúc nào cũng bận. Cha tôi bảo: "Các cháu có sách gì mang cho ông đọc". Cái Mi cười. Còn cái Vi bảo: "Ông thích đọc gì?" Cha tôi bảo: "Cái gì dễ đọc". Hai đứa bảo: "Thế thì không có". Tôi đặt báo hàng ngày cho ông. Cha tôi không thích văn học. Văn chương nghệ thuật bây giờ đọc rất khó vào.

Một hôm tôi đi làm về, cha tôi đứng ở dãy nhà vợ tôi nuôi chó và gà công nghiệp. Trông ông không vui. Tôi hỏi: "Có chuyện gì thế? □ Ông bảo: "ông Cơ và cô Lại vất vả quá. Họ làm không hết việc, cha muốn giúp họ được không?" Tôi bảo: "Để con hỏi Thủy". Vợ tôi bảo: "Cha là tướng, về hưu cha vẫn là tướng. Cha là chỉ huy. Cha mà làm lính thì dễ loạn cờ". Cha tôi không nói năng gì. Cha tôi nghỉ hưu nhưng khách khứa nhiều. Điều đó làm tôi ngạc nhiên, thậm chí thích thú. Vợ tôi bảo: "Đừng mừng... họ chỉ nhờ vả. Cha ạ, cha đừng làm gì quá sức". Cha tôi cười: "Chẳng có gì đâu... cha chỉ viết thư. Thí dụ: Thân gửi N. tư lệnh quân khu... Tôi viết thư này cho cậu... Hơn năm mươi năm, đây là lần đầu tôi ăn tết mừng ba tháng ba dưới mái nhà mình. Hồi ở chiến trường, hai đứa chúng mình đã từng mơ ước v. v... Cậu nhớ cái xóm ven đường, cô Huệ đã làm bánh trôi bằng bột mì mốc. Bột mì bê bết trên lưng v.v... Nhân đây M. là người tôi quen, muốn được công tác dưới quyền của cậu v.v... ". Cha viết như thế được không?" Tôi bảo: "Được". Vợ tôi bảo: Không được! " Cha tôi gãi cằm: Người ta nhờ mình".

Cha tôi thường bỏ thư viết vào phong bì đựng công văn bằng giấy cứng, cỡ 20x30, trên có in chữ Bộ quốc phòng, rồi đưa cho người nhờ vả mang đi. Sau ba tháng, hết sạch loại phong bì ấy. Ông làm phong bì bằng giấy bìa học sinh cũng to bằng cỡ 20x30. Một năm sau, ông cho thư vào thứ phong bì bình thường vẫn bán ở quầy bưu điện, giá năm đồng một chục cái.

Tháng bảy năm ấy, tức là ba tháng sau ngày cha tôi về nghỉ, chú họ tôi, ông Bồng, cưới vợ cho con.

IV

Ông Bồng với cha tôi là anh em cùng cha khác mẹ. Thăng Tuân con trai ông làm nghề đánh xe bò. Hai cha con đều ghê gớm, to như hộ pháp, ăn nói văng mạng. Thăng Tuân lấy vợ lần này là lần thứ hai. Vợ trước bị đánh đau quá, bỏ đi. Ra tòa, nó khai là vợ theo trai, tòa phải chịu. Cô vợ lần này tên là Kim Chi, làm nghề nuôi dạy trẻ, con nhà có học hẳn hoi, xí xớn thế nào nghe nói có thai với nó. Kim Chi là cô gái đẹp, làm vợ thăng Tuân đúng là "hoa nhài cắm bãi cứt trâu". Thâm tâm chúng tôi không ưa cha con ông Bồng, khôn nổi "một giọt máu đào hơn ao nước lã", giỗ tết vẫn phải đi lại, nhưng mà ngày thường cũng nhạt. Ông Bồng hay nói: "Quân trí thức khốn nạn! Rẻ dân lao động! Nề bố nó, không tôi cạch cửa!" Nói thế thôi, ông Bồng vẫn sang vay tiền. Vợ tôi khe khát, bao giờ cũng bắt ông phải ký cược. Ông Bồng rất ức, ông nói: "Minh là chú nó, trót vay nợ nó mà nó cư xử hết như địa chủ". Nhiều món nợ ông cứ lờ đi không trả. Cưới vợ cho con, ông Bồng nói với cha tôi: "Anh phải đứng ra chủ hôn, bố cháu Kim Chi vụ phó, anh là tướng, thế là "môn đăng hộ đối". Sau này các cháu nhờ phúc của ông, như tôi là thằng phu xe, bấu gì." Cha tôi bằng lòng.

Đám cưới ngoại ô lố lỉnh và khá dung tục. Ba ô tô. Thuốc lá đầu lọc nhưng gần cuối tiệc hết sạch, phải thay bằng thuốc lá cuốn. Năm mươi mâm cỗ nhưng ế mười hai. Chàng rể mặc comlê đen, cravat đỏ. Tôi phải cho mượn cái cravat đẹp nhất trong tủ áo. Nói là mượn, chắc gì đòi được. Phù rể là sáu thanh niên ăn mặc hết nhau, đều quần bò, râu ria rất hời. Đầu tiệc là dàn nhạc sống chơi bài Ave Maria. Một anh cùng hợp tác xã xe bò thăng Tuân nhảy lên đơn ca một bài khùng khiếp:

*Ừ ê cái con gà quay  
Ta đi lang thang khắp miền giang hồ  
Tìm nơi nào có tiền  
Tiền ơi, mau vào túi ta  
Ừ.. e... cái con gà rù...*

Sau đó đến lượt cha tôi. Ông luống cuống, khổ sở. Bài văn chuẩn bị công phu hóa thừa. Kèn clarinet đệm rất bậy bạ sau dấu chấm câu. Pháo âm ỉ. Trẻ con bình luận nhảm nhí. Cha tôi nhảy cóc từng đoạn. Ông cầm tờ giấy mà run bắn người. Một sự ô hợp láo nháo thản nhiên rất đời, thô thiển, thậm chí còn ô trọc nữa làm ông kinh hãi, đau đớn. Ông vụ phó thông gia cũng đâm hoảng hốt, luống cuống, làm đổ cả rượu xuống váy cô dâu. Chẳng nghe thấy gì. Dàn nhạc sống át đi bằng những ca khúc vui vẻ quen thuộc của các ban nhạc Beatles và Abba. Sau đó, rắc rối đầu tiên đến với cha tôi là việc Kim Chi sinh cháu chỉ sau hôm cưới chực ngày. Gia đình ông BỔNG bê bối. Ông say rượu, tống cổ cô con dâu ra cửa. Thăng Tuấn cầm dao chém bố, may trượt.

Vô phương, cha tôi phải đón cháu dâu về nhà. Gia đình tôi thêm hai khẩu. Vợ tôi không nói năng gì Cô Lại thêm một trách nhiệm. Được cái cô Lại vô tâm, tính lại yêu trẻ.

## V

Một tối, tôi đang đọc Sputnhich, cha tôi lặng lẽ đi vào. Ông bảo: Cha muốn nói chuyện với con". Tôi pha cà phê, cha tôi không uống. Ông hỏi: Con có để ý công việc của Thủy không con? Cha cứ rờn rợn".

Vợ tôi làm việc ở bệnh viện sản, công việc là nạo phá thai. Hàng ngày các rau thai nhi bỏ đi, Thủy cho vào phích đá đem về. Ông Cơ nấu lên cho chó, cho lợn. Thực ra điều này tôi biết

nhưng cũng bỏ qua, chẳng quan trọng gì. Cha tôi dắt tôi xuống bếp, chỉ vào nồi cám, trong đó có các mẩu thai nhi bé xíu. Tôi lặng đi. Cha tôi khóc. Ông cầm phích đá ném vào đàn chó béc giê: "Khốn nạn! Tao không cần sự giàu có này. Đàn chó sủa vang. Ông bỏ lên nhà. Vợ tôi đi vào nói với ông Cơ: "Sao không cho vào máy xát? Sao để ông biết?! ông Cơ bảo: Cháu quên, cháu xin lỗi mẹ".

Tháng mười hai, vợ tôi gọi người bán sạch đàn chó béc giê. Vợ tôi bảo: "Anh thôi hút thuốc Galăng đi. Năm nay nhà mình hụt thu hai mươi bảy nghìn, chi lạm mười tám nghìn, cộng là bốn mươi lăm nghìn". Kim Chi hết thời gian nghỉ, đi làm. Nó bảo: Cám ơn anh chị, em đưa con về nhà đây". Tôi hỏi: "Về đâu?" Thăng Tuấn đã bị bắt giam vì tội côn đồ. Kim Chi đưa con về nhà của bố mẹ đẻ. Cha tôi đưa về tận nơi bằng xe tắcxi thuê riêng. Cha tôi ở chơi với ông vụ phó bố của Kim Chi một ngày. Ông này vừa đi công tác ở Ấn Độ về, ông biếu cha tôi một mảnh lụa hoa và nửa lạng cao tổng hợp. Cha tôi cho cô Lài mảnh lụa hoa, cho ông Cơ nửa lạng cao.

Trước tết Nguyên đán, ông Cơ nói với hai vợ chồng tôi: "Cháu xin cậu mẹ một việc". Vợ tôi hỏi: "Việc gì?" ông Cơ nói vòng vèo, chẳng đâu vào đâu. Đại để ông muốn về thăm quê. ở với chúng tôi sáu năm, cũng có dành dụm, ông Cơ muốn về bốc mộ bà vợ. Để lâu ngày chắc ván đã sứt. Nghĩa tử là nghĩa tận". ở thành phố, cũng muốn về thăm họ hàng làng xóm cho nó mát mặt. Bây giờ đã vậy, sau này "cáo chết ba năm quay đầu về núi". Vợ tôi cắt lời: "Thế bao giờ đi?" ông Cơ gãi đầu: "Đi mười ngày, về Hà Nội trước hăm ba tết". Vợ tôi tính: "Được. Anh Thuận này (Thuần là tên tôi), anh có nghỉ phép được không? Tôi bảo: "Được". Ông Cơ bảo: "Chúng cháu muốn mời ông về quê chơi. Như đi du lịch". Vợ tôi bảo: "Tôi không thích. Thế ông bảo sao?" ông Cơ bảo: "Ông đồng ý rồi. Không có ông, cháu cũng chẳng nhớ đến việc cải mộ nhà cháu. Vợ tôi hỏi: "Thế hai cha con có bao nhiêu tiền?" ông Cơ bảo: "Cháu

có ba nghìn, ông cho hai nghìn là năm". Vợ tôi bảo: "Được, đừng lấy hai nghìn của ông, tôi bù cho hai nghìn ấy, lại cho thêm năm nghìn. Thế là hai cha con có chục nghìn. Đi được".

Trước hôm đi, vợ tôi làm com. Cả nhà ngồi ăn, có cả ông Cơ, cô Lài. Cô Lài vui lắm, mặc bộ quần áo mới may bằng vải cha tôi cho hôm về. Cái Mi và Cái Vi trêu: "Chị Lài xinh nhất". Cô Lài cười thỏ thẻ: "Chả phải. Mợ mới xinh nhất". Vợ tôi bảo: "Em đi chú ý đỡ ông những khi tàu xe". Cha tôi bảo: "Hay thôi không đi?" ông Cơ giãy nảy: "Chết, cháu đã điện rồi: Mang tiếng chết". Cha tôi thở dài: "Tôi có tiếng gì mà mang"

## VII

Cha tôi đi Thanh Hóa cùng ông Cơ và cô Lài vào sáng chủ nhật. Tối thứ hai, tôi đang xem tivi thì nghe tiếng "huych, vội chạy ra ngoài thấy mẹ tôi ngã gục góc vườn. Mẹ tôi lần bốn năm nay, cho ăn biết ăn, cho uống biết uống, phải giục đi ngoài. Mọi hôm có cô Lài săn sóc không sao. Hôm nay, tôi sơ ý, cho ăn mà không giục đi ngoài. Tôi đỡ mẹ tôi vào, bà cụ cứ gục mặt xuống. Không thấy có vết đau. Nửa đêm tôi dậy, thấy mẹ tôi lạnh toát, mắt đại đi. Tôi sợ, gọi vợ tôi. Thủy bảo: "Mẹ già rồi". Hôm sau mẹ tôi không ăn, hôm sau nữa, cũng không ăn, không chủ động đi ngoài. Tôi giặt giũ, thay chiếu. Có ngày mười hai lần. Tôi biết Thủy và hai con tôi ưa sạch sẽ nên tôi thay giặt luôn, không giữ ở nhà mà mang ra tận kênh đào. Thuốc đổ vào cứ trở ra.

Hôm thứ bảy, mẹ tôi bỗng ngồi dậy được. Đi lững thững một mình ra vườn. ăn được com. Tôi bảo: " Mừng rồi". Vợ tôi không nói năng gì, chiều hôm ấy thấy mang về chục mét vải trắng, lại gọi cả thợ mộc. Tôi hỏi: "Chuẩn bị à?" Vợ tôi bảo: "Không". Hai hôm sau, mẹ tôi nằm liệt, lại bỏ ăn, lại đi ngoài như cũ. Người dốc nhanh, thải ra thứ nước nâu sền sệt rất khắm. Tôi đổ sầm. Vợ tôi bảo: □Đừng đổ sầm, khổ cho mẹ".

## HUỶNH ÁI TÔNG

Tôi òa khóc. Rất lâu tôi mới òa khóc như thế. Vợ tôi nín lặng, rồi lại bảo: "Tùy anh. Ông Bông sang thăm. Ông nói: Bà ấy cứ xoay ngang, xoay dọc trên giường như thế này là gay go lắm đây! Lại hỏi: Chị ơi, chị có nhận ra em không?. Mẹ tôi bảo: "Có". Lại hỏi: "Thế em là ai?" Mẹ tôi bảo: "Là người". Ông Bông khóc òa lên: "Thế là chị thương em nhất. Cả làng cả họ gọi em là đồ chó. Vợ em gọi em là đồ đều. Thằng Tuấn gọi em là đồ khốn nạn. Chỉ có chị gọi em là người". Lần đầu tiên, cái ông chú đánh xe bò, lỗ mãng, táo tợn, làm đủ mọi điều phi nhân bất nghĩa hóa thành đứa trẻ ngây trước mắt tôi.

## VIII

Cha tôi về đến nhà thì sáu tiếng sau mẹ tôi mất. Ông Cơ và cô Lại nói: "Tại chúng cháu. Chúng cháu ở nhà thì bà không mất". Vợ tôi bảo: "Nói nhảm". Cô Lại khóc: "Bà ơi, bà đánh lừa con bà đi! Sao bà không cho con đi hầu bà?" ông Bông cười: "Mày muốn đi hầu bà thì đi, tao cho đóng ván. Khi liệt mẹ tôi, cha tôi khóc. Ông hỏi ông Bông: "Sao người bà ấy rút nhanh thế? Người già ai cũng chết khổ như thế này à?" ông Bông bảo: Anh lắm cảm. Hôm nào nước mình cũng có hàng nghìn người chết khổ nhục vật vã đau đớn. Mỗi lính tráng các anh, "đòm" phát là sướng".

Tôi cho bắc rạp, bảo thợ mộc đóng quan tài. Ông Cơ cứ loay hoay bên đồng ván vợ tôi cho xẻ hôm trước. Ông thợ mộc quát: "Sợ chúng ông ăn cắp gỗ à?" ông Bông hỏi: "Ván mấy phân?" Tôi bảo: "Bốn phân". Ông Bông bảo: "Mất mẹ bộ xa lông Ai lại đi đóng quan tài bằng gỗ dổi bao giờ? Bao giờ bóc mộ, cho chú bộ ván". Cha tôi ngồi âm thầm, trông rất đau đớn. Ông Bông bảo: "Chị Thủy luộc cho tôi con gà, nấu hộ nồi xôi". Vợ tôi hỏi: "Mấy cân gạo hả chú?" Ông Bông bảo: "Mẹ mày, sao hôm nay cứ ngọt xót thế? Ba cân"! Vợ tôi bảo tôi: "Họ hàng nhà anh kính bỏ mẹ".

Ông Bồng hỏi tôi: "Nhà này ai chủ trì kinh tế?" Tôi bảo: "Vợ cháu". Ông Bồng bảo: "Đây là ngày thường. Tao hỏi đám ma này thì ai chủ trì kinh tế?" Tôi bảo: "Vợ cháu". Ông Bồng bảo: "Không được con ơi, khác máu tanh lòng. Tao bảo bố mày nhé". Tôi bảo: Ông để con". Ông Bồng bảo: "Đưa tao bốn nghìn, mày định làm bao nhiêu mâm?" Tôi bảo: "Mười mâm". Ông Bồng bảo: "Không đủ cho đồ tùy rửa ruột. Mày bàn với vợ mày đi. Bốn mươi mâm". Tôi đưa cho ông bốn nghìn rồi vào nhà. Vợ tôi bảo: Em nghe hết rồi, em tính ba chục mâm, tám trăm đồng một mâm, ba tám hai tư. Hai tư nghìn, phụ phí sáu nghìn. Việc mua bán em lo. Cổ giao cho cô Lại. Đừng nghe ông Bồng, lão ấy đều lắm". Tôi bảo: "ông Bồng cầm bốn nghìn rồi". Vợ tôi bảo: "Buồn anh lắm". Tôi bảo: "Anh đòi lại nhé". Vợ tôi bảo: "Thôi, coi như trả công. Lão ấy tốt nhưng nghèo.

Phường bát âm đến bốn người. Cha tôi ra tiếp. Nhập quan lúc bốn giờ chiều. Ông Bồng cạy miệng mẹ tôi cho vào chín đồng vừa tiền chình Khải Định, vừa tiền một hào nhôm. Ông bảo: Để đi đồ". Lại cho vào cỗ bài tổ tôm, có lẫn cả mấy quân tam cúc. Ông bảo: "Không sao, ngày xưa bà ấy vẫn chơi tam cúc".

Đêm ấy, tôi thức canh quan tài mẹ tôi, ngẫm nghĩ lan man đủ điều. Cái chết sẽ đến với mỗi chúng ta, chẳng trừ ai cả. Ngoài sân, ông Bồng với mấy bác đồ tùy ngồi đánh tam cúc àn tiền. Khi nào kết tốt đen, ông Bồng lại chạy vào vái quan tài mẹ tôi: Lạy chị, chị phù hộ cho em để em vét thật nhẵn túi chúng nó". Cái Mi, cái Vi cũng thức với tôi. Cái Mi hỏi: "Sao chết đi qua đồ cũng phải trả tiền? Sao lại cho tiền vào miệng bà?" Cái Vi bảo: "Đây có phải ngậm miệng ăn tiền không bố?" Tôi khóc: "Các con không hiểu đâu. Bố cũng không hiểu, đây là mê tín". Cái Vi bảo: "Con hiểu đấy. Đòi người cần không biết bao nhiêu là tiền. Chết cũng cần". Tôi thấy cô đơn quá. Các con tôi cũng cô đơn. Cả đám đánh bạc, cả cha tôi nữa.

Từ nhà tôi ra nghĩa địa đi tắt chỉ năm trăm mét nhưng đi đường chính qua cổng làng phải hai cây số. Đường bé, không đẩy xe đò được mà phải khiêng vai. Đò tùy thay nhau đến ba chục người, có nhiều người vợ chồng tôi không biết tên gì. Họ khênh quan tài hồn nhiên như việc bình thường vẫn làm, như khênh cột nhà. Vừa đi vừa nhai trầu, hút thuốc, tán chuyện. Khi nghỉ, đứng ngồi ngổn ngang ngay bên quan tài. Có người nằm lãn ra nói: "Mát thật, không bận cứ ngủ ở đây đến tối". Ông Bồng bảo: "Các bố ơi, đi đi còn về nữa". Thế là đi. Tôi chống gậy giắt lùi trước quan tài theo tục lệ, cha đưa mẹ đón. Ông Bồng bảo: "Bao giờ tôi chết, đò tùy của tôi toàn dân cờ bạc, cổ không thịt lợn mà thịt chó". Cha tôi bảo: "Chú ơi, lúc này mà chú đùa à?" Ông Bồng nín bật, lại khóc: "Chị ơi, chị đánh lừa em chị đi... Chị bỏ em chị đi... ". Tôi nghĩ:

"Sao lại đánh lừa? Chẳng lẽ người chết đều đã đánh lừa người sống cả sao? Bã tha ma này toàn lừa lọc?"

Chôn cất xong, mọi người về nhà. Bày ra một lúc hai mươi tám mâm. Nhìn mâm cỗ, tôi thật kính trọng cô Lại. Mâm nào cũng gọi: "Lại đâu?" Cô Lại miệng dạ tíu tít, chạy ra bê rượu, bê thịt. Đến tối, cô Lại tắm giặt, mặc quần áo mới ra hương án khóc: "Bà ơi, cháu xin lỗi bà, cháu không đưa bà ra đồng... Hôm trước bà thềm canh cua, cháu ngại làm, bà chẳng được ăn... Bây giờ đi chợ, cháu biết mua quà cho ai?... " Tôi thấy đáng ghét. Tôi nhớ đã chục năm nay tôi chưa lần nào mua được cho mẹ chiếc bánh hay là gói kẹo. Cô Lại lại khóc: "Cháu ở nhà thì bà có chết không bà?" Vợ tôi bảo: "Đừng khóc. Tôi cháu: "Cứ để cho cô ấy khóc, đám ma không có tiếng khóc buồn lắm. Nhà mình có ai biết khóc bà cụ thế đâu? Vợ tôi bảo: "Ba mươi hai mâm. Anh phục em tính sát không?" Tôi bảo: "Sát. Ông Bồng bảo: "Tôi đi xem giờ. Bà cụ được một cái nhập mộ, hai cái trùng tang, một cái thiên di. Có yểm bùa không?" Cha tôi bảo:



"Bùa con khi. Trong đời mình, tôi chôn ba nghìn người chẳng có người nào thế này". Ông Bồng bảo: "Thế là sướng, "đòm" phát là xong". Ông gơ một ngón tay trở làm hiệu bốp cò.

X

Tết năm đó, nhà tôi không mua hoa đào, không gói bánh chưng. Chiều mồng hai, đơn vị cũ của cha tôi cho người về viếng mẹ tôi. Biểu năm trăm đồng. Ông Chường, phó của cha tôi bây giờ lên tướng, ra mộ thắp hương. Anh Thanh đại úy cần vụ đi theo rút súng bắn ba phát lên trời. Sau này, trẻ con trong làng kháo bộ đội bắn hai một phát đại bác viếng bà Thuần. Ông Chường hỏi cha tôi: "Anh muốn về thăm đơn vị dối già không? Tháng năm tập trận. Đơn vị cho xe về đón". Cha tôi bảo: □Được". Ông Chường đi thăm cơ ngơi nhà tôi, có ông Cơ hướng dẫn. Ông Chường bảo cha tôi: "Cơ ngơi của anh ác thật. Vườn cây, ao cá, chuồng lợn, chuồng gà, biệt thự. Thế là vững tâm". Cha tôi bảo: "Con tôi làm đây". Tôi bảo: "Đây là vợ cháu". Vợ tôi bảo: "Cô Lại chứ! " Cô Lại cười thỏn thển, dạo này dầu cứ gật gật liên hồi như bị động kinh: "Chả phải". Cha tôi đùa: "Thế thì do mô hình V.A.C ". Sáng mồng ba, Kim Chi đi xích lô bé con về thăm. Vợ tôi mừng tuổi một nghìn. Cha tôi hỏi: Thăng Tuấn có thư từ gì không?" Kim Chi bảo: "Không". Cha tôi bảo: "Lỗi ở bác đấy. Tao không biết mày có chữa". Vợ tôi bảo: "Chuyện ấy là thường. Bây giờ làm gì còn có trinh nữ. Con làm ở bệnh viện sản, con biết". Kim Chi ngượng. Tôi bảo: "Đừng nói thế, nhưng mà làm trinh nữ thì mệt thật". Kim Chi khóc: "Anh ơi, đàn bà chúng em nhục lắm. Để con gái ra em cứ nát ruột nát gan". Vợ tôi bảo: "Tôi còn hai con gái cơ". Tôi bảo: "Thế các người tướng làm đàn ông thì không nhục à?" Cha tôi bảo: "Đàn ông thằng nào có tâm thì nhục.. Tâm càng lớn, càng nhục". Vợ tôi bảo: Nhà mình nói năng như điên khùng cả. Thôi đi ăn. Hôm nay có cô Kim Chi, tôi đãi mỗi người một con gà hầm sâm sen. Tâm đấy. Ăn là trên hết".

Gần nhà tôi ở có cậu Không, trẻ con gọi là Không Tử. Không làm ở xí nghiệp nước mắm nhưng lại thích thơ, làm thơ gửi báo Văn nghệ. Không hay sang chơi. Không bảo: "Thơ siêu nhất. Cậu đọc cho tôi nghe Loócca, Uýttxman v. v... Tôi không thích Không, ngờ ngờ cậu ta sang chơi vì một cái gì phiêu lưu còn hơn cả thơ ca nữa. Một bận, thấy trong giương của vợ tôi có một tập thơ chép tay. Vợ tôi bảo: "Thơ của cậu Không, anh có đọc không?" Tôi lắc đầu. Vợ tôi bảo: Anh già rồi". Bất giác tôi thoáng rùng mình. Một hôm bận trực cơ quan nên tôi về muộn. Cha tôi đón cổng, ông bảo: Thằng Không sang chơi từ chập tối. Nó với vợ mày cứ rúc rích với nhau, bây giờ chưa về, chướng quá". Tôi bảo: "Cha đi ngủ đi, để ý làm gì?" Cha tôi lắc đầu, bỏ đi lên gác. Tôi dắt xe máy ra đường, phóng lang thang khắp phố cho kỳ hết xăng. Tôi dắt xe đến ngồi ở một góc vườn hoa như một tên du thủ du thực. Có một cô mặt đánh phấn đi ngang qua hỏi: "Ông anh ơi, có đi chơi không?" Tôi lắc đầu. Không có ý tránh mặt tôi. Ông Cơ ghét lắm, một hôm bảo tôi: "Cháu đánh nó nhé?" Suýt tôi gật đầu. Lại nghĩ: "Thôi". Tôi vào thư viện mượn thử ít sách. Đọc Loócca, Uýttxman... tôi cứ mơ hồ thấy những nghệ sĩ trác tuyệt là những con người cô đơn khùng khiếp. Bỗng thấy thằng Không có lý. Chỉ tức nó đều. Sao nó không đưa thơ nó cho người khác xem mà lại đưa cho vợ tôi? Cha tôi bảo: "Anh nhu nhược. Duyên do là anh đếch sống được một mình. Tôi bảo: "Không phải, cuộc đời nhiều trò đùa lắm". Cha tôi bảo: "Anh cho là trò đùa à?" Tôi bảo: "Không phải trò đùa, nhưng cũng không phải nghiêm trọng". Cha tôi bảo: "Sao tôi cứ như lạc loài? □ Cơ quan định cử tôi đi công tác phía Nam. Tôi bảo vợ tôi: "Anh đi nhé?" Vợ tôi bảo: "Đừng đi. Mai anh sửa cửa nhà tắm, cái cửa hỏng rồi. Hôm nọ cái Mi đang tắm, thằng Không đi qua định giở trò đều làm nó hết hồn. Thằng khôn nạn ấy em cấm cửa rồi". Vợ tôi òa khóc: "Em thật có lỗi với anh, với con". Tôi khó chịu quay đi. Nếu có cái Vi

bây giờ thì nó sẽ hỏi tôi rằng: "Bố ơi, đây có phải nước mắt cá sấu không?"

XII

Tháng Năm, đơn vị cũ cho xe về đón cha tôi. Anh Thanh đại úy cầm thư của ông Chương về. Cha tôi cầm thư run run. Thư viết: "... Chúng tôi cần anh, mong anh... nhưng anh đi được thì đi, không ép". Tôi nghĩ cha tôi không nên đi nữa nhưng nói ra bất tiện. Cha tôi già sụp hẳn đi từ khi về hưu. Hôm nay cầm thư, thấy ông nhanh nhẹn và trẻ trung hẳn. Tôi cũng vui lây. Vợ tôi chuẩn bị đồ đạc cho vào cái sắc du lịch. Cha tôi không nghe, ông bảo: "Cho vào ba lô". Cha tôi đi chào làng nước một lượt, ra cả ngoài mộ mẹ tôi, lại bảo anh Thanh bán ba phát súng lên trời. Buổi tối cha tôi gọi ông Cơ đến cho hai nghìn, bảo khắc một cái bia đá gửi về Thanh Hóa đánh dấu mộ vợ. Cha tôi lại gọi cô Lài đến bảo: "Cháu lấy chồng đi". Cô Lài òa khóc: "Cháu xấu xí lắm, chẳng ai lấy. Lại cả tin nữa". Cha tôi nghẹn ngào: Con ơi, con không hiểu rằng cả tin chính là sức mạnh để sống hả con?" Tôi cũng không ngờ những điều như thế lại là điểm báo chuyên này cha tôi ra đi không về. Trước khi lên xe, cha tôi lấy trong ba lô ra quyển vở học sinh. Ông đưa cho tôi. Ông bảo: "Trong này cha có ghi chép ít điều, con đọc thử xem". Cái Mi, cái Vi chào ông. Cái Mi hỏi: "ông đi ra trận hả ông?" Cha tôi bảo: "ừ. Cái Vi hỏi:

Đường ra trận mùa này đẹp lắm có phải không ông?" Cha tôi chửi: "Mẹ mày! Láo!"

XIII

Cha tôi đi được vài ngày thì ở nhà xảy ra chuyện cười nôn ruột. Số là ông Cơ cùng với ông Bồng vớt bùn dưới ao (vợ tôi trả ông Bồng hai trăm đồng một ngày công, com nuôi), bỗng thấy một cái đít chum nổi lên. Hai ông hí hục đào, lại thấy một đít

chum nữa, ông Bồng đoán chắc các cụ ngày xưa chôn của. Hai ông báo với vợ tôi. Thủy đến xem, cũng lội xuống đào. Rồi cả cô Lại, cả cái Mi, cái Vi. Cả nhà bê bết bùn đất. Vợ tôi bắt phải ngấn ao, lại đi thuê máy bơm Côle về tát nước. Không khí thật nghiêm trang. Ông Bồng thích lắm: "Công tao thấy trước, cứ phải chia cho tao một chum". Hi hục một ngày đào được hai cái chum sứ trong chảng có gì. Ông Bồng bảo: "Chắc còn nữa". Lại đào. Được thêm một cái chum nữa, cũng vỡ. Cả nhà mệt lả, bụng đói còn cào. Vợ tôi sai mua bánh mì về ăn lấy sức đào tiếp. Đào gần chục mét thì vớ được cái lọ sành. Cả nhà mừng rỡ, ai cũng đoán vàng. Mở ra trong thấy toàn một chuỗi "Bảo Đại thông báo" bằng đồng đã han rỉ cả. Lại thấy một cái mề đay mủn nát. Ông Bồng bảo: "Thôi chết, tao nhớ ra rồi. Ngày xưa tao với trùm Nhân ăn trộm ở nhà Hàn Tín, bị đuổi, trùm Nhân vớt cái lọ này xuống ao". Cả nhà được một mẻ cười nôn ruột. Trùm Nhân là tên ăn trộm khét tiếng ở vùng ngoại ô. Hàn Tín trước kia là lính thuộc địa cho Tây, tham gia phong trào "Rồng Nam phun bạc, đánh đuổi Đức tặc". Cả hai đã chết mục xác từ thuở nào thuở nào. Ông Bồng bảo: "Không sao, bây giờ cả làng này chết tao cũng đủ tiền đi dò nhét vào miệng họ. Sáng hôm sau, ngủ dậy thì tôi nghe thấy có tiếng gọi công. Tôi ra thấy Khổng đứng ngoài. Tôi nghĩ: Mẹ khi, cái thằng đều này là điềm gỡ nhất của số phận mình. Khổng bảo: "Anh Thuận ơi, anh có điện. Ông cụ mất rồi!"

XIV

Điện của ông Chương: "Thiếu tướng Nguyễn Thuấn, hy sinh khi làm nhiệm vụ hồi... giờ... ngày mai táng tại nghĩa trang liệt sĩ hồi... giờ... ngày" Tôi lặng người. Vợ tôi xếp đặt mọi việc rất nhanh. Tôi ra thuê xe, về nhà đã thấy gọn đàu vào đây Vợ tôi bảo: "Khóa cửa nhà trên. Ông Cơ ở lại". Xe đi Cao Bằng theo đường số Một. Đến nơi thì lễ an táng cha tôi cử hành đã được hai tiếng đồng hồ. Ông Chương bảo: Chúng tôi có lỗi đối với gia đình". Tôi bảo: Không phải thế. Đòi người có mệnh". Ông

Chường bảo: "Cha anh là người đáng trọng". Tôi hỏi: "Theo nghi lễ quân đội hả chú". Ông Chường bảo: Cụ ra trận địa, đòi lên chốt". Tôi bảo: "Cháu hiểu rồi, chú đừng kể nữa". Tôi khóc, chưa bao giờ tôi khóc như thế. Bây giờ tôi mới hiểu khóc như cha chết là khóc thế nào. Hình như đây là cái khóc lớn nhất đời một con người.

Mộ của cha tôi đặt trong nghĩa trang liệt sĩ. Vợ tôi mang theo máy ảnh bảo chụp mấy kiểu. Hôm sau tôi xin về luôn, ông Chường giữ lại nhưng tôi không nghe. Đường về vợ tôi bảo xe đi chậm. Ông Bồng lần đầu mới được đi xa, thích lắm. Ông bảo: Nước mình thật đẹp như tranh. Bây giờ tôi mới hiểu vì sao phải yêu đất nước. Chứ ở quê ta, dù ngay Hà Nội có văn minh thật, tôi chẳng thấy yêu gì cả". Vợ tôi bảo: "Tại chú quen đây. ở nơi khác cũng thế, họ lại thấy yêu Hà Nội". Ông Bồng bảo: Thế là nơi này yêu nơi kia, người này yêu người kia. Tất cả đều đất nước mình, nhân dân mình cả. Vậy thì đất nước muôn năm, nhân dân muôn năm. Hoan hô đền cù! "

Trong bài *Thử tìm hiểu cái lí bên trong của nghệ thuật Nguyễn Huy Thiệp*, Giáo sư Trần Đình Sử đã viết:

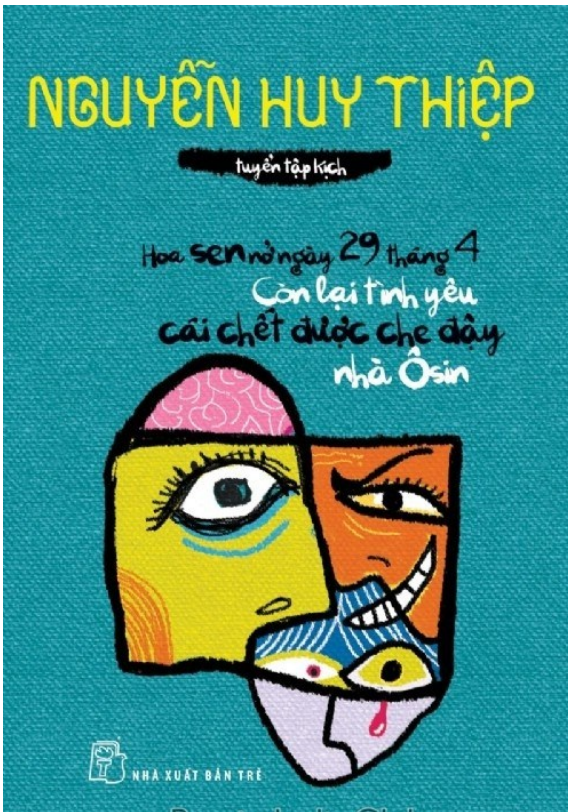
“.... trong ý thức nghệ thuật của Nguyễn Huy Thiệp có lẽ là nguyên tắc “không kị húy”. Ngay khi “*Tướng về hưu*” ra đời, có người đã chỉ ra cái mới của thiên truyện là lối trần thuật dân chủ, không áp đặt lập trường quan điểm cho người đọc, rồi tiếp thêm các tác phẩm sau, người ta thấy tác giả là nhà văn đối thoại. Đó là những nhận xét đúng về ý thức nghệ thuật của nhà văn. Nhưng điều làm cho Nguyễn Huy Thiệp khác các nhà văn đối thoại khác là ở chỗ ngòi bút “không kị húy” của anh. Hình như dưới ngòi bút của anh không có vùng cấm nào cả, không có sự vật nào mà anh không gọi bằng tên của nó, từ những ý nghĩ, hành động đen tối, vô đạo nhất của nhân vật cho đến những xung động khao khát tình dục thâm kín nhất (như trường hợp ông Bồng, ông Kiên, Đoài, bà Lâm, Hiếu,

HUỶNH ÁI TÔNG

*Hiên...) mà người khác có thể né tránh hoặc nói chệch đi, tất cả đều có thể xuất hiện dưới ngòi bút của Nguyễn Huy Thiệp. Đó là điều mà người ta cảm thấy anh “ác”, “thiếu chữ tâm”, “ghê rợn”, “lột trần không thương xót”...Lối viết không kiêng nể này khởi đầu từ Hồ Xuân Hương, truyện Tiểu lâm, truyện ngắn Nguyễn Công Hoan.”*

Tài liệu tham khảo:

- Nguyễn Huy Thiệp Web: [vi.wikipedia.org](http://vi.wikipedia.org)
- *Tướng về hưu* Web: [lmvn.com](http://lmvn.com)



### 31. Thái Thăng Long



#### **Thái Thăng Long – Thái Gia Trí (1950-20 )**

Nhà thơ Thái Thăng Long tên thật là Thái Gia Trí, sinh ngày 20 tháng 8 năm 1950, ở Đội Cấn, Ba Đình, gia tộc Hà Nội chính gốc 6 đời.

Năm 1969, Thái Thăng Long tham gia bộ đội, vào chiến trường B2 - Nam bộ, trở thành chiến sĩ đặc công với nhiều thành tích. Trong thời gian này, ông làm thơ gửi đăng trên tờ *Văn Nghệ giải phóng*. Vì yêu thích Hà Nội, chốn nghìn năm văn vật, nơi chôn nhau cắt rốn, nên nhà thơ lấy tên kinh thành cổ Thăng Long ghép với họ thành bút hiệu Thái Thăng Long.

Năm 1975, ông theo học Đại học Tổng hợp Tp. HCM.

Năm 1979, tốt nghiệp ngành Ngữ văn tại Đại học Tổng hợp Tp. HCM.

## HUỶNH ÁI TÔNG

Ông là hội viên Hội Nhà văn Việt Nam, hiện là trưởng Ban biên tập Nhà xuất bản Thanh Niên Chi nhánh phía Nam., thường trú tại Tp. HCM.

Thái Thăng Long nổi tiếng về những bài thơ về Hà Nội

Ông đã được giải thưởng:

- Giải thưởng cuộc thi truyện ký do báo *Sài Gòn Giải Phóng* tổ chức năm 1985

Tác phẩm:

- *Thành phố lúc bình minh* (văn, in chung, 1979)
- *Hà Nội của tôi* (Hà Nội 1985)
- *Thuyền của rừng* (thơ thiếu nhi, Trẻ, 1987)
- *Đánh thức những tiềm năng* (Văn Nghệ, 1987)
- *Ám ảnh* (thơ, Trẻ, 1992)
- *Chiều phủ Tây Hồ* (thơ, Trẻ, 1994)
- *Gió rừng Sác* (trường ca, Trẻ, 1996)
- *Thời gian huyền thoại* (thơ, Thanh Niên, 2000)
- *Người nhái rừng Sác* (ruyện dài)
- *Trước cửa ngõ Sài Gòn* (văn, in chung).

Trích thơ:

### **Yêu Hà Nội**

*Ta mơ thấy em ở nơi kia xa lắm  
Có một Hà Nội ngậy ngất nắng  
Có một Hà Nội run run heo may  
Có một Hà Nội hoa đào tươi hồng rạng rỡ  
Có một Hà Nội ngàn năm dấu ngựa  
Có một Hà Nội Bích Câu, Quốc Tử Giám... Thiêng liêng  
Có một Hà Nội lặng lẽ chiều Tây Hồ sương khói*



Có một Hà Nội lá sấu rắc vàng đường Điện Biên  
Có một Hà Nội vắng em  
Vắng em bên anh tình quái  
Có một Hà Nội lạnh giá đường Giảng Võ  
Có một Hà Nội làng hoa Ngọc Hà và em đứng đó  
Chậm chậm trở về trong mỗi giấc mơ  
Chậm chậm đến với những câu thơ  
Chậm chậm đời mình cho ngày xuân tới  
Và anh  
Tình yêu Hà Nội lại theo về...

(Hà Nội cuối năm 1993)

### Về lại phố xưa

Không còn những gốc bàng mùa đông  
mười bảy  
Không còn tiếng đàn trong lửa cháy.  
Không còn mái ngói rêu xanh với sự tích  
của mình.  
Không còn những mùa heo may về rét mướt.  
Ngoại ô đêm cô đơn.  
Đế lòng người yên lặng  
Bước chân về trên lá nhớ ai ?  
Gió tha hương  
Nhớ đôi vai gầy của mẹ  
Người tha hương  
Chập chờn như thể  
Đêm không đầu  
Gió lạnh rít hiên thêm.  
Phố xưa  
Ta tìm những ô ăn quan năm ấy.  
Ta tìm gương mặt bé con của em.  
Vật lớn sau chiến tranh.  
Ta tìm màu rêu chậm chậm

HUỶNH ÁI TÔNG

*Ngân ngân tiếng guốc  
Lọc cọc xe qua  
Tiếng tàu điện rập rình  
Phố xưa  
Trong nỗi nhớ của em  
Ta hoang vắng mỗi chiều giá lạnh  
Chợt niềm vui  
Nhận lại những tiếng đàn.*

**Đàn hạc trắng**

*Đàn hạc trắng trở về giữa chiều xuân ven đê  
Trở về  
Giữa mặt hồ sương giăng huyền ảo  
Qua đi ngày bão...  
Ta lặng yên  
Hy vọng ở chúng mình  
Em về trong ngày xuân dâng đầy cảm xúc*

*Người xưa ơi  
Ngựa xe như nước  
Kính kỳ lửa nồng trong mỗi câu thơ.  
Nguyễn Du ngân nga  
Sắc hoa đào chiều lạnh...  
Đàn hạc trắng trở về bên hồ rộng  
Em nghe không  
Sâu thẳm tiếng chuông chùa*

(Nguồn: Kiến thức ngày nay xuân Tân Ty 2001)

**Ba mươi sáu phố phường**

*Hàng Buồm chẳng còn cánh buồm  
Thuyền đậu nơi nào em đến  
Sông Hồng cách xa biển biệt*

*Bãi ngô cát trắng mùa xuân.*

*Hàng Chuối*

*Đâu còn có chuối*

*Vài cây com nguội trăm tuổi*

*Lác đác những chú chim sâu.*

*Hàng Nâu*

*Rồi sang hàng Lược*

*Lược chải tóc em ngày xưa.*

*Áo trắng tóc dài trên phố.*

*Hương chanh hương cốm mùa thu.*

*Hàng Đào hoa đào mấy độ?*

*Hàng Bạc tìm thợ làm vàng.*

*Hàng Cót rẽ về hàng Than.*

*Hàng Da em tìm giấy dép.*

*Hàng Nón nón trắng dập dờn*

*Hàng Bông nào còn bông vải*

*Hàng Gai đàn ai đêm tối*

*Văng vẳng mấy giọng hát đào*

*Hàng Mã chợ hoa ngày Tết*

*Hoa hồng đào thế Nhật Tân.*

*Run run rét về trong mắt*

*Mê hồn những sắc những hoa*

*Ta yêu mái nhà phố Phái*

*Nguệch ngoạc đơn sơ tài hoa.*

*Ta yêu hàng cây bờ cỏ*

*Tháp Bút viết suốt ngàn năm.*

*Hồ Gươm Rùa vàng đã nổi*

*Mùa xuân em có về không ?*

*Ba sáu phố phường Hà Nội.*

(1996)

### **Lặng lẽ**

*Không ồn ào  
Lặng lẽ như chồi cây xanh trước cửa.  
Không hoang tưởng  
Lòng ngực âm ỉ ngọn lửa.  
Kiếm tìm những cảm xúc rất riêng.  
Lơ mơ bầy chim  
Để bầu trời đầy tưởng tượng.  
Chồi non vút xanh không cùng.  
Lòng ta yên ả  
Lòng ta đi qua  
Mưa và gió  
Những cơn đau  
Bất chấp bước chân chạy  
Vòng vèo  
Lặng lẽ  
Như đất giấu triệu chồi xanh âm ỉ.  
Gọi về những mạch li ti.  
Lặng lẽ đam mê  
Lặng lẽ yêu và ghét  
Hồi mùa oi  
Ta là kẻ tự giấu mình.*

### **Vườn xưa**

*Anh tìm  
Bóng dáng mùi hương xưa quyến rũ  
Anh tìm  
Cánh hoa lan dạo nọ*

*Dạo nọ mấy mươi năm chẳng ghé về  
Anh tìm  
Gốc hoàng lan dưới mùa thơm ngát  
Người ơi  
Đôi mắt về nẻo khác  
Vời vợi rồi  
Vườn cũ  
ở đâu?  
Châm chậm  
Châm chậm  
Tóc đã sang màu  
Châm chậm gieo trong lòng ta  
Cả đời giông gió  
Mảnh vườn xưa  
Nhớ ai dang dở  
Hương còn đây  
Người ở tí tí xa.*

### **Bến đợi**

*Chiều về như cỏ tích  
Chiều sương trắng gió lạnh xa mờ.  
Chiều bãi cát vàng mơ.  
Xao xác bầy chim  
Xao xác cỏ non đợi đất nhú mầm.  
Dòng sông trong em heo hút.  
Mùa xuân hơi thở về đồn đập  
Bến xuân  
Người đã sang đò.  
Bến đợi  
Để anh chờ.ứ  
Chiều con sóng hát lên theo tiếng gió.  
Bàn chân thời  
Trẻ nhỏ  
Em đi.*

HUỶNH ÁI TÔNG

*Bàn chân nú con thuyền bến đợi  
Có một thời  
Kỷ niệm  
Có một thời nông nổi.  
Sông ơi  
Chiều Giêng, hai em ở đâu rồi?  
Bến đợi mưa giãng gió lạnh.  
Bên kia sông  
La đà đàn sáo đất.  
Và sông ơi  
Bến đợi mấy kẻ chờ.  
Bến sông Hồng Hà Nội*

**Sông Hồng mùa cạn**

*Bãi cát dài còn dấu chân xưa?  
Con gió lạnh thơm lừng mùi ngô nướng  
Bóng dáng chàng Trương Chi ai biết được  
Thuyền Trương Chi bên hoang vắng bờ lau.  
Đàn cò trắng trong hồn  
Vẫn bay trên sóng nước  
Gió lạnh thổi  
Ai về trong ký ức?  
Ai về nguyên sơ cõi cút con đò  
Ta gọi bạn bên bãi lau thưa  
Phố sau lưng, nhớ người xưa quay quắt  
Cô bé gõ mạn thuyền mà hát  
Đôi mắt đen theo ta biết bao mùa?  
Sông vẫn đây  
Cát trắng, lau khô  
Thuyền vẫn đây  
Cánh chim chiều giá lạnh  
Cánh chim chiều yêu mây trời da diết  
Như người yêu ta*

*Như ta lại yêu người.  
Sông Hồng thì thầm cảm xúc khôn người.*

### **Nhớ Trịnh Công Sơn**

*Đi qua ráng chiều  
Nhớ anh  
Mang gia tài của mẹ  
Mẹ Việtnam, chan nước mắt kiếp nghèo...*

*Mẹ Việtnam  
Hai bàn tay trắng  
Hai bàn tay bầu cõi phiêu diêu ...*

*Đi qua ráng chiều  
Trăm năm anh  
Bao bài hát vận phận đời ma mị.*

*Những phận đời có thực như mơ?  
Những phận đời  
Đại khờ  
Những phận đời  
Uất nghẹn*

*Đi qua ráng chiều  
Lời ca anh rớm máu  
Tôi nhặt tìm từ trong vô thức  
Một cõi đời hy vọng mênh mông*

*Tôi chắt những âm thanh  
Có hồn và lửa  
Từ trái tim anh mê đại ưu phiền*

*Đi qua ráng chiều  
Trăm năm anh*

HUỶNH ÁI TÔNG

Mãi còn để nhớ  
Ôi! nỗi đau thành bao ngọn lửa  
Thấp lên  
Thấp lên  
Cho ấm mọi tâm hồn...

(Sài Gòn 12-2010)

**Mong manh**

Đổ xuống vai người  
Là mong manh mùa thay lá.  
Đổ xuống vai người  
Ngày hạ còn cào cô đơn.  
Đổ xuống vai người  
Con bão chiến tranh triền miên lịch sử.  
Núi lô xô  
Rừng mờ sương phủ  
Vẫn mong manh như sợi chỉ cầm tay...

Đổ xuống vai người  
Trầm luân nghèo khó  
Lịch sử là điều cảm dỗ!  
Dẫu có lừa ta, mùa thay lá vẫn còn.  
Mong manh tháng năm  
Trốn trong bé nhỏ  
Nước mắt đời người  
Chan đầy đau khổ  
Mong manh mà vẫn mong manh...

**cát bụi**

12-1999  
Để mặc những dòng sông lắng cát  
Nghìn triệu năm lớp lớp sóng dồi



Để mặc những núi non lởm chởm  
Hóa hư không giữa mọi kiếp đời  
Đi và đến  
ở mới là cùng tận !  
Mây trắng chiều thu  
Rong ruổi cõi nào ?  
Xanh mãi thế quả vàng nơi cửa Phật  
Ta bon chen  
Chẳng thể đem về.  
Và người ạ  
Yêu cũng thành cát bụi  
Cõi hư vô  
Bỗng hóa những cánh rùng  
Để mặc những dòng sông đầy cát.  
Nghìn triệu năm  
Vẫn mây trắng như bông.

**chân mây**

24-4-1996  
Thời gian cong  
Và ánh sáng cũng cong!  
Bé tí tẹo cuộc đời trong vũ trụ  
Thế mà mùa sang cảm dỗ  
Thế mà dòng sông vẫn rạo rục trong lòng.  
Thế mà tình yêu cứ mong  
Thế mà nỗi buồn  
Voi đi một nửa  
Gió cuối trời  
Cơn mưa về bên cửa  
Mây bay bay vẫn vũ đã ngàn năm  
Một mình ai đi trong sương giăng?  
Chân mây trắng  
Cánh diều thơ dại  
Tiếng dế gọi đàn

*Bài thơ còn lại  
Còn lại với thời gian  
Đâu ánh sáng có cong ?....*

**chiều phủ tây hồ**

*Bất giác chiều như muốn chậm đi  
Gió trên sóng  
Đôi thuyền câu thả lưới  
Mênh mông sương khói  
Hồ Tây sóng vỗ Phủ Tây Hồ  
Huyền thoại và giấc mơ  
Chậm chậm lễ chùa cùng em cung kính  
Tượng Phật trang nghiêm Bà Chúa Liễu  
Em khói hương thanh thản một phần đời  
Ta khói hương để khói chơi vơi  
Chấp tay lạy những thánh nhân trời đất  
Khói hương rủ lòng mình bỗng bênh cõi Phật  
Trời xa xanh tiếng hạc trắng kêu hoài  
Những giấc mơ tiếc lắm ban mai  
Những khát vọng phía chân trời xa thăm  
Những nỗi buồn gieo neo chiều vắng  
Thanh thản bên em trước thềm điện đời thường  
Một chút nước mắt cay khói đỉnh lư hương  
Tĩnh lặng tận cùng bao la trên sóng nước  
Hồn ta lọc trong vàng nắng  
Gió Tây Hồ thổi suốt mái rêu phong  
Một chiều Hồ Tây cuối năm  
Vũ trụ luân hồi u u sóng nước  
Rung rung lắm mà em chẳng khóc  
Hóa vàng đi em lễ Phật Phủ Tây Hồ*

**đường thi nhân**

Hà Nội

10-12-1995

*Lặng lẽ một đêm cuối năm Hà Nội  
Gió như ai hỏi  
Cây như gương mặt người xưa.  
Hồn trong veo sương khói lơ mơ.  
Giá rét căm căm lá vàng rơi run rẩy.  
Thơ mấy trăm năm sưởi lòng mình ấm lại  
Nàng Kiều ở tíu cõi xa.  
Nàng Kiều thấp thoáng bên ta  
Nàng Kiều đêm kinh thành tìm Nguyễn Du mà khóc.  
Má Đạm Tiên đang chờ độ xuân về  
Thôi một mình ta mê.  
Thôi một mình ta nay đi dạo  
Gió rét về như bão  
Cây bên đường lấy bấy dáng ai kia?  
Con đường thi nhân tim mình lắng nghe  
Một chút buồn với thời gian của Nguyễn.  
Đế bưng lên như sắc lá rừng cây.  
Con đường thi nhân  
Ai rung rung phố vắng.  
Đêm cô đơn  
Thả ánh đèn vàng thăm thăm  
mãi trời xa.*

### **Không thể...**

*Không thể giả mùa thu  
Không thể giả mỗi chiều...  
Không thể giả những đôi mắt người  
Có tình yêu chân thực*

*Không thể giả tiếng khóc, nụ cười  
Không thể giả những cuộc đời nghèo khó*

HUỶNH ÁI TÔNG

Với ai, nỗi đau máu ứa  
Với ai, kiếp sống người lại quá cơ hàn  
Không thể giả những ngôi biệt thự thên thang  
Có máu, nước mắt người đã đổ  
Với ta, không thể giả  
Những kẻ giàu lên từ lừa đời man rợ...  
Với ta, không giả những kẻ mua quan bán chức vì tiền...  
Với ta không giả những bà mẹ nghèo ăn xin cửa chợ  
Tất cả  
Như là nợ!  
Tất cả những giá trị  
Bị đảo ngược chiều...

Không thể có trái tim bình yên  
Đôi mắt ai nhìn như hoang dại  
Ta ngẩng đầu lên  
Vì tương lai  
Vì tình yêu còn lại

Hãy nắm bàn tay  
Không thể giả cuộc đời

(Sài Gòn 13-10-2013)

**Gửi một bạn làm thơ**

Anh còn thức không?  
Thức với cuộc đời cả trăm ngàn cảm dỗ

Anh còn yêu không?  
Yêu đất nước mình nghèo  
Cái nghèo khôn khổ  
Trang giấy kia  
Anh viết những gì?  
Đất đai mỗi ngày teo tóp

*Sân gôn choáng ngợp  
Kẻ chơi gôn, hốt bạc sinh tiền...*

*Thơ anh viết cho ai  
Có thân phận cuộc đời  
Bao cô gái bán mình xa quê không ngủ...*

*Thơ anh viết cho ai?  
Cho những kẻ sống trên nhung lụa  
Ráo hoảnh tình yêu  
Chết đứng vì tham*

*Thơ anh viết cho ai đêm đêm  
Kẻ rửa tiền lại mơ cửa Phật  
Lột mặt nạ đêm  
Rao giảng thánh hiền*

*Thơ anh viết cho ai  
Khi mùa thu đến?  
Hoa sữa rơi, như là đã hẹn...  
Tôi lại về Hà Nội cuối thu.*

(Sài Gòn 10-10-2013)

### **Muộn**

*Thế là muộn em chẳng còn đợi nữa  
Đời xóa đi những kỷ niệm ấy rồi  
Anh tiếc mãi  
Lỡ làm như tâm gửi  
Buồn mênh mông  
Nuốt hận với đời*

*Thế là muộn  
Em chẳng còn đợi nữa*

*Chim sẻ rừng trốn về núi bên kia  
Vàng trắng sáng  
Thành vàng trắng ám ảnh  
Đêm hoang sơ cô độc ngày hè...*

*Thế là muộn  
Vòng quay không dừng lại  
Con chim non vỗ cánh bay đi  
Ngơ ngác chiều cô cút ấy  
Ngơ ngác cỏ hoa  
Ngơ ngác mùa về*

*Thế là muộn em không còn đợi nữa  
Để chia nửa vầng trăng ấy cho anh  
Để chia nửa âm ngữ bài hát giờ  
Để chia nửa tình yêu  
Giống viên sỏi góc vườn.*

*Thế là muộn  
Chỉ còn những câu thơ như lửa cháy  
Đôi mắt ai u uẩn với đời...*

*Thế là muộn  
Thời gian không đổi  
Ta ngược chiều  
Như Từ ngữ đầy thoi*

### **Chiều nghìn năm trong mắt**

*Chiều nghìn năm trong mắt  
Bừng nở một cánh hoa  
Gió nghìn năm phiêu lãng  
Quay về bên mái nhà  
Núi nghìn năm vẫn núi  
Rừng nghìn năm sương dày*

Tiền kiếp ai trở lại ?  
Áo Hoàng bào về đây.  
Chiều nghìn năm trong mắt  
Mây bay, mây trắng bay  
Vẫn hồn sông thuở ấy  
Vẫn biển kia sóng đây.  
Người mong người mãi đợi  
Nghìn năm sáng con đường ...  
Rông bay lên trời rộng  
Bóng người trong đêm sương.

Ta đợi nghìn năm ấy  
Cháy chiều trong mắt ai?  
Ta đợi nghìn năm ấy  
Quên đi những đêm dài...

(Cuối năm 2006)

### **Giọt nước mắt hai thế kỷ**

Cha chờ hai thế kỷ  
Gió thổi trắng bàn tay  
Mẹ chờ hai thế kỷ  
Vẫn tường đất búa vây

Ta chờ hai thế kỷ  
Mắt trống vắng với đời  
Con ngóng hai thế kỷ  
Phập phồng bước trong mây

Nước mắt rơi xa ngái  
Vời vợi những khát mòn  
Con đường đây mất lối  
Cỏ hoang và mù sương

HUỶNH ÁI TÔNG

*Nước mắt ai chảy ngược  
Thác lũ từ đầu nguồn  
Trăm năm tạc bia đá  
Nỗi buồn ở trên non.*

(7-2007)

**Hãy cứ chờ**

*Hãy cứ chờ mùa thu bạn ạ  
Và chờ xem  
Gió trong trẻo ùa về  
Lá vàng rụng  
Giữa trưa nắng nhẹ  
Vòng tròn quay  
Trời đất cứ si mê*

*Hãy cứ chờ mùa thu em ạ  
Dẫu mấy mươi năm ta vẫn cứ chờ*

*Mỏi mệt lắm  
Bơ vơ như ngọn cỏ  
Gió rừng hoang  
Rít đến bao giờ?*

*Hãy cứ chờ mùa thu bạn ạ  
Tóc ngày xưa giờ đã trắng cả đầu  
Sách không chữ  
Và dòng sông chảy ngược  
Trái tim ai đau  
Và lại bắt đầu...*

(8-2007)



**Trăm năm phù du**

*Chiều phù du  
Tháng phù du  
Trăm năm vẫn là phù du mộng mị  
Trăm năm nhân thế.  
Trăm năm sự đời chập choạng sáng tên.  
Phù du cả tình yêu không có.*

*Thuyền mộng mị  
Ý thức vật vờ bờ cỏ  
Mây trắng trôi  
U uẩn kiếp luân hồi!  
Những khát vọng thương đau.  
Những rắc rối cơ trời  
Phù du hết  
Chỉ còn tình của mẹ  
Ta là kẻ chứng nhân thế kỷ  
Phù du tàn canh  
Chữ nghĩa sống bao giờ.*

(7-2008)

**Những quân bài cuối**

*Những quân bài đã say...  
Những quân bài đã ngủ  
Lửa vẫn cháy  
Rừng vẫn xanh nhuốm lửa  
Sông vẫn trôi  
Nước lũ bỗng tràn về.  
Những quân bài chưa tỉnh cơn mê.  
Giấu cái nhìn  
Vàng son vào đêm tối  
Đêm trốn chạy*

HUỶNH ÁI TÔNG

*Đêm tàn rất vội  
Tháng năm xa  
Rồi lại tháng năm gần  
Em cứ nhìn  
Hoan hỉ những mùa xuân.  
Lạnh giá bao cuộc đời tàn tạ.  
Ta nghe từ tim mình tất cả.  
Những quân bài trăm năm  
Đã hóa trắng cuộc đời*

(9-2008)

*Thơ Thái Thăng Long lời êm dịu, giàu nhạc tính, cho nên thơ ông có trên 40 bài được phổ nhạc. Là một nhà thơ có nhiều trăn trở về thế sự, năm 2006 ông sáng tác bài “Chiều nghìn năm trong mắt”, năm 2007 sáng tác bài “Giọt nước mắt hai thế kỷ”, tháng sau ông lại sáng tác thêm “Hãy cứ chờ”. Ông trông đợi điều chi, trong khi trên ba mươi năm thống nhất đất nước, phải chăng ông đang chờ mong cho ngày mai đất nước được xán lạn.*

Tài liệu tham khảo:

- Thái Thăng Long Web: [kinhdotruyen.com](http://kinhdotruyen.com)
- Yêu Hà Nội Web: [thivien.net](http://thivien.net)

### 32. Nguyễn Đông Thức



#### Nguyễn Đông Thức - Nguyễn Đức Thông (1951-20 )

Nhà văn Nguyễn Đông Thức tên thật là Nguyễn Đức Thông, sinh ngày 18 tháng 10 năm 1951 tại Từ Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi. Là con của nhà thơ Hồng Tiêu Nguyễn Đức Huy và nhà văn Bà Tùng Long. Trưởng thành tại Sài Gòn. Tốt nghiệp đại học.

Sau 30-4-1975, Nguyễn Đông Thức tham gia thanh niên xung phong.

Năm 1977, ông từ Thanh Niên Xung Phong chuyển về làm việc cho báo *Tuổi Trẻ*.

Trong thời gian làm báo *Tuổi Trẻ*, khi bùng lên cuộc chiến tranh Tây Nam, ông lại xung phong đi bộ đội. Những ngày tháng trong bộ đội, tại Mặt trận 779, ông đã viết truyện ngắn *Người chẵn vệt*, được tạp chí *Văn Nghệ Quân Đội* trao giải thưởng “Truyện ngắn hay năm 1980”.

## HUỶNH ÁI TÔNG

Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam. Hội viên Hội Nhà văn Việt Nam từ năm 1988

Nguyễn Đông Thức được các giải thưởng:

- Giải A cuộc thi sáng tác do Thành đoàn Thành phố Hồ Chí Minh tổ chức, với tác phẩm *Một bông hồng cho cô bộ đội*.
- Giải nhì cuộc thi sáng tác của Thành đoàn Thành phố Hồ Chí Minh cho tác phẩm *Truyện rất khó viết*.
- Giải ba cuộc thi sáng tác của Hội Nhà văn Thành phố Hồ Chí Minh với tác phẩm *Mưa khuya*.
- Giải nhì cuộc thi sáng tác của báo Sài Gòn Giải Phóng với tác phẩm *Hạnh phúc*.
- Giải nhì cuộc thi truyện ngắn của tạp chí Văn Nghệ Quân Đội năm 1979-1980 với truyện *Người chẵn vệt*.
- Giải nhì cuộc thi truyện ngắn của tạp chí Văn Nghệ Quân Đội năm năm 1999-2000 với truyện *Tiên bay về trời*.

Hiện nay Nguyễn Đông Thức công tác tại báo *Tuổi Trẻ* Tp. HCM

Tác phẩm:

- *Ngọc trong đá* (Tiểu thuyết, 1986)
- *Mưa khuya* (tập truyện,, 1987)
- *Tình yêu thương không dễ hiểu* (tập truyện,, 1987)
- *Trăm sông về biển* (tập truyện,, 1988)
- *Con gái vốn phức tạp* (tập truyện,, 1988)
- *Mối tình đầu tiên và cuối cùng* (tập truyện,, 1989)
- *Bản án trước khi chào đời* (tập truyện,, 89)
- *Vĩnh biệt mùa hè* (tập truyện,, 1993)
- *Ngôi sao cô đơn* (tập truyện,, 1991)
- *Chuyện tình tự kể* (tập truyện,, 1999)
- *Tiên bay về trời* (tập truyện,, 2002)

- *Đời* (tập truyện, Trê, 2008)
- *Đời 2 & Chuyện không quên* (tập truyện, Trê, 2010)
- *Không có gì và không một ai* được (tập truyện, Trê, 2012)

Trích văn:

### **Tiên bay về trời**

Nguyễn chạy xe vào trụ sở hội khi đã gần trưa. Lúc anh dựng xe trước can-tin định bước vào tìm độ bida thì Vũ ngồi uống cà phê gần đó vội lên tiếng:

- Có bà khách vào tìm ông này giờ, đang ngồi trong văn phòng kia.

Nguyễn nhìn qua khoảng sân. Khách ngồi quay mặt ra ngoài, là người hoàn toàn xa lạ. Một phụ nữ khoảng trên 40 tuổi, ăn mặc rất thanh lịch. Có thể bà là gương mặt mới trong giới làm băng nhạc, đang muốn thực hiện một chương trình nào đó, hoặc một “nhà thơ đột xuất” đã ngoại tứ tuần mới sáng tác và có tham vọng được phổ nhạc các bài thơ của mình? Hay bà là người mà đến nửa đời mới nhận ra mình có năng khiếu âm nhạc giờ muốn làm quen với các nhạc sĩ để nhờ hướng dẫn thêm? Thời buổi này chuyện gì cũng có thể xảy ra. Nguyễn bốn mươi tư cộng thêm cuộc đời nhiều thăng trầm đã khiến anh hầu như không còn ngạc nhiên trước bất cứ điều gì. Bạn bè thường khen về thái độ luôn ung dung tự tại của Nguyễn. Còn Mai thì ngược lại, lúc chia tay đã một lần cuối khuyên Nguyễn nên thay đổi cái tính khí dửng dưng, nguội lạnh mà Mai gọi là “một thứ siêu ích kỷ” ấy. Sống mà không còn biết xúc động thì có gì thú nữa? Yêu ghét rõ ràng, luôn quan tâm đến mọi người chung quanh và mọi sự kiện đang xảy ra, cuối cùng Mai đã đầu hàng trước tính phớt đời của Nguyễn. Về phía Nguyễn, không rõ nguyên nhân nhưng từ lâu anh đã thấy có hay không có mình thì cuộc sống vẫn vậy. Minh “chẳng là cây đình gì”, thì sống

bon chen và quan tâm đến quá nhiều thứ để làm gì, nhất là khi đã theo nghiệp sáng tác này?

Nguyễn đi qua văn phòng. Người khách ngồi chờ đây về bồn chồn, hai bàn tay đan vào nhau còn gương mặt thì đầy vẻ mệt mỏi và buồn bã, với đôi mắt quầng thâm. Thấy Nguyễn bước vào, bà đứng dậy chào. Nguyễn vội nói:

- Xin chị cứ ngồi.

Người phụ nữ ngập ngừng:

- Xin lỗi... Anh là nhạc sĩ Nguyễn?

- Vâng.

- Gia đình tôi xin anh giúp cho một việc...

Khách chột nghẹn lời, mắt róm lệ. Nguyễn nhắc bà:

- Xin chị cứ nói.

- Vâng, thưa anh... Cháu Tiên...

Câu chuyện sau đó đã làm Nguyễn phải lặng người. Tiên, một cô gái 16 tuổi, con út của bà Tâm - tên người khách, bất ngờ bị suy thận cấp. Bệnh đã phát từ trước Tết với dấu hiệu phù mà ban đầu cả nhà cứ ngỡ Tiên bệnh trở nặng qua giai đoạn vô niệu, thì một bác sĩ ở đây lại chẩn đoán và điều trị sai, làm cho nó càng trầm trọng hơn. Tiên được đưa về thành phố nhập viện khi ông thận đã bị hoại tử, phải chạy thận nhân tạo, nhưng theo các bác sĩ thì không thể qua khỏi vì đã bị biến chứng nhiễm trùng máu, chỉ có thể cầm cự vài ngày nữa. Ba lần mẹ đều sẵn sàng cho Tiên mỗi người một quả thận của mình, nhưng ở Việt Nam chưa làm được việc ghép thận này. Ba Tiên đang đăng

báo bán nhà, bán xe và vận động đưa Tiên ra nước ngoài chữa trị, dù các bác sĩ đều nói sẽ không kịp... Gia đình cố giấu, nhưng dường như Tiên vẫn biết. Cô bé buồn rũ người, nằm chết cứng suốt một ngày trời. Rồi thấy bà mẹ cứ khóc mãi. Tiên cố gượng dậy, trò chuyện tươi tỉnh với cả nhà, xin được đọc báo Mục tím, nghe nhạc Michael Learns To Rock, xem lại những tập phim Tom và Jerry từng làm cô bé mê mẩn hồi nhỏ. Tiên vốn rất yêu văn nghệ, hát hay, đàn giỏi, lại thích văn chương. Ông bà Tâm khản khoản Tiên muốn gì cứ nói, ông bà cũng chịu. Thế rồi Tiên chợt nói muốn được gặp các thần tượng của mình, và trong danh sách ấy, có tên Nguyễn. Đã có nhà văn Đoàn, cặp ca sĩ Ngọc – Phương, nhà thơ Bùi, diễn viên kịch nói Thành và diễn viên điện ảnh Ngọc, trong hai ngày qua đến với Tiên.

Bà Tâm áy náy nói là bà biết các văn nghệ sĩ nổi tiếng thường rất bận, nhưng bà không thể từ chối các yêu cầu cuối cùng của con. Bà rất mang ơn nếu Nguyễn đến được với Tiên dù chỉ năm, mười phút. Nhưng nếu không được thì cũng chẳng sao. Làm sao Nguyễn có thể nói không? Anh hỏi số phòng của Tiên và hẹn chiều hôm ấy sẽ đến.

Thật tình thì Nguyễn rất ngại mỗi khi phải đi thăm bệnh hoặc phân ưu. Không khí bệnh viện và tang lễ bao giờ cũng gây trong Nguyễn một cảm giác rõ rệt về sự quá phù du của kiếp người. Vẫn biết sinh – lão – bệnh – tử là vòng quay không ai có thể cản, nhưng Nguyễn cứ thấy có một cái gì đó thật vô lý khi con người được sinh ra, vất vả học hành rồi quần quật làm việc, để lại chết đi... Mới tuần trước, ở đám tang nhạc sĩ Minh ra, Nguyễn chợt ngạc nhiên khi thấy đường phố vẫn rộn rịp hồi hả, trời vẫn xanh và nắng vẫn vàng, mọi thứ vẫn như thế, dường như đời không hề biết gì về một mất mát đau lòng vừa xảy ra. Dừng xe ở ngã tư, Nguyễn nhìn chung quanh, bỗng có ý nghĩ rằng tất cả những gương mặt vô cảm mình đang thấy đây, cũng như tất cả những gương mặt mình đã biết, thân quen hoặc xa

lạ, đều sẽ lần lượt biến mất trên mặt đất này, không chừa một ai. Biến mất, với bao nhiêu sự nghiệp dở dang, mộng ước không thành. Biến mất, sau cả một đời mà cộng lại hết những lúc sung sướng chưa chắc đã được vài ngày. Sao mọi người không nghĩ đến điều đó để bớt đối xử nghiệt ngã với nhau hơn? Để giúp nhau làm nhẹ hơn được phần nào cái gánh đời nặng chịch đang phải gánh trên thân?

Hôm Minh ở bệnh viện, Nguyễn vào thăm, thấy tình thế đã tuyệt vọng. Trong đôi mắt Minh, Nguyễn đọc được đầy nỗi uất ức vì phải chết. Minh còn biết bao dự định để làm, vậy mà... Nhưng dầu sao Minh vẫn đã vào tuổi “tri thiên mệnh”, công thành danh toại, nhà cửa, vợ con đầy đủ, gian khổ và vinh quang đều nếm trải. Còn với cô bé 16 tuổi đang đầy sức sống lại bị đứt ngang này, cảm giác về cái chết sắp đến hẳn phải rất khủng khiếp.

Thế nhưng khi vào thăm Tiên chiều hôm ấy, Nguyễn đã không hề nhìn thấy một nét tuyệt vọng nào trên gương mặt cô bé. Tiên nhận ra Nguyễn ngay, “Cháu chào chú Nguyễn”, và đôi mắt sáng lên khi nhìn thấy bó lan tím trong tay anh. Nguyễn đưa bó hoa cho Tiên:

- Chú chào Tiên. Sao cháu lại biết chú?
- Siêu sao như chú, ai mà không biết?
- Tiên còn biết gì về chú nữa nào?

Vừa hỏi Nguyễn vừa ngồi xuống chiếc ghế cạnh giường Tiên. Anh đau lòng nhận ra căn bệnh đang tàn phá cô bé như thế nào: khuôn mặt Tiên trương phù, chỉ còn đôi mắt là còn sức sống. Một đôi mắt chỉ cần nhìn vào là biết ngay chủ nhân rất thông minh. Bà Tâm đã cho Nguyễn biết từ bé đến giờ Tiên luôn là



học sinh giỏi nhất nhì lớp. Nguyễn xót xa nghĩ chỉ còn vài ngày nữa là đôi mắt này sẽ mãi mãi nhắm lại. Mãi mãi.

Tiên nói:

- Cháu biết chú chuyên viết nhạc cho giới trẻ, nhưng nghề chính lại là làm báo, đúng không?

Nguyễn cười, gật đầu:

- Còn gì nữa?

- Chú còn độc thân, nếu đúng như những gì chú đã phát biểu.

- Phát biểu ở đâu nào?

- Trong một cuộc giao lưu với khán giả ở Câu lạc bộ Nhạc sĩ, chú nhớ chưa?

Thấy Nguyễn ngạc nhiên, Tiên hạ giọng, vẻ bí mật:

- Chú biết tại sao cháu nhớ không?

- Làm sao chú biết được?

- Tại vì người viết câu hỏi đó là dì út của cháu. Dì mới tốt nghiệp đại học, ái mộ chú lắm đó. Chú ráng ngồi lại với cháu chút nữa, dì út vô đây, cháu giới thiệu cho.

Bà Tâm đã cho Nguyễn biết mấy hôm nay, Tiên bỗng nói rất nhiều. Cô bé luôn cần có người ngồi bên cạnh để trò chuyện, và chỉ khi rất mệt mới mới thiếp ngủ. Nguyễn hiểu ngay nguyên nhân: Tiên đang ý thức mình không còn bao nhiêu thời gian. Cuộc gặp gỡ này, ngay từ những phút đầu, càng làm Nguyễn thấy thương Tiên hơn.

Tiên lại hỏi:

- Nhưng đi út thì cứ nói theo sách vở, rằng đừng bao giờ nên chơi với nghệ sĩ, vì sẽ thất vọng trước những mặt trái của họ. Có đúng không chú?

Câu hỏi như một viên đạn ném xuống mặt hồ ký ức đang yên tĩnh trong Nguyễn. Những dòng chữ trong lá thư cuối cùng của Mai lại xuất hiện ra mồn một trước mắt anh: “Tất cả nghệ sĩ các anh đều như người cỡi trên, ai cũng nghĩ mình chính là trung tâm của vũ trụ, nói gì làm gì cũng đúng, còn mọi người phải có nhiệm vụ chiều chuộng và cung phụng, có gì không vừa ý là lập tức tự ái, sĩ diện, đau khổ. Nếu các anh có quan tâm đến ai thì cũng chỉ là một kiểu cảm xúc tùy hứng, hoặc do chính mình đã được quan tâm trước. Em đã tự xét kỹ, em chỉ là người phàm, sống với anh thì sẽ vương phải tình cảm như trong một câu danh ngôn: Hoặc là em tự phá hoại đời mình, hoặc là đi làm hỏng đời anh. Anh nên sống một mình với những hào quang và vòng nguyệt quế, cho đến khi gặp một bà điên nào đó chịu hy sinh. Còn em, xin được rút lui...”

Đã sáu năm, vẫn chưa có một bà điên nào thay được chỗ của Mai. Mai từng nói Nguyễn ích kỷ đến mức không thể yêu ai hơn chính mình, còn Nguyễn chỉ thấy anh không thể yêu ai được ngoài Mai. Ai mà không yêu chính mình nhất? Mai bỏ Nguyễn lẽ nào không phải vì tự lo cho thân cô, rút lui khỏi cuộc phiêu lưu đầy bất trắc để chọn một bến bờ yên ổn hơn? Nguyễn gượng nói với Tiên:

- Đúng đó. Nghệ sĩ, nghĩ cũng xệ mà... Cười gì? Chú nói đùa thôi, chứ nghệ sĩ thì cũng chỉ là con người, với đầy đủ tính tốt xấu. Tốt nhất là từ nay Tiên đừng nên thần tượng hóa ai hết...

Nguyễn khựng lại vì chợt nghĩ mình nói với Tiên những điều này thật vô ích. Tiên nhìn sững Nguyễn và chỉ trong tích tắc

Nguyễn hiểu ngay Tiên đã biết anh vừa nghĩ gì. Thật nhẹ nhàng, Nguyễn đưa tay cầm lấy tay Tiên. Bàn tay của cô bé sẽ se sẽ run trong tay anh. Mãi một lúc sau Tiên mới nói:

- Có cái gì bất tử không chú?

Nguyễn ngẫm nghĩ rồi trả lời:

- Chú không biết. Hình như không có gì tồn tại mãi được với thời gian. Nhưng, như nhiều người vẫn nói, có thể đó là tình yêu.

- Nhưng tình yêu vẫn có thể thay đổi mà chú.

- Nếu có thể thay đổi thì đó không phải là tình yêu.

Nguyễn trả lời Tiên mà lại cứ nghĩ đến Mai. Có lúc Mai đã rất yêu anh và luôn than phiền anh không hề yêu Mai gì hết, nhưng nói... Giờ đây Mai đã có chồng con, trong khi Nguyễn vẫn không quên được cô. Vậy thì ai yêu hơn ai? Tại sao Mai cứ ương bướng muốn Nguyễn phải thay đổi theo Mai, trong khi Nguyễn không hề có yêu cầu ngược lại? Tình yêu là phải hòa tan vào nhau hay mỗi người vẫn có thể là chính mình?

Tiên vẫn bướng bỉnh:

- Thí dụ tình yêu không thay đổi đi, thì khi những người yêu nhau chết đi, tình yêu ấy cũng đâu còn?

Nguyễn định nói với Tiên là còn chứ, khi tình yêu ấy đã đơm hoa kết trái, những người yêu nhau chết đi thì con cái của họ sẽ chính là cuộc đời của họ được nối dài ra, và chúng sẽ lại tiếp tục yêu thương. Nhưng sợ điều đó lại làm Tiên buồn. Nguyễn quyết định chuyển đề tài:

- Nói như Tiên thì còn nói làm gì... ờ, cho chú hỏi lại nghe. Bí mật. Tiên có bồ chưa?

- Cháu mới mười sáu mà.

- Nhưng bây giờ hình như ở tuổi cháu cũng có đứa có bồ rồi đó.

- ... À, hồi đầu năm lớp 10 này, có đứa trong lớp viết thư đòi làm boy friend của cháu đó.

- Đứa nào vậy?

- Thăng Hoàng.

- Rồi Tiên trả lời sao?

- Cháu không thèm trả lời, đem thư trả lại cho nó, nói nó học dở ẹt còn bày đặt lộn xộn. Nó không chịu cầm. Cháu dọa sẽ dán thư của nó lên bảng, nó mới chịu.

Hai chú cháu nhìn nhau cười. Mặt Tiên hơi hồng lên một chút.

- Rồi hôm rầy Hoàng có tới thăm Tiên không?

- Dạ có.

- Nó nói gì?

- Tụi nó đi một đám. Thăng Hoàng không nói gì, chỉ đứng núp phía sau khóc. Đúng là đồ con trai thúí...

Hôm ấy, Nguyễn đã ngồi với Tiên đến tận tám giờ tối. Dường như anh và Tiên đã quen nhau từ lâu lắm, và trước mắt anh không hề là một cô bé đang biết mình sắp chết. Nguyễn hứa

ngày mai sẽ lại vào, và quyết định trong lòng là sẽ dành hết thời gian cho Tiên, nếu cô bé muốn. Những bó hoa được Nguyễn thay đổi mỗi ngày. Hồng bạch, huệ tây, cúc trắng. Nguyễn còn mang cả guitar vào để đàn hát cho Tiên nghe những bài mà cô bé thích. Anh đau đớn khi thấy mỗi ngày Tiên mỗi suy kiệt hơn. Ngày thứ tư, cô bé chợt cầm tay anh, thì thầm:

- Cháu sợ chết quá...

Giọng Nguyễn khản đặc:

- Chú cũng vậy!

Rồi anh tìm cách giúp Tiên.

- Đó là điều mà không ai có thể tránh khỏi hết Tiên à. Nó như một cái bến cuối mà ai cũng phải tới. Mình tới sớm thì đỡ vất vả hơn thôi.

Tiên cười héo hắt:

- Chú nói không đúng. Sống vui hơn chứ...

Rồi lại hỏi:

- Có một thế giới khác sau khi mình chết không?

Lần đầu tiên Nguyễn trả lời Tiên không đúng với điều anh vẫn nghĩ:

- Có, Tiên ạ.

- Nó như thế nào chú?

- Nó rất đẹp. Và vĩnh viễn. ở đó, cháu sẽ được gặp lại tất cả những người thân đã mất.

Mắt Tiên sáng lên:

- Vậy cháu sẽ được gặp lại bà ngoại. Bà ngoại thương cháu lắm.

- Rồi Tiên sẽ gặp lại chú nữa. Có quên chú không?

- Không... cháu sẽ không bao giờ quên chú đâu. Chú tốt với cháu quá... Nguyễn quay mặt đi để gạt vội mấy giọt nước mắt vừa trào ra. Anh nghẹn ngào:

- Tiên ơi, cháu có ước muốn gì cứ nói, chú sẽ làm cho.

- Chú không làm được đâu.

- Tiên cứ nói đi.

Tiên suy nghĩ một chút rồi nói:

- Chú làm sao để từ nay đừng có bệnh nhân nào phải chết vì bị bác sĩ chẩn đoán sai nữa.

Nguyễn nín lặng trước yêu cầu ấy. Anh lại nhớ đến cái chết của Trí vào cuối năm 1978. Trí đâm phải một quả mìn cỏ, nát hết một chân. Nếu trạm phẫu dã chiến có đủ thuốc thì Trí đã không bị chết vì hoại thư, chân cứ bị cưa dần lên. Cũng là dân thành phố, cùng nhập ngũ một ngày, lại về cùng đơn vị, Nguyễn đã ngồi bên cạnh cho đến lúc Trí trút hơi thở cuối cùng. Vẫn là ánh mắt tuyệt vọng như của Minh. Sau này Nguyễn mới biết người phụ trách trạm phẫu đã đem bán hết những loại thuốc quý được cấp. Anh ta bị lãnh án nặng, nhưng Trí, hai mươi tuổi, cao lớn, đẹp trai, gia đình cách mạng, sắp vào đại học thì

tình nguyện đi bộ đội khi có chiến tranh biên giới Tây Nam, đã vĩnh viễn không trở về... Tiên còn nhỏ quá và giờ đây có ích gì nếu Nguyễn nói với cô bé rằng sự dốt nát và thói tham lam vô trách nhiệm sẽ còn hành hạ con người dài dài?

- Cháu biết chú không làm được mà. Thôi, cho chú chuyện này dễ hơn. Chú sẽ làm một bài hát tặng cháu. Được không?

- Rồi, chú hứa.

- Thật hay à nha.

- Ừ, thật hay.

- Hay nhứt của chú từ trước tới giờ.

Tiên siết chặt tay Nguyễn:

- Cảm ơn chú.

Rồi cô bé lòn tay xuống dưới gối lấy ra một cái bao thư:

- Cháu còn nhờ chú việc này nữa.

- Việc gì?

- Tết vừa rồi cháu được lì xì nhiều lắm, chưa kịp xài. Chú tìm đứa bé nào nhà nghèo sắp bỏ học, cho cháu gửi tặng nó. Một đứa thôi, mà gia đình đang hoạn, chịu khó, biết thương con, vậy mới có ích. Chú tìm được không?

- Chú sẽ tìm được.

Nguyễn đã nghe bà Tâm nói về những ý muốn cuối cùng khác của Tiên. Cô bé muốn ba mẹ đem hết quần áo, đồ dùng học tập

của mình cho người nghèo, đồng bào bão lụt... nhưng lại yêu cầu hãy chôn cùng với cô tất cả những con búp bê và bọn thú nhồi bông mà mười sáu tuổi cô vẫn còn mê. Sau nhiều năm, chúng đã chiếm cả một tủ kính lớn trong phòng riêng của Tiên. Nguyễn còn thấy ngày nào bà Tâm cũng mang vào một con búp bê để thay ca ở bên Tiên.

Những con búp bê đẹp lộng lẫy...

Trong những cố gắng của Mai nhằm thay đổi con người của Nguyễn, cô từng đưa anh đến các cô nhi viện, với những món quà mà cô luôn chu đáo chuẩn bị sẵn. Nguyễn đã thấy ánh mắt của những đứa bé bất hạnh sáng rực lên như thế nào trước những con búp bê nhựa rẻ tiền được Mai trao cho. Anh chợt buột miệng nói với Tiên:

- Những đứa trẻ ở cô nhi viện mà được có búp bê của Tiên thì chắc chắn chúng sẽ vui lắm...

Nói xong, Nguyễn hồi hận ngay. Tại sao anh lại muốn tước đi niềm vui nhỏ nhoi cuối cùng mà Tiên hy vọng có được dưới nắm mồ lạnh lẽo? Anh còn muốn thử xem lòng tốt của cô bé bạc phận này đến mức nào hay sao?

Tiên nhìn sững Nguyễn. Cuối cùng, cô bé nói:

- Được rồi, cháu sẽ cho hết, chỉ đem theo một con búp bê mù thôi. Hồi còn nhỏ cháu đã móc mắt nó, bây giờ có cho cũng không ai thương nó đâu. Tội nghiệp nó. Chú giúp cháu đem cho hết đi, nói của chị Tiên cho đó. Chị Tiên chết rồi...

Đó là cuộc nói chuyện cuối cùng giữa Nguyễn và Tiên. Sáng hôm sau, Nguyễn vào thì Tiên đã gần như hôn mê. Nguyễn cùng gia đình đưa Tiên lên xe về nhà, mọi người đều nước mắt giàn giụa. Vì Tiên có dặn trước là hãy cho xe chạy ngang



## VĂN HỌC VIỆT NAM CẬN VÀ HIỆN ĐẠI IV

trường để Tiên nhìn nó lần cuối, nên ba của Tiên đã đỡ đầu cô bé dậy lúc xe sắp chạy đến. Lúc đó vừa tan trường. Tiên gắng gượng mở đôi mắt lơ lơ nhìn các cô học trò cùng lứa tuổi với mình đang ùa ra như một đàn bướm trắng, rồi lại thiếp ngay. Mẹ và dì của Tiên òa khóc, trong khi những người đàn ông cố cắn chặt răng.

Ba giờ chiều hôm đó, Tiên mất, hai tay ôm chặt con búp bê mù cũ mềm. Không, Tiên không chết. Cô bé chỉ bay về trời sau cuộc dạo chơi ngắn ngủi xuống cõi trần, Nguyễn tin vậy. Nhưng không hiểu sao anh vẫn cứ để cho nước mắt mình mặc sức tuôn rơi...



Trong bài: *Nguyễn Đông Thức sức viết...vượng lắm!* Lê Minh Quốc viết về Nguyễn Đông Thức:

*“Điều gì làm nên sức hấp dẫn trang văn Nguyễn Đông Thức?”*

## HUỶNH ÁI TÔNG

*Đồng nghiệp cùng thế hệ với anh là nhà văn Nguyễn Nhật ánh báo: “Thế mạnh của Nguyễn Đông Thức là biết chắt lọc thời sự, chọn lấy chi tiết đắt giá để dựng nên hồn vía của cốt truyện”. Nói cách khác, tôi muốn gọi anh là “nhà văn thế sự”. Anh biết thu nhặt, ghi nhận những sự việc đã từng xảy ra trong đời thường, để “biến hóa” thành truyện ngắn. Tình tiết ấy, nhân vật ấy là của đời sống bụi bặm này, của thời đại này, chứ không phải là sản phẩm của trí tưởng tượng viển vông xa vời. Ngay cả lời ăn tiếng nói của giới trẻ thời @ cũng “du nhập” vào trang viết của anh ngọt xót. ấy là do vai trò của một nhà báo đã giúp anh có cơ hội nhặt nhạnh “lời ăn tiếng nói” và “xử lý” hợp lý trong văn chương.”*

Tài liệu tham khảo:

- Nguyễn Đông Thức Web: [truyenviet.com](http://truyenviet.com)
- Tiên bay về trời Web: [nhavantphcn.com.vn](http://nhavantphcn.com.vn)

### 33. Phạm Hoa



#### **Phạm Hoa - Phạm Văn Hoa (1952-20 )**

Nhà văn Phạm Hoa tên thật là Phạm Văn Hoa, sinh ngày 20 tháng Giêng năm 1952, tại xã Vĩnh Yên, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa.

Năm 1970, học xong Trung học phổ thông, nhập ngũ đi bộ đội, Phạm Hoa là chiến sĩ lái xe thuộc đại đội 170, tiểu đoàn 76, Trung đoàn 11, Sư đoàn 571 thuộc Bộ đội Trường Sơn. Bắt đầu viết văn trong năm này.

Năm 1973, truyện ngắn đầu tiên của Phạm Hoa được đăng trên báo *Phụ Nữ Việt Nam*, sau đó trong năm này, ông được theo học Khóa bồi dưỡng những người trẻ viết văn, khóa 6.

Năm 1979, được dự khóa 1 Trường viết văn Nguyễn Du. Tốt nghiệp, được điều về làm phóng viên Đài phát thanh tiếng nói Việt Nam. Chương trình phát thanh Quân đội nhân dân. Sau đó làm Trợ lý, Trưởng phòng Văn Hóa Văn Nghệ. Cục phó Cục Tuyên huấn, Tổng cục chiến tranh chính trị. Năm 1987, vào Hội Nhà văn Việt Nam. Đảng viên Đảng CSVN.

Năm 2012, nghỉ hưu với cấp bậc cuối cùng là Đại tá. Hiện là Ủy viên Ban Thường vụ - Trưởng Ban Tuyên truyền - Thi Đua

## HUỶNH ÁI TÔNG

Hội Truyền thống Trường Sơn - Đường Hồ Chí Minh Việt Nam.

Phạm Hoa đã đoạt được các giải thưởng:

- Giải nhì cuộc thi truyện ngắn tạp chí Văn nghệ Quân đội năm 1982
- Giải ba cuộc thi truyện ngắn báo Văn nghệ năm 1991
- Tặng thưởng Hội Nhà văn Việt Nam năm 2003

Nhà văn Phạm Hoa hiện sống tại nhà Tập thể Vân Hồ, Hà Nội.

Tác phẩm:

- *Ngày không bình thường* (truyện ngắn, 1984)
- *Tiếng chim* (truyện ngắn, in chung, 1985)
- *Đừng quên mùa hoa sáng lẻ* (truyện ngắn, 1986)
- *Mỗi thời của họ* (truyện ngắn, 1993)
- *Đùa của tạo hoá* (truyện ngắn, 1996)
- *Truyện ngắn Phạm Hoa* (tập truyện ngắn, 2002)
- *Miền xa thăm* (tiểu thuyết, 2002)

Trích văn:

### **Người đưa ta qua sông**

Mùa đông năm 1971, tôi dẫn một tổ canô về nhận công tác tại bến phà Long Đại. Gọi là một tổ, nhưng thực ra chỉ có hai người. Toàn lái chiếc canô 49 và tôi, vừa thợ máy vừa là chỉ huy. Trinh sát của lũ đoàn đã tìm cho chúng tôi một chỗ trú chân khá thú vị. Ven sông Nhật Lệ có một cái làng nhỏ, đó là xóm Cát. Xóm chỉ có mười một nóc nhà được trùm kín bởi tre xanh, chuối mít và cam. Mười một nóc nhà tưởng như còn nguyên vẹn. Nhưng thực ra đó là mười một cái xác nhà còn nằm trên mặt đất. Ruột nhà gồm vách gỗ, tủ, giường, xe đạp, cho đến bát đĩa đều được hạ xuống những căn hầm hình chữ

nhật và chữ A. Mọi sinh hoạt đều diễn ra dưới lòng đất. Ban đêm, canô của chúng tôi ngược dòng Nhật Lệ đầy phà đưa xe pháo qua sông, ban ngày chúng tôi đưa canô về xóm Cát để giấu. Cái lạch nhỏ nguyên mùa mưa là cả một dòng suối hùng dữ, đến mùa khô thành con suối thật hiền, dân quân của xóm cùng với mấy chiến sĩ trinh sát đào sâu vào bờ thành cái âu giấu canô. Chiếc canô của chúng tôi được neo vào, cột dây lên bụi tre đã từng bị sóng đánh trơ ra cả cụm.

Trung đội trưởng dân quân và người chiến sĩ trinh sát công binh đưa chúng tôi ra chỗ giấu canô. Còn chỗ ăn nghỉ đơn vị đã ủy thác hoàn toàn cho dân quân xóm Cát. Dân quân xóm Cát lại giao việc đó cho mẹ Tám.

Chiến tranh mà... Chúng tôi ăn uống thế nào cũng được.

Tôi trả lời và nhìn theo cánh tay chỉ của đồng chí trung đội trưởng dân quân. Tôi thấy nhà mẹ Tám là một ngôi nhà tranh thấp, cách chỗ giấu canô chừng vài chục bước chân.

Tôi và Toàn vội chia tay đồng chí trung đội trưởng công binh miền trung đen nhẻm ấy. Chúng tôi đi bộ về lữ đoàn mất một tiếng. Đúng năm giờ chiều, tôi và Toàn ra canô nổ máy chạy xuôi về làng Cát.

Buộc canô vào bụi tre, chúng tôi mang ba lô, đồ đạc lên nhà mẹ Tám. Vừa bước vào cái nền nhà rộng và trống, hai chúng tôi gặp ngay một cô gái bé nhỏ thanh mảnh, chừng độ mười bảy, mười tám tuổi.

- Chào em.

- Dạ.

Cô gái đáp rất nhỏ, gương mặt cô còn trẻ con, nhưng vẻ mặt,

thái độ lại có vẻ từ tốn, người lớn. Chúng tôi không chú ý gì đến cô, chú ý vào việc thu xếp đồ đạc và chỗ ngủ ngày hôm đó. Chỉ một lát sau, cô bé đã đi từ dưới hầm lớn lên, nói nhỏ nhẹ:

- Mời các anh đi ăn cơm ạ.

- Ăn cơm?

Tôi hỏi lại. Cô gái trả lời và nhìn tôi với đôi mắt mở to, im lặng.

- Dạ. Biết chiều nay các anh về, em đã nấu cơm sẵn.

Hai chúng tôi về dưới nhà hầm. Khu hầm chia làm hai. Một căn hầm được dùng làm chỗ nấu nướng, ăn uống và sinh hoạt. Căn hầm chữ A kiên cố, có nắp đậy là chỗ ngủ. Từ ngoài nhìn vào cửa hầm, nó mang dáng vẻ của một căn hầm có phụ nữ ở. Trong cùng là chiếc vali còn mới. Một cái dây treo áo, khá nhiều quần áo màu. Sạp nằm là chiếc phản gỗ trải chiếu hoa, tất cả gọi lên sự giản dị, sạch sẽ và gọn gàng. Tôi và Toàn đang cố ý chờ, thì cô gái đi từ trên nhà xuống giục:

- Các anh ăn cơm đi ạ. Để lâu cơm nguội mất.

- Thế còn...?

Tôi định hỏi thêm. Ánh mắt cô gái thoáng vẻ mặt ngạc nhiên:

- Chỉ có hai anh thôi ạ!

- Thế còn mẹ Tám và thằng em út đâu?

Tôi hỏi vì tôi lảng máng được giới thiệu rằng trong nhà ba người như vậy. Cô gái nhỏ lại nói với giọng từ tốn.

- Dạ. Mẹ em đã mất cách đây hai năm rồi ạ. Thằng út đem nó mới về. Em gửi nó học ở xã bên. Ở đây, dạo này bọn Mỹ hay đánh lung tung lắm.

- Trời ơi!

Toàn buột miệng kêu lên. Chúng tôi có phần sửng sốt. Còn cô gái vẫn thản nhiên một cách kỳ lạ. Có thể mẹ mất hai năm cô đã quen rồi chăng. Tôi nhắc lồng bàn: một bát canh to, một đĩa cá kho và bát dền đỏ luộc đã được sắp sẵn. Hai chiếc bát và hai đôi đũa cũng được xếp vào đúng hai phía ghế ngồi.

Đêm hôm ấy, khi út Sinh về, chúng tôi càng thêm ngạc nhiên. Căn nhà này chỉ còn hai người. Chị út Sinh tên Hiền, mười chín tuổi, và cậu ta mười hai. Út Sinh là đứa bé nghịch ngợm, có đôi mắt xéch trong veo như khoảng trời buổi sáng. Cậu ta hoàn toàn phục tùng chị như phục tùng một vị chỉ huy dứt khoát và có tài.

Hiền múc một chậu nước to và út Sinh đang nhẩy như con cào cào, nghe chị gọi đến ngồi xuống ngoan ngoãn để chị lau rửa mặt mũi. Rửa mặt xong, út Sinh rất muốn leo lên võng của tôi và Toàn. Chân cậu nhấp nhồm, mắt cứ liếc ra chỗ chúng tôi. Nhưng cái nhìn của Hiền có hiệu lực như chiếc dây vô hình căng giữ chân Sinh lại. Cậu ta tỏ vẻ hậm hực mà không dám kêu. Hiền mang quần áo của em ra giặt giũ, phơi phóng. Đêm xuống, theo lời của chị, mặc dù không thích tý nào, Sinh vẫn phải đốt đèn trong hầm, lôi sách ra ê a đọc. Cậu đọc như hát:

*Trong đầm gì đẹp bằng sen  
Lá xanh bông trắng lại chen...*

Vừa đọc út Sinh vừa ngó ra hai chiếc võng của chúng tôi. Nghe im một lúc, tiếng Hiền vang lên, nhỏ nhẹ và dứt khoát.

- Kìa út!

Út Sinh lại chúi đầu vào sách:

*Trong đầm... trong đầm gì đẹp bằng sen.*

\*

Mùa khô năm ấy ác liệt thật. Địch liên tục dùng B.52 dội bom xuống khu vực nam phà Long Đại. Phía bắc phà, chúng rải toạ độ, Còn dọc sông, chúng thả bom từ trường và thủy lôi. Các làng mạc bắc và nam Long Đại không ngày nào không đánh bom sát thương, bom bi.

Chúng tôi đã bắt đầu công việc, xế trưa tôi và Toàn ra sông chuẩn bị nanô. Cái nắng của miền Trung nóng và oi như ngồi bên bếp lửa. Toàn cởi áo vắt lên cành tre. Chúng tôi chuyên dần đồ đạc vào đầu máy. Tôi tranh thủ quét sàn canô, dọn lại buồng lái, mặt boong. Phải nói, chiếc canô có vẻ ngoài thật xấu. Toàn thân nó cũ kỹ, lờn phải móp mép. Nó chỉ có một ưu điểm là dễ nổ và máy rất khỏe. Nếu được chạy không tải trên sông, nó lao đi như mũi tên. Hôm đưa xe tăng của ta qua sông, trung đội trưởng bên phà xếp hai chiếc một lần. Chúng tôi e ngại canô sẽ không thể nào xoay nổi con phà to lớn như cái sân hợp tác ấy. Ai ngờ khi nó nổ máy, chân vịt hoạt động, cả một vùng nước bị khuấy tung lên rồi con phà nhúc nhích dần, chuyên hướng.

Toàn đã sống với canô 49 như một người bạn. Một lần, máy bị sặc nước do bom đánh, không nổ được. Chữa mãi vẫn không được. Toàn đã cáu gắt um lên.

- Tiên sư mày! Này!

Cu cậu giáng một quả đấm mạnh vào mặt boong. Nhưng chỉ lát sau, người giận. Toàn lại chăm chỉ tháo bộ khí, bộ dầu, lau rửa.



Chiếc canô nổ ròi, cu cậu lại lạng lẽ lau chùi, lấy búa nhỏ gõ phẳng những chỗ bị mảnh bom hay đá phang vào.

Đang cặm cụi cho máy ăn dầu, Toàn nghĩ đến cô gái chủ nhà trẻ tuổi. Cụ cậu tỏ vẻ thương hại Hiền. Bất giác Toàn nói với tôi trong lúc đang lọc dầu nhờn.

- Anh Hùng ạ, anh có thấy cô bé chủ nhà kỳ lạ không?

- Một cô gái sớm có bản lĩnh đấy.

- Ôi! Không phải. Tôi thấy cô ta tồi tệ thế nào ấy. Tuổi cô ta còn ít mà đã phải sống như một bà mẹ.

- Ngược lại, tớ lại thấy khâm phục cô ta. Bố mẹ đều chết bom. Anh đi bộ đội xa. Chưa tới hai mươi tuổi đầu đã phải gánh trách nhiệm của cả người cha lẫn người mẹ. Nếu là hoàn cảnh gia đình cậu chắc cậu sẽ là thằng đi ăn mày.

Toàn im lặng không nói gì. Trong lúc chúng tôi chuẩn bị cho canô lên đường thì ở nhà, Hiền đã com nước đường như xong xuôi. Chúng tôi về vào lúc cô đang dùng chiếc khăn bông lau bát đĩa. Tôi thích thú từng động tác nhỏ của Hiền. Cô làm việc gì cũng nhanh gọn, sạch sẽ và rất mau chóng có kết quả. Thấy tôi bước vào nhà, Hiền mỉm cười. Hai má cô vì ở bên bếp lửa, đỏ chín lên. Lần đầu tiên tôi thấy được nụ cười rạng rỡ trên khuôn mặt trắng trẻo sớm có nét đoan trang ấy.

- Các anh về ăn cơm để đi thôi ạ.

Tôi và Toàn dường như có hai thái độ khác nhau đối với cô. Tôi thì thân mật và bình đẳng. Còn Toàn có phần thương hại và coi thường Hiền. Chúng tôi ngồi xuống bên mâm cơm đã sắp sẵn giống như hôm qua. Mùi canh cá quả bay lên thơm phức.

HUỶNH ÁI TÔNG

- Các anh sẽ mang những thứ này đi chứ ạ.

Nghe cô gái hỏi, tôi mới chú ý tới những mảnh dù nhuộm màu không khoang lỗ màu đất, dùng để nguy trang mà cô đã giặt phơi từ sáng.

- Để làm gì?

Toàn hỏi trống không với thái độ hoàn toàn vô ý. Hiền trả lời dửng dưng:

- Các anh cần phải mang đi để nguy trang chứ? Nhỡ đang ở giữa sông có máy bay định thả đèn thì sao? Các anh lái canô phà trước đây vẫn thường làm như vậy mà.

Toàn phá ra cười to:

- Thế tốp lái canô trước ở đây thật à?

- Dạ.

Lúc đó tôi mới biết cô gái đã chuẩn bị từ sáng cho cuộc lên đường trước của chúng tôi. Tôi cảm thấy biết ơn Hiền.

- Em cứ mang vào đây cho các anh. Nhiều lúc sẽ cần tới nó em ạ.

Cô gái rút những tấm dù đã được giặt sạch sẽ, gấp lại vuốt thẳng, đặt ngay bên những đồ đạc mà chúng tôi sẽ mang đi. Bữa ăn kết thúc, chúng tôi vội vã ra canô. Hiền mang đỡ cho chúng tôi ra tận bến.

Đọc đường lên bến, chúng tôi còn có một nhiệm vụ không kém phần quan trọng là phải phá hai quả bom từ trường địch ném cách đó ba ngày chưa nổ. Vừa đến bến cụt, Toàn cho canô chạy

nhẹ dần. Chiếc canô đang lướt bị sức ì của nước kéo trì lại. Tôi giục:

- Phải mặc áo giáp vào đây Toàn ạ.

Toàn lặng thinh. Trong tổ, tôi là người nhiều tuổi, là chỉ huy, nhưng cũng là người anh, chuyên môn giúp việc, không chế tính chủ quan, liêu lĩnh của Toàn. Hai mươi ba tuổi đã có lúc cậu ta đùa trên sóng, nô giỡn với cái chết. Dọc đường vào Long Đại, không có tôi, canô 49 và Toàn đã bay trên sông tại bắc phà Xuân Sơn. Tính cương quyết của tôi hôm đó thật được việc. Tôi đã không cho Toàn đi một khi vẫn nghi còn bom tử trường nằm dưới đáy bùn của dòng sông. Toàn vẫn rẽ canô sát bờ đòi đi cho nhanh. Buộc lòng tôi phải gạt tay lái dứt khoát bắt Toàn quay lại. Và khi rà lại đoạn sông, trái bom nằm chờ dưới đáy bùn đã nổ.

Tôi ném áo giáp ra mặt boong:

- Mặc vào.

Toàn cười hề hề:

- Nóng quá anh Hùng ạ. Anh khỏi lo, con người có số cả.

- Số này!

Tôi choàng áo giáp vào vai Toàn. Bị ép, cu cậu mới chịu mặc chiếc áo nặng trĩu ấy vào người. Mặc áo xong xuôi, xác định cự ly mặt sông và vị trí quả tử trường. Toàn nô ga. Chiếc canô bị thúc mạnh, chồm lên tạo thành một vệt sóng lớn. Chúng tôi sẽ lướt canô thật nhanh cách vết bom khoảng 200 mét. Bị kích từ, trái bom sẽ nổ tung. Tôi vội vã làm nốt những công việc còn lại: đắp tấm che mảnh bom được kết bằng rơm cho máy. Toàn đếm đều đặn:

- Một trăm mét... Hai trăm mét... chuẩn bị.

Cu cậu quơ vôi mũ sắt chụp vào đầu, lảng tay lái cho canô lướt sang phải. Bất chợt một cột nước bốc dựng lên. Một tiếng “ùm” thật dữ dội. Tiếng nổ như âm vang từ sâu trong lòng đất, lòng nước bật lên. Mặt sông lay chuyển dữ dội. Mảnh bom và những khối nước té rào rào lên boong, cả tôi và Toàn đều rút vôi vào nách buồng lái.

\*

Ở làng Cát được ít ngày, tôi mới biết thêm được nhiều điều về Hiền. Cô gái trẻ trung ấy học đến lớp 10 thì mẹ, người bảo trợ duy nhất của cô, trong một chuyến đi đưa bộ đội qua sông đã hy sinh vì thủy lôi của địch. Lẽ ra Hiền đã vào đại học sư phạm như giấy gọi đánh về. Nhưng Hiền đã phải ở nhà để nuôi em, và trông coi nhà cửa thay cho anh trai đi chiến đấu xa. Bây giờ, ngoài phần việc của hợp tác, Hiền còn làm nhiệm vụ nấu ăn cho chúng tôi và cùng tổ dân quân nữ, đảm nhiệm việc nghi binh bên phà sát bên cụt.

Mỗi một ngày tôi càng cảm thấy ở cô gái thanh mảnh này một niềm tin thật vững vàng. Cô đã làm những công việc của riêng mình một cách mau lẹ và rất có kết quả. Cô có nét từng trải như của một người mẹ. Lần đầu tôi thấy cô đã chăm sóc, nuôi dưỡng chúng tôi đúng như một người chị. Tôi nhận ra cô rất hay cho chúng tôi ăn canh cá quả. Cô mua những chú cá tươi còn quẫy vẫy, đánh vảy, mổ xong, nướng qua than cho thật vàng rồi bóc ra nấu canh. Tôi sà vào chỗ cô làm hỏi:

- Tại sao Hiền lại hay nấu loại canh này thế?

Hiền mỉm cười dụi cánh tay vào má.

- Anh không thích sao?

- Có chứ. Nhưng tôi hỏi sao Hiền lại hay nấu loại canh này?

- ChỢ ở đây nhiều cá quả anh ạ... Với lại.. Có lần em nghe, có anh nói ở ngoài Bắc, loại cá này hiếm và đắt lắm. Ai có tiền nhiều mới được ăn.

Tôi cười. Hiền tỏ ý không hiểu vì sao tôi cười. Cô ngẩng đầu nhìn tôi rồi lại chăm chú vào công việc. Cô đã phục vụ chúng tôi mà không hề đòi một lời khen ngợi, một sự quan tâm. Còn Toàn, cậu ta chưa hề nói với cô một câu nào thật nghiêm chỉnh, kể từ khi đến ở nhà cô. Có một lần Toàn hỏi Hiền một câu, lại chính là câu nói khiến Hiền méch lòng. Đó là lúc cu cậu đi tìm khăn mặt của mình. Tìm lơ láo một lúc không thấy. Toàn gọi:

- Nhỏ... Nhỏ có thấy khăn của anh ở đâu không?

Hiền ngơ ngác nhìn quanh. Cô không hề nghĩ rằng Toàn hỏi mình. Nhưng đôi mắt của Toàn lại nhìn thẳng vào cô.

- Nhỏ có thấy chiếc khăn của anh bay đi đâu không?

- Dạ.

Hiền đỏ chín cả mặt. Tôi trách Toàn vì sự vô ý đó. Hiền loay hoay tìm tằm khăn vãi cả mồ hôi. Có lẽ chỉ có tôi mới nhận ra sự lúng túng khổ sở đó của Hiền. Cô gái đã tìm thấy chiếc khăn mặt bay ra bụi mía. Cô vẫn nói dụi dàng:

- Khăn bị gió bay ra đây anh ạ.

Cô đưa khăn cho Toàn, rồi lại cắm cúi làm công việc đang bỏ dở. Đôi mắt đen mở to, cái mũi dài và gương mặt sáng trầm tĩnh trông thật dễ chịu. Tôi quay lại nói nhỏ với Toàn:

- Hiền đã là một cô gái rồi đấy, cậu phải xưng hô thế nào để tỏ rõ sự tôn trọng người ta chứ?

Toàn nhìn tôi rồi quay đi không nói gì. Hiền dọn cơm cho chúng tôi rồi cô vội vã đi làm công việc tối hôm đó. Theo lệnh, trong đêm nay các cô sẽ phải mở thêm một bến phà giả cách bến cụt 200 mét. Máy bay địch đã ném hàng trăm quả bom vào bến phà giả cũ. Chúng không kiểm soát được gì, không một chiếc canô hỏng, không một xe cháy và dường như máy bay trinh sát đã phát hiện rõ điều đó nên bỏ đi.

Hiền vừa ra khỏi nhà, tôi nói ôn tồn với Toàn:

Cậu thì tốt bụng nhưng rất vô ý. Cô Hiền đã sống với tư cách một người lớn, một cô gái xinh xắn, dịu hiền, cậu lại cứ gọi cô ấy là nhỏ. Cô ta chỉ kém cậu ba bốn tuổi thôi đấy.

- Thì có sao đâu?

Toàn cười có vẻ cợt nhả. Tôi bật cáu, định cho một tràng nữa, cậu ta vội vớ cây đàn ghita đang vút trên giường, hát to, cổ ý át tai đi.

*Nghe tiếng sấm vang dội... nghe tiếng sấm vang dội...*

Chính tôi không thể hiểu được rằng giữa lúc Hiền còn đang bất bình một cách kín đáo với Toàn, Hiền và Toàn, từ ngày gặp nhau, chưa trao đổi một lời nào, nhưng tình cảm trong cậu ta đã chuyển dần. Bắt đầu là tình thương và sự quý mến. Về nhà, Toàn không nằm khểnh hát nghêu ngao, cậu đã biết chọn những việc nặng nhất trong nhà làm giúp cô gái thanh mảnh ấy. Cô đi vắng Toàn gánh đầy ang nước, lấy búa bở xong một đồng củi. Đâu vào đấy rồi, cậu trở lại về chỗ cũ trên chiếc võng trước cửa hầm.

Hiền đi làm ở bến phà nghi binh trở về bước vào gian nhà trống, mắt cô mở to ngạc nhiên. Ngôi nhà rõ ràng đã có bàn tay người đàn ông thu dọn. Mắt cô sáng lên một cách chân thành. Đến cạnh tôi, cô reo nho nhỏ:

- Anh Hùng làm cho em phải không?

Tôi hát hàm:

- Cậu Toàn đấy.

Hiền quay lại nhìn Toàn, không nói gì thêm. Vào lúc đó, Toàn đã ngủ. Việc đó gây cho Hiền sự ngỡ ngàng nho nhỏ. Chỉ có một lát, những cảm giác ấy mất hết. Hôm nay Hiền thật vui vẻ. Cô kể:

- Chúng em tin bến phà nghi binh lần này sẽ tốt anh ạ. Làm đường xuống bến và nguy trang xong đã có chiếc OV.10 nghiêng nghiêng ngó ngó. Nó bay đi chúng em về đến đầu làng đã lại thấy nó bay trở lại.

- Nếu nó trúng kế của ta, hôm nay sẽ biết kết quả.

- Các anh đem qua thế nào ạ?

- Đẹp thôi. Nhưng cậu Toàn cũng suýt bắn xuống sông. Không ai ngờ chỗ cây gạo chết đứng lại còn một trái thủy lôi.

Hiền lại ngược nhìn người chiến sĩ đang nằm ngủ trên võng. Cô đã có sự thích thú của một người quan tâm săn sóc.

- Lúc chiếc phản lực thả pháo sáng, các anh ở đâu?

- Đang cho một đội xe tăng qua sông.

Vào giữa trưa hôm đó, đúng như Hiền dự kiến, hai chiếc F.4 của địch hùng hổ đến ném bom xuống bến phà giả. Nghe tiếng nổ, tôi chạy ra, Hiền hồi hả chạy theo sau, Toàn cũng bật dậy lưng thưng đi từng bước.

- Thật rồi các anh ạ. Thật rồi.

Tôi thấy Hiền vui quá. Cô reo to hân hoan một cách thành thật.

- Thích quá kia. Bốn quả, anh Hùng kia.

Toàn nhại một câu, chủ yếu để chọc cái tính trẻ con của Hiền:

- Kia anh Hùng. Những bốn quả kia.

Hai bến phà nghi binh của ta ở Long Đại ngày đó thật có hiệu lực. Ít nhất nó cũng đã san sẻ được một nửa tổng số bom đạn của địch ném xuống dòng sông Nhật Lệ.

\*

Chiến tranh mỗi ngày một thêm khốc liệt. Địch vây con sông Nhật Lệ bằng đủ các loại bom mìn. Có trái bom chìm, có trái nổi lơ dờ ngang mặt nước. Chúng quyết tâm dùng hỏa lực chặt đứt mạch máu giao thông chạy từ bắc Long Đại sang nam Long Đại.

Tránh nguy hiểm không cần thiết, lũ đoàn ra quyết định mỗi lần canô 49 đi phá bom mìn, chỉ một mình Toàn đảm nhận. Được tin đó, tôi và Hiền hết sức lo lắng. Còn Toàn lại thấy như thế mới có lý.

- Tôi chỉ cần một mình thôi, anh Hùng ạ. Anh đi trên đó cũng chẳng để làm gì cả. Anh phải làm việc khi máy nổ hỏng. Anh ở nhà là phải.



Tôi cho là Toàn đã nói không đúng. Dù không làm gì, có hai người trên một chiếc canô vẫn hay hơn là một người. Hiền sốt ruột thật sự. Cô hét đứng lên lại ngồi xuống. Rõ ràng cô cũng có cảm giác một mình Toàn đi không được ổn lắm. Dọc đường 4 cây số lên phà chính đã phải phá bom mở lối đi. Ấy là chưa kể suốt đêm Toàn còn lái canô đẩy phà. Cô lưỡng lự một hồi lâu rồi mới dám đề xuất:

- Hay là anh Hùng hãy cứ đi thêm một đêm nữa xem sao ạ?

Toàn gạt ngay. Việc đó đối với Toàn như đã được quyết định từ lâu. Trong thâm tâm tôi rất muốn được cùng đi với Toàn. Nhưng lũ đoàn rút tôi về trung đội phà, hoàn toàn là việc cần thiết. Tôi và Toàn dễ thỏa thuận với nhau, chỉ có Hiền là áy náy. Mọi bận, chúng tôi tự đi ra bến, Hôm nay Hiền lặng lẽ mang hộ Toàn chiếc phao, tấm áo giáp đã gấp gọn và hộp đồ nghề. Toàn trêu Hiền:

- Nhỏ, mang thêm cái này nữa!

Cậu úp súp chiếc mũ sắt vào đầu Hiền. Cô gái giẫy lên rồi lừ mắt cô ý trừng phạt cậu. Tôi biết. Giữa hai người đã bắt đầu có một cái gì đó khang khác.

Mở đầu của đêm đưa xe qua Long Đại, chiếc F.4 đã tặng chúng tôi một loạt bom tọa độ. Vừa nghe như có tiếng ì ì, những trái bom đã hú lên như những con thú đói khát. Chắc địch đã dự đoán, sau loạt bom tọa độ khá chính xác kia ít ra cũng có dăm ba chiếc xe cháy, vài trăm mét đường phải sửa chữa. Lập tức sau đó hai mươi phút, dường như một chiếc F.4 khác đã tới thay ca, thả đèn sáng trung cả bến, hòng đánh chặn xe ùn tắc của ta ở các đầu con đường.

Toàn rẽ canô 49 vào sát bờ. Cho đến lúc những cảnh nguy trang cắm trên canô và những bụi cây ven sông hòa làm một thì

dừng lại. Vào lúc đó, ở nhà nghe tiếng phản lực rền rĩ liên tục, Hiền ngồi trong hầm không yên tâm chút nào. Cô mặc màn, rồi lại dặn dò em học đúng 10 giờ mới được đi ngủ.

- Nhưng chị đi đâu?

Đưa em vặn vẹo. Nó rất sợ lại phải ở nhà trong đêm một mình. Đôi mắt nó chứa đựng vẻ nghi ngại khi thấy người chị đã mặc áo dài vào người.

- Chị ra bên một chút chị về nghe.

- Hừ... hừ.

Cậu bé rên lên như sắp khóc. Thấy vẻ mặt chị vẫn tạnh khô, nó chỉ dám theo ra đến cửa hầm rồi hậm hực quay lại.

Hiền chạy như gió trên con đường làng Cát. Hiền đã hòa vào tổ chúng tôi làm một từ lúc nào không rõ. Niềm vui và nỗi buồn của chúng tôi cũng chính là của cô. Một loáng cô đã tìm được đồng đủ tổ dân quân năm người của mình. Gặp ai cô cũng chỉ có một câu:

- Nó đánh ghê quá à. Phải ra chi viện đỡ cho các anh ấy.

Chiến tranh nhân dân đã dạy cho các cô biết cầm một cái cọc để buộc đèn pha. Các cô đã cột đèn rất nhanh. Hiền rải dây đèn về tận căn hầm chữ A cách bến hai trăm mét. Tại đó, đã có sẵn một chiếc bình ắc quy và một cái đèn dầu mở nhỏ ngọn. Hiền cầm hai đầu dây điện trong tay run run. Chiếc đèn pha tại cửa bến nghi binh lóe sáng. Thời gian chỉ đủ đếm từ một đến mười, loạt bom đầu tiên đã giáng xuống bến phà giả.

Toàn đang ép ca nô sát bờ sông chờ thời cơ vượt lên phà chính. Vừa nghe tiếng bom vùng bến cụt, Toàn đã hơi ngờ vực. Cậu ta

nhảy lên nóc ca nô nhìn về phía sau. Chớp bom loe lóe, sáng rực cả đêm tối. Những tiếng nổ làm vùng trời vụt sáng, có thể nhìn thấy rõ những lũy tre xanh, những gò đất, những mái nhà. Cứ thế, như dòng nước lũ dồn về đoạn đê vỡ, bao nhiêu bom đạn trong đêm đã trút hết xuống vùng bên cụt.

Toàn lách canô khởi bờ. Đêm miền trung mát lạnh. Những hạt nước li ti của dòng sông bắn lên mặt Toàn gợi một cảm giác dễ chịu. Canô của Toàn đến vị trí giấu phà sau tối chừng ba chục phút. Chúng tôi buộc phà để canô đẩy khối sắt nặng chịch ấy ra khỏi bờ. Tôi nhảy lên mũi canô:

- Nó toàn đánh phía bên cụt thôi Toàn ạ.

- Nó đánh vào trận địa giả đấy.

Hai chúng tôi đều im lặng. Toàn xoay tay lái cho canô đẩy phà chuyển hướng. Tiếng động cơ canô nặng nề âm vang mặt sóng. Tôi tin rằng Toàn cũng như tôi, tuy không nói ra miệng nhưng cả hai đều lo lắng cho Hiền. Nhất định Hiền có mặt trong cuộc đánh bom này.

\*

Mờ sáng, đưa chuyến ô tô cuối cùng qua sông, chúng tôi kéo phà giấu xong, hướng mũi canô về làng Cát. Tôi nhận ra vẻ mặt Toàn không vui. Cậu lặng lẽ cúi người lần từng đoạn tay lái. Từ chỗ giấu canô về đến nhà, ném áo giáp xuống bàn, Toàn vẫn li xi như người bị mất cắp. Buổi sáng hôm đó, Toàn đã câu kính:

- Ai ra lệnh cho các cô bật đèn pha ở bến phà giả?

- Cái đó đã có trong kế hoạch tác chiến của huyện đội.

- Huyện đội là ai?

Hiền đã chạm tự ái:

- Anh đừng hỏi như thế anh Toàn ạ. Cái gì có lợi, huyện đội mới cho phép làm. Anh cứ tưởng chúng em quấy rối các anh ấy.

- Không phải. Nhưng chưa đến lúc phải mạo hiểm như thế. Nó thả pháo sáng một lát không thấy gì nó phải đi. Tình hình như đêm qua là bình thường. Do các cô đánh động bên phà giả mà địch đã kéo dài trinh sát đến bốn tiếng đồng hồ. Tôi chưa kể đến việc có thể nguy hiểm đến tính mạng của các cô ở ngoài bãi.

Hiền ngồi xuống ghé sụt sụt khóc. Cô đã thấy được cái non dại của mình. Tôi phải chạy ra can ngăn:

- Thôi thôi các cậu.

Khi Hiền bật khóc, Toàn chợt thấy ân hận. Mắt cậu thoáng ngơ ngác nhìn quanh. Không biết dễ Hiền thế nào, Toàn đành bỏ ra võng ôm đàn ghita bật búng búng. Cậu hát theo điệu nhại một bài hát khá hay:

*Em có yêu anh thật,  
Cho anh giật lấy hai trăm đồng  
Mua chiếc xe Phượng hoàng  
Về, hai đứa ta cùng đi.*

Cả tôi và Hiền đều phải bật cười với cái vẻ bất cần ngộ nghĩnh của Toàn. Hiền vừa lau nước mắt vừa phì cười hậm hực.

Ngay buổi trưa hôm đó, một buổi trưa im lặng của làng Cát, của miền trung trong chiến tranh, nóng quá không ngủ được, ra sông rửa mặt, tôi đã nghe được câu chuyện của họ. Toàn ngồi trên nóc canô 49 hơi cúi đầu. Hiền ngồi trên thành canô thả

chân dưới nước. Vẻ mặt Hiền hơi tái đầy xúc động. Toàn đang giảng giải:

- Anh hoàn toàn không muốn em có những việc làm như đêm hôm qua. Nhỡ ra có việc gì thì sao?

- Chúng em vẫn quen mà anh.

- Quen... Quen...

Toàn dần từng tiếng. Thái độ của cậu ta lúc đó thật mạnh mẽ.

- Anh không cho phép em làm như thế nữa vì anh yêu em.

Tôi dùng chân lại. Tôi rất ngỡ ngàng trước những điều vừa nghe được. Toàn yêu Hiền ư? Sao lại nhanh chóng vậy? Hay đây chỉ là tình cảm hoa lá cho vui? Toàn lại lên tiếng như khẳng định:

- Anh cấm em nghe không?

Cô gái im lặng.

- Thế em có yêu anh không?

- Dạ.

Hiền cúi đầu đáp rất nhỏ. Tôi còn ngạc nhiên vì không có lẽ một chiến sĩ lái canô dũng cảm như Toàn lại ích kỷ, không muốn bạn mình xông pha vào chỗ hiểm nguy. Điều ngạc nhiên ấy của tôi như lời giải đúng của một bài toán hai với hai là sáu vậy. Tôi muốn được nghe thêm. Câu tuyên bố cuối cùng của Toàn như một lời răn đe, thách thức:

- Em đã làm việc đó cho các anh từ khi chúng ta chưa quen nhau. Còn bây giờ khi em đã yêu anh thì em không được tiếp diễn cái trò chơi nguy hiểm đó.

Tôi trở lại con đường về nhà. Ôi sự đời tại sao lại như vậy? Tôi cố lý giải nhưng không được. Một người dũng cảm như Toàn vẫn có thể ích kỷ sao? Suốt ngày hôm đó, thái độ của tôi không làm sao tự nhiên được trước Toàn và Hiền. Còn riêng Hiền đã có nhiều khi cô đứng bần thần suy nghĩ. Tôi bắt gặp đôi lần Hiền lúng túng như đang cất giữ một cái gì vụng trộm.

Khoảng một tháng sau, tổ canô của tôi đã được bố trí chuyển sang ở căn nhà bên cạnh. Ngay lúc bấy giờ tôi không thể hiểu được rằng, việc ấy không phải là ai khác, do Toàn bày đặt. Tôi lặng lẽ khuôn đồ đạc. Chiếc canô vẫn giấu ở bụi tre sát vườn nhà Hiền. Tôi nghĩ, trước sau sẽ được biết lý do chúng tôi chuyển nhà. Nhưng chờ mãi, không ai nói với tôi một lời để giải đáp câu hỏi ấy.

Tôi sang nhà bên, đôi lần Hiền sang chơi. Có những lúc buồn, tôi cũng sang thăm Hiền và đưa em nhỏ. Nhưng Hiền đối xử với tôi không còn được thân tình như trước nữa. Những lời cô nói cứ úp mở một điều gì đó. Thái độ thì vội vàng, không còn thân nhiên và tự chủ. Tất cả những điều bí mật của Hiền tôi không làm sao biết được. Tôi coi đó là những mắt mát của riêng mình.

\*

Chỉ sau đó ít lâu, Toàn đã chủ động tách khỏi quan hệ thân tình với tôi. Sự việc này khiến tôi rất buồn. Nhưng tôi nghĩ, sống trên đời có ai bắt ai yêu được ai? Tình cảm con người là cái gì đó thật tự nhiên, như mặt trời mọi buổi sớm, như dòng sông phải dồn nước chảy về biển cả.

Chúng tôi chuyển sang ở gia đình bên cạnh thì Toàn bắt đầu thực hiện ý đồ riêng của cậu. Trước tiên cậu báo cáo tổ chức quan hệ giữa cậu và Hiền. Rồi không chính thức, như Toàn đã gần như về ăn ở hẳn trong nhà Hiền. Tôi nghĩ mọi việc sẽ êm đẹp tất cả nếu như sau này họ sẽ trở thành một gia đình hạnh phúc.

Sau tất cả những sự thay đổi ấy, dường như Hiền vẫn chưa quen sống quy phục một người con trai. Bên cạnh công việc hợp tác, việc nhà, có những phần việc nuôi nấng chăm lo cho Toàn, đôi khi cô vẫn còn có ý muốn tham gia công việc của dân quân. Đã có lần cô bỏ nhà ra vị trí bên phà giả. Ngoài đó công việc vất vả, thậm chí nguy hiểm. Nhưng đích thực là cuộc sống hiện tại của lứa tuổi cô, của bè bạn. Cô muốn được ăn miếng cơm nắm bẻ đôi chấm vừng. Muốn ngủ được gác chân lên người bạn. Muốn được chập hai đầu dây điện cho pha đèn nhấp nháy như địch đồ bom xuống bên cụt. Sự hấp dẫn phần nhiều do phù hợp với tâm lý tuổi trẻ ấy đã khiến vài ba lần Hiền nhờ hẹn với Toàn. Ví như cô bảo với Toàn chỉ đi vài tiếng, thì cô đi cả ngày. Hoặc cô bảo nửa đêm sẽ về thì cô đã quá trốn ngủ lại ngay trong căn hầm chữ A đầu bên phà giả. Riêng đối với tôi, Hiền ấy náy trong lòng như một người có lỗi. Đã nhiều lúc tôi biết Hiền muốn nói chuyện, muốn thanh minh với tôi một điều gì đó. Và đúng hôm Toàn về lữ đoàn nhận phụ tùng canô, Hiền đã chạy sang tôi. Cô bước vào nhà, dáng điệu còn hốt hoảng như một kẻ vụng trộm. Khi đã ngồi thừ ra một lúc, Hiền nói:

- Anh Hùng ạ. Anh hiểu cho em. Em vẫn muốn có cả anh ở bên đây. Có sao đâu phải không anh. Nhưng... em thật là khó nghĩ. Em thì lại yêu... như anh biết đấy. Ôi cuộc sống thật là khó anh ạ.

- Chẳng sao đâu Hiền ạ. Anh luôn luôn nghĩ rằng Hiền là một cô gái tốt.

Cuộc nói chuyện ngắn ngủi và đầy vội vã của Hiền thông báo để tôi biết một điều: cái cô Hiền trong sáng dửng dưng cảm đang khác đi rất nhiều. Chẳng bao lâu nữa, Hiền sẽ trở thành một cô gái chỉ còn biết quy phục người yêu.

Một tuần sau, Toàn chủ động sang gặp tôi. Tôi trông thấy cậu đi con đường tắt qua khu vườn. Cậu nhìn khắp một lượt trước lúc bước vào nhà.

- Anh Hùng.

Cậu vui vẻ reo lên. Tôi đứng dậy khỏi chiếc võng vắt chéo qua hằm.

- Ngồi chơi Toàn! Có ẩm chè ngon người bạn trên lữ đoàn gửi cho đây.

- Em cũng có dự định sang chơi và nói với anh một chuyện.

Tôi pha nước và rót ra từng chén một. Có điều gì nhi? Tôi chột nghĩ và thấy vẻ mặt đã lắng xuống của Toàn. Uống một hớp nước nhỏ xong, Toàn háng giọng nói nhỏ:

- Anh Hùng ạ. Anh em mình ở với nhau kể cũng đã lâu. Hiểu biết thì chưa dám nói, nhưng cũng đã biết nhau nhiều. Sắp đến đây có thể em sẽ có những thay đổi. Mong anh đừng đánh giá gì.

- Thay đổi là thế nào? Cậu không lái canô 49 nữa?

- Không hẳn đã như thế anh ạ. Nhưng anh biết thằng Toàn này không hề sợ bom đạn.

- Cũng có thể là như vậy.



- Đi với anh cũng nhiều. Anh biết đấy. Như lần qua Bến Thủy của thành phố Vinh, anh em mình vượt qua bom đạn, cứu con đò chờ đây thanh niên xung phong.

Tôi đã hơi ngờ ngợ điều sắp xảy ra ở Toàn. Cậu chỉ muốn tôi nhớ cho cậu một điều: vài năm lái canô 49, cậu đã không sợ chết. Cuối cùng tôi hỏi một cách dứt khoát:

- Bây giờ cậu cho tớ biết, sắp đến cậu có sự thay đổi là thay đổi cái gì nào?

Toàn lúng túng thanh minh:

- Đó là nói trước thế thôi anh Hùng ạ. Cũng có khi không có thay đổi gì.

Tôi hoàn toàn ngờ vực. Thái độ chẳng lấy gì làm rõ ràng của Toàn đã gây cho tôi một cảm giác xấu.

Đã vào đầu mùa hè. Tiếng ve kêu râm ran khắp trong vườn. Những ngọn gió Lào thổi từ phía Tây Nam về những ngọn gió khô nóng như có hơi lửa. Giữa tháng đó, đám cưới của Toàn đã được tổ chức ngay trong những căn hầm chữ A của làng Cát. Một đám cưới thật vui vẻ, phù hợp với thời chiến. Bộ đội của lữ đoàn đổ về. Dân quân của hai bên phà giả, trận địa cao xạ tập trung đến. Trời vừa buông tối, lễ cưới bắt đầu khai mạc. Chú rể mặc quân phục. Cô dâu mặc áo trắng quần đen. Mấy năm qua lái canô 49 đưa những chuyến phà qua sông một cách dũng cảm, Toàn đã được các thủ trưởng lữ đoàn rất quan tâm. Tất cả chi phí chè thuốc, gạo thóc cho đám cưới, đều do hậu cần lữ đoàn đưa về ủng hộ. Kể từ ngày đó Hiền và Toàn trở thành vợ chồng.

Hiền chăm chỉ và khéo léo, cô đã thu xếp được một buồng hạnh phúc nho nhỏ trong căn hầm chữ A chật hẹp ấy. Có bao

nhiều đồ đạc, cô dọn về căn hầm bên cạnh. Thằng em sẽ nằm tại đó, tiện thể trông coi luôn. Thành thử với không gian của một cái hầm, Hiền cũng đủ kê một chiếc giường đôi, đặt một cái tủ nhỏ, treo màn và buồng riđô hoa. Một tháng qua đi, đôi trai gái ấy hoàn toàn thỏa mãn với cái hạnh phúc mà họ đã có. Đối với chúng tôi, Hiền rất chu đáo. Đối với chồng, Hiền càng săn sóc, chiều chuộng hơn. Hầu như những việc nấu ăn, giặt giũ, quét dọn hầm nhà, chần lợn, Hiền đều vợ hết về cho mình. Toàn chỉ còn phải làm một công việc: chiều chiều sửa chữa canô, lái canô đi đẩy phà trong đêm. Tôi đã có ý xem xét sự thay đổi mà Toàn đã tuyên bố là cái gì. Nhưng không. Ngày tháng qua đi chỉ có sự thay đổi tốt đẹp trong công việc hàng ngày mà thôi.

Một hôm, ở trung đội phà, chúng tôi nguy trang, chuẩn bị cấp, xả beng và súng ống đầy đủ. Xe ô tô hai đầu phà cũng đã dồn đến. Nhưng chờ mãi, tôi vẫn không thấy canô 49 có mặt. Tôi nhảy lên hầm chữ A ở đầu phà gọi điện về tổ trinh sát trực gần bên cụt. Vừa dứt lời câu hỏi, tổ trưởng tổ trinh sát đã báo: canô 49 bị thủy lôi. Hiện giờ Toàn đang bị thương rất nặng, phải đi cấp cứu.

- Bị ở quãng sông nào?

Tôi hét lên trong máy nói.

- Ngang bên cụt.

Tôi vội vã xin lũ đoàn chi viện canô gấp. Đêm nay sẽ có nhiều đoàn hành quân qua sông. Nếu tắc xe lại đây, tất cả sẽ bị nướng trong lửa bom hết. Sau đó, tôi ủy thác lại cho đồng chí trung đội phó chỉ huy phà qua sông, một mình tôi vội vã ven theo bờ sông trở về bên cụt. Hai mươi phút sau, tôi đã có mặt trong hầm trinh sát. Tôi hỏi một chiến sĩ đang trực tại đó.

- Canô 49 bị ở chỗ nào đồng chí?
- Ngang bên cụt.
- Đồng chí cho tôi biết cụ thể bị như thế nào?
- Thủy lôi bóc đuôi trái, thân canô bị lật nghiêng. Anh Toàn không bị mảnh nhưng hiện giờ không ngồi dậy được tức ngực.
- Tức ngực?
- Vâng.
- Có ho ra máu không?
- Tôi không rõ.
- Hiện giờ ở đâu?
- Dân quân đã đưa anh lên bệnh viện.

Tôi theo chiến sĩ trinh sát về vị trí canô 49. Bước xuống canô, tôi tới ngay chỗ đặt máy. Tất cả còn nguyên. Tôi nổ máy, máy nổ giòn. Trong ngọn đèn mờ, tôi nhận ra nước bắn ướt sũng sàn canô và nóc cabin. Tôi vội chạy về làng Cát. Chắc chắn Hiền đã biết tin này. Dù sao tôi cũng cần động viên cô. Tới nhà, tôi chẳng thấy Hiền đâu cả. Đưa em trai báo tin chị đã đến bệnh viện với Toàn.

\*

Lữ đoàn tạm ra chỉ thị tôi lái canô 49 đưa phà Long Đại qua sông. Tôi chạy được mười đêm thì Toàn rời viện trở về nhà. Cậu ta gặp tôi tại chỗ giấu canô cũ ngay đầu vườn nhà. Toàn chào tôi về mặt vẫn im lìm bất động. Tôi không khỏi ngạc nhiên kêu lên:

- Sao cậu ra viện sớm thế? Người ta kết luận thế nào?

- Chấn thương vùng ngực.

Tôi ngần ngại nhìn khắp cơ thể Toàn, vẻ mặt cậu âm thầm như đang toan tính điều gì. Bỗng nhiên ngay lúc ấy, tôi cảm nhận sự thay đổi nhanh chóng của Toàn trong nửa năm về đây. Ngày hành quân vào, qua bao nhiêu sông ngòi, có lúc ra cả biển, cái cậu Toàn trẻ trung, gan lì, thật hoạt bát và đáng yêu kia bây giờ không còn nữa. Tôi không tin rằng tình yêu với Hiền đã góp phần xô đẩy Toàn thay đổi. Cái anh chàng Toàn cởi mở ngày trước bây giờ đã mất. Cậu ta câm lặng đứng trước tôi, khó hiểu như một căn phòng đóng kín cửa, không thể biết bên trong có gì.

Ngày ngày trôi đi. Tôi lại lái canô 49 qua sông. Biết bao nhiêu con người, biết bao nhiêu đoàn xe, tăng có, xích có, xe hơi có, pháo lớn, pháo nhỏ có, đã lần lượt qua con phà Long Đại. Cuộc sống sôi nổi và biến động từng ngày đã đem đến cho những người lính chúng tôi niềm vui và hạnh phúc. Chính những ngày đó, mặc dù chưa rời lữ đoàn, Toàn chủ yếu vẫn ở nhà với vợ. Tôi ít sang chơi với đôi bạn này. Hiền thì rất muốn tôi đến nhà, còn Toàn thì không. Cậu ta chưa hé răng mời tôi sang chơi lấy một lần. Tôi nghĩ, chắc Toàn không muốn tôi hiểu rõ gia đình cậu ta sống như thế nào. Tôi thì tôi biết: đã đôi lần tôi nhìn thấy Toàn chở ghe đi vớt cá chết bom trên sông Nhật Lệ rồi sai Hiền mang ra chợ bán. Đôi vợ chồng ấy nuôi được lợn, được gà. Toàn còn biết nghề đánh tôm. Tỉnh thoảng có đêm Toàn xuôi dòng Nhật Lệ, đến đoạn sông chảy qua mấy cánh đồng lúa thả lờ tôm. Cái gia đình bé nhỏ ấy dường như bây giờ chỉ quan tâm đến công việc làm ăn.

Và một hôm, tôi vừa đưa canô buộc mũi tại bờ tre, ngược mặt lên, tôi đã thấy Hiền đứng trên bờ.

- Anh Hùng.

Cô nói nhỏ.

- Em muốn gặp anh.

Tôi nhìn lại vẻ mặt Hiền một lần nữa muốn đoán định chuyện gì đã xảy ra: Tôi theo Hiền về nhà chưa biết nên nói gì. Vào lúc ấy Toàn đi đánh tôm vẫn chưa về. Hiền lau bàn, rót ra cho tôi một cốc nước. Rồi cô ngồi im, vẻ mặt mệt mỏi.

- Anh Hùng ạ, em muốn hỏi thật anh xem lũ đoàn và bạn bè anh Toàn có nói gì về anh ấy không?

Tôi nói thành thực:

- Cũng chẳng có gì mà nói đâu Hiền ạ. Trách Toàn được điều gì bây giờ.

- Anh Hùng ạ.

Hiền hắng giọng. Cái phút ấy như cô đã lấy lại được sự tự chủ.

- Em thấy anh Toàn không bị thương đâu. Em nói thế này anh thông cảm cho. Là phụ nữ không ai là người muốn chồng mình vào chỗ hiểm nguy. Không ai muốn như thế anh ạ. Nhưng nếu chồng mình đào ngũ mà về thì cũng không thể được. Em thấy bứt rứt quá. Anh Toàn không lái canô 49 thì anh lái. Anh không lái thì người khác lái. Phải không anh?

Tôi đã cảm thấy Hiền nói là có thật. Nhưng xét trên lý, Toàn không có gì khuyết điểm. Hiền lại nói nhỏ nhẹ, nhưng bứt rứt:

- Trước đây anh Toàn không cho em ra bến cụt, em tưởng anh

lo cho em vì yêu em. Nhưng bây giờ anh ấy lại cũng viện lý do, thôi lái canô. Em rất sợ mọi người đánh giá.

Phải thôi. Tôi nghĩ và thông cảm cho Hiền. Một cô gái chân chính bao giờ cũng muốn chồng mình là người tốt. Tôi muốn động viên, an ủi Hiền một câu nhưng không biết nói như thế nào cho phù hợp. Về mặt trong sáng xưa kia của Hiền thoáng những nét lo âu và đau khổ.

- Nhưng kia... chết chưa, anh thức suốt đêm, em còn kéo anh vào nói chuyện. Anh về nghỉ đi anh Hùng ạ. Đêm qua lái phà có vất vả không anh?

- Cũng thường thôi cô Hiền ạ.

Hiền chợt nhận ra tôi vừa thức suốt đêm vội vã giục tôi để canô về nghỉ. Cái luân quần này của cô thật đáng yêu. Cuộc gặp gỡ ngắn ngủi với Hiền cho tôi một cảm giác dễ chịu. Thế mà tôi đã mơ hồ nghĩ rằng đôi trai gái ấy đã bỏ mặc chúng tôi, bỏ mặc tất cả mọi người, chỉ biết chăm lo cho đời sống của chính mình. Tôi đã thấy lại một cô Hiền vẫn sốt sáng và tốt bụng với người khác.

\*

Bắt đầu là sự bứt rứt. Sau đó Hiền thấy vợ chồng cô sống giữa làng Cát có một cái gì đó không ổn. Gặp bạn bè ngoài đường, cô không dám nhìn ai. Đêm, tiếng keng báo động râm ran, pháo ta bắn máy bay đồ trời, và bom nổ rung chuyển mặt đất, tiếng người gọi đi chuyển hàng qua sông, bước chân các cô các cậu dân quân chạy thềm thịch trên đường làng duy chỉ có một đôi trai gái còn trẻ không ra khỏi hầm, đó là Toàn và Hiền. Một đêm diễn ra như vậy, rồi hai đêm, ba đêm.

Rồi đến một đêm Hiền không chịu được nữa. Cô ngồi dậy, khoác áo che người, vắn to ngọn đèn lên. Khi đã mặc xong quần áo, búi gọn tóc, đi dép vào chân, cô mới vội nhẹ vào Toàn. Toàn tựa mình. Hiền ngồi xuống bên cạnh chồng như thuyết phục.

- Anh Toàn, anh cứ ngủ ở nhà nghe. Em ra bên cụt với chúng nó. Có việc gì cần làm thì em làm. Xong việc em về.

Toàn ngồi bật dậy. Cậu ta vặn ngọn đèn thật to:

- Vào giờ này cô còn đi đâu?

- Anh ạ. Em ra bên cụt một lát em về. Bằng tuổi em, có chồng có con, đứa chưa có gì cũng tham gia công việc. Nằm ở nhà em thấy khó nghĩ quá. Một mình anh ở nhà là đủ rồi.

- Cách mạng mà cô cứ nghĩ như một thứ đóng góp ấy.

- Đúng như thế anh ạ. Em thấy mình không đi không phải.

- Tôi không cho cô đi đâu.

- Em phải đi anh ạ.

- Không đi.

- Em phải đi anh ạ.

Toàn bật dậy trông thật dữ tợn. Hiền đã ứa nước mắt sẽ đi, mặc cho anh có tát cho cô một cái. Cô đứng nép vách hầm, có ý chờ đợi.

Giây phút ấy tưởng như kéo dài vô tận. Không chịu đựng được

nữa. Hiền nhìn thẳng vào mắt Toàn. Người cô run từng đợt. Cô nhắc lại nhưng chính cô cũng không biết mình đang nói gì nữa.

- Em phải đi anh ạ.

Nhưng Toàn lại hạ giọng như thách thức:

- Cô thích ra đó lắm phải không?

Câu hỏi của Toàn làm Hiền chột tỉnh. Cô tự chủ trong lời nói của mình hơn.

- Em không thích anh ạ. Chẳng ai thích gì đêm hôm lại phải ra chỗ có bom có đạn. Nhưng cả làng Cát đi, chẳng lẽ em không đi.

- Cô không biết thương đứa con của chúng ta sao?

- Không! Anh!

Hiền ôm choàng lấy Toàn, nước mắt dàn dụa.

- Em yêu anh và em thương con lắm, anh đừng nghĩ như thế mà oan cho em. Nhưng em phải đi anh ạ. Lương tâm bảo em như vậy. Làng Cát chỉ còn bà già và trẻ con ngủ trong hầm thôi. Em không muốn mọi người coi thường chúng ta.

Hiền nói xong, cô đi mấy bước ra cửa hầm. Trăng sáng. Những bờ tre làng Cát xi xào câu chuyện muôn thuở. Hiền quay lại nhìn chồng. Lúc bấy giờ Hiền biết, Toàn có cố giữ cô, cô vẫn đi. Việc đó đã được cô quyết định, không thể thay đổi. Nhưng Toàn vẫn đứng bất động nhìn cô. Hiền đi mấy bước ra ngõ. Tại cô như đang nghe được mọi thứ tiếng động của chung quanh và những hồi âm thật xa xăm của cuộc đời vọng lại. Cô không thể biết rằng đó là đêm cuối cùng của cuộc đời cô. Sau khi bển phà



cụt bật pha đèn, một khối lượng bom khổng lồ đã trút vào cả khu vực bến cụt. Cả một sư đoàn được cứu thoát, chỉ có hai nữ chiến sĩ dân quân bị thương rất nặng, trong đó có Hiền. Cũng trong cái đêm nhập nhòa ánh pháo, chớp bom ấy, Toàn chạy ra với vợ. Mọi người đã đưa Hiền về ngôi nhà nhỏ đầu làng. Hiền mở mắt thấy Toàn. Cậu ta cúi sát bên mặt vợ. Cô đã khóc. Cô nói lại điều cô đã nói:

- Em phải đi anh ạ. Em vẫn đúng. Có điều, đừng trách em nghe anh. Em phải đi. Lương tâm bảo em như vậy. Anh đừng buồn nhé.

Người con gái ấy của dòng sông Nhật Lệ đã vĩnh biệt chúng ta.

\*

Chỉ một tuần sau, Toàn đã tự giác đề nghị lữ đoàn trở về với canô 49. Toàn là chủ nhân của chiếc canô cũ kỹ móp mép này thêm một năm nữa. Một năm Toàn ở với cậu em trai của Hiền trong làng Cát. Một năm với hàng trăm sự tích có thể kể thành chuyện. Đã nhiều lần Toàn nói với tôi:

- Tôi muốn được sống mãi trên con sông này anh Hùng ạ. Kể cả sau này nữa, nếu có lấy vợ, tôi cũng sẽ sinh sống ở làng Cát.

Tôi hoàn toàn không ngờ rằng sau ngày Hiền hy sinh, Toàn lại vẫn yêu Hiền, có phần đắm thắm hơn xưa. Cậu ta như chỉ còn sống bằng kỷ niệm. Đêm đêm lái phà đi, trong ánh trăng, hoặc trong chớp bom, con người bằng xương bằng thịt của cậu trên canô, một tay đặt lên vành lái, mũi canô rẽ sóng ào ạt, nhưng phần hồn thì cậu ta cất ở đâu đó trong không gian đắm ánh trăng vàng. Có đêm, canô đang mãi miết chạy thì Toàn buột miệng nói:

- Giá như cô ấy còn sống?

- Ai?

- Hiền ấy mà.

Và có một lần, mặc dù đã có tín hiệu vùng sông bom từ trường chưa phá hết, trong mơ màng, suýt nữa Toàn đã lao canô vào.

Tháng 9 năm 1972 Toàn đã mãi mãi ở lại với dòng sông Nhật Lệ. Một trái rốc két đã bắn trúng đuôi chiếc canô anh hùng đó. Toàn bị nặng hơn, còn tôi, chỉ bị lửa xạm vùng mắt và một mảnh rốc két cắm vào mông. Ngày nay, ai đến lữ đoàn 349 công binh, hay vào làng Cát cũng sẽ được nghe mọi người kể về Toàn và Hiền – những người đã đưa chúng ta, một phần cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước qua sông, cũng như kể chuyện về bến cụt hay phà Long Đại. Những câu chuyện đã thuộc về muôn thuở. /-

Nhà văn Thạch Minh ở Nghệ An, đồng đội của Phạm Hoa từ những ngày ở chiến trường Trường Sơn đã viết về người bạn của mình:

*“Năm 2012, Phạm Hoa nghỉ hưu với quân hàm Đại tá. Bài viết của anh nhẹ nhàng, dung dị như hồi xưa tôi với anh thường trao đổi, tâm tình với nhau về những vấn đề cuộc sống.”*

Tài liệu tham khảo:

- Phạm Hoa Web: [hoitruongson.vn](http://hoitruongson.vn)

- Người đưa ta qua sông Web: [phamhoa.net](http://phamhoa.net)

### 34. Bảo Ninh



#### **Bảo Ninh - Hoàng Ấu Phương (1952-20 )**

Nhà văn Bảo Ninh tên thật là Hoàng Ấu Phương, sinh ngày 18 tháng 10 năm 1952 tại Diễn Châu, Nghệ. An. Quê quán: xã Bảo Ninh, huyện Quảng Ninh, Quảng Bình.

Năm 1969, nhập ngũ và tham gia chiến đấu ở chiến trường Tây Nguyên.

Tháng 5 năm 1975, vào Sài Gòn trấn đóng ở phi trường Tân Sơn Nhất. Năm 1976, ông theo đơn vị làm nhiệm vụ thu nhặt hài cốt liệt sĩ ở chiến trường Tây Nguyên cũ.

Giữa năm 1976 giải ngũ, học đại học tại Hà Nội từ năm 1976 đến năm 1981. Sau khi tốt nghiệp làm việc tại Viện Khoa học Việt Nam.

Từ năm 1984 đến 1986 học khóa II Trường Viết văn Nguyễn Du. Hiện nay công tác tại báo *Diễn đàn Văn nghệ. Việt Nam* và *Văn nghệ. Trẻ*. Hội viên Hội Nhà văn Việt Nam từ năm 1997.

## HUỶNH ÁI TÔNG

Năm 1987, xuất bản quyển *Thân phận của tình yêu*, năm 1991 tái bản với tên mới là *Nỗi buồn chiến tranh*, được tặng Giải thưởng Hội Nhà văn Việt Nam và đã được đón chào nồng nhiệt. Đó là câu chuyện một người lính tên Kiên, đan xen giữa hiện tại hậu chiến với hai luồng hồi ức về chiến tranh và về mối tình đầu với cô bạn học Phương. Khác với những tác phẩm trước đó mang tính sử thi, miêu tả chiến tranh từ góc độ cộng đồng, hùng tâm tráng chí của người lính chiến đấu vì vận mệnh đất nước, Bảo Ninh đã miêu tả chiến tranh từ một góc độ khác, góc độ cá nhân, thân phận con người, đi sâu vào những nỗi niềm cá nhân. Nhà văn Nguyên Ngọc ca ngợi: "Về mặt nghệ thuật, đó là thành tựu cao nhất của văn học đổi mới". Tuy nhiên, sau đó trong hơn 10 năm tác phẩm đã bị cấm, không được in lại, có lẽ do quá nhạy cảm; mặc dù vậy, với làn sóng đổi mới ở Việt Nam, cuốn sách vẫn rất được ưa thích.

Cuốn sách được dịch sang Anh văn do Frank Palmos và Phan Thanh Hào, xuất bản năm 1994 với nhan đề "*The Sorrow of War*", được ca tụng rộng rãi, và một số nhà phê bình đánh giá là một trong những tiểu thuyết cảm động nhất về chiến tranh. Đây là một cuốn sách được đọc rộng rãi ở phương Tây, và là một trong số ít sách nói về chiến tranh từ quan điểm phía Việt Nam được xuất bản ở đây. Một điều đáng khâm phục là Bảo Ninh đã trình bày quan điểm này mà không hề lên án phía bên kia.

Năm 2005, tác phẩm này được tái bản với nhan đề ban đầu là *Thân phận của tình yêu*; năm 2006 tái bản với nhan đề đã trở thành nổi tiếng: *Nỗi buồn chiến tranh*.

Tiểu thuyết *Nỗi buồn chiến tranh* sau khi được dịch ra Anh văn *The Sorrow of War*, đã được giới thiệu ở 18 nước trên thế giới, hàng năm vẫn được tái bản dưới nhiều hình thức, với cả tên gọi khác *Thân phận của tình yêu*. Được đạo diễn Nicolas Simon

mua bản quyền tác phẩm này để chuyển thể thành kịch bản phim.

Bảo Ninh còn viết một số truyện ngắn về đề tài chiến tranh, trong đó truyện *Khắc dấu mạn thuyền* cũng được dựng thành phim.

Bảo Ninh đã được nhận được các giải thưởng:

- Giải thưởng văn học của Hội Nhà văn Việt Nam năm 1991 với tiểu thuyết *Thân phận của tình yêu*.
- Giải thưởng Nikkei Asia Prize lần thứ 16, năm 2011 cho tác phẩm *Nỗi buồn chiến tranh*

Hiện nay ông ở Hà Nội.

Tác phẩm:

- *Trại bảy chú lùn* (truyện ngắn, 1987)
- *Thân phận của tình yêu* (tiểu thuyết, 1987, tái bản có tên là *Nỗi buồn chiến tranh*, 1991).
- *Chuyện xưa kết đi, được chưa?* (Văn học)
- *Bảo Ninh - Tác phẩm chọn lọc* (Phụ nữ)
- *Lan man trong lúc kẹt xe* (Hội Nhà văn)
- *Truyện ngắn Bảo Ninh* (Công an Nhân dân)
- *Bảo Ninh - Những truyện ngắn* (Trẻ. 2013)

Trích văn:

## **Nỗi Buồn Chiến Tranh**

### *Chương 1*

MÙA KHÔ ĐẦU TIÊN SAU CHIẾN TRANH ĐẾN với miền hậu cứ Cánh Bắc của mặt trận B3 êm ả nhưng muộn màng.

Tháng 9 và tháng 10, rồi tháng 11 nữa đã trôi qua, vậy mà trên dọc dòng Ya-crông-pôcô làn nước mùa mưa xanh ngát vẫn tràn ắp đôi bờ. Thời tiết bấp bênh. Ngày nắng. Đêm mưa. Mưa nhỏ thôi, nhưng mưa... Mưa... Núi non nhạt nhòa, những nẻo xa mờ mịt. Cây rừng ướt át. Cảnh rừng lặng lẽ. Tối ngày đất rừng ngùn ngụt bốc hơi. Biển hơi màu lục, ngụt mùi lá mục.

Và, cho tới tận những ngày đầu tháng Chạp tất thấy những ngã đường trong rừng vẫn còn đang lầy lội khôn khổ, hư nát, bị hòa bình bỏ hoang, hầu như không thể qua lại được, dần dần tụt chìm xuống, mất dấu tích giữa cây rừng cỏ tốt um tùm.

Hành trình trong điều kiện thời tiết như thế, đường sá như thế cực nhọc, vất vả không tả được. Chỉ có non năm chục cây số từ thung lũng hồ Cá Sấu ở đông Sa Thầy ngang qua huyện 67 về ngã ba Đồi thánh giá trên bờ tây Pô cô mà một chiếc Zil ba cầu vâm vấp máy khỏe nhường ấy cật lực chạy cả ngày không nghỉ vẫn để lỡ độ đường. Phải mãi tới mới tới cửa trường Gọi Hồn. Xe đậu lại bên bờ một con suối rộng phủ đầy củi mục.

Người lái ngủ trong ca bin, còn Kiên lên thùng xe mắc võng nằm một mình. Nửa đêm mưa xuống. Một màn mờ mông, dịu như sương, êm lặng rơi hầu như không thành tiếng. Tấm bạt xe cũ nát lấm tẩm dột. Nước mưa rỉ xuống thong thả rỏ giọt lên những bọc ni lông gói hài cốt tử sĩ xếp lát trên sàn xe. Không khí ẩm sánh lại, quánh ướt, từ từ lừa những ngón tay dài ngoẵng lạnh toát vào bên trong bọc võng. Chảy rào rào buồn buồn, miên man như là dòng thời gian trôi thành tiếng, nghe nửa tỉnh nửa mơ. Cả trong lẫn ngoài giấc ngủ đều một đêm tối như bung và mịt mù hơi ẩm. Gió ướt rượi thờ dài. Tự nhiên có cảm giác là tuồng như chiếc xe bỗng dừng rồi chổ, im lìm lẫn bánh, chạy êm ru, không cần động cơ, không người cầm lái, một mình mộng du trên con đường rừng cô quạnh. Và âm thầm lẫn trong tiếng suối là tiếng thở dài của rừng sâu nghe vời vợi xa xôi và tuyệt mù hư ảo như là âm vang vọng lại từ một thời

nào đó, nhuô là tiếng của làn lá vàng rơi trên thảm cỏ từ lâu lẩm rôi...

Vùng này là vùng Kiên thông thuộc. Chính là ở đây vào cuối mùa khô năm 69, mùa khô cực kỳ cùng khốn của toàn cõi B3, tiểu đoàn 27 độc lập, cái tiểu đoàn bất hạnh mà anh là một trong mười người may mắn còn được sống đã bị bao vây rồi bị tiêu diệt mất hoàn toàn phiến hiệu. Một trận đánh ghê rợn, độc ác bạo tàn...

Mùa khô ấy, nắng to gió lớn, rừng bị ướm đẫm xăng đặc, cuộn cuộn lửa luyện ngục. Các đại đội đã tan tác đang cố co cụm, lại bị đánh tan tác. Tất cả bị na-pan (Bom na pan, bom lân tinh) tróc khỏi công sự, hóa cuồng, không lính không quan gì nữa rùng rùng lao chạy trong lưới đạn dày đặc, chết dúm ngã dúi vào biển lửa. Trên đầu trực thăng rà rập các ngọn cây và gần như thúc họng đại liên vào gáy từng người một mà bắn. Máu tung xối, chảy tóe, ồng ộc, nhoe nhoét. Trên cái trảng hình thoi ở giữa trũng, cái trảng mà nghe nói đến ngày nay cỏ cây vẫn chưa lại hồn để mọc lên nổi, thân thể giập vỡ, tanh bành, phùn phụt phì hơi nóng.

" Thà chết không hàng. . . Anh em , thà chết . . . ? " - tiểu đoàn trưởng gào to, như điên, mặt tái dại, hốt hoảng hoa súng ngấn lên, và ngay trước mắt Kiên anh ta tự đọp vào đầu, phọt óc ra khỏi tai, Kiên líu lưỡi, kêu Oá Oá trong họng. Bọn Mỹ xông tới, tiểu liên kẹp bên sườn.

Đạn dày đặc tủa tới như đàn ong lửa. Kiên nắc to, buông súng ôm lấy một bên hông và khụy ngã; thong thả lăn từng vòng, từng vòng xuống lòng suối cạn, máu nóng hồi rưới đẫm bờ dộc thoải.

Những ngày sau đó quạ bay rợp trời, và sau khi bọn Mỹ rút thì mưa mùa ập xuống, lụt rừng. Bãi chiến trường biến thành đầm

lầy, mặt nước màu nâu thẫm nổi váng đỏ lờm. Trên mặt nước lênh bênh xác người sấp ngựa, xác muông thú cháy thui, trương sinh trôi lẩn với cành lá và những thân cây to nhỏ bị mảnh pháo băm. Khi lũ tan, mọi vật trôi ra dưới nắng lầy nhầy bọc trong lớp bùn đặc ghê tanh như thịt thối, Kiên lết dọc suối mòn và vết thương không ngừng nhỏ máu, thứ máu của xác chết, lạnh và nhớt. Rắn rết bò qua người anh. Thân chết sờ soạng.

Từ đó chẳng còn ai nhắc đến tiểu đoàn 27 nữa, mặc dù vô khối hồn ma ra đòi trong trận bại vong ấy hiện vẫn lang thang khắp các xó xinh bụi bờ ven rừng, dọc suối chưa chịu chầu trời. Còn cái truông núi vô danh mịt mù lam chướng này thì từ bấy có tên là Gọi Hồn, cái tên nghe dựng cả tóc gáy. Đôi khi, có lẽ là vào những kỳ lễ lạt nào đó của giới các âm hồn, các toán quân đã chết của tiểu đoàn lại tụ họp trên trảng như là để điểm danh. Tiếng suối chảy, tiếng gió núi hú lên chính là tiếng nói của những hồn hoang binh lính mà người cõi dương ta thường nghe thấy và có thể thấu hiểu.

Kiên nghe kể đi đêm ở vùng này có thể nghe thấy chim chóc khóc than như người. Mà đúng là có loài chim như thế thật dù rằng chưa ai nhìn thấy chúng vì chúng chẳng hề bay mà chỉ một mực kêu thôi. Và tìm - khắp Tây Nguyên cũng không thể thấy ở đâu như ở đây các loại măng lại nhuốm một màu đỏ dễ sợ đến vậy, đỏ au như những tảng thịt ròn ròn máu. Còn đom đóm thì to kinh dị. Đã có người nom thấy những quang sáng đom đóm lớn tày cái mũ cối, có khi hơn.

Ở đây khi trời tối cây cối hòa giọng với gió rên những bản nhạc ma. Và không một ai có thể quen được vì chẳng góc rừng nào giống góc rừng nào, chẳng tối nào như tối nào. Có lẽ là núi là rừng chứ không phải con người đã làm nảy sinh ra ở vùng này những huyền thoại rừng rợn, những truyền thuyết man rợ, nguyên thủy nhất về cuộc chiến tranh vừa qua. Nói chung



những kẻ yếu bóng vía rất khó sống ở đây. Sống ở đây có thể điên lên hoặc chết rũ vì khiếp sợ. Chính vì thế nên vào mùa mưa năm 74 khi trung đoàn về nấu quân ở vùng này, đám trinh sát bọn Kiên đã phải lo lập bàn thờ và bí mật tổ chức cầu khấn, cúng giỗ cho các hồn tiểu đoàn 27 còn tồn đọng trong trường. Lửa nhang ngày đêm lập lòe. Mà cũng còn phải kể tới hồn ma của các dân thường nữa. ở gần ngay chỗ chiếc Zil này đêm nay đang đỗ trước có dấu tích của con đường mòn dẫn vào làng Hủi. Hối trung đoàn 3 về đây làng đã hoang tàn, tuyệt không một bóng người còn sống. Bệnh tật khủng khiếp và đói khổ triền miên đã tận diệt cuộc sống nơi đây. Tuy nhiên những linh hồn lơ loét không manh áo che mình thì thấy bảo là vẫn đầy rẫy và vẫn không ngừng làm bốc lên mùi hôi thối trong tưởng tượng của mọi người. Trung đoàn đã cho người rưới xăng rồi phóng hỏa đốt sạch làng đó để diệt trùng tẩy uế, song lính ta vẫn rất hãi, không dám bén mảng tới gần vì sợ ma và sợ nhiễm hủi. Một hôm, Thịnh "con ! ở tiểu đoàn một đã liệu mò tới đây và giữa tro tàn của ngôi làng cậu ta đã bắn chết một con vượn rất to, phải bốn người kéo ra mới khiêng nổi con thú về chỗ lán của đội trinh sát. Nhưng, lạ Chúa tôi, đến khi ngã nó ra, cạo sạch được bộ lông thì ôi giời đất ôi, con vật hiện nguyên hình một mụ đàn bà béo xệ, da sùi lở nửa xám nửa trắng hếu, cặp mắt trợn ngược. Cả lũ bọn Kiên thất kinh, rú lên, ù té quẳng tiết nội niêu dao thớt. ở trung đoàn chẳng ai người ta tin chuyện đó, nhưng chuyện đó là có thật. Bọn Kiên đã chôn cất, đắp điểm tử tế mồ mả cho "người ấy", nhưng sự báo oán vẫn chẳng tránh được. Một thời gian sau, Thịnh "con" bị giết. Và lần lượt, kế tiếp nhau hầu hết trung đội đã bỏ mình. Còn sót lại có mình Kiên, như vậy đây...

Thời ấy... thực ra thì mới chỉ năm ngoài đó thôi.

Mùa mưa, trước ngày hành quân xuống cánh Nam Tiến đánh Buôn Ma Thuột, trung đoàn 3 của Kiên hiện đã có gần cả hai tháng trời thả neo ở đây. So với hồi đó cảnh vật bây giờ chưa

chắc có gì thay đổi, số cây trong rừng chưa thể kịp ít đi hay là nhiều hơn lên, và các lối mòn mà bọn anh từng hàng ngày qua lại vẫn chưa hoàn toàn bị cô đại của đày rừng nuốt chửng. Hồi đó trình sát chọn chỗ dựng lán ở ngay trên bờ con suối này nhưng dịch sâu vào trong rừng kia chừng mười phút nữa, nơi triển suối đọng phải chân núi, tễ đôi, chảy dốc xuống theo hai lòng khe. Bây giờ chưa chừng tại cái ngã ba suối ấy cái "am cỏ" của bọn anh vẫn còn, lúp xúp mái gianh bên bờ nước giữa những vạt lau ướt lứt thướt. Hồi đó từ các cửa xanh, trung đoàn thu quân về hậu cứ để chinh huấn. Liên miên chính trị. Chính trị sáng, chính trị chiều, tối lại cũng chính trị... Ta thắng địch thua, miền Bắc được mùa, thế giới chia làm ba phe rõ rệt. . . Tuy nhiên cánh trình sát con cung bao giờ cũng được nể vì, ít bị ộp học nên cũng có khối thì giờ để chơi bời, tranh thủ xả hơi trước khi trở lại vùng chiến. Đi săn, đặt bẫy, tổ chức đóc cá và tối tối thì chơi bài. Cả đời Kiên chưa khi nào máu mê cờ bạc như là hồi đó ở đây Bãi bạc lu bù. Thường là cứ chập tối com xong bắt đầu ngả chiếu bạc. Trong bầu không khí ẩm ướt, nồng ngạt mùi mồ hôi và khét lẹt khói xông muỗi, các con bạc châu quanh cỗ bài, toi bời đỏ đen.

Tiền đặt cửa thường là những tàu thuốc "đồng bào" hôi mù, cay cú hơn thì thuốc Lào, đá lửa hoặc sợi hồng ma một thứ tiền ma túy - hoặc là lương khô và ảnh nữa, ảnh con gái các loại, bất kể gái tây hay gái ta, xấu hay đẹp, người yêu hay người dung, dùng tuốt, đóc hết ra mà sát phạt. Chẳng còn gì ăn thua nữa thì quẹt muối đèn, chơi trò bôi râu. Người đánh kẻ chầu rìa, vui vẻ, om sòm nhiều hôm thâu đêm. Tuồng như là một thời kỳ sung sướng, bình yên, nhàn cư, vô tư lự lắm vậy. Mà quả là cũng sung sướng thật, những ngày ấy trong gần suốt mùa mưa chẳng phải đánh đấm gì, cả trung đội mười ba đứa, vẫn còn đủ mặt. Kể cả Thịnh ! con! cũng phải sống ở đây đến hơn một tháng rồi mới bị giết. Can chưa đào ngũ. Rồi Vĩnh, Thịnh "nhớ", và Cừ, Oanh rồi Tạc "voi" nữa còn sống cả. Vậy mà bây giờ ngoài một cỗ bài sồn nát, quần queo, lem nhem dầu tay

của những người đã chết, Kiên chẳng còn có thêm một kỷ vật nào nữa về trung đội mình.

- Chín - Mười - Zi này ?

- Qui - Ka - át này!

Thình thoảng anh vẫn mơ thấy chúng, những con bài ấy. Xướng lên và một mình đờ đen với mình. "Con cơ này, con rô này, và đây con chuồn...". Bản hành khúc trung đoàn ca được lính tráng hát chệch lời đi - "đăng nào rồi cũng phăng teo, mạnh tay mạnh tay ta quật, vui chơi xả láng cóc cần...". CỜ bài được trang lần cuối, Kiên nhớ, khi trung đội chỉ còn lại bốn mống: Từ, Thanh, Vân và Kiên.

Ấy là buổi tinh mơ mờ đất, nửa giờ trước khi pháo cấp tập mở màn chiến dịch công phá Sài Gòn. Bên kia cánh đồng hoang ngập đầy cỏ Mỹ là tuyến phòng thủ Củ Chi. Bọn nguy đang khởi động, các đoàn nã cối và quờ quạng khua đại liên. Dưới các gác hào và hố cá nhân bộ binh vẫn đang cố tận hưởng những hớp cuối cùng của giấc ngủ. Nhưng bốn tay trinh sát trung đoàn sắp sửa dẫn đầu phân đội mũi nhọn xung phong thì lại đang mài miết "tiến lên".

Chơi tà tà nhé, - Kiên đề nghị - nếu dở ván thì trời để cho cả bốn thằng sống qua trận này, để còn chơi tiếp.

- Khôn lỏi thế, - Thành nhăn răng cười - Trời có phải thằng ngốc đâu mà bịp. Cố tình đánh dở ván lão sẽ cho cả bốn thằng "chui xuống dưới đó" mà vật lông nhau.

- Xuống cả làm gì bốn thằng, - Từ bảo - một mình tao ôm cỡ bài xuống là được. Sẽ đánh xì, hoặc sẽ tổ chức bói bài tây cho bọn quý sứ gác vạc dầu. Vui chán!

Sương mù như đột nhiên loãng tuếch ra. Pháo hiệu vụt lên không. Bộ binh rầm rập thức giấc. Xe tăng tiến ra tuyến xuất kích, tháp pháo lắc lư, xích nghiêng nảy dật rung chuyển làn gió mai.

- Thôi, dẹp? - Kiên quăng bài xuống, và không nén nổi anh thốt lên dằn dỗi - đã bảo cố chơi chậm chậm cầu may, mà thằng quái nào cũng háu ăn thua?

- O mà này? - Vân còm vồ đùi la, vẻ hững hờ - Thế địch nào mà mãi tới giờ tớ mới thấy khoái cái trò xì át cạc tê này chứ lì. Phải tập chơi cho ra trò mới được. Tao chết chúng mày nhớ liệng xuống hồ cho nhau một cỗ bài nhé?

- Có mỗi một bộ mà nó đòi cả, gớm thật là lỏi quá đấy? - Thanh kêu lên giọng chìm đi trong tiếng đê pa của hàng chục họng tầm xa vừa đồng loạt gầm.

Sau đây chừng nửa giờ Vân chết cháy cùng với chiếc T54 đầu đàn. Thân xác ra tro nên chẳng cần huyết mộ. Còn Thanh thì chết ở Cầu Bông, và cũng bị thiêu trong quan tài thép cùng với tổ lái. Chỉ có Từ là đã cùng Kiên đánh đến cửa số 5 sân bay Tân Sơn Nhất rồi mới hy sinh.

Đêm 29 rạng ngày 30, khi hai thằng gặp nhau lần chót trên nóc nhà phở Tàu bay, Từ móc cỗ bài dưới đáy bông ra trao cho Kiên.

- Thế nào tớ cũng ngổm trận này. Vậy cậu giữ lấy. Còn sống trở về thì dùng nó mà đánh bạc với đời... Các quân hai, quân ba, quân bốn này chứa hồn thiêng của cả trung đội đấy, bọn tớ sẽ phủ hộ cho cậu trăm trận trăm thắng. . .

Kiên lặng đi nhớ lại. Đêm nay hồn ai gọi hồn ai. Tiếng hú cát

lên từ đâu đó trong rừng thẳm, âm u truyền dọc theo những gò núi lạnh lẽo của truông Gỏi Hòn. Cô đơn. Lạc lõng. Núi vẫn thế, rừng vẫn thế, suối sông cũng vẫn thế thôi, bởi có là bao một năm trời. Chỉ có điều hồi đó đang chiến tranh còn bây giờ trái lại, đã hòa bình rồi.

Cùng là một trang cuộc đời nhưng mà là hai thế giới, hai thời đại...

Hồi đó, vào độ cuối tháng Tám, ven các cánh rừng dọc theo triền suối này hoa hồng ma nở rộ trong mưa, đậm bông trắng xóa, tỏa hương thơm ngát. Nhất là về đêm hương hoa như thể được cô đậm, ngọt, ngào ngạt, thấm thấu vào giấc ngủ làm thành bao nhiêu là giấc ngủ mơ kỳ lạ gây những ám ảnh khoái lạc mê mẩn. Buổi sáng thức dậy hương hoa dần nhạt nhiều rồi song ai nấy vẫn cảm thấy âm ỉ trong lòng một nỗi đăm đúi bí ẩn, vừa thích vừa rợn. Nhưng cũng phải khá lâu sau mới khám phá được rằng nguyên nhân của những ảo giác đêm khuya ở vùng này là hương thơm của hồng ma, cái thứ hoa quỷ hoa mà này Kiên đã gặp ở các cánh rừng trên sườn tây Ngọc Linh và cả xa xăm trong miền Tà Rệt bên Miên nữa, nhưng không ở đâu mọc nhiều như ở đây. Bông hồng ma nom tựa tựa tầm xuân nhưng nhỏ hơn, nở dày hơn, cây hoa thường mọc tràn sát các mép suối. Loài cá mồm trâu ở vùng này vì thường xuyên rĩa rê hồng ma nên thịt rất ngon nhưng dễ gây say thậm chí có thể làm chết người. Chúng gây độc còn có thể hơn cả loài cá ráu chuyên ăn mã tiền, người ta còn bảo hồng ma thường đặc biệt mọc dày ở những vạt đất từng có nhiều người thiệt mạng, tử khí tụ lại nhiều. Có nghĩa hồng ma là loại hoa ưa máu, tuy nhiên thật khó tin vì nó thơm như thế cơ mà. Về sau chính đám trinh sát bọn Kiên ngồi rồi rồi bày trò phơi sậy, thái nhỏ hoa, lá và rễ hồng ma trộn với sợi thuốc rê. Thật là đã hết sức đã. Chỉ sau vài hơi rất mạnh là đã lặng lẽ xiêu lịm đi như tà khói mong manh trước gió. Nhờ khói hồng ma người ta có thể tự chế ra các ảo giác tùy sở thích, có thể định hướng được mộng mị và

hòa trộn các giấc mơ vào nhau như thể pha cốc- tai. Có thể nhờ khói hồng ma mà quên mọi nông nổi đời lính, quên đói khổ, chết chóc, quên bếng ngày mai. Bản thân Kiên cứ mỗi bận thương thức thứ bả độc này thì lại thêm được một lần nhập thân tràn ngập vào thế giới của những giấc mơ bí ẩn và tráng lệ mà lúc bình thường tâm hồn chẳng thể với tới. Trong những cơn mưa đổ đốn ấy, không gian tưởng tượng thật trong lành, bầu trời cao vợi, mây nắng tuyết vời gần như là tầng trời của những giấc chiêm bao thời thơ ấu. Và dưới vòm trời sán lạn ấy, Kiên lại được thấy Hà Nội của anh, Hồ Tây, chiều hạ, hàng phượng vĩ ven hồ, tiếng ve sâu ran lên khi hoàng hôn xuống anh cũng nghe thấy, và cảm thấy gió hồ lộng thổi, cảm thấy sóng vỗ mạn thuyền. Anh mơ thấy Phương đang cùng ở trên thuyền thoi với anh, tóc vờn trước gió, trẻ trung xinh đẹp, không một nét sầu thương. Đồng đội của anh thì cũng mỗi người mỗi kiểu say sưa mơ màng trong khói hồng ma. Mỗi người mỗi lối đi lạc khỏi thực cảnh chung. Như là Cừ thì rượu sán hay hồng ma đều chỉ khuấy lên độc một cảnh tượng ủy mị, khó tin của ngày trở về với những sum họp đoàn tụ dễ chịu đến nỗi nghe Cừ tả lại ai cũng phải rớt nước mắt với hắn. Còn Vĩnh thì chỉ rất mơ thấy đàn bà, và hắn thường xuyên khoái trá tả thực cho anh em nghe về những cuộc làm tình tưởng tượng vô cùng tham lam, phức tạp rất góc ngách, đầy kỳ thú và sống sượng với chị em huyền thoại của hắn. Còn Tạo "voi" lại đặc biệt hay mơ sự ăn uống. Không chỉ mơ được ăn no, Tạo còn vẽ ra trong đầu những mâm cỗ ấm áp các món ăn béo bở do tâm thần mộng mị của hắn bịa tạc nên. Trạng thái mù mẫm do khói hồng ma đã từ lán trinh sát lây lan khắp trung đoàn. Đến nỗi khi có lệnh của chính ủy nghiêm cấm sử dụng hồng ma thì khắp Gọi Hồn loài hoa này đã bị lính ta săn lùng, đào xới, nhổ hái tới tiết giống. Cùng với thời kỳ bài bạc và hút xách ấy là thời kỳ mà trung đoàn đầy rẫy những lời đồn đại, những sám truyền và những điều được tiên tri. Có thể là bởi những cơn mê lú hồng ma chẳng mà lính ta đã nhìn thấy tận mắt vô khối sự hão huyền. Người ta đã trông thấy nhiều quái vật lông lá có cả

cánh lẩn vú với cái đuôi kỳ nhông kéo lét và họ người thấy mùi tanh máu từ chúng, nghe thấy chúng gào rú và ca hát trong các hang động tối om ở chân đèo Thăng Thiên bên kia truông Gọi Hồn. Nhiều người đã chính mắt nom thấy những toán lính da đen không đầu chơi trò rước đèn ở ven rừng. Song đặc biệt rừng rợn là những tiếng rú man dại thường cất lên vào những buổi tinh mơ mờ mịt mưa giăng làm tái sạm mặt mày những ai chẳng may mà nghe phải. Người ta ngờ rằng ấy là tiếng hú gọi đàn của bầy vượn người thái cổ cuối cùng trên hành tinh mà sự tồn tại của các tổ tiên này ở Tây Nguyên đã từng được đồn đại từ nhiều năm trước. Và tất nhiên tất cả những sự tai nghe mắt thấy đó đều được quy thành điềm trời cảnh báo một thời tai họa, thảm khốc và đẫm máu, có thể đẫm máu hơn cả hồi Mậu Thân, đang kề tới với mỗi nhân mạng trên chiến trường này. Những tay sinh chuyện hoang đường và những tay am tường tử vi lén lút mách bảo số phận cho bạn bè. Bấy giờ ở khắp trung đoàn, trong lán của các tiểu đội đều có bàn thờ cúng tế vong linh đồng đội. Trong khói hương bài cay nồng, lính tráng rạp đầu khấn khứa ". . . Sống khổ chết đau, từ sinh đành nhẽ chung phận lính... xin hồn thiêng phù hộ anh em vượt vòng binh lửa đánh trận rửa thù ...".

Trong trời thì cứ mưa, ngày này qua ngày khác. Cuộc chiến có vẻ như bị vùi lấp trong biển mênh mông mù mịt mùa mưa, thế nhưng nếu cứ để tâm lắng nghe mãi tiếng mưa rơi trên mái rừng và ngược nhìn mãi bầu trời thâm xám, thấp và tối như vòm hang thì người ta chỉ có thể nghĩ tới chỉ duy nhất nó mà thôi: chiến tranh, chiến tranh. Bốn bề mìn mịt chỉ một màu mưa trĩu lòng, một màu núi màu rừng âm đạm và đói khổ. Khắp Tây Nguyên, từ miền non cao Cánh Bắc tới Cánh Trung, Cánh Nam thảo nguyên bao la vô định nơi thì im lìm chết lặng nơi thì rền vang tiếng súng. Cuộc đời của bộ binh B3 thời hiệp định vẫn đang đặng chuỗi ngày cùng cực. Sau những tháng ròn liên miên rút lui là những đợt đại phản công dữ dội, rồi lại phải kiêng nhau mở đường máu chạy. Rồi lại phản công. . .

Hết trận thắng này đến trận thắng khác nhưng đường chiến tranh vẫn hun hút mịt mù, tuyệt vọng vô phương.

Trong mưa đại bác vang rền nặng nề thúc dội ra ngoài trăm dặm điếm báo trước một mùa khô hung gở đang áp tới bên trời. Con Rốc. Măng Đen. Rồi Măng Bút. Vào tháng Chín ấy quân ta húc mạnh ở vành đai phòng thủ thị xã Công Tum. Chiến sự lớn lao làm chuyển rung như muốn lay bật từng thước vuông miền Cảnh Bắc. Tại trung đoàn 3 lúc bấy giờ vẫn đang nấu ở Gội Hồn này, ai nấy nom nớp một lệnh hành quân ứng chiến, cấp tập quăng mình vào cõi một sống một chết. "Chân trời chết chóc mở ra mệnh mang, vô tận những nắm mồ bộ đội mọc lên nhấp nhô tựa sóng cồn..." bên bếp lửa đàn ghi ta bập bùng, quân lính thời 74 hát, lời ca khốc liệt làm ớn lạnh những đêm trường, "ôi chiến trận không bến không bờ... ngày mai hay hôm nay, hôm nay hay ngày mai, nói đi số mệnh ơi, bao giờ tôi sẽ...".

Cuối buổi chiều hôm Can bỏ trốn, một buổi chiều mùa thu mưa dầm chán ngấy, Kiên đang ở bên suối ngồi câu. Mưa chiều hôm ấy không to mà đều đều, âm âm, buồn thảm. Dòng lũ căng nhưc sôi réo lên, ầm ầm lao chảy như chực cuốn văng đi cả đôi bờ. Nhưng ngay tại chỗ Kiên ngồi buông câu nước ngoạm sâu vào vách đất làm trơ rễ những cây roi suối và tạo thành vũng lặng. Kiên thu mình trong tấm toi lá, bó gối nhìn làn nước cuộn cuộn, không muốn gì và không nghĩ ngợi gì cả.

Đạo này hồng ma tiết nọc rồi, tâm hồn chẳng còn víu vào đâu được nữa, cứ như từ từ trôi lạc đi và hàng ngày Kiên có thể ngồi im lìm bên suối hàng giờ, âm đạm buông mình theo dòng ưu tư buồn ngủ. Mùa thu nào nề, lê thê, mùa mưa ê ẩm. Khâu phần lương thực đang sụt xuống nhanh như thể nước trong cái bình bị đập vỡ đáy. Khổ sở vì đói, vì sốt rét triền miên, thối hết cả máu, vì áo quần bục nát tả tơi và vì những lở loét cùng người như phong hủi, cả trung đội chẳng còn ai trông ra hồn



thằng trình sát nữa. Mặt mày ai nấy như lên rêu. Uú dột. Yếm thế. Đời sống mục ra. Đôi khi để gương lên, Kiên ép mình vào một suy nghĩ nào đó. Anh cố khơi dòng ký ức, cố nhớ, cố hồi tưởng để tâm trí mình lên. Nhưng uổng công. Toàn bộ cuộc đời, từ đầu, từ thừa thiếu thời đến giờ cơ hồ đã tách khỏi anh, trôi dạt, xa lác xa lơ trong miền vô cảm.

Có lẽ chưa bao giờ cái biệt hiệu Thần Sầu phải mang từ hồi mới nhập ngũ lại chí lý với hình ảnh con người Kiên như vào những ngày mưa sầu thăm sông ở Gội Hồn này. Lãnh đạm và ơ hờ với mọi người, với mọi sự xung quanh, anh như đang âm thầm vĩnh biệt chính mình.

Anh đón đợi cái chết, nhưng ngay cả nó, cái chết cũng tầm thường và vô vị. Kiên thân nhiên nhìn nhận nó với đôi chút ưu sầu, và đôi khi với cả niềm mỉa mai, kỳ cục như thế đấy. Tuần trước, khi đụng độ với bọn thám báo ở bên kia núi, Kiên đã thực sự vờn mặt tử thần. Trong khi tất cả ta và địch đang nhanh chóng tản khai, nhào núp vào sau các thân cây và bắn loạn xạ thì Kiên cứ lừng lững tiến thẳng lên. Khẩu AK của tên địch núp sau gốc cây trước mặt dồn dập nã. Kiên chẳng buồn khom người xuống, thong thả đi tới, vẻ khinh thị đầy uể oải. Tên nguy hấp tấp bắn. Hấn cuống. Đạn nổ inh tai. Song cả ba chục viên đạn quạt căng rất kỳ thay không một viên gãi vào Kiên. Anh không bắn trả, chỉ còn cách con mồi vài bước nữa, vẫn không bắn. Tuồng như anh muốn ban cho tên nguy cơ hội để sống còn: kịp thay băng, ngắm kỹ mà bắn gục anh. Nhưng chính sự chán chường táo tợn của Kiên đã làm xiêu lạc hồn phách hắn. Run bần bật, hắn đánh rớt khẩu tiểu liên.

- ĐỒ cút đái? Kiên chửi gằn và xiết cò.

Điểm xạ AK bắn gần đến nỗi tên nguy bật khỏi gốc cây như bị búng đi.

- Má... á á... - Kẻ bị giết a á rú lên thất thanh.

Kiên rùng mình nhảy xô tới. Đạn từ các gốc cây quạt châu lại. Mặc, Kiên nghiêng rặng, đứng phơi ra chực họng súng xuống, điên cuồng nã từng phát, từng phát đóng đanh lên cái thân xác còn nóng hồi sức sống đang oằn oại đau đớn trong cơn rừng giật giãy chết. Máu phọt tóe lên ướt óng quần Kiên. Rồi, hai bàn chân in dấu đỏ lôm lên cỏ, anh lại từ từ đi thẳng đến những tên thám báo khác đang núp bắn, súng kẹp bên sườn một cách hờ hững, ngực áo phanh rộng. Không sợ hãi, không nổi hung lên. Mệt mỗi âm thầm, vậy đây...

Vậy mà trưa hôm nay người ta lại triệu Kiên lên ban quân lực trung đoàn để thông báo anh được xếp vào danh sách đi học dài hạn. Trường sĩ quan lục quân và hiện chỉ chờ quyết định của sư đoàn nữa là sẽ lên đường ra Bắc.

- Đánh nhau còn xoi, chả biết đến bao giờ mới mãn cuộc, trưởng ban quân lực rầu rĩ nói khàn khàn - Phải giữ giống không thì kiệt. Sau vụ thu hoạch thất bát dù có đói nhẩn vẫn phải chọn những hạt thóc tốt nhất cho mùa sau... Khi các cậu học xong trở về thì bọn tớ, lớp cán bộ chỉ huy hiện nay chả chắc còn sót mống nào. Trung đoàn và nói chung chiến tranh là do chính các cậu xoay vần.

Kiên làm thình. Vài năm trước có lẽ anh đã lấy làm hãnh diện và vui mừng coi đây là một hạnh vận nhưng bây giờ thì không, bây giờ thì xin đủ. Chẳng những không muốn mà chắc chắn chẳng bao giờ đi học, chịu trở thành hạt giống cho những vụ mùa chiến tranh liên miên. Anh chỉ muốn được yên thân, chết một cách yên thân, yên với số phận con sâu cái kiến của chiến tranh. Anh chỉ có thể sống và chỉ có thể vui lòng chết trong hàng ngũ những người lính thường mà một trong những đặc trưng góp phần tạo lên sức mạnh vô địch của họ ở mọi chiến

trường là tính chất nghĩa quân nông dân giản dị, dịu hiền có cách nhìn đời nhân hậu và rõ ràng sẵn sàng chịu mọi tai họa của chiến tranh tuy nhiên không bao giờ là những người chủ chiến...

Đằng sau có tiếng chân ai đó đang đi tới, nhưng Kiên không ngoảnh lại. Người nọ bước đến bên anh, lặng lẽ ngồi xuống. Lúc này ở rừng tre bên kia suối bóng tối dường như đã ken dày. Hoàng hôn nhòa mờ. Ngày mưa ngán ngùi lụi chìm.

- Ngồi câu đây à? - Người nọ lên tiếng.

- Ủ! - Nhặt nhẽo, Kiên nhìn sang. Ấy là Can, A trưởng A2, một anh chàng bé nhỏ, còm nhom, quê ở "câu tôm". Can câu tôm.

- Dừng mọi gì thế?

- Giun, với nước bọt - Kiên đáp uể oải, nhỏ chắt qua kẽ răng - thấy bảo đang sốt cơ mà, mò ra dằm mưa làm gì vậy?

- Chưa được con nào à?

- Ồ, câu để mà câu ấy mà - Kiên làm bằm. Qui thật, anh nghĩ. Y hẳn lại chực tâm sự chi đây. Anh chúa ghét nghe ai bộc bạch sự tình riêng tư ngóc ngách. Nếu cả trung đội vào những ngày toàn sự cực khổ này đều đến tìm anh để bày tỏ nỗi nọ niềm kia thì chắc chắn anh phải đâm đầu xuống thác thôi.

- Ngoài Bắc cũng đang mưa to lắm, - Can gọi chuyện giọng ủ ê - Đai họ loan thê, bảo là to chưa từng thấy. Quê tôi lại lụi mất.

Kiên ậm ừ. Mưa mau hơn. Không khí se lạnh. Sắp tối hẳn tới nơi rồi.

- Nghe nói anh sắp được ra Bắc học phải không? - Can hỏi.

- Ủ, - Kiên đáp, sa sầm - mà sao?

- Không. Hỏi thế thôi. Mừng cho anh.

- Mừng à? Kiên cười gằn, và rành rọt văng một câu rõ tục.

- Không, đừng nghĩ là tôi ty Kiên. Thành thật đấy. Anh không ưa tôi, nhưng chẳng lẽ không hiểu lòng dạ tôi chút nào sao? Ai trong anh em mình được sống, ra Bắc cũng là đáng mừng cả. Cứ ra đi rồi tính sau. Kệ. Miễn là không ngòm trong mùa khô tới. Trời cho thì cứ nhận. Anh đã chịu đựng nhiều. Với lại anh là con nhà trí thức, không đáng phải chết. Với lại, nói thực chẳng ai muốn chết, đúng không?

- Ai mà muốn chết, thực thế. Nhưng chẳng tự ý trách nó được, càng không thể trút nó lên vai người khác. Tớ chả đi đâu mà cậu phải mừng hộ tớ.

- Còn tôi thì bấy lâu vẫn ngóng một cơ hội. Thú thực là tôi vẫn mơ đợt học sĩ quan này. Chứ sao, tôi ít tuổi hơn anh. Đã tốt nghiệp 10. Huân chương chiến công. Tôi rất gắng tu dưỡng, chính anh cũng biết đấy. Tôi hoàn thành nhiệm vụ, không cãi cấp trên, không rượu, không hồng ma, không đánh bài, xúc gái, văng tục cũng không. Hóa ra công cốc. Thành thật là không ty, chỉ buồn. Thành thật là tôi rất muốn sống. Đã sống gì đâu. Nhưng tôi sẵn sàng mất tuốt chỉ để có một tuần ở ngoài Bắc.

- Nếu thế để tớ bảo quân lực họ sang tên - Kiên mĩa mai - Chứ đừng kêu cảm rảm nữa. Về lán mà nằm đi!

- Không, đừng nói vậy, Kiên? Tôi nói vậy là nói thực tình chứ có ý gì đâu. Tôi sẽ tự cứu lấy mình. Chỉ thế thôi. Tôi không sợ chết, nhưng cứ bắn mãi giết mãi thế này thì chết hoại tình người. Đạo này đêm nào tôi cũng mộng thấy mình chết và tôi

boi ra khỏi xác biến thành con ma cà rồng đi hút máu người. Anh còn nhớ trận Plây-cần năm 72 không. eo nhớ cảnh thầy người la liệt trong khu gia binh không? Máu tới bụng chân, lội lồm bồm... Tôi vẫn tự nhủ là tránh giết người bằng dao và lê, nhưng mà quên tay mất rồi. Thế mà hồi nhỏ tôi đã suýt thi đổ vào trường dòng đấy.

Kiên tò mò nhìn Can. Trong quân ngũ thỉnh thoảng lại thấy tòi ra vài tay dị giáo kiểu này. Tâm hồn bấn loạn, ngôn ngữ độc thoại rồi mù, họ bị thực cảnh chiến tranh đầy ải tàn nhẫn, làm cho suy sụp sâu sắc cả thể xác lẫn tinh thần. Nhưng lạ lùng là bao nhiêu năm chiến đấu bên nhau, Kiên chưa thấy Can dài dòng triết lý, chỉ thấy ở Can một bản chất con nhà nông thích hợp tuyệt đối với cảnh địa ngục chiến hào. Đã mang thân làm thằng lính B3 mà lại hay kêu rên và mau nước mắt thì khôn nạn càng thêm khôn nạn Can ạ. Kiểu này, cậu phải ra khỏi làng trình sát thôi.

- Tôi thường tự hỏi, - Can lại tiếp tục dòng tâm sự não nề - Minh vào đây làm gì khi để mẹ già ở nhà cơ cực không nơi nương tựa, ngày đêm than khóc nhớ con... Hồi tôi vào lính, làng đang lụt, vất vả lắm tôi mới dìu được mẹ tôi lên đê. Mẹ tôi cứ van tôi tìm cách mà trốn đùng để người ta triệu tập. Nhưng lủi sao nổi cơ chứ. Anh tôi đã đi rồi, đáng lẽ tôi được miễn coi như con độc, mà ở xã họ không chịu. Bao thằng khôn nạn ung dung hưởng lộc chiến tranh chỉ con cái nông dân là phải dứt lòng ra đi bỏ lại đằng sau cảnh mẹ già màn trời chiếu đất. . . cho nên, Kiên ạ , cho nên. .

Bất đồ Can òa khóc, gục mặt xúng đầu gối, bả vai và mảng lưng trần gầy guộc, ướt loáng bần bật run. Kiên thu cần câu, đứng dậy, cau mày nhìn xuống Can, nói:

- Cậu nghĩ truyền đơn của nó hơi nhiều đấy. Vô phúc mà có kẻ

báo lên trên thì rồi đời. Tớ đang nghĩ, hay là cậu đang rắp ranh "tút"?

Không ngẩng lên, Can nói, giọng bị nuốt đi trong tiếng mưa và tiếng suối:

- Thì thế chứ sao. Tôi đi... Tôi biết anh là người tốt, sẽ hiểu, nên tôi tìm anh để qua anh xin có lời từ biệt anh em...

- Mày điên rồi, Can! Một là mày không có quyền làm thế, hai là tút làm sao nổi. Sẽ bị tóm. Rồi tòa án binh, ăn đạn, càng vô phúc hơn. Nghe tao, bình tâm đi. Tao sẽ kín miệng, sẽ không ai biết.

- Ba lô tôi ém sẵn trong rùng rồi.

- Tao không để mày đi đâu. Về lán ngay, cố chịu đựng một thời gian nữa. Chẳng chóng thì chày cũng phải hết chiến tranh chứ?

- Không. Tôi đi. Thắng hay thua, kết thúc mau hay kết thúc chậm, với tôi chẳng nghĩa lý gì nữa. Để cho tôi đi! - Can nắc lên - Đời tôi tàn rồi, nhưng dù thế nào tôi cũng phải gặp lại mẹ, phải nhìn thấy làng tôi... Anh sẽ không cản đâu, có phải không? Lẽ nào anh sẽ cản?

- Hãy nghe tao, Can! Đi thế này là tự sát và nhục nhã lắm.

- Sát, thì tôi đã sát quá nhiều rồi, có tự sát thì cũng chẳng biết ghê tay đâu. Thành thật đấy. Còn nhục?

Can từ từ đứng dậy, đối diện, nhìn thẳng mắt Kiên.

- Cả đời đi đánh nhau, thú thật, tôi chả thấy cái trò này là có gì vinh. Nhưng do hy vọng nên vẫn còn chịu đựng. Về quê, càng khốn nạn, tôi biết. Người ta chẳng để cho sống đâu. Nhưng

mấy đêm vừa rồi tôi toàn mê thấy mẹ tôi gọi tôi... Có nhẽ anh tôi đã chết mà mẹ tôi thì khổ não lâm bệnh rồi chẳng. Không thể nán nã, vì suất học sĩ quan là của anh... Tôi phải lần về quê. Chỉ mong anh em trong trung đội thương tình, thông cảm. Sẽ chẳng ai tóm nôi tôi lại nếu như chính anh em trinh sát không truy đuổi. Nhất là anh, Kiên ạ, anh thả cho tôi đi thì tôi sẽ đi được... Tôi đành mang tội lỗi với anh em... Quê tôi thì anh biết rồi đấy... Hà Nam, Bình Lục... mai sau mà có dịp...

Trong bóng tối, Can đưa bàn tay lạnh ngắt, móp nước nắm cổ tay Kiên. Hồi lâu, Kiên gạt tay Can ra và quay lưng bỏ đi không nói một lời. Can đứng ở lại bờ suối. Về gần tới lán, Kiên như sực tỉnh, sững lại, vụt bỏ cần câu giõ cá anh lao người chạy trở lui.

- Can... an... an? - Kiên gọi, lắng nghe, rồi lại gọi gào lên - Can ơi? ời ời ời... Đợi với... ới... ới?

Suối lũ rền rĩ. Mưa tầm tã trong bóng đêm. Tối tăm, ẩm ướt, hoang rợn, đất trời như bị bưng kín, bị đê nghẹt. Kiên bật khóc. Anh không hiểu nổi lòng mình, không tự chủ được, nước mắt cứ ứa ra mãi. Bấy giờ, mặc dù nạn đào ngũ lan rộng khắp trung đoàn, chẳng khác nào những cơn ối mưa làm ruồng nhiều trung đội, không thể chắn giữ, ngăn bắt nôi, nhưng riêng trường hợp Can trên vẫn truy lùng ráo riết. Người ta sợ rằng Can sẽ trốn sang vùng địch mang theo những bí mật về hướng hành quân của toàn đoàn. Sau nhiều ngày lội rừng sục sạo, vệ binh trung đoàn đã tìm thấy kẻ đào tẩu. Chẳng ở đâu xa, họ tìm thấy Can ở hẻm Tò Vò, cách cụm lán của trung đội trinh sát không đầy hai giờ băng rừng. Từ đấy về được Bình Lục còn xa lắm, vơi vơi cách trở...

Đến cuối tháng Chín, vài ngày trước khi trung đoàn nhổ neo rời Gọi Hồn, lính tráng nhận được thư nhà, đợt thư từ duy nhất của suốt cả mùa mưa. Riêng đội trinh sát chỉ được đọc một lá.

Lại là gửi cho Can. Thư của bà mẹ. "... cả xóm Gò hôm nay chung vui cùng mẹ may mắn bắt được thư con, mẹ liền biên ngay thư này mong các bác quân bưu thương tình chuyển chóng tới con để con hay rằng lẽ ra thì mẹ chết rồi mà nay còn sống là nhờ nhận được thư con đẩy con ơi - Bà mẹ viết - Con ơi, từ ngày phải giấy của đơn vị anh con báo tử về rồi xã làm truy điệu rồi giao bằng Tổ quốc, con ơi, mẹ ngày đêm sản xuất tặng gia cày cấy, ngày đêm cầu trời khẩn phạt, cầu ông bà tổ tiên, cầu thầy, anh con phù hộ độ trì cho con ở nơi linh lừa được cùng anh em tất cả bình an..."

Kiên đọc đi đọc lại. Tờ thư run lật phật, nhòa trong mắt anh. Can chết rồi còn đâu. Bữa đó vệ binh chỉ lượm được cái xác. Cái xác lở loét, ồm o như xác nhái bị dòng lũ xô tập lên một bãi lau lầy lưa. Mặt của xác chết quạ rĩa, miệng nhét đầy bùn và lá mục, nom cực kỳ tởm. Và thối quá thể là thối, cái thằng bê quay (đào ngũ) chết tiết ấy, người lính vệ binh đã tự tay chôn Can kể lại với đám trinh sát. "Hai cái hố mắt của nó trông như hai cái tăng xê ( hố cá nhân, hố tránh bom), mà chưa chớ gì đã mọc rêu xanh lè, rõ ghê?", nói rồi hấn nhổ toẹt.

Từ đó chẳng ai nhắc tới Can nữa, chẳng ai tìm hiểu vì sao Can chết: bị giết hay bị kiệt sức giữa luồng nước lũ, hay là tự sát, mà cũng không ai thềm kết tội Can làm gì nữa. Tên tuổi, hình hài một con người đã từng vào sinh ra tử không kém cạnh ai và vốn hoàn toàn không phải đồ tồi đã đột ngột chìm chìm đi. Chỉ riêng Kiên là không sao gột hẳn được Can ra khỏi tâm trí. Đêm đêm anh nghe thấy Can trở về thì thảo ngay bên vũng, lập đi lập lại cuộc chuyện trò nhạt nhẽo ở bờ suối chiều hôm nào. Tiếng thì thảo chuyển dần thành tiếng nức nở, thành tiếng nấc nghẹn y như là tiếng nước sặc lên trong họng kẻ sắp sửa chết chìm.

"Hồn bơi ra khỏi xác biến thành con ma cà rồng..."



Kiên rùng mình nhớ lại lời Can. Và cứ mỗi lần quỳ xuống trước bàn thờ các liệt sĩ của trung đội giấu mọi người, Kiên thăm thào khẩn gọi linh hồn Can, người anh em khốn khổ, bạc phước ra đi trong nhục nhã chẳng được ai đoái hoài, hiểu đỡ cho chút ít nỗi niềm, kể cả anh...

Trong suốt nhiều tháng trời a qua, cùng anh em ở đội thu nhặt hài cốt tử sĩ Kiên đã đi qua hầu suất miền Cảnh Bắc, lần lượt trở về với vô vàn những trận đánh lớn nhỏ và các anh đã lặng lẽ tìm thấy biết bao thành viên bị quên lãng của đại gia đình những người tử trận. Dưới lòng sâu đất ẩm của đại ngàn họ chung nhau một số phận. Không có người vinh kẻ nhục không người hùng kẻ nhát, không có người đáng sống và kẻ đáng chết. Chỉ người tên tuổi còn đó, người thì thời gian đã xóa mất rồi, và người thì còn chút xương, người chỉ đọng chút bùn lỏng. Sau những nhát xẻng, đáy huyết tối tăm lộ ra và lan hơi thở cuối cùng của người đã khuất phủ lên, nhập vào Kiên. Theo dần năm tháng những luồng sinh khí chết ấy đã đậm lại trong lòng anh, hòa vào tiềm thức trở thành bóng tối của tâm hồn anh. Dằng dặc trôi qua trong hồi ức của Kiên vô vàn những hồn ma thân thiết, lảng lảng âm thầm kéo lê mãi trong đời anh nỗi đau buồn chiến tranh.

Đêm, thật lạ lùng, một đêm có lẽ là kỳ ảo nhất trong hàng hà bao nhiêu đêm tối của đời anh. Gần như toàn bộ cuộc đời chiến đấu với cả một đạo quân những người đã chết mà anh từng gặp gỡ trong chiến trận đã trở về với anh qua những cánh cửa vòm cuốn mờ tối của giấc mơ dài không dứt. Âm vang của ngày tháng đã qua như những chuỗi sấm nguồn xa tắp làm tâm hồn anh từng lúc một hoặc sôi sục, hoặc nhói đau, hoặc ngưng lặng đi.

Gần sáng, rùng mình Kiên chợt tỉnh và anh nghe thấy từ đáy giấc chiêm bao vừa tắt một tiếng hú dài, buồn đau, ghê rợn

khoan xoay qua anh, ngân vọng lên như tiếng vọng truyền giữa hai bờ núi. Định nhòm dậy, nhưng lập tức kìm mình, nằm yên trên võng, Kiên nhắm mắt cố đưa tâm trí hút theo tiếng hú ấy...

Chuyện xảy ra cũng ở Gội Hồn này, bên suối này cũng vào mùa mưa năm ngoái, mùa mưa cuối cùng của cuộc chiến tranh. Tiếng hú cất lên từ thung lũng bên kia núi nhưng dội sang tận bên này. Tiếng hú của loài ma núi, người ta bảo thế, nhưng Kiên thì Kiên biết ấy là tiếng gọi của tình yêu. Hồi đó, phải, chính là ở đây, trong mưa rơi buồn thảm, trung đội trinh sát "nông trường 3" đã sống một thuở yêu đương say đắm lạ lùng.

Mối cuồng si bí ẩn, đầy tội lỗi và có một không hai bắt đầu ra sao, nhen lên từ ai, đã ôm cuốn lấy những ai vào vòng tay của nó, Kiên hầu như không biết. Chẳng may anh đã ở vào số một vài người bị cuộc tình ấy xa lánh. Kiên nhớ: đơn vị về dựng lán ở ngã ba suối dưới chân núi được một đêm, hai đêm, đêm thứ ba thì đã linh cảm thấy có sự khác thường lẩn lút diễn ra trong phân đội. Thực ra không phải là linh cảm mà là Kiên đã nghe thấy, và thoáng nhìn thấy.

Đêm ấy như thường tình, tháng tám, mưa to, và chốc ánh chớp lại phá thình không tăm tối và dữ dội dựng đứng rừng lên trong khoảng khắc. Sau ba ngày li bì sốt đến tối hôm ấy Kiên dứt cơn, mệt nhọc, bải hoải và suốt đêm mất ngủ. Bứt rứt trong lòng, gần sáng anh mặc áo toi, xách súng đi kiểm tra một lượt các lán. Đất rừng lầy lội, phù thũng. Kiên co người lại trong tấm áo toi lá, súng đeo thông, bước dò dẫm.

Đến gần lán tiểu đội một, Kiên chững lại. Tiếng cười. Rõ ràng là anh vừa nghe thấy ai đó cười, tiếng cười khanh khách. Ai ở trung đội có thể cười kiểu ấy cơ chứ? không chừng thằng nào động hớn mà bắt chước giọng đàn bà cũng nên, nghe ma quái quá, anh nghĩ và hấp tấp anh bước vội tới cửa lán. Hội cờ bạc đã tan từ lâu. Bên trong tối mò. Nhưng không có tiếng ngáy.

Im lặng đáng ngờ. Không nén được Kiên sẵng giọng hỏi chõ vào:

- Ai trong ấy vừa cười đấy ?

- Gì đấy, Kiên? - Giọng Thanh tỉnh khô ngay lập tức cất lên - Ai cười đâu? Hay là trời cười?

- Rõ ràng mà lại. Đừng ốm ờ. Con khi! - Kiên gắt - tao không vì sốt mà ù tai đâu Thanh nhé.

- Thì đấy, trung đội trưởng vào kiểm tra xem đứa nào cười?

Mẹ kiếp, chẳng lẽ ở Gội Hồn này lại có ma thật? Kiên cúi sườn bỏ đi. Tuy nhiên tiếng cười lúc nãy nghe rất thật tiếng, lạnh lạnh, trong vắt. Tiếng cười con gái hẫng hoi. Không phải ma, không phải ai mê sảng. Thành linh, Kiên cứng người, dừng phắt lại. Trong một giây, tim ngừng đập. Dưới làn chớp làm quắc sáng cả đám lau bả ven suối, Kiên nhìn thấy lồ lộ trong nháy mắt một người con gái đang đi chéch qua trước mặt anh. Cô ta ở trần, Kiên nhớ rõ như thế, da dẻ loáng sáng lên như nước sông, mái tóc xõa, quấn vào lưng vào đùi.

- Ai, đứng lại? - Kiên thét và bước né sang bên, lên sủng - Năm? Không có tiếng trả lời. Mưa to át tiếng chân bước. Đúng lúc này sấm sét căm tịt và bao nhiêu làn chớp đều tắt lịm.

- Đứng lại không tao bắn? - Kiên điên tiết - Năm?

- Cộng bóng Tôi, Thịnh đây, anh Kiên?

- Cái gì? Kiên sững sờ - Sao lại Thịnh?

- Phiên tôi gác mà - Rành rành giọng Thịnh "con" - có chuyện gì?

- Mày vừa đi với đứa nào? Kiên sùng sộ.

- Không. . . Ai cơ?

- Thế vừa nãy không thấy gì à?

- Không... Mà sao thế? Anh làm sao thế ?

Kiên chửi. Chó thật, anh nghiên răng. Như trêu người. Vòm trời lại liên tiếp bùng chớp. Chỉ có mưa chăng, chỉ có dòng suối cuộn cuộn, chỉ có cây cối rũ rượi. Rừng làm lì cau có. Thịnh cỡi trần, vận quần đùi, co ro ướt át đứng trước mặt Kiên.

- Khốn khổ rồi, khốn khổ rồi đây. . . ! - Kiên rên lên - Chẳng biết là cái họa gì đây?

Kiên lê bước trở về lán, nằm vật lên võng. Linh cảm về một tai họa khôn lường đang đến với cuộc đời trung đội nặng nề bóp nghẹt trái tim anh. Không, anh không nhìn nhầm, nghe nhầm, nhưng đây là ma hay là người?

Sáng hôm sau, cả Thịnh cả Thanh chả đã động gì đến chuyện hồi đêm. Những người khác thì càng có vẻ như không hay biết có sự bất thường nào hết. Nhưng Kiên cảm thấy rõ ràng một sự bí ẩn đồng lõa giữa họ với nhau. Anh không tức, chỉ buồn. Lần đầu tiên anh bị đồng đội cho ra rìa. Tuy nhiên anh im lặng, tuyệt đối không đã động gì tới điều bí ẩn ấy của anh em. Trong mọi cuộc họp hành kiểm điểm anh chẳng một lần nhắc nhở chuyện đó. Thế nhưng tội lỗi vẫn tái diễn, Kiên biết. Chỉ có điều từ khi anh bị phát hiện, những bóng ma đàn bà không lên tới chỗ trung đội nữa mà chính cánh trinh sát mò đến động của họ. Về đêm... nửa đêm... lặng lẽ có những cái bóng đen trườn khỏi võng, nhón bước ra khỏi lán, kín đáo đánh tiếng thông đồng với người khác, rồi lẹ làng theo nhau mất hút trên con

đường mòn không dấu vết chạy men một dòng suối nhánh dẫn sâu vào lòng núi tối tăm ẩm dưới mùa mưa như thác đổ. Và đêm nào cũng thế, vào lúc mấy cái bóng nọ nhóm dậy khỏi võng rục rịch với nhau ở ngoài suối chuẩn bị lên đường là Kiên lại một lần chợt tỉnh giấc. Anh nằm im. Tiếng thì thảo... tiếng chân giẫm lụp búp trên bùn... Giọng nói của người gác. . . một ai đó trượt chân ngã . . . tiếng cười cố nén . . . Có đêm những cái bóng ở lán bên cạnh, song có đêm là từ lán của anh, từ chiếc võng mắc sát anh. Có đêm mưa nặng nề xối dội, có đêm vội vã từng cơn rào rào, mà cũng chẳng đêm nào là đêm chuyện đó chẳng diễn ra. Ướt át lây lội nhơn khô... Và nhiều giờ sau khi các gã trai lần về, thở hổn hển, be bết bùn và run rẩy trong cái mát lạnh của trận mưa phùn ban mai thì Kiên cũng đã thức dậy, nhưng vẫn thế anh nằm im lặng nghe ngóng đêm từng bước chân rón rén, để rốt cuộc được trút một hơi thở phào mừng rằng may thay cả bọn đã bình yên trở về. Chính vào những lúc đó Kiên nghe thấy tiếng hú mà người ta bảo là của loài ma núi. Nghe thật buồn, thê thảm, nhưng Kiên biết đấy là tiếng lòng, người nam người nữ gọi truyền theo vách núi để tạm biệt nhau và để hẹn ước. Dĩ nhiên Kiên biết không phải là cả phân đội, cả mười ba người, song anh thừa biết không phải chỉ có ba cái bóng nhất định nào đấy trong bấy nhiêu đêm đã thường xuyên đi và về trên con đường hiểm trở dẫn sang bên kia núi, mặc dù ở bên đó, Kiên biết, dưới cái lũng âm u, hoang vắng nọ, trong khu trại tăng gia của huyện đội 67 đã nhiều năm bị bỏ quên trên bờ thác nước ấy chỉ có mỗi ba cô gái, chỉ ba cô mà thôi đang sống và đang hàng đêm chờ đợi, mong ngóng bước chân người lai vãng. Biết hết, và vì thế, lý ra là chỉ huy, anh cần ngăn chặn hiện tượng vô kỷ luật quá quẩn này, cần phải, như người ta thường nói, uốn nắn, chân chính, lập lại nề nếp khuôn khổ, đạo đức tác phong, cần phải thẳng tay kéo đội viên của mình thoát khỏi tình trạng mê mẩn chẳng khác nào bị chài ếm, cần phải... Song trái tim, trái tim của anh, trái tim thực thụ của người lính chiến không đời nào cho phép anh ra tay hành động như vậy. Không những nó năn nỉ anh mà trái tim

anh nó buộc anh phải im lặng, buộc anh phải hết lòng cảm thông. Chứ còn biết làm thế nào khác được, thực thể trước tiếng gọi man sơ, hoang dã ấy của tuổi thanh xuân?

Hồi đó chỉ trừ anh và Can, còn cả đội trinh sát đều ở dưới tuổi đôi mươi, cho nên thử hỏi rằng... thực thể thử hỏi rằng... Và chẳng, chỉ anh về đêm . . . khi ngủ. . . những giấc mơ đậm đặc cảm giác, nóng bỏng và ngọt lịm như mật ứa ra trào lên lấp đầy cõi mộng mị. Trong những đêm mưa ấy, từ giữa miền không gian xa xanh sâu thẳm khuất chìm sâu sương mù ký ức, người con gái của thành phố quê hương lại hiện lên và bước tới với anh trong bóng hình tiên nữ mờ ảo. Cả người gai lên, xương thịt chồn rợn, run rẩy, rung động trong nỗi khát khao thèm muốn được hưởng tới độ tốt cùng cảm giác xúc tiếp êm ái, choáng ngợp, đáng kinh hãi với cái hình hài yêu dấu, mong manh, mềm mại như cánh hồng ấy. "Hai đứa mình có khi chết đi vẫn còn trong trắng... Vậy mà chúng mình yêu nhau biết là dường nào...", những lời ấy của Phương văng vẳng làm tim anh thất đau. Mới mười bảy tuổi, thưở đó cả hai đứa còn biết chùng nào là vụng dại. Giá như... "Nhưng hãy nghĩ nhanh đến một cái gì khác đi, hãy nghĩ đến một cái gì khác?" - Tâm tưởng anh thổn thức kêu lên. Lúc anh tỉnh giấc và nghe tiếng chân của các bạn mình từ bên kia núi trở về thì ngoài vòm rừng trời đã ửng sáng. Trong lán của bọn anh, ngoài mùi thơm của hồng ma còn thoang thoảng, là lạ một làn hương ngậy ngậy, diu diu, không có thật và không đàn ông, không lính tráng một chút nào, vương vấn mơ hồ, u uẩn trên tóc, trên áo, trong gió...

Giấc mơ lay thức tâm hồn Kiên. Thì ra, anh, Kiên cũng có một thời trẻ trung cái thời mà giờ đây khó lòng tưởng tượng lại được nữa, cái thời mà toàn bộ con người anh, nhân tính và nhân dạng, còn chưa bị bạo lực tàn bạo của chiến tranh hủy hoại, cái thời anh cũng ngập lòng ham muốn, cũng biết say sưa, si mê, cùng trải những cơn bông bột, và cũng ngốc nghếch ngẩn ngơ, cũng từng tan nát cả cõi lòng vì tình yêu thương đau

khô, vì ghen tuông tủi hờn và cũng đáng được ưu ái như các bạn anh bây giờ. Chao ôi! Chiến tranh là cõi không nhà, không cửa, lang thang khốn khổ và phiêu bạt vĩ đại, là cõi không đàn ông, không đàn bà, là thế giới bạt sâu vô cảm và tuyệt tự khủng khiếp nhất của dòng giống con người! Anh đã hoàn toàn không có cơ may thoát khỏi sự hư hại của tâm hồn thì đồng đội trẻ tuổi của anh phải thoát, phải vượt ra khỏi sự ràng buộc và câu thúc của thói thường mà hưởng lấy những giọt cuối cùng còn sót lại của tình người. Để đến ngày mai thì chẳng còn gì.

Song le. tính phi lý và tội lỗi quá đậm trong mỗi duyên tình chung đụng, dan díu san sẻ của những người con gái, con trai mà nay tất cả đều đã khuất rồi ấy, hồi đó thực ra vẫn làm Kiên đau đớn, vừa xót thương. vừa giận, tủi. ngò vực và lo sợ. Một nỗi kinh hãi thường trực ngấm ngấm nung lửa trong ruột gan anh. Có lẽ bởi vì bây giờ là thời buổi chiến tranh thời buổi ngược đời, cho nên những chuyện được coi như là lớn lao, những mối nguy to tát đều là sự thường nhật, còn những gì nhỏ nhoi, cón con nhưng niềm vui nỗi buồn hàng ngày của kiếp người thì lại rất trái lẽ và họa hoằn lắm, hãn hữu lắm mới có nổi. Hãn hữu tới độ chúng trở nên gần như điềm gở. Mà quả thực thế. Giờ đây, nhắm mắt dọi nhìn vào hồi ức, Kiên lại lặng lẽ thấy lại mình, dường như vừa mới buổi trưa ngày hôm qua đó thôi, đang đứng đây, dưới làn mưa trên mảnh sân loang nước giữa khu trại nhỏ bé, ướt át mọc lên cô lẻ ở rìa thung lũng bên kia núi... áo quần sũng nước, tóc, mặt ướt đầm, khẩu tiêu liên đeo bên vai như chực rớt. Mưa rơi rào rào. Bụi nước tan thành những vòng hơi dập dềnh trên mái nhà, mái kho. Mặc dù mưa to bầu trời giữa trưa vẫn sáng hửng lên. Vòm mây trên thung lũng có phen thưa loãng ra và trong thình không như chập chờn một chút nắng.

- Hơ bia... ỉa - Kiên không kịp ngăn, đằng sau anh, Thịnh "con" đã cất tiếng hú gọi. Và ngay lập tức, bàng hoàng, cả tập trình

sát đi cùng Kiên tới đây, đang đứng tản mát khắp khu trại đã đồng thanh kêu hú vang lên tên ba cô gái:

- Hơ bia... Mây... Thom... ơ ơ ơ...?

Không có cả tiếng vọng dội đáp lại. Từ cái thác cao lừng lững trên vách núi trước mặt khối nước không lồ trắng xóa âm âm lao thẳng xuống đường đáy khe của thung lũng tạo thành làn gió vĩnh cửu từng đợt, từng đợt phả vào khu trại với tiếng rền động trầm trầm không dứt.

Tiếng gió, tiếng mưa, tiếng thác rền ào lấp lên một bầu không khí lặng lẽ gần giống như sự bình yên... Trong nhà, căn nhà nhỏ ba gian xinh xắn, mái lò ô, thom ngát hương huê rừng, đồ đạc vẫn nguyên vẹn, ngăn nắp... Bộ bàn ghế mây. Lọ hoa. ấm tách. Một cuốn sách đọc dở... Giường chiếu. Gối chăn. Gương lược. Ngoài chái, quần áo giặt trên dây phơi cái đã gần khô, cái vẫn ướt nguyên... Trong dãy sạp kho chạy dài bên kia sân, thóc, gạo, ngô, sắn ăm ắp. Và mùi mẫn sấy, mùi mộc nhĩ, nầm hương, mùi mật ong nữa vẫn vít vào nhau hăng ngày ngày... Dưới bếp mâm cơm bày trên chõng như vừa được bung ra, còn đầy lòng bàn. Ba cái bát. Ba đôi đũa. Đĩa rau giề luộc. Muối riêng. Cá khô. Niêu cơm ghé trên chưa dỡ. Tro bếp còn ấm... Sau bếp là sào vườn trồng lạc, trồng cà và rau giề. Rồi đám dong riêng. Khóm chuối. Hàng dâm bụt. Bên ngoài cánh cửa khép hờ là dốc bờ suối. Một lối đi nhỏ xẻ bậc. Một cây cầu tre lắt lẻo nối khu trại với rừng giang bên kia suối. Đàng xa, phía sau rừng lồ mờ hai mòm cao của quả đồi độc lập đánh dấu chính tâm thung lũng. . .

Mặc dù mưa ngày mưa đêm, các nữ chủ nhân của khu trại vẫn dùng nước suối. Nước trong giếng lọc trong vắt. Miệng giếng có đập nắp và quanh giếng có đào rãnh để ngăn nước suối chưa được lọc dềnh vào. Nhà tắm mái tôn ẩn trong lùm tre đặng ngà



kề bên mép suối. Đường từ giếng lọc tới nhà tắm được rẫy sạch cỏ và trải sỏi.

Lúc đầu chỉ mình Kiên lần xuống suối. Anh đứng ở bờ giếng lọc và đưa mắt nhìn ra phía lùm tre. Cửa buồng tắm mở toang, và... trong một phản ứng tức thời Kiên ngồi thụp xuống, giật súng ra khỏi vai. Có người ! - Anh nghĩ nhanh nhưng. . .

Giờ đây tất cả còn cận cảnh rõ mồn một trong tâm trí Kiên. Cửa buồng tắm không phải đang mở mà là bị giật tung khỏi bản lề, nằm vật úp dưới đất. Bên trong, ở góc có hai xô nhựa còn lửng nước, cái gáo dừa để trong thau nhôm, đôi dép đúc, hộp xà phòng. Một bộ quần phục nữ bằng vải phin cùng một tấm khăn tắm thêu hoa vắt trên dây. Một bộ khác ẩm ướt, lấm bùn quàng lên tấm vách cạnh một cái áo mưa vải bạt màu lá cây.

Trên nền sỏi ướt, Kiên thấy, nằm rớt đầy từ bao giờ một manh áo lót phụ nữ trắng muốt rợn lên trong vũng sáng lò mờ... như một bông hoa lạ, to, hai cánh mỏng tang duỗi ra mềm mại, nõn nà y như một lượt da người. Trên một cánh của bông hoa ấy in nguyên một vết bunn máu hằn rõ những khắc hình răng khế của gót giày cao su giẫm đi lên. Kiên rùng mình, choáng rợn như bất thần bị làn roi vút thẳng vào tim. Và trong giây lát trước mắt anh hiện hình những bóng ma màu lục, lướt đi không tiếng động, di chuyển êm ru dưới tán rừng, lẳng lẳng vượt qua suối, xuất kỳ bất ý ập vào khu trại... Cả ba cô gái, người trên nhà, người dưới bếp, người đang tắm, chẳng ai kịp trở tay. Không một tiếng kêu, có lẽ thế, và không một phát súng.

- Bọn thám báo... Bọn thám báo..., đúng chúng rồi anh Kiên ơi.. .

- Thịnh bước tới bên Kiên thì thầm nói, giọng run và khản đi.

Trên đầu họ mái tôn rền rĩ, bản bật rung, những cánh tre đàng ngà cào vào vách liếp. Kiên nặng nề thờ đốc, môi mím chặt.

- Sáng nay các cậu nghe thấy gì không?

- Không, có nghe thấy gì đâu!

Thế nhưng, chuyện gì đã xảy ra? Và bằng cách nào mà hồi sáng các bạn anh lại cảm thấy được tín hiệu của một tai họa xảy ra âm thầm ở tận bên này núi? Hoàn toàn không có triệu chứng nguy hiểm, tuyệt nhiên không một điềm gở. Đêm qua các bạn anh đã vui thú ở đây. Và chẳng làm thế nào mà luồng nổi. Bởi vì dù sao cũng là giữa vùng hậu cứ xa cách tiền duyên hàng ngày đường, dù sao cũng là nhà các cô gái, và dù sao cũng là năm 1974, chứ phải đâu còn là thời xa xưa tăm tối của chiến trường, thời sau Mậu Thân, những năm 68, 69 ấy nữa?

- Sao biết là thám báo?

- Có dấu giày ở khu sau nhà kho. Và đầu mẩu Ruồi.

- Hồi sáng các cậu bị điều gì đánh động?

- Chẳng có gì. Nhưng vì tự dung tất cả đều nóng ruột không chịu được.

- Mãi đến giờ các cậu mới hờ chuyện cho tở. Thật là các chiến hữu quý hóa. Thế ai đã sục tìm ngoài rẫy chưa?

- Rồi. Chẳng thấy tăm dạng gì.

- Tăm dạng đây này! - Kiên nói, chỉ xuống nền nhà tắm.

Thịnh bước nhích lên phía trước Kiên và nặng nề chậm chạp sụp gối, quỳ xuống. Khẩu AK rơi thịch trên nền sỏi.

- Cửa Hơ bia... áo của Hơ bia đây mà... Thịnh lí nhí trong họng, và hai tay run rẩy anh nâng cái áo lót lụa rơi dính dưới đất lên, áp vào mặt.

- Em... Em ơi, Hơ bia... Chúng nó bắt đưa em đi đâu rồi? Em? Sao thế này. Sao bỗng dừng lại thế này... làm thế nào bây giờ... Em, Em Em ơi? - Thịnh nấc lên một cách kỳ quặc, rên rĩ, van vi, cầu khẩn vô nghĩa bằng một giọng thều thào nghệt thờ.

Về sau, rất nhiều năm về sau, khi đã là một người cầm bút đứng tuổi, đã dần thân khá sâu vào văn nghiệp, viết đã nhiều truyện ngắn, truyện vừa về chiến tranh, đã lục lọi, đảo xới hầu như toàn bộ cuộc đời lính của mình lên để nạp vào trang bản thảo, một ngày nọ rất bất ngờ, nhờ vào phép liên tưởng nhiệm màu của hồi ức, khi đang xem một nghệ sĩ kịch câm uốn lượn thân mình một cách quăn quại, gào thét một cách âm thầm thống thiết nỗi đời tuyệt vọng, Kiên như choàng tỉnh, chợt nhớ lại một cách rành rọt và không đúng lúc nhưng sáng rõ như có đèn rọi câu chuyện tình bi thảm và mộng muội giữa các đội viên trinh sát của anh với ba cô gái bị chiến tranh cầm tù giữa rừng sâu núi thẳm năm xưa. Ngồi lặng đi mà lòng rung lên bởi quá mừng vui và quá đau buồn, Kiên như muốn áp chặt vào tim kỷ niệm vừa đột ngột sống lại ấy, một kỷ niệm sâu sắc đến thế mà chẳng hiểu vì sao đã bị trí nhớ điêu luyện của anh lược đi mất trong suốt bao nhiêu năm trời. Một cốt chuyện tình tuyệt vời, Kiên nghĩ và anh hiểu đây sẽ là truyện ngắn dành cho cả đời văn của anh . . . Anh nhớ lại rằng, hôm ấy mãi chiều tối bọn anh mới lùng trúng ổ của toán thám báo. Chúng không hạ sát ba cô gái ngay trong khu trại mà điệu xa vào rừng sâu giữa lũng.

Mưa đã tấy hết dấu vết. Hoàn toàn do tình cờ mà bọn anh đã chạm trán với chúng ở dưới chân quả đồi độc lập. Bảy tên lính viễn thám. Ba tên bị hạ khi đọ súng. Bốn tên bị bắt sống. Thịnh "con" hy sinh trong trận chiến, đạn trúng tim, không kịp một tiếng kêu, ngã sấp.

- Đâu rồi? Họ đâu, ba cô gái ấy? - Kiên hỏi, giọng cực kỳ ôn tồn. Bốn tên tù binh không phải trói, bị đánh như tử, áo quần rách bươm, be bết bùn và máu, đứng lạng, làm thỉnh. Chúng uể oải đôi chân.

- Nào, họ đâu rồi? Họ còn thì chúng mày còn. Tên nom to con nhất bọn, mắt trái bị báng súng động lờ ra, máu hòa nước mưa nhuộm đỏ nửa mặt, đưa con mắt nhìn Kiên, cười khẩy, và khăn khăn nói, nhe hàm răng trắng ớn.

- Ba nhỏ đó trình quý anh, tụi này làm thịt cúng hà bá rồi . . . mấy nhỏ la khóc quá trời. . .

Cả tốp trình sát soạt soạt rút dao găm. Kiên vội ngăn:

- Đùng! ấy chứ... Bọn này chắc cũng muốn được la khóc đã rồi mới chết. Chết ngay thì chúng không thích đâu.

- Đ má! Giết thì giết đi - Một thằng rống lên - ăn thịt tụi tao đi. Giết liền đi? Tay tao nè, đồ lòm máu ba con nhỏ của tụi mày đó?

- Câm đi - Kiên nhẹ nhàng - Sẽ chiêu mày thôi. Nhưng tao hỏi mày: Tụi mày tới vùng này là để theo gót chúng tao, quân chủ lực cơ mà, hả? Vậy vì sao lại tấn công họ? Có gì tụi mày giết hại người ta tàn bạo thế? Vì sao mà tụi mày lại căm thù chúng tao hả?

Chính Kiên cũng chẳng hiểu vì lẽ gì mà mình lại chịu mất thì giờ và lại giữ một giọng trò chuyện nhẹ nhàng như thế với chúng, một giọng tuồng như là trách móc chúng vậy. Bốn thằng đào chung một hố. Chúng đào tất bật, hăm hở hì hục như thể thợ đấu làm khoán.

- Không cần sâu lắm đâu. Nằm chứ có đứng đâu mà lo, - Kiên khuyên - cốt rộng cho đủ chỗ không lại thòi chân thòi tay ra. Và khăn trương, tối rồi!

Mỗi thằng một xẻng. Những cái xẻng biệt kích nhiều tác dụng, gấp lại được, sắc lém. Thằng nào nom cũng vâm, thân xác rắn chắc, cuộn thịt và thằng nào trông cũng lì. Chúng hùng hục đào bới, xúc, hất. Hố rộng hoác ra và đã khá sâu, đỏ lôm, ỡng nước.

- Đẹp rồi, lên...- Kiên ra lệnh và giải thích thêm - Chúng mày phải lên để lẳng xác ba thằng kia xuống trước đã chứ ai dọn hộ chúng mày, để đó cho thối rùng ra à?

Bọn chúng xin phép được rửa ráy và hút thuốc. Kiên gật.

- Hoặc giải chúng về, hoặc tặng mỗi thằng một kẹo, dây dưa làm gì thế anh Kiên ơi?

- Giải đi đâu? - Kiên phẩy tay - Nhưng tớ không chịu nổi bốn thằng khốn nạn này. Chúng nó phải thành loài chó khi chết.

Bốn thằng ra mép suối, kỹ lưỡng rửa sạch tay chân, và cẩn thận gột hết những mảng bùn trộn máu rây trên quần phục.

- Dạ, kính quý anh xoi thuốc? - Tên trông trẻ nhất bọn, mặt tròn, trắng trẻo, giọng Bắc ngọt xót, lễ phép nâng bao ruồi lên bằng cả hai tay, mời Kiên.

- Giữ lấy? - Kiên xoa tay - lát nữa xuống đó mà mời nhau.

Tên ngụy thờ dài. Hấn uốn éo cặp vai, nhìn Kiên thiết tha, rồi thấp giọng xuống:

- Thưa anh, cái thằng vừa nói hỗn khi rồi là chỉ huy. Dạ, trung úy ạ.

- Thế à? ôi dào, trung úy hay trung tướng xuống đó cũng ngang cấp với binh nhì thôi, không chỉ huy được mày nữa đâu mà lo.

- Xin anh tha cho em - Thằng ngụy làm râm - Em không hề dự vào hiệp các cô đó, em không đụng tới người, không đâm một dao nào. Em là người có đạo. Em xin thề?

- Mày không phải thề với tao? Lui về chỗ. Thằng lính ngụy cao lớn quỳ sụp dưới chân Kiên nước mắt tuôn ròng:

- Anh thương tình em, anh! Em còn trẻ quá mà anh? Em còn mẹ già... em sắp cưới vợ... chúng em thương nhau... xin anh!

Hấn lập cập moi trong ngực áo ra một tấm ảnh màu, nâng lên, giúi vào tay Kiên. Kiên cầm ảnh, nhìn. Một thiếu nữ vận đồ tấ màu đen, mái tóc uốn ôm lấy bờ vai, đứng xây lưng lại với biển xanh, cười rất tươi, một tay cầm que kem, một tay đưa lên yêu điệu vẫy. Thân hình cô cân đối mỹ miều có thể nhìn không chán. Kiên phủ những hạt mưa rây lên ảnh và đưa trả.

- Đẹp. Chụp khá đấy, - Anh khen - Cát đi không có ướt.

Thằng ngụy thờ róc, mồm há hốc, mắt sáng trưng:

- Nghĩa là... Anh cho em sống? Anh cho chứ ạ, ôi thiên thần. . .

- Về bên hồ - Kiên quát - Đồ con chó ? Châm thuốc mà hút đi, không hết giờ. Bọn kia nữa, hút chóng lên!

Bọn thám báo ngồi xếp trên thành hồ mới đào, chân thông xuống đung đưa trên ba cái xác đồng bọn đang quắp nhau nằm dưới đáy bùn. Khói thuốc xanh nhạt, nồng ngậy, chầm chầm tan vào bụi mưa. Bốn bề thung lũng bọc kín núi non. Bóng tối cuộn cuộn trườn trên các sườn dốc. Dòng suối trầm trầm rên rì.

- Nào? Kiên giật AK khỏi vai, hắt hàm - Một hàng ngang!

Bốn bộ mặt tái ngoét vụt ngừng lên. Bốn cái nhìn trân trân ngây cứng.

- Đứng dậy, xếp hàng ngang - Kiên uể oải nhắc lại, và dùng ngón tay cái ấn chất hãm vào nấc liên thanh - Nào?

- Anh ơi, làm ơn cho hút xong điều thuốc đã nào, anh? - Tên giọng Bắc kêu.

- Đứng dậy! - Kiên nạt.

- Thì cứ để cho chúng hút đã đi đã, anh Kiên! - Một trinh sát viên hoang mang thều thào vào tai Kiên.

Bốn tên sắp bị hành quyết đứng lên, tựa vào nhau, lão đảo, xiêu độ hầu như không còn trọng lượng. Nhưng cái chết đã xua đi nỗi sợ hãi. Mặt chúng rắn lại. Lòng căm thù bóp méo nhân dạng. Cầm nín, chúng nghiêng răng. Kiên điên tiết. Một ý chí phủ phàng, mạnh hơn bản thân anh không cho anh tỉnh lại.

- Chúng mày muốn chết, tao chiều. Tao sẽ lần lượt gọi thần chết cho từng thằng chúng mày! Chúng mày sẽ được nhìn máu lần cuối cho đã thêm? - Anh nói, cười gằn lùi chót hãm về nấc

phát một. Đột nhiên tên giọng Bắc rống to và vùng dứt khỏi đồng bọn, nhào xô tới quỳ sụp, ghé mặt xuống chân Kiên ư ừ rên lên, và ằng ặc nấc lên, hấn quắn quại không thốt ra lời.

- Mà y tình nguyện đi tiên phong à? - Kiên chọc mũi súng vào trán hắn.

- Ôi giờ ơi? Con van ông, con van các ông. . . cho con sống! cắn rơm cắn cỏ con lạy . Lạy các ông. . . ông ơi . . . Tiếng tru tréo như xóc vào óc Kiên. Anh thúc một báng súng tổng ngược tên nguy ngã ngửa ra. Cú đánh như làm hắn bưng tỉnh, ngừng bật kêu la. Hắn nhồm dậy, vẫn quỳ, lò dò nhìn Kiên, tay hướng tới anh. Từ vết thương ở trán một dòng máu nóng nhánh chạy dọc xuống sống mũi.

- Em xin tình nguyện lập huyết. Các anh khỏi nhọc sức. Và em xin được tình nguyện được khai nhiều tin với cấp chỉ huy của các anh. Chính sách của Đảng ta, đánh kẻ chạy đi, tha người chạy lại. Các anh không có quyền giết em... Không có quyền! ôi giờ ơi, em lạy các anh rồi mà!

Lại có ai đó phía sau kéo kéo khuỷu tay Kiên, nói ào ào giọng run rẩy:

- Kiên ơi, hay là tạm tha cho chúng... đưa về cho trên xử trí . . .

Kiên ngoắt lại. Một nỗi điên giận hung tàn nóng như thiêu nút dậy trong lòng, đất cháy anh, xé anh ra.

- Câm? - Anh găm lên, và thô bạo gì họng tiểu liên vào sát miệng Cừ - Muốn tỏ tình với chúng thì đứng vào một hàng với chúng. Tao sẽ hạ luôn cả mày. Cả mày... đây?

- Kiên! Kiên ơiii Đếch gì mà la kinh thế - Bàn tay nặng trĩch



của người lái xe thò vào bọc võng đập đập lên vai Kiên - Dậy, dậy mau rồi còn phới, mau!

Kiên mở mắt. Nổi mẹt nhọc buồng hết sức nặng giằng lên anh và cảm giác đau đớn của giấc mơ vẫn đang đều đều nện trên thái dương. Mãi anh mới vực người dậy nổi. Chậm chạp rời khỏi võng, anh nặng nề leo qua thành xe xuống đất. Nhìn Kiên trệu trạo ăn, người lái xe thở dài bảo:

- Tại anh ngủ trên thùng xe đấy. Nằm chung chỗ với non năm chục bộ xương chứ ít à. Mơ mộng kinh hãi lắm hả?

- Ừ. Mê mẹt. Quái gở. Mụ cả đầu. Từ dạo về đội hải cốt này đêm nào cũng loạn hoảng vì mộng nhưng chưa bao giờ như đêm vừa rồi.

Trông Gọi Hồn mà ly. Trông hoang vu thế thôi chứ dưới đất kia người nằm đã đông chật cả rồi. Mà nói chung ở cả cái B3 này đâu chả nhiều ma quỷ. Tôi lái cho đoàn gom xương nhật cốt này từ hồi đầu 73 tới giờ mà đã quen nổi với đám hành khách từ trong mồ hiện ra kia đâu. Chẳng đêm nào mà họ không lay mình dậy để chuyện gẫu. Phát khiếp lên được. Đù loại. Lính cũ. Lính mới. Lính sư 10, sư 2, quân tinh đội, quân cơ động 320, đoàn 559. Thịnh thoảng có các "mộng" tóc dài... Đôi khi chen vào vài anh ngục.

- Có bao giờ gặp người quen không?

- Sao không. Bạn cùng đơn vị. Những người đồng hương. Có đàn còn gặp cả ông anh họ hy sinh từ hồi cuối 65 kia.

- Thế trò chuyện gì được không?

- Thì phải trò chuyện chứ, con chú con bác kia mà. Cơ mà nói

theo kiểu dưới âm. VÔ thanh. Không lời. Khó tả lắm, rồi bao giờ mơ thấy anh sẽ hiểu.

- Hay nhỉ!

- Hay đéch gì? Buồn lắm. Thương lắm. Ai oán. Dưới mồ sâu người đâu còn là người. Nhìn nhau. Hiểu nhau mà không làm gì được cho nhau.

- Giá có cách gì thông tin cho họ biết là đã thắng lợi rồi cho họ an lòng nhỉ?

- Ôi giờ! Có nói được thì cũng nói làm gì cơ. Dưới âm ty người ta chẳng nhớ chiến tranh là cái trò gì nữa đâu. Chém giết là sự nghiệp của những thằng đang sống.

- Nhưng dù sao thì cũng đã hòa bình. Giá mà giờ phút hòa bình là giờ phút phục sinh tất cả những người đã chết trận nhỉ.

- Hừ, hòa-bình! Mẹ kiếp, hòa-bình chẳng qua là thứ cây mọc lên từ máu thịt bao anh em mình, để chừa lại chút xương. Mà những người được phân công nằm lại gác rừng le là những người đáng sống nhất.

- Nói ghê thế. Người tốt còn khối. Và người tốt sẽ còn được sinh ra ở các thế hệ sau. Còn những thằng sống sót thì phải gắng sống tử tế, sống cho ra sống. Chứ không thì chiến đấu làm gì? Hòa bình làm gì?

- Thế à! Ờ, thì cũng phải hy vọng thôi, tất nhiên. Nhưng chẳng biết tới khi mô con cháu ta mới đủ khôn. Với lại chúng sẽ lớn khôn theo kiểu gì, ai mà biết. Chỉ biết bao nhiêu cái tốt đẹp đã bị giết. Còn sót chút nào thì chúng mang đi đổi chác nốt rồi. Đây, cứ nhìn cảnh chợ giời xô bồ "miền Nam nhận họ miền

Bắc nhận hàng" ở các thành phố thẳng nào chẳng nản. Rồi lại nhìn xương cốt mò mả anh em mình đây, túi hận lắm ông ạ.

- Nhưng hòa bình không là điều tốt hơn à?

- Nền hòa bình này... Hừ tôi thấy hình như các mặt nạ người ta đeo trong những năm trước rơi hết. Mặt thật bày ra gớm chết. Bao nhiêu xương máu đã đổ ra... Mẹ khi, ăn nói gì lạ thế Sơn?

- Lạ chó gì mà lạ. Cái loại lính như ông ấy mà còn là võ mộng đau đớn với đời. Nhưng ông ơi, thời đại của cánh ta hết rồi. Mà nói thật chứ sau chiến thắng oai hùng này những thằng lính chiến đấu như ông ấy mà ông Kiên, chả trở lại thành người bình thường được nữa đâu. Ngay cả giọng người, mẹ kiếp, xin nói là còn chán mới hòng có lại để giao tiếp với đời.

- Anh triết lý kinh thật. Và đến là bi.

- Tôi là Trần-sơn, người lính, và vì thế tôi là triết nhân. Chẳng nhẽ ông không thể chẳng lẽ ông thấy lòng phơi phơi lắm sao? Đêm rồi những người chết tiên đoán điều gì với ông. Chiếc JIN chuyên bánh gòn như phải nhích dần từng nửa vòng bánh. Đường sá lầy sứt, tồi tệ. Xe toàn phải cài số một, gầm gào muốn vỡ máy, Kiên nhìn ra cửa xe, cổ xưa đi những ý nghĩ nặng nề. Trời tạnh mưa. Không khí vẫn ử dột, ám màu chì. Trông Gọi Hồn chậm chậm lùi xa. Khu rừng, dãy núi triền suối đã khuất rồi. Thế nhưng từ phía đó vẫn có một cái gì đây dường như cổ rướn lên nhìn theo anh. Phải chăng đó là đoạn kết của giấc mơ đắm mầu mà sáng sớm này anh đã để sót?

- Kiên này, - Để át tiếng máy, Sơn nói như quát - Chờ xong chuyến xương này là anh vù luôn hả?

- Cũng chưa biết. Còn phải làm khối thủ tục.

- Về sẽ làm nghề gì?

- Định sẽ đi học nốt phổ thông. Tức là bỏ túc rồi thi đại học. Chứ chả có nghề gì ngoài nghề nã tiểu liên.

- Còn anh vẫn cầm lái chứ?

Xe đã bám vào được đoạn núi tương đối khô ráo. Sơn tăng được tốc độ lên. Anh ta nói:

- Giải ngũ tôi sẽ thôi lái. Tôi sẽ vác đàn đi hát rong. Hát rong và kể chuyện. Các ông, các bà, các anh, các chị xin hãy nghe tôi kể câu chuyện đau thương này, và sau đó tôi sẽ hát để mọi người nghe bài ca kinh hoàng về thời đại của chúng tôi.

- Cái lương lắm? - Kiên nói - Theo tôi, lẽ ra phải khuyên mọi người hãy quên đi.

- Nhưng làm thế nào mà quên nổi? Sẽ chẳng quên nổi một cái gì.

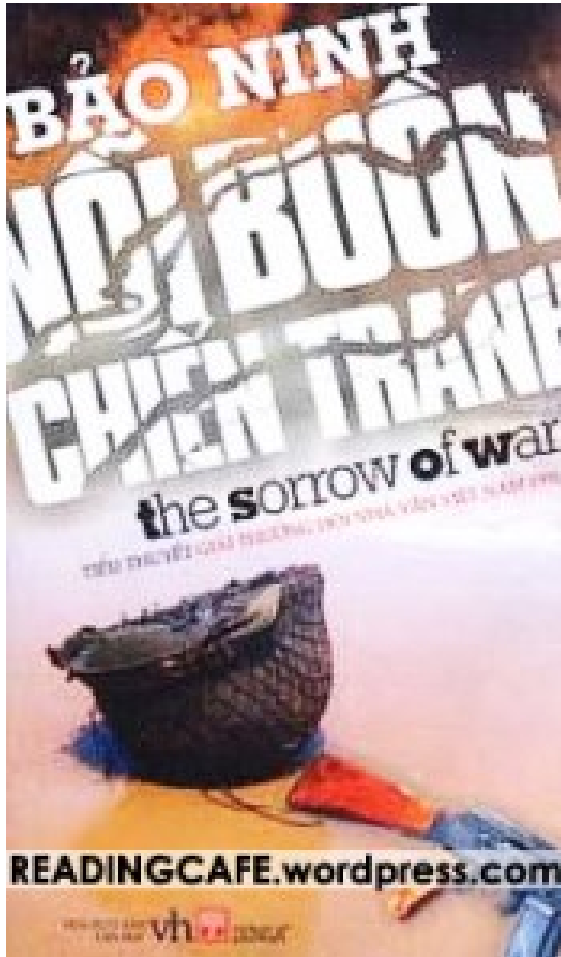
Dĩ nhiên, Kiên nghĩ, quên thật là khó. Nói chung chẳng biết đến bao giờ thì lòng mình mới có thể nguội nổi, trái tim mình mới thoát khỏi gọng bàn tay xiết chặt của những kỷ niệm chiến tranh. Những kỷ niệm có thể là êm đềm, có thể là ác hại nhưng đều để lại những vết thương mà tới bây giờ một năm đã qua, hay mười năm, hay hai mươi năm nữa vẫn còn đau, đau mãi. Có thể từ rày cuộc đời anh sẽ luôn luôn như thế này chẳng: tối tăm, đau khô nhưng rạng ngời hạnh phúc?

Và có thể giữa mơ với tỉnh, như cheo leo trên bờ vực mà anh sẽ vượt nốt chặng đường đời còn lại. Dù sao thì mới chỉ có hai mươi tám năm sống ở trên đời. Và dù cho đó là khoảng thời gian bị mất, nhưng chẳng phải lỗi của anh, chẳng phải lỗi của

anh cả. Hăng cứ biết rằng anh sẽ còn được sống và từ đây sự sống ấy tùy thuộc anh.

Hăng cứ biết rằng không chỉ là một cuộc đời mới mà còn là cả một thời đại mới đang đến cùng anh phía trước.

.....



Trong bài *Nỗi buồn chiến tranh* – Bảo Ninh, Chiêm Phong viết:

*“Tuy nhiên, có lẽ vì viết quá thật, quá chân thành và quá nhiều cảm thông cho mọi mất mát trong chiến tranh, **Nỗi buồn chiến tranh** sau khi đạt giải thưởng Hội nhà văn năm 1991 đã bị cấm xuất bản một cách không chính thức tại Việt Nam trong một thời gian dài. Ngược lại, giá trị mà nó mang đã vượt ra khỏi biên giới nước nhà, được dịch ra nhiều thứ tiếng và trở thành một trong số ít ỏi các tiểu thuyết Việt Nam ghi được dấu ấn sâu đậm trong lòng bạn đọc thế giới. Trên một khía cạnh nhất định, **Nỗi buồn chiến tranh** cũng được xem là tiểu thuyết hay nhất của văn học Việt Nam thời kì hậu chiến. Còn với cá nhân tôi, giá trị của tác phẩm này không chỉ dừng lại ở mốc thời gian đó mà từ bấy cho đến nay vẫn chưa có tiểu thuyết trong nước nào đạt được tầm vóc ấy. Bảo Ninh đã “viết về chiến tranh như viết về tình yêu” vậy.”*

Tài liệu tham khảo:

- Bảo Ninh Web: [vi.wikipedia.org](http://vi.wikipedia.org)
- Nỗi buồn chiến tranh Web: [khotruyenhay.net](http://khotruyenhay.net)

### 35. Dạ Ngân



#### **Dạ Ngân – Lê Hồng Nga (1952-20 )**

Nhà văn Dạ Ngân còn có bút hiệu là Lê Long Mỹ tên thật là Lê Hồng Nga, sinh ngày 6 tháng 2 năm 1952, tại làng Vĩnh Viễn, huyện Long Mỹ, tỉnh Cần Thơ nay là Hậu Giang, quê quán gốc ở Cao Lãnh tỉnh Sa Đéc.

Năm 1962, mới 10 tuổi đã sống cảnh mồ côi cha. Cha là chiến sĩ cách mạng bị chính quyền Ngô đình Diệm bắt, bị án tù khổ sai 20 năm, ở tù được sáu năm thì mất tại Côn Đảo.

Năm 1966, được 14 tuổi, mới học xong cấp 2, vào chiến khu tham gia kháng chiến, bắt đầu viết tin, làm báo.

Sau 30-4-1975, tiếp tục học bổ túc văn hóa, tự học.

Năm 1978, lúc đang làm việc ở Sở Văn hóa Thông tin tỉnh Hậu Giang, Dạ Ngân bắt đầu viết văn, truyện ngắn đầu tiên được đăng trên tạp chí *Văn nghệ* của tỉnh vào dịp Tết năm đó. Sau đó Dạ Ngân chuyển công tác sang Hội Văn Nghệ tỉnh Hậu Giang.

Đầu năm 1982, một truyện ngắn của Dạ Ngân được đăng trên tuần báo *Văn Nghệ* của Hội Nhà văn Việt Nam và tháng 4 năm

## HUỶNH ÁI TÔNG

1982, Dạ Ngân được mời đi dự Trại sáng tác tại Vũng Tàu do Hội Nhà văn tổ chức. Năm 1987, Dạ Ngân được kết nạp vào Hội viên của Hội Nhà văn Việt Nam.

Năm 1993, đã 41 tuổi, Dạ Ngân mới đi học trường Viết văn Nguyễn Du tại Hà Nội trong 4 năm. Và trong năm này, Dạ Ngân tái hôn với nhà văn Nguyễn Quang Thân.

Làm việc cho báo *Văn nghệ* từ 1995 đến nay; Trưởng Ban văn xuôi của tuần báo *Văn Nghệ* từ năm 2005 đến năm 2008.

Năm 2009, tiểu thuyết *Gia đình bé mọn* được Rosemary Nguyễn dịch ra Anh văn *An Insignificant Family* do Curbstone Press phát hành tại Mỹ.

Hiện nghỉ hưu, sống tại cư xá Thanh Đa - TP. HCM.

Nhà văn Dạ Ngân đã đoạt được các giải thưởng văn học:

- Giải nhì truyện ngắn tạp chí Văn nghệ Quân đội năm 1987.
- Giải nhì truyện ngắn báo Tuổi Trẻ năm 1989.
- Giải ba truyện ngắn báo Sài Gòn Giải Phóng năm 1990.
- Giải khuyến khích Nxb Kim Đồng năm 2002.
- Giải thưởng Hội nhà văn Hà Nội năm 2005 cho *Gia đình bé mọn*.
- Giải thưởng Hội Nhà văn Việt Nam (2004, 2006) cho *Miệt vườn xa lắm*

Tác phẩm:

- *Quãng đời ám áp* (tập truyện, Phụ Nữ, 1986)
- *Chuyến đi của mẹ* (kịch bản phim nhựa sản xuất, 1988)
- *Ngày của một đời* (tiểu thuyết, Văn Nghệ tp HCM, 1989)
- *Con chó và vụ ly hôn* (tập truyện, Hội Nhà văn, 1990)



- *Mẹ Mèo* (tiểu thuyết cho thiếu nhi, Kim Đồng, 1992)
- *Miệt vườn xa lắm* (truyện dài, Kim Đồng, 1992)
- *Cõi nhà* (tập truyện, Thanh Niên, 1993)
- *Dạ Ngân truyện ngắn chọn lọc* (Văn Học, 1995)
- *Chân trời nơi ấy* (kịch bản phim nhựa sản xuất, 1995)
- *Dạ Ngân & Nguyễn Quang Thân* (tập truyện, Phụ Nữ 1997)
- *Mùa đốt đồng* (tập tản văn, 2000)
- *Lục bình mãi miết* (tập ký, 2002)
- *Nhìn từ phía khác* (tập truyện, Hà Nội 2002)
- *Gia đình bé mọn* (tiểu thuyết, Phụ Nữ, 2005)
- *Tản mạn hồn quê* (Tập văn, Phụ Nữ, 2007)
- *Nước nguồn xuôi mãi* (Tập truyện, Phụ Nữ 2008)

Trích văn:

### **Con chó và vụ ly hôn**

“Với một trong những lý do chính đáng sau đây: bệnh tâm thần, tù dài hạn, sự vắng mặt không tin tức của một trong hai người và sự ngoại tình, thì pháp luật mới cho đôi vợ chồng ly hôn. Lý do của chị là gì? Là chuyện con chó! Nghe như là chị định nhạo báng toà”.

Đó là giọng điệu của bà chánh án nghiêm khắc.

Nhưng sao là bà chó không phải ông? Theo Đoàn, phụ nữ thích hợp với vai trò phân xử loại chuyện này, nó cần sự tế nhị, thấu đáo và độ lượng.

“Nếu chị nêu lý do tính tình không hợp, mặc dù nó mù mờ

nhất trong mớ lý do, toà có thể xem xét. Ở đây chỉ là chuyện con chó. Xoá đi nguyên nhân rầy rà đó khó gì. Chị có hứa sẽ cố gắng không chị Đoàn?”

Đó là giọng điệu mềm mỏng của bà chánh án phúc hậu.

Từ lâu, trước khi nhận được giấy gọi của toà, khi chị hạ bút viết đơn xin ly dị, không, có lẽ trước đó nữa, từ lúc chị chột nhận ra bộ mặt khác của chồng và nghĩ đến chuyện chia tay nhau, Đoan đã mừng tượng ra những lý lẽ của toà án với mục đích hoà giải hai người, cách nói tùy theo cá tính của vị chánh án. Dĩ nhiên, Đoan cũng đã chuẩn bị nhiều câu trả lời và đối đáp không phải để trả treo mà để thuyết phục toà.

Quả nhiên, sau hi nghe chị trình bày, vì quá hồi hộp và xúc động chị đã nói năng hụp hửi, bà chánh án đứng tuổi, mặt mũi hiền từ, nhìn qua ai cũng biết là người phúc hậu đã nói bằng cách nói của bà, nội dung lời lẽ y như Đoan mừng tượng.

Đáng lẽ chị phải đứng lên lần nữa và bằng thái độ thành khẩn, từ tốn dốc bầu tâm sự. Nhưng Đoan vẫn ngồi nhu nhược trên ghế, lưng bàn tay quệt liên hồi lên vàng trán xanh bọt, ánh mắt u ám bất lực thâm hại. Bà chánh án tỏ vẻ áy náy cho chị, nhưng như bà đã phán nhẹ nhàng mà đầy đủ, lý do của chị không sức thuyết phục toà, nếu như không nói nó có vẻ tức cười, trước nay chưa viện ra để giải phóng mình, như chị đã viện ra.

Chị cúi xuống cắn cắn môi.

- Còn anh, anh phát biểu đi, anh Nhiều! - Bà chánh án nói với chồng chị giọng có vẻ thương cảm – Lẽ nào con chó lại xen vô cuộc sống của anh chị được? Có gì éo le, khuất lấp hơn, anh cứ nói thiệt, chúng tôi sẽ xem xét.

Quả là gợi ý khéo léo đúng mức cẩn thận của toà.

Chồng của Đoan quay nhìn chị trước khi đứng lên. Chị thấy nóng trán bởi ánh mắt bốc lửa đó.

- Tui tính không nói gì hết. Đã tới nước này, tui định bụng không nói một tiếng nào trước tòa. Cô Đoan cổ kéo tui ra đây tức là cổ đã quyết rồi, có nói gì cũng vô ích. Tính của cổ tui rành quá mạng, muốn gì được nấy mới thôi. Mà chuyện có đáng gì. Toàn chuyện vớ vẩn vì một con chó! Bao nhiêu lần tui biểu thui nó đi, nếu tội nghiệp thì bán đi, giờ xứ này người ta cũng bày đặt ăn thịt chó quá trời, nó mắc còn hơn thịt heo. Vậy mà cổ cứ một mực giữ nó trong nhà, yêu thương chịu chuộng. Từ hồi có nó bao nhiêu chuyện rắc rối trong nhà. Vậy mà cổ...  
- anh cười khẩy, cái mép loe hoe ria giựt giựt – cổ ... chọn nó.  
Giữa người chồng và con chó, cổ chọn con chó!

- Nó là chó gì, anh Nhiều? – Bà chánh án hỏi, vẻ mặt chăm chú và long trọng như vị thầy thuốc đang lờ mờ cảm thấy đây là căn bệnh quái đản.

- Chó ta! Chó quê mùa thấy mẹ chớ phải tây tào gì.

- Không, tôi muốn hỏi nó là chó gì?

Chồng của Đoan ngo ngác nhìn bà chánh án. Đọc thấy vẻ chờ đợi cau có của bà, anh mới hiểu ra.

- À, nó là chó cái, chị Năm!

Bà chánh án chung hứng. Chi tiết đó đảo ngược dự đoán của táo bạo của vị thầy thuốc.

- Đề nghị anh gọi là quý tòa! – Cô thư ký ngồi riêng ở bàn bên, lạnh lùng nhắc.

Nhiều thở hắt ra, cách thở không lạ gì với Đoan mỗi khi anh

tức giận, nhưng giờ chị nghe nó xa xôi, nó không khiến chị lo nghĩ hay bực mình, tức là nó không gây ra phản ứng gì nơi chị,

nó đã thuộc về quá khứ, nó bị chị đối xử lạnh nhạt như người ta thường làm vậy khi nghĩ tới cái gì khó chịu đã qua. Và, cái mùi mồ hôi mạnh mẽ của anh nữa, chị nhận ra rõ ràng nhưng nó không gây cho chị cảm xúc nào, nó cũng bị lãng quên mặc dù giờ đây giữa hai người chỉ là một cái ghế, khi ngồi xuống sau anh, chị cố tránh không ngồi xuống đó vì nó quá gần anh. Đã lâu, giữa anh và chị không còn cảnh đầu áp tay gối, thay vào là cuộc chiến tranh lạnh làm đông đặc không khí trong nhà, tưởng có thể xấn ra được. Nó còn nguy hại ở chỗ, nó ướp người ta trong sự giá công đó và làm người ta nguội lạnh với nhiều thứ chung quanh.

Lúc đầu, khi Nhiều miễn cưỡng đứng lên theo yêu cầu của bà chánh án, Đoan nhìn xiên vào người của chồng, không phải cái liếc mà là cái nhìn bình dị do thể ngồi của chị. Mắt chị dừng ở khuỷu tay sấn chắc, ở sợi tĩnh mạch nổi vằn vèo dưới lớp da nâu ửng đỏ, biểu hiện trạng thái phần nộ trong anh. Một lần, vì chuyện con chó, anh giơ tay định tát chị. Rất lâu sau, mỗi khi nhắm mắt lại, chị như nhìn thấy hai sợi dây cơ bên cạnh hàm anh và rõ nhất là cái khuỷu tay như thun lại vì tức giận, sợi tĩnh mạch gồ lên như một con rắn màu lục thẫm, hình như anh muốn kết liễu đời chị bằng cú đánh trời giáng đó. Những lúc nhớ lại, chị cay đắng nghĩ, có một thời nó đã tự nguyện làm gối suốt đêm cho chị, mỗi khi chị sợ anh mồi mà dòi đầu đi, cánh tay ấy lại quờ tìm ót chị để mà lót!

Mắt Đoan dòi dần lên. Chị nhìn thấy cái tay áo màu xám tro làm đậm hơn nước da màu chàm thẫm dẫm rượu bia của anh. Hình như chị đã sấn nó cho anh, chắc vậy. Sớm nay, sau một đêm lục đục trên giường mình ở phòng ngoài – cũng không ngủ nên chị biết anh thao thức – anh ra khỏi nhà từ lúc chiếc loa trên cột điện mới truyền đi nhạc thể dục, chắc là chui vô cái quán nào đó với ly cà phê. Sau đó, mỗi người một xe đạp đi so le tới tòa. Chị không để ý anh mặc đồ gì nữa. Bỗng dưng nhìn màu áo ưa thích của anh, chị bùi ngùi như chợt nhìn thấy dưới

lớp đá giá buốt của cuộc chiến tranh lạnh, kỷ niệm vẫn chưa hoàn toàn bị thổi rữa.

Nhưng, khi Nhiều nói chị chọn con chó chó không chọn anh, chị ngẩng phắt lên, đầu đón và cắn thù nhìn anh. Lòng chị lạnh băng trở lại. Chị còn nhìn thấy trong vẻ mặt anh niềm hả hê xác thịt khi anh nói ra câu đó, làm bà chánh án phải lao theo cái mục tiêu mà bà cho là quái đản. Anh ném trả lại chị cái nhìn hể hả rồi ngồi xuống. Đúng, chị đã bỏ anh chó không bỏ con chó. Nhưng chữ "chọn" đây ác ý của anh khiến ai nghe dù không có tính hiếu kỳ cũng phải men theo cái nghĩa vừa tục tằn vừa kích thích tò mò.

Mắt bà chánh án ánh lên vẻ thương hại và sờ sợ, như khi người ta nhìn người bệnh tâm thần. Cô thư ký trẻ tựa cằm vô cán bích, cái nhìn phán xét suông sã. Đoan dần lòng chịu đựng hai cái nhìn đó. Một hồi sau, bà chánh án rút ánh mắt đó lại. Bây giờ, bà thấy người phụ nữ ngồi trước mặt bà hoàn toàn nhu mì và có vẻ thông minh. Chị khá trẻ so với chồng, chỉ mới khoảng ba mươi, đôi mắt màu nâu buồn buồn do nhiều ngày mất ngủ và nhần nhịn, đôi mắt với cái nhìn thẳng thắn, trong veo, không có vẻ gì lẳng lơ, nó làm nên giá trị và sự quyến rũ của gương mặt đó. Cái nhân trung vừa dài vừa sâu như một cái rãnh cẩn thận của người tạo ra nó. Và đôi môi nhỏ nhỏ cong cong kiên quyết. Chị mặc sơ mi màu măng chín, cái cổ thanh thanh vươn trên màu vải đầm thắm, cao quý như cái bông lài.

Đưa mắt sang khuôn mặt thứ hai cũng rướm mồ hôi, bà chánh án như nhìn thấy cái bông lài bình dị và trong ngần kia đang cắm trong cái bình bằng đất sét, trên đó chạm trổ thứ hoa văn thô thiển do một bàn tay vụng về. Sự lấp rập thật là tùy tiện đáng tiếc. Với thói quen nghề nghiệp, bà hay để ý cuộc sống lứa đôi, sự khác biệt về hình thức như đôi này không phải ít, nhưng rồi đâu cũng vô đó, quy luật bù trừ đã ổn định họ. Nếu, đằng sau những vụ mịch xích của đôi này không là một nhân

vật thứ ba kỳ quặc, bà đã lướt qua sự đối chọi trên gương mặt họ chớ không sẫm soi nhìn như bà đang nhìn. Đây là câu chuyện bí hiểm và hấp dẫn mà chắc bà phải để công tìm hiểu.

Có thể người phụ nữ kia là người quá quắt. Ngược lại, nếu chị ta có lý thì sao? Một người như chị ta chắc không bao giờ tới đây với cái lý vụ vợ để bị bẽ mặt. Cái gì đã khiến chị ta đuối lời? Khoé miệng của chị ta mới độc đáo làm sao, nó ẩn chứa niềm kiêu hãnh và lòng tự trọng, nếu bị xúc phạm, từ đó sẽ bật ra ngay những lời lẽ rạch ròi, xác đáng và đầy quyền lực khiến người định xúc xiêm nó phải gục đầu.

Nhưng, lúc này, chính Đoan cảm thấy mình vô lý và quá đáng mới kéo chồng ra đây vì chuyện con chó. Đó là sự cảm thấy của lý trí chớ không phải cảm giác của trái tim. Đầu óc chị trống hoang khủng khiếp như thể những những ánh mắt xét nét này nọ của hai vị quan tòa trang nghiêm trước mặt chị đã làm rụi cháy bao ý, bao lời chị công phu xếp đặt từ lâu. Chỉ có cảm giác của trái tim là có thực, nó tồn tại như trước nay nó vẫn tồn tại, nó phán quyết rằng chị đã hành động đúng. Trời phú cho người phụ nữ trái tim nhạy cảm luôn luôn phát sáng. Hành động của họ hay bị trái tim của họ chị phối nhuốm màu cảm tính, dễ chính xác mà cũng dễ sai lầm. Đoan cảm thấy không đủ lời để diễn đạt hành trình của những cảm giác, nguyên nhân đưa đẩy chị tới quyết định xa chồng. Đây là lúc trái tim chị bị bao vây bởi vòng rào của lý trí, nó đau đớn vì bị sự châm chích của ngôn từ khắt khe và hay phán xét của đầu óc. Với lại, dù phòng xử những vụ này ảm như một phòng khách lịch sự, dù khăn trải bàn của hai vị toà gọi lên màu của hạnh phúc, dù trên bàn bà chánh án là những đóa hồng, chị vẫn thấy sợ hãi. Nó tồn tại nghiêm và đầy uy lực, cảm giác do ý thức của chị mà ra.

- Chị cần phải trình bày thêm với tòa, chị Đoan! Anh chị nói chưa đâu vô đâu, chúng tôi chưa hiểu ra làm sao, nói chi đến

chuyện kết luận, chị suy nghĩ rồi hãy nói! – Bà chánh án quả là tốt bụng và mềm mỏng.

Để lấp thời gian sốt ruột, bà không nhìn Đoàn nữa, chắc là nhìn chán rồi, mắt bà dướn lên nhìn mớ tóc loà xoà trước vầng trán khô cằn, những ngón tay xơ cứng lần tìm những sợi bạc, khi nhổ nó, bà mím môi như nuốt tiếc. Bà thả nó rơi xuống xấp hồ sơ của Đoàn, chiếc quạt trần xưa nó bay giạt trên mặt bàn rồi biến mất vào cõi hư vô.

- Cô nói nữa đi chứ! Cô giàu lý lẽ lắm mà - Chồng của Đoàn giục, giọng đắc thắng vì chị ngồi ngắc ngư.

Chị nói gì nữa bây giờ? Toàn những chi tiết thuộc về cảm giác. Bà chánh án đó, trang trọng trong chiếc áo bà ba bằng soie trắng, trông bà cổ kính như một quá khứ đáng tôn thờ. Chắc là bà may mắn có ông chồng hợp ý và yên ấm, bà yên phận. Bà có hiểu được nhu cầu tình cảm của những chị em trẻ hơn bà, còn ham muốn hoàn thiện cuộc sống mình? Còn cô thư ký trẻ, da ngăm ngăm, môi tô màu cam đỏ, tóc uốn xù theo một, quần chần và áo sọc ca rô, cô ta thuộc về niên đại mới, quá mới, mới đến mức sẵn sàng "gút-bai" cái người cản trở ý thích của cô ta hoặc ngược lại, sẵn sàng mỉm cười khi người đó chào tay trái với cô nhưng chắc cô ta chưa chồng, cô xa lạ với loại cảm giác mà chị buộc phải kể ra.

Vừa lúc chị toan đứng lên phát biểu, Đoàn nghe có tiếng đập cửa phòng xử án. Tiếng đập khẽ khàng nhưng chị là người trước tiên nghe nó, hiểu nó. Trong khi chị bối rối không biết phải làm gì với tiếng gọi của nó, bà chánh án bảo cô thư ký ra xem sau khi bà đã mời "cứ vô" mà không thấy quả nắm xoay. Đoàn vội lên tiếng:

- Nó đó mà!

HUỶNH ÁI TÔNG

- Chị nói ai? – Cô thư ký hỏi bực dọc hỏi

- Con chó!

Hai vị tòa sừng sốt.

- Chị dắt nó theo làm chi vậy? – Bà chánh án hỏi.

- Tui không dắt nó theo! Nó tự đi!

- Sao nó biết chị ở trong này? – Cô thư ký hỏi như trách.

- Chắc nó thấy chiếc xe đạp với đôi dép của tui ngoài cửa.

Hai vị tòa càng ngạc nhiên hơn.

- Chi cho nó vô coi! – Bà chánh án ra lệnh.

Cánh cửa vừa xịch mở, một con chó đen tuyền từ mũi tới chân xô vào, nó ném mình từ chân bà chủ sang chân ông chủ, mông ngoáy tít, cái mõm ướt rượt hết đặt lên tay người này rồi tay người kia những cái hôn mừng rỡ thái quá. Ông chủ chùi tay vô quần, mặt không những ghê ghê mà còn không giấu vẻ căm thù nó, và, sau khi thấy bà chánh án bắt gặp vẻ mặt ấy của ông, ông giơ tay tát vô má con vật một cái. Nó như biết lỗi, không một tiếng kêu, lùi về phía bà chủ, nhụi nhụi chỗ đau bên chân bà, mỗi khi ngược lên, lăm lét nhìn sang ông chủ. Đoan nhẩn nhẩn vuốt đầu nó:

- Mực, yên nè! Dám bỏ chị ở nhà một mình ha? Chắc là nhảy qua cửa sổ phải không?

- Nặng nịu cho nó tè ra gạch rồi cởi áo chùi ha? – Chồng của Đoan máng chị. Anh ngược nhìn hai vị tòa – Lúc nào cổ cũng



coi nó như người. Có mà điên! Chị của con chó là con gái tui, sắp vai về vậy, ai coi được không?

- Nó nhảy qua cửa sổ được à? – Cô thư ký hỏi lại, người dướn trên bàn viết, nhìn con chó háo hức như cô bé con.

Đoan lặng lẽ gật đầu, tay không ngừng ve vuốt bộ lông mượt như nhung của con vật.

Tuy vậy, chỉ một lát, hai vị toà không khỏi thất vọng. Con chó không có gì đặc sắc nếu không nói là quê quê. Nó có vẻ thôn dã như mọi con chó của xứ sở này.

\*

Quả nó là con chó bình thường.

Như bao gia đình lúc đầu chỉ cần lính gác, Đoan đã tìm xin nó. Đúng ra, má chị mới là người có công nhất – hay có tội – trong chuyện này, bà đã dẫn nài người hàng xóm ở quê khi mẹ nó mới chữa. Nó đã có “hộ khẩu” từ lúc chưa ra đời. Giao nó cho Đoan, bà má chu đáo của chị căn dặn: “Coi chừng kéo người ta ăn cắp, ghen! Chó mực là quý lắm. Phải biết thương nó mới dạy dỗ nó được!”.

Trước khi biết làm “nhiệm vụ”, khi mới là cô cún với cái mình úc núc, mềm mại như cái gối may bằng nhung đen, con Mực đã thành bầu bạn của con gái Đoan. Con bé ít chơi rong hơn, như dịu dàng và phong phú hơn nhờ “người bạn” ngoan ngoãn và chung thủy này.

Quan sát Mực hàng ngày, Đoan mới vỡ lẽ vì sao con người cần nuôi con gì đó trong nhà, vì sao dân thành phố quý chó (hoặc mèo) và hay nhân cách hoá nó hơn dân nông thôn. Ngoài việc có ích, nó còn kéo con người ra khỏi nỗi bận rộn khô khốc của

công việc để đưa vào sự bận rộn khác, thú vị như là cuộc giải trí bổ dưỡng tâm hồn. Trên những lợi ích đó, nó là thiên nhiên giữa môi trường ô trọc của nó. Một dây trầu bà bên cửa sổ, một nhánh trường sinh trong bình, một vài cái bông bất tử trên bàn, một con mèo, một con chó là sự có mặt của thiên nhiên hiền dịu, đưa con người trở về gần với cái nôi của mình. Theo Đoan, nó còn là một thứ giáo cụ sinh học, khám phá nó là để hiểu thêm: nó là cái cây, là con vật mà còn vậy, hưởng chi! Khám phá chúng để hiểu thêm con người, tự hào hơn và...có khi cũng phải xấu hổ với chúng.

Con Mực của Đoan đặc biệt nhạy cảm với sự vuốt ve. Khi tay mình chưa hạ xuống lưng nó, nó đã nhảy xăng xít lên, mông ngoáy tít, sau đó nó đặt hai chân trước lên người mình, chân sau đứng thẳng, mắt lim dim tận hưởng niềm sung sướng được âu yếm và, thế nào y cũng tè ra gach vài giọt nước màu nước trà lợt, hơi hắc nhẹ, như của đứa trẻ còn bú. Chồng của Đoan đặc biệt căm ghét đặc điểm này của Mực. Nhìn thấy con gái nựng nịu nó, anh nghiêng ngàm: "Buông ra! Nó đái vô quần áo bây giờ. Bộ xà bông rẻ lắm hả?" Đã quen với những trận đòn của ba, con bé không buông Mực, khi khuỷu tay sẵn chắc với sợi tĩnh mạch vắn vèo như con rắn của anh giơ lên, nó và "bạn" nó rút cổ lại chờ đợi. Không dám xài hành động đó với Đoan, nhưng mỗi khi thấy con chó tè ra vì được chị vuốt ve, Nhiêu nhìn chị bằng nửa con mắt, miệng mím lại như ghê ghê cả chị.

Nhiêu bực là phải, bởi anh là người ký tính. Có hai việc Đoan không bao giờ phải làm: chùi xe đạp và lau nhà, chúng chiếm hết thời giờ ngoài nhiệm sở của anh đến nỗi, có hôm Đoan phải cau mày:

- Em thấy hình như anh không có bạn thân? Người đàn ông sống hết mình bao giờ cũng nhiều bạn và nhiều kẻ thù.

Anh cũng cau mày lại với chị:

- Có bạn nhiều đặng tốn kém, đặng cô cần rằn hả?

Đoan có cần nhần cử như khi phải vã mồ hôi trong bếp cho chồng tiếp bạn hay không, điều đó, chị xin có trời làm chứng!

Một lần, chị nhắc anh tới thăm người bạn nghe đâu, mới bị cơ quan thi hành kỷ luật về vụ nhậu nhẹt gì đó.

- Lúc này, bạn bè mới cần tới mình. – Chị bảo.

Đương lau xe đạp, Nhiêu ngó ra ngoài trời chuyể mưa:

- Thôi, bữa khác! Đi mưa về mất công chùi xe!

Trong việc lau chùi này, ở anh có sự tự giác đáng cảm động và niềm say mê hơi xác thịt; khi kín đáo quan sát anh cặm cụi bên chiếc xe bóng hời, ánh mắt đăm đuổi, môi hở ra, đầu gục gặc, cái giẻ lau giữa những ngón tay uyển chuyển như những con rắn đánh lên đánh xuống trên từng chiếc căm, Đoan mới dám nghĩ về chồng như vậy. Bàn tay tỉ mẩn của Nhiêu đặc biệt chu đáo với sợi xích xe. Hôm nào Đoan mặc mặc quần màu sáng đi làm thì y như là hôm đó hai người lũng củng về chuyện cái xích tằm dầu nhớt. Lúc đó Nhiêu lớn tiếng khác thường, khuỷu tay rọ rạy. Tự ái vì vợ tỏ ra khó chịu trước sự chu đáo của mình thì ít mà anh cảm thấy chị xúc phạm cái tính kỹ lưỡng từng là niềm tự hào ồn ào của anh.

- Tui làm nô lệ cho cô mà cô còn cần rằn hả?

Không, anh đã thành nô lệ của chính anh.

\*

Có phải con người thường thiếu công bằng khi luận công và tội? Con Mực quả là người lính gác tận tụy, nó đã được gì?

Được ông chủ từng lúc ban bố cho ánh mắt vừa ý chừng mực và sau đó là sự đòi hỏi nghiêm khắc hơn.

- Nhốt nó lại, đừng cho nó đi chơi! – Mệnh lệnh của anh đối với đứa con gái. Cả những lúc hài lòng con Mực nhứt anh cũng không nói với nó tiếng nào. Ai lại đi nói chuyện rù rì với chó! Có mà điên!

Nhưng mỗi khi Mực lờ đi chơi khuya về và nôn nóng đập cửa - nó không biết dè dặt hay sợ sệt, không biết tự rút ra những bài học - Nhiêu bắt nó chờ thật lâu rồi mới ưỡ oải chui ra khỏi mùng (anh nằm ngoài, Đoan thấy anh đi mở cửa là phải). Lần nào Mực cũng bị vài cái đá. Sau, Đoan giành việc mở cửa cho nó, mỗi khi chị trèo qua mình anh – không hiểu sao anh không co chân lên để lấy đường ra cho chị – thì anh mắng:

- Đồ rượng đực!

Chính con gái chị đã nảy ra sáng kiến tuyệt hay về lối ra của con chó, cũng là lối ra của tinh thể lục đực trong gia đình.

Một hôm, nó ngồi bên cửa sổ phòng khách và đưa tay ra vẫy Mực. Thoắt một cái, “cô bạn” nó đã vô với nó qua đường song sắt. Bộ áo bằng nhung của Mực như trơn chuột giữa hai chân song, chỉ có vòng ngực nở nang vương vượng nhưng nó đã biết thót mình lại tài tình. Từ đó, chiếc cửa sổ mở toang đêm ngày, vóc dáng Mực như thon thả hơn nhờ thường xuyên nhảy cao và tự co thót.

Tuy vậy, Nhiêu cũng tìm thấy sơ hở của kẻ sách này. Anh không đồng ý khi nhà vắng người hoặc ban đêm mà cửa sổ không đóng.

- Anh coi, dân trộm cắp có thể lấy được cái gì trong nhà? - Đoan hỏi vặn.

- Lấy cái gì hả? Để rồi coi. Thế nào cũng có bữa quên mừng gối trên giường, (cạnh cửa sổ kê chiếc giường nhỏ, chỗ sau này, khi ly thân với chị, anh đã ngủ). Cái ti vi thì nó không rình đi được, nhưng... - anh nhìn chiếc khăn ni lông hoa hoè phủ chiếc máy truyền hình – cái khăn này, nó lấy cây khều như chơi!

Đoan không cãi nữa. Chị thấy lần này anh có vẻ kiếm chuyện chớ không phải sự lo sợ mất mát có căn cứ. Hình như anh ghen với con Mực vì nó đã “cướp” đi một phần vợ của anh. Và hình như anh không hiểu nổi sao có người lại thương yêu một con chó và nuông chiều nó đến mức đó.

Cái cửa sổ bị chính Đoan tháo móc gài vẫn là đường ra vô chính thức của con Mực. Đó là sự nhân nhượng đáng kể của Nhiêu. Hay anh mặc kệ vì Đoan không cho quách nó đi như anh đề nghị, không lạnh nhạt với nó mà còn tỏ ra gắn bó hơn?

Mực đã lớn đầy đủ, như cô gái quá tuổi mười tám, sinh lực không dành cho chiều cao nữa mà để hoàn chỉnh dung nhan mình. Giá trị của Mực nằm ở bộ lông, lúc nào cũng chải chuốt như bôi dầu, khi lùa tay vô đó, Đoan có cảm giác như chị đang chạm má vào bãi cỏ mềm mại trong vườn nhà, nó khiến chị rung mình như dòng hoài niệm trong người chạm vào kỷ niệm xanh rờn của tuổi thơ. Nó là cái gì vậy? Nó là cái gì mà có khả năng giúp con người khám phá thế giới ngoài thế giới của mình, khiến con người nhạy cảm hơn với tiếng chim ngoài cửa sổ, với tiếng xao xác mơ hồ của chiếc lá lìa cành, với sự hoàn hảo của tạo hoá đối với mỗi loài và cuối cùng, là niềm kiêu hãnh thanh cao vì mình là con người, là chúa tể của muôn loài có khả năng chinh phục nó, bảo tồn nó và ban bố cho nó tấm lòng bao dung chỉ có ở con người!

Đã đến lúc phải kiếm chồng cho con Mực để nó sinh con đẻ cái. “Nàng” có cái eo hiếm có, có lẽ nhờ phải ép mình hàng

ngày cho vừa với song sắt. Không để chị phải mất công, “nàng” đã quyến rũ được một “chàng” cao hơn “nàng”, vạm vỡ, có bộ ngực của vận động viên, có bộ lông vàng sáng như trời chiều, nhìn qua cũng biết “chàng” có trái tim mãnh liệt, một thể lực cường tráng và cài mã hào hoa. “Nàng” đã chọn đúng “chàng” trong đám chó chộn rộn trước cửa nhà vào mùa yêu đương của loài chó.

Kinh địch của “chàng” có tới ba tên. Một con phèn sậm, xin như màu lá mục, lông lá còi cọc do xà mầu, còm cõi như một cụ già không ai chăm sóc. Một con bạch tạng, lông bản thiu vì sự quá trắng đó và chắc vì hấn siêng chui vào bếp núc của quán xá hay nồi niêu của hàng quán ngoài chợ, bộ vó lại lừ khừ như mới hết bệnh. Một con đốm khá “tây”, đuôi cong, lông xoè kiêu ngạo, nhất định đây là thứ con lai, nhưng nó kém con Vàng của Mực sự cường tráng lẫn sự sinh động. Chúng không biết tự trọng và tự ái nên dù Mực đã từ chối khéo bằng cách lờn thườn tránh xa, chúng vẫn sáp lại “nàng” một lượt và hốt đại “nàng” chắc là do cái eo gợi cảm và bộ lông tuyệt đẹp của nàng có sức hấp dẫn mãnh liệt. Mực khéo léo trườn khỏi những cái ôm thô bạo của chúng, thế là chúng hốt nhảm nhau, bắt đầu cắn xé, la lối dậy làng. Cắn nhau chán rồi chúng quay qua tấn công Mực, lần này quyết tâm hơn, Mực phải tách khỏi người yêu và ngồi xuống để bảo vệ tiết hạnh. Bây giờ, “chàng” mới xông ra đánh đuổi bọn ruồi nhặng kia để bảo vệ “nàng” và sự yên ổn của “tuần trăng mật” của mình.

Con Mực có tình yêu và nó biết chọn đối tượng để yêu.

\*

Một buổi trưa, Đoan nằm ở giường trong.

Mọi hôm, sau bữa cơm trễ nải như bao gia đình cả vợ chồng phải đi làm, chị thương chợ mắt thiu thiu, thói quen mà chồng

chị không lên án, chỉ đặt cho nó cái tên thô thiển: bịnh nọc cơm. Nhưng, trưa đó chị không ngủ. “Cái chết lần lượt và tự nguyện của những người thân của một chú bé trên con thuyền độc mộc giữa biển sương mù, những cái chết phải tới để dành sự sống cho chú bé”, khiến Đoan bùi ngùi với trang sách. Nó dữ dội và bất ngờ như tiếng sấm giữa trưa hè, sau đó là mưa, mưa thấm thía, dào dạt, tâm hồn tràn trề sự mát lành, bình yên. Đoan khóc nức nở như đứa trẻ nhưng tâm hồn vừa được tắm táp, thanh khiết và sục sôi những khát vọng lành mạnh. May mắn thay cho nhân loại có những nhà văn cỡ tác giả của những trang sách này để hướng con người vào giá trị vĩnh cửu của những hành động cao thượng.

- Đoan ơi! Đoan! Ra anh chỉ cái này – Tiếng Nhiều khẽ nhưng thôi thúc.

Chị nằm ránh, lơ mơ nghe tiếng chó sủa nhặng sị ngoài sân. Chắc bọn “ruồi nhặng” lại bu vào con Mực và “chàng” Vàng ra sức đánh đuổi chúng. Nhà cửa tịnh không, con gái còn ở đẳng lớp mẫu giáo, hàng xóm có vẻ yên ắng, có gì mà Nhiều gọi thúc bách vậy? Đoan ngồi dậy lấy tay chùi nước mắt và ra với chồng. Trước mắt chị là cảnh hững hờ của bọn chó ghê trước tình yêu của con Mực và con Vàng, như chị từng nhìn thấy.

- Gì vậy? – Chị hỏi thờ ơ.

Mặt Nhiều sừng sượng, hắt hàm cho chị thấy cảnh trước sân rồi đóng cửa lại ngay. Chị cảm thấy rất rõ một cái gì đó mà mình phải chịu đựng. Nó không có không khí trước, y như những lần anh say ngất ngưỡng ở đâu đó rồi chui vào với chị, nhưng lần này có vẻ tệ hơn, chị trần trối nhìn đôi mắt anh hung hăng dài dại, môi miệng xám xanh, tóc tai xơ xụi, như anh đang sống cho mỗi mình anh với cái gì đó cuồng loạn đang trào trạt trong anh. Chị không chỉ thấy "bị dùng" mà còn thấy bị làm nhục, bởi vì trong chị đang tràn đầy cảm giác thánh thiện

tuyệt vời do những trang sách tuyệt vời đưa lại, và nước mắt còn chưa khô trên mặt. Chị còn cảm thấy bị xúc phạm thâm trọng vì hành động của chồng không xuất phát từ nhu cầu của hai người mà từ sự khêu gợi súc vật. Nhưng chị vẫn chịu đựng, như nhiều lúc chị vẫn chịu đựng, vì anh. Chồng vắng sau, Nhiều ngã ngất ra, còn Đoan thì nằm không cựa cựa, bất lực vì cảm giác bị xúc phạm mỗi lúc một tăng lên.

\*

Vậy đó! Toàn là chuyện của cảm giác. Làm sao chị kể ra được với tòa?

Rồi sao nữa? Chỉ có vậy mà chị ly thân với chồng ư? Chưa đâu, chị vẫn tiếp tục sống cái trốn của cuộc sống, cái quán tính của cuộc sống. Mặc dù sau đó, rất nhiều lần sau đó, chị thường có cảm giác không trọn vẹn. Chị còn yêu anh không? Chắc là còn. Trước đó, hồi mới cưới nhau, chị đã yêu anh, tình yêu rạo rực của lứa tuổi thấy cái gì cũng đẹp, lứa tuổi dễ vừa ý với mình và với chung quanh. Anh và chị đều mê mẩn khám phá nhau. Vài năm sau, chị có thất vọng đôi chút nhưng vẫn yêu anh, tình yêu tự nhiên của người phụ nữ đối với người đàn ông làm chủ thân thể mình, tình yêu bổn phận đối với người tạo ra đứa con mình, tình yêu ấm áp và bao dung đối với những cái tốt và cái xấu mơ hồ trong anh. Và yêu những kỷ niệm.

Cho đến khi con Mục đẻ...

Nó sinh được ba con, một giống rặt mẹ, hai giống rặt cha, không hề có chuyện lai vàng và mực, lạ thiệt. Cũng như mẹ nó hồi nào, chúng nó đã có “hộ khẩu” từ khi chưa ra đời. Trong niềm vui của Đoan về con Mục, ừ, thì cứ cho là nhỏ mọn đi, còn có ý nghĩa góp phần tái tạo thiên nhiên hiền dịu đưa vào cho những gia đình cần sửa chữa sự ô trọc.



Buổi tối, con gái chị đã đốt những con cún nhón nheo lồn nhồn trên cái bao bố cũ trải dưới gầm giường trong bếp, còn chị lui cui làm com, lắng nghe ngôn ngữ không ranh giới giữa người và vật mà con bé dành cho lũ cún. Nhìn ra cửa trước chị thấy Mực đang đưa ba của lũ con nó vô nhà, chắc là để khoe. “Nàng” đi trước, hàng vú căng là đà làm cho dáng đi ngúc ngắc tất bật như người đàn bà đông con. “Chàng” đi sau, vạm vỡ, rắn chắc, đỉnh đạc, đúng là một ông ba muộn màng. Vô quá cửa một chút, con Vàng đứng lại ngẩn ngừ, thận trọng đảo mắt đánh hơi xem tình ý chủ nhà. Mực dừng lại chờ nhưng thấy Vàng vẫn đứng yên, nó quay lại nói ư ừ với chồng rồi cả hai, kẻ trước người sau đi vô bếp. Vừa tới cửa giữa, chúng bị Nhiều phát hiện. Lúc đầu, anh bận dò xỏ số kiến thiết trên Đài truyền hình nên chúng đã lọt vô nhà yên ổn. Đứng chờ xem trót cảnh Mực đưa chồng vô thăm con nên Đoan không kịp can Nhiều khi anh rút cây gài cửa phện tới tấp vô chân con Vàng và giữa cột sống con Mực.

- Mẹ, dơ hết nhà rồi, đồ khi gió! Trời mưa mà mảy... Anh khèo cái bao trải ở thềm nhà chùi lia lịa những dấu chân chó.

Đoan chỉ kịp thấy con Vàng xụi một chân nhảy cà xích ra cửa và con Mực quỵ xuống, cột sống cong như cái đòn gánh, miệng la thát thanh rồi gượng dậy lết theo chồng. Khi Đoan nhắc chào cá chiên trên bếp xuống để lao theo chúng thì chúng đã biến mất vào bóng đêm ẩm ướt.

Mực không về.

Đoan để cửa suốt đêm mà nó không về.

Chiều hôm sau, chị xin phép cơ quan nghỉ một buổi để đi kiếm nó. Nhưng nó có phải là đứa trẻ đâu. Nó có thể rúc vô góc vườn của ai đó với sự an ủi của con Vàng và chúng nó tự kiếm ăn. Nếu nó vẫn đi được mà không thềm về thì nó sẽ nhập vô

đám chó hoang ngoài chợ, sống trơ ra bất cần như kẻ bụi đời. Cũng không thể rao tìm nó trên Đài truyền thanh được.

Hôm sau nữa, Đoan phải đi công tác. Ở một nơi cách xa trung tâm thành phố ba chục cây số, người ta báo là còn giữ cái nắp hầm bí mật từng che giấu một cán bộ cốt cán hiện là quan đầu tỉnh và cơ quan cử chị đi xin về cho Nhà bảo tàng, nơi chị làm việc.

- Ở nhà, anh có đi kiếm nó không? – Chị hỏi chồng, không hy vọng gì nhưng vẫn hỏi, vì ám ức mà hỏi.

Nhiều trợn trạo với chị:

- Bộ điên sao đi kiếm nó?

Ba con cún quá non ngày tháng, coi bộ cầm cự không nổi với thứ nước cơm đường của Đoan. Chúng kêu khóc ằng ặc suốt đêm đến nỗi Đoan nghe bà hàng xóm ngủ trên gác chặc lưỡi bất bình. Nhiều cũng trở mình liên tục trong mùng, hai tay ôm đầu, làm bầm rùa xả.

Đến ngày thứ năm, một con Mực con đã biết tinh thích khi liếm nước đường, còn hai con kia vẫn tuyệt thực, khóc ằng ặc suốt, da dẻ càng nhăn nhúm thảm hại.

Cũng chiều đó, Đoan vừa bước vô nhà, đưa con gái được ba đón về trước lập bập mách:

- Ba liệng chó xuống sông hết rồi, má!

- Sao mà liệng? Liệng hết hả? Trời ơi, có một con biết ăn rồi! – Chị nắm cánh tay con mà lắc.

Dòm bộ mặt đăc thắg của chồng, chị không thể nói gì được nữa. Đoan bỏ đi, chị nhìn xuống con sông trước cửa nhà và như thấy ba con cún giầy giụa ngời ngóp trước khi chìm nghim. Ánh điện trên bờ hắt xuống nước thành một dải lụa trắng dật dờ như nó cũng biết để tang.

Nhưng Đoan không bỏ đi như con Mực. Chị còn có một con người để trông nom.

Đêm đó, lần đầu tiên chị đề nghị thắg thùng với chồng là chị muốn ngủ riêng.

\*

Đến ngày thứ bảy, tức hai ngày sau cái chết của những con cún, Mực trở về, bầu vú căng cứng đắg qua đắg lại theo bước đi khó nhọc. Lừ khừ bước vô nhà, lạnh lùng và cảnh giắc với cả Đoan, nó đi thắg vô chỗ cái bao bố trống trải dưới gầm giường trong nhà bếp. Không thấy con, nó ngược đôi mắt đắu đốn nhìn Đoan, rồi bằng vẻ cam chịu của kẻ nô lệ mất con, nó lừ khừ sục mồm vô từng xó xinh trong nhà. Tuyệt vọng, nó trở lại bên Đoan, phủ phục dưới chân chị. Khi Đoan vuốt lưng nó, lông nó dựng lên như nó đắg rùng mình, nằm vật ra vì bầu vú làm cho nó đắu.

Đêm đó, cũng là lần đầu tiên Mực rời khỏi vị trí của nó ở cạnh cửa trước, bên chân giường giờ ông chủ nó đắg ngủ. Nó nằm dưới chân giường của Đoan. Tội nghiệp, chị giữ mừng đưạ nó lên, vuốt ve và an ủi nó, nó nằm yên, bầu vú cắg sang một bên, dáng nằm thiêm thiếp của bà mẹ đắu khổ. Chỉ một lát nó vùng dậy, lắy mồm hắt mí mừng, ý bảo chị cho nó ra thắ, nó trở về với mặt đắc hiền lành bình yên của nó. Từ đó, đêm nào nó cũng phủ phục gắc dưới chân giường của hai mẹ con chị.

Cũng từ đó, Nhiêu lật mình cọt kẹt suốt đêm trên cái giường nhỏ của anh ở phòng ngoài. Đoan chưa cảm thấy thù ghét chồng, nhưng lòng chị dửng dưng với anh. Chị cảm thấy sự suy kiệt từ từ, cảm giác trống rỗng như đang bị rút máu. Trong chị cũng không có nhu cầu nhục dục vì cảm giác không trọn vẹn trước đây trở thành cảm giác ghê tởm, ghê tởm chính chị chứ không phải anh. Khi nghĩ tới những kỷ niệm yêu đương, chị thấy nặng nề như khi người ta nghĩ về chuyện lỡ lầm. Vì bị ấn ức, mỗi ngày Nhiêu mỗi hẳn học với chị hơn. Thịnh thoảng, có đêm anh cần chị, nhưng khi anh bước vô, con Mực hực lên một tiếng khiến Đoan tỉnh ngay.

- Anh ra đi! Tui không thích nữa!

Chị nói phũ phàng, cảm giác sắp “bị dùng” xâm chiếm chị tức khắc. Đó không phải là sự tự ái vì không được vượt ve xin lỗi mà là sự nhận thức một bản chất, chị không còn chịu đựng nó được nữa.

Anh trở về giường, cười gằn một tiếng vừa ngượng nghịu vừa đe dọa.

Con Mực trở thành kẻ thù chính thức của anh từ những đêm đó. Nó không biết thù những ông chủ đánh nó tàn tệ và thù nó, nhưng nó đủ nhạy cảm để biết giữa ông bà chủ có cái gì đó không bình thường và tình cảm mạch bảo nó phải đứng về phía ai.

Nó xa lánh nhưng vẫn nghe ngóng chờ đợi ở ông chủ. Có lần, Đoan bắt gặp chồng đang vẫy con Mực tới bên giường anh đang ngồi. Nó phóng tới anh lập tức, mông ngoáy tít, mừng hơn khi chị vẫy nó. Anh đá nó một phát:

- Tưởng thiệt hả con?

Con Mực xấu hổ đi bết bết vô trong nằm lặng lẽ. Sau đó nó có vẻ cảnh giác Nhiều hơn.

Không hiểu sao, nó đã ném mình xăng xít dưới chân anh khi Đuan cho nó vô phòng xử án. Có lẽ vì lâu lắm nó mới thấy ông bà chủ ngồi bên nhau, duy nó không biết đó là chỗ ngồi qui định của tòa.

\*

Vậy đó, toàn là chuyện của cảm giác và chi tiết đối với tòa là vật vãnh, Đuan không có cách nào khác là đành giữ nó lại để chỉ đau một mình.

Bà chánh án thất vọng, lắc đầu sau khi phán rằng: anh chị cần làm lành với nhau, sống là phải chịu đựng nhau thôi. Đuan cũng cảm thấy tòa không thể xử khác được.

Khi chị dắt xe ra về, con Mực bỗng dung rời chị để chạy theo Nhiều đang xăm xăm đi hướng khác. Nó nhẩy xăng xít trước đầu xe anh, liền bị anh đá cho một cú lăn như một trái banh.

- Ui da, sao đá nó đau vậy? – Bà chánh án xuýt xoa sau lưng Đuan.

Mực quay lại với chị, xèn lên vì bị chủ trưng trị ngoài đường, lon ton chạy theo chị, không lần nào dám vượt lên trước.

Vài ngày sau, một cái đi vắng hai đày từng đựng tài liệu mật do một gia đình cơ sở giữ ở ngoại thành đã gọi chị. Đuan đi điều nó về cho Nhà bảo tàng.

Khi chị về đến nhà, con gái chị lại lập cập mách:

- Ba rú mấy chú ở chỗ ba tới làm thịt con Mực rồi. Ba đập đầu

nó bằng búa. Con thấy nó ngó ba y như lúc má giơ roi đánh con. Rồi con không dám dòm, con trốn dưới gầm giường mình ngủ. Con nghe tiếng chú Hành hỏi ba: Vú chó ăn ngon như vú heo nái hôn?

Đoan ngời phịch xuống ghế. Những cây nạng cắm treo lại để thui chó thấp thoáng trước mắt chị, nám đen nham nhở như những cái chân chó bị cháy. Chị không nói với con là Mực đang có chữa, chị biết chắc vậy. Chị chỉ hỏi:

- Rồi con có ăn thịt Mực không?

Nó không trả lời và oà khóc.

(Cần Thơ ngày 2 - 5-1985)

Trong bài *Tiểu thuyết “Gia đình bé mọn” của nhà văn Dạ Ngân những góc nhìn “lộ và chưa lộ”*, Cao Minh Tèo đã viết:

*“Tiểu thuyết **Gia đình bé mọn** của Dạ Ngân thể hiện ngòi bút sắc sảo, tinh tế và quan trọng hơn cả là giá trị nhân văn cao đẹp. **Gia đình bé mọn** với ba giọng điệu triết lí; trào phúng, giễu nhại và giọng vô âm sắc tạo nên giọng đa thanh, từ đó người đọc dường như được đối thoại với nhà văn về cuộc đời. Bên cạnh đó là sự kết hợp tài tình giữa ngôn ngữ đời thường mà đặt biệt là vốn từ ngữ Nam bộ với ngôn ngữ mỹ văn giàu hình ảnh. Về nội dung, người viết thấy tiểu thuyết **Gia đình bé mọn** đã phản ánh cuộc sống một cách chân thực nghệ thuật và khái quát nhất. Bức tranh cuộc sống và con người được nhà văn khắc họa trong tiểu thuyết hiện lên sinh động, đa chiều.”*

Tài liệu tham khảo:

- Dạ Ngân Blog: [thoavan2012.blogspot.com](http://thoavan2012.blogspot.com)
- *Con chó và vụ ly hôn* Blog: [sites.google.com/site/dangannga](http://sites.google.com/site/dangannga)

### 36. Đoàn Thị Lam Luyến



#### **Đoàn Thị Lam Luyến (1950-20 )**

Nhà thơ Đoàn Thị Lam Luyến sinh ngày 14-6-1953, quê quán tại xã Anh Dũng, huyện Phù Tiên, tỉnh Hưng Yên. Hiện sống tại thị trấn Nghĩa Đô, Từ Liêm, Hà Nội.

Bà xuất thân trong một gia đình nhà nông nghèo, học đến lớp 6 phải bỏ học.

Năm 1966 (13 tuổi), trúng tuyển vào học Trường Trung cấp Văn hóa nghệ thuật khu tự trị Tây Bắc.

Từ năm 1976 đến năm 1982, theo học Đại học Mỹ thuật Công nghiệp.

Năm 1982, tốt nghiệp Đại học ngành Văn học và Mỹ thuật

Từ 1983, là biên tập viên mỹ thuật tại Nhà xuất bản Thanh niên.

## HUỶNH ÁI TÔNG

Từ năm 1989 đến năm 1992, Đoàn Thị Lam Luyến theo học Trường viết văn Nguyễn Du ở Hà Nội.

Từ năm 1996, là Hội viên Hội Nhà văn Việt Nam.

Từ năm 2001, Đoàn Thị Lam Luyến công tác trong Hội Nhà Văn, là Phó Giám đốc Trung tâm Quyền tác giả văn học Việt Nam.

Nhà thơ đã nhận được các giải thưởng văn học:

- Giải thưởng cuộc thi thơ báo Văn nghệ 1989 - 1990.
- Tặng thưởng thơ của Nhà xuất bản Hội Nhà văn 1995 cho tập thơ *Châm khói*.

Tác phẩm:

- *Mái nhà dưới bóng cây* (thơ, in chung, 1985)
- *Lỡ một thì con gái* (thơ, 1989)
- *Cánh cửa nhớ bà* (thơ, 1990)
- *Chồng chị chồng em* (thơ, 1991)
- *Châm khói* (thơ, 1995)
- *Dại yêu* (2000)
- *Sao dẫn lối* (2003)

Trích văn:

### **Đoàn Thị Lam Luyến và những đam mê**

Tôi sinh năm Tân Mão (1951). Cha mẹ bảo lúc sinh ra tôi ốm đau quặt quẹo liên tục. Quê tôi ở làng Suôi, xã Anh Dũng, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên, một vùng chiêm trũng đông dân và rất nghèo. Cha mẹ tôi làm ruộng. Năm lớp 6, tôi phải bỏ học vì nhà neo đơn. 7-8 tuổi, đã biết chăn trâu, cắt cỏ, kéo vó tôm. 11 tuổi đi làm con nuôi, nhưng thực chất là đi ở đợ cho



một nhà bán hàng com trên phố. 12 tuổi, tôi làm thợ phụ đóng gạch.

Năm 1965, tôi theo gia đình di cư lên vùng sông Mã (Sơn La) xây dựng khu kinh tế mới. 14 tuổi, tôi được chọn vào trường Văn hoá nghệ thuật Tây Bắc. Thế là tôi thoát ly gia đình và bắt đầu tự lập. Những năm ở trường Tây Bắc, tôi đã rất cố gắng và nhận được khá nhiều danh hiệu thi đua... Nếu không có chuyện yêu đương quá sớm với một chàng trai người Thái và nếu không được thầy chủ nhiệm lớp hoạ bảo vệ thì tôi đã bị khai trừ khỏi Đoàn. Lúc ấy, nếu bị kỷ luật, chắc tôi đã phải tìm đến lá ngón vì xấu hổ. Nhưng đó cũng là cái mốc đánh dấu thân phận và đời thơ tôi.

Ở trường Văn hoá nghệ thuật Tây Bắc, tôi học khoa Hoạ nhưng lại rất mê làm thơ. Với tôi, thơ không phải là nghề mà là nghiệp mới đúng. Theo quan niệm của nhiều người, phải có tâm hồn lãng mạn và bay bổng mới làm được thơ. Và người đàn bà làm thơ thường trau chuốt chuyên trong đường tình ái. Nhưng theo tôi, người làm thơ phải có một tố chất đặc biệt trong tâm hồn, ví như giàu tình cảm, giàu lòng vị tha và trắc ẩn.

Tập thơ đầu tay *Lỡ một thì con gái* (NXB Hà Nội, 1989) của tôi được nhiều bạn đọc mến mộ. Nhưng tôi cũng không nghĩ rằng cái chất thi ca của mình đôi lúc lại gây ra những tác động "tai hại". Năm 1991, khi học ở trường viết văn Nguyễn Du, tôi sáng tác bài thơ *Hát theo Thị Mầu* in trên báo *Tiền Phong*. Một buổi sáng đến trường, người bạn đồng học nhiệt tình mời tôi vào phòng anh ta trong ký túc xá. Anh muốn giới thiệu tôi với một độc giả mến mộ thơ. Khi bước vào căn phòng chật hẹp và thiếu ánh sáng, giường ngủ còn chưa tháo màn, tôi thoáng thấy một nữ sinh có khuôn mặt mẫn sứ đang ngồi trên mép giường. Tự dưng tôi lúng túng, miệng lắp bắp, ngực tức thở, chỉ muốn bước chân ngay ra khỏi phòng nhưng không sao chạy

được vì cảm giác chân mình bị ai đó cắt mất gân. Thì ra, bài thơ của tôi là nguyên nhân, dù không trực tiếp, gây ra cuộc tình tạm bợ và mối hoạ cho cô thanh nữ kia, bởi người bạn đồng học của tôi đã có vợ và con ở quê. Từ đó, trong sáng tác thơ, tôi không dám khích lệ nữ giới theo phong cách đó nữa.

Bây giờ nhiều người nói cơ chế thị trường mở ra cho nhiều lĩnh vực nhưng đóng lại với thơ. Còn tôi thì lại nghĩ khác. Cơ chế mở, ai có thơ, chất lượng thế nào, cũng đều có thể in thành sách. Song cũng vì thế mà thơ làm công chúng phát sợ, phát giận.

Ngoài thơ, tôi còn mê vẽ và làm sách. Riêng đam mê vẽ, tôi chưa hề được thoả mãn. Hy vọng cuối đời tôi sẽ lại cầm bút vẽ. Còn làm sách, tôi từng công tác ở NXB Thanh Niên và đã lãnh đủ những "quả đắng". Có lẽ bởi tôi mệnh Mộc, kinh doanh ấn phẩm sách cũng thuộc hành Mộc. Mà như sách tử vi nói "lưỡng mộc còn chiếc", lời khen tiếng chê, phúc hoạ như nhau.

Tình yêu và hạnh phúc gia đình cũng là niềm đam mê lớn trong cuộc đời tôi. Nhưng bây giờ thì tôi biết, trời không cho tôi những thứ đó. Hơn một lần tôi đã đánh mất tình yêu và hạnh phúc gia đình. Rốt cuộc phải kiên trì với cuộc sống độc thân. Điều an ủi duy nhất dành cho tôi là cậu con trai chững chạc rất yêu mẹ. Tất cả quan niệm sống, yêu... tôi đã đúc kết trong tập Gửi tình yêu và Sao dẫn lối.

Về phong cách sống, tôi rất ưa thích cuộc sống ngăn nắp, tiện nghi và một. Tôi quan niệm nghèo đến mấy cũng phải tổ chức cuộc sống sao cho đàng hoàng và tươm tất. Giàu có và đầy đủ tiện nghi mà không có gu, không có một thì cũng chưa được coi là hoàn thiện. Khi có điều kiện tài chính, tôi cũng hay đến các cửa hiệu thời trang để lựa chọn.

Ngoài sở thích về một, tôi còn có thói quen đọc sách và xem phim. Sách hay và phim hay thường làm tôi giải toả stress. Chỉ hơi ngại là chúng thường làm tôi xúc động mạnh. Còn nhớ vào dịp giáp Tết năm 1972, tôi mượn được cuốn tạp văn Lỗ Tấn, đọc đến truyện Tiếc thương những ngày đã mất, tôi rất cảm thương nhân vật Tử Quân. Vừa đọc, tôi vừa khóc gần hết đêm, sung húp cả mắt. Sáng mùng Một sang chúc Tết ông bà ngoại, cả nhà cứ tưởng vợ chồng tôi vừa cãi nhau. Một chuyện khác là giữa năm 2001, tôi và các cháu trong cơ quan kéo nhau đi xem Ngày thứ tám ở rạp Lý Thường Kiệt. Bộ phim quá hay, tôi đã không kìm được cảm xúc trong suốt buổi chiếu. Các cháu đi cùng tôi rất bối rối. Tôi thì xấu hổ nhưng lại không kìm được nước mắt.

Trích thơ:

### **Ngọn gió lá điều**

November12

*Em là cô giáo mầm non  
Nghề chi mà sớm lắm con, muộn chồng  
Đêm thì vắng ngày thì đông  
Chăm thì chăm thế, mẹ chồng vẫn chê*

*Sáng sớm đi, tối muộn về  
Trong nhà chân đất, dép lê ngoài đường  
Chồng thì khi giận khi thương  
Trẻ thì đưa ẵm, đưa ương – lạ đời*

*Trò ngoan thì cô mới cười  
Con mình mình nhặng, con người mình chăm  
Lương mình chẳng đủ mình ăn  
Thì em cấy ruộng cho bằng người ta*

HUỶNH ÁI TÔNG

*Nghề đâu là nghiệp đấy mà  
Yêu trò cũng giống như ta yêu mình  
Mình cho ta trọn cái tình  
Ta sẽ cho mình tất cả ta yêu*

*Trẻ thơ như chiếc lá diều  
Em là ngọn gió, một chiều đương thu.*

**Huyền thoại**

November6

*Giá được một chén say mà ngủ suốt triệu năm  
Khi tỉnh dậy, anh đã chia tay với người con gái ấy..  
Giá được anh hẹn hò dù chờ lâu đến mấy  
Em sẽ chờ như thể một tình yêu ...*

*Em sẽ chờ  
Như hòn đá biết xanh rêu  
Của bến sông xa , mùa cạn nước  
Cơn mưa khát trong nhau từ thuở trước  
Sắc cầu vồng chấp ché mé trời xa ...*

*Em sẽ chờ  
Như lúa đợi sấm tháng ba  
Như vạt cái vôi đơm hoa, đợi ngày chia cánh bướm  
Như cô Tấm thương chồng từ kiếp trước  
Lộn lại kiếp này từ quả thị nhận ra nhau*

*Em ở hiền  
Em có ác chi đâu  
Mà trời lại xui anh bắt đầu tình yêu với người con gái  
khác?  
Có phải rượu đâu mà chờ cho rượu nhạt*

*Có phải miếng giầu  
Đợi giầu đập mới cay?*

*Dẫu chẳng được hẹn hò  
Em cứ đợi, cứ say  
Ngẫu có xa nhau, Ngẫu có ngày gặp lại  
Kim – Kiều lỡ duyên nhau  
Còn có chiều quan tái*

*Em vẫn chờ  
Vẫn đợi  
Dẫu chỉ là huyền thoại một tình yêu!*

### **Trước mùa đông**

October29

*Anh trở về đột ngột với mùa đông  
Như trước cơn mưa, kiến vòng lại tổ  
Em đang gặt mùa thu dang dở  
Nên vẫn cầm giá rét trên tay.*

*Em thấy buồn khi trời trở heo may  
Như giữa khơi xa sợ trời lộng gió  
Căn bệnh của tình yêu muôn đời vậy đó  
Mong lúa tằm phải ăn vội trên nông.*

*Bao năm rồi em giầu nỗi chờ mong  
Những kỷ niệm xưa nửa hư nửa thật  
Những kỷ niệm xưa nửa còn nửa mất  
Cứ trộn bồ hòn với mật làm ngon.*

*Sự dối lừa dẫu không gọi thành tên  
Nhưng cứ theo ta nửa hư nửa thật*

HUỶNH ÁI TÔNG

*Nhưng cứ bên ta nửa còn nửa mất  
Thuốc đắng bao ngày đã tật đã thành quen.*

*Sao không về khi ngó chừa thành sen  
Bông gạo ngày xưa chừa thành chần thành gói  
Tình yêu cho ta biết chờ biết đợi  
Đá hóa rồi áo cưới mới về tay.*

**Dặn con gái**

September24

*Bấy tình sa phải chẳng con?  
Đã anh sâu mắt lại còn rậm râu  
Quê thì tận đâu tận đâu  
Tình trường tranh giải vàng thau có thừa*

*Cải già khéo ủ thành dưa  
Bưởi mong nắng râm, mía chờ hanh heo  
Nhà nghèo xin giữ nếp nghèo  
Cành cao xin chớ có trèo, sậy chân*

*Người hay cử chỉ ân cần  
Ngọt ngon dầu lười, kẹo dân lọc lừa  
Cuộc đời mẹ lắm bàn thua  
Chỉ mong con có nước cờ chắc tay*

*Còn như phận mỏng đức dày  
Cầu cho trời độ cơ may một lần  
Mẹ xin đổi lấy phong trần  
Để duyên con được mười phân vẹn mười*

**Sao không phải là anh**

December9

*Sao không phải là anh  
Mà lại là ngọn gió  
Vuốt tóc em bỏ ngõ  
Ra dáng như làm lành*

*Sao không phải là anh  
Mà lại là tia nắng  
Ươm má em cháy bỏng  
Ra chiều như đang hôn*

*Sao không phải là anh  
Mà lại là cánh võng  
Ru em vào giấc mộng  
Như vòng tay đang ôm*

*Sao không phải là anh  
Nồng nàn đôi mắt ấy  
Xa nhau là thế đấy  
Yêu anh nhiều, anh ơi!*

### **Gửi tình yêu**

October9

*Nếu ta gửi tình yêu  
Vào một nơi chân thật  
Thì tình yêu của ta  
Sẽ thành hương thành mật*

*Gửi tình yêu vào đất  
Được hoa trái đầy cành  
Gửi lên trời cao rộng  
Sẽ được ngọn gió xanh*

*Ta trao cả cho anh  
Một tình yêu cháy bỏng  
Như một cánh bướm xinh  
Hiển mình cho biển rộng*

*Ta đã gửi cho anh  
Một con tim dào dạt  
Và anh trả cho ta  
Nỗi buồn đau tan nát!*

*Ta muốn ôm cả đất  
Ta muốn ôm cả trời  
Mà sao không yêu trọn  
Trái tim một con người?*

### **Tìm người ở giữa hội Lim**

August29

*Lạc nhau tự điệu dân ca  
Phải tìm đến hội, để mà tìm nhau...  
Người đông thấy những chòm đầu  
Nào nhìn ra cánh áo nâu mà tìm?  
Hội Lim mở giữa đồi Lim  
Người nay cứ thích đi tìm người xưa!  
Có gì đâu mấy hạt mưa  
Áo em đã ướt sao chưa gặp người?  
Liên anh, liên chị liên đôi  
Chẳng còn ai lẻ, cho tôi đi cùng?  
Có bao nhiêu chúm môi hồng  
Mà không có nụ hôn nồng cho tôi.  
Ô hay! Hội đã tan rồi  
Còn đâu già bạn trên đồi chưa nghe...*



**chiến tranh**

*Em đã đoạt anh từ tay người đàn bà kia  
Giống như người đàn bà kia đoạt anh từ tay người đàn bà  
khác  
Bỗng chốc anh trở thành tư bản  
Trong tay những kẻ chỉ yêu tiền*

*Ghen như sôi và giận như điên  
Người đàn bà với trái chín trên tay vừa bị rớt xuống đất  
Ghen như sôi và yêu như điên  
Người đàn bà với ước mơ đang thành sự thật  
Anh, dễ thương như cây và hiền lành như đất  
Trong tay những kẻ chẳng yêu vườn!*

*Em đã đón anh về  
Nhưng chắc gì giữ anh được lâu hơn  
Rồi sẽ có một người đàn bà khác  
Anh vốn yếu mềm và biếng nhác  
Miếng mồi của chiến tranh man rợ diệu kỳ  
Em sừng sốt nghĩ đến một ngày anh lại bỏ ra đi...*

**Biển trong ta**

*Bao nhiêu nước biển mặn rồi  
Lẽ gì nước mắt trong đời mặn hơn?*

*Lòng người - cái biển tí hon  
Mà nghìn năm nữa vẫn còn sâu xa!  
Có bờ để đánh thuyền ra  
Không bờ, để tự bao la sóng dào...*

*Trong ta bờ bến thế nào  
Mà con tim cứ thiết trao một người.*

HUỶNH ÁI TÔNG

*Mà bao nhiêu kiếp luân hồi  
Mà thốn thức đến muôn đời vì nhau ?*

*Mà sung sướng mà khổ đau  
Mà từng nhuộm trắng mái đầu đương xanh!  
Mà lên thác mà xuống ghềnh  
Mà rồi từng mảng lênh đênh giữa đời...*

*Biển ngoài kia đã lặng rồi  
Biển trong ta vẫn chưa nguôi dạt dào.*

Trong bài: Là người sáng tạo thì coi như phăng teo đời sống thực, Loan Thanh đã viết:

*“Nhiều người thích thơ Đoàn Thị Lam Luyến bởi giọng thơ cá tính, thông minh và đầy bạo liệt. Khác với sự thành công trong đời thơ, cuộc đời của nữ thi sĩ lại truân chuyên và lắm nỗi đa đoan. Hai, ba lần bước vào hôn nhân nhưng bà vẫn không có được một mái ấm gia đình trọn vẹn. Như "chim sợ cành cong", sau tất cả những thất bại trong tình yêu, giờ đây nữ thi sĩ Gửi tình yêu đã không còn thiết tha với việc tìm kiếm cho mình một "bến đỗ" mới nữa.”*

Tài liệu tham khảo:

- Đoàn Thị Lam Luyến Web: [thivien.net](http://thivien.net)
- Đoàn Thị Lam Luyến và những đam mê Web: [vietnamcayda.com](http://vietnamcayda.com)

**37. Trần Thùy Mai**



**Trần Thùy Mai - Trần Thị Thùy Mai (1954-20 )**

Trần Thùy Mai, tên thật Trần Thị Thùy Mai, sinh ngày 8 tháng 9 năm 1954 tại Hội An, Quảng Nam. Quê quán, làng An Ninh Thượng, xã Hương Long, huyện Hương Trà, nay là phường Hương Long, Thành phố Huế.

Trần Thùy Mai bắt đầu được các bạn trẻ yêu thích văn chương ở Huế biết đến, khi cô đang học ở trường Đồng Khánh trước năm 1975.

Năm 1972, tốt nghiệp Tú tài 2, Trần Thùy Mai thi đậu thủ khoa môn văn Đại học Sư phạm Huế.

Sau năm 1975, học tiếp Đại học Sư phạm.

Năm 1977, sau khi tốt nghiệp, Trần Thùy Mai được giữ lại trường, làm công tác giảng dạy và nghiên cứu môn Văn học dân gian.

## HUỶNH ÁI TÔNG

Năm 1987, Trần Thùy Mai quyết định chuyển sang làm biên tập viên ở nhà xuất bản Thuận Hóa. Từ đây, Trần Thùy Mai đã chọn nghiệp viết văn, làm con đường đi cho mình.

Trường thành cùng thế hệ với Lý Lan, Nguyễn Thị Minh Ngọc ở Sài Gòn, những người cầm bút đầu tiên sau chiến tranh. Có thể nói, đây chính là thế hệ dò đường đi tìm những đề tài hậu chiến. Tính từ truyện ngắn đầu tay "*Một chút màu xanh*" in trên Tạp chí *Sông Hương* đến nay, nữ nhà văn người Huế này đã có trên 30 năm cầm bút với hàng trăm truyện ngắn được nhiều thế hệ bạn đọc yêu mến. Trong đó, một số truyện ngắn nổi tiếng như: *Gió thiên đường*, *Thập tự hoa*, *Quý trong trắng*, *Thương nhớ Hoàng Lan*, *Mưa đời sau*, *Người bán linh hồn*, *Trăng nơi đáy giếng*, *Thị trấn hoa quỳ vàng...* đã được dịch sang tiếng Anh, tiếng Pháp và tiếng Nhật...

Nhiều truyện ngắn của Trần Thùy Mai đã được chuyển thể kịch bản sân khấu hoặc dựng thành phim như: *Hãy khóc đi em*" (2005), *Gió thiên đường*, *Thập tự hoa*(2005), *Trăng nơi đáy giếng* (2009)

Trần Thùy Mai đã được các giải thưởng:

- Giải B, giải thưởng Văn học Nghệ thuật Cố đô lần thứ hai, (1998) cho Tập truyện ngắn "Thị trấn hoa quỳ vàng".
- Giải C, Giải thưởng Văn học thiếu nhi "Vì tương lai đất nước" của Nhà xuất bản Trẻ (2002) cho truyện dài thiếu nhi "Người khổng lồ núi Bạc"
- Giải B, Hội Nhà văn Việt Nam (2002, không có giải A) và Giải A, giải thưởng Văn học Cố đô lần thứ ba (2005), cho tập truyện ngắn "Quý trong trắng".
- Giải thưởng Ủy ban Toàn quốc Liên Hiệp các Hội Văn học Nghệ thuật Việt Nam (2003)
- Giải A, giải thưởng Văn học Nghệ thuật Cố đô lần thứ tư (2008) cho tập truyện ngắn "Thập tự hoa".

VĂN HỌC VIỆT NAM CẬN VÀ HIỆN ĐẠI IV

- Giải thưởng của Hội liên hiệp Văn học Nghệ thuật Thừa Thiên Huế (2008), cho tập truyện ngắn "Một mình ở Tokyo.
- Giải cống hiến vì cộng đồng năm 2011 do Ủy ban kết nghĩa thành phố San Francisco - TP. HCM trao tặng.

Tác phẩm:

- *Cổ hát*, tập (truyện ngắn đầu tay in chung với Lý Lan, Tác Phẩm Mới, Hà Nội, 1983)
- *Bài thơ về biển khơi* (tập truyện, Thuận Hóa, Huế, 1983)
- *Truyện kể dân gian Bình Trị Thiên* (biên khảo, soạn chung, Sở VH TT Bình Trị Thiên, 1986)
- *Ca dao, dân ca Bình Trị Thiên* (biên khảo, soạn chung, Thuận Hóa, Huế, 1989)
- *Thị trấn hoa quỳ vàng* (tập truyện, Hội Nhà văn, Hà Nội, 1994)
- *Trò chơi cảm* (tập truyện, Trẻ, Tp. HCM, 1998)
- *Người khổng lồ núi Bạc* (truyện thiếu nhi, Trẻ, Tp. HCM 2002)
- *Đêm tái sinh* (Tập truyện, Thuận Hóa, Huế, 2003)
- *Thập tự hoa* (Tập truyện, Thuận Hóa, Huế, 2003)
- *Biển đời người* (Tập truyện, Công an nhân dân, Hà Nội, 2003)
- *Thương nhớ Hoàng Lan* (tập truyện, Văn Mới, California, USA, 2003)
- *Dân ca Thừa Thiên Huế*, (biên khảo, Thuận Hóa, Huế, 2004)
- *Mưa đời sau* (tập truyện, Văn Nghệ Tp. HCM, 2005)
- *Mưa ở Trاسبourg* (tập truyện, Phụ Nữ, Hà Nội, 2007)
- *Lửa hoàng cung* (tập truyện, Văn Nghệ Tp. HCM, 2008)
- *Một mình ở Tokyo* (tập truyện, Văn Nghệ Tp. HCM – 2008)
- *Onkel yêu dấu* (tập truyện, Văn Nghệ Tp. HCM, 2010)
- *Trăng nơi đây giêng* (tập truyện, Thanh Niên, 2010)

- *Bên trong*, (Tập truyện dịch từ tiếng Anh, Thuận Hóa, Huế, 2010)

Trích văn:

### **Biên đời người**

Bim mười lăm tuổi, người lép kẹp như con cá măng, mùa lạnh thì mũi lúc nào cũng ướt. Vậy mà cô Hạnh cứ làm như con cô là tiên. Mỗi lần tôi đến, cô lại trách: "Vi mà y mà sau này em Bim không đi thi hoa hậu được. Lớn lên lo mà đền cho nó". Tôi rụt cổ, gãi tai, biết là cô đang muốn nhắc đến những cái sẹo to trên người Bim. Mẹ tôi bảo: "Một cái là do Mãng rủ nó trèo cây đào. Một cái là Mãng chơi u, xô nó té từ trên gác xuống. Một cái là do cô Hạnh sai Mãng bung bát canh, đi đến cửa nóng tay quá Mãng hất tung vào người nó". Nghe kể, tôi ân hận. Thật may là Bim chẳng trách bao giờ. Cứ thấy tôi là Bim nhảy lên: "Anh Tuấn, cho em hai ngàn đi chơi điện tử". Thế rồi, băng đi một dạo, mỗi lần tôi sang, Bim lơ đẹp. Tính tình khác, thân thể cũng khác xưa, cao hẳn lên, ngực lờ mờ hai chóp tròn mềm mại sau tấm áo.

Trời mưa đột ngột xối xả vào xế trưa. Đến chiều, con nước dâng nhanh chẳng mấy chốc ngập lòng đường, tiến vào nhà, trèo lên phủ ngập giường chiếu. Cả vùng thành nội ngập tràn nước trắng xóa. Bơi đến trước sân, tôi cố vượt dòng tiến vào sát cửa. Cửa đóng, lại cài then phía trong.

"Bim ơi! Bim ơi!" tôi gào to át tiếng mưa. Tiếng Bim khóc nức nở gọi mẹ trong nhà vọng ra. Cố sức day cửa không được, tôi đành gắng trèo lên mái nhà, dờ ngói, lần xuống. Bim ngồi co trên bàn, thấy người leo vào nhà thì hét toáng lên, sau đó nhận ra tôi. "Anh Tuấn! Em tưởng kẻ cắp sợ quá. Mẹ bảo đóng cửa, ai gọi cũng đừng mở". Tôi lội đến gần Bim "Đồ ngu. Khi mẹ dặn thì trời chưa lụt" "Mẹ về ngoài từ sớm chưa về, có sao

không anh ơi" "Mẹ không quay lại giờ này được đâu. Nước lên nhanh lắm, công an cấm không ai được vào công thành" "Sao anh vào được?" "Trèo qua mặt thành. Anh mà không tới kịp, nước lên ngập đầu thì Bim thành bè". Mới trao đổi có mấy câu, nhìn lại, nước đã vượt quá lên mấy tấc. "Trèo lên gác thôi em". Bim đứng dậy, nhưng sụm xuống, hai chân tê cứng vì ngâm nước lạnh. Tôi cầm hai tay Bim, kéo vòng qua cổ "Bám chặt lấy, anh công". Tôi trèo từng bậc một lên thang, một tay quàng ra sau giữ cho Bim khỏi rơi xuống nước...

Trời sập tối, hai đứa ngồi thu lu trong gác hẹp. Tôi sợ nước lên nữa không còn lối thoát, thò tay lên đỡ ngói, bẻ một khoảng rui lớn, phòng có nguy thì trèo qua mái nhà. Bim khóc rầm rức một lúc rồi thiếp đi. Hơi thở Bim nóng như sôi phập phồng qua má tôi. Bim sốt rồi. Tôi hốt hoảng. Trời tối thui, chỉ nghe tiếng mưa ào ào trên mái, sát bên tai.

May sao trên gác có tấm chăn cũ. Tôi lần lần cởi chiếc áo ướt cho Bim, lấy chăn quàng lại. Cả đêm tôi ngồi ôm cô bé như ôm món quà gói kỹ trong chăn. Cầu cho trời mau sáng, lại cầu cho đêm cứ dài mãi ra vô tận. Sờ áo thấy khô, lại mặc vào cho Bim; trời tối, tôi chẳng nhìn thấy gì, cũng chẳng dám chạm mạnh, vậy mà người cứ run run. Bim thì cứ mê sảng, hét gọi mẹ lại đến sợ chuột.

Mãi đến trưa mai, nước mới xuống. Cô Hạnh thuê đồ chống vào đến ngõ, thấy nước ngập tràn đến mái nhà, cô khóc văng lên: "Con ơi là con". Thấy tôi thò đầu ra khỏi lỗ ngói, cô tròn mắt như thấy quỷ thần. Tôi bơi ra, kéo đồ vào, chỉ cho cô Bim nằm mê man. Cô lại khóc rống lên, lần này vì mừng. "Quan Thế Âm bồ tát cứu khổ cứu nạn. Măng ơi! Tao cho mày con Bim!".

Hai ngày sau, Bim tỉnh lại. Cô Hạnh dứt cháo. Nằm trên giường, Bim bảo: "Anh Tuấn phá mái, bẻ rui nhà em, em bắt

đền". Lại bắt đền! Tôi cởi trần, hi hục dọn hàng tấn bunn non ngập đầy sân.

Từ đó, năm nào cũng vậy, trời mới mưa to tôi đã trực ở nhà cô Hạnh rồi. Số Bim là số sướng, mười bảy tuổi rồi mà chưa động tay dọn lũ lấy một lần. Mẹ tôi bảo: "Sao mà ai cũng thích đẻ con trai. Ăn cơm nhà vác ngà voi thì nó là số một. Lo kiếm việc làm ăn đi con ạ, cả ngày hết đàn hát lại xách xe đi chùi bóng mặt đường, con gái nó không ưa đâu".

Nhìn tôi trong bộ đồng phục công nhân màu xanh, Bim lo lắng: "Rồi ai chở em đi học?". Tôi dỗ dành: "Chịu khó đi xe đạp, hôm nào về sớm anh chở đi buổi chiều đỡ nắng". Ngày đầu đi làm, nhìn ra cả vùng đồng nước Vân Cù mênh mông, thấy cột điện chữ A mọc lên giữa những giuồng ruộng ngang dọc, tôi ngỡ ngàng hỏi: "Người ta dùng máy gì mà đưa mấy cái cột nặng thế này ra đến đó?" Anh Hạp, tổ trưởng của tôi cười: "Cái xác máy khênh ra, chứ máy gì mà thi công được ở đây?" Tôi nhìn, phát hoảng. Lần đầu được giao khiêng bộ chân tó để dựng cột, tôi về tôi ngủ mơ, nói sáng: "Mẹ ơi, núi đổ, lỗi con ra, lỗi ra". Mẹ lay mãi, tôi mới tỉnh, mồ hôi ướt đầm mình.

Dần dần, tôi mạnh lên, cơ bắp nổi đầy tay lên rừng xuống biển cũng không còn sợ nữa. Đi đâu thì đi, chiều đến về nhà, việc đầu tiên là tắm gội cạo rửa tinh tươm, đến trường đón Bim về. Có hôm thấy Bim chờ một mình, vắng ngắt. "Bạn em đâu cả?" "Tụi nó rủ nhau đi ăn chè" "Lần sau em cứ đi với bạn, nhắn lại với bà hàng nước cho anh biết chỗ đến tìm là được". Bim cười, ngúc ngắc hai đuôi sam: "Ai lại thế. Anh đi làm mệt cả ngày, về mà không thấy Bim, anh có buồn không?". Lòng tôi như chao đi, lần đầu tiên thấy trên khuôn mặt Bim nét dịu dàng thiếu nữ. Bim của tôi lớn rồi và biết nghĩ, không còn ngốc nghếch ham chơi như tôi tưởng. Bất giác tôi ôm Bim vào lòng. Bim cười nhắm mắt, rúc vào ngực tôi hít một cái thật dài rồi



chuỗi người, đẩy tôi ra. "Sao thế?" "Người ta cười". "Đồ sợ chết".

Một buổi sáng chủ nhật bên suối Trà Am, lần đầu tiên Bim cho tôi ôm trong tay... Bim cười, ghé cái tai nhỏ hồng hồng sát ngực tôi, lắng nghe tiếng tim đập. "Nhè nhẹ thôi, anh siết mạnh em đau cả người" "Bim ơi!" "Gì anh?" Tôi bồi hồi nhớ cái đêm trời lụt "Cho anh cõng Bim đi xem suối". Chân tôi đi qua những mỏm đá trơn. "Em sợ anh cõng em nặng, té gãy cổ cả hai đứa". Tôi giữ chặt Bim sau lưng. "Đừng lo. Hai bộ xà sừ vừa nặng vừa cứng anh còn cõng qua suối Nam Đông, bây giờ cõng Bim nhẹ và mềm như con gấu bông, anh đi lên thấu trời". Bim cười, tiếng cười như tiếng suối. Tôi đặt Bim ngồi trên cành cây ươi đồ ngang, giữa những cánh hoa nhung đỏ hé mở. "Anh Tuấn ơi! Con muỗi!". Tôi định đập, Bim bỗng xua cho nó bay đi. "Tội nghiệp, tha cho nó anh ạ" Bắp tay Bim sung lên một đốm hồng. Tôi gãi cho Bim, Bim nũng nịu: "Tuấn không có móng tay, gãi bằng cục chai trong lòng bàn tay ấy, như thế, như thế, thích hơn...".

Cô Hạnh than thở với tôi: "Em nó ăn nhiều mà sao vẫn xanh. Hay là có giun?" Tôi chạy mua thuốc xổ. Lại mua cho Bim một đôi giày vải. Sáng sớm tôi đến, gõ cửa, dựng Bim dậy. Bim mắt nhắm mắt mở, chạy thê dục với tôi từ Tây Linh ra đến Tây Lộc rồi lại theo đường vòng quay về. Bữa đầu, Bim khóc mếu "Tuấn độc tài". Dần dần quen, sáng nào tôi không ra, Bim giận lẫy. Tôi hỏi Bim: "Có muốn học bơi không, sáng ra bên Me bơi mát lắm, anh tập cho". Bim lắc đầu quầy quậy: "Mắc cỡ lắm" Tôi chột nhớ, chân Bim có sẹo. Chẳng hiểu sẹo ra sao? Nếu giờ mà lại có một đêm lụt như đêm nào, tôi sẽ đếm lại những cái sẹo trên người Bim, tôi sẽ đền cho Bim bằng cả đời tôi...

Cái tin Bim đi thi người đẹp làm tôi ngạc nhiên. Cô Hạnh hớn hờ: "Chương trình có phần thi mặc áo tắm, nhưng toàn thể phụ huynh đều phản đối, dọa nếu thi áo tắm thì đem con về. Thế là

ban tổ chức phải chịu". Tôi cười: "Chắc cô Hạnh là người phản đối mạnh nhất". "Nghe nói giải thưởng mười triệu cháu ạ". Nghe giọng cô hí hửng như trẻ con, tôi cười thầm. Hy vọng Bim của tôi trúng giải quá mong manh, nhưng thôi cứ để cho cô tha hồ bay bổng.

Những ngày sau đó tôi quay như cái vục. Nào chờ Bim ra tiệm Mỹ Trang thuê áo soirée. Nào chờ Bim đi may áo dài. Tôi lại, ra nhà Bim đàn cho Bim tập đi. Rồi lại phải chọn áo. Tôi ngắm lui ngắm tới Bim của tôi trong hơn hai chục cái váy. Cuối cùng chọn được một cái soirée màu lam óng ánh, vải dịu và mềm. Bim dầy nãy: "Cái này cũ rồi". "Nhìn ban ngày, cũ thế, nhưng dưới ánh đèn nó sẽ đẹp rực lên. Còn những cái kia trông huy hoàng, nhưng lên sân khấu sẽ cái lương hết cỡ, rồi em xem".

Nói mà Bim không nghe, tôi lại giờ thói "độc tài". "Còn thi ứng xử nữa, em nói kém lắm làm sao thi đây". Tôi kiếm một cuốn sổ nhỏ, lần giờ sách báo, tìm những câu châm ngôn sắc sảo ghi vào. Câu nào cũng ngọt ngào bay bổng, toàn những lời có cánh về tình yêu, tình bạn, sắc đẹp, vân vân và vân vân...

Đêm thi đã đến, cô Hạnh lo lắng nhìn cả bữa ăn chiều. Tôi cũng đã xin nghỉ phép hai hôm. Giờ đây, trong tiếng nhạc đánh chậm bài La Paloma, Bim đang xuất hiện dưới ánh đèn sân khấu. "Vũ Tuý Diễm, nữ sinh lớp 10 trường... "Tôi dụi mắt. Có phải là Bim của tôi đây không? Tôi bỗng nhớ đến những trái táo trên sạp hàng trái cây của mẹ tôi, vốn tầm thường khiêm tốn, chỉ cần lấy khăn lau một lượt, phun nước lên, bỗng bóng loáng, chín ửng, ai nhìn cũng muốn cắn. "Vũ Tuý Diễm năm nay mười bảy tuổi, sở thích đọc truyện, ca hát, nấu ăn...". Hừ, Bim có nấu ăn bao giờ đâu, thoáng nghĩ thế nhưng chẳng nghĩ được lâu vì tôi còn bận dán mắt vào cô gái trên sân khấu, cái cô gái vốn là Bim của tôi. Một chút ngập ngừng làm tăng vẻ quyến rũ thơ ngây trong dáng đi uyển chuyển. Chiếc soirée màu lam bạc ôm khít lấy tấm thân mảnh mai nầy nờ, lớp váy

trong rất ngắn cho thấy đôi chân dài thẳng băng, trắng muốt. Lốp váy ngoài xẻ bốn đường rất cao, ôm rất khéo, làm dáng người dài các thướt tha. Bim đang cười... đôi môi tô son màu hồng, sống mũi cao mềm mại thanh tú, đường nét nào cũng sắc sảo, rực rỡ hơn hẳn thường ngày. Chỉ có đôi mắt là vẫn mở to, ngơ ngơ dưới cặp lông mày cong như trăng hạ huyền. Bên cạnh tôi, cô Hạnh hể hả: "Đi lung suốt ba bữa mới mua được đôi tất ngoại mông đẹp như vậy đó. Cháu thấy chưa, tôn tạo lên một chút thôi là ăn đứt... ủa Tuấn, làm chi mà sưng ra rứa, con Bim chứ ai xa lạ?"

Điểm ngoại hình Bim cao nhất trong tất cả thí sinh. Tiếc rằng Bim chẳng nhớ câu nào trong số những câu tôi đã tử cho cô bé. Ban Giám khảo hỏi: "Em nghĩ gì về ngày 8 tháng 3?" Bim đứng ngẩn một lúc: "Em nghĩ... 8 tháng 3 là một ngày nhận nhệp..." Biền người ló nhớ làm Bim hốt hoảng. Sau này, Bim bảo: "Em quá quá, nhìn xuống mà chẳng thấy Tuấn đâu. Chỉ thấy tay với đầu người, hàng vạn cái". Cô Hạnh cứ tiếc mãi: "Giá nó trả lời được, thì đã là hoa khôi xứ Huế". Bim được danh hiệu Á khôi thứ nhất. Với tôi, thế cũng danh giá quá rồi. Đi đâu người ta cũng trầm trồ thặng Tuấn tốt số, có người yêu đẹp lắm trúng giải nhì kỳ thi Duyên Dáng Cổ Đô.

"Ngày nhận nhệp" đã tới. Tôi xin nghỉ, nhưng anh Hạp không cho. "Hôm nay thay gấp đường dây ở đường Huyền Trân Công Chúa. Thương tình mày chưa vợ cho nghỉ buổi chiều thôi". Tôi lấp bộ xà sủ trên đỉnh cột, vừa vắn óc vít vừa nhìn ra xa, thấy có mấy gánh hàng hoa đang bán. Có hoa hồng nhưng đỏ thắm, hay quá, Bim rất thích hoa hồng ở Huế vì nó nhỏ hơn nhưng nở tự nhiên, chứ những búp hồng từ xa chở đến đẹp thì có đẹp nhưng do bị phun thuốc nên chẳng bao giờ nở. Làm xong, áo quần còn lấm lem, tôi phóng tới ngôi lưa hoa. Mấy cô giáo mặc áo dài đang trả tiền hoa nhìn tôi mỉm cười: "Cô nào may mắn mới gặp anh này". Tắm xong, mặc bộ đồ bánh nhất, tôi phóng đến Bim. Trên bàn một lẵng hoa vừa to vừa đẹp, hoa hồng Đà

Lạt đỏ tươi xen lẫn hoa thạch thảo lấm tấm trắng. Tôi khựng lại. Cô Hạnh khẽ hỏi: "Tuần này, bây giờ vẫn minh thật, người ta tặng nguyên cả lẵng hoa, cứ thế mà đặt trên bàn chẳng mất công cắm tĩa gì nữa". Tôi ngồi yên, rầu rầu. Bim từ trong phòng đi ra: "Hoa 8 tháng 3 của em đâu?". Thấy vẻ mặt tôi, như hiểu ý, Bim giải thích: "Không phải của ai đâu. Đó là quà tặng của Hội Phụ Nữ, khen tặng thành tích đóng góp..." Tôi tươi lên như cây héo được tưới nước. Chiều đó, dắt Bim đi ăn kem, tôi khoe đã được thao tác trên cột, lắp đặt xà sứ thành thạo. Bim cầm bàn tay tôi, áp những cục chai to vào má "Tuần nhớ làm việc cho giỏi, sau này nuôi Bim". "Ừ, ba năm nữa là Tuần vững rồi, Bim thích gì Tuần cũng mua". Bim cười, nét mặt giờ đây lại mộc mạc như những trái táo chưa chùi bóng: "Bim chỉ cần ăn cơm có cá, và mỗi tuần được đi ăn kem như thế này". Tôi trêu: "Em bây giờ là á khôì xừ Huế rồi, phải kiêu lên đi chứ".

Tháng năm, thành phố cử Bim đi Sài Gòn dự thi hoa hậu. Cô Hạnh khoe: "Kinh phí hạn chế nên ngoài hoa khôì, chỉ có á khôì thứ nhất mới đi được". Ngày Bim đi, tổ tôi thi công lắp đặt đường dây 6 ở trạm Nong. Bim dặn lui dặn tới: "Bốn giờ chiều là tàu đi ngang ga Hương Thủy. Tuần nhớ chạy qua ga, Bim thò đầu ra cửa sổ, cầm cái khăn màu xanh, chào Tuần một cái rồi Bim đi" Nghe tiếng còi tàu, tôi ba chân bốn cẳng phóng xe. Tàu đi ngang, lừ lừ một chút rồi phóng nhanh, mất hút. Tôi đứng bần thần ngẩn ngơ trên sân. Lùi thủi về trạm, tôi đọc mấy dòng chữ trên máy nhắn tin của anh Hạp: "Tuần ơi đừng chờ nữa. Bim đi máy bay rồi".

Tôi đó đến thăm cô Hạnh, cô liếng thoảng: "Có người Mạnh Thường Quân có lòng ủng hộ quê hương, bỏ tiền ra lo đi lại, ăn ở cho thí sinh Huế,...". Tôi nhìn cô. Thảo nào, mẹ tôi vẫn gọi cô là Hạnh tồ.

Cả hai cô gái đều phải về sớm không dự kỳ thi hoa hậu được vì ai cũng thiếu một phân chiều cao. Cô Hạnh thất vọng. Tôi thì mừng. Giờ đây, tôi đã biết ích kỷ. Sau khi Bim nhận giải 5 triệu ở kỳ thi Duyên Dáng Cổ Đô, căn nhà nhỏ đã được lát gạch hoa láng bóng. Buổi trưa, Bim vác gỏi ra nằm, đi ngoài đường nhìn vào thấy cô nàng nằm khoanh trên sàn như con chó Nhật. "Vào trong mà ngủ, không được nằm đây" "Trong kia nóng lắm" "Nóng thì mở quạt. Con gái nằm ngay giữa cửa để phơi cho thiên hạ nhìn à?". Bim âm ức: "Tuần độc tài. Sau này chỉ có hành hạ Bim!"

Tổ tôi nhận thi công đường dây Bắc Hải Vân, cả tháng đi liên miên. Cuối tuần mới về chờ Bim đi chơi Trà Am. Tôi nói với Bim tôi làm việc khéo nhất trong tổ. Anh Hạp đề nghị tăng lương sớm cho tôi... Bim chỉ bảo: "Thế à?" Hai đứa đi men theo con suối. "Tuần công Bim nhé?" "Thôi. Lớn rồi, công như con nít, kỳ lắm". Bim ngồi dưới bóng cây ươi, giữa những bông hoa nhung đỏ. Muỗi từ ven suối bay lên, Bim tự đập bẹp bẹp liên hồi, không nhờ tôi... Tôi ngứa lòng tay nhìn những cục chai to, nó vu vơ lên trời...

Rồi tôi gặp người đàn ông ấy, một tối trời trăng. Gã ngồi song song với Bim, nơi chỗ tôi thường ngồi. Thấy tôi vào, Bim chào, ngượng ngùng. Cô Hạnh bảo: "Đây là Tuấn, cháu cưng của cô. Năm nào trời lụt cũng nhờ một tay nó". Gã chào tôi qua loa rồi nhìn lên trần nhà. "Chỗ này chỉ cần bỏ vào chùng năm ngàn đô, lên thêm một tầng kiên cố thì chẳng lo gì lụt.". Tôi về nhà, ngồi nhìn ra cửa sổ, châm thuốc hút. Mẹ tôi hỏi: "Mãng, con sao vậy?" "Có gì đâu?" "Sao con ngậm ngược điều thuốc?". Lúc bấy giờ tôi mới nhìn thấy cái đốt thuốc đang cháy phùng phùng. Tôi ngược lên nhìn mẹ. Cái nhìn của người vừa bị dao đâm. Mẹ tôi đỏ mắt: "Chuyện con Bim phải không? Lâu nay mẹ nghe đồn...". Bà nổi tam bành: "Đồ tham vàng bỏ ngãi. Cái năm trời lụt to, không có Mãng thì còn đâu mà gả đi Tây đi Tàu". Tôi quờ tay, ngẩn lại:

- Thôi mẹ ơi. Chuyện xưa rồi, đừng nhắc.

Tôi biết, Bim của tôi từ nhỏ loanh quanh nơi cái xóm thấp như rún biển, cả đời mới ra khỏi thành phố một lần. Gã phương xa kia với Bim là cả một chân trời. Cũng phải thôi. Ai muốn giam mình trong ao, mà chẳng muốn vươn ra ngoài biển rộng?

Mai lại, đang làm việc, tôi nháng một nhát búa vào tay. Ngón cái đập nhỏ máu. Anh Hạp nhìn tôi thần thờ quần băng vào vết thương, cười: "Công anh xúc tép nuôi cò, cò ăn cho lớn, cò dò cò đi.". Thằng Tín cầm lấy cái búa đứng thay vào chỗ tôi, trêu già: "Cò khôn, cò ăn cơm Tây. Ăn chi tôm tép ruộng lầy quê ta...". Tôi trừng mắt: "Chó chết. Câm!" Trở về, tôi sốt cao, vết thương sưng húp. Mẹ tôi lo cơm cháo hơn một tuần. Bim không biết tôi ốm, có lẽ còn lo cho ngày đi...

Ba năm sau. Tôi đã lên bậc, tăng lương hai lần. Làm được bao nhiêu tiền, nướng hết vào thuốc lá. Tính làm lì, cả ngày chỉ biết làm.

Đi làm về, chưa thay áo, tôi nghe mẹ nói:

- Con Bim mới về, có bông con qua đây thăm.

- ...

- Lấy chồng Việt kiều, đi Tây về mà không mập, lại còn gầy đi nữa chứ.

- ...

- Đi ba năm về mà không có được một món quà cho ra hồn.

- ...

- Sao Măng im như thóc không nói gì cả vậy?

- Thì có gì đâu mà nói. - Tôi ừ hử.

Mẹ tôi im. Nửa như cụt hứng. Nửa lại như mừng thầm. Mừng cho con trai đã quên khuấy chuyện xưa.

Hơn tuần sau, Bim gọi điện cho tôi.

- Nghe mẹ nói lụt năm nào anh cũng vào dọn cho mẹ, em cảm ơn anh nhiều lắm!

Lâu lắm mới nghe Bim nói - giờ giọng Bim khác xưa, từ tốn, buồn buồn. Cái vẻ buồn làm lòng tôi bỗng chùng xuống. Muốn vãn điều muốn nói mà sao chẳng nói được gì? Lâu quá tôi làm lì đã thành thói quen, phản xạ nói năng hầu như chẳng có. Mãi mới kiếm được một câu để nói:

- Em gắng giúp mẹ sửa cái nhà. Ở có một mình mà năm nào cũng vất vả.

Bim áp úng: "Thương mẹ lắm mà chưa làm sao được anh ạ. Tiền chồng, chồng giữ, tiền vợ, vợ giữ, em mới sang đâu làm được bao nhiêu..." Tôi thở dài: "Nghe mẹ anh nói, em gầy hơn trước?" "Dạ, em đi làm xa lắm, mỗi ngày đi về phải ngồi trên xe điện ngâm hơn bốn tiếng đồng hồ. Ngồi trên xe chẳng biết làm gì, cứ nhớ nhà, nhớ hồi xưa..."

Hai tiếng "hồi xưa" nghe sao mà âm vang. Tôi lặng yên, bồi hồi lắng nghe tiếng rung ngân của hai chữ đơn sơ ấy.

"Hồi xưa, anh tốt với em nhiều lắm. Khi ra đi, em cứ nghĩ sau này giàu có sẽ đền công anh..."

HUỶNH ÁI TÔNG

Giọng Bim nghẹn như sắp nứt nở. Bỗng dưng, nước mắt tôi ràn ra không giữ nổi. "Bim ơi, lớn rồi, sao còn nói ngơ?".

Chiều đó, tôi về lại Trà Am, ngồi một mình dưới gốc cây ươi bên suối. Nước cứ chảy xuôi, chảy mãi. Bim ơi, biết nơi đâu là biển của đời người?

- 0 -

Về văn chương của Trần Thùy Mai, Tiến sĩ Văn chương Hồ Thế Hà có nhận định:

*"...Những nhân vật của Trần Thùy Mai thường không bình lặng. Họ cô đơn, hẫng hụt, tiếc nuối nhưng không bao giờ từ bỏ khát vọng sống của mình bằng cách bơi ngược dòng sông ký ức để làm sống lại những điều tốt đẹp....Đọc Trần Thùy Mai, tôi bị cuốn hút bởi chất nhân ái và triết lý này. Con người dù giận hờn, hằn học nhưng trong tận cùng sâu thẳm của ý thức cộng đồng, họ âm thầm sẻ chia và nhận nỗi đau về mình để được kéo dài ra trong niềm vui của người khác, để được yêu trong trắc ẩn dù có khi không tránh khỏi sự đối xử thờ ơ, nguội lạnh của tha nhân..."*

Tài liệu tham khảo:

- Trần Thùy Mai Web: [vi.wikipedia.org](http://vi.wikipedia.org)
- *Biển đời người* Web: [nhavantphcm.com.vn](http://nhavantphcm.com.vn)



### 38. Nguyễn Nhật Ánh



#### Nguyễn Nhật Ánh (1955-20 )

Nhà văn Nguyễn Nhật Ánh sinh ngày 7 tháng 5 năm 1955 tại huyện Thăng Bình tỉnh Quảng Nam.

Thuở nhỏ ông theo học tại các trường Tiểu La, Trần Cao Vân và Phan Chu Trinh ở Đà Nẵng.

Năm 1968, mới 13 tuổi, Nguyễn Nhật Ánh có bài thơ đầu tiên đăng báo.

Từ năm 1973 Nguyễn Nhật Ánh chuyển vào sống tại Sài Gòn, theo học ngành sư phạm.

Sau năm 1975, ông đã từng đi Thanh niên xung phong, dạy học, làm công tác Đoàn Thanh niên Cộng Sản Hồ Chí Minh.

Từ 1986 đến nay, ông là phóng viên nhật báo *Sài Gòn Giải Phóng*, lần lượt viết về sân khấu, phụ trách mục tiểu phẩm, phụ trách trang thiếu nhi và hiện nay là bình luận viên thể thao trên báo *Sài Gòn Giải Phóng Chủ nhật* với bút danh Chu Đình

## HUỶNH ÁI TÔNG

Ngạn. Ngoài ra, Nguyễn Nhật Ánh còn có những bút danh khác như Anh Bò Câu, Lê Duy Cật, Đông Phương Sóc, Sóc Phương Đông,...

Năm 1984, tác phẩm đầu tiên là một tập thơ: *Thành phố tháng tư*, do nhà xuất bản Tác phẩm mới in chung với Lê Thị Kim.

Năm 1985, truyện dài đầu tiên của ông là *Trước vòng chung kết* do nhà xuất bản Măng Non ấn hành. Hai mươi năm trở lại đây, ông tập trung viết văn xuôi, chuyên sáng tác về đề tài thanh thiếu niên.

Năm 2004, Nguyễn Nhật Ánh ký hợp đồng với nhà xuất bản Kim Đồng cho xuất bản bộ truyện dài gồm 28 tập mang tên *Chuyện xứ Langbiang* nói về hai cậu bé lạc vào thế giới phù thủy. Đây là lần đầu tiên ông viết một bộ truyện hoàn toàn dựa trên trí tưởng tượng. Vì vậy, để chuẩn bị cho tác phẩm này, ông đã phải mất 6 tháng nghiên cứu tài liệu và đọc sách báo liên quan như Phù thủy và Pháp sư, Các huyền thoại phương Đông, Ma thuật và thuật phù thủy...

Nhà văn Nguyễn Nhật Ánh đã được các giải thưởng hay bầu chọn:

- Giải thưởng *Văn học Trẻ* hạng A của Trung Ương Đoàn Thanh Niên Cộng sản HCM năm 1990 với truyện dài *Chú bé rắc rối*.
- Năm 1995, ông được bầu chọn là nhà văn được yêu thích nhất trong 20 năm (1975-1995) qua cuộc trưng cầu ý kiến bạn đọc về các gương mặt trẻ tiêu biểu trên mọi lĩnh vực của Thành Đoàn Thành phố Hồ Chí Minh và báo *Tuổi Trẻ*, đồng thời được Hội nhà Văn Thành phố Hồ Chí Minh chọn là một trong 20 nhà văn trẻ tiêu biểu trong 20 năm (1975-1995)
- Giải cho nhà văn có sách bán chạy nhất năm 1998 của

## VĂN HỌC VIỆT NAM CẬN VÀ HIỆN ĐẠI IV

Nhà xuất bản Kim Đồng

- Năm 2003, bộ truyện nhiều tập *Kính vạn hoa* được Trung ương Đoàn Thanh Niên Cộng Sản Hồ Chí Minh trao huy chương *Vì thế hệ trẻ* và được Hội nhà văn Việt Nam trao tặng thưởng.
- Năm 2008, Nguyễn Nhật Ánh xuất bản truyện có tên *Cho tôi xin một vé đi tuổi thơ*, tác phẩm này được báo Người Lao động bình chọn là tác phẩm hay nhất trong năm.
- Giải thưởng văn học ASEAN năm 2010.

Đến nay Nguyễn Nhật Ánh đã xuất bản gần 100 tác phẩm và từ lâu đã trở thành nhà văn thân thiết của các bạn đọc nhỏ tuổi ở Việt Nam. Hiện ông đang ở tại Tp. HCM

Tác phẩm:

- *Thành phố tháng tư* (thơ, in chung với Lê Thị Kim, 1984)
- *Trước vòng chung kết* (truyện dài, 1985)
- *Củ phạt đền* (truyện ngắn, 1985)
- *Đầu xuân ra sông giặt áo* (thơ, 1986)
- *Chuyện cổ tích dành cho người lớn* (tập truyện, 1987)
- *Bàn có năm chỗ ngồi* (truyện dài, 1987)
- *Còn chút gì để nhớ* (truyện dài, 1988)
- *Bí mật của một võ sĩ* (tập truyện, 1989)
- *Cô gái đến từ hôm qua* (truyện dài, 1989)
- *Chú bé rắc rối* (truyện dài, 1989)
- *Nữ sinh* (truyện dài, 1989)
- *Thiên thần nhỏ của tôi* (truyện dài, 1990)
- *Phòng trọ ba người* (truyện dài, 1990)
- *Mắt biếc* (truyện dài, 1990)
- *Thằng quý nhỏ* (truyện dài, 1990)
- *Hoa hồng xứ khác* (truyện dài, 1991)
- *a đó* (truyện dài, 1991)
- *Bong bóng lên trời* (truyện dài, 1991)
- *Bỏ câu không đưa thư* (truyện dài, 1993)

## HUỶNH ÁI TÔNG

- *Những chàng trai xấu tính* (truyện dài, 1993)
- *Tír tuyệt cho nàng* (thơ, 1994)
- *Lễ hội của đêm đen* (thơ, 1994)
- *Trại hoa Vàng* (truyện dài, 1994)
- *Út Quyên và tôi* (tập truyện ngắn, 1995)
- *Đi qua hoa cúc* (truyện dài, 1995)
- *Buổi chiều Windows* (truyện dài, 1995)
- *Quán gò đi lên* (truyện dài, 1999)
- *Những cô em gái* (truyện dài, 2000)
- *Ngôi trường mọi khi*
- *Tôi là Bê-tô* (truyện, 2007)
- *Cho tôi xin một vé đi tuổi thơ* (truyện, 2008)
- *Đảo mộng mơ* (truyện, 2009)
- *Tôi thấy hoa vàng trên cỏ xanh* (truyện dài, 2010)
- *Lá nằm trong lá* (truyện dài, 2011)
- *Có hai con mèo ngồi bên cửa sổ* (truyện dài, 2012)
- *Sương khói quê nhà* (tạp văn, 2012)
- *Người Quảng đi ăn mì Quảng* (tạp văn, 2012)
- *Ngồi khóc trên cây* (truyện dài, 2013)
- *Chúc một ngày tốt lành* (truyện dài, 2014)

Trích văn:

### **Viên Ngọc**

Viên ngọc thần ấy mà, cái viên ngọc mà khi ngậm trong miệng ta có thể nghe được tiếng nói của mọi vật, là có thật đấy các bạn ạ, không phải là chuyện bịa đâu! Cũng giống như các bạn, trước đây tôi cứ tưởng đó là chuyện cổ tích, người ta đặt ra cho vui vạ thôi. Ai dè đâu có một hôm tôi nhặt được nó, cái viên ngọc ấy, ở góc vườn nhà tôi. Không biết cái tay đoảng vị nào lại đánh rơi một thứ của quý như thế. Thoạt đầu tôi nghĩ đó là cục kẹo nên khi ngồi vào bàn đọc sách tôi thuận tay cho nó vào miệng. Dè đâu, ngay khi cục kẹo vừa chạm vào đầu lưỡi, tôi bỗng nghe có tiếng nói:

- Nói thật với chú, mặc dù tôi với chú đều là đồ gỗ cả thôi, nhưng tôi sống đã gần này tuổi rồi, tôi đã ở trong cái nhà này suốt mấy chục năm qua, nghe thấy biết bao là chuyện, đó là chưa kể trong bụng tôi chứa toàn là sách với báo, hẳn tôi phải lịch lãm hơn cái nhà chú chứ!

Tiếng nói vang lên sát bên tai, rõ ràng là phát ra từ cái tủ sát cạnh tôi. Tôi chưa kịp hoàn hồn thì lại nghe một tiếng nói khác, lần này phát ra từ ngay chỗ tôi ngồi:

- Thì nhà bác nói vậy, tôi có dám cãi đâu. Tôi biết phận tôi là cái anh bàn cục mịch, lại sinh sau đẻ muộn...

Sau khi trấn tĩnh, tôi kịp hiểu ra là tủ sách và cái bàn đang trò chuyện và cái vật tôi đang ngậm rõ ràng không phải là cục kẹo. Một cảm giác ngạc nhiên sung sướng tràn ngập cả người tôi. Tất nhiên tôi không dại gì mà không tiếp tục theo dõi câu chuyện.

- Còn về cái ông chủ nhà này thật tôi chưa thấy một ngời thứ hai như thế - cái tủ nói - thật hiếm có!

Đích thị cái tủ đang nói về tôi, mà lại khen tôi là loại người hiếm có nữa chứ. Tai tôi động lên, tim đập loạn.

- Ý bác ra sao tôi chưa rõ! - Cái bàn lên tiếng.

- Thì có gì đâu. Đây là tôi nói về cái tính vô trách nhiệm của ông chủ ấy mà. Ai đời lại có bao nhiêu tiền lương đem tiêu xài hết, mỗi tháng chỉ đưa vợ chút đỉnh gọi là có. Đã vậy, hôm nào ngồi vào mâm cơm cũng chê ỡng chê ọ. Tôi trông sao mà xốn con mắt quá!

Cái tử thấy xôn con mắt bao nhiêu thì tôi thấy sôi trong bụng bấy nhiêu. Sao mà cái lão già này lẩm điều thế không biết. Phận mình lo bảo quản mấy cuốn sách còn không xong, để cho ba con gián nó bò khắp các ngăn và ị vãi ra tứ tung, vậy mà lại đi chúí mũi vào chuyện người khác, cứ làm như lời đòi lẩm đấy. Hừ, hôm nào ta róc xương lão ra nhóm bếp, thử xem lão có còn huênh hoang nữa không!

Tôi hầm hè trong bụng và liếc cái tử với một sự ác cảm không giấu giếm.

Cái bàn lại cất giọng phân vân:

- Cứ theo như bác nói thì sự sinh hoạt hằng ngày của cái nhà này hẳn phải thiếu thốn lắm, nhưng tôi thì lại thấy...

- Ấy, ấy! - Cái tử ngắt lời - Để tôi bảo cho chú biết. Sở dĩ cái nhà này cơm còn đủ ăn, áo còn đủ mặc ấy là nhờ một tay bà chủ cả thôi. Bà ấy phải giặt gấu vá vai, mượn đầu này xoay đầu kia, chạy tới chạy lui cứ như chong chóng vậy. Còn anh chồng thì nào có để ý cho, cứ ăm tiền lương tếch đi những đâu đâu, vợ khóc cũng chả hay!

Chà, chà, cái lão già này tinh ra phết chứ chẳng phải chơi! Có khi lão nói đúng cũng nên! Minh thật đoảng... - Tôi buồn rầu nghĩ đến những nỗi vất vả của vợ.

Tháng đó, tôi đưa toàn bộ tiền lương cho vợ, không giữ lại lấy một hào. Và tôi hết sức sung sướng khi đọc trong mắt vợ nỗi ngạc nhiên lạ lắm, cứ như tôi làm một nghĩa cử gì ghê gớm lắm. Tối đó, sau khi ngồi vào bàn và bỏ viên ngọc vào miệng, tôi cực kỳ hân hoan khi nghe thấy những lời nhận xét tốt đẹp của hai thứ đồ gỗ kia. Nhưng niềm vui của tôi chỉ kéo dài đúng một tuần cho đến cái ngày tôi tình cờ nghe thấy đôi giày của tôi

và đôi dép của vợ tôi kháo chuyện với nhau. Cũng giống như tính tôi, đôi giày của tôi hề gặp phải nữ là bắt đầu ba hoa:

- Này, cậu có biết không, ngày hôm nay tớ đi biết bao nhiêu là nơi. Tớ ra xa lộ Biên Hòa này. Tớ tới tận Lái Thiêu nữa đấy. Chao ôi, ở đây toàn những vườn là vườn, trái cây thì vô khối! Đó là chưa kể tớ còn được đi...

Tôi mỉm cười khi nghe đôi giày của mình kể ra một lô một lốc những nơi chốn tôi thường lui tới, vui chơi cùng bè bạn. Nó có tài kể chuyện thêm mắm thêm muối hết mình!

Trước câu chuyện phiêu lưu kỳ thú của bạn, đôi dép của vợ tôi không giấu được nỗi tủi thân, nó than vãn với giọng âm ức:

- Càng nghe chuyện của anh, tôi càng thấy buồn. Anh thì đi đây đi đó, còn tôi suốt ngày cứ thui thủi trong xó bếp, có đi xa lắm thì cũng chỉ ra tới chợ mà thôi. Thật chả bù với hồi trước, tôi được bà chủ cho đi khắp nơi. Khi thì ông chủ dẫn bà chủ đi nghe ca nhạc, lúc thì đi xem phim, lúc thì đi dạo mát, thỉnh thoảng lại ra chơi ngoại ô... ối giời, cái thuở ấy thật là tôi đi bằng thích! Tiếc là mọi sự trôi qua nhanh quá! Bây giờ ông chủ chỉ toàn là đi chơi một mình, chả thèm ngó ngang gì đến cô vợ. Thật tội cho bà ấy. Còn tôi thì chỉ biết nhìn cuộc sống của anh mà ao ước...

Đôi dép nói tới đâu tôi giật mình tới đấy. Chết thật! Chẳng lẽ tôi là một thằng chồng ích kỷ như thế sao?

Ngay lập tức, tôi quyết tâm sửa chữa lỗi lầm:

- Em ạ! Rạp Thăng Long đang chiếu phim hay lắm. Tối nay, anh và em đi xem ghen!

Lần thứ hai trong một tuần, đôi mắt vợ tôi tròn như hai viên bi.

Nhưng mọi chuyện không dừng lại ở đây. Lần này tới lượt chiếc giường ngủ làm khổ tôi. Nó nói với chiếc gối:

- Này cậu, sao người cậu lúc nào cũng ướt đẫm như thế kia? Tớ chẳng thấy cậu khô lấy một phút.

- Khô sao được mà khô! - Chiếc gối thở dài - Tối nào bà chủ cũng khóc, mà phải khóc lớn gì cho cam, cứ dụi mặt vào người tôi mà khóc thâm khóc lén. Cứ cái kiểu này, thân tôi chưa nhào ra là may, chứ đừng nói đến chuyện khô với chả khô!

Lại chuyện gì nữa đây? Tôi rùng mình như có ai chích kim vào người.

Cả chiếc giường cũng thức mắc:

- Sao lại thế nhỉ? Tớ thấy dạo này ông chủ quan tâm đến bà chủ nhiều lắm cơ mà!

Chiếc gối tặc lưỡi:

- Thì đã đành là ông chủ có để ý đến vợ mình hơn trước, nhưng không phải là đã quan tâm đến mọi chuyện. Ngay cái chuyện đi ngủ đây này, ông chủ cũng đã làm buồn lòng bà chủ biết bao nhiêu. Hai vợ chồng suốt ngày đâu có ai thấy mặt ai, chỉ có buổi tối trước khi ngủ mới gặp nhau tí tẹo. Thế mà ông chủ sau khi chui vào giường, lót gối dưới đầu xong, lại mở tờ báo ra, chúi mũi đọc, đọc mê đọc mãi, chẳng hề để ý đến bà vợ nằm cạnh đang chực chờ trò chuyện với chồng. Đọc kỳ đến mỗi mắt, thò tay bật công tắc đánh tách một cái, thế là ông chủ lăn ra ngáy khò khò. Trong khi đó, bà chủ với bao nhiêu chuyện trong ngày đang muốn bàn bạc, tâm sự với chồng đành phải nằm thao thức một mình. Rốt cuộc chỉ có cái thân tôi lãnh đủ hết. Còn anh chồng vô tư kia thì cứ trơ ra như đá. Trời ơi, nó



dám ví tôi với cục đá, cái đồ mất dạy này! Tôi muốn quăng mẹ cái gói phấn chủ này xuống sàn cho rồi, nhưng nghĩ lại, tôi thấy sự ví von láo lếu của nó cũng không xa sự thật là bao.

Lẽ dĩ nhiên, ngày hôm đó trước khi đi ngủ, người chồng đáng yêu là tôi nhỏ to trò chuyện với vợ một cách vui vẻ. Vợ tôi tươi tỉnh thì rõ rồi. Điều đáng nói là chính tôi cũng ngạc nhiên khi khám phá ra sự thú vị trong hành động mới mẻ này. Té ra vợ chồng cũng cần nói chuyện với nhau, lần đầu tiên kể từ ngày cưới tôi phát hiện ra điều đó.

Sau tủ, bàn, giày, dép, giường, gói lại tới khăn mặt, chổi, đồng hồ, bút máy, hộp quẹt, nồi, chảo... mỗi thứ đều cung cấp cho tôi một số tin tức về cuộc sống nội tâm của vợ tôi. Nhờ vậy mà tôi từng bước một khắc phục được những thiếu sót của mình trong cuộc sống gia đình. Và kết quả hiển nhiên là quan hệ giữa vợ chồng tôi ngày một tốt hơn.

Trong lúc tôi định đem viên ngọc của mình tới Viện khoa học quốc gia để nhờ các đồng chí ở đó phân tích, xét nghiệm các hợp chất cấu thành của nó để sau đó có thể sản xuất thêm hàng triệu viên như thế và cấp cho mỗi cặp vợ chồng một viên thì đúng một cái, viên ngọc không còn nữa.

Các độc giả có tiếc mà trách thì tôi cũng đành chịu chứ sự thể là như thế này. Tôi đi tắm biển ở Vũng Tàu và mang viên ngọc theo. Khi xuống nước, tôi ngậm nó trong miệng, ý là để nghe thử sóng nước và tôm cá nói nhăng nói cuội những gì. Bất thần một con sóng không biết từ đâu nhảy bổ vào mặt tôi khiến đôi mắt cay xé. Tôi nhắm nghiền mắt lại, còn miệng thì há ra... uống nước. Thế là thứ của quý báu trời cho kia trôi tuột ra khỏi miệng tôi và chuôi đi mất. Thật là tiếc đứt ruột. Về nhà, tôi cứ ngẩn ra như người mất hồn. Xót viên ngọc thì ít mà xót cho mình thì nhiều. Không có nó, từ nay cuộc sống của tôi sẽ khó khăn biết chừng nào. Vợ tôi muốn gì, nghĩ gì, mỗi ngày khóc mấy lần, cười mấy lần, làm sao tôi biết. Cái bàn cái tủ bây giờ

thì cứ trơ ra như những vật vô tri, thật chẳng được cái tích sự gì!

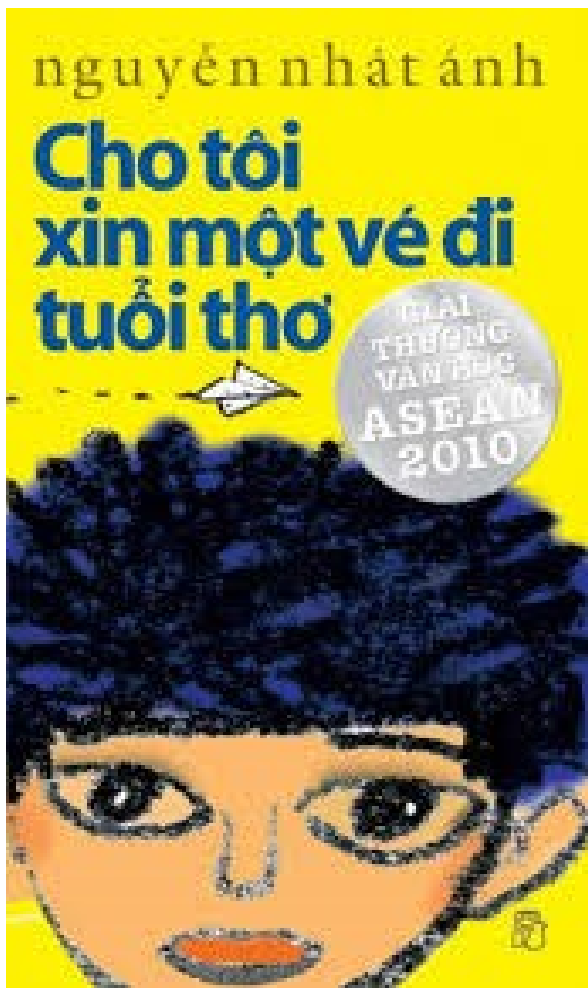
Chiều đó, đi làm về, thấy vợ đang chuẩn bị thổi com, tôi vừa thay đồ vừa cố đoán xem cô ta đang cần gì. Không có viên ngọc thì tự mình phải tìm hiểu thôi. Sau khi suy nghĩ một thoáng, tôi ôm bó củi đi chợ. Khi tôi bê những thanh củi vụn vào bếp thì vợ tôi nhoèn miệng cười với tôi một cái, tươi như hoa. Khi com chín tới, trong lúc vợ tôi đang múc thức ăn ra bát thì tôi lại phải suy nghĩ xem mình nên làm gì. Và tôi quyết định đi lau bàn, dọn mâm và kê lại ghế ngồi, vừa vặn lúc vợ tôi bung thức ăn lên và... cười, một lần nữa tươi như hoa nở xong, khi vợ tôi đi rửa chén bát thì tôi lại... nghĩ ngợi. Mất viên ngọc thì đời nó khô thế đấy! Và cuối cùng tôi cũng nghĩ ra: phải giúp vợ một tay. Thế là tôi mon men xuống bếp và ngồi cạnh vợ, tập rửa bát. Vợ tôi có vẻ rất hài lòng về đức ông chồng của mình, cô ta ríu rít luôn miệng. Cô ta đâu có biết nỗi khổ mất ngọc của tôi.

Khi vào giường chuẩn bị đi ngủ, quay sang vợ, tôi bất chợt nhìn thấy chiếc áo của cô ta đã sờn vai, lại lốm đốm vài mụn vá. Tôi sực nhớ ra từ trước tới nay, mỗi khi mua được vải, cô ta chỉ toàn may áo cho tôi. Cô ta bảo: Anh đi lại nhiều, cần ăn mặc đàng hoàng, còn em thì.... Thì như chiếc áo cũ mà tôi đang nhìn thấy lúc này đây. Thật tội!

Tôi đăng hăng:

- Tuần tới cơ quan anh bán vải. Lần này thì anh nhất quyết phải may áo cho em. Thú thật là từ khi lập gia đình đến nay tôi mới nói với vợ được một câu tử tế như vậy. Ngay lúc đó, vợ tôi ôm chầm lấy tôi và dụi mặt vào ngực tôi một cách âu yếm. Trong nỗi xúc động dạt dào đó, tôi bỗng hiểu ra cuộc sống thật là đáng yêu và vun đắp hạnh phúc gia đình không phải là một việc khó lắm nếu như ta biết quan tâm đến người cùng chung

sống hơn là chỉ bo bo nghĩ đến bản thân mình. Và như vậy có nghĩa là viên ngọc kỳ diệu kia, thực sự nó không hề mất đi, nhưng thay vì ở trong miệng thì bây giờ lại nằm trong lồng ngực tôi và đang đập một cách khoan thai. Cái viên ngọc ấy cặp vợ chồng nào cũng có, nó được cấu thành bởi những hợp chất như nhau và đang mạch bảo cho chúng ta những điều khôn ngoan trong cuộc sống.



## HUỶNH ÁI TÔNG

Trong bài: *Nguyễn Nhật Ánh, người kể chuyện của thiếu nhi*, Thái Phan Vàng Anh đã có nhận định:

*“Dẫu không quá chú ý đến cách kể, đến kỹ thuật dựng truyện, Nguyễn Nhật Ánh vẫn có một “nghệ thuật” kể chuyện riêng. Cái hấp dẫn, cái “duyên” của truyện Nguyễn Nhật Ánh chủ yếu nhờ vào sự hồn nhiên, tươi tắn ở ngôn ngữ, giọng điệu trần thuật. Thông qua những trang văn dí dỏm với những chi tiết, tình huống bất ngờ, thú vị, Nguyễn Nhật Ánh đã làm sống dậy một “miền tuổi thơ” đáng yêu, đáng nhớ trong cuộc đời của mỗi người. Đây là lí do khiến không chỉ thiếu nhi mà người lớn cũng yêu thích truyện Nguyễn Nhật Ánh.”*

Tài liệu tham khảo:

- Nguyễn Nhật Ánh Web: [vi.wikipedia.org](http://vi.wikipedia.org)
- Viên ngọc Web: [isach.info](http://isach.info)

### 39. Nguyễn Trọng Tín



#### Nguyễn Trọng Tín (1956-20 )

Nguyễn Trọng Tín sinh ngày 25 tháng 5 năm 1956, tại huyện Mỏ Cày, tỉnh Bến Tre.

Trong những năm chiến tranh Việt Nam, tham gia du kích và công tác Đoàn ở Cà Mau.

Sau năm 1975 làm việc ở Cà Mau rồi chuyển về Tp. HCM làm biên tập viên báo *Sàigòn Tiếp Thị*, ông còn có bút danh Nhất Nguyên.

Là Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam, là Hội viên Hội Nhà văn Việt Nam từ năm 1988,

Nguyễn Trọng Tín đã nhận được các giải thưởng văn học:

- Giải 3 thi thơ hay báo Văn Nghệ TP Hồ Chí Minh năm 1993.
- Giải Ba thi thơ báo Văn Nghệ Hội nhà văn Việt Nam năm 1995 (Thái Lan rừng chiều).
- Giải Tư văn xuôi viết về đề tài lực lượng vũ trang và

## HUỶNH ÁI TÔNG

- chiến tranh cách mạng, Bộ Quốc phòng năm 2000
- Tặng thưởng Hội nhà văn năm 1999 (tập thơ Sa mưa).
  - Giải nhất bút ký, phóng sự báo Văn Nghệ Hội nhà văn Việt Nam năm 2003 (bút ký Tiếng dội của đất).

Nguyễn Trọng Tín thường trú tại Quận Bình Chánh Tp. HCM.

Tác phẩm:

- *Châu Lâu* (thơ, 1978 )
- *Đầu mùa mưa* (trường ca, 1980)
- *Dấu chân trong rừng* (thơ, 1984)
- *Sông Trẹm giữa U Minh* (bút ký, 1985)
- *Mưa bay trên sông* (thơ, 1988)
- *Bè trầm* (tiểu thuyết, 1988)
- *Chân dung người du kích* (trường ca, 1993)
- *Gặp lại một vàng trắng* (thơ, 1994)
- *Sa mưa* (thơ, 1998)

Trích văn:

### **Tư Biễn**

Sau khi nhận giấy phục viên, ông Tư Biễn quyết định về sống ở xóm Vịnh Nước Sôi, mặc dù nơi đây không phải quê hương bản quán và cũng chẳng có ai là bà con ruột thịt của ông. Ngày ông trở về thật ân tượng với người dân ở cái xóm heo lánh này, nhất là trẻ con. Thời đó, tàu đò từ Cà Mau đi Năm Căn mỗi ngày chạy một chuyến, nhưng về đến xóm Vịnh Nước sôi mười lăm ngày mới có một chuyến tàu. Chủ tàu là một thanh niên trong xóm có máu giang hồ. Nhiều năm anh ta đi theo một gánh sơn đông mã vĩ, lang bạc đây đó, vừa diễn trò vừa bán thuốc dòm kiếm sống. Bỗng một hôm anh ta trúng số độc đắc, tính ra hơn trăm cây vàng. Anh chàng này bèn sắm chiếc tàu to đùng vừa chở hành khách, hàng hóa; vừa làm nhà ở, chạy

tuyến đường Cà Mau – Năm Căn. Anh ta dành cho vợ con sở hữu chiếc tàu, còn mình lại tiếp tục đi hát. Nhưng cứ mười lăm ngày, tàu của anh chạy thẳng về Vịnh Nước Sôi một chuyến, hành khách không phải trả thêm tiền, xem như một cử chỉ điệu nghệ của anh ta với quê hương. Cái cử chỉ điệu nghệ ấy tỏ ra ích lợi với cư dân Vịnh Nước Sôi, Nếu không, chẳng có ai đại gì sắm tàu chạy về một nơi cuối rừng giáp biển với cái xóm mồ côi không hơn chục ngôi nhà. Mỗi lần tàu về, cả xóm Vịnh Nước Sôi kéo ra bờ sông chờ đón. Người ta ngóng đợi những chuyến tàu ấy mang lại một sự lạ hầu làm thay đổi bầu không khí tù đọng, tẻ nhạt của cuộc sống thường nhật. Chẳng hạn, một ông khách lạ hoắc tận miền Bắc vào tham quan, toàn kể những chuyện mà không một ai ở đây biết được; hay một bà sang trọng, già móm mém, đi tìm người yêu cũ nghe nói có lưu lạc đến đây thời chống Pháp v.v...

Buổi chiều ông Tư Biển trở về thật tung bùng. Duy nhất một người trong xóm biết ông, còn tất cả đều không, đơn giản chỉ vì họ chỉ trôi giạt đến đây sau ngày ông đã đi khỏi nơi này. Dù vậy, căn nhà sàn của ông Hai Thung vẫn chật ních người. Họ đến chủ yếu để xem, để rờ chiếc xe Honda ông Tư Biển vừa mang theo về. Ở cái xóm mà sự đi lại giữa nhà này với nhà kia là những chiếc cầu được ghép bằng những cây đước, chiếc xe Honda xuất hiện ở đây quả là một vật lạ. Càng lạ lùng hơn khi người ta biết ông Tư Biển quyết định về ở hẳn nơi này.

Việc đầu tiên của ông Tư Biển là tìm chỗ cất ngôi nhà cho mình. Vùng rừng ở đây không ai làm chủ. Người mới đến, muốn cất nhà ở đâu thì cứ việc. Thông thường, ngôi nhà mới bao giờ cũng được dựng tiếp sau ngôi nhà cuối cùng của xóm. Nhưng ông Tư Biển lại không theo cái lẽ thông thường ấy. Ông vào sâu trong ngọn rạch Tắc Cây Mắm, nơi tiếp giáp với trảng Chạy Buồm, đôn đước, chặt lá dựng cho mình ngôi nhà sàn nhỏ nhưng thật khang trang. Ông mua lại của một người đi làm củi chiếc xuồng ba lá cũ làm phương tiện đi lại. Còn chiếc xe

Honda, ông tháo dây sên làm xích, khóa nó vào chân cộ.

Sau khi cất nhà, việc kế tiếp của ông Tư Biển là đào đất đắp bờ, bao ví một góc trảng Chạy Buồm để làm ruộng nuôi tôm. Đây cũng là một sự lạ đối với người trong vùng. Trước nay, dân vùng này sinh sống bằng hai nghề chủ yếu. Thứ nhất là vào rừng đốn đước cưa củi hoặc hầm than bán cho các ghe thương hồ. Nhưng sau tháng Tư năm Bảy Lăm không lâu, nhà nước đã cho đóng nhiều trạm kiểm lâm chốt chặn các cửa rừng. Cây đước trở thành tài sản quốc gia. Nhiều nơi người ta đang cho đo đạc lại đất rừng để chuẩn bị lập các lâm trường. Thành ra, nghề sống duy nhất của dân trong vùng bấy giờ chỉ là khai thác thủy sản, chủ yếu là con tôm. Trên con sông Cái nối liền từ biển Đông qua vịnh Thái Lan, người ta khai thác tôm bằng nghề đóng đáy. Trên các sông nhỏ và kinh rạch trong rừng, vào con nước kém, người dân dùng chài để bắt tôm. Tôm được luộc chín, phơi hoặc sấy khô, đập bỏ vỏ, ruột tôm gọi là tôm khô. Tôm khô được thương buôn mang bán ở các chợ, các vùng khan hiếm thực phẩm tươi, như một món đặc sản. Thuở ấy chưa ai xuất khẩu tôm ra nước ngoài. Do vậy, cách bắt tôm của ông Tư Biển trở thành một thứ kỹ nghệ tân tiến. Sau khi đào kinh bao ví khép kín, ông làm một cái cống nhỏ thông ra sông. Vào con nước ròng, ông dỡ cống cho nước vào đầy ruộng. Nước kém, ông tháo cống, dùng lưới chặn bắt tôm. Kết quả thật không ngờ, số tôm mà ông bắt được gấp năm, bảy lần những gia đình khác. Sau đó không lâu, ruộng tôm bắt đầu lan tỏa khắp các vùng rừng trũng, chỉ trừ ra trảng Chạy Buồm, bởi cái trảng nước rộng đến cả ngàn héc-ta này đã có một đơn vị lâm trường độc quyền bao ví. Bấy giờ ruộng tôm của ông Tư Biển nằm thò vào trong phần đất của lâm trường và được mặc nhiên thừa nhận như một việc đã rồi. Và, cũng chẳng ai dám gặng hỏi hay hạch sách, bởi khi về đây, ông có mang theo hai khẩu súng; một ngắn, một dài, mà nghe đâu ông có đủ giấy phép sử dụng.



Hằng tháng ông Tư Biển theo tàu ra Cà Mau bán tôm rồi đi chơi đầu đố, gặt con nước kém lại về để xỏ tôm. Khi đi, cửa nhà ông vẫn để ngổ. Bọn trẻ con trong xóm thường kiếm cua gạch, tôm sú đổi lấy xăng của những người lái tôm, mang đến đây cho nổ máy chiếc xe Honda làm trò tiêu khiển. Ông Tư Biển có biết điều này, nhưng ông cứ lờ đi, không quở trách gì đám trẻ.

Một lần đi bán tôm, ông Tư Biển dẫn theo về một phụ nữ trẻ, da vẻ xanh xao như người đang bệnh sốt rét. Chỉ có ông Hai Thung là nhận ra đó là cô Mỹ Lệ, con gái duy nhất của vợ chồng Ba Sông.

Vợ chồng Ba Sông là cư dân đầu tiên đến sinh sống ở xóm Vịnh Nước Sôi này với nghề đóng đáy hàng khơi. Thực chất đây là trạm liên lạc đầu cầu của những người hoạt động cách mạng đi về bằng con đường biển. Hàng đáy của Ba Sông ở ngoài khơi, cách vàm sông chừng mười lăm cây số. Hồi ấy, cái xóm này chưa có tên. Ở vịnh sông, nơi xóay nước có một mạch hơi khí lục ục sôi trào suốt ngày đêm. Vào những đêm tối trời, những bọt hơi khí ấy phát cháy ngọn lửa xanh lét như lửa ma troi. Những người lui tới liên lạc qui ước gọi đây là Vịnh Nước Sôi. Chẳng biết tên gọi ấy lan truyền ra dân gian bằng cách nào mà thành địa danh nơi này.

Tư Biển là em nuôi của Ba Sông. Chính cái tên Tư Biển mà ông mang cho đến giờ là do Ba Sông đặt. Tên thật của ông là BỂ. BỂ không phải là biển mà là cái ống bể lò rèn. Nhà ông làm nghề rèn truyền đời từ thời ông cố, ông nội, rồi đến đời ba ông thì chấm dứt. Nó chấm dứt bởi một tai nạn khủng khiếp. Một hôm có người lạ mang đến một khối sắt hình trụ, lớn cỡ trái bí đao. Người khách muốn thuê rèn một số thanh mã tấu. Ba ông đã đưa khối sắt vào lò, má ông ngồi kéo ống bể. Cái khối sắt ấy bỗng dung phát nổ lam chét cả ba má ông, người khách lạ và đưa em gái của ông đang ngồi chơi gần đó. Ông chỉ còn lại một

mình trên đời. Từ đó nghề truyền đời của gia đình ông chấm dứt. Ông xuống một ghe biển làm bạn, bỏ hẳn ngôi nhà cũ, sống lênh đênh ngoài khơi.

Người xưa có câu: “Phước bất trùng lai, họa vô đơn chí”, thế mà đúng. Vào một ngày nắng đẹp, biển yên, chiếc ghe buồm mà ông đi bạn đang neo đậu gần một hòn đảo thì bất ngờ một lượn sóng thần lừng lững nổi lên, cao hơn chục mét, âm âm lao về phía đảo và chiếc ghe đánh cá đang neo đậu. Trong phút chốc, chiếc ghe dễ dàng bị nhận chìm như một chiếc lá khô. Đáng lẽ con sóng phải đẩy ông vô phía đảo, đằng này nó lại kéo ông ra khơi. Ông chỉ kịp vớ lấy một cái phao lưới. Suốt bốn ngày bốn đêm ông trôi vờ trên biển cho đến khi dạt tấp vào đáy hàng khơi của vợ chồng Ba Sông.

- Nó đã đến đây thì phải ở lại đây thôi!

Đó là câu đầu tiên anh thanh niên tên Bể nghe được khi vừa thoát khỏi cơn mê man. Cũng trong đêm đó, sau khi nghe người thanh niên được mình vớt lên từ biển kể hết nguồn cơn lai lịch, Ba Sông nói ngắn gọn:

- Từ nay mày là em tao, ở lại đây sống với anh chị. Tao là Ba Sông, Còn mày, mày là Tư Biển.

Từ đó, chàng thanh niên tên Bể biến mất trên đời. Hàng ngày Tư Biển theo Ba Sông đi đóng đáy hàng khơi. Những hôm có đưa đón khách hay có người của tổ chức về liên lạc, Tư Biển ở lại nhà với cháu Mỹ Lệ để vợ chồng Ba Sông đi. Ba Sông chưa hề nói với Tư Biển về hoạt động bí mật của mình nhưng cũng không tỏ ra giấu giếm. Năm ấy bé Mỹ Lệ mới chập chững biết đi. Tư Biển sống với gia đình Ba Sông được bốn năm. Ngoài công việc đóng đáy, hàng năm vào mùa hạn, quãng sau Tết cho đến sa mưa vào đầu tháng Năm âm lịch, thỉnh thoảng một, hai tuần Tư Biển lại dong buồm ra đảo Hòn Khoai để chở nước

ngọt. Chính trong những chuyến đi ấy Tư Biển đã có được một mối tình, mối tình duy nhất trong đời ông, mà cả vợ chồng Ba Sông cũng không hay biết...

Ngày kia, vợ chồng Ba Sông đi biển mãi gần một tháng mà không thấy trở về. Một đêm, có người đến gặp Tư Biển và tự xưng là người của tổ chức cách mạng. Người lạ thông báo rằng vợ chồng Ba Sông gặp nạn ngoài biển, không còn trở về được nữa. Tổ chức cách mạng quyết định đưa Tư Biển vào hẳn trong căn cứ, còn cháu Mỹ Lệ sẽ được đưa về quê ngoại cho người thân nuôi dưỡng. Ngay trong đêm đó Mỹ Lệ được người lạ mang đi, Tư Biển được hẹn ba hôm sau sẽ có người đến đón. Sau khi chỉ còn lại một mình, Tư Biển hấp tấp dong buồm trong đêm ra đảo Hòn Khoai. Anh ra đây là để gặp cho được người yêu, còn sau đó sẽ làm gì anh cũng không biết. Trong đêm, anh đốt lửa bên bờ suối làm hiệu, nhưng người yêu anh không đến. Sáng ra, anh cởi áo để lại bên bờ suối, luồn rừng đi tìm khắp nơi, ở những nơi người yêu từng dẫn anh đi hái trái guai, đào khoai, xướng măng... cũng không gặp. Khi mặt trời đã chìm xuống biển, không còn cách nào khác, Tư Biển đánh liều đi vào ngôi nhà duy nhất trên đảo, ngôi nhà của người gác đèn. Ông già gác đèn ngồi trầm tĩnh nơi ngạch cửa như là đang đợi anh. Chính ông già này, cách nay chỉ hơn tháng đã lôi người yêu ra khỏi vòng tay anh khi hai người ôm nhau lăn lộn trên tảng đá lớn nơi bờ sỏi. Bàn tay rắn như đá của ông đã giáng thẳng cánh vào mặt anh cái tát nảy lửa rồi lôi sẽ sệt người yêu của anh đi mà không nói một lời. Bây giờ thì ông nói:

- Chú em đi đi. Đừng bao giờ ra đây nữa. Nó đi về Ô Cấp rồi!

- Bác ơi, Ô Cấp là ở đâu?

Ông già khép cửa rồi quay lưng, ngược dốc theo con đường nhựa dẫn lên đỉnh núi, nơi có ngọn hải đăng.

Sau khi vào căn cứ, thỉnh thoảng người ta lại tra hỏi về chuyến đi biển cuối cùng này và chưa lần nào Tư Biển đủ sức để kể ra sự thật. Cũng vì vậy mà suốt những năm tháng dài sống trong xường quân gởi, Tư Biển không một lần được ra tiếp xúc với xã hội bên ngoài, cho mãi đến ngày 30 tháng 4 năm 1975. Người ta phân anh về đây vì biết anh có nghề rèn gia truyền.

Về sống ở nhà ông Tư Biển được năm tháng thì Mỹ Lệ sinh con. Cô nhất quyết không chịu ra khỏi nhà khi đã trở dạ. Ông Tư Biển phải ẵm cô xuống xuống, ôm chặc cô một chỗ, nhờ một người bơi xuống mới đưa được cô đến nhà một bà mẹ. Đây là lần đầu cô ra khỏi nhà kể từ khi về sống ở Vịnh Nước Sôi. Hơn một giờ sau Mỹ Lệ sinh được một đứa con trai.

Sau khi sinh con, tính tình Mỹ Lệ tự nhiên khác hẳn. Trước đây, trong thời kỳ mang thai, bất kỳ một người nào đến nhà, cô luôn ở lì trong buồng, có khi suốt cả ngày, không màng ăn uống. Nhưng bây giờ cô lại tỏ ra vui mừng, thích thú khi có ai đó đến chơi. Hàng ngày, cô ẵm con lân la khắp các nhà trong xóm. Càng ngày cô càng trở nên linh lợi và đáo để. Một lần, có một tay đàn ông chột nhả hỏi cô về ba của thằng Nhứt, con cô. Đột ngột cô nói hồ nghi rằng nó là con của anh ta, khiến bà vợ ông này tái mặt. Cùng với sự thay đổi tính tình, như có phép màu, càng ngày nhan sắc của Mỹ Lệ càng trở nên rực rỡ một cách khác thường. Má hồng, da mịn, môi thắm, mi cong dài, mắt long lanh, ngực tròn căng, eo thon, dáng đi uyển chuyển. Bất thường hơn nữa là cô gần như cố ý phô trương cái nhan sắc rực rỡ ấy không phải bằng cách chung diện mà bằng cái kiểu ăn mặc cầu thả đầy vẻ khêu gợi. Đám đàn ông và cả trai tơ trong xóm đâm ra mê mết với nhan sắc của người đàn bà một con này. Ngôi nhà nhỏ của ông Tư Biển bỗng trở thành địa điểm để đám đàn ông trai tráng làm như là tình cờ, với đủ thứ lý do, để ghé qua. Căn nhà lúc nào cũng đầy ắp tiếng nói, cười. Thằng Nhứt tự dưng có được rất nhiều người tự xưng là cha và nó nhận được nhiều món đồ chơi lạ, quặng nghinh ngang khắp nhà. Trái lại với tính tình cởi mở của Mỹ Lệ, ông Tư Biển ngày

một trở nên lảm li ít nói và ông hay có những chuyển đột ngột bỏ đi đâu đó nhiều ngày.

Có một khuya ông trở về. Đó là một đêm rằm. Cả cánh rừng ngời sáng ánh trăng. Nhà không đèn. Cửa vẫn để ngõ. Giường ông mừng đã buông. Ông biết trong đám mền gối ấy đang phập phồng thân thể của một người đàn bà. Ông sờ soạn trong đám mền gối. Thân thể của người đàn bà mềm ấm và buông thả. Ông lần tìm lại tuổi trẻ của mình trên từng phần của thân thể mềm ấm kia. Khi tay ông dừng lại trên bộ ngực căng tròn, ông nghe thấy từ đầu vú có dòng sữa ấm đang âm ỉ chảy. Và rồi tự dưng ông cảm thấy mệt mỏi đến rã rời khi phát giác ra rằng, ông không sao thực hiện được cái công việc bản năng của một người đàn ông, dù ông rất thèm muốn, rất cố gắng. Ông lập cập bò ra khỏi giường, dò xuống xuống, háp tấp chóng ra trăng Chạy Buồm như một kẻ chạy trốn. Trọn đêm ông thức với ánh trăng lai láng trên đầm nước. Chốc chốc ông lại đưa ngón tay lên mũi để nghe lại hương thơm của mùi sữa đàn bà. Và ông lại nhớ tới những giọt sữa mà vợ Ba Sông đã nặn ra từ bầu vú của mình để mớm vào môi ông khi ông chỉ còn là cái xác thoi thóp được vớt lên từ biển. Dầu thế ông vẫn không thấy mình là một kẻ tội lỗi. Ông chỉ thấy một nỗi buồn nhớ cay đắng. Ông nhớ tới Đẹp, người ông yêu. Ông nhớ hai bầu vú tròn căng của nàng, trên hai cái gò cao trắng ngần ấy có hai quần tròn ửng hồng. Lần duy nhất ông nhìn thấy rõ hai bầu vú ấy là vào một trưa nắng như thiêu, ông và nàng trằm mình dưới suối. Và khi cả hai cùng khỏa thân hoàn toàn, ông nhớ khi ấy mình đã nhìn thấy biển yên một cách khác thường, không một gợn sóng, phẳng lì một màu xanh bất tận. Sau này, mỗi khi nhớ về Đẹp một cách vô vọng, Tư Biển có tìm đến với những người đàn bà xa lạ, nhưng chưa bao giờ ông gặp được hai bầu vú rắn chắc và nhọn cùng với hai cái quần hồng như vú của nàng.

Sau đêm trăng trên trăng nước, ông Tư Biển biến mất khỏi xóm Vịnh Nước Sôi. Năm này rồi năm khác trôi qua. Đến lúc mọi

người chắc chắn là ông không còn trở về, thì Tu Biển lại đột ngột trở về. Bây giờ quang cảnh của xóm Vịnh Nước Sôi thay đổi đến không còn nhận ra được nữa. Con rạch Tắc Cây Mắm đã biến mất. Thay vào đó là con kinh sáng lớn với một bên kinh là bờ đê cao vọi. Mặt đê được san phẳng thành con lộ lớn. Trên mặt lộ trải lớp đất màu gạch cua, một thứ đất chưa từng thấy ở xứ này. Buổi chiều ông Tu Biển trở về, khi tàu cập bến, ông nhìn thấy trên lộ cao tốp con nít đông nghịch đang bu quanh một vật gì đó. Khi đến gần ông mới biết là bọn chúng đang ra sức đẩy chiếc xe Honda của ông cho một đứa đang ngồi trên xe cầm lái. Chiếc xe không còn nổ máy được nữa. Khi nhìn thấy ông, bọn trẻ ù té chạy, bỏ lại chiếc xe nằm lật gọng giữa lộ. Ông Tu Biển thảng nhiên đến đỡ chiếc xe lên rồi hí hục dắt về ngôi nhà cũ của mình.

Sau đêm trăng ông Tu Biển bỏ đi, vuông tôm của ông được sấp nhập vào đất lâm trường. Nhưng khi ông trở về, lâm trường lập tức cử người đến đưa cho ông một khoản tiền khá lớn, xem như họ chia lợi nhuận cho ông. Họ hứa từ nay về sau hàng tháng ông vẫn còn nhận được một món lợi nhuận, mãi mãi.

Mỹ Lệ đã rơi nước mắt khi ông Tu Biển trở về. Cô làm tiệc mừng ông và mời rất đông người. Cô mừng thật sự chứ không vì món tiền mà ông đã đưa cho cô, nói là để cô nuôi thẳng Nhứt. Bởi vì, bây giờ đời sống mẹ con cô cũng khá sung túc, Sau khi ông Tu Biển ra đi, Mỹ Lệ ra nơi đầu con kinh sáng mới đào, nơi ngày trước là chỗ vàm rạch Tắc Cây Mắm đổ ra Vịnh Nước Sôi, dựng căn nhà làm quán bán cà phê với sự góp sức của rất nhiều đàn ông, trai tráng trong xóm. Quán của cô bây giờ mở cửa thâu đêm cũng không ngớt khách. Họ là thủy thủ của các tàu đánh bắt từ ngoài khơi vào và những lái tôm mang tôm đến bán cho xưởng tôm đông lạnh của lâm trường. Xưởng được xây dựng sâu bên trong trảng Chạy Buồm sau khi con kinh sáng đào ăn thông vào tận trong ấy. Trong bữa tiệc, Mỹ Lệ cười nói huyền thuyên, trông cô bây giờ vẻ đẹp càng

mặn mà sắc sảo hơn trước vì cô đã biết dùng đến những thứ mỹ phẩm tân thời. Cô dạy cho thằng Nhứt gọi ông Tư Biển là ông chú. Cô làm như giữa cô và ông chưa hề xảy ra cái đêm trăng ấy.

Bây giờ ông Tư Biển đã trở thành một người già thành thạo vì chẳng phải làm gì, hàng tháng vẫn có món tiền dư sống. Ông cũng không còn có những chuyến đi xa đột ngột. Ngược lại, bất kỳ lúc nào có dịp là ông lại ra đảo Hòn Khoai. Ngày trước, đã nhiều lần ông tìm mọi cách ra lại Hòn Khoai, nhưng không được. Nhiều năm sau giải phóng, Hòn Khoai là vùng đất thuộc quyền quản lý của giới quân sự, dân thường bị cấm lui tới. Nhưng giờ đây người ta đã thả lên hòn đảo này một bầy khí đông đúc. Ngành du lịch đang biến nơi này thành điểm tham quan và tắm biển cho du khách. Giữ đèn hòn bây giờ là một đơn vị hải quân, hơn chục chú lính trẻ măng được đưa đến từ những miền quê xa lắc tận ngoài Bắc. Trong họ, không một ai biết gì về tung tích của ông già gác đèn từng là người tiên nhiệm của họ. Đã không biết bao lần ông Tư Biển đã đến Ô Cấp, bây giờ là thành phố Vũng Tàu để thức trắng nhiều đêm và đi lang thang vô vọng.

Lúc mới trở về, ông Tư Biển dành nhiều thì giờ để tu sửa chiếc xe Honda. Ông ghi bảng kê các món phụ tùng cần thiết, gọi tàu đò ra chợ Cà Mau mua về rồi tự tay tháo ráp sửa chữa. Thế mà chiếc xe đã nổ máy và trở lại hoạt động như bình thường, khiến mọi người sửng sốt. Mỗi chiều, sau khi đã nhậu cườm cườm, ông lại dắt xe lên con lộ đất đỏ, nổ máy inh ỏi, tập hợp lũ trẻ con lại chạy thi và bao giờ ông với chiếc xe cũng về nhất. Dân trong xóm Vịnh Nước Sôi, từ người già tới trẻ nhỏ ai cũng có dịp được đi trên chiếc xe này. Mỗi lúc xe ông nổ máy, đều có một người ngoắc lại quá giang. Có khi đoạn đường họ đi không đầy trăm thước. Nhiều người chẳng có chuyện phải đi đâu, vẫn ngồi lên xe. Và cả ông, những lúc buồn, ông lại dắt xe ra đường xem có ai đi thì chờ.

Cuộc sống cứ thế trôi đi trong nhiều năm với những thay đổi lớn lao. Cạnh quán cà phê của mẹ con thằng Nhứt là chiếc cầu bê tông đồ sộ bắt qua con kênh sáng mới. Cái xưởng chế biến tôm đông lạnh của lâm trường giờ đã trở thành nhà máy chế biến thủy sản với hơn ngàn nữ công nhân. Mỗi lúc tan ca, đứng trên chiếc cầu bê tông nhìn vào cổng nhà máy, thấy người cuộn cuộn tuôn tuôn ra trắng lớp như một đàn cò lớn. Cái xóm Vĩnh Nước Sôi ngày xưa bây giờ đã là một thị trấn nhà cửa chen chúc xô bồ đến tận mép nước, với vô số đường ngang ngõ tắt. Chỗ Vĩnh Nước Sôi, nơi con sông cái ngoặt sâu vào đất liền, người ta vừa xây xong cái cảng cá dài mấy trăm thước với chiếc cầu phao vươn dài ra giữa vịnh. Ông Tư Biển giờ đây đã là một ông già khô gầy, tóc bạc trắng. Chiếc xe Honda của ông giờ chỉ như đồng sắt vô dụng, phủ bụi, dựng ở góc nhà. Khắp thị trấn không biết cơ man nào là xe gắn máy với đủ mọi màu sắc, nhãn hiệu, suốt ngày chen nhau lượn khắp mọi ngõ ngách lớn nhỏ.

Vào ngày Rằm tháng Ba, một ngày nắng mê man, lặng gió. Đó là một ngày Rằm lạ mà ít ai để ý: Cho mãi đến trưa, mặt trăng vẫn không chịu lặn khuất xuống biển, nó cứ nổi bồng bênh ở chân trời như chiếc phao tròn, trắng sáng. Vào trưa ngày Rằm ấy, thằng Nhứt quả quyết rằng, chính mắt nó trông thấy ông Tư Biển từ cầu phao lao cả người và chiếc xe Honda cũ xuống Vĩnh Nước Sôi. Lúc đó nó đang đứng đái trên cầu bê tông. Nó có khoái cảm đặc biệt trong việc đứng đái trên cầu, dù mấy phen bị mẹ rượt đánh vì những người đi xuống qua dưới cầu bị nước đái của nó tưới trúng. Khi thằng Nhứt mặt mày tái xanh, chạy như bay vào nhà loan tin ông Tư Biển lao mình xuống sông, mẹ nó chỉ nói gọn lỏn một tiếng:

- Xạo!

Mấy người khách ngồi ở dãy bàn trước hiên chợt quay lại nhìn mẹ con thằng Nhứt chốc lác, không nghe nói gì thêm, họ tiếp



tục quay ra nhìn vịnh sông đang mờ ảo trong ánh nắng trưa chói chan, tiếp tục lơ mơ ngủ ngồi. Họ ngủ hay đang lắng nghe tiếng nắng kêu lắc rắc trên mái ngói, cũng chẳng rõ.

Xế trưa hôm ấy cho đến chiều, ông Tư Biển bỏ cữ rượu nơi chiếc bàn đặt ở góc quán cà phê của mẹ con thằng Nhứt. Cái bàn ấy có góc nhìn rộng cả quan cảnh cảng cá. Đã nhiều năm nay, ngày nào ông Tư Biển cũng đến đây ngồi nhậu từ xế trưa cho đến khi nước lớn đầy và mặt trời bồng bênh chìm dần xuống biển. Là bởi, từ khi nhà máy chế biến thủy sản được mở rộng, lượng nước thải và dầu mỡ tôm từ nhà máy tuôn xuống dòng nước chảy ngang nhà ông bốc lên mùi hôi thối nồng nặc. Ông phải ra quán ngồi cho đến khi nước lớn đầy pha loãng cái mùi tanh tươi ấy. Quán không bán rượu, nhưng hôm nào chủ quán cũng có rượu cho ông cùng với ít mồi nhậu, khi thì vài con khô mực, vài con tôm sú hấp, mấy chiếc nem..., mỗi ngày một thứ.

Cách nay mấy hôm, ông Tư Biển có chuyến ra đảo Hòn Khoai. Trong đêm, những công nhân trên công trường xây dựng nhìn thấy một ông già tóc trắng như bông ôm một can rượu lớn, ngồi trên một tảng đá lớn nổi lên giữa suối, nhậu một mình và khi đã say mèm, ông vừa khóc vừa gọi tên một người đẹp nào đó. Cái công trường ấy là để xây dựng một nhà máy lọc nước từ nguồn suối cung cấp cho các tàu đánh cá và tàu buôn qua lại trên vùng biển. Người ta kháu nhau là những nhà đầu tư này sẽ trúng lớn vì có khả năng nước ngọt ở đây còn cao giá hơn cả xăng dầu. Sáng ra ông già ấy biến mất.

Một ngày sau ngày Rằm tháng Ba, cái tin thằng Nhứt nhìn thấy ông Tư Biển lao xuống Vịnh Nước Sôi lan đi khắp thị trấn. Người ta đổ ra đông nghẹt cả cảng cá chẳng biết để làm gì. Có một người nào đó gợi ý đi tìm ông Hai Thợ Lặn. Nhưng ông thợ lặn còn bận dò tìm những con tàu sắt bị đánh chìm trên sông Cái từ thời chiến tranh để trục lên bán sắt vụn. Nghe đồn

## HUỶNH ÁI TÔNG

có mấy lần ông này trúng được cả chục tấn dầu trên những con tàu có những bồn dầu còn nguyên vẹn. Người ta còn đồn đại rằng, ông thợ lặn vẫn còn “cất” dưới lòng sông cả chục bộ xương Mỹ, chờ bí mật đem đi bán. Mãi một tuần sau ông Hai Thợ Lặn mới trở về. Sau khi mang bình hơi từ cầu phao nhảy tòm xuống nước đúng nơi thẳng Nhứt đã chỉ, chưa đầy năm phút sau, ông ta nổi phật lên rồi mau lẹ leo lên cầu phao. Cả rừng người nhao nhao hỏi ông có gặp được ông Tư Biển hay chiếc xe Honda? Ông không trả lời mà chỉ nói:

- Ở dưới này có luồng nước xoáy ngầm rất mạnh – ông chỉ xuống chân mình – nó khoét thành cái hang sâu, miệng hang rộng tám sải tay. Sợ không lâu cái cầu cảng này bị sụp...

Nói rồi ông thu dây, cuốn máy ra về.

*Bình Chánh, tháng chạp 2001.*

Trích thơ:

### Chú tôi

*chú ngồi bó gối lặng cười  
"bây giờ thì bà đã thôi ghen hờn"  
nhìn sâu vào cái nhìn buồn  
tôi tin rằng thím vẫn còn khổ tâm*

*"lâu ngày cháu nó về thăm  
mà ông này cứ..."  
thím nhìn ra xa  
áo hồng thấp thoáng chèo qua  
sóng lặn trong ánh mắt nhòa chú tôi*

*một đời khuấy nước chọc trời  
đời chú tôi khác ba tôi mấy vời*

*chú yêu thật đáng cuộc đời  
yêu cho xơ xác cả thời trẻ trai*

*từng đêm thấp thỏm ra đi  
nước sông gạo chợ nghĩ gì tới thân  
mật mờ toàn bóng giai nhân  
ở đâu chú cũng làm thân quê người*

*rượu suông bó gối lặng ngòi  
nhìn lâu chú giống ba tôi quá chừng  
Bến Tre dứa rọp một rừng  
chú trông về đó nhớ từng mo nang.*

(Tháng Chạp năm 1994)

### **Gặp lại một vầng trăng**

*Chị ơi em lại về Cầu Ván  
Mây xuông trăng xuông và sông xuôi  
Bìm bịp ngập ngừng kêu nước lớn  
Một dáng tre cong mấy ngậm ngùi*

*Con đò chở khách vô tình lắm  
Không ghé dùm em một bến sông  
Dù biết lục bình trôi thất lạc  
Lòng không tách được một màu bông*

*Gía vườn xưa ấy dâu đùng chín  
Và chị quên không để tóc dài  
Vành trăng mười sáu hồn nhiên sáng  
Trời vẫn vô tình mây trắng bay*

HUỶNH ÁI TÔNG

*Giá mờ sương ấy con chim két  
Đừng bi bỏ trộm trái vườn sau  
Bến nước em trèo đi mất biệt  
Dây xuống đầu buộc khổ đời nhau*

*Chị ơi đêm nay sông Cầu Ván  
Vàng trắng trôi ngược hướng con tàu  
Mà mùi hương cũ không sao cũ  
Dù trái vườn xưa rụng đã lâu.*

**BẾN CŨ**

*sân đình trống đoàn hát vừa rã gánh  
áo mào bay áo ảnh một chân trời  
dòng sông nhỏ nước nông cuông rồng lớn  
cây khế già góc bến đứng mờ côi*

*cây khế ấy từng một thời chim két  
trái khế xanh hạt muối trắng ngần  
hạt muối ngọt giữa lòng tay ấm nóng  
hơn nửa đời tôi vẫn nhớ rung rung*

*bến nước ấy tôi thề không trở lại  
nhưng càng xa càng khao khát quay về  
thôi xin rút lời thề non dại  
ai không lần muốn được khóc say mê*

*em giết chết tuổi thơ tôi ở đó  
mười sáu em ngơ ngác bước theo chồng  
hoa khế nhỏ tả tôi mưa quăng quật  
lần đầu đời tôi nghĩ tới đáy sông*

*giờ bến cũ và vẫn người xưa cũ  
tóc em nguyên mùi nắng cũ ấm nồng*

*thôi lần cuối bến sông này vĩnh biệt  
đã vợ người em mới để tôi hôn*

*sân đình vắng đoàn hát giò tứ xứ  
ảo ảnh bay xa lắt một chân trời  
khoác bao thứ áo quần lên thân thể  
vẫn chưa lần tôi đóng trọn vai TÔI.*

### **Lúc lắt**

*Nỗn nà lúc lắt đong đưa  
Tháng năm lúc lắt nắng mưa đổi mùa  
Hư không lúc lắt chuông chùa  
Sân si lúc lắt gành đua thối đời*

*Con đường lúc lắt chân trời  
Con tàu lúc lắt biển khơi bão bùng  
Ra đi lúc lắt ngàn trùng  
Quê hương lúc lắt một vùng tuổi thơ*

*Đêm dài lúc lắt giấc mơ  
Quốc gia lúc lắt cõi bờ biên cương  
Trái tim lúc lắt yêu đương  
Bàn chân lúc lắt con đường mộng lung*

*Kiếp người lúc lắt mịt mù  
Bình yên lúc lắt sống cùng lắt lư...*

### **Có mười sáu cuộc chiến tranh**

*Làng xóm đã xanh một màu cây trái  
trẻ con lớn lên thành những đôi trai gái  
dấu vết chiến tranh ngỡ chỉ còn sót lại  
những hố bom - những bà sen đưa hương*

HUỶNH ÁI TÔNG

*Cô bé nhà bên lầy chồng xóm bên  
năm hết chiến tranh cô vừa tám tuổi  
xóm giềng quây quần vui như ngày hội  
tôi cứ bồi hồi tự hỏi  
chẳng biết các cô lớn tự khi nào*

*Áo hồng gói hồng mâm trâu mâm cau  
tôi ngồi vắn vơ đếm từng mái tóc  
đếm những buồn vui đang còn đã mất  
trong mắt trẻ thơ trong mắt người già*

*Và thật tình chờ cho tôi nhận ra  
xóm tôi vắn vẹn hai mươi sáu ngôi nhà  
có mười sáu người đàn bà  
sau chiến tranh chồng không về nữa  
có mười sáu ngọn gió giọt mưa đêm đêm đi gõ cửa  
trong đó có nhà má tôi  
có mười sáu cuộc chiến tranh trong xóm còn âm ỉ  
dù đã mười năm giặc giã qua rồi.*

(Cà Mau, 1985)

- 0 -

*Thơ, văn của Nguyễn Trọng Tín hoài niệm về một thời đã qua, chiến tranh, dĩ vãng, lời văn nhẹ nhàng dễ rung cảm lòng người. Là người miền Nam, nhưng Nguyễn Trọng Tín không có được những từ ngữ Nam bộ như Sơn Nam hay đặc ngữ như Nguyễn Ngọc Tư sau này.*

Tài liệu tham khảo:

- Nguyễn Trọng Tín Web: [vannghesongcuulong.org.vn](http://vannghesongcuulong.org.vn)
- Bến Ô môi Web: [tusach.tuoitre.vn](http://tusach.tuoitre.vn)

#### 40. Nguyễn Quang Lập



#### Nguyễn Quang Lập (1956-20 )

Nguyễn Quang Lập sinh năm 1956 tại Quảng Trạch – Quảng Bình. Ông còn có các bút danh Hồng Nhật, Hồng Đức, Quang Quang.

Cũng như phần lớn các nhà văn Việt Nam khác, ông cũng có thời gian tham gia quân đội vì nghĩa vụ quân sự và một số tác phẩm đầu tay của ông được viết trong thời kỳ này. Sau khi rời quân ngũ, ông làm việc tại Nhà Xuất bản Kim Đồng.

Nguyễn Quang Lập là hội viên của Hội Nhà văn Việt Nam, Hội Nghệ sĩ Sân khấu Việt Nam, Hội Điện ảnh Việt Nam và Hội Nhà báo Việt Nam.

Ông bị tai nạn gãy chân, phải nằm một chỗ, nên viết Blog để giao lưu với độc giả. Cũng như sách của ông có nhiều người đọc thì blog của ông cũng có nhiều người hâm mộ.

## HUỶNH ÁI TÔNG

Blog *Que Choa* của Nguyễn Quang Lập có từ năm 2009  
(quechoa.vn, quechoa.blogspot.com,  
bolapquechoa.blogspot.com, quechoainfo.wordpress.com)

Nguyễn Quang Lập được các giải thưởng:

- Giải Nhà biên kịch xuất sắc nhất tại Liên hoan phim Việt Nam lần thứ 13 năm 2001 với kịch bản phim truyện *Đời cát* và *Thung lung hoang vắng*.
- Giải nhì Cuộc thi sáng tác văn học nghệ thuật của Bộ Văn Hóa Thể Thao và Du Lịch năm 2010 với kịch bản *Tình sử ngàn năm*

Tác phẩm:

- *Tiếng gọi nơi mặt trời lặn* (tập truyện, 1989)
- *Mười tám truyện ngắn Nguyễn Quang Lập* (1997)
- *Những mảnh đời đen trắng* (tiểu thuyết, 1989)
- *Kỷ niệm thời trai trẻ* (1988)
- *Người thổi kèn Trom-pet*
- *Một giờ trước lúc rạng sáng* (tập truyện ngắn, 1986)
- *Những linh hồn sống* (kịch bản, đã diễn năm 2005)
- *Ký ức vụn* (2009)
- *Bạn văn* (2011)
- *Hạnh phúc mong manh* (Văn học, 2013)
- *Mùa hạ cay đắng* (kịch bản)
- *Trên mảnh đất người đời* (kịch bản)
- *Đời cát* (giải vàng Liên hoan phim Châu Á-Thái Bình Dương, giải Bông sen Vàng Liên hoan phim Việt Nam lần thứ 13 năm 2001)
- *Thung lũng hoang vắng* (giải Fipresci, Bông Sen Bạc tại Liên hoan phim Việt Nam lần thứ 13 năm 2001).
- *Không có Eva* (kịch bản này chưa được dựng thành phim, bị Cục Điện Ảnh phê phán mang màu sắc u ám và hơi tiêu



cực, chưa phù hợp với cuộc sống hiện nay. Do đó, đề nghị tác giả sửa chữa và chờ đến đợt xét duyệt vào năm sau).

Trích văn:

### **Đò ơi**

Người lái đò cầm sào đẩy con thuyền tiến thêm chừng một sải nước rồi nhảy xuống, neo thuyền vào một gốc cây bần mọc chìa ra ngoài mé nước. Nắng chưa tắt hẳn, hãy còn vài giọt bầu vuu trên những ngọn cây bần. Phía bên kia sông, một dải nước sáng vàng lấp lánh chạy dài ra cửa sông, trong khi phía bên này, dòng sông đã sẫm màu hoàng hôn. Một vài con bìm bịp đã cất tiếng gọi bạn, đó là âm thanh duy nhất trường tồn trên bên sông này.

Người lái đò đó leo lên bờ, đứng trên một mô đất cao, chống nạnh ngó trôn trôn về phía bên kia bờ sông, ông đứng yên như một pho tượng đúc sẵn hàng giờ liền. Và khi nắng tắt hẳn, dòng sông trở lên phẳng lặng, chuyển sang màu nâu nhạt thì ông lặn vào hàng trăm cây bần mọc rậm rạp ở đây. Đến gần có thể nhận đó là một cây bần chết, rụng lá đã lâu ngày.

Ông đứng như vậy để làm gì? Không ai biết. Hình như đó là một công việc bắt buộc thường nhật của ông trước khi kết thúc một ngày lao碌 trên sông nước. Đã mười sáu năm, không sót một buổi chiều nào ông không chôn chân mình nơi mô đất quen thuộc đây. Và cũng chỉ một dáng dấp, một hướng nhìn đau đáu mong chờ, thấp thòm ấy, mười sáu năm rồi không đổi.

Điều gì khác chắng, có lẽ cái bức tượng sống ấy bị lớp bụi thời gian bám vào làm cho nặng nề già nua, và người đời dường như đã quên có bức tượng sống ấy trên đời...

Một chiều mưa phùn, dòng sông vốn đã tĩnh lặng u buồn, qua làn mưa ngẫu đục đã trở nên hiu quạnh, xa xôi. Một đoàn ca nô chờ đầy lính Pháp từ cửa sông chạy xộc vào. Những người dân chài lưới ven sông cho đó là chuyện bình thường chẳng ai để ý đến chúng. Nào ngờ đó là một sơ hở nghiêm trọng dẫn đến cái chết ba trăm nhân mạng xưa nay vẫn cấm cúi làm ăn, ít ai ý thức được rằng mình đang dẫm chân trong cuộc chiến tranh ghê gớm nhất nửa bán cầu này.

Chín chiếc ca nô Pháp vừa bại trận thảm hại ở QK trở về. Trước mắt chúng cảnh thanh bình trên sông nước của những người dân chài lưới là một nghịch cảnh vô lý cần phải xoá bỏ. Súng nổ. Hàng vạn viên đạn xả vào những người dân lương thiện kia. Không một ai kịp ẩn nấp...

Mới đó mà đã ba mươi năm.

Năm ấy người lái đò mới mười ba tuổi. Ông không hiểu sao ông lại không hề trúng một viên đạn nào. Ông đứng chết giấc trên dọi cát cho đến khi đoàn ca nô đã lùi về QV mới sực tỉnh. Ông cúi xuống nhặt hòn đá chạy như điên dại về phía đoàn ca nô. Ông dồn sức ném hòn đá về phía đó. Bây giờ mỗi lần nhớ lại cái hành động điên dại đó ông lại cười gằn, văng ra một tiếng chửi khô khốc: “Ngu!”.

Từ buổi chiều đó ông còn lại một mình trên đời, không cha mẹ anh em bà con cật ruột. Ông bỏ nghề chài lưới về bên sông làm người chở khách đò ngang. Đưa khách qua sông - cái nghề buồn tẻ chán ngắt đối với những ai yêu mến sự xê dịch. Còn ông, ông coi đó là công việc không thể chối bỏ. Đến nỗi ông nghĩ rằng ông không thể chết được nếu còn khách quá giang.

Ngày ngày, từ túp lều cất tạm đơn sơ giữa mấy khóm dứa lưng chừng con đê, ông bước ra bên cắm cúi chèo. Tên thật của ông dường như đã chìm xuống dưới đáy sông, mọi người đều hờ

hững gọi ông là Bác lái đò. Người ta gọi ông bằng cái tên đó không phải khi ông ngoài năm mươi mà lúc ông đang là một chàng trai lực lưỡng...

Quãng sông này rất rộng, rộng hơn bất cứ quãng sông nào người ta thường dùng để sang ngang suốt dải đất miền Trung, đã một thời gắn bó với tên tuổi của ông. Ấy là thời máy bay Mỹ đang oanh tạc ở khắp nơi trên miền Bắc Việt Nam. Quãng sông mà ông đã sống chết cùng với nó có cái tên mà người ta thường dùng trong cuộc chiến để chỉ những nơi cực kỳ ác liệt: Tọa độ lửa.

Tên tuổi người lái đò đã chìm lấp dưới đáy sông được người đời vớt lên đặt trang trọng trên các mặt báo trung ương và địa phương: “Bùi Việt Pháo, người anh hùng trên sông nước”, “Người lái đò kiên cường Bùi Việt Pháo”... Thậm chí có một nhà báo nào đó quá hưng phấn gọi ông là “Người đảng viên trung kiên Bùi Việt Pháo”, dù ông chưa hề có tên trong một tổ chức đoàn thể nào. Ông chỉ là xã viên hợp tác xã H, vậy thôi.

Đối với ông, cái chết chẳng có nghĩa lý gì. Sở dĩ ông dầm trong sóng nước và bom đạn mà không chết chỉ vì người đời còn cần đến ông. Chừng nào ông chỉ là thằng vô tích sự thì ông sẽ chết, chết một cách lặng lẽ như mảnh ván thuyền chìm xuống đáy sông này.

Người ta kể lại rằng, vào một đêm, đâu vào khoảng giữa năm 1968, có một vị tướng cùng một đoàn các sĩ quan trung cao cấp qua sông. Khi ông vừa đẩy thuyền đi được vài chục sải bước thì máy bay Mỹ đột nhiên thả pháo sáng. Con thuyền của ông khác nào một vệt mực đen giữa tờ giấy trắng tinh.

Các phi công Mỹ đã phát hiện ra con thuyền, chúng bắt đầu quần lượn. Mọi người đều nghĩ rằng ông sẽ dừng thuyền cho

họ nhảy xuống sông bơi ngược lại. Nhưng không, ông vẫn cầm củi chèo.

- Quay ngược thuyền lái - Vị tướng nói như ra lệnh.

Người lái đò quay lại nhìn vị tướng rồi chẳng nói chẳng rằng tháo tung dây buộc buồm dự phòng cho những chuyến đò dọc. Ông chẳng còn kịp giải thích cho mọi người hiểu rằng chỉ lát nữa bến thuyền xuất phát sẽ nát như tương vì bom Mỹ, rằng ở đây không ai hiểu các quy luật ném bom bằng ông, rằng trên mặt sông trống trải này cũng có nhiều vùng mù, đưa thuyền lọt vào đó coi như an toàn trăm phần trăm. Buồm được gió căng phồng, thuyền bắt đầu lao dọc dòng sông với một tốc độ tăng dần theo một góc ánh chùng ba mươi độ.

- Tại sao lại làm thế hả, hả?

Tất cả đều nhao nhao phản đối hành động liều lĩnh của ông. Người lái đò không đáp lại, ông nghiêng răng điều khiển con thuyền. Máy bay Mỹ cất bom. Những khối lửa và nước bốc lên đổ ập xuống. Con thuyền chòng chành như muốn lật úp xuống.

- Quay lại đi! Hạ buồm! – Vị tướng quát. Trong tình huống cực kỳ nguy hiểm ấy vị tướng quên mình đang “thuộc quyền chỉ huy” của người lái đò. Và khi con thuyền bị một khối nước hất cao, vị tướng hét to:

- Quay lại đi! Có quay lại không? Đồ ngu!

Người lái đò đứng vụt dậy, ông quay người kéo căng dây buồm, ngoái cổ lại, gầm lên :

- Ông mới là đồ ngu!

Rồi như vận động viên thuyền buồm cấp kiện tướng, ông bình tĩnh điều khiển con thuyền vượt qua nửa con sông lọt vào “vùng mù” của các phi công Mỹ. Chúng điên cuồng quần lượn, thả hàng loạt pháo sáng, cuối cùng chúng bỏ bom một dọc dài bên xuất phát rồi bỏ đi. Người lái đò mỉm cười rung đùi thông thả hạ buồm cho thuyền luồn qua bãi bần cập bến an toàn. Vị tướng bước lên bờ, đi được một đoạn, ông gật gù với các trợ lý của mình:

- Té ra không phải lúc nào mình cũng làm tướng được các ông ạ? Thằng cha ấy khá đấy chứ nhỉ!



Minh họa Vũ Đình Tuấn

## HUỶNH ÁI TÔNG

Không biết câu chuyện hư thực ra sao. Cũng có thể đó chỉ là một trong rất nhiều huyền thoại về ông. Bây giờ chiến tranh qua lâu rồi, chẳng ai nhắc đến cái tên Bùi Việt Pháo nữa, người ta trở lại cái tên nguyên thủy của ông: Bác lái đò. Chiến tranh càng lùi xa về dĩ vãng thì tên thật của ông càng chìm sâu khuất lấp dưới đáy sông. Nhưng đối với ông, điều đó thực chẳng có ý nghĩa gì hết.

\*  
\* \*

Gần khuya, người lái đò mới chui vào túp lều lá mía. Túp lều quá ọp ẹp, xiêu vẹo. Thế mà nó vẫn đứng hết năm này qua năm khác. Ngay cả cơn bão số mười năm ngoài thổi bay hàng chục ngôi nhà lớn nhỏ ở xã H, riêng nó chỉ rung lên chút thôi. Có lẽ bờ đê và bãi bên đã che chở cho nó. Nó như là bóng dáng của lão lái đò: cũ kỹ, già nua, đơn độc...

Người lái đò lục suất cơm mà hợp tác xã cho người nấu nướng cẩn thận đưa ra tận nơi cho ông. Ông gấp mấy con tôm to để riêng ra rồi với tay lấy xì rọ ở góc lều, cũng của hợp tác xã dành cho, bắt đầu nhấp từng ngụm rọ một. Khi rọ đã ngấm, ông nhai vội mấy miếng cơm rồi nằm gác chân lên một thanh gỗ nhỏ, cất tiếng hát.

Ông không thuộc một bài hát nào hết, ông chỉ hát đi hát lại mỗi câu thuộc từ thời chống Pháp với làn điệu dân ca của riêng ông:

Ai (ò) đưa (ư hư ừ) con sáo (mà) qua (á á a) sông (tòm tòm cắc).

Đề cho (ó o ò) con (mà) sáo (í ì i) số lông (úi trời là) bay ngang!

(Tòm tòm cắc! Tùm!)

Tiếng hát của ông nhỏ dần, rời rạc dần rồi lịm tắt. Ấy là khi ông đã ngủ say.

Nhưng có rất nhiều đêm, tí như đêm nay chẳng hạn, sau khi hát chán chê, ông ngồi bó gối nhìn chăm chăm vào ngọn đèn. Ông nhìn mãi... đột nhiên ngửa cổ cười khặc khặc và gầm lên: “Ngu”.

Mới nghe có thể nhầm ông hoài niệm về cái thời ca nô Pháp chạy qua sông và cái chết của ba trăm người dân chài lưới... Nhưng không, có một nỗi đau ghê gớm đang gọi thức cho ông. Đúng hơn, ông đang đau xót nhớ về một tội lỗi của mình.

Ông có năm mươi hai năm sống lương thiện và một giờ gây tội ác. Ông cho đó là tội ác ghê tởm nhất mà tổng số những điều thiện ông có không sao bù đắp nổi. Chuyện đó xảy ra chính trong túp lều lá mía này.

... Vào khoảng nửa đêm, gió bỗng nhiên chuyển hướng, mạnh dần lên. Và mưa. Và sấm chớp. Người lái đò chui vào lều, lấy chăn trùm kín đầu. Mặc cho mọi đột biến ngoài túp lều, ông rì rả hát cái câu hát muôn thừa của ông. Quá quen với rất nhiều cơn bão kiểu này, ông chẳng lo sợ gì, nhưng bao giờ ông cũng buồn.

Ngoài túp lều gió giạt từng cơn, mưa dập xuống sông vỡ tan như tiếng nứa vỡ. Mái lều làm bằng lá mía rung bần bật, ướt đẫm, nhỏ từng giọt xuống một góc chiếu. Tiếng bìm bịp tắt ngấm, khắp nơi ồn ào một thứ âm thanh hỗn tạp. Bỗng thấy mình trống trải, cô đơn, ông nhắm nghiền mắt thương nhớ về một kỉ niệm xa lắc...

Cô gái có khuôn mặt trắng hồng, mái tóc dày buông xuống quá gấu áo, đôi mắt tươi sáng và nụ cười. Ôi chao, cái nụ cười làm cho ngực ông nhói lên... Cô gái ngồi ở mũi thuyền, thò tay xuống vốc nước hắt lên áo ông. Cười. Vàng trắng vỡ tan rồi chập lại lấp lánh... “Hò ơi... ví dầu cha mẹ em có đánh chín chục, một trăm... roi, đánh xong rồi (mà) em đứng dậy... ơ... hờ... một hai (là) em vẫn theo... ơ... chàng!”.

Con thuyền nghiêng ngửa giữa dòng. Bàn tay trắng muốt đặt vào ngực ông. Vàng trắng đảo nửa vòng... “Đừng!... Liều!”. Vàng trắng bỗng trời lên, bay chơi vơi trên mặt nước sương mù... “Có thương không?...Thiệt thương không?”. Con thuyền quay vòng tròn, trôi vô hướng... “Ghét ghê... này! Đừng anh...”. Lại một lần nữa vàng trắng chao. Gió nổi. Bao nhiêu là gió. “Thôi anh. Kia...!”.

Thế mà đã qua rồi. Qua lâu rồi. Qua từ lúc nào ông cũng không biết nữa...À ơi... lạnh lùng thay lảng giềng ơi... (chứ) Lảng giềng lạnh ít... ơi... à... sao tôi lạnh nhiều...”

- Đò ơi... đò!

Tiếng gọi đò bất chợt mọc lên giữa đêm mưa bão. Người lái đò uể oải chui ra khỏi lều. Gió giật, áo ông bay phàn phật. Một bóng người đứng ở mép sông, tấm áo mưa trùm kín từ đầu đến chân.

- Ai đó? Vô đây!

Người lái đò giơ cao đèn bão ngang tầm mắt. Bóng người đó chuyển động chậm chạp về phía ông.

- Cháu ở đường 12 mới về... muốn qua sông...- Tiếng một phụ nữ cất lên trong trẻo. Dưới quầng sáng đỏ quạch của đèn dầu,



ông nhận ra một cô gái khoảng hai mươi năm tuổi. Khuôn mặt hơi dài, ướt đẫm nước mưa.

- Muốn cũng không được. Chị vào lều trú tạm, khi mô lặng gió tôi đưa qua.

Nói rồi ông chui vào lều, để lại cô gái đứng như trời trồng giữa cơn gió. Một lát sau chị lặng lẽ chui vào lều. Chị ngồi xuống mép chiếu, vắt áo mưa ngoài cửa lều che gió, khẽ thở dài:

- Ôi dào... mưa với gió! Nếu không có chiến tranh người ta đã làm một cái cầu qua đây rồi.

- Cầu mô cho thâu, sông ni rộng hơn một cây số - Vừa nói, ông vừa ném cái chăn chiên về phía chị - Trùm vào người cho nó ấm. Muốn ngủ thì cứ ngủ.

Chị đón tấm chăn, vui vẻ quấn hết vào người, ngồi tựa vào vách lều.

- Bác biết cỡ này mưa gió còn lâu không?

- Tùy... tùy ông thiên lời.

- Ông trời cứ thế này đến sáng thì gay, bác nhỉ?

- Ừ.

Người lái đò uể oải trả lời, ông cúi xuống tìm xị rượu dự trữ giấu ở dưới tấm gỗ mục. Bây giờ đã hết tằm tươi, chỉ còn mây con cá khô nướng. Ông xé nhỏ, bỏ vào miệng nhai nhóp nhép. Chợt nhớ đến người khách ông ngẩng lên:

- Chị đã cơm nước chi chưa? Còn cơm nguội đó, nhiều lắm.

Người khách buồn ngủ ríu mắt, nghe ông hỏi, nhìn ông cười gượng:

- Dạ cảm ơn bác. Cháu ăn rồi

Người khách ngửa cổ ngáp, rồi không chịu được cơn buồn ngủ đang đến, chịch ngheo đầu thiếp đi.

Người lái đò trở lại thú vui thường nhật của ông: Uống rượu từng ngụm nhỏ, nhai hết mấy con cá khô... và ri rả hát. Ngoài kia gió vẫn giật liên hồi. Mưa mỗi lúc một to hơn. Ông hát mãi cho đến khi tai ông chỉ còn nghe tiếng u u. Ông ngủ, ngáy như sấm.

Mái lều tự nhiên trở một lỗ nhỏ, những giọt mưa lọt qua rơi đúng vào cổ ông. Ông mở mắt nhìn, chưa hiểu lý do vì sao mình thấy lạnh. Chợt ông thấy một gương mặt phụ nữ đang tươi tắn mỉm cười - có lẽ người khách đang có một giấc mơ vui - những sợi tóc mai rung rung.

Ông quay mặt đi cố nhớ vì sao lại có một gương mặt phụ nữ ở đây? Và lơ mờ nhớ ra. Ông nhắm mắt thờ ơ. Nhưng bấy giờ ngọn đèn bão lại làm cho ông chói mắt. Ông mở to mắt nhìn chăm chăm ngọn đèn. Ngọn đèn tỏa ra thứ ánh sáng yếu ớt, vàng nhạt. Khuôn mặt phụ nữ đang cười. Mấy giọt nước mưa còn đọng lại hai bên cánh mũi và đuôi mắt chợt lóng lánh.

Gió thổi ngọn đèn khẽ lay, những giọt nước mưa bỗng chuyển động... Phất phơ những sợi tóc mai... Ngọn đèn trước mắt ông bỗng nhoè dần... Tiếng sóng vỗ. Gió. Túp lều như chao đảo. Bỗng mọc lên một vầng trăng vỡ tan ra rồi chập lại, lấp lánh lấp lánh...

Trước mắt ông gương mặt người phụ nữ bỗng nhạt nhòa trong ánh sáng mơ hồ của ký ức xa xôi... Thốt nhiên vọng về tiếng

hát “hò ơi... ví dầu chau mẹ có đánh chín chục, một trăm roi, đánh xong rồi (mà) em đứng dậy... ơ hờ... một hai (là)\_ em vẫn theo... ơ... chàng”.

Vàng trắng vẫn trôi lên bay chơi vui giữa mặt nước sương mù. Con thuyền vẫn nghiêng ngửa giữa dòng. Vàng trắng đảo nửa vòng, lại nửa vòng trắng chao... Người phụ nữ khẽ cựa mình, đưa tay vuốt nhẹ tóc, rồi ngủ yên. Một giọt nước từ trán lăn xuống khoé môi, sáng vàng lóng lánh... “À ơi... lạnh lùng thay láng giềng ơi... (chứ) láng giềng lạnh ít... ơi à... sao tôi... mà tôi... ư... lạnh (ơ) nhiều...”.

Ông lao về phía khuôn mặt tươi tắn đang cười. Ông ghi chặt. Một tiếng kêu thất thanh. Ngoài túp lều mưa bão vẫn đầy trời.

\*  
\* \*

Đồ chó!

Người lái đò bưng linh. Tiếng chửi vừa ném xuống mặt ông hình như bay ra từ phía góc mái lều. Ông sững sờ ngồi dậy. Ngoài kia vẫn tiếng bìm bịp đập với tiếng sóng. Tiếng kêu kiên nhẫn, sàu nã của loài chim ấy đêm nào cũng vọng về làm cho ông ngày mỗi mệt mỏi, rã rời. Ông nằm xuống gối đầu lên hai tay mình, cố quên đi tiếng vọng vừa phát ra. Ông thở đều đều lầm nhảm đếm từng tiếng sóng...

Đồ chó!

Người lái đò ngồi bật dậy, ông hoảng hốt sờ soạng khắp lều. Ông ngồi ngẩn ngơ không biết mình muốn tìm gì. Ông thấy sợ. Ngồi co ro vào một góc lều, trông ông giống như một con mèo đói rình mồi. Ông biết tiếng chửi ấy là của người đàn bà kia.

Mười sáu năm về trước, tiếng chửi ấy đã ném vào mặt ông cùng với những cái tát điên dại của chị.

Đêm nay là đêm thứ bao nhiêu tiếng chửi ấy vọng về ông cũng chẳng còn nhớ nữa. Ông có cảm giác tiếng chửi ấy dường như lưu trữ khắp nơi, nó thường trực ở bất cứ nơi nào ông tìm đến để kiếm sự yên tĩnh.

Sau cái đêm dữ dội ấy, ông như một kẻ câm. Ông lặng lẽ cầm củi chèo, chèo và chèo. Bom đạn Mỹ cứ giáng xuống còn ông cứ chèo. Đôi khi ông cầu trời cho một mảnh bom nào đó cắm sâu vào ngực. Thế mà suốt tám năm chiến tranh phá hoại ông không hề bị một vết xước.

Tin tức về số phận người đàn bà ấy, qua những người đi dò như một mạch nước ngầm âm thầm chảy qua đời ông. Người ta kể rằng, ở xã N. vợ ông chủ tịch xã có thai với một thằng vô lại nào đó đã bị ông chủ tịch xã ruồng bỏ. Cô ta ẵm đứa con vô thừa nhận chưa tròn tháng tuổi lang thang phiêu bạt khắp nơi. Giờ không biết về đâu.

Sau người ta lại khéo rằng, tự cô ta trốn đi, đâu như trốn theo người tình thì phải. Ông chồng của cô căm lắm, thề tìm được cái thằng chung chạ với vợ ông thì ông sẽ chém ra ba khúc vứt xuống sông.

Cuối cùng, người lái đò hay rằng, người đàn bà ấy tên là Túc. Chị là trung đội trưởng thanh niên xung phong được đơn vị cho về thăm chồng hai ngày. Chẳng ngờ khi về đến nhà anh chồng đi vắng. Chị quay lại đơn vị rồi chín tháng mười ngày sau chị sinh được một đứa con trai. Chị ôm con trốn đơn vị lang thang hơn tháng trong rừng, chị quay về gõ cửa nhà mình thì anh chồng đã đẩy chị ra khỏi ngõ...

Từ đây đến nay không còn ai nhắc đến chuyện ấy nữa. Đối với tất cả đó có thể là tai biến nhỏ nhoi trong chiến tranh, nhưng người lái đò thì nhớ lắm, nhớ từng chi tiết nhỏ chuyện kể của người đời.

Thế ra mười sáu năm qua, người đàn bà tội nghiệp kia bị bao nhiêu nước bọt của người đời phi nhổ vào mặt. Còn ông? Chưa một ai nghĩ ông một là thằng đàn ông khốn nạn. Những năm chiến tranh, ông là một anh hùng trên sông nước. Chính ông đã cứu thoát cho bao nhiêu sinh mạng. Hàng ngàn người đang sống cùng thời với ông mang ơn ông. Hòa bình lập lại, ông là người đàn ông hiền lành, cần cù, không vợ con; không họ bàng thân thích... và ông đã được sống trong sự đùm bọc thương yêu của mọi người.

Chỉ đêm về khi tất cả âm thanh của cuộc sống đã hoà tan trong sóng nước, khi một mình ông đối diện trong tĩnh lặng u buồn và ngọn đèn dầu đỏ quạch thì tiếng chửi của người đàn bà tội nghiệp kia ở đâu đó lại dồn về...

Mấy tháng sau hoà bình, lấy cứ với ban quản trị hợp tác xã là ông muốn đi đây đó một thời gian, ông cố cất công đi tìm người đàn bà đó. Tìm, nhưng ông cũng khá mơ hồ về mục đích. Tìm để làm gì? Ông không biết, không biết đâu, đừng hỏi ông điều ấy.

Gần ba chục lâm, nông trường, nhà máy xí nghiệp phụ nữ tên là Túc ông đã gặp, đều một lần chồng đều đang rất hạnh phúc. Khi đã cạn tiền, kiệt sức ông trở về với bến đò của ông, lại cầm cúi chèo và chèo. Và chiều chiều ông lại đứng trên mô đất cao ngóng về phía bờ bên kia. Ông ngóng đợi người đàn bà kia trở về. Ông đứng trong nỗi mong chờ tuyệt vọng đã mười sáu năm nay.

Đã gần ba giờ sáng rồi mà người lái đò không hề chớp mắt. Ông uống rượu nhiều hơn mọi đêm. Uống miết mà không thấy say. Đêm nay trong ông đang xảy ra những xáo động ghê gớm.

Chiều qua ông vừa hay tin rằng người chồng của người đàn bà kia đã về ở thị trấn B. Cách bên đò bên kia chừng một cây số. Anh ấy tên là Tâm, trước làm chủ lịch xã N nay về làm phó chủ tịch huyện. Thế là ông sẽ biết người đàn bà ấy ở đâu, nếu như ông liều mạng đến tận thú, ông nghĩ vậy. Nhưng ông sợ. Một cảm giác ghê rợn tự nhiên chạy dọc sống lưng khi nghĩ đến giây lát tìm gặp người đàn ông ấy. Rồi ngày mai cả huyện sẽ biết đến chuyện của ông. Và ông – “Vị anh hùng trên sông nước” sẽ bị coi là một thằng khốn nạn.

- Một thằng khốn nạn! Khơ! Khơ! ... Người lái đò bỗng bật ra tiếng cười chua chát.

Bây giờ người đàn bà ấy ở đâu? Có thể cô đã chết vì không chịu được sự sỉ nhục của người đời. Có thể cô ta đáng sống cơ cực cùng với đứa con trai ở một nơi heo hút nào đó... Tại sao cô ta không được sống hạnh phúc? Tại sao?... Ông khẽ lắc đầu, ngửa cổ uống hết số rượu còn lại trong chai. Rồi ông nhớ về cái đêm ấy... Khuôn mặt thanh tú của người đàn bà bỗng hiện nhớ.

Đôi mắt to sáng của chị đỏ rực dữ tợn, man dại:

- Đồ chó!

Một cái vỏ chai đập vào thái dương ông. Vô hồn những cái tát. Người đàn bà vùng chạy ra khỏi lều giữa lúc cao điểm của cơn bão, chị giật tung dây neo thuyền, đẩy thuyền ra sông. Người lái đò ngồi chờ đợi, rũ rượi một lúc lâu rồi chợt nhớ ra mình phải làm gì, ông chạy ào ra bến. Con thuyền đã rời bến một quãng xa. Ông nhảy xuống sông gồng sức bơi đuổi theo.

Ông bám vào mạn thuyền chực leo lên.

- Buông ra!

- Chị không đi một mình được đâu.

- Mà còn nói được câu ấy à?

- Chị để tôi chèo...

- Buông ra không? Đồ chó.

Người đàn bà vung mái chèo dánh hết sức xuống đầu ông. Ông rú lên, buông mạn thuyền, chìm hẳn xuống dòng sông. Tỉnh dậy, ông ngơ ngác thấy mình nằm trần truồng tro tro trên dòi cát bên kia cùng với con thuyền đã neo buộc cẩn thận. Ông không cách nào giải thích được tại sao lại như thế. Chỉ có điều là ông nhớ, nhớ ghê lắm...

Bây giờ rượu không còn một giọt. Ông thấy cổ ông ngứa quá. Ông thò tay gãi nhưng tìm mãi không biết cổ mình ở đâu. Ông nhắm nghiền mắt “Cổ mà ngứa, ngứa là chết... chết là hết... là quên hết. Khỏe!”.

Ông thấy người nhẹ hẳn, bập bênh, bập bênh...

Đò ơi... đò! Đò ơi... đò! Đò ơi...!

Tiếng gọi vang lên ào ạt như tiếng sóng nhịp ba vô hồi đập vào bên. Người lái đò ngồi bật dậy, chạy ào ra. Rõ ràng là ông vừa nghe tiếng gọi đò trong vắt của một phụ nữ trẻ. Tiếng gọi ấy lâu nay đã tiềm ẩn trong ngực ông, đó chính là tiếng gọi đò của người đàn bà mà ông đang chờ đợi, làm sao ông nhầm lẫn được.

## HUỶNH ÁI TÔNG

Ông nhảy lên thuyền hồi hải chống thuyền đi. Rồi ông ném cây sào vào lòng thuyền, cầm lấy mái chèo nghiêng răng chèo. Mồ hôi ông ướt đầm. Con thuyền lao trong sương mù với tốc độ hiểm có từ ngày người lái đò chỉ huy nó.

Thuyền cập bến. Một dải cát dài ướt đầm sương đêm. Tĩnh không một bóng người. Người lái đò khụy chân, gục đầu xuống bờ cát. Ông biết ông đã nhầm lẫn. Thực ra đó là dư vang ký ức đau buồn của ông vọng về.

Ông gượng đứng dậy, ngửa mặt lên trời, lão đảo xiêu vẹo như một kẻ trọng thương sắp ngã gục. Nhưng ông không ngã. Ông đi, cứ đi... Rồi ông kinh ngạc thấy mình đang đứng trước cửa nhà ông Tâm phó chủ tịch huyện. Ông đập cửa. Nghiến răng đập cửa.

Cửa vẫn đóng kín mít. Trong kia, mọi người đang ngủ say, họ mơ hồ nghe tiếng đập cửa nhưng không ai chịu trở mình. Có lẽ họ cho rằng đó là tiếng của những ngọn gió ngoài bờ sông, thỉnh thoảng vẫn dội về...

(Ba Đồn 2-1986)

Trích thơ:

### **Đừng tưởng!**

*Đừng tưởng cứ núi là cao  
Cứ sông là chảy, cứ ao là tù  
Đừng tưởng cứ dưới là ngu  
Cứ trên là sáng cứ tu là hiền  
Đừng tưởng cứ đẹp là tiên  
Cứ nhiều là được cứ tiền là xong  
Đừng tưởng không nói là câm  
Không nghe là điếc không trông là mù*



Đừng tưởng cứ trọc là sư  
Cứ vàng là chịu cứ ừ là ngoan  
Đừng tưởng có cửa đã sang  
Cứ im lặng tưởng là vàng nguyên cây  
Đừng tưởng cứ uống là say  
Cứ chân là bước cứ tay là sờ  
Đừng tưởng cứ đợi là chờ  
Cứ âm là nhạc cứ thơ là vần  
Đừng tưởng cứ mới là tân  
Cứ hứa là chắc cứ ân là tình

Đừng tưởng cứ thấp là khinh  
Cứ chùa là tĩnh cứ đình là to  
Cứ già là hết hồ đồ  
Cứ trẻ là chẳng âu lo buồn phiền  
Đừng tưởng cứ quyết là nên  
Cứ mạnh là thắng cứ mềm là thua  
Đưa vàng đừng tưởng đã chua  
Sấm rền đừng tưởng sắp mưa ngập trời  
Khi vui đừng tưởng chỉ cười  
Lúc buồn đừng tưởng chỉ ngồi khóc than

\*\*\*

Đừng tưởng cứ nốc là say  
Cứ hứa là thật, cứ tay là cầm  
Đừng tưởng cứ giặc – ngoại xâm  
Cứ bè là bạn, cứ dân là lành  
Đừng tưởng cứ trời là xanh  
Cứ đất và nước là thành quê hương

\*\*\*

Đừng tưởng cứ lớn là khôn  
Cứ bé là dại, cứ hôn... là chồng

HUỶNH ÁI TÔNG

Đừng tưởng chẳng có thì không  
Chẳng trai thì gái, chẳng ông thì bà  
Đừng tưởng chẳng gần thì xa  
Chẳng ta thì địch, chẳng ma thì người  
Đừng tưởng chẳng khóc thì cười  
Chẳng lên thì xuống, chẳng ngồi thì đi  
Đừng tưởng sau nhất là nhì  
Gần quan là tướng, gần suy là hèn  
Đừng tưởng cứ sáng là đèn  
Cứ đỏ là chín, cứ đen là thường

Đừng tưởng cứ đẹp là thương  
Cứ xấu là ghét, cứ vương là tình  
Đừng tưởng cứ ghé là vinh  
Cứ tiền là mạnh, cứ dinh là bền  
Đừng tưởng cứ có là lên  
Cứ lý là chắc, cứ bên là gần  
Đừng tưởng cứ đều là cân  
Cứ đông là đủ, cứ ân là nhờ  
Đừng tưởng cứ vẫn là thơ  
Cứ âm là nhạc, cứ tờ là tranh  
Đừng tưởng cứ vội thì nhanh  
Cứ tranh là được, cứ giành thì hơn  
Đừng tưởng giàu hết cô đơn  
Cao sang hết ốm, tham gian hết nghèo

\*\*\*

Đừng tưởng cứ bến là neo  
Cứ suối là lợi, cứ đèo là qua  
Đừng tưởng chồng mẹ là cha  
Cứ khóc là khổ cứ la là phiền  
Đừng tưởng cứ hét là điên  
Cứ làm là sẽ có tiền đến ngay  
Đừng tưởng cứ rượu là say

*Cứ gió là sẽ tung bay cánh diều  
Đừng tưởng tỏ tình là yêu  
Cứ thơ ngọt nhạt là chiều tương tư*

\*\*\*

*Đừng tưởng đi là sẽ chơi  
Lang thang dạo phố vào nơi hư người  
Đừng tưởng vui thì sẽ cười  
Đôi hàng nước mắt lệ rơi đầm đĩa  
Đừng tưởng cứ mực là bia  
Bút sa gà chết nhân chia cộng trừ...  
Đừng tưởng cứ gió là mưa  
Bao nhiêu khô khát trong trưa nắng hè  
Đừng tưởng cứ hạ là ve  
Sân trường vắng quá ai khe khẽ buồn...  
Đừng tưởng thu là lá tuôn  
Bao nhiêu khao khát con đường tình yêu.*

*Đừng tưởng cứ thích là yêu  
Nhiều khi nhầm tưởng bao điều chẳng hay  
Đừng tưởng tình chẳng lung lay  
Chỉ một giấc ngủ, chẳng may ... có bầu.  
Đừng tưởng cứ cầu là hên,  
Nhiều khi gặp hạn, ngồi rên một mình.  
Đừng tưởng vua là anh minh,  
Nhiều thằng khôn nạn, dân tình lầm than.  
Đừng tưởng tìm bạn tri âm,  
Là sẽ có kẻ mạn đàm suốt đêm.  
Đừng tưởng đời mãi êm đềm,  
Nhiều khi dậy sóng, khó kềm bản thân.*

*Đừng tưởng cười nói ân cần,  
Nhiều khi hiểm độc, dân người tan xương.  
Đừng tưởng trong lưới có đường*

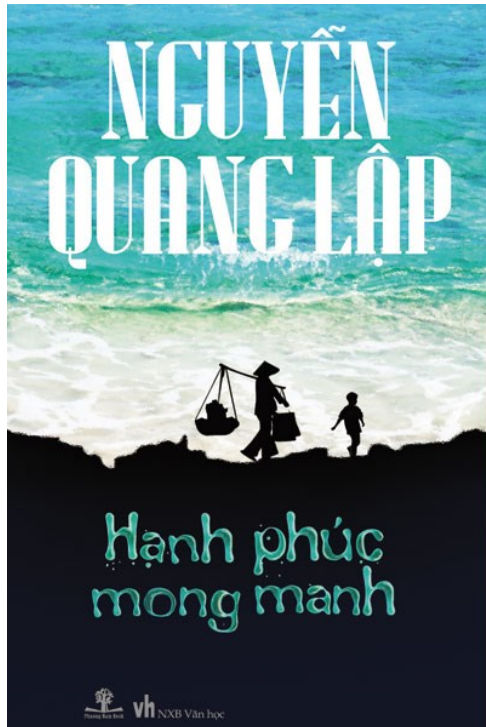
HUỶNH ÁI TÔNG

Nói lời ngon ngọt mùi hương chết người  
Đừng tưởng cứ chọc là cười  
Nhiều khi nói móc biết cười làm sao  
Đừng tưởng khó nhọc gian lao  
Vượt qua thử thách tự hào lắm thay  
Đừng tưởng cứ giỏi là hay  
Nhiều khi thất bại đắng cay muôn phần  
Đừng tưởng cứ quyền là thom  
Nhìn đi nhìn lại hóa ra cục quỳ  
Đừng tưởng mưa gió âm ỉ  
Ngày thì đã hết trời dần về đêm  
Đừng tưởng nắng gió êm đềm  
Là đời tươi sáng hóa ra đường cùng  
Đừng tưởng góp sức là chung  
Chỉ là lợi dụng lòng tin của người  
Đừng tưởng cứ tiến là lên  
Cứ lui là xuống, cứ yên là mất

Đừng tưởng rằm sẽ có trăng  
Trời giăng mây xám mà lên đỉnh đầu  
Đừng tưởng cứ khóc là sầu  
Nhiều khi nhỏ lệ mà vui trong lòng  
Đừng tưởng cứ nước là trong  
Cứ than là hắc, cứ sao là vàng  
Đừng tưởng cứ củi là than  
Cứ quan là có, cứ dân là nghèo  
Đừng tưởng cứ khúc là eo  
Cứ lúc là mạc, cứ sang là giàu  
Đừng tưởng cứ thế là khôn!  
Nhiều thằng khôn nạn còn hơn cả mình  
Đừng tưởng lời nói là tiền  
Có khi là những oán hận chưa tan  
Đừng tưởng dưới đất có vàng  
Vàng đâu chả thấy phí tan cuộc đời

\*\*\*

*Đừng tưởng cứ nghèo là hèn  
Cứ sang là trọng, cứ tiền là xong.  
Đừng tưởng quan chức là rỗng,  
Đừng tưởng dân chúng là không biết gì.  
Đời người lục thịnh, lúc suy  
Lúc khỏe, lúc yếu, lúc đi, lúc dừng.  
Bên nhau chua ngọt đã từng  
Gừng cay, muối mặn, xin đừng quên nhau.  
Ở đời nhân nghĩa làm đầu  
Thủy chung sau trước, tình sâu, nghĩa bền.  
Ai ơi nhớ lấy đừng quên...!*



Nhiều nhà văn, nhà phê bình đã viết về Nguyễn Quang Lập như bà Thụy Khuê viết về *Những mảnh đời đen trắng*, trong đó có dẫn lời phê bình của Hoàng Phủ Ngọc Tường, lời bình Đọc truyện của Đoàn Minh Phương, Ngô Minh viết về quyển *Bạn văn*, còn Trần Đăng Khoa viết về *Ký ức vụn* như sau: “*Ký ức vụn mà không hề vụn. Những câu chuyện khơi khơi, tưởng như nói tào lao cho vui, mà thâm trầm, sâu sắc ra trò. Chuyện thế mà không phải thế. Đây là chỗ hơn người của bạn Lập. Tài. Lập có khả năng điểm huyệt, nhất là khi viết về các bạn văn, bởi thế, anh chỉ phẩy vài nét mà hiện được người, hiện được cảnh, với giọng văn rất riêng. Đọc nguyên bản trên Blog còn thú vị hơn nhiều, bởi cái khẩu khí đặc biệt của Lập. Những ngôn ngữ vĩa hè, bặm trợn, thậm chí rất tục mà đọc lại không thấy tục. Đây là biệt tài của Lập. Không phải ai cũng làm được và không dễ học được. Tốt nhất các em không nên bắt chước bạn Lập, khi mình chưa đủ vốn văn hóa và sự từng trải, bắt chước dùng của đọc, chữ đọc rất dễ bị ‘tẩu hỏa nhập ma’.*”

Tài liệu tham khảo:

- Nguyễn Quang Lập Web: [vi.wikipedia.org](http://vi.wikipedia.org)
- *Đò ơi* Web: [vanghequandoi.com.vn](http://vanghequandoi.com.vn)

#### 41. Trần Tử Văn



#### Trần Tử Văn (1957-20 )

Trần Tử Văn sinh năm 1957 tại Sài Gòn, quê quán Bến Tre.

Sau 30 tháng 4 năm 1975, Trần Tử Văn làm Công an khu vực.

Tháng 1 năm 1977, Trần Tử Văn bắt đầu làm báo

Tháng 6 năm 1978, Trần Tử Văn công tác tại báo *Công an Tp. HCM*

Năm 1983, tác phẩm đầu tiên của Trần Tử Văn ra đời, đó là *Lão thầy pháp và gã bán thuốc Sơn Đông*.

Từ tháng 9 năm 1995 đến tháng 9 năm 1998, là Phó Tổng Biên tập Báo *Công an nhân dân* kiêm Trưởng cơ quan đại diện tại Tp. HCM. Là Hội viên Hội Nhà văn Việt Nam. Thành viên Tổ chức UNESCO Việt Nam về nghiên cứu và bảo tồn cổ vật.

## HUỶNH ÁI TÔNG

Trần Tử Văn có nhiều Huy chương, Huân chương trong ngành Công an, Đảng viên và có được khen thưởng:

- Nhà báo xuất sắc năm 2000

Trần Tử Văn hiện nay là Thượng tá công an, là Phó Tổng biên tập phụ trách nội dung báo *Công an Tp. HCM*

Tác phẩm:

- *Lão thầy pháp và gã bán thuốc Sơn Đông* (tập truyện, 1983)
- *Những kẻ chạy trốn* (tập truyện, 1986)
- *Tôi không siết cò* (tập truyện, 1988)
- *Nước mắt giang hồ* (tiểu thuyết, 1988)
- *Nỗi oan 12 năm* (ký sự, 1989)
- *Tác giả 200 lá thư tình* (tập truyện, 1992)
- *Tọa độ X* (ký sự, viết cùng Quang Hùng, 1993)
- *Linh hồn thiếu phụ* (tiểu thuyết, 1995)
- *Đoạn cuối ở Băng-cốc* (tiểu thuyết, 1996)
- *Ở tận sông Hồng em có biết* (ký sự, 1996)
- *Pháp trường yên ả* (tiểu thuyết, 1996)
- *Phòng hoa chúc có ba người* (tập truyện, 1997)
- *Australia sau mùa đông* (ký sự, 1998)
- *Trình sát kể chuyện* (tập truyện, 1998)
- *Kế hoạch J.96* (tiểu thuyết, 1998)
- *Ký ức* (3 tập truyện ký, 2001)
- *Nắng nhiệt đới* (ký sự, 2002)
- *Ngọn nến* (ký sự, 2003)
- *Tuyển tập thơ văn Hội ngộ tháng tư* (in chung, 2005)
- *Chuyện kể Interpol* (cùng Đinh Công Thành, 2006)
- *Tuyển tập truyện ngắn TP.HCM* (in chung, 2006)
- *Tuyển tập truyện ngắn TP.HCM* (in chung, 2007)
- *Tuyển tập truyện ngắn TP.HCM* (in chung, 2007)
- *Hồ sơ Interpol* (2 tập, 2007)



- *Chuyện kể của Cảnh sát quốc tế* (cùng Đinh Công Thành, 2007)
- *Cuộc sống mến yêu* (3 tập, biên soạn, 2008)
- *Hollywood vui và buồn* (2 tập, biên soạn, 2009)
- *Ford và Thượng đế* (cùng Đinh Công Thành, 2010)
- *Như giọt sương mai* (ký sự ảnh, 2010)
- *Ngàn năm để lại* (biên soạn cùng Vương Quang Vĩnh, 2011)
- *Thời gian không trở lại* (tạp văn, 2012)
- *Tác phẩm chọn lọc* (tuyển tập, Trẻ, 2013)

Trích văn:

### **Con chó lông tím**

Mấy năm nay, ở vùng quê chú Mười bỗng rộ lên phong trào nuôi chó cảnh. Làng trên, xóm dưới, hầu như nhà nào cũng có một con, có nhà khá giả còn nuôi đến hai, ba con. Có điều lạ, không ai thích loại Béc-giê to lớn, dữ dằn, mà chỉ mê loại nhỏ, thấp, lông xù, tiếng sủa ăng ăng thuộc giống chó Nhật hay Pê-ki-noa gì đó. Giống chó này rất khôn, biết giữ nhà, biết mừng chủ, thích đùa giỡn với trẻ con, ưa được vuốt ve, mơn trớn. Thấy thiên hạ hội nhập vào phong trào, chú Mười cũng nôn lăm, nhưng chú muốn phải có một con chó đặc biệt, màu lông không giống với mấy con trong vùng, nhất là tiếng sủa phải mạnh mẽ, trong veo. Tuy nhiên, do yêu cầu của chú Mười quá cao, mấy người buôn chó trong vùng không thể đáp ứng, nên chú đành phải chờ cơ hội.

Cuối năm sau khi làm xong vụ lúa, chú Mười sửa soạn chỉnh tề, đón xe lên thành phố Hồ Chí Minh. Chú muốn sắm một mớ đồ Tết, nhân thể tìm cho được con chó có “tính cách” riêng. Lăn quanh ở miệt vườn quá lâu, chú Mười thật sự ngỡ ngàng khi thấy thành phố đổi thay quá mức. Có những cảnh vật, hai mươi năm trước chú chưa nhìn thấy. Theo chỉ dẫn của người quen,

chú đón xích lô đến chợ Cầu Mống. Đây là khu chợ chuyên bán thú, cá kiểng. Cái chợ không lớn, nhưng hình như con gì cũng có. Rảo hết một vòng, chú Mùì bắt đầu tập trung vào những diêm bán chó. Đây là món hàng dồi dào nhất trong khu chợ. Chó ta, chó Tây, chó lớn, chó nhỏ... thôi thì đủ loại. Chú Mùì mặc sức nhìn ngắm, nhưng thật lâu vẫn chưa tìm được một con ưng ý. Nhìn riết rồi mắt, chú Mùì bước ra đầu chợ, rút điều Đà Lạt gắn lên môi, bật lửa phì phà.

- Ông già mua cái gì?

Một thằng nhỏ tuổi chừng mười bốn, mười lăm, mặc bộ jeans xanh, đội nón ni có gắn chiếc lông công, bước đến hỏi. Chú Mùì nhìn nó, rồi vẫn thản nhiên hút thuốc. Nó cũng móc túi áo, lấy ra một điều ba số 5, châm lửa, rít mấy hơi dài. Thấy trên cánh tay của nó có xăm hai chữ “xa mẹ”, chú Mùì buột miệng:

- Mẹ mày ở đâu?

Thằng nhỏ đáp:

- Mẹ tôi đi theo chồng bé, tôi phải làm thân đi bán chó, mèo...

Chú Mùì cười khi rồi bảo nó tìm cho một con chó. Thằng nhỏ mừng quýnh, bảo chú Mùì đứng đợi rồi chạy vòng xuống chân cầu. Một lúc sau, nó vừa ẵm, vừa dắt đến năm con chó, mỗi con một màu khác nhau. Nhìn qua bầy chó, chú Mùì lắc đầu:

- Chó trắng nhà nào cũng có, chó bông thì trông yếu ớt, chó đen thấy mắt vệ sinh, chó nâu thì... Thôi, mày kiếm con khác đi, lựa màu cà phê sữa lợt.

Thằng nhỏ quay đi, một lát trở lại với hai bàn tay không:

- Không có ông già ơi. Cả khu chợ này không có con chó nào có bộ lông như vậy.

Chú Mươi tỏ vẻ thất vọng. Ngẫm nghĩ một lúc, thằng nhỏ nói:

- Ông già chờ ba bữa được không? Phải gọi điện ra Hà Nội, nhờ người ta đi biên giới tìm giùm, đưa từ Trung Quốc về...

Phân vân một hồi lâu, chú Mươi gật đầu:

- Được! Tao ở Sài Gòn chơi thêm vài ngày, mày ráng kiếm cho ra.

Thằng nhỏ nói thẳng:

- Nhưng, giá mắc lắm, chịu thôi mới gọi điện đem vào.

Chú Mươi đáp:

- Cứ đem vô đi.

Sau khi thuê nhà trọ, đi quanh quẩn thành phố sắm thêm một số vật dụng, ba ngày sau, chú Mươi quay trở lại khu Cầu Mống. Thấy chú, thằng nhỏ như bắt được vàng, chạy nhanh xuống chân cầu, ôm ra một con chó Nhật có bộ lông màu cà phê sữa.

Con chó có vẻ khôn lanh, miệng sủa ọang ọang, mắt nhìn ngang, liếc ngược. Ngẫm nghĩa, vuốt ve một hồi, chú Mươi ra vẻ hài lòng, mặt mày tươi rói:

- Được! Con chó này được.

Được nước, thằng nhỏ tán thêm:

- Ở Hà Nội mới gọi máy bay đem vào tối hôm qua, biết bao công phu mới tìm được nó. Ông già thấy không, màu lông của nó độc nhất vô nhị.

- Bao nhiêu? - chú Mươi hỏi.

- Bốn triệu! - thằng nhỏ đáp.

Chú Mươi giật mình:

- Mắc dữ vậy?

Thằng nhỏ bĩu môi:

- Vậy mà mắc? Thôi ông già đi kiếm chỗ khác, để một lát tôi bán nó cho bà Tây...

Thấy chú Mươi cứ đứng trầm ngâm, thằng nhỏ ôm con chó bỏ đi. Chú Mươi chạy theo, gọi lớn:

- Nè, nhỏ. Mà y bớt chút đỉnh đi chó...

Thằng nhỏ dừng chân, giọng thẳng thừng:

- Không bớt được đâu.

Chú Mươi lục túi áo, túi quần vét ra còn hơn 4 triệu đồng. Giao tiền cho thằng nhỏ xong, chú ôm con chó vào lòng, điệu bộ sướng rơn. Phen này, làng xã phải cúi đầu bái phục trước cái chơi của chú.

Quả thật, chú Mươi vừa đưa con chó về đến nhà, hàng xóm vây đến, hỏi han đủ chuyện. Ai cũng nể chú Mươi, thích con chó, xuýt xoa khen ngợi hết lời. Có người còn bảo, con chó của chú còn đẹp hơn con chó gì đó bữa đóng phim chiếu trên truyền

hình. Chú Mươi mát dạ, quên ngay cái công tìm kiếm, quên đi số tiền khá lớn đã bỏ ra. Duy chỉ có con chó mực trong nhà chú là buồn bã, nó cứ đi ra đi vào, lặng lẽ, cụp đuôi.

Thời gian trôi đi, con chó Nhật mà chú Mươi đặt tên là Mac-ca-na vẫn sống khỏe khoắn, yên lành. Có điều, thỉnh thoảng nó cứ lấy chân cào cào vào đầu, vào bụng. Cứ nghĩ nó bị muỗi cắn, chú Mươi lấy dầu xức vào nơi nó gãi. Một hôm, trong lúc vạch lông xức dầu, để ý chú thấy bộ lông nó có điều lạ. Phía dưới lớp lông màu cà phê sữa óng mượt là một lớp chân lông màu trắng. Lớp chân lông ấy mọc đều toàn thân nó, lú khoảng vài ly. Xem tới, xem lui đến cả chục lần, chú mới tin vào mắt mình, sau đó ngòì thờ người suy tư.

Tết đến, nhà chú Mươi đông khách hơn mọi năm. Làng xóm, bạn hữu gần xa kéo đến chúc mừng, nhân thể để ngắm nhìn bộ lông huyền hoặc của con chó. Thế nhưng, hầu như ai cũng sững sờ, ngạc nhiên khi thấy con chó có bộ lông hai màu. Lớp trên vàng, lớp dưới trắng tinh. Đến lúc này, như cô gái dậy thì đón xuân, lớp lông màu trắng của con Mac-ca-na càng trở lên lộ liễu. Người không biết thì cho đó là hiện tượng giống như... nhật thực, người biết chuyện thì cười mỉm, nói bóng, nói gió:

- Con chó ngộ quá, bộ lông giống như bánh da lợn, lớp trên, lớp dưới... rõ ràng.

Cái Tết tưởng vui hóa ra buồn, gia đình chú Mươi xáo xáo vì bộ lông quái dị của con chó.

Mùng 6 Tết, tôi nhận được một bức điện khẩn từ An Giang: “Về gấp! Gia đình đang gặp nạn!”. Trước và trong Tết, do phải truy lùng mấy băng tội phạm nguy hiểm, nên hầu như cả đơn vị chúng tôi không ai ăn Tết. Trước bức điện cầu cứu này, tôi phải tức tốc phóng xe về quê. Thấy tôi về, chú Mươi mừng lắm. Sau khi kể hết ngọn ngành, chú nhờ tôi giải quyết giúp

chuyện con chó. Tôi ôm con chó ra chợ, đến tiệm uốn tóc. Một giờ sau, bộ lông con chó được anh thợ “tẩy” trắng phau. Cũng may là mấy thằng gian dùng thuốc rẻ tiền, chó nếu dùng thuốc tốt thì chỉ có nước nhuộm đen hoặc hớt trụi lông con chó. Tôi nói:

- Con chó loại này, ở Hà Nội hay Sài Gòn bán khoảng 300.000 đồng.

Chú Mùoi vỗ đùi cái đét, bỏ ra ngoài sân, đứng nhìn khúc sông đang chảy. Dòng nước lững lờ, xanh mát nhưng chú thấy bụng mình phập phồng, nóng ran. Một lúc sau, chú quay vào nhà, bảo tôi đưa lên thành phố, nhất quyết tìm thằng nhỏ lấy lại số tiền tương đương cả trăm gạ lúa.

Làm trinh sát gần 20 năm, tôi biết tìm một tên tội phạm không phải dễ và nó càng khó hơn đối với loại di động hoặc không chuyên nghiệp. Thật vậy, tôi đưa chú Mùoi đi gần khắp các chợ bán chim, thú ở Sài Gòn, chú vẫn không nhìn ra thằng bé nào mà chú cho là “dễ nhớ”. Trở lại chợ Cầu Mống lần thứ hai, mấy người bán hàng bảo thằng bé “xa mẹ” ấy là dân bụi đời, nghe đâu đã trở về Lạng Sơn. Ôi, xa quá! Trong lúc hai chú cháu đứng nhìn nhau với nỗi thất vọng nặng nề thì một thằng nhỏ trên tay xăm chữ “xa bố” lại dắt đến mấy con chó. Buồn nhưng vẫn thích, chú Mùoi quay sang ngắm nghía, vỗ về mấy con chó. Chú chỉ một con có bộ lông xoắn trắng tinh, cười mồm mềm:

- Bao nhiêu vậy nhỏ?

Thằng nhỏ đáp có vẻ thật tình:

- Chú khỏi trả giá nghe, lấy chú 280.000 đồng thôi.

VĂN HỌC VIỆT NAM CẬN VÀ HIỆN ĐẠI IV

Chú Mười ôm con chó, đong đưa qua lại, chợt chú thả nó xuống, nói với ánh mắt đượm buồn:

- Thôi, cảm ơn mày nghen. Tao đem về dưới con nứa, lỡ rửa ra, bộ lông của nó đổi màu tím, thì chắc tao phải... xa vợ luôn!

Chú Mười nắm tay tôi, kéo ra khỏi khu chợ.



## HUỶNH ÁI TÔNG

Trong bài: *Nhà văn, nhà báo Trần Tử Văn*, Tiến sĩ Thích Thiện Minh, Phó Tổng biên tập tạp chí Phật Giáo Nguyên Thủy nhận xét:

*“Bút pháp và văn chương của anh khá sống động và lôi cuốn. Câu cú gãy gọn, ngữ pháp chặt chẽ, khéo dùng từ, diễn đạt phong phú và đa dạng. Anh có hơn 30 tác phẩm văn học đã phát hành và là tác giả kịch bản của 8 bộ phim: Xóm nước đen, Đoạn cuối ở Bangkok, Không thể siết cò, Đô-la trắng... đã được trao tặng 8 giải thưởng quốc gia về báo chí, văn học và điện ảnh. Tác phẩm của anh lôi cuốn người đọc vừa thực tế trong cuộc sống, văn chương khá hay, tình tiết đa dạng, nhân vật chính trong câu chuyện, thường ở hiền gặp lành, ở ác gặp dữ.”*

Tài liệu tham khảo:

- Trần Tử Văn Web: [congan.com.vn](http://congan.com.vn)
- Con chó lông tím Web: [nhavantphcm.com.vn](http://nhavantphcm.com.vn)



**42. Hồ Anh Thái Hồ Anh Thái**



**Hồ Anh Thái (1960-20 )**

Hồ Anh Thái sinh ngày 18 tháng 10 năm 1960 tại Hà Nội. Nguyên quán ông ở Nghệ An.

Ông theo học bậc Đại học ngành Quan hệ Quốc tế. Sau khi tốt nghiệp, ông tham gia viết báo và làm công tác ngoại giao ở nhiều quốc gia Âu - Mỹ, đặc biệt là Ấn Độ, Iran.

Giỏi ngoại ngữ, ông là một nhà ngoại giao, nhà nghiên cứu Ấn Độ, giảng viên. Hiện nay ông là Tiến sĩ ngành Văn hóa phương Đông, công tác tại Bộ Ngoại giao Việt Nam.

Khởi nghiệp viết văn, Hồ Anh Thái nổi lên như một hiện tượng, với giọng văn trẻ trung, tươi mới, về đời sống thanh niên, sinh viên với những cuộc phiêu lưu, những khát khao khám phá đời sống. Những tác phẩm tiêu biểu của ông thời gian này được biết đến là *Trong sương hồng hiện ra*, *Người và*

## HUỶNH ÁI TÔNG

*xe chạy dưới ánh trăng, Người đàn bà trên đảo, truyện ngắn Món tái dê, Chàng trai ở bến đò xe...*

Đầu những năm 1990, sau nhiều năm nghiên cứu và làm việc ở nhiều nước Âu - Mỹ, đặc biệt là 6 năm tại Ấn Độ, ông trở lại văn đàn với những chùm truyện ngắn độc đáo, hài hước mà thâm trầm về Ấn Độ: *Người đứng một chân, Người Ấn, Tiếng thở dài qua rừng kim tước, Cuộc đối chác...*

Từ năm 2000, ông có những tác phẩm được đánh giá cao và gây tranh luận như *Cõi người rung chuông tận thế, Tự sự 265 ngày, Bốn lối vào nhà cười, Mười lẻ một đêm...*

Năm 2000, ông được bầu là chủ tịch Hội Nhà văn Hà Nội cho đến năm 2010. Ông cũng được bầu là ủy viên ban Chấp hành hội Nhà văn Việt Nam từ năm 2005 đến năm 2010.

Năm 2007, ông trở lại với đề tài Ấn Độ bằng tiểu thuyết *Đức Phật, nàng Savitri và tôi*. Đây là cuốn tiểu thuyết đầu tiên của văn học Việt Nam tái hiện chân dung Đức Phật thông qua một cốt truyện hấp dẫn, một văn phong giản dị, một đa cấu trúc có hiệu quả mở rộng chiều kích không gian và thời gian.

Nhà văn Hồ Anh Thái đã nhận được các giải thưởng:

- Giải thưởng truyện ngắn của báo Văn nghệ năm 1983-1984 với truyện *Chàng trai ở bến đò xe*.
- Giải thưởng văn xuôi của Hội Nhà văn Việt Nam và Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam năm 1986-1990 với tiểu thuyết *Người và xe chạy dưới ánh trăng*.
- Giải thưởng văn học của Hội Liên hiệp Văn học Nghệ thuật Việt Nam năm 1995 với tập truyện ngắn *Người đứng một chân*.
- Giải thưởng về hạng mục văn xuôi của Hội Nhà văn Hà Nội năm 2012 cho tác phẩm *SBC là sản bắt chuột*

Tác phẩm:

- *Chàng trai ở bến đò xe* (1985)
- *Phía sau vòm trời* (1986)
- *Vẫn chưa tới mùa đông* (1986)
- *Người và xe chạy dưới ánh trăng* (1987)
- *Người đàn bà trên đảo* (1988)
- *Những cuộc kiếm tìm* (1988)
- *Mai phục trong đêm hè* (1989)
- *Trong sương hồng hiện ra* (1990)
- *Mảnh vỡ của đàn ông* (1993)
- *Người đứng một chân* (1995)
- *Lũ con hoang* (1995)
- *Tiếng thở dài qua rừng kim tước* (1998)
- *Họ trở thành nhân vật của tôi* (2000)
- *Tự sự 265 ngày* (2001)
- *Cõi người rung chuông tận thế* (2002)
- *Bốn lối vào nhà cười* (2005)
- *Đức Phật, nàng Sivitri và tôi*
- *Mười lẻ một đêm* (2006)
- *Namaskar! Xin chào Ấn Độ* (2008)
- *Hương nào Hà Nội cũng sông* (2009)
- *SBC là săn bắt chuột* (2011)
- *Dấu về gió xóa* (2012)
- *Người bên này trời bên ấy* (tập truyện, 2013)
- *Mảnh vỡ của đàn ông* (tập truyện, 2014)

Trích văn:

### **Tìm**

Tôi nghỉ nhờ trong một thiền viện Phật giáo Nepal. Lang thang cả tháng trời trên dãy Himalaya, loang quanh ở vùng biên giới Nepal - Ấn Độ, tôi tình cờ tìm ra cái thiền viện này và xin tá túc. Chùa Nepal nhưng có ảnh hưởng phong cách Tây Tạng.

Vùng này người Tây Tạng lưu vong khá nhiều, giống như vùng Dharamshala bên bắc Ấn. Bên ấy có cả thiền viện trung ương của người Tây Tạng. Tôi có lần ghé lại mấy ngày, có lần nghe Đà Lai Lạt Ma giáo chủ giảng bài. Một thứ tiếng Anh truyền cảm, trong vắt. Chuyện đã lâu rồi, nhưng nhớ mãi cái giọng ngài.

Còn ở vùng này, đất Nepal, nóc chùa Phật là bảo tháp hình bán cầu, đặt trên bán cầu là một kiến trúc hình vuông, vẽ cặp mắt Phật. Đây là kiến trúc điển hình chùa Phật của Nepal. Nhưng dấu ấn Tây Tạng lại ở những cái bánh xe cầu nguyện kinh luân khắp xung quanh chùa. Người đến chùa vừa cầu nguyện vừa đẩy cho bánh xe kinh luân quay tít. Dòng chữ Phạn khắc trên ấy cứ thế mà quay. Om mani padme hum. Quay mãi.

Bên trong thiền viện có hai nhà sư Nepal đang tỉ mỉ dựng một bức tranh bằng bơ. Thêm một nét Tây Tạng. Thông thường tranh bằng bơ chỉ có người Tây Tạng làm. Xứ lạnh cao nguyên. Nước còn đóng băng chứ chưa kể đến bơ. Bơ cắt từ sữa bò, người ta đem nhuộm, nhuộm nhiều màu, rồi dùng thứ bơ đặc sền sệt làm chất liệu để tạo tác những bức tranh. Tôi chỉ mới biết đến nghệ thuật tạo tác mandala bằng cát nhuộm màu của Tây Tạng. Tranh bằng bơ là một điều mới lạ. Thế là tôi sà ngay vào.

Đúng lúc ấy nhà sư Tây Tạng đến. Áo choàng màu nâu đỏ, gần như màu mận chín, tay nải trên vai. Nhà sư đang ở tuổi thanh niên. Ông chấp hai tay trước ngực chào hai vị sư Nepal, xin được nghỉ lại. Xong thủ tục chào hỏi và nhận lời chỉ trong vài phút. Nhà sư Tây Tạng bỏ tay nải xuống, cũng sà ngay đến bên bức tranh đang dựng. Ông lấy cái bút chứa bơ màu trắng, tỉ mỉ bơm nó lên trên nền xanh dòng sông có bóng một con thuyền. Những làn sóng nước màu trắng cứ thế mà lăn tăn chạy ra từ tay ông. Sóng nhấp nhô.

Ngày hôm sau tôi đã thân với nhà sư Tây Tạng. Ông dạy tôi những động tác rèn luyện thân thể. Nằm ngửa, dùng lực của thân dưới, đẩy cho hai chân duỗi thẳng bật lên chỉ hướng lên trời. Đây là tập cho khớp hông và xương sống. Hai tay dang ngang bằng vai, cứ thế mà quay toàn thân theo chiều kim đồng hồ. Đây là tập cho các luân xa trong thân bưng thức và chuyển động trở lại sau một giấc ngủ. Quay. Điều cốt yếu là trong khi quay phải luôn ngắm vào một điểm nào đó làm mốc. Vừa quay vừa nhớ luôn đưa mắt tìm về cái mốc ấy. Để tránh mất phương hướng. Để tránh mất thăng bằng. Để tránh chóng mặt và ngã. Quay bảy vòng. Quay chín vòng. Quay mười lăm vòng. Quay đến hăm một vòng. Phải nhớ luôn để mắt xác định được điểm mốc.

Buổi chiều có năm nhà sư Tây Tạng tìm đến chùa. Những bóng áo cà sa nâu đỏ đi khắp nơi trong thiền viện. Họ được phép tìm kiếm khắp nơi. Bấy giờ tôi mới nhận ra nhà sư kia đã biến đâu mất. Năm nhà sư này thuộc đội duy trì giới luật của một ngôi chùa Tây Tạng, công việc của họ ở chùa cũng giống như đội quy tắc, đội trật tự trị an trong các làng xóm phường phố. Không ai hỏi, nhưng đều biết nhà sư đến chùa hôm qua đã phạm giới luật. Năm nhà sư này đang lùng tìm ông ta.

Các nhà sư vào chùa thỉnh một tiếng chuông bằng chiếc chuông to. Kính báo về sự hiện diện của họ. Kính báo về việc họ đang làm. Rồi họ tản đi khắp chính điện, khắp khu giảng đường, khắp khu trai phòng, ký túc xá. Không rón rén theo kiểu đội đặc nhiệm. Không khom người trước một cánh cửa hoặc sau một bức tường. Không đưa mắt láo liển hoặc dỏng tai nghe ngóng. Mỗi người một chiếc chuông nhỏ và một cái chày nhỏ bằng gỗ. Nhà sư cầm chuông trên tay, dùng cái chày miết thành vòng tròn xung quanh vành chuông. Một âm thanh tròn đều, ban đầu nhỏ, sau to dần lên, cao vút lên, cho đến khi nó rít lên như một mũi kim đâm thẳng vào màng nhĩ. Không phải là tiếng chuông bình boong. Không khoan nhặt từng tiếng. Âm

thanh dài, mảnh, triền miên, kéo dài mãi không dứt. Tạo ra tiếng chuông ấy cũng phải là người trong trạng thái thiền. Chỉ cần nâng đi một tí, chỉ cần không đều tay, tiếng chuông càng dài sẽ dứt. Khực một cái. Lúc ấy người ta phải khởi động lại tay quay xung quanh vành chuông, từ đầu.

Tiếng chuông của năm nhà sư này thì đã thành thiện nghệ. Không một vết dứt. Nó cứ vi vút quay đều. Cứ kéo căng ra. Đó là công cụ tìm kiếm. Nói cho chính xác, đó chỉ là cái chuông cầu nguyện, nhưng các nhà sư đã phát minh ra cho nó cái tính năng tìm kiếm. Cái sợi dây âm thanh ấy đang kéo căng ra, nếu vướng phải một vật thể nào đó, một người đang nắp đầu đó trong góc tối chẳng hạn, âm thanh sẽ mắc lại. Các nhà sư sẽ nhận được sóng âm thanh dội lại mà phán đoán được chỗ nắp của kẻ bị truy lùng. Ở đây có cái gì giống như cách loài dơi bay trong đêm tối, vừa bay vừa phóng ra những sóng âm thanh dò đường, nếu gặp vật cản, âm thanh sẽ dội ngược lại, con dơi nhận được sóng dội lại mà bay tránh đi, không đâm vào vật cản.

Vi vút vi vút. Những chùm âm thanh cứ thể được phóng ra. Viiiiiiiiiii. Vuuuuuuuuuu. Từng sợi dây một được thả ra, kéo căng ra. Tiếng chuông chạm vào tường vào chuông vào nền. Tiếng chuông dội lại khi chạm vào những bức tường là bích họa kê chuyện đời Phật. Chuông chạm vào vật bằng gỗ, bằng kim khí, vào tường gạch tường đá, vào lá vào cây. Mọi vật thể đều được xác định. Mọi thứ đều không qua được mắt năm nhà sư. Không qua được thính giác họ. Viiiiiiiiiii. Vuuuuuuuuuu.

Cuộc tìm kiếm kết thúc. Nhà sư kia đã biến mất.

Năm nhà sư vào chính điện, đánh một tiếng chuông kính cáo rồi xin phép ra đi.

Nửa giờ sau khi đội giới luật đã đi rồi, nhà sư kia xuất hiện. Ông đã thay chiếc áo cà sa bằng bộ trang phục của thường dân, trông như một thanh niên Tây Tạng hoặc Nepal. Chiếc áo cà sa ông vừa giặt đang phơi phía sau chùa. Chắc là ông vừa nấp ở một chỗ ô uế lắm và sau khi chui ra, ông phải đi giặt ngay.

Như đọc được ý nghĩ của tôi, ông bảo một nhà sư không có gì phải nấp phải trốn, nhưng một khi buộc phải nấp trong một nơi dù ướp đầy mùi trầm chẳng hạn, thì chiếc áo khi ấy không còn sạch nữa. Phải giặt. Thân thể khi ấy không sạch nữa. Phải tắm gội. Tâm khi ấy phải được tự thanh tẩy.

Vậy là lúc này ông đã trốn trong một nơi đặc biệt lắm, đến mức tiếng chuông nợ đã không thể len vào góc ngách ấy được? Nói cho đúng, có hai vị sư đã đi qua cái ngách ấy, đã đều tay quay chuông, ông phải nằm im như một tử thi trong ngách tối. Hầu như không còn hơi thở, không còn sự sống trong mấy phút ấy.

Tôi lại hỏi chắc ông phạm lỗi gì nghiêm trọng lắm, khiến cả một nửa tiểu đội giới luật phải lùng tìm?

Có đấy, nhà sư thừa nhận thành thực. Ông chỉ tay vào ngọn tháp chùa bảo sáng nay khi hướng dẫn tôi cách tập quay nhiều vòng, ông thấy tôi ngấm vào ngọn tháp. Lấy cặp mắt Phật phía trên tháp làm mốc. Phía trên cái kiến trúc hình vuông vẽ cặp mắt Phật “nhìn thấu mọi lẽ đời” là ngọn tháp hình xoáy tròn ốc mười ba bậc, tượng trưng cho mười ba bậc đi tới giác ngộ. Nhưng ở phía dưới ngọn tháp, cùng với hình vẽ cặp mắt Phật có một nét vẽ mà ai cũng tưởng là mũi Phật. Tôi cũng tưởng vậy. Nhà sư bây giờ mới cười bảo không phải. Cặp mắt Phật đã được vẽ theo phương pháp cách điệu, không cần vẽ miệng, thế thì việc gì người ta lại phải vẽ thêm cái mũi. Vậy, đó không phải là cái mũi. Đó là số một theo mẫu tự Nepal. Số một. Hàm

ý con đường duy nhất để được khai minh là con đường mà Đức Phật đã chỉ ra.

Tôi đã lấy con số một ấy làm mốc khi tập quay tròn.

Còn nhà sư này, trong một cuộc thảo luận lý thuyết tại thiền viện của mình, ông đã sa vào tranh luận nảy lửa với các pháp hữu. Một cái gì nghiêm túc lắm, nghiêm trọng lắm mà ông không diễn đạt ra với tôi. Chỉ là tranh luận mà một người phải bỏ ra đi. Chỉ là lời lẽ mà một người phải bỏ ra đi. Không có xúc phạm, không có khiêu khích, không có gây tổn thương. Chỉ là người đi thấy rằng mình phải tự trừng phạt, phải tự lấy làm hổ thẹn mà ra đi.

Sáng hôm sau tôi rời chùa. Trùng hợp, nhà sư nọ cũng tay nải ra đi. Ông mặc lại chiếc áo cà sa màu nâu đỏ đã giặt sạch. Chúng tôi đi bộ một đoạn đường xuống núi. Từ đây mới bắt xe khách đi tiếp. Ông kể rằng hôm qua lúc nằm trốn trong một ngách chùa, ông biết có hai nhà sư giới luật đã tìm kiếm xung quanh cái ngách ấy. Họ đi qua và đều tay quay chuông. Viiiiiiiiii. Vuuuuuuuuu. Tiếng chuông đã va phải người ông. Khực một cái. Ông nằm trốn vẫn nghe thấy. Vị sư thứ hai ở cách đó một quãng cũng nghe thấy. Vị sư quay chuông đi ra lầm bầm với người kia, xin pháp hữu thứ lỗi, ta phân tâm, làm lỡ một nhịp chuông. Vị sư thứ hai không nói gì, bước vào thay, lại đều tay quay chuông. Viiiiiiiiii. Vuuuuuuuuu. Tiếng chuông này cũng va phải người đang trốn. Khực một cái. Ông ta lại quay ra, nói như xin lỗi, ta cũng phân tâm, ta cũng lỡ một nhịp chuông.

Người nằm trốn thì biết. Không có chuyện lỡ nhịp gì ở đây cả. Hai vị sư kia đã tìm ra. Nhiệm vụ của đội giới luật là phải đi tìm. Có người bỏ trốn thì phải có người đi tìm. Tìm bằng được. Nhưng ngay cả khi tìm được thì tìm được cũng không có nghĩa là bắt.

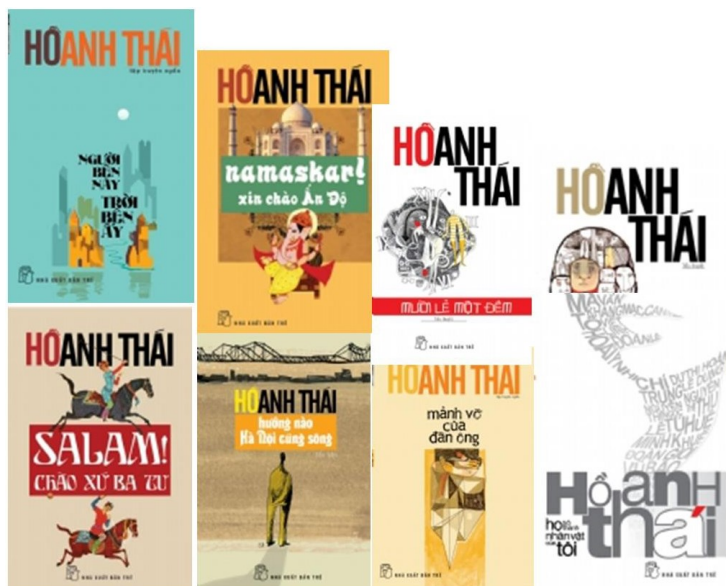


## VĂN HỌC VIỆT NAM CẬN VÀ HIỆN ĐẠI IV

Con đường xuống núi thênh thang. Dãy Himalaya những đỉnh núi tuyết vĩnh cửu tung bùng trong nắng vàng mật ong. Chuyện trò nhiều nên đường ngắn lại. Nhà sư lại nhắc tôi khi mới tập quay vòng tròn phải luôn nhớ xác định một điểm mốc. Không thì sẽ ngã. Hôm qua tôi đã phải lấy mốc là con số một trên tháp chùa mà tôi tưởng là mũi Phật. Con số một. Nhưng nhà sư bảo nhiều người đã tập cho đến khi không còn nhìn thấy một nữa. Không cần mốc nữa. Họ đã quay quanh thân, khi ấy họ lấy thân mình làm trụ, mắt vẫn mở mà không cần tìm về điểm mốc. Không nhìn con số một nữa. Không còn cái duy nhất nữa. Chỉ còn không.

Tôi định hỏi nhà sư bỏ đi rồi thì sẽ đi đâu. Rồi tôi không hỏi, câu trả lời sẽ không có gì lạ. Phật tử dù có đi bất cứ nơi đâu thì dưới gầm trời này cũng không có chỗ nào ở bên ngoài cửa Phật.

Đến bến xe ở chân núi, chúng tôi chia tay.



## HUỶNH ÁI TÔNG

Trên Bách khoa toàn thư mở Wikipedia, có nhận định về nhà văn Hồ Anh Thái như sau:

*Tác phẩm của Hồ Anh Thái thường mang tính triết luận, bao quát số phận của người Việt và đất nước thời hiện đại. Ông là nhà văn có phát kiến về ngôn ngữ, tạo cho tiếng Việt thêm màu sắc, đa nghĩa và khả năng biểu đạt phong phú hơn. Những tác phẩm tiêu biểu của ông vì vậy cũng khó chuyển dịch sang ngôn ngữ khác. Sách của ông thường được phát hành với số lượng lớn và đã được dịch ra hơn 10 ngôn ngữ, trong đó có tiếng Anh, tiếng Pháp, tiếng Thụy Điển...*

Tài liệu tham khảo:

- Hồ Anh Thái Web: [vi.wikipedia.org](http://vi.wikipedia.org)
- Tìm Web: [nhavantphcm.com.vn](http://nhavantphcm.com.vn)

**Hiền PHẬT HỌC**  
**2014**

Lex5914  
Lou200614